

CHARLES DE GAULLE

Mémoires de guerre

HỒI KÝ CHIẾN TRANH

Tập 1: Tổ quốc gọi tên
1940 – 1942



alphabooks®
knowledge is power



NHÀ XUẤT
BẢN
THẾ GIỚI

CHARLES DE GAULLE

HỒI KÝ CHIẾN TRANH

Tác giả: **Charles de Gaulle**

Thể loại: **Chính trị - Pháp luật**

Phát hành: **Alphabooks**

Nhà xuất bản: **Thế Giới**

Đóng gói ebook: **nguyenthao-cuibap**

Nguồn text: **Waka - 31/03/2016**

LỜI GIỚI THIỆU

Charles de Gaulle là một vị tướng kiêm chính trị gia người Pháp; ông là người lãnh đạo phong trào Nước Pháp Tự Do trong Thế chiến II và là nhà kiến trúc đại tài, người đã xây dựng nên Đế quốc Cộng hòa. Tư tưởng chính trị của ông – được gọi là “Gaullism”(chủ nghĩa De Gaulle) – đã và vẫn có những ảnh hưởng to lớn lên chính trường Pháp.

Charles de Gaulle sinh ngày 22 tháng Mười một năm 1890 tại Lille và lớn lên tại Paris, nơi cha ông làm giáo sư sử học. Tuy nhiên, de Gaulle không nối nghiệp cha mà lựa chọn binh nghiệp. Ông đã chiến đấu can trường trong Thế chiến I.

Trong thập kỷ 1930, de Gaulle viết sách và báo về các chủ đề quân sự, qua đó ông phê phán việc nước Pháp quá phụ thuộc vào Phòng tuyến Maginot để phòng thủ trước quân Đức và kêu gọi thành lập các quân đoàn thiết giáp cơ giới hóa. Nhưng những lời kêu gọi của ông đều rơi vào chân không. Tháng Sáu năm 1940, các lực lượng Đức Quốc xã đã đánh bại Pháp một cách dễ dàng. Không cam chịu chấp nhận thỏa thuận đình chiến của chính phủ với Đức, de Gaulle chạy sang London. Tại đây, ông đọc lời kêu gọi nhân dân Pháp đứng lên đánh đuổi quân xâm lược và tuyên bố thành lập chính phủ Pháp lưu vong. Ông trở thành người lãnh đạo phong trào Nước Pháp Tự Do.

Sau khi Paris được tự do vào tháng Tám năm 1944, de Gaulle trở về và được chào đón như một vị anh hùng dân tộc. Trong những năm tháng tiếp theo, ông là trụ cột trong công cuộc khôi phục vị thế nước Pháp trên trường quốc tế cả về mặt kinh tế và quân sự.

Bộ ba cuốn Hồi ký chiến tranh là những tâm sự chân thành của Tướng Charles de Gaulle về con đường ông đã trải qua để vực dậy nước Pháp. Qua ngòi bút bậc thầy, hiện thân của nền văn học hiện đại Pháp, chúng ta cảm

nhận được lòng yêu nước sắt son của de Gaulle, sự đơn độc mà ông đã trải qua khi những dự đoán, phân tích và đề xuất thống thiết của ông với nhà nước đều bị chối bỏ, nỗi gian truân và cả sự thất vọng trong những ngày tháng tha hương. Với những ảnh hưởng lớn về tư tưởng mà ông đã để lại trên chính trường nước Pháp cho đến ngày nay, cuốn sách này là một kho tư liệu quý nhằm diễn giải những lý do đằng sau những hành động của vị tướng đồng thời cũng là một vị chính khách tài ba này.

Không giống với những nhân vật của công chúng khác, de Gaulle tự tay viết nên cuốn hồi ký này. Và lối viết tao nhã đầy tính văn chương của một vị tướng từng vào sinh ra tử đã lập tức khiến Hồi ký chiến tranh được công nhận là cuốn sách kinh điển trong nền văn học hiện đại Pháp; không những thế, cuốn sách còn được đề cử giải thưởng Nobel Văn học năm 1963.

Alpha Books trân trọng giới thiệu!

CHƯƠNG 1

CÁI DỐC

Trọn đời tôi, tôi luôn nghĩ về nước Pháp với một niềm định ninh được vun bồi bằng cả tình cảm lẫn lý trí. Một cách tự nhiên, con người tình cảm trong tôi hình dung rằng nước Pháp, giống như nàng công chúa trong những câu chuyện cổ tích hay Đức Mẹ trên những bức bích họa, đã được định sẵn một số phận cao quý và phi thường. Bằng trực giác, tôi có cảm tưởng rằng Đấng Sáng Thế đã tạo nên Người cho những thành công tuyệt đích hoặc những nghịch cảnh tận cùng. Nếu trong hành động của Người có dấu vết của sự tầm thường thì với tôi, đó là một ngoại lệ kỳ quặc do lỗi của người Pháp gây nên chứ không nằm ở linh hồn Tổ quốc. Nhưng con người lý trí trong tôi cũng lại cho tôi thấy rằng nước Pháp chỉ thật sự là chính mình khi ở hàng đầu; rằng chỉ có những sự nghiệp lớn lao mới có thể bù đắp cho những mầm mống chia rẽ nơi bản thân dân tộc; rằng đất nước tôi, như Người vẫn thế, ở giữa những quốc gia khác, như họ vẫn vậy, trước những hiểm nguy chết người vẫn phải hiên ngang đứng thẳng và vươn cao. Tóm lại theo tôi, nước Pháp không thể là nước Pháp thiếu sự vĩ đại.

Niềm tin này đã theo tôi lớn lên trong môi trường tôi ra đời. Cha tôi, con người của tư duy, của văn hóa, của truyền thống, đã thấm nhuần ý thức về phẩm cách của nước Pháp. Ông đã mở ra cho tôi lịch sử của tổ quốc. Mẹ tôi dành cho tổ quốc một niềm đam mê không gì lay chuyển nổi, sánh ngang với lòng sùng đạo. Đối với ba anh em trai của tôi, chị gái tôi, và bản thân tôi, lòng tự hào rộn ràng đối với tổ quốc tồn tại như một bản năng thứ hai vậy. Là chú bé gốc tỉnh Lille sống tại Paris, không gì gây ấn tượng cho tôi bằng những biểu tượng vinh quang của dân tộc chúng tôi: đêm xuống

trên nhà thờ Đức Bà, vẻ huy hoàng của buổi chiều Versailles, Khải Hoàn Môn dưới ánh mặt trời, những lá cờ thuộc địa run rẩy trên vòm điện Invalides. Không gì khiến tôi xúc động hơn những bằng chứng về thành công của dân tộc chúng tôi: sự nhiệt tình của dân chúng lúc sa hoàng nước Nga đi qua, cuộc duyệt binh ở Trường đua Longchamp, những kỳ quan trong cuộc Triển lãm Quốc tế, những chuyến bay đầu tiên của các phi công của chúng tôi. Không gì khiến tôi buồn sâu sắc hơn những yếu đuối và sai lầm của dân tộc mà tuổi thơ tôi cảm nhận được qua những khuôn mặt và những câu chuyện của người lớn: sự kiện Fashoda ^[1], sự kiện Dreyfus ^[2], những xung đột xã hội, những bất đồng về tôn giáo. Không gì làm tôi xúc động bằng câu chuyện về những nỗi bất hạnh của chúng tôi trong quá khứ: cha tôi kể về cuộc phá vây vô vọng ở Le Bourget và Stains ^[3], nơi ông bị thương; mẹ tôi nhớ về nỗi thất vọng của bà khi còn là một đứa trẻ đứng nhìn cha mẹ ghen ngào: “Bazaine đã đầu hàng rồi ^[4]!”

Thời niên thiếu, điều khiến tôi quan tâm hơn cả là những gì xảy đến với nước Pháp, dù đó là đề tài lịch sử hoặc những được thua trên chính trường. Vì thế, tôi say mê theo dõi, nhưng với óc phán xét nghiêm khắc, vở kịch đang được trình diễn không ngừng nghỉ trên sân khấu chính trị; tôi mê mẩn trước sự thông minh, bầu nhiệt huyết và tài hùng biện mà nhiều diễn viên đã không tiếc công phô diễn, và não lòng khi thấy bao thiên tư bị phung phí trong sự hỗn loạn chính trị và sự chia rẽ của dân tộc, nhất là vào giai đoạn đầu thế kỷ khi những dấu hiệu báo trước chiến tranh xuất hiện. Thú thực, trong những năm đầu của tuổi tráng niên, tôi đã mừng tượng không chút sợ hãi, thậm chí còn lý tưởng hóa, cuộc phiêu lưu còn chưa được biết đến này. Tóm lại, tôi tin rằng nước Pháp phải trải qua những thử thách to lớn, rằng cái thú vị của cuộc sống là có ngày được phụng sự tổ quốc, và rằng tôi sẽ có cơ hội được làm điều đó.

Khi tôi nhập ngũ, quân đội là một trong những điều vĩ đại nhất trên thế giới này. Mặc cho những lời chỉ trích và lăng nhục trút lên đầu, họ vẫn cảm thấy, với sự thanh thản và thậm chí cả niềm hy vọng ngấm ngấm, rằng rồi sẽ tới những ngày mà tất cả đều trông cậy vào họ. Sau khi tốt nghiệp trường

Saint-Cyr [5], tôi làm sĩ quan tập sự tại Trung đoàn Bộ binh 33 ở Arras [6]. Pétain, vị Đại tá đầu tiên của tôi, đã chứng minh cho tôi thấy thiên tư và nghệ thuật chỉ huy có giá trị như thế nào. Rồi sau đó, trong lúc bão táp cuốn tôi đi như cuốn một cọng rơm qua những cơn chấn động của chiến tranh – cuộc thử lửa đầu tiên của tôi, cảnh kham khổ trong các chiến hào, những cuộc tấn công, những trận oanh tạc, thương tích và tù đầy – tôi có thể thấy nước Pháp, tuy bị tước đi một phần phương tiện cần thiết để phòng vệ do tỉ lệ sinh thấp, do những ý thức hệ rỗng tuếch và sự chệnh mảng của chính quyền, vẫn kiên cường bước tới, lấy lòng hi sinh không biên giới để bù đắp cho những thiếu hụt của dân tộc, và đưa thử thách tới một kết thúc thắng lợi. Tôi có thể thấy, trong những ngày tháng nguy kịch nhất, đất nước tôi củng cố lại tinh thần, ban đầu là dưới sự che chở của Joffre [7], và kết thúc với sự khích lệ của “Con hổ [8]”. Tôi có thể thấy, sau đó tổ quốc tôi, dầu kiệt quệ vì mất mát và đổ nát, dầu cơ cấu xã hội và sự thăng bằng về tinh thần bị đảo lộn, vẫn khập khiễng lê bước về phía định mệnh của mình; trong khi đó thì chế độ, sau khi một lần nữa lấy lại hình hài cũ và chối bỏ Clemenceau, đã quay lưng lại với sự vĩ đại để quay về với sự hỗn loạn.

Trong những năm tiếp theo, sự nghiệp của tôi trải qua nhiều giai đoạn khác nhau: nhận lãnh một nhiệm vụ đặc biệt và tham gia một chiến dịch tại Ba Lan, giảng dạy môn lịch sử tại trường Saint-Cyr, làm việc tại văn phòng Thống chế, Chỉ huy Tiểu đoàn Kỵ binh 19 tại Trèves, và tham gia vào Bộ Tham mưu ở vùng sông Rhine và Levant. Đến đâu tôi cũng cảm nhận được một uy thế mới mà những thành công gần đây đã mang về cho nước Pháp, nhưng bên cạnh đó còn có cả những hoài nghi về tương lai do cách hành xử thiếu nhất quán của các nhà lãnh đạo khơi dậy. Rốt lại, tôi vẫn thấy binh nghiệp mang lại cho tinh thần và trái tim mình sự hứng thú mạnh mẽ. Quân đội, tuy lúc này vẫn đều đều một guồng quay vô sự, song tôi đã nhìn thấy trong đó cái phương tiện để thực hiện những hành động lớn lao sắp tới.

Rõ ràng là kết quả của cuộc Thế chiến I vẫn chưa thiết lập được hòa bình. Đức đang quay trở lại với những tham vọng của mình với tốc độ tỉ lệ thuận với tốc độ khôi phục sức mạnh. Trong khi Nga bận đóng cửa làm

cách mạng, trong khi Mỹ vẫn giữ khoảng cách với châu Âu, trong khi Anh lại đối xử mềm mỏng với Berlin để có lúc Paris cần tới Anh; trong khi các nhà nước mới thành lập vẫn còn yếu và phân tán – thì cái trọng trách kiềm chế đế quốc Đức đặt nặng lên đôi vai của một mình nước Pháp. Thật ra Pháp đã cố gắng, nhưng không liên tục. Vì thế mà chính sách của Pháp ban đầu là kiềm chế Đức dưới sự chỉ đạo của Poincarés [9], sau đó lại tìm cách hòa giải theo khởi xướng của Briand [10], và cuối cùng là tìm chỗ trú thân trong Hội Quốc Liên. Nhưng mối đe dọa từ nước Đức mỗi lúc một lớn hơn. Hitler đang tiến gần đến quyền lực.

Vào thời kỳ đó, tôi được bổ nhiệm làm Tổng Thư ký Bộ Quốc phòng, cơ quan thường trực dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng có nhiệm vụ chuẩn bị cho quốc gia và dân tộc bước vào cuộc chiến. Từ năm 1932 tới năm 1937, dưới sự quản lý của 14 chính phủ, tôi đã tham gia, ở góc độ hoạch định nghiên cứu, vào mọi hoạt động chính trị, kỹ thuật và hành chính liên quan tới việc phòng thủ đất nước. Cụ thể, tôi phải làm quen với các kế hoạch về an ninh và hạn chế vũ trang mà André Tardieu [11] và Paul-Boncour [12] đã trình bày tại Genève; cung cấp cho nội các của Doumergue [13] những thông tin cần thiết để họ ra quyết định lựa chọn đường lối khác sau khi Quốc trưởng [14] lên nắm quyền; miệt mài dệt tấm vải nàng Penelope [15] – một dự thảo luật tổ chức đất nước trong thời chiến; và nghiên cứu các biện pháp liên quan đến việc tổng động viên các cơ quan dân chính, các lĩnh vực ngành nghề, các cơ quan dịch vụ công. Những công việc mà tôi phải làm, những hội thảo mà tôi có mặt, những cuộc tiếp xúc mà tôi phải thực hiện – tất cả đã cho tôi thấy nguồn lực vô bờ của tổ quốc, nhưng tôi cũng thấy cả sự yếu kém của nhà nước.

Bởi lẽ, chính quyền tràn ngập những mâu thuẫn. Dĩ nhiên, không phải vì những con người trong chính quyền đó thiếu trí tuệ hay không có lòng yêu nước. Trái lại, tôi đã thấy những con người có tài, đôi khi là những tài năng lớn, đứng đầu các bộ. Nhưng trò chơi của chế độ đã hủy hoại họ và khiến họ trở nên tê liệt. Là một chứng nhân thâm lặng nhưng nhiệt tình trước sân khấu chính trị, tôi thấy có một kịch bản được lặp đi lặp lại liên

tục. Hầu như thủ tướng nào sau khi nhậm chức cũng lập tức bị bủa vây trong vô số những yêu sách, chỉ trích, và những chèo kéo lấy lòng, khiến ông ta phải dốc sức mà né tránh chứ không kịp trấn áp chúng. Quốc hội chẳng những không ủng hộ mà còn đặt ra những ổ phục kích và bỏ rơi ông ta. Các bộ trưởng của ông lại kinh địch với ông. Dư luận, báo chí, các nhóm lợi ích đều xem ông ta là mục tiêu của tất cả những lời kêu ca, phàn nàn. Và chẳng mọi người – mà trước tiên là ông ta – đều biết rằng ông ta chỉ tại vị trong một thời gian ngắn; mà thực ra, sau vài tháng ông ta lại phải nhường chỗ cho người khác rồi. Về mặt quốc phòng, những điều kiện như vậy gây cản trở khiến những người có trách nhiệm không thực hiện được một chỉnh thể hữu cơ bao gồm những kế hoạch, những quyết định chín chắn và những biện pháp được tiến hành tới nơi tới chốn, tức là cái mà chúng ta vẫn gọi là chính sách.

Vì những lý do này mà quân đội, vốn không nhận được gì từ nhà nước ngoài những thúc giục dồn dập và đầy mâu thuẫn, tiếp tục quy thuận theo giáo điều. Họ trở nên mắc kẹt trong những tư tưởng từng rất sống động trước khi kết thúc cuộc Thế chiến vừa qua. Và họ càng xuống dốc hơn nữa vì những người chỉ huy đang ngày một già cỗi trên chiếc ghế lãnh đạo, cố bám giữ lấy những sai lầm ngày nào đã mang lại vinh quang cho họ.

Do đó, xây dựng mặt trận cố định và liên tục là tư tưởng chủ đạo trong chiến lược hành động tương lai. Việc tổ chức, lập chính sách, huấn luyện và vũ trang đều trực tiếp bắt nguồn từ đó. Điều đó được hiểu là, trong trường hợp chiến tranh, nước Pháp sẽ huy động được số quân dự bị đông đảo và thành lập càng nhiều sư đoàn càng tốt; những sư đoàn này được dựng lên không phải để điều động, tấn công và khai thác, mà để trấn giữ các khu vực. Họ sẽ được bố trí dọc theo biên giới Pháp và Bỉ – khi ấy Bỉ đang công khai là đồng minh của chúng tôi – và sẽ ở đó đợi địch quân tấn công.

Còn về phương tiện: xe tăng, máy bay, đại bác cơ động và đại bác xoay nòng – những loại vũ khí đã chứng tỏ được khả năng tạo bất ngờ và khả năng đột phá trong những trận đánh cuối cùng của cuộc Thế chiến I, mà sức mạnh của chúng cũng không ngừng được tăng cường kể từ đó – sẽ chỉ dùng để củng cố phòng tuyến và, nếu cần, tái lập phòng tuyến bằng các

cuộc phản công tại chỗ. Các loại vũ khí được xây dựng cố định như sau: xe tăng di chuyển chậm thì được trang bị các loại vũ khí nhẹ và ngắn, dùng để hộ tống bộ binh chứ không tham gia vào các hoạt động nhanh, độc lập; máy bay tiêm kích được dùng để bảo vệ các vùng trời, nhưng Không quân chỉ có thể cử một số ít máy bay ném bom đi kèm chúng, và không có chiếc máy bay ném bom bổ nhào nào; các loại pháo thì chỉ được thiết kế để bắn từ một vị trí cố định với một trường hoạt động nằm ngang chật hẹp chứ không thể xuyên qua mọi địa thế và bắn ở mọi góc độ. Hơn nữa, trước đó mặt trận đã được định hình bằng những công trình của Phòng tuyến Maginot ^[16] và nối dài bằng những công sự của Bỉ. Như vậy, cả nước sẽ vũ trang để giữ một rào chắn, và đằng sau cái rào chắn ấy họ sẽ đợi – họ nghĩ vậy đấy – cho đến khi cuộc phong tỏa làm kiệt sức kẻ thù cũng như áp lực của thế giới tự do khiến chúng sụp đổ.

Quan điểm như vậy về chiến tranh phù hợp với tinh thần của chế độ. Bị dồn vào chỗ đình đốn bởi sự yếu kém của chính quyền và những chia rẽ về chính trị, chế độ chỉ còn nước bám chặt vào một hệ thống chết cứng như vậy. Ấy thế nhưng liều thuốc trấn an này lại đáp ứng quá tốt tâm lý chung của cả nước nên những ai muốn thắng cử, muốn được tán dương hay được lên báo đều không thể không chấp thuận. Dư luận không quan tâm tới những cuộc tấn công mà chìm đắm vào cái ảo tưởng rằng lên án chiến tranh sẽ ngăn chặn những kẻ hiếu chiến khỏi gây chiến, họ nhớ đến những cuộc tấn công thảm họa mà không nhận ra cuộc cách mạng trong sức mạnh quân sự được sinh ra chính từ động cơ đốt trong đó. Tóm lại, tất cả đều hợp lại để biến sự thụ động trở thành nguyên tắc cho công cuộc quốc phòng của chúng tôi.

Đối với tôi, đây là xu hướng hết sức nguy hiểm. Từ quan điểm chiến lược, tôi cho rằng, nó trao cho kẻ thù quyền chủ động hoàn toàn. Từ quan điểm chính trị, tôi tin rằng việc công bố ý định duy trì quân đội Pháp ở vùng biên giới sẽ khuyến khích Đức hành động chống lại các nước yếu, vốn bị cô lập từ thời điểm đó như vùng Sarre, các nước thuộc vùng sông Rhin, Áo, Tiệp Khắc, các nước vùng biển Baltique, Ba Lan, v.v...; Nga sẽ

không muốn thiết lập quan hệ với chúng tôi nữa; và Ý sẽ định ninh rằng dù họ có làm gì đi chăng nữa thì chúng tôi cũng sẽ không áp đặt bất kỳ giới hạn nào đối với dã tâm của họ. Cuối cùng, từ quan điểm đạo đức, tôi thấy thật tệ hại khi khiến đất nước này tin rằng nếu chiến tranh xảy đến thì điều cốt yếu là làm sao để chiến đấu càng ít càng tốt.

Thú thực, từ lâu tôi vẫn quan tâm tới triết lý hành động, động lực và việc sử dụng quân đội của nhà nước cũng như mối quan hệ giữa chính phủ và Bộ Chỉ huy. Thực ra, tôi cũng đã trình bày quan điểm của mình về những vấn đề này qua các cuốn sách Sự chia rẽ của kẻ thù, Lưỡi gươm cùng một số bài viết trên tạp chí. Tôi đã nhiều lần diễn thuyết trước quần chúng, chẳng hạn tại Trường Đại học Sorbonne, về việc chỉ đạo chiến tranh. Nhưng vào tháng Giêng năm 1933, Hitler trở thành kẻ thống trị đế quốc Đức. Kể từ thời điểm đó, mọi việc diễn biến dồn dập. Nếu không có người nào khởi xướng điều gì để đối phó với tình thế này, tôi cảm thấy mình có nghĩa vụ phải đứng lên kêu gọi công luận và đưa ra kế hoạch riêng của mình. Song vì việc làm này có thể có những hệ quả không hay nên tôi đành trông chờ tới ngày ánh đèn trên sân khấu chính trị chiếu vào tôi. Thực khó khăn để đi đến quyết định này sau 25 năm sống trong kỷ luật của quân đội.

Qua cuốn sách nhan đề Hướng tới quân đội chuyên nghiệp, tôi đưa ra kế hoạch và các ý tưởng của mình. Tôi đề xuất cấp tốc xây dựng một đạo quân cơ động và tấn công, được cơ giới hóa và trang bị thiết giáp; với thành phần là những người được tuyển chọn kỹ lưỡng, đạo quân này sẽ bổ sung cho các đơn vị quy mô lớn lấy từ nguồn quân động viên. Năm 1933, tôi bắt đầu bằng việc viết một bài báo đăng trên tờ Tạp chí chính trị và nghị viện. Vào mùa xuân năm 1934, tôi cho ra mắt cuốn sách trên, trong đó tôi trình bày lý do cũng như quan niệm của mình về việc xây dựng đạo quân này.

Tại sao? Trước tiên, bàn về cách bố trí phòng vệ của Pháp, tôi chỉ ra rằng các yếu tố về địa lý (vốn tạo điều kiện cho kẻ thù xâm lược vào lãnh thổ qua hướng bắc và hướng đông bắc), về bản tính dân tộc Đức (vốn thiên về những tham vọng to lớn, luôn thôi thúc họ hướng về phía tây với đích đến là Paris qua nước Bỉ), và về đặc tính của dân tộc Pháp (vốn luôn khiến

chính mình ở vào thế bất ngờ trong giai đoạn đầu của mọi cuộc xung đột) đã đặt ra cho chúng tôi cái yêu cầu phải đặt một phần lực lượng của mình trong tình trạng luôn cảnh giác, sẵn sàng triển khai toàn lực bất cứ lúc nào. Tôi viết: “Chúng ta không thể lấy lối phòng ngự hấp tấp của những đội hình không chắc chắn để đối phó với cuộc đụng độ đầu tiên. Đã tới lúc phải bổ sung cho khối quân dự bị và tân binh, vốn là nhân tố chính của cuộc kháng chiến dân tộc nhưng lại chậm chạp khi tập hợp và nặng nề khi khởi động, một đạo quân cơ động có khả năng hành động tức thì – tức là đạo quân thường trực, cơ hữu, và sử dụng vũ khí thành thạo.”

Tiếp theo tôi lập luận từ góc độ kỹ thuật. Vì máy móc đã chế ngự trật tự quân sự cũng như mọi lĩnh vực khác, nên tổ chức của những con người vận hành máy móc sử dụng trong chiến tranh đã trở thành một nhân tố thiết yếu làm nên hiệu quả của thiết bị. Điều này đúng biết bao, bởi các vũ khí mới được sinh ra từ sức mạnh của kỹ thuật – xe tăng, máy bay, tàu chiến – đang được hoàn thiện với tốc độ nhanh chóng, nâng khả năng cơ động lên một tầm cao mới. Tôi viết: “Từ thời điểm này trở đi, có một thực tế là trên đất liền, trên biển và trên không, một đội ngũ nhân sự được chọn lọc kỹ càng, biết khai thác triệt để các loại vũ khí khí tài cực mạnh và phong phú, sẽ có lợi thế khủng khiếp trước những đám quân hỗn loạn.” Tôi cũng trích dẫn lời của Paul Valéry ^[17]: “Chúng ta sẽ thấy sự ra đời của những nhiệm vụ táo bạo do những con người được tuyển chọn thực hiện; họ hành động theo đội và tại một thời điểm và địa điểm bất ngờ, chỉ trong vài khoảnh khắc họ sẽ lập nên những chiến công long trời lở đất.”

Về những điều kiện do chính trị áp đặt lên chiến lược, tôi nhận thấy không thể bó hẹp chiến lược trong việc phòng thủ lãnh thổ bởi chính trị phải vươn tầm hoạt động ra ngoài đường biên giới. “Dù muốn dù không, chúng ta vẫn là một phần trong một trật tự đã được thiết lập mà tất cả các nhân tố trong trật tự ấy đều có mối tương quan với nhau... Chẳng hạn, những gì xảy ra ở Trung và Đông Âu, Bì, hay vùng Sarre đều tác động đến chúng ta... Chúng ta đã phải trả giá bằng bao nhiêu máu và nước mắt cho sai lầm của Đệ nhị Đế chế khi để cho trận Sadowa xảy ra mà không đưa

quân tới sông Rhin rồi?... Do đó, chúng ta phải sẵn sàng hành động ở bên ngoài lãnh thổ bất cứ lúc nào, trong mọi trường hợp. Làm sao có thể làm điều đó trên thực tế nếu như với bất luận việc gì, chúng ta đều phải huy động quân dự bị ?...” Và chẳng trong cuộc cạnh tranh sức mạnh quân sự mới lại một lần nữa bùng lên giữa Đức và Pháp, chúng ta chắc chắn bị bỏ xa về mặt quân số. Mặt khác, “với sẵn óc sáng kiến, khả năng thích nghi và lòng tự hào, chúng ta hoàn toàn có khả năng giành được thế thượng phong về mặt phẩm chất .” Tôi kết luận phần nói về lý do tại sao phải thành lập đội quân này như sau: “Một vũ khí để thực hiện các hành động phòng vệ và trấn áp – đó là cái mà chúng ta phải tự trang bị cho mình.”

Bằng cách nào đây? Cốt lõi của câu trả lời nằm ở cái cỗ máy ấy – “cái cỗ máy sẵn sàng thực hiện bất kỳ điều gì chúng ta muốn, ở bất kỳ nơi nào chúng ta cần, với mọi tốc độ và khoảng cách; cái cỗ máy mà khi được thiết giáp hóa sẽ sở hữu một hỏa lực và khả năng tạo bất ngờ lớn đến nỗi nhịp điệu của trận đánh phải thay đổi theo mỗi chuyển động của nó.” Phát xuất từ đó, tôi ấn định mục tiêu cần đạt được: “Sáu sư đoàn phòng tuyến và một sư đoàn khinh binh, được cơ giới hóa toàn phần và thiết giáp hóa một phần. Đây sẽ là một đạo quân có thể tạo nên biến cố.”

Tôi cũng trình bày rõ ràng cách thức xây dựng đội quân này như thế nào. Mỗi sư đoàn phòng tuyến sẽ bao gồm: một lữ đoàn thiết giáp gồm hai trung đoàn xe tăng hạng nặng và hạng trung, một tiểu đoàn xe tăng hạng nhẹ; một lữ đoàn bộ binh gồm hai trung đoàn và một tiểu đoàn kỵ binh được vận chuyển bằng xe xích; một lữ đoàn pháo binh được trang bị pháo bắn ở mọi góc độ gồm hai trung đoàn pháo tầm gần và pháo tầm xa, và được bổ sung bằng một lực lượng phòng không. Để yểm trợ ba lữ đoàn này, sư đoàn sẽ có thêm: một trung đoàn trinh sát, một tiểu đoàn công binh, một tiểu đoàn thông tin liên lạc, một tiểu đoàn nguy trang, và các đơn vị khác. Sư đoàn khinh binh sẽ được trang bị máy móc có vận tốc nhanh hơn để phục vụ các mục đích trinh sát và phòng ngừa hoạt động bất ngờ của địch quân. Ngoài ra, bản thân đạo quân này còn có nguồn dự trữ chung bao gồm: xe tăng và trọng pháo, công binh, thiết bị thông tin liên lạc, vật dụng nguy trang. Cuối cùng là một trung đoàn không quân chia làm sáu nhóm đi

kèm với sáu sư đoàn, mỗi nhóm bao gồm máy bay trinh sát, máy bay tiêm kích, và máy bay chiến đấu; việc triển khai này sẽ không làm ảnh hưởng đến các hoạt động kết hợp giữa không quân cơ giới hóa và lực quân cơ giới.

Nhưng để đội quân xung kích này có thể khai thác triệt để các vũ khí khí tài phức tạp và đắt tiền mà họ được trang bị, để họ có thể hành động bất ngờ trên mọi chiến trường mà không phải đợi viện binh, hay có thể thực thi nhiệm vụ ngay mà không cần trải qua quá trình rèn luyện, thì đó phải là những binh lính chuyên nghiệp. Tổng số lính chiến đấu sẽ là một trăm ngàn người. Do đó, đội quân này phải được tuyển từ quân đội chính quy. Trong sáu năm phục vụ trong các quân đoàn ưu tú này, họ sẽ được tôi luyện bằng kỹ thuật, sự thi đua và tinh thần đồng đội. Sau đó, họ sẽ trở thành lực lượng cán bộ nòng cốt và là một nguồn quân dự bị.

Sau phần này, tôi chuyển sang miêu tả cách sử dụng đội quân chiến lược này để bẻ gãy những hàng rào kháng cự kiên cố. Họ có thể đột chiếm các vị trí địch chỉ trong một đêm do tất cả các đơn vị đều được cơ giới hóa, có khả năng di chuyển trên mọi địa hình và sử dụng các kỹ thuật ngụy trang chủ động và thụ động. Khi tấn công sẽ huy động ba nghìn xe tăng, bố trí theo các đội hình bậc thang trên một mặt trận trung bình dài năm mươi cây số. Đội ngũ xe tăng này sẽ được pháo binh cơ động theo sát yểm trợ, sau đó hợp nhất cùng bộ binh ở các vị trí mục tiêu (bộ binh được di chuyển cùng với các phương tiện vũ khí và phương tiện tổ chức địa hình). Cả ba lực lượng này được gom lại thành hai hoặc ba quân đoàn dưới sự điều động và hỗ trợ của không quân thuộc biên chế sư đoàn và quân đội. Tốc độ tiến công trung bình trong một ngày chiến đấu của toàn bộ hệ thống này là khoảng năm mươi cây số. Sau đó, và nếu đối phương vẫn ngoan cố chống cự, đội quân này sẽ tái tổ chức để khoét rộng lỗ thủng bên sườn, hoặc để tiếp tục nỗ lực tiến công, hoặc để giữ vững vùng đất đã chiếm được.

Nhưng một khi đã chọc thủng được bức tường phòng thủ thì các cơ hội lớn hơn có thể bất ngờ mở ra. Lúc đó, đội quân cơ giới này sẽ triển khai đội hình theo thể cánh quạt để khai thác lợi thế. Về vấn đề này, tôi viết: “Thường thì sau khi giành được thắng lợi, chúng ta chỉ lao vào thu thập thành quả và đổ dồn vào những nơi có chiến lợi phẩm. Nhưng giờ đây

chúng ta sẽ thấy khả năng khai thác lợi thế, điều trước đây mới chỉ là một giấc mơ, đã trở thành hiện thực... Và như thế, con đường dẫn tới những thắng lợi to lớn sẽ mở ra, những thắng lợi có tầm ảnh hưởng sâu và lan rộng nhanh chóng đến nỗi khiến kẻ thù sụp đổ hoàn toàn, như một cây cột gãy kéo đổ cả tòa thánh đường... Chúng ta sẽ thấy những cánh quân nhanh nhẹn di chuyển phía sau quân địch, tấn công vào những yếu điểm của chúng, làm hàng ngũ chúng xáo trộn... Như vậy chúng ta sẽ khôi phục được việc mở rộng mang tính chiến lược đối với những thành quả chiến thuật vốn vẫn được coi là mục tiêu cuối cùng và ở một khía cạnh nào đó là sự cao quý của nghệ thuật chiến tranh...” Nhưng khi sự lo lắng và bộ máy phòng thủ bị phá hoại tới một ngưỡng nào đó thì nhân dân và chính quyền địch sẽ tự sụp đổ.

Sự sụp đổ này càng diễn ra nhanh và ác liệt hơn vì “khả năng tạo bất ngờ và đột phá này kết hợp hoàn hảo với những đặc tính của không quân – những đặc tính mà từ giờ trở đi sẽ đóng vai trò thiết yếu.” Tôi miêu tả hình ảnh không quân chuẩn bị và tiếp sức cho các hoạt động trên mặt đất của đội quân cơ giới bằng những đợt oanh tạc; và ngược lại, đội quân mặt đất sẽ tạo ra được lợi thế chiến lược tức thời bằng cách xông vào các khu vực vừa bị không quân tàn phá.

Sự phát triển sâu rộng của nghệ thuật quân sự đặt ra yêu cầu phát triển tương tự đối với năng lực chỉ huy. Tôi nêu ra thực tế rằng kể từ lúc này, liên lạc vô tuyến sẽ là phương tiện kết nối các đơn vị của quân đội tương lai, và ở phần cuối của cuốn sách, tôi chỉ ra những phương pháp mà Bộ Chỉ huy phải áp dụng để có thể điều khiển được cái công cụ mới này. Những người chỉ huy sẽ không còn ngồi trong những căn cứ được che chắn an toàn mà chỉ đạo qua những mệnh lệnh nặc danh cho những “cỗ máy người” ở tiền tuyến xa xôi nữa. Ngược lại, họ sẽ phải đích thân tới tận nơi, tận mắt quan sát chiến trường và làm gương cho binh lính – một lần nữa, đây sẽ lại là điều đóng vai trò thiết yếu trong bối cảnh biến động không ngừng của cuộc chiến giữa các lực lượng cơ giới với vô vàn những hiểm nguy không lường trước được cũng như những cơ hội chỉ tồn tại trong tích tắc. Phẩm chất của người chỉ huy sẽ quan trọng hơn nhiều so với các công thức đã được

phương pháp hóa. Tôi đặt câu hỏi: “Chẳng phải là tốt sao nếu như sự phát triển này sẽ tạo thuận lợi cho những con người luôn vững vàng, và do đó là những người vô cùng cần thiết cần thiết, trong những giờ phút khủng khiếp, khi mà cơn bão chiến tranh quét sạch đi mọi quy ước và tập quán?”

Ở phần kết luận của cuốn sách, tôi lên tiếng kêu gọi nhà nước. Trên thực tế, quân đội, cũng như bất kỳ tổ chức nào khác, sẽ tự cải tổ chính tổ chức của mình. Khi các quân đoàn chuyên nghiệp được tạo ra, họ sẽ mang đến những thay đổi sâu sắc về đường lối quân sự cũng như về kỹ thuật và chính trị trong chiến tranh; do đó, nhà nước có trọng trách phải tạo ra đội quân này. Thực ra, chúng ta sẽ lại phải cần đến một Louvois [18] hay Carnot [19]. Nhưng bên cạnh đó, sự cải tổ này chỉ có thể diễn ra khi nó được đặt trong một tổng thể, khi nó là một yếu tố trong nỗ lực đổi mới toàn bộ đất nước. “Nhưng vì việc tái tạo đất nước này phải bắt đầu bằng quân đội nên tất cả đều hài hòa với trật tự tự nhiên. Trong trường hợp đó, quân đội sẽ trở thành điểm tựa, thành chất xúc tác cho dân tộc trong cái công việc nặng nề phải làm để hồi xuân cho nước Pháp. Bởi lẽ, thanh gươm là trục quay của thế giới, mà sự vĩ đại thì không thể phân chia.”

Để lập ra dự án tổng thể này, cố nhiên tôi đã tận dụng những luồng tư tưởng đã và đang phổ biến khắp nơi trên thế giới kể từ sau khi cỗ máy chiến đấu xuất hiện. Ngay từ năm 1917, tướng Esbienne, người ủng hộ việc sử dụng xe tăng và cũng là thanh tra xe tăng đầu tiên, đã nghĩ tới việc đưa một lượng lớn xe tăng vào tham chiến từ khoảng cách xa so với những chiếc xe tăng hộ tống bộ binh. Đó là lý do tại sao mà vào cuối năm 1918, các nhà máy đã bắt đầu cho xuất xưởng những cỗ máy khổng lồ nặng tới 60 tấn. Nhưng cuộc đình chiến đã làm ngưng hoạt động chế tạo và giới hạn lý thuyết này trong công thức xe tăng hộ tống và hành động phối hợp với các đơn vị khác. Anh đã chứng tỏ họ là nước tiên phong khi đưa Quân đoàn Xe tăng Hoàng gia tham dự vào một chiến lược lớn nhằm thọc sâu vào lực lượng địch tại Cambrai năm 1917, và họ tiếp tục theo đuổi ý tưởng để các biệt đội thiết giáp độc lập tác chiến, một ý tưởng được Tướng Fuller và Đại úy Liddell Hart ủng hộ. Tại Pháp, năm 1933, Bộ Chỉ huy Tối cao tập hợp

một số đơn vị rải rác tại doanh trại Suippes thành một sư đoàn khinh chiến và thử nghiệm khả năng ngăn chặn đột kích cũng như khả năng thám báo của sư đoàn này.

Nhiều người khác thậm chí có tầm nhìn rộng hơn. Trong cuốn Những suy nghĩ của một người lính xuất bản năm 1929, Tướng Von Seeckt [20] nói về những khả năng của một đạo quân tinh nhuệ (tức Lực lượng Phòng vệ của Đế quốc Đức với một trăm ngàn lính dài hạn) so với những đám đông ô hợp không có sự gắn kết – ở đây ông ta ám chỉ quân đội Pháp. Khi tính toán hiệu lực của các đợt oanh tạc đối với các trung tâm công nghiệp và dân sinh, tướng Douhet của Ý thấy rằng chỉ riêng một đội không quân có thể tạo ra những kết quả mang tính quyết định. Cuối cùng, trong bản “Kế hoạch tối đa” trình bày tại Genève năm 1932, ông Paul-Boncour [21] đã đề nghị thành lập một lực lượng chuyên nghiệp trong Hội Quốc Liên; hội này sẽ kiểm soát toàn bộ các xe tăng và máy bay ở châu Âu, đồng thời phụ trách duy trì an ninh chung. Kế hoạch của tôi là vì lợi ích của nước Pháp mà đưa những quan điểm tản mát nhưng gần gũi nhau đó thành một tổng thể thống nhất.

Ban đầu cuốn sách của tôi gây chú ý nhưng không tạo được ấn tượng sâu sắc. Chừng nào mà cuốn Hướng tới quân đội chuyên nghiệp vẫn chỉ đơn thuần là cuốn sách giới thiệu những ý tưởng để giới chức trách có thể tùy nghi sử dụng thì chừng đó người ta vẫn còn coi nó là một thứ lý thuyết độc đáo. Không ai nghĩ rằng tổ chức quân đội của chúng tôi nhờ đó mà có thể thay đổi. Nếu cảm thấy không có gì cấp bách, hẳn tôi đã hài lòng với việc truyền bá quan điểm của mình trong giới chuyên gia, bởi tôi chắc chắn rằng với những diễn biến hiện nay thì những luận chứng của tôi sẽ thuyết phục được họ. Nhưng Hitler không phải là người thích chờ đợi.

Tháng 10 năm 1933, y cắt đứt quan hệ với Hội Quốc Liên và mặc nhiên lấy lại quyền tự do hành động trong vấn đề vũ trang. Trong hai năm 1934 và 1935, đế quốc Đức triển khai sản xuất vũ khí và tuyển mộ binh lính ồ ạt. Chế độ Quốc xã không hề che giấu quyết tâm phá vỡ hiệp ước Versailles bằng cách chiếm đoạt lấy Lebensraum [22]. Để thực thi chính

sách này cần phải có một bộ máy tấn công quân sự. Và quả thực, lúc này Hitler đang chuẩn bị một cuộc cưỡng bách tòng quân lớn. Không lâu sau khi lên nắm quyền, y thực hiện chính sách nghĩa vụ lao động [23] và sau đó là cưỡng bách tòng quân. Nhưng hơn nữa, y còn cần có một công cụ can thiệp để cắt những nút thắt Gordian [24] ở Mayence, Vienne, Prague, và Varsovie, và để cho cây giáo của Đức một khi đã được mài bén có thể đâm một nhát là xuyên thấu trái tim nước Pháp.

Thực ra, giới thạo tin không phải không biết rằng Quốc trưởng đang toan tính đặt dấu ấn của mình lên quân đội Đức mới; rằng y sẵn sàng nghe theo ý kiến của những tướng lĩnh từng thân cận với Tướng Von Seeckt như Keitel, Rundstedt, và Guderian, những người thiên về hành động, tốc độ, và chất lượng, và do đó ủng hộ việc xây dựng các lực lượng cơ giới; và rằng y vận dụng các lý thuyết của Goering [25] nhằm xây dựng một lực lượng không quân có hành động phối hợp trực tiếp với cuộc chiến trên mặt đất. Không lâu sau khi xuất bản cuốn sách của mình, tôi cũng được biết rằng đích thân y ra lệnh cho người mang cuốn sách này tới đọc cho y nghe vì các cố vấn của y cho rằng đây là một cuốn sách quan trọng. Tháng Mười một năm 1934, chúng ta biết rằng Đế quốc Đức đang thành lập ba sư đoàn thiết giáp đầu tiên. Trong một cuốn sách xuất bản vào thời điểm này, Đại tá Nehring thuộc Bộ Tham mưu Lực lượng vũ trang Đức đã chỉ rõ rằng cách tổ chức các sư đoàn này giống hệt cách tổ chức mà tôi đề xuất để xây dựng các sư đoàn thiết giáp tương lai của Pháp. Tháng Ba năm 1935, Goering thông báo đế quốc Đức đang xây dựng một lực lượng không quân hùng mạnh bao gồm rất nhiều máy bay tiêm kích, máy bay ném bom và máy bay ném bom bổ nhào. Mặc dù những động thái này đều vi phạm trắng trợn các hiệp ước đã ký, song thế giới tự do vẫn chỉ dừng lại ở việc phản đối suông lên Hội Quốc Liên.

Tôi không thể đứng yên nhìn kẻ thù tương lai trang bị cho mình những phương tiện để chiến thắng trong khi nước Pháp vẫn chưa có gì trong tay. Vậy mà trong sự vô cảm lạ thường mà cả nước đang đắm chìm vào, không một tiếng nói có thẩm quyền nào cất lên để kêu gọi một hành động cần

thiết. Cái hệ quả này nghiêm trọng tới nỗi tôi không cho phép mình dè dặt nữa, dù rằng vai trò và danh tiếng của tôi chẳng có gì đáng kể. Trách nhiệm bảo vệ đất nước thuộc phận sự của chính quyền, vậy nên tôi quyết định đưa cuộc tranh luận này tới đó.

Trước tiên tôi liên kết với André Pironneau, chủ bút tờ Tiếng vang Paris, về sau là giám đốc tờ Châu Âu. Ông này nhận trách nhiệm công bố kế hoạch xây dựng một đội quân cơ giới, đồng thời làm cho giới chức trách phải bận rộn vì mũi dùi tấn công sắc nhọn của một tờ báo lớn. André Pironneau lồng ghép chiến dịch của mình vào chuyên mục thời sự và đã đăng bốn mươi bài xã luận, góp phần làm cho chủ đề này trở nên quen thuộc hơn. Mỗi khi có sự kiện xảy ra hướng sự chú ý của quần chúng vào vấn đề quốc phòng, người trợ thủ thân tình này của tôi lại trình bày trên tờ báo của mình về sự cần thiết phải xây dựng những quân đoàn chuyên môn hóa. Vì ai cũng biết rằng Đức đang tập trung vũ trang cho các phương tiện tấn công và khai thác sau tấn công, nên Pironneau không ngừng thét lên những tiếng kêu báo động – nhưng những tiếng kêu này bị bầu không khí dửng dưng chung nhất quyết bóp nghẹt. Ông đã hơn 20 lần chỉ ra rằng đội quân xe tăng của Đức, với sự yểm trợ của không quân, có thể bẻ gãy hàng rào phòng thủ của chúng tôi trong nháy mắt và gieo rắc sự hoảng loạn trong dân chúng, sự hoảng loạn mà chúng tôi sẽ không thể nào vượt qua được.

Trong lúc André Pironneau đang làm rất tốt công việc của mình thì các nhà báo và nhà phê bình khác ít ra cũng nêu vấn đề này lên. Có thể kể ra Rémy Roure và Tướng Barrafier trên tờ Thời đại, Pierre Bourget và các tướng de Cugnac và Duval trên tờ Nhật báo tranh luận, Émile Buré và Charles Giron trên tờ Trật tự, André Lecomte trên tờ Bình minh, Đại tá Emile Mayer, Lucien Nachin, Jean Auburtin trên nhiều tạp chí khác, v.v... Tuy nhiên, khối trật tự về hành vi và tư tưởng này đã cố kết tới nỗi những bài báo đơn thuần không thể tác động được. Cần phải làm sao để những nhà lãnh đạo chính trị của đất nước nhận thức được vấn đề này.

Đối với tôi, ông Paul Reynaud ^[26] dường như là người có thể gánh vác được trọng trách này. Trí tuệ của ông đủ sức hấp thụ những lý lẽ trên, tài

năng của ông đủ sức nêu chúng lên một cách hiệu quả, và sự can đảm ở ông đủ sức bảo vệ chúng. Ngoài ra, tuy đã thiết lập được vị thế riêng, song ở ông toát lên ấn tượng rằng ông là con người đặt tương lai mở rộng trước mặt. Tôi đã tìm gặp để thuyết phục, và từ đó làm việc với ông.

Trên bục diễn thuyết tại nghị viện ngày 15 tháng Ba năm 1935, ông đã đọc một bài tham luận đầy thuyết phục, chỉ ra lý do tại sao phải hoàn thiện tổ chức quân đội của chúng tôi bằng một đạo quân cơ giới có chất lượng và cách thức thực hiện điều đó như thế nào. Không lâu sau đó, khi chính phủ yêu cầu nghị viện bỏ phiếu đạo luật nghĩa vụ quân sự hai năm, ông Paul Reynaud bỏ phiếu tán thành đồng thời đệ trình một dự luật nhằm “khẩn trương xây dựng một quân đoàn chuyên môn hóa gồm sáu sư đoàn chiến đấu, một sư đoàn khinh binh, quân dự bị và các đơn vị khác – tất cả đều lấy nguồn từ lính chính quy. Đội quân này phải được hoàn bị muộn nhất là tới ngày 15 tháng Tư năm 1940.” Trong ba năm tiếp theo, ông Paul Reynaud đã khẳng định lập trường của mình qua một số bài diễn thuyết làm khuấy động quốc hội, qua một cuốn sách nhan đề Vấn đề quân đội nước Pháp, qua những bài báo và những cuộc phỏng vấn hùng hồn, và qua những cuộc trao đổi về vấn đề này với các nhà chính trị và tướng lĩnh quân đội quan trọng. Từ đó, ông đã xây dựng được cho mình hình ảnh một chính khách cách tân và kiên quyết, có khả năng phát huy sức mạnh trong những tình huống đặc biệt khó khăn.

Vì cho rằng một bản nhạc phải cần đến sự hòa âm phối khí của nhiều nhạc cụ khác nhau nên tôi nỗ lực đưa những nhân vật của công chúng khác vào cuộc. Thích thú với những đặc điểm của một đội quân chuyên nghiệp vốn đáp ứng các truyền thống của chúng tôi, ông Le Cour Grandmaison, với tinh thần cao thượng, đã tự đảm nhiệm vai trò là người ủng hộ cho đội quân này. Ba vị dân biểu cánh tả là Philippe Serre, Marcel Déat, và Léo Lagrange, những người có tài trấn an lòng người trước cái khía cạnh cách mạng của lời đề xuất mới mẻ này, cũng đồng ý tham gia cùng chúng tôi. Trên thực tế, ông Philippe Serre đã đứng lên thực hiện việc trấn an này, và ông thực hiện điều đó xuất sắc đến nỗi ông được đánh giá là một nhà diễn thuyết tài ba, và không lâu sau đó ông được mời vào chính phủ. Ông

Marcel Déat, người có những thiên tư mà tôi đặc biệt coi trọng, lại bị lôi kéo vào một đường lối đối lập sau khi thất bại trong cuộc bầu cử năm 1936. Ông Léo Lagrange thì bị đảng của mình ngăn cản tuyên bố lập trường. Nhưng không lâu sau, những con người đáng kính nể như ông Paul-Boncour ở nghị viện và ông chủ tịch Millerand ở thượng viện cũng cho tôi biết rằng bản thân họ cũng ủng hộ việc cải tổ.

Tuy nhiên, trong khi đó, các cơ quan chính thức cùng những người ủng hộ không chính thức của họ lại cứ bám vào hệ thống hiện hành thay vì thừa nhận những điều tất yếu hiển nhiên và chấp nhận sự thay đổi này, chấp nhận việc điều chỉnh cơ cấu và cách thức hoạt động của quân đội. Thật không may, họ làm việc này triệt để tới nỗi họ tự đóng cửa con đường học hỏi của mình. Để phản bác lại quan điểm xây dựng quân đội cơ giới, họ cố tình xuyên tạc nó. Để phản đối sự phát triển của kỹ thuật, họ chỉ nhằm nhe tìm cách chối bỏ nó. Để cường lại những biến cố đang xảy ra, họ giả vờ không biết đến chúng. Qua đây tôi nhận ra rằng sự đối lập về tư tưởng hễ có liên quan đến những sai lầm cố hữu và những con người có địa vị ắt sẽ chìm trong bầu không khí cố chấp của những cuộc tranh cãi về thần học.

Tướng Debeney, vị Tư lệnh quân đội đầy vinh quang trong Thế chiến I, người từng xây dựng luật tổ chức quân đội vào năm 1927 trên cương vị Tổng tham mưu trưởng, đã chính thức chỉ trích đề xuất này. Trên tờ Tạp chí Hai thế giới, ông này trình bày một cách hùng hồn rằng bất kỳ cuộc xung đột nào ở châu Âu rồi cuộc đều sẽ đi đến giai đoạn quyết định tại biên giới Đông Bắc của chúng tôi, nên vấn đề là phải giữ vững đường biên giới này. Vì thế, ông ta thấy không cần phải thay đổi gì cả, dù là về luật lệ hay trên thực tế; và ông ta chỉ một mực khẳng định rằng cần phải được củng cố hơn nữa cái hệ thống sinh ra từ các luật lệ này. Đến lượt tướng Weygand cũng tham gia ý kiến trên Tạp chí Hai thế giới. Ông này mặc nhiên cho rằng ý tưởng của tôi sẽ tách quân đội thành hai phần và phản đối: “Những hai quân đội ư? Không đời nào!” Về vai trò mà tôi đề xuất cho binh đoàn chuyên môn hóa, ông ta không chối bỏ lợi ích của điều này nhưng khẳng định rằng các đơn vị hiện tại hoàn toàn có thể đảm đương được vai trò đó. Ông giải thích: “Chúng ta có một đạo quân dự bị chuyên môn hóa, cơ giới

hóa và được trang bị đầy đủ. Không cần tạo thêm cái gì cả; tất cả đều có rồi.” Về sau, vào ngày 4 tháng Bảy năm 1939, khi đứng trước công chúng tại Lille, tướng Weygand lại một lần nữa tuyên bố rằng chúng tôi không thiếu gì cả.

Thống chế Pétain thấy mình cần phải vào cuộc. Trong lời tựa viết cho cuốn sách Liệu có thể có một cuộc xâm lăng nữa? của Tướng Chauvineau, Thống chế nói rằng xe tăng và máy bay không làm thay đổi các nhân tố cơ bản của cuộc chiến tranh, và rằng thành tố chủ chốt của nền an ninh Pháp là xây dựng mặt trận liên tục được củng cố bằng các công sự. Tạp chí Thợ cắt tóc đăng một loạt bài viết ẩn tượng và đầy khích lệ của tác giả có bút danh Jean Rivière như: Xe tăng không phải vô địch, Chỗ yếu của xe tăng, Khi các chính khách lạc đường, v.v... Trên tờ Mercure, một vị tướng ẩn danh, chỉ ghi ở phần tên tác giả dấu ba sao, lên tiếng bác bỏ nguyên tắc cơ giới hóa. Vị này tuyên bố: “Bản tính của người Đức là hung hăng, nên việc chúng phải tổ chức những sư đoàn thiết giáp là đương nhiên rồi. Nhưng người Pháp, vốn hiền hòa và thiên về phòng thủ, chắc chắn sẽ phản đối việc cơ giới hóa.”

Có người còn dùng tới cả biện pháp chế nhạo. Trên một tạp chí văn học lớn, có người viết: “Thật khó lòng mà dùng lời lẽ lịch sự để đánh giá những ý tưởng đã mấp mé bên bờ mất trí. Mấy năm trước đây, trước ông De Gaulle đã xuất hiện Père Ubu, một nhà chiến thuật vĩ đại với những tư tưởng hiện đại không kém. Ông ta thường nói: ‘Khi từ Ba Lan trở về, với sự hỗ trợ của vật lý học, chúng ta sẽ nghĩ đến một cái máy chạy bằng sức gió để vận chuyển toàn bộ quân đội’.”

Nếu như tinh thần gắn bó với truyền thống của đảng bảo thủ được thể hiện bằng thái độ thù địch hết sức như vậy thì lòng yêu truyền thống của đảng tiến bộ cũng không được bày tỏ tốt đẹp hơn là mấy. Trong suốt hai tháng Mười một và tháng Mười hai, Léon Blum ^[27] thẳng thừng bộc lộ lòng căm ghét và nỗi lo âu mà kế hoạch của tôi gây ra cho ông. Trong một số bài báo như Lính chuyên nghiệp và quân đội chuyên nghiệp, Hướng về quân đội chuyên nghiệp?, Đả đảo quân đội chuyên nghiệp! ông ta cũng

phản đối ý tưởng xây dựng quân đoàn chuyên môn hóa. Ông ta làm thế không phải vì lợi ích quốc phòng mà nhân danh một ý thức hệ mà ông ta gọi là dân chủ và cộng hòa; cái ý thức hệ này từ xưa tới nay vốn vẫn nhất nhất nhìn nhận quân đội là một mối đe dọa đối với chế độ. Vậy là Léon Blum lên tiếng nguyên rủa một quân đoàn chuyên nghiệp bởi – nếu có người tin ông ta – cơ cấu tổ chức, tinh thần, và vũ khí của đội quân này sẽ gây họa chonền cộng hòa.

Được cả cánh hữu và cánh tả o bế như vậy nên các cơ quan nhà nước đều quay lưng chối bỏ mọi thay đổi. Bản kế hoạch của ông Paul Reynaud bị Ủy ban Quân sự Hạ viện bác bỏ. Bản báo cáo về vấn đề này, do ông Sénac trình bày và được soạn với sự cộng tác trực tiếp của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội, kết luận rằng đề nghị cải tổ trên là “vô ích, không đáng làm, và đi ngược lại với logic và lịch sử.” Tại diễn đàn quốc hội, tướng Maurin, Bộ trưởng Chiến tranh, đã trả lời những diễn giả ủng hộ việc xây dựng quân đoàn tấn công như sau: “Chúng ta đã mất bao công sức để xây lên một phòng tuyến vững chắc như thế này. Vậy thì làm sao chúng ta lại điên rồ tới nỗi đi ra khỏi cái phòng tuyến đó để mà bước vào một cuộc phiêu lưu mà tôi còn không biết nó là gì?” Ông ta nói thêm: “Những gì mà tôi vừa trình bày với quý vị là quan điểm của chính phủ, và cái quan điểm này – ít nhất là đối với bản thân tôi – hoàn toàn phù hợp với kế hoạch chiến tranh.” Những lời lẽ này đã an bài cho số phận của quân đoàn chuyên môn hóa, đồng thời những ai ở châu Âu mà nghe thấy cũng sẽ biết trước được rằng bất luận chuyện gì xảy ra, nước Pháp cũng không làm điều gì khác hơn là chăm chăm củng cố Phòng tuyến Maginot.

Như đã dự đoán, sự bài xích của nội các cũng nhắm tới cá nhân tôi. Tuy nhiên, chuyện này chỉ bột phát lẻ tẻ chứ không hẳn là một trận chỉ trích theo đúng nghĩa của nó. Chẳng hạn, tại điện Elyseés, cuối một phiên họp của Hội đồng Quốc phòng Cấp cao trong đó tôi là phụ trách ban thư ký, Tướng Maurin nói với tôi giọng gay gắt: “Vĩnh biệt De Gaulle! Nơi tôi có mặt thì không có chỗ cho ông đâu!” Trong văn phòng của ông, hễ có vị khách nào tới thăm mà nhắc đến tên tôi là ông ta lại hét lên: “Hắn ta thu phục được một tên bồi bút là Pironneau và một cái máy hát là Paul

Reynaud. Tôi sẽ đầy hãn tới đảo Corse!” Tuy gầm lên như sấm vậy, song Tướng Maurin vẫn có tâm hồn cao thượng và không vung lưỡi tầm sét lên. Ít lâu sau, ông Fabry kế nhiệm Tướng Maurin, và Tướng Gambelin thay Tướng Weygand nắm Bộ Tổng Tham mưu trong khi vẫn phụ trách Bộ Tham mưu Quân đội. Hai người này vẫn áp dụng đường lối phê phán kế hoạch của tôi, và vẫn kế thừa thái độ khó chịu và giận dữ dành cho tôi.

Trên thực tế, những người có trách nhiệm tuy vẫn án binh bất động song không thể không âm thầm lay động trước những lý lẽ của tôi. Thực ra, họ ý thức quá rõ về những gì đang diễn ra nên bản thân họ cũng không hoàn toàn tin tưởng vào những luận điểm bác bỏ mà chính họ nêu ra. Một mặt, họ nói rằng những ý tưởng mà tôi đang truyền bá về các khả năng của một đội quân cơ giới hóa là điều phóng đại; nhưng mặt khác, họ vẫn cảm thấy bồn chồn trước cái đội quân mà Đế quốc Đức đang dựng lên. Khi họ đòi thay thế bảy sư đoàn tấn công trên bằng bảy đơn vị phòng thủ thông thường với quy mô lớn, và khi họ gọi đó là “cơ giới hóa” vì các đơn vị này sẽ được di chuyển bằng xe tải, thì hơn ai hết, họ biết rằng đó chỉ là một trò chơi chữ mà thôi. Khi họ tuyên bố rằng thành lập quân đoàn chuyên môn hóa đồng nghĩa với việc cắt quân đội của chúng tôi làm hai, tức là họ giả đò không nhận ra rằng chính sách quân dịch hai năm, vốn được bỏ phiếu thông qua sau khi cuốn sách của tôi xuất bản, cho phép việc trưng dụng một tỉ lệ binh lính nhất định vào quân đoàn ưu tú này; rằng vốn đã tồn tại một lực lượng hải quân, một lực lượng không quân, một đạo quân thuộc địa, một đội quân châu Phi, một lực lượng cảnh sát, và một lực lượng vệ binh lưu động – tất cả đều được chuyên môn hóa mà không làm phương hại đến sự gắn kết của tổng thể quân đội; và rằng điều làm nên sự thống nhất của các lực lượng quốc phòng khác nhau không nằm ở loại vũ khí họ sử dụng hay phương thức tuyển quân mà nằm ở cái thực tế rằng họ đang phụng sự cho một đất nước, theo những luật lệ giống nhau, và dưới cùng một lá cờ.

Vì vậy mà tôi buồn rầu khi thấy những con người lỗi lạc đó vì lòng trung thành trái khoáy mà biến mình thành những kẻ phát ngôn vuốt đuôi chứ không còn là những nhà lãnh đạo chân chính nữa. Tuy nhiên, đằng sau thái độ chỉ trích ấy, tôi cảm nhận được ở họ lòng khao khát trước những

chân trời mới mở ra cho họ. Trong suốt chuỗi sự kiện dài đặc trong đó có một bộ phận của tầng lớp ưu tú nước Pháp tuy lên án tất cả những mục tiêu mà tôi theo đuổi nhưng thâm tâm lại cảm thấy day dứt vì sự bất lực của mình, đây là lần đầu tiên họ khiến tôi, mặc cho những lời chỉ trích của họ, cảm thấy tôn trọng một cách buồn bã trước sự day dứt của họ.

Định mệnh vẫn xuôi dòng. Hitler, lúc này đã biết rõ về chúng tôi, thực hiện một loạt các hành động bạo lực. Ngay năm 1935, trong cuộc trưng cầu dân ý của vùng Sarre, y đã tạo ra một bầu không khí đầy đe dọa, đến nỗi nước Pháp chưa kịp tham gia đã phải bỏ cuộc; sau đó người dân vùng Sarre, phần vì bị lôi cuốn, phần vì cảm thấy sợ hãi trước sự hung hãn của Đức nên đã đồng loạt bỏ phiếu cho Đệ tam Đế quốc. Còn Mussolini bên cạnh y thì do được sự hậu thuẫn của chính quyền Laval ^[28] và sự dung túng của nội các Baldwin ^[29] nên đã bất chấp mọi lệnh cấm của Hội Quốc liên mà tiến hành chinh phạt Éthiopie. Ngày 7 tháng Ba năm 1936, quân Đức bất ngờ vượt sông Rhin.

Hòa ước Versailles ngăn cấm quân đội đế quốc Đức xâm nhập vào các lãnh thổ thuộc tả ngạn sông Rhin; hơn nữa, thỏa ước Locarno vốn cũng đã quy định đây là vùng trung lập rồi. Chiếu theo luật thì chúng tôi có quyền tái chiếm các vùng lãnh thổ đó ngay khi Đức phỉ nhận những gì họ đã ký kết. Nếu như lúc đó tồn tại đạo quân chuyên môn hóa kia, dù chỉ một phần thôi, thì với các phương tiện máy móc nhanh nhẹn cùng hàng ngũ nhân sự luôn sẵn sàng tiến lên bất cứ lúc nào, hẳn nhiên là đạo quân này sẽ trực chỉ sông Rhin thẳng tiến. Trên cương vị đồng minh, Ba Lan, Tiệp Khắc, và Bỉ sẽ sẵn sàng ủng hộ chúng tôi, còn Anh đã có cam kết từ trước, nên lẽ ra Hitler đã phải lùi bước rồi. Thực ra, lúc này y mới đang ở giai đoạn đầu của công cuộc vũ trang nên chưa có khả năng đương đầu với một cuộc tổng xung đột như thế. Nhưng chỉ cần một động thái kiềm chế như thế do Pháp thực hiện vào giai đoạn này, trên chiến trường này, cũng có thể mang đến những hậu quả thảm khốc cho y tại chính đất nước y. Với ván cờ này, y có thể chỉ đi một nước mà mất tất cả.

Nhưng y lại được tất cả. Tổ chức của chúng tôi, bản chất lực lượng vũ trang của chúng tôi, và chính tinh thần quốc phòng của chúng tôi, tất cả đều hướng cái chính quyền vốn đã thụ động đi tới chỗ bất động và ngăn cản bước tiến của chúng tôi. Bởi chúng tôi chỉ chăm chú giữ đường biên giới và tự đặt ra cho mình cái quy tắc rất ư vô vị lợi là sẽ không vượt qua đường biên giới ấy trong mọi trường hợp, nên không mong gì những đòn đánh trả của nước Pháp. Quốc trưởng tin chắc điều đó. Cả thế giới nhận ra điều đó. Vậy là để quốc Đức, thay vì buộc phải rút về các đội quân mà họ đã liều lĩnh cử đi, lại ngang nhiên dàn quân trên toàn bộ vùng lãnh thổ Rhénanie tiếp giáp với Pháp và Bỉ mà không phải đánh trận nào. Sau khi vụ việc xảy ra rồi thì ông Bộ trưởng Ngoại giao Flandin mới sục sùi lên đường tới London để tìm hiểu ý đồ của nước Anh; ông Thủ tướng Sarraut mới xuống lên được lời tuyên bố là chính phủ Paris “không chấp nhận để vùng Strasbourg nằm trong tầm súng của Đức”; giới ngoại giao Pháp mới nghĩ đến chuyện thuyết phục Hội Quốc Liên lên tiếng chỉ trích Hitler. Song dẫu có nói hay làm gì đi nữa thì sự đã rồi.

Theo tôi, trạng thái kích động do biến cố này gây ra có lẽ lại là một điều hay. Giới cầm quyền có cơ hội tận dụng biến cố này để lấp đi những lỗ hổng chết người. Mặc dầu tại Pháp lúc này mọi người đều chăm chú vào cuộc bầu cử và cuộc khủng hoảng xã hội theo sau đó, nhưng ai cũng nhất trí rằng cần phải củng cố sức mạnh quốc phòng. Nếu tập trung xây dựng những công cụ còn thiếu thì có thể vớt vát được những gì thiết yếu. Thế nhưng những chuyện đó lại không xảy ra. Khoản ngân sách to lớn dành cho quân đội từ năm 1936 được dùng để hoàn thiện hệ thống hiện hữu chứ không nhằm thay đổi nó.

Dẫu sao tôi vẫn còn chút hy vọng. Bầu không khí bất ổn này sau đó đã khiến cả nước đứng ngồi không yên và trên bình diện chính trị, nó dẫn tới việc hình thành một liên minh bầu cử và nghị viện có tên là Mặt trận Bình dân. Qua đây, tôi nhìn thấy cái nhân tố tâm lý có thể giúp phá vỡ sự thụ động. Khi Chủ nghĩa Quốc xã đang giành thắng lợi tại Berlin, Chủ nghĩa Phát xít đang thống trị tại Rome, và Chủ nghĩa Falange ^[30] đang tiến gần

tới Madrid, thì không có gì ngạc nhiên khi nước Cộng hòa Pháp sẵn sàng cải cách cơ cấu xã hội và cải tổ quân đội của mình. Tháng Mười, ngài Thủ tướng Léon Blum mời tôi tới gặp ông. Cuộc gặp giữa chúng tôi tình cờ lại diễn ra vào đúng buổi chiều ngày Quốc vương Bỉ tuyên bố chấm dứt liên minh với Pháp và Anh. Vị Quốc vương này cho rằng nếu đất nước ông bị Đức tấn công thì liên minh này sẽ không thể bảo vệ được họ. Ông ta nói: “Quả thật, trước những khả năng của các lực lượng cơ giới hiện đại, đầu sao đi nữa chúng tôi vẫn sẽ đơn độc.”

Léon Blum hồ hởi cho biết ông rất quan tâm tới những ý tưởng của tôi. Tôi nói:

Vậy mà ông vẫn phản đối tôi đấy thôi!

Ông trả lời:

Khi trở thành người đứng đầu chính phủ, người ta sẽ có cách nhìn khác.

Trước tiên, chúng tôi bàn về những gì có thể xảy ra nếu như Hitler tiến vào Vienne, Prague hoặc Varsovie. Tôi nói:

Chuyện đơn giản thôi mà. Cứ tình hình này mà xét thì chúng ta sẽ triệu tập quân lính tại ngũ hoặc động viên quân dự bị. Sau đó thì qua lỗ châu mai của các công sự, chúng ta sẽ giương mắt ngồi nhìn cả châu Âu biến thành nô lệ như thế nào.

Léon Blum kêu lên:

Ông nói gì vậy? Chẳng lẽ ông muốn chúng ta cử quân viễn chinh tới Áo, tới Bohême, tới Ba Lan à?

Tôi nói:

Không phải thế. Nhưng nếu Lực lượng Phòng vệ Đức tiến quân dọc sông Danube hay sông Elbe, vậy thì tại sao chúng ta lại không tới sông Rhin được chứ? Trong lúc chúng men theo sông Vistule, tại sao chúng ta không vào vùng Ruhr được? Vả chăng, chỉ riêng cái thông tin là chúng ta có khả năng thực hiện những hành động đáp trả như vậy thôi cũng đã đủ để chặn đứng những hành vi hiếu chiến rồi. Nhưng hệ thống hiện tại không cho phép chúng ta được nhúc nhích, trong khi chúng ta có thể làm được điều đó với quân đoàn thiết giáp. Chẳng phải là nếu đường đi nước bước

của quân đội được chủ động vạch ra từ trước thì chính phủ sẽ cảm thấy yên tâm phần nào hay sao?

Vị Thủ tướng vui vẻ nhất trí với ý kiến của tôi song lại nói:

Dĩ nhiên, sẽ thật là tai họa nếu bạn bè của chúng ta ở Trung Âu và Đông Âu nhất thời bị đàn áp. Tuy vậy, rốt cuộc thì Hitler cũng đâu thể đạt được gì nếu y chưa đánh gục được chúng ta. Mà y làm sao có thể đánh gục chúng ta được kia chứ? Hẳn là ông cũng phải công nhận rằng hệ thống của chúng ta tuy không phù hợp để tấn công nhưng khi phòng thủ thì rất xuất sắc đấy chứ?

Tôi chứng minh cho ông ấy thấy rằng điều đó là không đúng. Tôi nhắc lại về lời tuyên bố của vua Léopold III ^[31] ngay buổi sáng hôm đó để chỉ ra rằng chính vì không có một quân đoàn ưu tú mà chúng tôi bị lép vế so với Đức, và điều đó khiến chúng tôi mất đi liên minh với Bỉ. Ông thủ tướng không phản đối mặc dầu ông vẫn nghĩ đằng sau thái độ của Bruxelles còn có những động cơ khác ngoài các động cơ chiến lược. Ông nói:

Trong bất kỳ trường hợp nào, mặt trận phòng thủ và các công sự của chúng ta sẽ bảo vệ được lãnh thổ.

Tôi trả lời:

Thật không gì kém chắc chắn hơn điều đó. Ngay từ năm 1918 đã không còn cái gọi là mặt trận bất khả xâm phạm rồi. Mà từ đó tới nay xe tăng và máy bay đã tiến bộ đến đâu rồi! Mai đây, khi các cỗ máy tập trung đủ số lượng hành động thì chúng có thể bẻ gãy bất kỳ hàng rào phòng thủ nào. Và một khi đã khoan được một lỗ hổng thì quân Đức sẽ có cơ hội đưa những đội quân thiết giáp di chuyển nhanh nhẹn thọc sâu vào phía sau phòng tuyến của chúng ta với sự yểm trợ của không quân. Nếu chúng ta cũng có quân đoàn thiết giáp và không quân thì mọi việc còn có thể cứu chữa. Nếu không thì sẽ mất tất cả.

Ông thủ tướng cho tôi hay rằng Chính phủ, được sự chấp thuận của Quốc hội, đã quyết định thực thi một chương trình đầu tư lớn vượt mức ngân sách thông thường vào quốc phòng, trong đó dành một phần đáng kể để phát triển xe tăng và không quân. Tôi lưu ý với ông rằng hầu hết các

máy bay dự kiến sản xuất đều được thiết kế để đánh chặn chứ không phải để tấn công. Còn xe tăng thì đến chín phần mười là của hãng Renault và Hotchkiss đời 1935, tuy hiện đại nhưng lại chậm chạp và nặng nề, được trang bị súng ngắn, phù hợp để phối hợp trong các trận đánh của bộ binh chứ hoàn toàn không thể hình thành nên một tổng thể độc lập với các đơn vị quy mô lớn. Và chẳng chúng tôi cũng không hề nghĩ tới chuyện cho xe tăng độc lập tác chiến. Vì thế nên tổ chức của chúng tôi vẫn sẽ y như cũ mà thôi. Tôi nhận xét:

Dẫu có chế tạo ra bao nhiêu máy móc hay chi ra bao nhiêu tiền để xây dựng một đội quân cơ giới, chúng ta vẫn sẽ không thể có được đội quân ấy đâu.

Ông thủ tướng nói:

Việc sử dụng ngân sách dành cho Bộ Chiến tranh là công việc của ông Daldier và Tướng Gamelin.

Tôi đáp:

Hẳn rồi. Tuy nhiên, tôi mạn phép nghĩ rằng quốc phòng là phận sự của chính phủ.

Trong suốt cuộc nói chuyện của chúng tôi, điện thoại mười lần đổ chuông, khiến ông Léon Blum phải quay sang trả lời những câu hỏi vụn vặt về nghị viện hay hành chính. Khi tôi chào từ biệt, cũng là lúc chuông điện thoại reo lên lần nữa, ông phác một cử chỉ mệt mỏi và nói với tôi:

Đấy, ông xem liệu người đứng đầu chính phủ có thể dễ dàng nghiên cứu bản kế hoạch ông vừa nêu ra hay không, khi mà anh ta không thể ngồi yên nổi lấy năm phút!

Không lâu sau, tôi biết được rằng ông thủ tướng, tuy ấn tượng với cuộc gặp đó giữa chúng tôi, vẫn không có ý định kéo đổ những cột trụ của ngôi đền, và kế hoạch cũ vẫn sẽ được áp dụng. Từ lúc đó tôi thấy rằng cơ hội tạo thế đối trọng với sức mạnh mới của Đức trước khi quá muộn đã giảm đi rất nhiều. Thực ra, tôi tin chắc rằng với tính cách của Hitler, học thuyết của y, tuổi tác y, và thậm chí là cả sự thôi thúc mà y áp đặt lên nhân dân Đức, y không thể khoan tay ngồi chờ được. Từ bây giờ tình hình sẽ

diễn biến rất nhanh, khiến Pháp không thể làm gì để bù lại cho khoảng thời gian đã mất, dù cả khi giới cầm quyền đã sẵn lòng hành động.

Ngày 1 tháng Năm năm 1937, một sư đoàn thiết giáp hoàn chỉnh với hàng trăm máy bay lượn trên không điều hành qua Berlin. Ấn tượng mà chúng mang lại cho những người chứng kiến mà trước tiên là ông đại sứ Pháp François-Poncet cùng các tùy viên quân sự của chúng tôi là ấn tượng về một lực lượng không gì cản nổi ngoại trừ một lực lượng tương tự. Song những báo cáo mà họ gửi về vẫn không mấy may mang lại thay đổi gì trong những sắp xếp của chính phủ Pari. Ngày 11 tháng Ba năm 1938, Hitler tiến hành thôn tính Áo. Y tung vào Vienne một sư đoàn cơ giới mà chỉ cần nhìn thấy bóng dáng của nó thôi tất cả đều phải quy phục; và với sư đoàn này, ngay buổi chiều cùng ngày y đã vể vạng tiến vào thủ đô Áo. Tại Pháp, thay vì rút ra bài học sau cuộc biểu dương sức mạnh đáng gờm này, người ta lại đi tìm cách trấn an công luận bằng cách giấu cợt chuyện một vài chiếc xe tăng Đức bị hư hỏng dọc đường. Cũng không ai chịu học hỏi kinh nghiệm từ cuộc nội chiến Tây Ban Nha, trong đó những chiếc xe tăng Ý và máy bay ném bom bổ nhào Đức tuy ít ỏi nhưng lại đóng vai trò chính yếu trong mọi cuộc chiến có mặt chúng.

Tháng Chín, với sự đồng lõa của London rồi Paris, Quốc trưởng thôn tính Tiệp Khắc. Ba ngày trước hiệp ước Munich, tại Cung Thể thao Berlin, giữa những tiếng reo hò và hoan hô cuồng nhiệt, Quốc trưởng Đức quốc xã đã nêu rõ: “Giờ đây, tôi có thể công khai thừa nhận điều mà ai cũng đã biết: Chúng ta đã xây dựng được một lực lượng vũ trang mà thế giới chưa từng thấy!” Ngày 15 tháng Ba năm 1939, y buộc Tổng thống nước Tiệp Khắc Hácha thoái vị rồi tiến vào Prague trong cùng ngày. Sau đó, ngày 1 tháng Chín, y lại rầm rộ tiến vào Ba Lan. Trong hàng loạt những hồi kịch liên tiếp này của một vở bi kịch chung, nước Pháp thủ vai nạn nhân đang chờ tới lượt mình.

Phần tôi, tôi chứng kiến các biến cố này không chút ngạc nhiên nhưng cũng không khỏi đau đớn. Năm 1937, sau khi tham gia các công trình của Trung tâm Nghiên cứu Quân sự Cao cấp, tôi được giao phụ trách Trung đoàn Xe tăng 507 tại Metz. Những nhiệm vụ của một người đại tá và việc ở

xa Paris đã tước đi của tôi những cơ hội cũng như những đầu mối liên hệ cần thiết để tiếp tục cuộc tranh luận lớn của mình. Mùa xuân năm 1938, ông Paul Reynaud gia nhập nội các Daladier ^[32], trước tiên là trên cương vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp và sau đó là

Bộ trưởng Bộ Tài chính. Vậy là giờ đây, bên cạnh những ràng buộc về trách nhiệm bảo đảm sự hòa hợp giữa các bộ, việc tái thiết lập sự cân bằng về kinh tế và tiền tệ cũng là một nhiệm vụ cấp bách đến mức chiếm hết thì giờ của ông Bộ trưởng. Nhưng hơn hết, sự ngoan cố của chính quyền trong việc xây dựng một hệ thống quân sự tĩnh trong khi lực lượng quân sự năng nổ của Đức đang triển khai khắp châu Âu, sự mù quáng của một chế độ cứ quần quanh với những trò chơi ngớ ngẩn của mình trước một đế quốc Đức sẵn sàng nhảy bổ vào chúng tôi bất kỳ lúc nào, và sự ngu xuẩn của những kẻ dẫn độn cứ một mực tán tụng cái hiệp ước đầu hàng Munich ^[33] – tất cả thực ra chỉ là hậu quả của một sự bỏ cuộc trên quy mô cả nước. Tôi không thể làm gì trước thực tế đó. Tuy nhiên, năm 1938, nhận thấy đông tố đang nổi lên, tôi xuất bản cuốn Nước Pháp và Quân đội. Trong cuốn sách này tôi đã chỉ ra rằng từ thế kỷ này tới thế kỷ khác, linh hồn và số phận của đất nước luôn được phản ánh qua chiếc gương là quân đội của nó. Đây là lời cảnh báo cuối cùng mà tôi, từ địa vị khiêm tốn của mình, gửi tới đất nước vào đêm trước của cuộc biến động lớn.

Tháng Chín năm 1939, theo gương chính phủ Anh, chính phủ Pháp cũng đồng ý bước vào cuộc xung đột lúc này đã khởi sự tại Ba Lan. Tuy nhiên, tôi biết chắc rằng Pháp làm như vậy với cái ảo tưởng là bất chấp tình trạng chiến tranh, chúng tôi vẫn sẽ không phải dốc toàn lực để chiến đấu. Vì vậy, trên cương vị Tư lệnh Xe tăng của Quân đoàn V tại Alsace, tôi không ngạc nhiên khi thấy các lực lượng của chúng tôi án binh bất động trong khi Ba Lan bị các sư đoàn thiết giáp và phi đội không quân Đức hạ gục chỉ trong hai tuần. Đúng là sự can thiệp của Liên Xô đã góp phần đẩy nhanh quá trình đè bẹp quân Ba Lan. Nhưng qua thái độ về phe với Hitler của Staline, người ta có thể xác quyết được rằng Pháp vẫn sẽ chôn chân một chỗ, rằng nhờ đó mà đế quốc Đức được rảnh tay, và rằng cùng chia sẻ

con mồi với Đức còn hơn là làm con mồi của chúng. Trong khi địch quân sử dụng gần như toàn bộ lực lượng của mình trên sông Vistule thì chúng tôi chỉ đưa quân đến đóng trên sông Rhin và chẳng làm gì cả, ngoại trừ một vài hành động mang tính tượng trưng. Chúng tôi cũng không làm gì để kiểm soát Ý, bắt họ phải lựa chọn giữa một là bị Pháp tấn công, hai là phải cam kết giữ trung lập. Và cuối cùng, chúng tôi cũng không làm gì để nhanh chóng thiết lập điểm tiếp giáp với Bỉ bằng cách đưa quân đến Liège và kênh đào Albert.

Một lần nữa, giới cầm quyền lại cố nhìn nhận chính sách ôm cây đợi thỏ này là một chiến lược hiệu quả. Các thành viên chính phủ, mà trước nhất là ông Thủ tướng, và nhiều nhân vật tai to mặt lớn cứ thi nhau lên báo đài để ca tụng những ích lợi của việc án binh bất động; theo lời họ nói thì chúng tôi đang giữ được sự toàn vẹn lãnh thổ mà không phải chịu một tổn thất nào cả. Khi tới Wangenbourg thăm tôi, ông Brisson, Giám đốc tờ Figaro, có hỏi ý kiến của tôi và khi nghe tôi phàn nàn về sự thụ động của các lực lượng nước nhà, vị này kêu lên:

Chẳng lẽ ông không thấy rằng chúng ta đã giành chiến thắng trong trận chiến sông Marne đấy sao?

Khi tôi đến Paris vào tháng Giêng và ăn tối tại nhà ông Paul Reynaud ở đường Rivoli, tôi gặp lại Léon Blum. Ông ta hỏi:

Anh có dự đoán gì không?

Tôi trả lời:

Vấn đề là liệu trong mùa xuân này quân Đức sẽ tấn công về phía tây để chiếm Paris hay về phía đông để tới Moscow.

Léon Blum sững sốt:

Anh nghĩ vậy sao? Quân Đức tấn công phía đông ư? Tại sao chúng lại phải dẫn thân vào đó để rồi chết lác tạt sâu bên trong lãnh thổ nước Nga kia chứ? Tấn công phía tây ư? Chúng có thể làm gì để đối phó với phòng tuyến Maginot đây?

Khi Tổng thống Lebrun tới thăm Quân đoàn V, tôi trình diện với ông đoàn xe tăng của mình. Ông lịch thiệp nói:

Tôi biết các ý tưởng của anh. Nhưng có vẻ như đã quá muộn để kẻ thù có thể áp dụng chúng rồi.

Thực ra là quá muộn đối với chúng tôi. Dầu vậy, ngày 26 tháng Giêng, tôi vẫn thực hiện một nỗ lực cuối cùng. Tôi gửi giặc thư cho 80 nhân vật trọng yếu trong chính phủ, Bộ Chỉ huy Tối cao và trên chính trường nhằm thuyết phục họ rằng kẻ thù sẽ tấn công bằng một lực lượng cơ giới hùng hậu cả trên bộ và trên không; rằng vì vậy mà mặt trận của chúng tôi có thể bị bẻ gãy bất kỳ lúc nào; rằng nếu không trang bị những lực lượng ứng phó tương đương, chúng tôi sẽ phải đối mặt với nguy cơ bị tiêu diệt; rằng phải ngay lập tức ra quyết định tạo ra cái công cụ chiến đấu cần thiết đó; rằng song song với việc khẩn trương tiến hành việc sản xuất chế tạo, phải gấp rút tập trung một quân đoàn cơ giới dự bị gồm các đơn vị khả dĩ có thể tham gia vào quân đoàn cơ giới – dù là các đơn vị đang hoạt động hay đang trong quá trình hình thành.

Tôi kết luận: “Bằng bất cứ giá nào, nhân dân Pháp không được rơi vào cái ảo tưởng rằng chính sách án binh bất động hiện nay là phù hợp với bản chất của cuộc chiến đang diễn ra. Trái lại mới đúng. Cổ máy quân sự mang đến cho các phương tiện hủy diệt hiện đại một sức mạnh, một tốc độ, một phạm vi hoạt động lớn đến nỗi chẳng sớm thì muộn, cuộc xung đột hiện nay cũng sẽ tràn ngập những cuộc chuyển quân, những bất ngờ, những cuộc đột phá, những cuộc truy đuổi có quy mô và tốc độ vượt xa so với những biến cố đột ngột nhất từng xảy ra trong quá khứ... Đừng mơ hồ nữa! Cuộc xung đột lần này rất có thể là cuộc xung đột kéo dài nhất, phức tạp nhất, ác liệt nhất trong tất cả những cuộc xung đột từng tàn phá trái đất. Căn nguyên của nó, tức cuộc khủng hoảng về chính trị, kinh tế, xã hội và đạo đức, diễn ra sâu sắc và rộng khắp đến mức khi cuộc xung đột này kết thúc thì cũng là lúc tình hình của các dân tộc và cơ cấu của các nhà nước đều bị đảo lộn từ trong ra ngoài. Và giai đoạn hài hòa bấp bênh hiện nay đang mang đến cho cuộc cách mạng này một công cụ quân sự – chính là quân đoàn cơ giới – có tỉ lệ khớp với quy mô khổng lồ của nó. Đã đến lúc Pháp phải ra quyết định rồi.”

Bức giác thư của tôi không gây một chấn động nào. Tuy nhiên, những ý tưởng và bằng chứng được trình bày trong đó cuối cùng cũng tạo được một chút hiệu quả. Cuối năm 1939 xuất hiện hai sư đoàn khinh binh cơ giới và một sư đoàn thứ ba đang trong quá trình hình thành. Nhưng đó mới chỉ là những đơn vị thám báo, tuy rất đặc lực khi dẫn đường cho một đội quân thiết giáp lớn song sẽ không làm được gì nhiều nếu không có đội quân này. Ngày 2 tháng Chạp năm 1938, theo yêu cầu khẩn khoản của Tướng Billotte, Hội đồng Chiến tranh Cấp cao quyết định thành lập hai sư đoàn thiết giáp, một sẽ được thành lập vào đầu năm 1940 và một dự kiến thành lập vào tháng Ba. Các sư đoàn này sẽ được trang bị một số xe tăng 30 tấn loại B – đây là loại xe tăng mà những phiên bản đầu tiên đã xuất hiện từ 15 năm trước và lúc này, rốt cuộc người ta cũng đưa vào sản xuất 300 chiếc. Nhưng các sư đoàn này, bất luận máy móc của họ có chất lượng tới đâu chăng nữa, vẫn còn xa mới có được cái sức mạnh như tôi đã đề xuất. Mỗi sư đoàn sẽ chỉ có 120 xe tăng trong khi tôi yêu cầu đến 500 chiếc. Mỗi sư đoàn chỉ có một tiểu đoàn bộ binh di chuyển bằng xe tải, trong khi theo tôi phải có bảy tiểu đoàn dùng xe xích đi trên mọi địa hình. Mỗi sư đoàn chỉ có hai nhóm pháo binh trong khi tôi thấy cần phải có bảy nhóm pháo binh được trang bị pháo bắn mọi góc. Không sư đoàn nào có nhóm trinh sát trong khi theo tôi mỗi sư đoàn phải nên có một nhóm. Cuối cùng, đối với tôi chỉ có thể có lối sử dụng các đơn vị cơ giới theo hình thức một đội quân độc lập với cách tổ chức và điều khiển tương ứng. Nhưng trái lại, người ta lại thiết kế theo hướng bổ sung các sư đoàn thiết giáp vào các đạo quân kiểu cũ – nói cách khác là gom họ vào trong sự bố trí chung.

Những dấu hiệu thay đổi yếu ớt đang xuất hiện ngoài chủ ý trên bình diện quân sự cũng bắt đầu xuất hiện trên chính trường. Cái trạng thái hưng phấn mà “cuộc chiến tranh kỳ quặc”^[34] gieo vào giới lãnh đạo từ buổi đầu đã dần tan biến. Trước những lệnh động viên hàng triệu nam giới, những khoản chi tiêu khổng lồ và việc toàn bộ nền công nghiệp đều tập trung vào sản xuất vũ khí, tình hình cả nước đều bị xáo trộn mà hậu quả của nó đã hiển hiện rõ ràng trước mắt những chính khách đang hoảng hốt. Hơn nữa,

không có dấu hiệu nào cho thấy kẻ thù đang dần suy yếu đi như kỳ vọng của cuộc phong tỏa. Tuy không ai lên tiếng đề xuất bất kỳ chính sách chiến tranh nào khác – mà họ cũng không có phương tiện để làm điều đó – nhưng mỗi người đều hướng nỗi bồn chồn và sự căm phẫn của mình vào chính sách đang được triển khai. Thói thường, khi chế độ không có khả năng áp dụng những biện pháp khả dĩ lẽ ra đã có thể cứu vãn tình hình mà chỉ một hai đưa tay che mắt mình và che mắt công luận, thì một cuộc khủng hoảng nội các nảy ra. Ngày 21 tháng Ba, quốc hội lật đổ nội các Daladier. Ngày 23, ông Paul Reynaud thành lập chính phủ mới.

Tôi được thủ tướng mới triệu tập về Paris và, theo yêu cầu của ông, tôi thảo một bản tuyên bố rõ ràng, ngắn gọn để đọc trước quốc hội. Bản tuyên bố này được ông tiếp nhận mà không thay đổi gì cả. Rồi với những kế hoạch bí mật đã ấp ủ trong đầu, tôi tới cung điện Palais-Bourbon ^[35] và đứng từ ngoài hành lang quan sát quang cảnh trình bày bản tuyên bố đó.

Tình hình thật kinh khủng. Sau khi người đứng đầu chính phủ đọc bản tuyên bố chính sách trước một quốc hội đầy hoài nghi và lãnh đạm, phát ngôn viên của các phe phái hay những người cho rằng mình chịu thiệt thòi trong chính phủ mới thi nhau đứng lên tranh luận. Mỗi hiểm nguy đang đe dọa tổ quốc, sự cần thiết của một nỗ lực toàn dân, sự hợp tác của thế giới tự do – tất cả chỉ được nêu ra để làm vật trang trí cho những lời tuyên bố và những lời phàn nàn. Chỉ riêng Léon Blum, dù không được bổ nhiệm vào vị trí nào, phát biểu với tinh thần cao thượng. Nhờ ông mà Paul Reynaud giành được phần thắng, tuy là với tỉ lệ chênh lệch phiếu bầu rất thấp. Chính phủ mới nhận được đa số phiếu tín nhiệm nhờ hơn được một lá phiếu. Về sau, ông Herriot, Chủ tịch Quốc hội, nói với tôi: “Thực lòng thì tôi không dám chắc là chính phủ đó có được một lá phiếu ấy đâu.”

Trước khi quay trở lại vị trí công tác của mình ở Wangenbourg, tôi lưu lại vài ngày bên Thủ tướng; lúc này ông đã đặt trụ sở tại Quai d’Orsay. Khoảng thời gian đó cũng đủ để cho tôi thấy chế độ đã suy đồi tới đâu. Trong tất cả các đảng phái, trên báo chí, trong chính quyền, trong kinh doanh, trong các nghiệp đoàn, đâu đâu cũng có những nhóm có ảnh hưởng

công khai đứng ra ủng hộ ý tưởng ngừng cuộc chiến. Giới thạo tin cho hay đây là quan điểm của Thống chế Pétain, Đại sứ Pháp tại Madrid, và qua người Tây Ban Nha hẳn ông cũng đã biết được rằng người Đức sẽ sẵn lòng thương lượng. Người ta bàn tán khắp nơi rằng: “Nếu chính phủ Reynaud sụp đổ, Laval sẽ lên nắm quyền với Pétain ở bên cạnh. Thực ra, ông Thống chế có khả năng khiến Bộ Chỉ huy Tối cao chấp nhận đình chiến.” Người ta cũng truyền tay nhau hàng ngàn tờ bướm dài ba trang in hình Thống chế: trang đầu tiên là Thống chế trong hình ảnh một lãnh đạo vinh quang trong cuộc Đại chiến với lời chú thích: “Hôm qua là một chiến sĩ vĩ đại”, trang tiếp theo là Thống chế trong hình ảnh ngài đại sứ: “Hôm nay là một nhà ngoại giao vĩ đại”, và cuối cùng là hình ảnh một nhân vật to lớn nhưng không rõ nét: “Ngày mai thì sao?”

Cần phải nói rằng một số nhóm muốn coi Staline là kẻ thù chứ không phải Hitler. Họ bận tâm tới những phương tiện dùng để tấn công Nga – có thể bằng cách giúp Phần Lan, hoặc ném bom Bakou, hoặc đổ bộ vào Stamboul – hơn là nghĩ cách đương đầu với đế quốc Đức. Nhiều người còn công khai bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với Mussolini. Ngay trong chính phủ cũng có những kẻ tìm cách mua về cho Pháp sự ân sủng của Duce [36] thông qua việc nhượng cho hãn Djibouti, Tchad [37], và chia sẻ quyền quản lý chung nước Tunisie. Phía Cộng sản, vốn đã âm ỉ tập hợp nhau lại vì sự nghiệp dân tộc khi Berlin chống lại Moscou, giờ đây quay sang nguyên rủa chiến tranh “tư bản” khi Molotov và Ribbentrop bắt tay thỏa thuận với nhau [38]. Còn quần chúng thì mất phương hướng; cảm nhận thấy rằng không có điều gì và không có ai trong tầng lớp lãnh đạo nhà nước có thể kiểm soát được tình hình, họ trù trừ trong hoài nghi và mông lung. Rõ ràng là nếu tình hình đảo ngược lại thì có thể gây nên một làn sóng kinh hãi và sững sờ trên khắp đất nước, và làn sóng này có thể cuốn phăng tất cả.

Trong bầu không khí tệ hại đó, ông Paul Reynaud cố thiết lập uy quyền của mình. Điều này càng khó khăn hơn khi ông thường xuyên xung đột với ông Daladier, thủ tướng tiền nhiệm của ông nhưng vẫn còn trong chính phủ trên cương vị Bộ trưởng Quốc phòng và Bộ trưởng Chiến tranh.

Không thể thay đổi được tình huống kỳ quặc này, bởi đảng cấp tiến – nếu không có sự khoan nhượng của họ thì chính phủ mới có lẽ đã sụp đổ – nhất quyết yêu cầu lãnh tụ của họ phải có vị trí trong chính phủ nhằm đợi thời cơ chiếm lại quyền lãnh đạo. Cùng lúc đó, ông Paul Reynaud vì nôn nóng muốn mở rộng cái đa số ít ỏi của mình mà cố tìm cách làm dịu đi thành kiến của những người ôn hòa đối với ông. Đây quả là một công việc gian nan, bởi một bộ phận không nhỏ của phe hữu mong muốn được hòa bình với Hitler và thỏa thuận với Mussolini. Do đó ông Thủ tướng buộc phải đưa ông Paul Baudouin, người hoạt động rất tích cực trong các nhóm này, làm Thứ trưởng Ngoại giao, đồng thời bổ nhiệm ông này làm thư ký Hội đồng Chiến tranh mà ông mới lập ra.

Thật ra ông Paul Reynaud đã nghĩ tới việc giao phó chức vụ này cho tôi. Hội đồng Chiến tranh có thể đóng một vai trò quyết định bởi họ phụ trách việc tổ chức chiến tranh, và xuất phát từ mục tiêu này họ tập hợp các vị bộ trưởng chính yếu cũng như các vị tổng tư lệnh của quân đội, hải quân và không quân. Nhiệm vụ của thư ký Hội đồng là chuẩn bị các cuộc thảo luận, tham dự các buổi họp, thông báo các quyết định và theo dõi việc thực thi các quyết định đó. Nhiều điều sẽ phụ thuộc vào cách thức thực hiện nhiệm vụ này ra sao. Nhưng trong khi ông Paul Reynaud mong muốn tôi đảm đương công việc này thì ông Daladier lại không đồng ý. Khi người đưa tin của Thủ tướng tới đường Saint-Dominique ^[39] để thông báo về mong muốn này, ông Daladier đáp lại ngay lập tức: “Nếu De Gaulle tới đây, tôi sẽ rời văn phòng này, bước xuống cầu thang và gọi điện yêu cầu ông Paul Reynaud đặt anh ta thế vào chỗ của tôi.”

Ông Daladier hoàn toàn không thù ghét gì con người tôi. Đích thân ông đã chứng tỏ điều đó khi một thời gian trước đây, trên cương vị bộ trưởng, ông chủ động ghi tên tôi vào danh sách nâng bậc trong lúc đám thư ký âm mưu gạt tôi ra. Nhưng vốn là người chịu trách nhiệm quốc phòng từ nhiều năm nay, ông Daladier đã trở nên gắn bó với hệ thống hiện hành. Ông nhận thấy chẳng sớm thì muộn các biến cố tự chúng sẽ đưa ra lời phán xét. Ông cũng lường trước được những hậu quả tai hại mà lời phán xét đó

sẽ gây ra, đồng thời cho rằng dù sao cũng đã quá muộn màng để thay đổi tổ chức này, và thế là hơn bao giờ hết, ông bám chặt vào những quan điểm mà mình đã xác lập. Mà đối với tôi, việc đảm đương vai trò thư ký Hội đồng Chiến tranh bất chấp sự chống đối của ông Bộ trưởng Quốc phòng cố nhiên là điều không thể. Tôi lại lên đường ra mặt trận.

Trước khi đi tôi tới gặp Tướng Gamelin [\[40\]](#); ông mời tôi tới doanh trại của mình tại lâu đài Vincennes. Ông ở đó, trong một khung cảnh giống như tu viện, được một số ít sĩ quan phục vụ. Ông làm việc và suy tư mà không vướng bận vào những công việc thường nhật. Ông để Tướng Georges [\[41\]](#) chỉ huy mặt trận Đông Bắc – một sự sắp xếp hiệu quả nếu như không có chuyện gì xảy ra, nhưng cố nhiên mặt trận sẽ không thể trụ được nếu chiến trận nổ ra. Về phần mình, Tướng Georges được đặt cơ sở tại La Ferté-sour-Jouarre với một phần của bộ tham mưu, còn các sĩ quan khác làm việc tại Montry dưới quyền điều khiển của Tướng Doumère trong vai trò tham mưu trưởng. Thực ra, cơ cấu của bộ chỉ huy tối cao bị cắt thành ba khúc. Trong tháp ngà của mình ở Vincennes, tướng Gamelin giống như một nhà bác học đang ngồi trong phòng thí nghiệm và thử nghiệm những phản ứng trong chiến lược của mình.

Trước tiên, ông cho tôi biết ý định nâng số sư đoàn thiết giáp từ hai lên bốn sư đoàn, đồng thời cũng thông báo với tôi về quyết định giao cho tôi quyền chỉ huy sư đoàn thứ tư vốn sẽ được thành lập từ ngày 15 tháng Năm. Dù có những cảm nghĩ gì trước sự chậm trễ vô phương cứu chữa của chúng tôi đối với việc xây dựng các lực lượng cơ giới, tôi vẫn rất đổi tự hào khi thấy mình, trong tư cách đại tá, được giao nhiệm vụ chỉ huy một sư đoàn. Tôi nói điều này với Tướng Gamelin; ông đáp lời giản dị:

Tôi biết là anh sẽ hài lòng mà. Còn những mối lo lắng của anh, tôi nghĩ rằng chúng không có cơ sở.

Sau đó vị Tổng Tư lệnh nói với tôi về tình hình theo cách nhìn của ông. Ông trải tấm bản đồ ghi cách bố trí lực lượng của địch và chúng tôi rồi nói Đức có thể sẽ tấn công trong tương lai gần. Theo dự đoán của ông, cuộc tấn công này sẽ chủ yếu hướng về Hà Lan và Bỉ với mục tiêu là tỉnh Pas-

de-Calais nhằm cắt chúng tôi khỏi người Anh. Nhiều dấu hiệu cho ông thấy rằng trước tiên kẻ thù sẽ thi hành một chiến dịch khổng lồ hoặc nghi binh về phía các nước Bắc Âu. Bản thân ông tỏ ra không những tự tin vào cách bố trí cũng như vào giá trị các lực lượng của mình mà còn mãn nguyện, thậm chí nóng lòng muốn trông thấy họ được đưa vào thử thách. Nghe ông nói, tôi nhận thấy rằng ông đã nuôi dưỡng và bỏ công chăm chút cho một hệ thống quân sự, và nó đã trở thành một niềm tin đối với ông. Tôi cũng nhận thấy rằng khi nhắc tới tấm gương của Joffre – người mà ông từng là phụ tá thân cận đồng thời cũng phần nào là người truyền cảm hứng cho ông vào những ngày đầu cuộc Đại Chiến – ông đã đi đến chỗ tin rằng ở vị trí của mình, điều quan trọng là phải đặt ý chí vào một kế hoạch được xác định rõ ràng, và sau đó không được để bất kỳ điều gì làm cho chệch hướng. Là con người mà trí thông minh, sự nhạy bén trong nhận thức, và tinh thần tự chủ đã đạt tới một cấp độ rất cao, ông không mảy may nghi ngờ rằng trong trận đánh sắp tới, ông sẽ giành chiến thắng.

Tôi cáo biệt người thủ lĩnh vĩ đại với lòng kính phục xen lẫn cảm giác bồn chồn không yên. Ông ở đó, trong tòa tháp ngà của mình, sẵn sàng đảm đương một trọng trách bất ngờ, chơi trò được ăn cả ngã về không trong một nước đi mà tôi cho là sai lầm.

Năm tuần sau, bão tố nổ ra. Sau khi đánh chiếm Đan Mạch và gần trọn Na Uy, ngày 10 tháng Năm, kẻ thù phát động cuộc tấn công quy mô lớn. Cuộc tấn công được thực hiện hoàn toàn bằng các lực lượng cơ giới và không quân, các đơn vị quân đi theo sau nhưng không cần tham chiến toàn lực. Mười sư đoàn thiết giáp và sáu sư đoàn cơ giới chia thành hai tập đoàn quân Hoth [42] và Kleist [43] hối hả tiến về phía Tây. Bảy trong mười sư đoàn thiết giáp trên vượt rừng Ardenne tới sông Meuse [44] trong ba ngày. Ngày 14 tháng Năm họ đã vượt qua con sông này tại Dinant, Givet, Monthermé, và Sedan với sự yểm trợ của bốn đại đơn vị cơ giới. Phi đội máy bay bổ nhào bám sát theo họ, còn máy bay ném bom đánh phá các tuyến đường sắt và ngã tư đặng sau phòng tuyến của chúng tôi làm tê liệt giao thông. Ngày 18 tháng Năm, sau khi vượt qua Phòng tuyến Maginot,

phá vỡ lực lượng bố phòng và tiêu diệt một đạo quân của chúng tôi, bảy sư đoàn này tập hợp quanh Saint-Quentis, sẵn sàng đột kích vào Paris hoặc Dunkerque. Trong lúc đó, ba sư đoàn thiết giáp còn lại với sự hộ tống của hai sư đoàn cơ giới hoạt động tại vùng các quốc gia thấp [45] và Brabant đã khiến cho 800.000 quân Đồng minh ở đây gồm quân đoàn Hà Lan, quân đoàn Bỉ, quân đoàn Anh và hai quân đoàn Pháp lâm vào thế võ trận. Có thể nói trong một tuần lễ, số phận của chúng tôi đã được an bài. Giờ đây, với một tốc độ chóng mặt, quân đội, nhà nước, và cả nước Pháp cùng nhau lao xuống một cái dốc chết người mà một sai lầm chết người từ lâu đã dành sẵn nó cho chúng tôi.

Tuy nhiên, vẫn còn có 3.000 xe tăng hiện đại của Pháp và 800 xe trang bị súng liên thanh. Quân Đức không có nhiều hơn số này. Nhưng theo kế hoạch, chúng tôi lại phân bố xe rải đều khắp các khu vực của mặt trận. Hơn nữa, phần lớn xe đều không được thiết kế hay vũ trang để tạo thành một khối tác chiến. Thậm chí vài đại đơn vị cơ giới ít ỏi được bố trí trong thế trận cũng chỉ được điều động riêng rẽ. Ba sư đoàn khinh binh vốn đã được tung về phía Liège và Breda với nhiệm vụ thám báo đã nhanh chóng bị gọi trở lại rồi được dàn ra để trấn giữ một mặt trận. Sư đoàn Thiết giáp 1 được khôi phục thành một quân đoàn và đơn thương độc mã thực hiện một cuộc phản kích ngày 16 tháng Năm tại phía Tây Namur, sau đó bị bao vây và tiêu diệt. Cùng ngày, Sư đoàn 2 di chuyển bằng xe lửa về phía Hirson nhưng khi xuống xe thì từng đơn vị của họ đều lần lượt bị nuốt chửng vào trong sự hỗn loạn chung. Ngày trước đó, tại phía nam Sedan, Sư đoàn III vừa mới thành lập đã lập tức bị chia tách giữa những tiểu đoàn của một sư đoàn bộ binh và từng tốp bị nhấn chìm trong một cuộc phản kích vô vọng. Nếu các đơn vị cơ giới được tập hợp từ trước, thì dẫu vẫn còn những điểm yếu song hẳn họ đã có thể giáng cho quân xâm lược những đòn đáng sợ rồi. Nhưng vì biệt lập với nhau nên sáu ngày sau khi các quân đoàn thiết giáp Đức đem quân đi khai chiến, họ chỉ còn là những mụn giẻ rách bươm. Về phần tôi, khi nhận ra sự thật qua từng mẫu tin tức, tôi chỉ mong tất cả đều chỉ là nhầm lẫn.

Nhưng trận chiến, dù thảm hại, vẫn khiến người lính quên đi chính mình. Đến lượt trận đánh này tóm lấy tôi. Ngày 11 tháng Năm, tôi nhận được lệnh chỉ huy Sư đoàn Thiết giáp 4 – thực chất sư đoàn này không tồn tại nhưng các đơn vị của nó, vốn đóng ở nhiều điểm rất xa nhau, sẽ dần dần được đặt dưới quyền chỉ đạo của tôi. Từ địa điểm đóng quân ở Vésinet, ngày 15 tháng Năm, tôi được gọi về Tổng Hành dinh để nhận nhiệm vụ.

Tham mưu trưởng là người thông báo cho tôi. Nhiệm vụ có phạm vi rất rộng. Tướng Doumenc nói với tôi:

Bộ Chỉ huy muốn lập một mặt trận phòng thủ trên sông Aisne và sông Ailette để chặn đường tới Paris. Quân đoàn 4 được thành lập từ các đơn vị ở miền Đông do Tướng Touchon chỉ huy sẽ triển khai tại đây. Sư đoàn của ông sẽ hoạt động độc lập trước ở vùng Laon, nhiệm vụ của anh là tranh thủ được thời gian cần thiết để Quân đoàn IV thiết lập vị trí. Tướng Georges, Tổng Tư lệnh mặt trận Đông Bắc, cho ông toàn quyền quyết định những phương tiện sẽ sử dụng. Thực ra ông sẽ chỉ thừa lệnh trực tiếp từ riêng ông ấy thôi. Thiếu tá Chomel sẽ bảo đảm việc liên lạc.”

Tướng Georges tiếp tôi, bình tĩnh, thân tình, nhưng lộ rõ vẻ chần chừ. Ông xác nhận thông tin về những gì ông mong đợi ở tôi và bổ sung thêm:

Nào, de Gaulle! Từ lâu anh đã có những tư tưởng mà kẻ thù hiện nay đang thực hiện. Đây là cơ hội cho anh hành động đấy.

Sau đó, các đơn vị hành chính làm hết sức để gửi những đơn vị đã được phê duyệt dành cho tôi tới Laon càng sớm càng tốt. Theo quan sát của tôi, bộ tham mưu tuy chìm ngập trong vô số những vấn đề về chuyển quân và vận chuyển lúc này vốn đang nổi lên khắp nơi vì cuộc đột kích cũng như những hỗn loạn ập đến vào những ngày khủng khiếp này, nhưng vẫn cố gắng thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất có thể. Dẫu sao, ai cũng có thể cảm nhận được rằng niềm hy vọng đang rời bỏ chúng tôi, và động lực trong chúng tôi cũng đã tan vỡ.

Tôi vội vã lên đường tới Laon, lập bản doanh tại Bruyères, phía Đông Nam thành phố, và đi một vòng thị sát các vùng lân cận. Quân đội Pháp trong vùng chỉ có một vài đơn vị tàn mả thuộc Sư đoàn Kỵ binh 3, một nhóm người trấn giữ thành Laon, và Nhóm Pháo binh độc lập 4 – nhóm này

gồm những con người trung hậu chỉ được trang bị súng cạc-bin; họ đã nhận được chỉ thị là có thể dùng đến hóa chất trong trường hợp khẩn cấp, nhưng họ vô tình đã bị lãng quên ở đây. Tôi sáp nhập nhóm này và, trước sự ngạc nhiên của họ, bố trí họ giữ an ninh dọc theo Kênh Sissonne. Ngay buổi chiều cùng ngày, các đội tuần tra của địch đã đụng độ với họ.

Ngày 16, những nhân vật đầu tiên trong bộ tham mưu của tôi tới nơi. Tôi thực hiện những cuộc thám sát và thu thập tin tức. Ấn tượng mà tôi rút ra từ đó là các lực lượng đông đảo của Đức đã băng qua vùng rừng Andennes ở Rocroi và Mézières và lúc này đang hành quân không phải về hướng nam mà về hướng tây để tới Saint-Quentin, sườn trái của họ được một cánh quân yểm trợ tới tận phía nam vùng Serre. Những người lính nạn kéo nhau đi thành đoàn trên khắp các ngã đường từ phía bắc đổ lại. Tôi cũng thấy trong đó nhiều binh lính bị mất hết vũ khí. Họ là người của những đội quân đã bị các sư đoàn thiết giáp Đức đánh tan tác trong những ngày trước đây. Trên đường tháo chạy, họ bị các phân đội cơ giới Đức bắt lại và lệnh cho họ phải bỏ lại vũ khí và chạy về phía nam để tránh làm tắc nghẽn các con đường, bởi: “Bọn ta không có thì giờ bắt chúng mày làm tù binh!”

Chứng kiến cảnh tượng người dân và binh lính hoang mang ngơ ngác chạy trên đường, và khi nghe chuyện về thái độ ngạo mạn khinh khỉnh của kẻ thù, trong tôi trào dâng một cơn cuồng nộ vô bờ. A! Thật quá ngu xuẩn! Cuộc chiến đang bắt đầu một cách trầm trọng hết mức. Vì thế nó phải tiếp tục. Thế giới này thừa chỗ cho chiến tranh. Nếu tôi còn sống, tôi sẽ còn chiến đấu, chiến đấu ở bất kỳ nơi nào phải chiến đấu, chiến đấu tới khi nào vẫn cần phải chiến đấu, tới khi quân thù bị đánh bại và vết nhơ của dân tộc được gột sạch mới thôi. Đó là ngày quyết định cho tất cả những gì tôi cố gắng thực hiện sau này.

Trước tiên, tôi quyết định dùng bất kỳ lực lượng nào đã đến được với tôi để mở cuộc tấn công ngay vào sáng hôm sau. Tôi sẽ tiến quân về hướng đông bắc khoảng 20 cây số để tới vùng Montcornet trên sông Serre, ngã tư của những con đường dẫn tới Saint-Quentin, Laon và Reims. Sau đó tôi sẽ cắt ngã đường thứ nhất, khiến quân thù không thể dùng nó để hành quân về

phía tây được; tôi cũng sẽ chặn hai ngã đường còn lại bởi chúng có thể dẫn địch quân tiến thẳng tới mặt trận mỏng manh của Quân đoàn 6. Tính tới rạng đông ngày 17 tháng Năm, tôi đã nhận được ba tiểu đoàn xe tăng: một tiểu đoàn tăng Loại B (Tiểu đoàn [\[46\]](#)) thuộc Lữ đoàn Hỗn hợp 6 được tăng cường một đại đội tăng D246; hai tiểu đoàn còn lại được đội xe tăng Renault 35 [\[47\]](#) (gồm các Tiểu đoàn 2 và 24) hộ tống, tạo thành Lữ đoàn Hỗn hợp 8. Tôi ra lệnh cho họ tiến quân ngay khi trời sáng. Vừa đi họ vừa quét sạch những đơn vị địch quân xâm lược và tới Montcornet. Đến chiều họ chiến đấu tại các vùng phụ cận và bên trong vùng, đánh tan nhiều ổ bắn tia cũng như nã pháo vào các đoàn xe Đức đang cố đi qua. Nhưng tại vùng Serre, quân thù rất đông. Không có sự yểm trợ nào, đương nhiên xe tăng của chúng tôi không thể nào vượt qua được.

Trong ngày, Tiểu đoàn Kỵ binh 6 tới nơi. Họ vừa đến thì được tôi điều đi đánh một đội quân tiền phong địch gần Chivres – đội này đã để cho xe tăng của chúng tôi đi qua rồi sau đó mới lộ diện. Nhiệm vụ hoàn tất nhanh chóng. Nhưng từ phía bắc vùng Serre, quân Đức nã pháo vào chúng tôi trong khi pháo của chúng tôi vẫn chưa vào vị trí. Suốt buổi chiều, những chiếc Stuka [\[48\]](#) không ngừng rạch trời lao xuống rồi lại biến mất để tấn công xe tăng và xe tải. Chúng tôi không có gì trong tay để đáp trả. Cuối cùng, những phân đội cơ giới của Đức, bấy giờ càng lúc càng đông và hung hăng hơn, bắt đầu tấn công từ phía sau. Cách vùng Aisne 30 cây số về phía trước, chúng tôi như những đứa trẻ lạc đường; cần phải chấm dứt tình cảnh mà theo cách nói nhẹ nhàng nhất là đầy rủi ro này.

Đêm đến, tôi cho Trung đoàn trinh sát Thiết Kỵ binh 10, lúc này vừa đến nơi, giáp chiến với địch quân, đồng thời tôi cũng đưa xe tăng và kỵ binh lùi về Chivres. Nhiều trăm lính Đức chết và nhiều xe tải bị cháy rụi nằm la liệt trên chiến trường. Chúng tôi bắt giữ 130 tù binh và thiệt hại gần 200 người. Sau lưng chúng tôi, trên các con đường, những người lánh nạn đã không còn hốt hải chạy nữa. Một số thậm chí còn quay trở về. Bởi giữa những đoàn người buồn bã đó đã lan truyền tin đồn rằng quân đội Pháp đã tiến lên.

Giờ đây chúng tôi không hành động ở phía đông bắc nữa, mà phải hướng về phía bắc Laon, bởi các lực lượng quan trọng của địch từ Marle di chuyển về phía tây đang men theo sông Serre để tới La Ferè. Cùng lúc, các cánh quân bên sườn của Đức cũng bắt đầu tỏa ra ở phía nam và có cơ tới Ailette. Sư đoàn Thiết giáp 4 tranh thủ đêm 18 rạng 19 tháng Năm để bố trí lực lượng tại các cửa ngõ phía bắc vùng Laon. Giữa lúc đó tôi nhận được tăng viện: Tiểu đoàn Thiết Kỵ binh 3, tức là hai đại đội tăng Somua [49], và Trung đoàn Pháo binh 322 với hai nhóm pháo 75. Ngoài ra, Tướng Périer, chỉ huy trưởng Sư đoàn Khinh kỵ 3, cũng đã hứa sẽ yểm trợ tôi bằng pháo của đơn vị ông đóng tại các điểm gần Laon.

Đúng là trong số 150 chiếc xe tăng mà tôi đang có trong tay lúc này, chỉ có 30 chiếc tăng Loại B và trang bị pháo 75, khoảng 40 chiếc D2 hoặc Somua với pháo nhỏ cỡ 47, còn lại đều là tăng Renault 35 trang bị pháo tầm ngắn cỡ 37 và chỉ hiệu quả ở tối đa 600 mét. Đúng là mỗi kíp tăng Somua đều gồm có một trưởng xa chưa từng bắn đại bác và một lái xe mới lái được bốn giờ. Đúng là cả sư đoàn chúng tôi chỉ có một tiểu đoàn bộ binh duy nhất, và họ lại di chuyển bằng xe buýt nên rất dễ bị tấn công trên đường. Đúng là pháo binh chỉ mới vừa được thành lập từ những phân đội với vũ khí được nhặt nhạnh từ nhiều kho khác nhau và nhiều sĩ quan trong đó gặp mặt binh lính của mình lần đầu tiên ngay trên chiến trường. Đúng là chúng tôi không có mạng vô tuyến và tôi chỉ có thể chỉ huy bằng cách phái người đi xe mô tô tới các đơn vị để truyền lệnh, và nhất là bằng cách đích thân đi gặp họ. Đúng là tất cả các đơn vị đều rất thiếu thốn phương tiện vận chuyển, người – vật thay thế, và thực phẩm dự trữ mà bình thường phải có. Thế nhưng từ sư đoàn lập vội này toát lên bầu không khí nhiệt huyết đều khắp. Tiến lên nào! Suối nguồn không cạn bao giờ.

Rạng sáng ngày 19, toàn sư đoàn tiến quân! Những chiếc xe tăng thẳng tiến về phía các cây cầu ở Crécy, Montiers và Pouilly để cắt đường tới La Fère của quân thù. Pháo binh đi theo sau họ. Bên cánh phải, trung đoàn trinh sát và tiểu đoàn kỵ binh yểm trợ cho họ dọc sông Baranton; chúng tôi cũng tiến hành trinh sát về hướng Marle. Buổi sáng diễn ra suôn

sẻ. Chúng tôi tới sông Serre sau khi đã đánh đuổi nhiều đơn vị địch xâm nhập vào trong vùng. Nhưng ở phía bắc con sông, địch quân nắm lợi thế. Chúng tập trung số lượng quân lớn để trấn giữ các điểm giao cắt và tiêu diệt những chiếc xe tăng của chúng tôi khi chúng tôi tìm cách tới gần. Chúng đưa trọng pháo vào trận. Trên thực tế, chúng tôi đang giáp chiến với những đại đơn vị của Đức lúc này đang đổ dồn về phía Saint-Quentin. Để có thể vượt qua con sông và đưa xe tăng tiến lên, chúng tôi cần bộ binh – nhưng chúng tôi lại không có bộ binh – và một lực lượng pháo binh hùng mạnh hơn. Trong những giờ phút cam go này tôi không khỏi chạnh nghĩ tới những gì mà một quân đoàn cơ giới như mong mỗi bấy lâu của tôi đã có thể làm được. Giá mà ngày hôm ấy đội quân ấy có mặt ở đó để bất ngờ đổ ra ở Guise thì hẳn bước tiến của các sư đoàn thiết giáp Đức đã bị chặn đứng rồi; phía sau lưng địch sẽ bị rối loạn và các quân đoàn miền Bắc sẽ có thể nhập vào cùng với các quân đoàn miền trung và miền đông một lần nữa.

Nhưng ở phía bắc Laon chỉ có những phương tiện nghèo nàn. Vậy là chính quân Đức vượt qua sông Serre. Chúng đã làm được điều đó từ hôm trước, tại Montcornet nơi chúng tôi không còn hiện diện nữa. Từ buổi trưa, chúng cũng đã làm công việc tương tự tại Marle. Với số đông xe tăng, đại bác gắn động cơ, súng cối chở trên xe, bộ binh cơ giới hóa, chúng tấn công vào cánh phải của chúng tôi trên sông Baranton và các vùng hậu cứ của chúng tôi tại Chambry. Và lúc này những chiếc Stuka lại xuất hiện! Chúng ném bom tới tận đêm và gây ra nhiều tác động đáng kể lên xe cộ của chúng tôi vốn không thể ra khỏi các con đường và những khẩu pháo để ngoài trời. Vào đầu buổi chiều, Tướng Georges gửi lệnh yêu cầu tôi không tiến quân. Quân đoàn 5 đã triển khai xong, và sư đoàn của chúng tôi cần được điều động sang các nhiệm vụ khác ngay. Tôi quyết định làm cho quân thù phải chậm trễ thêm một ngày bằng cách trong đêm đó tập hợp lại sư đoàn quanh Vorges, sẵn sàng tấn công địch vào mạn sườn nếu chúng muốn tiến từ Laon tới Reims hoặc Soisson, và sang ngày hôm sau chúng tôi mới rút lui qua sông Aisne.

Việc di chuyển quân được thực hiện trong trật tự mặc dù đi tới đâu kẻ thù cũng tìm cách giữ chân chúng tôi lại. Tại cửa ra của các điểm đóng

quân, những trận giao tranh ngắn diễn ra suốt đêm. Ngày 20 tháng Năm, Sư đoàn Thiết giáp 4 tiến về phía Fisme và Braine, đúng vào hang ổ của địch; chúng đi đến đâu là kéo thành đàn đến đấy, trấn giữ nhiều điểm quan trọng và dùng xe bọc thép tấn công hàng ngũ của chúng tôi. Nhờ xe tăng dọn sạch các con đường và các ngã tiếp cận nên chúng tôi tới được Aisne mà không gặp thiệt hại nào đáng kể. Tuy nhiên, tại Festieux, Trung đoàn Thiết Kỵ binh 10, trung đoàn thám báo tạo thành đội quân tập hậu với một tiểu đoàn tăng, khó khăn lắm mới thoát được ra; và trên cao nguyên Craonne, đoàn xe vận tải của sư đoàn cũng di chuyển hết sức khó khăn và buộc phải bỏ lại đằng sau những chiếc xe tải bốc cháy.

Trong lúc Sư đoàn 4 đang hoạt động trong vùng Laon thì ở xa hơn về phía bắc, tình hình chiến sự diễn ra theo nhịp điệu khẩn trương của cuộc tiến quân của các sư đoàn thiết giáp Đức. Với quyết định sẽ thanh toán các quân đoàn đồng minh ở miền bắc trước khi tiêu diệt các quân đoàn ở miền trung và miền đông, Bộ Chỉ huy quân đội Đức đã thúc các lực lượng cơ giới hành quân về hướng Dunkerque. Vì vậy, bắt đầu từ Saint-Quentin, cuộc tấn công của kẻ thù chia thành hai đạo quân: một đạo quân tiến thẳng tới mục tiêu qua Cambrai và Donai và một đạo quân bám dọc bờ biển qua Étaples và Boulogne. Giữa lúc đó, hai sư đoàn thiết giáp Đức đánh chiếm Amiens và Abbeville và thiết lập ở phía nam sông Somme những đầu cầu sẽ rất hữu dụng sau này. Về phần các nước đồng minh, chiều ngày 20 tháng Năm, quân đội Hà Lan đã biến mất, quân đội Bỉ đang lui về phía tây, quân đội Anh và Quân đoàn 1 của Pháp bị chia cắt khỏi nước Pháp.

Cố nhiên, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp cũng thể hiện ý định thiết lập lại liên lạc giữa hai phần lực lượng của mình bằng cách đưa các cánh quân ở miền bắc từ Arras tấn công về phía Amiens và đưa cánh quân bên trái của nhóm quân ở miền trung từ Amiens tấn công về phía Arras. Đó là những mệnh lệnh của Tướng Gamelin vào ngày 19. Ngày 20 tháng Năm, Tướng Weygand thay thế vị trí của Tướng Gamelin và ngay ngày hôm sau ông lên đường tới thăm Bỉ; ông cũng là người tiếp quản thực hiện ý tưởng của Tướng Gamelin. Về mặt lý thuyết, kế hoạch đó rất hợp lý. Nhưng để thực thi được nó, bản thân Bộ Chỉ huy phải có hi vọng và ý chí chiến thắng.

Nhưng sự sụp đổ của toàn bộ hệ thống học thuyết và tổ chức mà các nhà lãnh đạo của chúng tôi đã gắn bó từ lâu đã tước đi động lực ở họ. Một thứ ức chế tinh thần khiến họ bất chợt quay sang hoài nghi tất cả, nhất là hoài nghi chính bản thân họ. Và từ thời điểm đó trở đi, những lực ly tâm sớm phát lộ nhanh chóng. Vua Bỉ nhanh nhẹn tính chuyện đầu hàng; Huân tước Gort [50] tính chuyện nhanh chân nhẹ bước lên tàu trở về Anh; và Tướng Weygand [51] dăm chiêu nghĩ chuyện đình chiến.

Giữa lúc Bộ Chỉ huy tan rã trong cơn thảm họa thì Sư đoàn Thiết giáp 4 di chuyển về phía tây. Đề xuất trước tiên là cho họ vượt sông Somme để dẫn đầu cuộc tấn công về phía bắc theo kế hoạch từ trước. Nhưng ý tưởng này đã bị gạt đi. Sau đó lại có đề xuất sử dụng ý tưởng này, nhưng là với những lực lượng khác, để đẩy lùi quân Đức khi chúng đã vượt qua sông Somme tại Amiens. Nhưng người ta không để sư đoàn chúng tôi dự phần vào kế hoạch này, mặc dù vẫn lấy đi một tiểu đoàn tăng của chúng tôi cho mục đích trên. Cuối cùng, vào đêm 26 rạng ngày 27 tháng Năm, Tướng Robert Altmayer, chỉ huy Quân đoàn 10 lúc này đang tập hợp lực lượng để vội vàng đưa tới hạ lưu sông Somme, ra lệnh cho Tư lệnh Sư đoàn 4 [52] – mới được phong tướng vào hôm kia – khẩn trương tiến quân về Abbeville để tấn công kẻ thù ngay lập tức; khi đó, địch quân đã thiết lập được một đầu cầu vững chãi ở phía nam thành phố.

Vào thời điểm này, sư đoàn chúng tôi đang đóng quân quanh Grand-Villiers. Chúng tôi đã lên đường từ ngày 22 tháng Năm, vượt qua Fismes, Soissons, Villiers-Cotterêts, Compiègne, Montdidier, và Beauvais – như vậy là trong năm ngày chúng tôi đã đi qua quãng đường dài 180 cây số. Có thể nói từ ngày được thành lập trên những cánh đồng vùng Montcornet, chúng tôi đã không ngừng chiến đấu và hành quân. Tình trạng những chiếc xe tăng đã chứng minh cho điều đó. Khoảng 30 chiếc đã bị bỏ lại dọc đường. Nhưng ngược lại, chúng tôi cũng nhận được nhiều sự viện trợ quý giá: một tiểu đoàn tăng Loại B (Tiểu đoàn 47); một tiểu đoàn tăng D2 (Tiểu đoàn 19); 20 tấn máy móc – nhưng tiếc là tôi buộc phải chia tay chúng trước khi đến Amiens; Trung đoàn Thiết Kỵ binh 7; một nhóm pháo 105;

một khẩu đội pháo phòng không; và năm khẩu đội pháo chống tăng cỡ 47. Ngoài trừ tiểu đoàn tăng D2, tất cả các đơn vị còn lại đều được thành lập vội vàng. Nhưng ngay khi đến với chúng tôi, họ đã được hòa mình vào bầu không khí sôi nổi của sư đoàn. Cuối cùng, để chuẩn bị cho nhiệm vụ mà tôi mới được giao phó, tôi cũng được giao toàn quyền sử dụng Trung đoàn Pháo binh Thuộc địa 22 và pháo của Sư đoàn Kỵ binh 2. Như vậy, tổng cộng sẽ có 140 xe tăng đang hoạt động tốt và sáu tiểu đoàn bộ binh với sự yểm trợ của sáu nhóm pháo binh thực hiện cuộc tấn công vào mặt trận phía nam của đầu cầu.

Tôi quyết định tấn công ngay vào chiều tối hôm đó. Do máy bay địch liên tục theo dõi sư đoàn nên chúng tôi chỉ có cơ hội tạo bất ngờ khi tấn công vào thời khắc quyết định. Từ một tuần nay chúng đã quay mặt về phía nam và trấn giữ hai ngôi làng Huppy ở phía tây và Bray-les-Mareuil trên sông Somme ở phía đông cũng như khu vực rừng Limeux và rừng Bailleul xen giữa hai làng. Phía sau, chúng đã bố trí lực lượng ở Bienfay, Villers, Huchenville, và Mareuil. Cuối cùng, chúng dùng núi Caubert ở cùng phía với sông Somme và có tầm nhìn ra Abbeville và các cây cầu làm cứ điểm trong kế hoạch phòng thủ. Ba phòng tuyến liên tiếp này là ba mục tiêu tôi xác định cho sư đoàn.

Chúng tôi ra trận vào lúc 6 giờ chiều. Lữ đoàn Hỗn hợp 6 gồm xe tăng hạng nặng và Tiểu đoàn Kỵ binh 4 tấn công Huppy; Lữ đoàn Hỗn hợp 8 gồm xe tăng hạng nhẹ và Trung đoàn Pháo binh Thuộc địa 22 tiến về phía hai khu rừng Limeux và Bailleul; Tiểu đoàn Thiết Kỵ binh 3 gồm xe tăng hạng trung và Trung đoàn Thiết Kỵ binh 7 tấn công Bray. Lực lượng pháo binh chính yểm trợ khu vực giữa. Vào chập tối, mục tiêu đầu tiên đã bị hạ. Tại Huppy, tàn quân của tiểu đoàn Đức đang chiếm giữ ngôi làng này đầu hàng. Gần Limeux, chúng tôi thu được một số thứ, trong đó có một vài giàn pháo chống tăng, và nhìn thấy khung những chiếc xe của lữ đoàn cơ giới Anh mà quân Đức đã phá hủy mấy hôm trước.

Trước bình minh, chúng tôi lại lên đường. Cánh quân bên trái cần phải đánh chiếm Moyenneville và Bienfay; cánh trung tâm chiếm Huchenneville và Villers; cánh phải phụ trách Mareuil. Các xe tăng Loại B đóng vai trò

chủ chốt trong cuộc tấn công; nhiệm vụ của họ là đi chéo từ phía tây về phía đông và cắt đứt vùng hậu cứ của phòng tuyến Đức. Mục tiêu cuối cùng của tất cả các cánh quân là núi Caubert. Đó là một ngày đầy cam go. Địch quân được tăng cường càng đánh dữ. Chúng đặt trọng pháo ở bờ phải sông Somme và dồn dập nã pháo vào chúng tôi. Những khẩu đội pháo khác từ trên núi Caubert dội xuống cũng làm chúng tôi điêu đứng. Tối chiều thì chúng tôi chiếm được mục tiêu thứ hai. Chỉ còn núi Caubert vẫn cố thủ. Xác binh lính chết ở cả hai phe nằm la liệt trên trận địa. Xe tăng của chúng tôi bị thiệt hại nặng nề. Chưa đến 100 chiếc còn có thể hoạt động được. Dầu vậy, một bầu không khí chiến thắng vẫn toát lên trên chiến trường. Mỗi người lính đều ngẩng cao đầu. Những người bị thương cũng nở nụ cười. Những tiếng súng vui mừng nổi lên. Trước mặt chúng tôi, trong một trận đánh giáp lá cà căng thẳng, quân Đức đã lùi bước.

Vài tuần sau, trong cuốn sách Abbeville kể về lịch sử Sư đoàn Blümm của Đức, đơn vị trấn giữ đầu cầu đó, Thiếu tá Gehring viết:

Thực ra chuyện gì đã xảy ra vào ngày 28 tháng Năm? Kẻ thù đã dùng các lực lượng thiết giáp hùng hậu tấn công quân ta. Các đơn vị chống tăng của ta đã chiến đấu anh dũng. Nhưng hiệu quả những đòn giáng trả của họ bị suy giảm đáng kể vì gặp phải lớp vỏ sắt. Vì vậy, nhờ xe tăng, kẻ thù có thể lọt qua được giữa Huppy và Caumont. Các hàng phòng thủ chống tăng của ta bị đè bẹp, bộ binh buộc phải rút lui...

Trong lúc những tin tức nguy cấp đổ về tổng hành dinh sư đoàn và dưới hỏa lực liên tục của pháo binh Pháp, vì không còn cách nào để liên lạc với các tiểu đoàn nơi tiền tuyến nên vị tướng chỉ huy sư đoàn phải đích thân tiến lên phía trước... Ông gặp những đội quân của ta đang thua chạy tán loạn và đã tập hợp họ lại rồi dẫn họ về các điểm phòng thủ nằm cách hậu phương những phòng tuyến đầu tiên vài cây số.

Nhưng một nỗi kinh hoàng đối với xe tăng địch đã thấm vào tận xương tủy binh lính chúng ta.... Tổn thất thật nặng nề.... Có thể nói không người nào không mất đi những đồng đội thân thương...

Tuy nhiên, quân Đức lại được tăng viện. Trong đêm 27 rạng ngày 28, chúng đã giải vây thành công cho tất cả các đơn vị trên chiến tuyến. Những

xác binh lính chết và các tù binh đã nói lên điều đó. Đêm 28 rạng ngày 29, lại một đợt tăng viện nữa. Vì vậy, có thể vào ngày thứ hai và thứ ba, mỗi ngày chúng tôi đều sẽ đụng độ với những đội quân mới. Về phần chúng tôi không thêm gì mới cả, trong khi chúng tôi chỉ cần thêm một chút viện binh nữa thôi là đã có thể giành chiến thắng rồi. Không vấn đề gì! Ngày 29 tháng Năm, với những gì đang có trong tay, chúng tôi tấn công một lần nữa.

Ngày hôm ấy là cuộc tấn công núi Caubert. Mũi tấn công chính của chúng tôi cắt ngang sườn núi phía tây. Những chiếc xe tăng Loại B cuối cùng của chúng tôi khởi hành từ Moyenneville và Bienfay, tăng Somuas thì di chuyển từ phải sang trái. Tiểu đoàn kỵ binh (đã bị thiệt hại hơn phân nửa), một trung đoàn trinh sát (đã bị tiêu diệt hai phần ba), và một tiểu đoàn thiết kỵ binh bám theo những chiếc xe tăng. Từ Villers, những chiếc tăng Renault còn lại của chúng tôi được tung ra cùng lúc với Trung đoàn Pháo binh Thuộc địa 22. Để yểm trợ chúng tôi, Tướng Altmayer đã ra lệnh cho Sư đoàn Khinh kỵ 5, lúc này đang rải quân từ đầu cầu về phía thượng nguồn sông Somme, đẩy mạnh cánh phải của họ về phía Cambren. Nhưng họ không thể nào tiến lên được. Tướng Altmayer đã yêu cầu không quân ném bom yểm trợ tại các lối ra của Abbeville nhưng máy bay lại đang ở nơi khác. Giờ tấn công là lúc 5 giờ chiều. Chúng tôi đã lên được các dốc núi nhưng địch quân vẫn chiếm giữ đỉnh núi. Khi trời tối, với sự yểm trợ của một lực lượng pháo binh hùng hậu, quân Đức phản công tại các làng Moyenneville và Bienfay nhưng vẫn không chiếm lại được.

Ngày 30 tháng Năm, Sư đoàn Cao nguyên Scotland 51 do tướng Fortune ^[53] chỉ huy mới chân ướt chân ráo vào tới Pháp đã đến thay Sư đoàn Thiết giáp 4 chúng tôi – tất cả họ vẫn còn hết sức khỏe mạnh và bảnh bao. Họ tập hợp lại ở gần Beauvais. Tôi cùng với các Đại tá Sudre, Simonin và Fraucois (phụ trách xe tăng), Đại tá de Ham (chỉ huy trung đoàn trinh sát), Đại tá Bertrand (phụ trách kỵ binh), Đại tá Le Tacon (phụ trách các đội quân thuộc địa), Đại tá de Longuemare (phụ trách thiết kỵ binh), hai Đại tá Chaudesolle và Ancelme (phụ trách pháo binh), và Đại tá Chomel (phụ trách bộ tham mưu) ngồi lại để đánh giá tình hình thực hiện chiến dịch.

Chúng tôi chưa thể đánh chiếm đầu cầu Abbeville nhưng đã tiêu diệt được ba phần tư lực lượng địch quân tại đây. Tình hình hiện tại là nếu muốn tung quân ồ ạt từ điểm đầu cầu, trước tiên địch sẽ phải tìm cách chiếm lại nó. Chúng tôi chịu tổn thất nặng tuy có ít hơn phe địch. Chúng tôi bắt về 500 tù binh cộng thêm số tù binh ở Montcornet và thu được một số lượng lớn vũ khí và phương tiện.

Hỡi ôi! Trong Trận chiến nước Pháp, còn mặt trận nào khác đã giành được phần thắng ngoại trừ dải đất 14 cây số này? Ngoài những phi đội bị bắn hạ trên các phòng tuyến của chúng tôi, bao nhiêu quân Đức khác đã bị bắt làm tù binh? Nếu không phải là một sư đoàn sơ sài, yếu ớt, chưa hoàn bị, không được trang bị đầy đủ, và bị cô lập mà là một đạo quân thiết giáp ưu tú tham chiến – mà nhiều yếu tố của đạo quân này vốn đã tồn tại rồi, chỉ có điều là với hình dạng khác và bị phân tán mà thôi – thì có thành quả nào mà chúng tôi không đạt được trong những ngày cuối tháng Năm ấy? Nếu nhà nước thực hiện đúng vai trò của mình; nếu – trong khi vẫn còn thời gian – họ hướng hệ thống quân đội vào hành động thay vì thụ động; nếu các lãnh đạo quân đội nhờ thế mà được toàn quyền sử dụng những phương tiện để tấn công và thực hiện chiến dịch – đề xuất này vốn vẫn được ra rả nhắc đi nhắc lại trước chính quyền và Bộ Chỉ huy Tối cao; thì khi đó các lực lượng quân đội của chúng tôi hẳn đã có cơ hội, và nước Pháp hẳn đã tìm lại được linh hồn của mình.

Nhưng vào ngày 30 tháng Năm, cuộc chiến cơ hồ đã thất bại. Ngày hôm trước đó, nhà vua và quân đội Bỉ đầu hàng. Tại Dunkerque, quân đội Anh cũng bắt đầu lên tàu về nước. Các lực lượng Pháp còn lại ở miền bắc cũng đang cố tìm cách rút lui – nhưng cuộc rút lui này sau đó lại biến thành thảm họa. Không lâu sau, quân thù hướng về phía nam để bắt tay vào giai đoạn hai của cuộc tấn công; lực lượng quân đội Pháp lúc này đã tổn thất một phần ba và thiếu hơn bao giờ hết những phương tiện để đáp trả các lực lượng cơ giới Đức.

Tại nơi đóng quân ở Picardie, tôi không nuôi ảo tưởng. Nhưng tôi cũng quyết tâm không từ bỏ hi vọng. Nếu rốt cuộc không thể khôi phục

tình hình ở chính quốc thì chúng tôi sẽ phải làm điều đó ở nơi khác [54]. Và như vậy, Đế quốc vẫn còn đó để có thể trông cậy. Quân đội vẫn còn đó để bảo vệ. Nhân dân vẫn còn đó – tuy dù gì họ cũng đều sẽ phải sống trong cảnh nước mất nhà tan song dưới sự kêu gọi của nền cộng hòa, họ có thể đứng lên kháng chiến, từ đó mang lại cơ hội thống nhất tuyệt vời cho dân tộc. Thế giới vẫn còn đó để cung ứng cho chúng tôi những vũ khí mới và sau đó là những sự trợ giúp hùng hậu. Nhưng có một vấn đề chế ngự tất cả: liệu chính phủ – dù xảy ra chuyện gì – có ý thức được rằng phải đặt Tổ quốc lên trên, phải giữ vững nền độc lập và bảo vệ tương lai? Hay trong cơn hoảng loạn của cuộc sụp đổ, họ sẵn sàng từ bỏ tất cả?

Điều này phần lớn sẽ phụ thuộc vào thái độ của Bộ Chỉ huy Tối cao – và tôi đã không lấy làm tiếc khi nhận ra chuyện đó. Nếu Bộ Chỉ huy Tối cao, theo đúng điều lệ quân đội, từ chối hạ cờ chùng nào “mọi biện pháp yêu cầu bằng nghĩa vụ và danh dự còn chưa cạn kiệt” – tóm lại là nếu họ chấp nhận phương án cuối cùng là giải pháp châu Phi [55] – thì họ sẽ có thể trở thành chiếc phao cứu đắm cho con tàu nhà nước. Nếu ngược lại, Bộ Chỉ huy Tối cao phản bội lại chính mình mà đẩy một chính quyền không vững chắc tới chỗ đầu hàng, thì liệu có cách nào để họ biện minh cho sự suy vi của nước Pháp đây?

Những suy nghĩ này ám ảnh tâm trí tôi trong lúc tôi đi gặp Tướng Weygand ngày 1 tháng Sáu theo sự triệu tập của ông. Vị Tổng Tư lệnh tiếp tôi tại lâu đài Montry. Như thường lệ, có thể dễ dàng nhận thấy tài ăn nói rõ ràng và phong thái giản dị vốn là đặc trưng của ông. Trước hết ông khen ngợi tôi về chiến dịch Abbeville, chiến dịch mà ông vừa tuyên dương tôi thật nồng nhiệt. Rồi ông hỏi ý kiến tôi rằng nên làm gì với khoảng 1.200 xe tăng hiện đại còn lại của chúng tôi.

Tôi nói với vị Tổng Tư lệnh rằng theo tôi, phải lập tức chia những chiếc xe tăng này thành hai nhóm: nhóm chính ở phía bắc Paris, nhóm thứ hai ở phía nam Reims; phần còn lại của các sư đoàn thiết giáp sẽ làm nhân tố chính. Tôi đề xuất Tướng Délestraint, thanh tra xe tăng, làm chỉ huy nhóm thứ nhất. Các nhóm sẽ được bổ sung các sư đoàn bộ binh (nhóm thứ

nhất hai sư đoàn, nhóm thứ hai ba sư đoàn) được trang bị phương tiện vận chuyển với một số pháo gấp đôi. Như vậy chúng tôi sẽ có một phương tiện chết người để đánh vào cạnh sườn của bất kể binh đoàn cơ giới nào của Đức khi chúng, trong lúc đẩy mạnh hướng tiến công sau khi phá vỡ phòng tuyến của chúng tôi, thiếu sự hợp tác về bề rộng và bị dàn trải về chiều sâu. Tướng Weygand tiếp thu những đề nghị của tôi. Sau đó ông nói về trận đánh:

Vào ngày 6 tháng Sáu tôi sẽ bị tấn công trên sông Somme và sông Aisne. Tôi sẽ phải đương đầu với các sư đoàn Đức đông hơn gấp đôi. Tức là triển vọng rất thấp. Nếu tình hình không diễn tiến quá nhanh; nếu tôi kịp khôi phục các đội quân vừa thoát khỏi Dunkerque; nếu tôi có khí giới để phân phát cho họ; nếu quân Anh quay lại tham chiến sau khi được trang bị lại; nếu Không quân Hoàng gia bằng lòng dốc toàn lực vào trận đánh trên lục địa; bấy giờ chúng ta vẫn còn cơ may.

Và vị Tổng Tư lệnh vừa lắc đầu vừa nói tiếp:

Nếu không thì...

Vậy là tôi đã biết tình hình. Tôi buồn bã tạm biệt Tướng Weygand.

Một gánh nặng đột ngột rơi vào vai ông, gánh nặng mà ông không sinh ra để gánh vác. Ngày 20 tháng Năm, khi ông lên nắm quyền chỉ huy tối cao thì rõ ràng mọi sự đã quá muộn để có thể giành chiến thắng trong Trận chiến nước Pháp. Dường như ông đã rất sững sốt khi nhận ra điều này. Bởi ông chưa từng nghĩ đến những khả năng thực sự của lực lượng cơ giới nên những hiệu quả to lớn và bất ngờ mà các phương tiện của địch gây ra đã khiến ông kinh hoàng. Để đương đầu với thảm họa này, ông sẽ phải tự đổi mới bản thân; phải nhanh chóng từ bỏ những quan niệm, những nhịp độ, những phương pháp không còn áp dụng được nữa; phải đưa chiến lược của mình thoát khỏi khung cảnh chật hẹp của chính quốc; phải quay ngược cái thứ vũ khí chết người về phía kẻ thù đã ném nó ra; và phải chiếm lấy lợi thế của những không gian rộng, nguồn lực lớn, và tốc độ cao bằng cách đưa chiến tranh tới cả những lãnh thổ xa xôi, những đồng minh và biển cả. Ông không phải là người để làm công việc đó. Cố nhiên, tuổi tác và khả năng

thay đổi tư duy là một bất lợi đối với ông – nhưng trên hết vẫn là tính khí của ông.

Thực ra, Weygand có thiên bẩm của một người phụ tá xuất sắc. Ở cương vị này ông đã phục vụ Foch ^[56] một cách đáng ngưỡng mộ. Năm 1920, ông đã thuyết phục Pilsudski thực thi một kế hoạch và qua đó đã cứu được cả Ba Lan. Trong tư cách Tổng Tham mưu trưởng, trước một số vị bộ trưởng có vị trí cao hơn mình, ông đã trình bày một cách thông minh và dũng cảm những lợi ích cốt tử của quân đội. Nhưng những phẩm chất cần thiết cho công tác tham mưu và những phẩm chất cần thiết để chỉ huy tuy không mâu thuẫn nhau song cũng không nên lẫn lộn chúng với nhau. Hành động trên tinh thần tự chịu trách nhiệm, khát vọng tạo dấu ấn cá nhân, một mình đối mặt với số phận – niềm đam mê tới khắc nghiệt chỉ có ở một người chỉ huy – những phẩm chất này không có ở Weygand và ông cũng không được chuẩn bị để có chúng. Hơn nữa, dù đây là hệ quả của tính cách ông hay do hoàn cảnh xui khiến, thì trong suốt sự nghiệp của mình, ông chưa từng chỉ huy. Ông chưa từng đứng đầu bất kỳ một trung đoàn, một lữ đoàn, một sư đoàn, một binh đoàn, một quân đoàn nào. Chọn ông để đảm đương một cuộc mạo hiểm lớn lao nhất trong lịch sử quân đội của chúng tôi không phải vì người ta biết ông có khả năng mà vì “ông là một lá cờ” thực sự là một hệ quả của cái sai lầm kinh niên trong đời sống chính trị của chúng tôi – cái gọi là “đường nào dễ thì đi.”

Bằng mọi giá, ngay khi ai nấy đều nhận ra là Tướng Weygand không phải là người thích hợp cho vị trí này, lẽ ra ông ấy phải rời bỏ nó, hoặc là bằng cách xin từ chức, hoặc là theo quyết định của chính phủ. Thế nhưng lại chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Vậy là từ đó, vị Tổng Tư lệnh, vì bị mất phương hướng giữa một luồng nước xoáy mà ông không còn ý muốn chế ngự nó nữa, đã tìm kiếm lối thoát vừa tầm với sức mình: đầu hàng. Nhưng vì không có ý định phải tự mình chịu trách nhiệm trong chuyện này nên ông lèo lái chính quyền làm việc đó. Trong chuyện này ông tìm được một đồng minh là vị Thống chế – vị này, vì nhiều lý do khác nhau, cũng đang đưa ra giải pháp đầu hàng. Không có lòng tin lẫn sức mạnh, chế độ đành

quyết định theo ý kiến của kẻ đầu hàng tệ hại nhất. Vậy là nước Pháp phải trả giá – không chỉ là cái giá của một cuộc đình chiến tai họa mà còn là cái giá của nô lệ của nhà nước. Khi đối mặt với những hiểm nguy khôn lường, vĩ đại là sự cứu rỗi duy nhất – điều này thực đúng làm sao.

Ngày 5 tháng Sáu, khi nghe tin quân thù đang tiếp tục cuộc tấn công, tôi lập tức tới xin lệnh từ Tướng Frère, Tư lệnh Quân đoàn 5, nơi sư đoàn tôi đang đóng quân. Trước những bản báo cáo đầy hoang mang đang mở ra xung quanh ông, và trong sự hoài nghi và lưỡng lự được giấu kín sau vẻ ngoài điềm tĩnh của một chiến binh nhà nghề, người lính xuất sắc này nói với tôi: “Chúng ta bệnh cả rồi. Có tin đồn rằng ông sắp làm bộ trưởng. Bệnh quá nặng không thể chữa trị nổi rồi. Chà! Ít ra ta hãy đi cứu vãn chút danh dự của mình nào!”

CHƯƠNG 2

SỤP ĐỔ

Đêm mồng 5 rạng ngày mồng 6, trong khi cải tổ thành phần chính phủ, ông Paul Reynaud đã đưa tôi vào làm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Ngay sáng hôm đó, Tướng Delestraint, thanh tra xe tăng, sau khi nghe được tin này qua đài đã báo cho tôi hay. Không bao lâu sau, một bức điện tín gửi đến chính thức xác nhận với tôi điều này. Tôi tạm biệt sư đoàn mình và lên đường tới Paris.

Tới đường Saint-Dominique, tôi gặp ông thủ tướng. Ông vẫn vậy, tự tin, lạnh lẽo, sắc sảo, sẵn sàng lắng nghe, quyết định nhanh chóng. Ông giải thích với tôi lý do tại sao vài hôm trước ông nghĩ cần phải đưa Thống chế Pétain vào nội các của mình, bởi cả hai chúng tôi đều không chút nghi ngờ rằng ông này là tấm bình phong cho những ai mong muốn đình chiến. Paul Reynaud nói bằng kiểu nói quen thuộc:

Để ông ta vào trong thì tốt hơn là để ông ta ở ngoài.

Tôi trả lời:

Tôi e rằng ông sẽ phải thay đổi ý kiến đấy, nhất là bây giờ khi mà tình hình sẽ diễn biến rất nhanh và chủ nghĩa thất bại có cơ nhận chìm tất cả. Sự chênh lệch lực lượng giữa quân ta và quân Đức lớn tới nỗi nếu không có phép màu nào xảy đến thì chúng ta chẳng có mấy cơ may nào để chiến thắng ở chính quốc, hay thậm chí chỉ là trụ lại được ở đây. Bên cạnh đó, Bộ Chỉ huy Tối cao vẫn đang choáng váng vì kinh ngạc nên sẽ không có tâm trí nào để hoạt động đâu. Điều cuối cùng, ông biết rõ hơn ai hết rằng chính phủ đang bị vây bọc trong bầu không khí hoang xuôi bỏ mặc ra sao. Từ lúc này trở đi, ông Thống chế và những kẻ sau lưng ông ta sẽ nhất quyết làm

mọi việc theo ý mình. Tuy nhiên, nếu cuộc chiến năm 1940 này thất bại, chúng ta vẫn có thể thắng một cuộc chiến khác. Chúng ta phải duy trì cuộc chiến trên đất châu Âu càng lâu càng tốt, và chúng ta phải quyết định cũng như chuẩn bị để tiếp tục cuộc chiến đấu trong Đế quốc Pháp. Để làm được điều này phải có một đường lối thích đáng: vận chuyển các nguồn lực tới Bắc Phi, chọn những người lãnh đạo có đủ phẩm chất cần có để chỉ huy các chiến dịch, và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với người Anh, bất kể những bất mãn của chúng ta đối với họ. Tôi xin đảm nhận việc xử lý những biện pháp cần thiết để đạt được mục tiêu này.”

Ông Paul Reynaud đồng tình với tôi. Ông nói thêm:

Ông hãy đi London càng sớm càng tốt. Trong những cuộc trao đổi với chính phủ Anh vào các ngày 26 và 31 tháng Năm, tôi đã gây cho họ ấn tượng rằng chúng ta không loại trừ triển vọng đình chiến. Nhưng giờ đây, trái lại, chúng ta phải thuyết phục họ rằng dù có thể nào chúng ta sẽ tiếp tục kháng chiến, thậm chí kháng chiến từ hải ngoại nếu cần. Ông hãy đi gặp ông Churchill và nói với ông ấy rằng sự cải tổ nội các của tôi và sự hiện diện của ông bên cạnh tôi là những dấu hiệu chứng tỏ sự quyết tâm của chúng ta.

Ngoài thông điệp chung này, tại London, tôi phải tìm mọi cách để thuyết phục Không quân Hoàng gia – đặc biệt là không quân chiến đấu – tiếp tục tham gia vào các chiến dịch ở Pháp. Cuối cùng, giống ông Thủ tướng, tôi sẽ phải hỏi xem họ cần bao nhiêu thời gian để tái trang bị cho các đội quân Anh đã chạy thoát khỏi thảm họa Dunkerque và đưa họ về lại lục địa. Để trả lời hai câu hỏi này cần có những dữ liệu chuyên môn mà các đơn vị tham mưu có thể cung cấp, nhưng cũng cần đến những quyết định của ông Winston Churchill trên cương vị Bộ trưởng Quốc phòng.

Trong lúc các cơ quan liên lạc thu xếp lịch gặp cho tôi tại thủ đô Anh quốc, ngày 8 tháng Sáu, tôi tới gặp Tướng Weygand tại lâu đài Montry. Nhìn vị Tổng Tư lệnh, tôi thấy ông thật điềm tĩnh và tự chủ. Nhưng chỉ sau vài câu trao đổi, tôi đã nhận ra rằng ông đã chấp nhận thất bại và quyết định đình chiến. Dưới đây là gần như nguyên văn từng lời trong cuộc nói chuyện

giữa chúng tôi, bởi vì những lý do đã rõ, chúng vẫn khắc sâu trong tâm trí tôi.

Vị Tổng Tư lệnh nói:

Ông thấy đấy, tôi đã không lầm khi thông báo với ông mấy ngày trước rằng quân Đức sẽ tấn công trên sông Somme vào ngày 6 tháng Sáu. Chúng đang tấn công kia kìa. Ngay lúc này chúng đang vượt sông. Tôi không thể nào ngăn cản chúng được.

Được rồi! Chúng đang vượt sông Somme. Sau đó thì sao?

Sau đó à? Sẽ đến lượt sông Seine và sông Marne.

Đồng ý. Và sau đó?

Sau đó nữa ư? Thế là hết rồi còn gì!

Ông nói thế là sao? Hết ư? Còn thế giới thì sao? Đế quốc Pháp thì sao đây?

Tướng Weygand bật cười tuyệt vọng:

Đế quốc Pháp ư? Thực ấu trĩ! Còn thế giới, nếu tôi bị đánh bại ở đây, nước Anh sẽ không chịu đợi tới một tuần đâu mà họ sẽ nhanh nhẩu thương thảo với đế quốc Đức ngay đấy.

Vị Tổng Tư lệnh nhìn thẳng vào mắt tôi và nói thêm:

A! Giá mà tôi tin được rằng quân Đức sẽ để lại cho tôi những lực lượng cần thiết để duy trì trật tự!

Có tranh luận nữa cũng chỉ vô ích mà thôi. Trước khi bỏ đi, tôi nói với Tướng Weygand rằng cách nhìn của ông trái ngược với những dự định của chính phủ, rằng chính phủ sẽ không từ bỏ cuộc chiến đấu cho dù những trận đánh có diễn biến tệ hại tới đâu. Ông không đưa ra ý kiến gì mới mẻ và tỏ ra khá nhả nhai khi tôi cáo biệt.

Trước khi lên đường trở lại Paris, tôi nói chuyện với các sĩ quan mà tôi quen ở các bộ tham mưu khác nhau; sáng hôm đó họ cũng tới tham gia một cuộc họp với Tướng Weygand. Những cuộc trao đổi này càng khiến tôi tin chắc rằng ở các cấp bậc cao trong Bộ Chỉ huy, cuộc chiến đã bị coi là thất bại; và rằng mọi người, tuy vẫn thực hiện nhiệm vụ của mình như những chiếc máy biết đi, đang thăm thì xui nhau – và chẳng bao lâu sau họ sẽ chẳng ngần ngại gì mà nói cho thật to – hãy đặt dấu chấm hết, bằng cách

này hay cách khác, cho Trận chiến nước Pháp. Để hướng tâm trí và lòng dũng cảm của quân lính vào sự tiếp tục của cuộc chiến trên Đế quốc Pháp, chính phủ cần phải can thiệp dứt khoát ngay lập tức.

Ngay khi trở về Paris, tôi nói điều đó với ông Paul Reynaud và khẩn khoản yêu cầu ông thu hồi quyền chỉ huy của Tướng Weygand, người lúc này đã từ bỏ khát vọng chiến thắng. Vị Thủ tướng trả lời:

Ngay lúc này thì không được. Nhưng chúng ta phải nghĩ đến người kế nhiệm. Ông nghĩ sao về chuyện này?

Tôi nói:

- Về người kế nhiệm, giờ đây, tôi chỉ thấy có Tướng Huntziger thôi. Tuy chưa phải là người lý tưởng, song theo tôi ông ấy là người có khả năng vươn lên chỉ huy ở cấp độ một chiến lược tầm quốc tế.

Ông Paul Reynaud nhất trí với gợi ý của tôi trên nguyên tắc nhưng vẫn chưa muốn thực hiện ngay.

Dẫu sao, khi đã quyết đặt lại vấn đề lần nữa và trong kỳ hạn ngắn, tôi bắt đầu lên kế hoạch vận chuyển tới Bắc Phi tất cả những đơn vị có thể được. Bộ Tham mưu Quân đội, kết hợp với hải quân và không quân, đã bắt đầu chuẩn bị rút về phía bên kia Địa Trung Hải tất cả những đơn vị không đưa vào trận đánh. Đặc biệt đây là hai lớp tân binh đang theo học tại các đồn ở miền Tây và miền Nam, và những bộ phận về nhân sự thuộc các đơn vị cơ giới đã thoát khỏi thảm họa của miền bắc; tổng cộng là 500.000 người ưu tú. Tiếp đến, những phần sót lại của các quân đoàn trở lui về phía các bờ biển, nhiều đơn vị chiến đấu dĩ nhiên có thể xuống tàu. Dù sao đi nữa, những phần còn lại của không quân ném bom, mà phạm vi hoạt động của máy bay cho phép vượt biển, những người sống sót từ những nhóm máy bay chiến đấu, nhân sự của những căn cứ không quân, những phân đội giữ căn cứ các thủy thủ đoàn, và cuối cùng và đặc biệt là hải quân của chúng tôi, tất cả phải về với châu Phi. Hải quân chịu trách nhiệm về các cuộc vận chuyển này; họ ước tính tới 500.000 tấn số tàu chở hàng cần tăng viện cho họ và sẽ bổ sung cho số tàu Pháp sẵn có. Chúng tôi cần kêu gọi tới sự hợp tác của nước Anh trong vấn đề này.

Sáng sớm ngày 9 tháng Sáu, một chiếc máy bay đưa tôi tới London. Cùng đi với tôi có sĩ quan tùy tùng của tôi, Geoffroy de Courcel, và ông Roland de Margerie, Chánh văn phòng Ngoại giao của Thủ tướng. Đó là ngày Chủ nhật. Thủ đô nước Anh mang dáng vẻ thanh bình gần như dừng đứng. Đường phố và công viên đầy những người đi dạo dáng nhàn nhã, những hàng người dài nơi cửa vào các rạp xi-nê, những chiếc xe hơi đông nườm nượp, những người gác cổng bóng bẩy đứng trước cửa các câu lạc bộ và khách sạn – tất cả thuộc một thế giới khác với thế giới đang có chiến tranh. Cố nhiên báo chí ở đây phần nào cho thấy tình hình thực tế mặc dầu vẫn tràn ngập những tin tức xoa dịu và những câu chuyện ấu trĩ mà, giống như ở Paris, thứ chủ nghĩa lạc quan bán chính thống đưa vào. Cố nhiên, những áp phích người ta đọc, những hầm trú ẩn người ta đào, những chiếc mặt nạ người ta đeo, tất cả khơi gợi những thảm họa tiềm tàng. Nhưng điều đập vào mắt là đông đảo quần chúng không lường được những biến cố nghiêm trọng từ Pháp bởi chúng diễn ra trong nhịp độ quá nhanh. Dầu sao người ta vẫn thấy trong tình cảm của người Anh, biển Manche hãy còn quá rộng lớn.

Ông Churchill tiếp tôi tại đường Downing. Đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với ông. Ấn tượng tôi nhận được từ cuộc gặp gỡ này càng củng cố niềm tin của tôi rằng nước Anh dưới sự lãnh đạo của một con người đầy tinh thần tranh đấu như thế chắc chắn sẽ không chịu khuất phục. Tôi thấy ông ngang tầm với nhiệm vụ gay go nhất và không kém phần vĩ đại. Sự vững vàng trong phán đoán, văn hóa cao rộng, sự hiểu biết về hầu hết mọi đề tài, đất nước, con người có liên quan, và mối đam mê về những vấn đề đặc thù của chiến tranh, tất cả đều thể hiện nơi ông một cách tự nhiên. Trên tất cả, do tính cách của mình, ông là người sinh ra để hành động, để mạo hiểm, để đóng vai trò của mình, một cách dứt khoát, không đắn đo. Tóm lại tôi thấy ông ngồi đúng vào vị trí hướng dẫn và lãnh đạo của mình. Đó là những ấn tượng đầu tiên của tôi.

Đoạn sau của cuộc đối thoại chỉ xác nhận những điều đó và ngoài ra còn cho tôi thấy tài hùng biện riêng của ông Churchill và cách ông sử dụng nó khôn khéo thế nào. Dù cử tọa của ông là ai – đám đông, quốc hội, hội

đồng, hay thậm chí là một người duy nhất – và dù ông đứng trước một cái micrô tại diễn đàn, tại bàn ăn, hoặc sau một bàn giấy, thì luồng ý tưởng độc đáo, đầy thi vị và cảm xúc của ông, cùng những lý lẽ, những tình cảm, vẫn tạo cho ông một ảnh hưởng gần như chắc chắn trong bầu không khí đầy xúc động nơi mọi người đang hồi hộp chờ đợi. Là nhà chính trị lão luyện, ông được cái thiên tư thần tình và ma quái để lay động tính cách nặng nề của người Anh cũng như để gây ấn tượng với người nước ngoài. Cả sự hóm hỉnh, vốn vẫn được ông dùng để tô điểm cho cử chỉ và lời nói của mình, và cách ông thể hiện khi thì sự niềm nở, lúc lại sự giận dữ, cũng cho thấy ông là bậc thầy ra sao trong cái trò chơi kinh khủng mà ông đang can dự vào.

Những sự cố gay gắt và khó chịu nhiều phen xảy ra giữa chúng tôi vì sự mâu thuẫn giữa hai tính cách, vì sự đối lập của một vài lợi ích riêng giữa hai nước, và vì những hành vi lợi dụng thiếu công bằng mà Anh đã làm đối với nước Pháp đang bị tổn thương, có ảnh hưởng tới thái độ của tôi đối với ông thủ tướng nhưng tuyệt nhiên không ảnh hưởng gì tới nhận xét của tôi cả. Từ đầu tới cuối, Winston Churchill xuất hiện dưới mắt tôi như nhà nghệ sĩ vĩ đại của một lịch sử vĩ đại.

Ngày hôm ấy, tôi trình bày với Thủ tướng Anh những gì mà người đứng đầu nội các Pháp đã ủy thác tôi nói lại với ông về ý chí của chính phủ Pháp muốn tiếp tục chiến đấu, thậm chí nếu phải chiến đấu tại Đế quốc. Ông Churchill tỏ ra rất hài lòng với sự quyết tâm này. Nhưng liệu nó có được thực hiện không? Ông cho tôi thấy ông không tin điều đó. Dù sao ông cũng không còn tin vào khả năng mặt trận tại chính quốc sẽ khôi phục được, và ông thể hiện rõ điều này khi thẳng thừng từ chối việc đưa không quân sang giúp chúng tôi.

Từ khi quân đội Anh lên tàu về nước tại Dunkerque, Không quân Hoàng gia không còn hợp tác với chúng tôi trong cuộc chiến nữa mà chỉ thỉnh thoảng mới tham gia. Thực ra, ngoại trừ một nhóm máy bay chiến đấu còn đi theo yểm trợ không quân chúng tôi, các phi đội Anh vốn đặt căn cứ tại Vương quốc Anh thì quá xa để có thể giúp gì cho một mặt trận không ngừng lùi về phía nam. Tôi đã khẩn khoản yêu cầu ông Churchill chuyển ít nhất là một phần không quân hợp tác của Anh tới các sân bay ở phía nam

sông Loire, nhưng lời đề nghị này đã nhận được lời từ chối chính thức. Về các lực lượng trên bộ, ông hứa sẽ gửi một sư đoàn Canada tới Normandie và để Sư đoàn 51 Ecosse cùng với phần còn lại của lữ đoàn cơ giới còn đang chiến đấu với chúng tôi ở lại. Nhưng ông tuyên bố không thể cho biết – dù là sự phỏng chừng – ngày nào đạo quân viễn chinh vừa vứt bỏ lại vũ khí để chạy thoát khỏi thảm họa tại Bỉ sẽ có thể quay lại chiến đấu.

Vậy là sự đoàn kết chiến lược giữa London và Paris trên thực tế đã đổ vỡ. Chỉ một thay đổi bất lợi trên lục địa Pháp cũng đủ để khiến Anh lui về phòng thủ. Vậy là cái kế hoạch của người Đức – kế hoạch mà Schlieffen đã sang thế giới bên kia nhưng vẫn còn khơi nguồn cảm hứng và đã trải qua hai lần thực thi thất bại năm 1914 và năm 1918 – cuối cùng đã chia rẽ thành công các lực lượng Pháp và Anh, đồng thời chia rẽ luôn nước Pháp và nước Anh. Thật dễ dàng tưởng tượng rằng ở Pháp, đám theo chủ nghĩa thất bại sẽ rút ra những kết luận nào từ đó.

Ngoài cuộc trao đổi với ông Churchill, trong cùng ngày tôi đã tiếp xúc với ông Eden, Bộ trưởng Chiến tranh, ông Alexander, bộ trưởng Hải quân, Huân tước Archibald Sinclair, Bộ trưởng Không quân, Tướng-Huân tước John Dill, Tham mưu trưởng Quân đội Hoàng gia. Mặt khác tôi cũng đã nói chuyện với ông Corbin, Đại sứ của chúng tôi, ông Monnet, Chủ tịch Ủy ban Điều phối mua khí tài Anh-Pháp, và trưởng các phái đoàn quân đội, hải quân, không quân của chúng tôi. Rõ ràng là nếu tại London sự trầm tĩnh vẫn bao trùm lên đám đông, thì trái lại mỗi lo lắng về thảm họa và sự hoài nghi về sự vững chắc của chính quyền Pháp lại lấp đầy những đầu óc sành sỏi. Buổi tối máy bay khó khăn lắm mới đưa tôi trở về sân bay Bourget được vì ở đây vừa bị dội bom.

Trong đêm 9 rạng ngày 10, ông Paul Reynaud cho gọi tôi tới nhà ông. Những tin tức nghiêm trọng vừa đến với ông. Quân thù đã tới sông Seine về phía hạ lưu Paris. Thêm nữa, tình hình cho thấy các lực lượng thiết giáp của Đức sẽ sớm thực hiện cuộc tấn công quyết định tại Champagne. Vậy là ngay lập tức thủ đô bị đe dọa từ hướng tây, hướng đông và hướng bắc. Cuối cùng, từ Rome, ông Francois-Poncet thông báo rằng chính phủ Ý có thể tuyên chiến bất kỳ lúc nào. Trước những tin tức chẳng lành đó, tôi chỉ còn

biết đưa ra một đề xuất: cố gắng tối đa và đi châu Phi càng sớm càng tốt và chấp nhận một cuộc chiến tranh liên minh dù nó có bất kỳ hệ quả gì.

Trong những khoảnh khắc, ngày và đêm, đi qua đường Saint-Dominique, tôi càng có nhiều lý do để củng cố niềm tin của mình, rằng không còn gì khác để làm nữa. Mọi việc đi quá nhanh, khiến cho việc kiểm soát chúng trở nên bất khả thi. Tất cả những gì người ta hoạch định đều tức thì trở thành phi thực tế. Người ta nhớ lại những tiền đề của cuộc chiến tranh 1914-1918 hoàn toàn không còn áp dụng được nữa. Người ta giả vờ nghĩ rằng vẫn còn một mặt trận, một bộ chỉ huy năng động, một dân tộc sẵn sàng hy sinh. Đó chỉ là mộng mơ và kỷ niệm. Thực tế là giữa một đất nước đang suy sụp và sững sờ, đằng sau một quân đội không niềm tin và không hy vọng, bộ máy chính quyền luôn quay cuồng trong một tình trạng lộn xộn vô phương cứu chữa.

Không gì giúp tôi cảm nhận điều đó rõ hơn bằng những cuộc viếng thăm chớp nhoáng của tôi tới các nhân vật trọng yếu của nền cộng hòa: trước hết là Tổng thống Lebrun, khi tôi được giới thiệu cùng lúc với các ông tân bộ trưởng, tiếp đến các ông chủ tịch quốc hội, cuối cùng là các thành viên của chính phủ. Tất cả đều tỏ ra trầm tĩnh và nghiêm trang. Nhưng rõ ràng trong bối cảnh mà tập tục đưa họ vào, họ chỉ còn là những người đóng vai phụ. Giữa những chỉ thị ném xuống dưới, những báo cáo nhận ở trên, những lời tuyên bố công khai, chuỗi nối tiếp những sĩ quan, công chức, nhà ngoại giao, nghị sĩ, nhà báo, cần báo cáo hoặc yêu cầu điều gì, tất cả tạo nên ấn tượng về một thứ cảnh trí huyền hoặc không có đối tượng và không có tầm. Tại những căn cứ và trong khung cảnh người ta được đưa tới, không có một lối thoát nào, ngoài sự đầu hàng. Trừ phi phải cam chịu đầu hàng, điều một số người, và không phải ít, đã làm, là bằng mọi cách phải thay đổi khung cảnh và căn cứ. Sự phục hồi cái gọi là “trận la Marne” là điều khả hữu, nhưng trên Địa Trung Hải thì không.

Ngày 10 tháng sáu là một ngày hấp hối. Chính phủ phải rời Paris vào buổi chiều. Sự thụt lùi của mặt trận càng khẩn trương. Nước Ý tuyên chiến. Từ đây sự sụp đổ là điều hiển nhiên đối với mọi người. Nhưng trên chóp bu của Nhà nước, bi kịch diễn ra như trong một giấc mơ. Thậm chí có những

lúc người ta tưởng rằng đây là một trò hài hước kinh khiếp tô điểm cho sự sụp đổ của nước Pháp đang lặn từ đỉnh cao của lịch sử xuống tận đáy vực sâu.

Trong tình hình đó, vào buổi sáng, ông Guariglia, Đại sứ Ý, thực hiện một cuộc thăm viếng kỳ lạ tới đường Saint-Dominique. Ông ta được Baudouin tiếp, và ông này thuật lại lời của viên Đại sứ như sau: “Các ngài sẽ thấy rằng sự tuyên chiến cuối cùng sẽ làm sáng tỏ các mối quan hệ giữa hai nước chúng ta! Nó tạo ra một tình huống rất cực sẽ làm nảy sinh một lợi ích lớn...”

Ít lâu sau, khi bước vào văn phòng ông Paul Reynaud, tôi gặp ông W. Bullitt tại đây. Tôi nghĩ ông Đại sứ Hoa Kỳ mang tới ông Thủ tướng một lời động viên cho tương lai từ phía Washington. Nhưng không! Ông tới để từ biệt. Ông Đại sứ vẫn ở lại Paris trong ý đồ can thiệp, nếu gặp dịp, có lợi cho thủ đô. Nhưng đầu động cơ của ông Bullitt rất đáng khen ngợi, người ta vẫn không thể phủ nhận rằng trong những ngày cuối cùng sẽ không có đại sứ Mỹ bên cạnh chính phủ Pháp. Sự hiện diện của ông D. Biddle, phụ trách liên lạc với các chính phủ lưu vong, bất chấp phẩm chất của nhà ngoại giao xuất sắc này, vẫn không làm mất đi ấn tượng của quan chức chúng tôi rằng Hoa Kỳ không còn đánh giá cao nước Pháp nữa.

Trong lúc ông Paul Reynaud hấp tấp chuẩn bị một lời tuyên bố sắp đọc trên đài phát thanh về vấn đề ông đang tham khảo tôi thì Tướng Weygand tới đường Saint-Dominique. Vừa được báo là ông vào ngay văn phòng ông thủ tướng. Trong lúc ông này tỏ vẻ ngạc nhiên thì ông Tổng Tư lệnh nói rằng ông được triệu tập. Ông Paul Reynaud nói:

Không phải tôi triệu tập!

Tôi tiếp lời:

Cũng không phải tôi!

Tướng Weygand nói tiếp:

Vậy đây là một sự hiểu lầm! Nhưng là sự lầm lẫn có ích bởi tôi cần đưa ra một thông báo quan trọng.

Ông ngồi xuống và bắt đầu trình bày tình hình theo cách ông thấy. Kết luận của ông rất dễ đoán ra. Chúng tôi phải yêu cầu đình chiến, không hòa

hoãn. Ông tuyên bố:

Cơ sự đã đến mức trách nhiệm của mỗi người phải thiết lập rõ ràng. Chính vì vậy mà tôi đã thảo kiến nghị của mình và tôi xin trao tận tay Thủ tướng.

Dầu bị thôi thúc phải đọc trong thời hạn ngắn bài phát biểu đã được báo trước, ông Thủ tướng vẫn tìm cách thảo luận về ý kiến của ông Tổng Tư lệnh. Ông này nhất định không lùi bước. Trận đánh trên chính quốc đã thua. Phải đầu hàng thôi. Giữa cuộc nói chuyện, tôi nói:

Nhưng vẫn còn những triển vọng khác chứ.

Bấy giờ Weygand lên tiếng hỏi, giọng nhạo báng:

Ông có điều gì để đề nghị không?

Tôi đáp:

Chính phủ không đề nghị mà ra lệnh. Tôi tin chính phủ sẽ ra lệnh.

Cuối cùng ông Paul Reynaud phải đuổi ông Tổng Tư lệnh ra và chúng tôi chia tay trong một bầu không khí thật nặng nề.

Những giờ cuối cùng chính phủ hiện diện tại thủ đô đầy ắp những sự sắp xếp theo yêu cầu của cuộc di tản. Thật ra nhiều điều đã được chuẩn bị căn cứ theo kế hoạch rút lui của ông tổng thư ký bộ Quốc phòng. Nhưng vẫn còn tất cả sự bất ngờ. Mặt khác, việc quân Đức sắp sửa tràn tới dưới những bức tường của Paris đặt ra nhiều vấn đề cam go. Bản thân tôi, ngay khi nhận nhiệm vụ, đã nói rằng thủ đô phải được bảo vệ và yêu cầu ông Thủ tướng, ông Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chiến tranh chỉ định, trong ý đồ đó, một người chỉ huy kiên cường làm Tổng trấn. Tôi đề nghị tướng de Lattre, người mới đây nổi bật trong vai trò chỉ huy một sư đoàn trong các trận đánh quanh Rethel. Nhưng ông Tổng Tư lệnh sớm tuyên bố Paris là “thành phố mở ngỏ” và Hội đồng Bộ trưởng tán thành điều đó. Trong khi đó phải bất ngờ tổ chức việc sơ tán một khối lớn đồ vật và một số đông con người. Tôi phụ trách chuyện này cho tới chiều trong lúc khắp nơi người ta lo đóng kiện, chất đồ lên xe, từ trên tới dưới tòa nhà xôn xao những người khách cuối cùng và các máy điện thoại reo không ngừng trong tuyệt vọng.

Khoảng nửa đêm, ông Paul Reynaud và tôi bước lên cùng một chiếc xe. Cuộc hành trình chậm chạp trên một con đường tắc nghẽn. Lúc tảng

sáng, chúng tôi đã có mặt tại Orléans và vào tòa tỉnh trưởng nơi có thể liên lạc bằng điện thoại với đại bản doanh đã dọn tới Briare. Ít lâu sau, Tướng Weygand gọi tới, yêu cầu nói chuyện với thủ tướng. Ông này cầm máy và hết sức kinh ngạc khi nghe báo ông W. Churchill sẽ tới vào buổi chiều. Ông Tổng Tư lệnh, qua đường liên lạc quân sự, đã yêu cầu ông khẩn cấp tới Briare. Tướng Weygand nói:

Thật sự, ông Churchill cần được thông báo trực tiếp về tình hình thực tế ngoài mặt trận.

Tôi nói với ông Thủ tướng:

Sao? Ông có chấp nhận chuyện ông Tổng Tư lệnh tự động mời ông Thủ tướng Anh đến như vậy không? Ông không thấy rằng Tướng Weygand đang theo đuổi, không phải một kế hoạch tác chiến, mà một chính sách, và chính sách này không phải của ông? Liệu chính phủ sẽ để ông ta lâu hơn nữa trong chức vụ này à?

Ông Paul Reynaud đáp lời:

Ông có lý! Chuyện này phải chấm dứt. Trước chúng ta đã bàn rằng Tướng Huntziger là người có khả năng kế vị Weygand. Hãy đi gặp Huntziger ngay!

Nhưng khi xe đến, ông Thủ tướng nói với tôi:

Nghĩ kỹ lại thì tốt hơn là một mình ông đi gặp Huntziger. Phần tôi, tôi sẽ chuẩn bị các cuộc nói chuyện sắp tới đây với Churchill và người Anh. Ông sẽ gặp lại tôi tại Briare.

Tại sở chỉ huy của Huntziger tại Arcis-sur-Aube, tôi thấy ông đang chỉ huy một nhóm quân đoàn vùng trung bộ. Cùng lúc nhóm quân đoàn này bị binh đoàn cơ giới của Guderian tấn công và chọc thủng tại mặt trận Champagne. Tuy nhiên tôi vẫn kinh ngạc nhận ra sự bình tĩnh của Huntziger. Ông cho tôi biết tình cảnh tệ hại của ông. Tôi cho ông biết toàn thể những vụ việc. Để kết thúc, tôi nói với ông:

Chính phủ thấy rõ là Trận chiến nước Pháp hẳn là thất bại, nhưng họ muốn tiếp tục cuộc chiến bằng cách chuyển tới châu Phi với tất cả những phương tiện có thể mang tới đó. Điều này đòi hỏi một sự thay đổi toàn bộ

trong chiến lược và trong tổ chức. Ông Tổng tư lệnh hiện tại không phải là người có thể làm chuyện đó. Còn ông, ông có thể là con người đó không?

Huntziger đáp gọn:

Có!

Vậy thì ông sẽ nhận chỉ thị của chính phủ.

Để tới Briare, tôi đi qua Romilly và Sens để tiếp xúc với các chỉ huy của nhiều đại đơn vị. Khắp nơi đều bày ra những dấu hiệu của sự xáo trộn và hoảng sợ. Khắp nơi nhiều đơn vị quân đội đi ngược về hướng nam, lẫn lộn với những người lánh nạn. Đoàn tùy tùng khiêm tốn của tôi đã dừng lại một tiếng đồng hồ tại Méry khi con đường bị tắc nghẽn. Một lớp sương mù kỳ lạ, mà nhiều người lẫn lộn với một lớp ga, càng tăng thêm nỗi lo âu của đám đông quân đội, như một đàn cừu không có người chăn dắt.

Tại tổng hành dinh ở Briare, tôi đi gặp ông Paul Reynaud và cho ông biết câu trả lời của Huntziger. Nhưng tôi thấy rõ là, với ông Thủ tướng, việc thay ngay tức khắc Tướng Weygand không còn trong quan điểm của ông nữa và ông đã lại nhiệt tình với ý tưởng theo con đường chiến tranh với một ông Tổng Tư lệnh theo con đường hòa bình! Khi đi qua trong hành lang, tôi chào Thống chế Pétain mà tôi không gặp từ 1938. Ông nói với tôi:

Ông đã là Tướng rồi! Nhưng tôi không chúc mừng ông đâu. Thất trận thì cấp bậc để làm gì kia chứ?

Nhưng thưa Thống chế, chính ông nhận được những ngôi sao đầu tiên trong cuộc rút lui năm 1914. Vài ngày sau đó là trận sông Marne.

Pétain cầu nhàu:

Không so sánh thế được!

Về điểm này thì ông có lý.

Ông Thủ tướng Anh đã tới. Mọi người bước vào hội nghị.

Trong buổi gặp gỡ này những quan niệm và những đam mê sẽ chế ngự giai đoạn mới của cuộc chiến tranh công khai đối chiếu nhau. Tất cả những gì cho tới bây giờ vẫn dùng làm căn bản cho hành động và thái độ chỉ còn thuộc về quá khứ. Tình đoàn kết của nước Anh và nước Pháp, sức mạnh của quân đội Pháp, thẩm quyền của chính phủ, lòng trung thành của Bộ Chỉ huy, không còn là những dữ kiện được thừa nhận. Không ai còn tham dự

trong vai trò đồng đội trong một cuộc chơi chung nữa mà mỗi người tự chơi cuộc chơi riêng theo cách thức riêng của mình.

Tướng Weygand cho thấy cái quan tâm của ông ta là kết thúc trận đánh và cuộc chiến tranh càng sớm càng tốt. Dùng những chứng cứ của các Tướng Georges và Besson, ông ta bày ra trước hội nghị bức tranh về một tình hình quân sự không còn hy vọng. Ông Tổng Tư lệnh, vốn đã từng là Tổng Tham mưu trưởng từ năm 1930 tới 1935, trình bày những lý do thất bại của các quân đoàn dưới quyền ông bằng giọng ung dung, tuy vẫn hung hăng, của một con người chỉ biết phàn nàn mà không nhận trách nhiệm. Kết luận của ông ta là phải kết thúc thử thách cam go này, bởi tổ chức quân đội có thể sụp đổ bất ngờ, để cho tình trạng vô chính phủ và cách mạng tha hồ tung tác.

Ông Thống chế nói xen vào nhưng chỉ làm tăng thêm bầu không khí bi quan.

Để cho bầu không khí bớt căng thẳng, ông Churchill nói với ông ta giọng vui vẻ:

Kìa! Ngài Thống chế, ngài còn nhớ trận Amiens hồi tháng Ba năm 1918 chứ? Khi ấy cơ sự trở nên tệ hại làm sao. Bây giờ tôi đã tới thăm ngài tại tổng hành dinh của ngài. Ngài chỉ cho tôi kế hoạch của ngài, vài ngày sau mặt trận đã được tái lập.

Bây giờ ông Thống chế xẵng giọng:

Đúng, mặt trận đã được tái lập. Quân Anh các ngài đã bị đánh cho tan tành. Nhưng tôi, tôi đã gửi tới 40 sư đoàn để giúp các ngài ra khỏi thế bí. Hôm nay chính chúng tôi bị đánh tan tành. 40 sư đoàn của các ngài bây giờ ở đâu?

Trong khi lặp lại rằng nước Pháp sẽ không rút lui khỏi cuộc chiến đấu và thúc giục người Anh gửi phần lớn không quân tới giúp chúng tôi, ông Thủ tướng Pháp cho thấy, bất chấp tất cả, ông sẽ không tách khỏi Pétain và Weygand, như thế ông hy vọng một ngày nào đó họ sẽ theo chính sách của ông. Ông Churchill có vẻ trầm tĩnh, đầy quyền uy, nhưng đối với người Pháp đang lâm cảnh tuyệt vọng ông vẫn giữ một thái độ dè dặt rất mực. Ông đã nhận ra, có thể với một sự mẫn nguyền âm thầm, viễn cảnh khủng

khấp và tuyệt đẹp của một nước Anh một mình trên đảo và ông sẽ là người dẫn dắt nó trong nỗ lực tìm cách thoát nạn. Còn tôi, khi nghĩ tới phần tiếp theo, tôi cảm nhận được sự vô nghĩa và ước lệ trong tất cả những cuộc bàn cãi dài dòng kia, bởi chúng không hướng tới giải pháp duy nhất chấp nhận được: khôi phục chính quyền tại hải ngoại.

Sau ba giờ tranh luận không đi tới đâu, mọi người bắt đầu ăn tối tại cùng bàn hội nghị. Tôi ngồi bên cạnh ông Churchill. Cuộc trao đổi giữa chúng tôi càng khiến tôi thêm tin rằng ông rất quyết tâm với ý định của mình. Cố nhiên ông cũng nhận ra rằng de Gaulle, dù không có phương tiện gì trong tay, cũng kiên quyết không kém.

Đô đốc Darlan không có mặt trong hội nghị nhưng xuất hiện sau bữa ăn. Ông đẩy Tướng Vuillemin, Tổng Tham mưu trưởng Không quân đang đứng trước mặt để tiến về phía ông Paul Reynaud. Mục đích sự xuất hiện của ông mang đầy tính đe dọa. Một cuộc tác chiến phối hợp của hải quân và không quân ném bom đã được chuẩn bị chống lại Gênes. Theo kế hoạch này, việc thực hiện phải bắt đầu vào ban đêm. Nhưng Darlan đã thay đổi ý định và muốn đưa ra một lệnh khác, núp dưới những sự lúng túng của Vuillemin khi đó đang rất lo sợ những phản ứng của quân Ý chống lại những kho xăng ở Berre. Tuy nhiên ông Đô đốc vẫn yêu cầu sự chấp thuận của chính phủ. Ông Paul Reynaud hỏi tôi:

Ông nghĩ sao về chuyện này?

Tôi đáp:

Ở thời điểm hiện nay của chúng ta, điều hợp lý nhất lại là không thu xếp gì cả. Cần phải thực hiện chiến dịch như đã dự kiến.

Nhưng Darlan vẫn thẳng và lệnh mới được đưa ra. Gênes vẫn cứ bị dội bom bởi một bộ phận hải quân yếu ớt với ba ngày chậm trễ hơn điều dự kiến. Vụ việc này cho tôi hiểu rằng giờ đây Darlan cũng đang chơi trò chơi của chính mình.

Trong ngày 12, khi ở tại lâu đài Beauvais của ông Le Provost de Launay, tôi làm việc với Tướng Colson về kế hoạch vận chuyển tới Bắc Phi. Thú thực, sau những biến cố tôi đã chứng kiến ngày hôm trước và tình trạng cô lập của tôi giờ đây, tôi sợ rằng tinh thần bỏ mặc đã thắng thế và kế

hoạch này sẽ không bao giờ được áp dụng nữa. Nhưng tôi đã quyết làm tất cả những gì trong quyền hạn của mình để chính phủ phải chấp nhận nó và giao việc thực thi cho Bộ Chỉ huy Tối cao.

Hoàn thành được phần cốt yếu, tôi tới Chissay nơi ông Paul Reynaud đang ở. Bấy giờ đã muộn. Sau buổi họp Hội đồng Bộ trưởng tổ chức tại Cangey mà tôi không được mời dự, ông thủ tướng được Baudouin tháp tùng về nhà lúc 11 giờ khuya. Trong lúc họ ăn tối với những người thân cận, tôi ngồi gần bàn và thẳng thắn đặt vấn đề Bắc Phi. Nhưng những người nói chuyện với tôi chỉ muốn bàn về một vấn đề, có liên quan và thật cấp bách, mà Hội đồng Bộ trưởng vừa gọi ra. Đây là nơi đến sắp tới của chính phủ? Quả nhiên quân Đức đã vượt sông Seine và sẽ nhanh chóng tới sông Loire. Hai giải pháp được trù định: Bordeaux hoặc Quimper? Tiếp theo, quanh những cái đĩa, là một cuộc bàn cãi mà sự mệt mỏi và nóng nảy biến thành lộn xộn và sóng gió. Không một quyết định rõ ràng nào được đưa ra, rồi ông Paul Reynaud rút lui và cho tôi một cái hẹn vào buổi sáng.

Cố nhiên tôi ủng hộ Quimper. Không phải vì tôi có ảo tưởng về khả năng đứng vững tại Bretagne mà vì nếu chính phủ lui về đó thì sớm muộn gì nó sẽ không còn lối thoát nào khác ngoài chuyện vượt biển. Bởi quân Đức nhất thiết sẽ cần phải chiếm đóng bán đảo này để hành động chống lại Anh, nên sẽ không thể có “vùng tự do” tại Bretagne. Một khi đã lên tàu, rất có thể các ông bộ trưởng sẽ nhắm hướng châu Phi, hoặc trực tiếp, hoặc sau khi dừng lại tại Anh. Dù sao, Quimper vẫn là giai đoạn hướng tới những quyết định hiệu lực. Vì vậy, ngay khi tôi tham gia chính phủ, ông Paul Reynaud đã nói với tôi về dự định “lui về Bretagne”, tôi đã theo giải pháp này. Ngược lại, chính vì những động cơ xuất phát từ mục đích riêng chứ không phải từ nghệ thuật quân sự - hay bất kỳ danh xưng nào họ gọi – mà những con người như Pétain, Weygand, và Baudouin lại vận động chuyện đầu hàng.

Sáng sớm ngày 13 tôi trở về Chissay. Sau một cuộc tranh luận dài, và bất chấp những lý lẽ của tôi, ông Thủ tướng vẫn quyết định chuyển bộ máy chính quyền tới Bordeaux, viện lý do đó là quan điểm của các ông bộ trưởng hôm trước. Điều này càng làm tôi thêm kiên quyết yêu cầu phải có

ít nhất là một cái lệnh chính thức chỉ thị cho ông Tổng Tư lệnh dự kiến và chuẩn bị những cuộc vận chuyển tới Bắc Phi. Tôi biết đó chính là ý định cuối cùng của ông Paul Reynaud. Nhưng trước những mách khoe và ảnh hưởng trái ngược rất đối thúc bách và chán ngấy luôn luôn tìm tới ông, tôi thấy hy vọng cuối cùng này cứ mỗi giờ một tan biến đi.

Tuy nhiên, khoảng trưa ngày hôm ấy, ông Thủ tướng vẫn ký tên vào một bức thư gửi cho Tướng Weygand, trong đó ông nêu rõ những yêu cầu của chính phủ đối với ông. Trước tiên: “Bám trụ tại vùng Massif Central và Bretagne càng lâu càng tốt.” Tiếp đến: “Nếu thất bại... chúng ta sẽ chuyển đến và tổ chức cuộc chiến đấu trên Đế quốc bằng cách sử dụng quyền tự do trên biển.” Thư này rõ ràng đã thể hiện được một ý định tốt đẹp. Nhưng theo tôi nó không phải là một mệnh lệnh dứt khoát mà tình hình khi ấy đòi hỏi. Hơn nữa, sau khi ký, bức thư lại còn bị chất vấn thêm lần nữa và chỉ được gửi đi vào ngày hôm sau.

Trong cùng buổi sáng ngày 13, ông Jeannery, Chủ tịch Thượng viện, và ông Herriot, Chủ tịch Hạ viện, đã tới Chissay. Ông Jeannery kêu gọi giữ vững một tư thế kiên quyết và viện dẫn tấm gương Clémenceau, người mà ông đã từng cộng tác trực tiếp và chặt chẽ trong những giờ phút huy hoàng năm 1917 và 1918. Ông Herriot, nhã nhặn và hoạt bát, bộc lộ một cách đầy hình ảnh những cảm xúc phức tạp mà ông đã trải qua. Cả hai đều tỏ ra đồng tình với Thủ tướng, chống lại chuyện đầu hàng, sẵn sàng chuyển tới Alger với bộ máy chính quyền. Một lần nữa, tôi thấy ông Paul Reynaud, dẫn những kẻ đầu hàng có kéo bè kết cánh quanh ông như thế nào, vẫn có thể làm chủ cuộc chơi, miễn là ông đừng nhượng bộ điều gì cả.

Tôi có mặt tại Beauvais vào đầu buổi chiều khi ông de Margerie, Chánh Văn phòng Ngoại giao của ông Paul Reynaud, gọi điện thoại cho tôi để truyền đạt:

Ít phút nữa thôi tại tòa tỉnh Tours sẽ khai mạc một hội nghị giữa Thủ tướng Chính phủ và ông Churchill, người vừa tới cùng với nhiều bộ trưởng của ông. Tôi vội báo cho ông biết chuyện này bởi chính tôi cũng vừa được báo. Tuy ông không được mời tham dự nhưng theo tôi ông hãy cứ tới đi. Baudouin đang thao túng và tôi không thích chuyện đó.

Tôi đi xe về hướng Tours, trong lòng ý thức rất rõ về những gì đáng ngại trong cuộc họp bất ngờ này, cuộc họp mà ông Thủ tướng tuy trước đó đã ngồi cùng tôi vài giờ đồng hồ song lại cho rằng không nên nói gì với tôi. Sân và các hành lang của tòa tỉnh chật cứng các đám đông dân biểu, nghị sĩ, công chức, nhà báo, đổ xô tới nghe ngóng tin tức và tạo thành một thứ đội hợp xướng của một bi kịch, gần tới hồi kết thúc. Tôi bước vào văn phòng nơi ông Paul Reynaud đang ngồi giữa hai ông Baudouin và Margerie. Hội nghị lúc này đang tạm ngừng. Ông Margerie nhanh nhẹn cho tôi hay rằng các bộ trưởng Anh, bấy giờ đang họp kín với nhau trong vườn, chuẩn bị đưa ra câu trả lời cho câu hỏi mà Pháp đặt ra: “Mặc dầu thỏa thuận ngày 28 tháng Ba năm 1940 đã cấm bất kỳ động thái giải giáp vũ khí riêng rẽ nào, nhưng liệu Anh có chấp nhận cho Pháp hỏi kẻ thù về các điều kiện đình chiến cho bản thân Pháp hay không?”

Ông Churchill ngồi xuống. Huân tước Halifax, Huân tước Beaverbrook, Hầu tước Alexander Cadogan và Tướng Spears tháp tùng họ đều vào chỗ ngồi. Một khoảnh khắc im lặng nặng nề. Ông Thủ tướng cất lời bằng tiếng Pháp. Bằng một giọng đều đều và buồn bã, đầu lắc lư, miệng ngậm xì gà, trước tiên ông bày tỏ lòng ái ngại của ông, của chính phủ ông và của nhân dân ông về số phận nước Pháp. Ông nói:

Chúng tôi biết tình cảnh nước Pháp hiện nay. Chúng tôi hiểu các bạn đang cảm thấy bị dồn tới đường cùng. Tình bạn của chúng tôi đối với các bạn vẫn còn nguyên vẹn. Trong mọi trường hợp, các bạn hãy tin chắc rằng nước Anh sẽ không bao giờ rút lui khỏi cuộc chiến đấu. Chúng tôi sẽ đánh tới cùng, bất luận cách nào, bất luận ở đâu, thậm chí nếu các bạn để chúng tôi đơn độc.

Khi nói về khả năng đình chiến giữa Pháp và Đức, tôi những tưởng rằng ông sẽ nhảy dựng lên, nhưng trái lại, ông lại thể hiện một sự thấu hiểu đầy thương cảm. Nhưng khi chuyển sang vấn đề hải quân, ông đột nhiên trở nên thật chính xác và cương quyết. Rõ ràng chính phủ Anh sợ hạm đội Pháp rơi vào tay quân Đức đến nỗi khi còn kịp, ông muốn mặc cả chuyện Pháp từ bỏ thỏa hiệp ngày 28 tháng Ba để đổi lấy những bảo đảm về số phận tàu bè của chúng tôi. Thực ra, đây là kết luận được rút ra từ hội nghị

tệ hại này. Trước khi rời phòng họp, ông Churchill còn khẩn khoản yêu cầu thêm rằng trước khi đình chiến, Pháp hãy giao lại cho Anh 400 phi công Đức đang bị bắt làm tù binh. Ông nhận được lời hứa tức thì.

Sau đó ông Paul Reynaud dẫn phái đoàn Anh qua phòng bên cạnh để gặp các chủ tịch hai viện quốc hội cùng một số vị bộ trưởng. Ở đây thì bầu không khí lại rất khác. Đặc biệt, các ông Jeannery, Herriot và Louis Marin chỉ nói tới việc tiếp tục cuộc chiến. Tôi tới bên cạnh ông Paul Reynaud và hỏi có phần gay gắt:

Có chấp nhận được chuyện ông toan tính để nước Pháp xin đình chiến không?

Ông trả lời:

Dĩ nhiên là không rồi. Nhưng ta phải khiến người Anh sững sốt thì mới mong nhận được thêm sự trợ giúp từ họ.

Rõ ràng, tôi không thể coi đây là câu trả lời chân thực được. Sau khi chia tay nhau giữa những tiếng ồn ào trong sân tòa tỉnh, tôi trở về Beauvais trong sự thất vọng hoàn toàn trong khi ông Thủ tướng gửi điện tín khẩn khoản xin Tổng thống Roosevelt ra tay can thiệp; hành động này đã cho thấy nếu không có sự can thiệp đó, chúng tôi sẽ mất tất cả. Tối hôm đó, ông Paul Reynaud nói trên đài phát thanh:

Nếu phải có một phép lạ để cứu nước Pháp thì tôi tin là có phép lạ.

Đối với tôi, đó dường như là một kết luận sớm rằng tất cả sẽ nhanh chóng kết thúc. Cũng giống như một pháo đài đang bị vây hãm chuẩn bị đầu hàng ngay khi người thủ lĩnh tính chuyện đầu hàng, nước Pháp cũng đang lao đầu vào cuộc đình chiến bởi người đứng đầu chính phủ đã chính thức toan tính chuyện này. Sự hiện diện của tôi trong nội các, đầu vị trí của tôi chỉ là thứ yếu, sẽ trở thành một điều bất khả. Tuy nhiên, trong đêm đó, ngay vào lúc tôi sắp sửa gửi thư từ chức, ông Georges Mandel, do được ông Jean Laurent, Chánh Văn phòng của tôi báo cho biết từ trước, đã cho mời tôi đến gặp.

André Diéthelm đưa tôi vào gặp ông Bộ trưởng Nội vụ. Mandel nói với tôi bằng một giọng nghiêm trọng và kiên quyết khiến tôi rất ấn tượng. Cũng như tôi, ông tin rằng chỉ có thể bảo vệ nền độc lập và danh dự của

nước Pháp bằng cách tiếp tục cuộc chiến. Nhưng chính vì sự cần thiết cho đất nước này mà ông yêu cầu tôi tiếp tục ở lại vị trí hiện nay. Ông nói:

Biết đâu rồi ra chúng ta lại khiến chính phủ chuyển tới Alger được?

Ông thuật lại những gì đã xảy ra trong Hội đồng Bộ trưởng khi phái đoàn Anh đi khỏi. Sự cương quyết đã thắng thế bất chấp những gì mà Weygand vừa gây ra ở đó. Ông báo với tôi là ngay lúc này, những đơn vị đầu tiên của Đức đang tiến quân vào Paris. Rồi khi gợi ra tương lai, ông nói tiếp:

Dù sao chúng ta cũng mới chỉ ở giai đoạn đầu của một cuộc thế chiến. Ông sẽ có những nhiệm vụ vĩ đại phải hoàn thành, ông Tướng ạ! Nhưng trong số tất cả chúng ta, ông có cái lợi thế là người trong sạch nhất. Ông hãy chỉ nên nghĩ tới những gì cần phải làm cho nước Pháp và hãy nghĩ rằng trong những hoàn cảnh nhất định, vị trí hiện tại của ông có thể mang lại những điều kiện thuận lợi hơn cho ông.

Thú thực, lời nói này đã thuyết phục tôi trì hoãn việc từ chức. Nói một cách thực tế, những gì tôi có thể làm được về sau cũng phụ thuộc vào điều này.

Ngày 14 tháng Sáu: chính phủ rút lui! Tôi già biệt gia đình chủ nhà Le Provost de Launay. Họ không chịu đi, và giữa những người trong gia đình thân thuộc không bị động viên cũng không chờ động viên, họ ngồi trong nhà chờ đợi những trận đánh của cuộc rút lui, và sau đó là chờ sự xuất hiện của quân xâm lược. Vào khoảng cuối buổi chiều, sau một chuyến đi buồn bã trên con đường đầy ắp những đoàn xe chở người tị nạn, tôi tới Bordeaux và cho người đưa tới trung tâm khu quân sự nơi dự kiến ông Paul Reynaud sẽ về ở. Ông Marguet, nghị sĩ – thị trưởng của thành phố, có mặt ở đây và cho tôi biết điều mới nhất trong những ý kiến đáng chán nản mà ông sẵn sàng bày tỏ với ông Thủ tướng.

Khi ông Thủ tướng tới, tôi nói với ông:

Từ ba ngày nay, tôi nhận thấy chúng ta đang lao vào cuộc đầu hàng với tốc độ rất nhanh. Tôi đã đem tài hèn sức mọn của mình ra để giúp việc cho ông, nhưng đó là để tiến hành chiến tranh. Tôi không chấp nhận đình

chiến. Nếu ông ở lại đây, ông sẽ bị nhấn chìm trong thất bại thôi. Hãy tới Alger càng nhanh càng tốt. Ông có quyết tâm không – có hay không?

Ông Paul Reynaud đáp:

Có!

Tôi nói tiếp:

Trong trường hợp này, tôi phải tới London ngay lập tức để dàn xếp với người Anh chuyện họ hỗ trợ chúng ta di chuyển. Ngày mai tôi sẽ đi. Tôi sẽ gặp lại ông tại đâu?

Ông Thủ tướng trả lời:

Ông sẽ gặp lại tôi tại Alger.

Chúng tôi đã thống nhất là tôi sẽ lên đường vào ban đêm và trên đường đi sẽ ghé vào Bretagne để xem có thể cho những gì lên tàu tại đây. Cuối cùng, ông Paul Reynaud dặn tôi mời Darlan đến gặp ông vào sáng ngày hôm sau để bàn về hải quân.

Darlan đang trên đường tới La Guéri Toulde. Tôi liên lạc với ông qua điện thoại vào tối hôm ấy để ấn định buổi hẹn. Một giọng câu kính đáp lại tôi:

Tới Bordeaux ngày mai à? Tôi không biết ông Thủ tướng định làm gì ở đó. Nhưng tôi là người chỉ huy, tôi đâu có rỗi thời giờ!

Sau một hồi ông cũng xuôi. Dù vậy, giọng nói của Darlan vẫn cho thấy những viễn cảnh buồn bã. Vài phút sau, qua cuộc trao đổi ngắn ngủi với Jean Ybarnegaray, Quốc vụ khanh, người cho đến lúc đó vẫn thể hiện sự ủng hộ chiến đấu tới cùng, tôi có thể đoán được sự tiến triển trong tư duy của một số nhân vật. Ông ta đến gặp tôi tại khách sạn Splendide, nơi tôi đang vội vàng ăn tối với Geoffroy de Courcel, và nói:

Với tôi, với tư cách một cựu chiến binh, không gì quan trọng hơn việc tuân lệnh các chỉ huy của tôi, Pétain và Weygand!

Tôi trả lời:

Có thể một ngày nào đó ông sẽ thấy rằng đối với một vị bộ trưởng, an nguy của nhà nước phải đặt trên mọi tình cảm.

Tôi lặng lẽ tới chào Thống chế Pétain lúc này đang ăn tối trong cùng phòng. Ông lặng lẽ bắt tay tôi mà không nói một lời nào. Từ đó về sau

tôi không còn gặp lại ông nữa.

Dòng chảy đang cuốn ông đi thật hung bạo làm sao, và nó đẩy ông tới một định mệnh tất yếu đến nghiệt ngã vô chừng! Xuyên suốt sự nghiệp của con người xuất chúng này là một nỗ lực tự kìm nén lâu dài. Quá kiêu hãnh nên không cần đến những âm mưu, quá mạnh mẽ để có thể dung thứ cho sự tầm thường, quá tham vọng nên không thể trở thành kẻ xu thời, ông nuôi dưỡng trong niềm cô tịch của mình một khát vọng thống trị - cái khát vọng từ lâu đã được vun bồi bằng ý thức về giá trị con người ông, bằng những trở ngại ông đã gặp phải và bằng sự khinh miệt ông dành cho kẻ khác. Vinh quang chiến trận đã hào phóng ban cho ông những mơn trớn vuốt ve đầy cay đắng của nó. Nhưng nó không làm ông thỏa mãn, bởi nó không chỉ yêu một mình ông. Và lúc này đây, giữa mùa đông khắc nghiệt của đời ông, cuộc thế lại bất chợt mang đến trước thiên tư và lòng kiêu hãnh của ông một cơ hội – cái cơ hội mà ông hằng mong đợi – được mở rộng không ngần mé, nhưng với một điều kiện: ông phải chấp nhận thảm họa làm bệ phóng, và trang điểm nó bằng vinh quang của mình.

Cần phải nói rằng đầu sao ông Thống chế cũng đã xem cuộc chiến như đã thua. Người lính già này gia nhập quân ngũ trong giai đoạn hậu chiến sau cuộc chiến tranh năm 1870 [57], và một cách tự nhiên, ông cho rằng cuộc đấu tranh này chỉ đơn thuần là một cuộc chiến tranh Pháp – Đức mới. Tuy bị đánh bại trong cuộc chiến tranh thứ nhất, nhưng chúng tôi đã thắng trong cuộc chiến tranh thứ hai, cuộc chiến 1914 – 1918, dĩ nhiên là chiến thắng cùng các nước đồng minh nhưng đồng minh dù sao cũng chỉ giữ vai trò phụ. Giờ đây chúng tôi đang thua cuộc chiến tranh thứ ba. Thật tàn nhẫn, nhưng âu cũng là lẽ thường. Sau Sedan và sự sụp đổ của Paris, chỉ còn cách kết thúc, điều đình và, khi có dịp, đê bẹp phong trào Công xã, như Thiers đã từng làm xưa kia trong những tình huống tương tự [58]. Tính toán cầu của cuộc xung đột, những khả năng của phần lãnh thổ hải ngoại, những hậu quả về ý thức hệ trong chiến thắng của Hitler – tất cả đều không xuất hiện trong phán đoán của ông Thống chế già. Ông không có thói quen nghĩ đến những điều ấy.

Dầu sao mặc lòng, tôi vẫn tin rằng vào những thời điểm khác, Thống chế Pétain hẳn không đành khoanh tay ngồi yên nhìn cả nước đầu hàng. Tôi tin chắc rằng ngày nào ông còn là chính ông thì ngay khi thấy rằng mình đã sai lầm, rằng chiến thắng vẫn là điều khả dĩ, rằng nước Pháp sẽ dự phần vào chiến thắng ấy, thì ông vẫn sẽ đi theo con đường chiến tranh. Nhưng than ôi! Đằng sau hình dáng bên ngoài, thời gian đã gặm mòn tính cách ông. Tuổi tác ném ông vào những thủ đoạn của bọn người quen nấp dưới sự mệt mỏi mà vẫn đầy oai nghi của ông. Tuổi già giống như con tàu bị đắm. Tuổi già của Thống chế Pétain sắp được đồng hóa với sự suy sụp của nước Pháp.

Đó là điều tôi nghĩ khi ngồi xe về Bretagne trong đêm. Nhưng đồng thời, tôi lại càng củng cố quyết tâm tiếp tục cuộc chiến, bất kể điều này có thể đưa tôi tới đâu. Tới Rennes sáng ngày 15 tháng Sáu, tôi gặp Tướng René Atmayer chỉ huy nhiều đơn vị được tung vào miền nam Mayenne, Tướng Guitry chỉ huy khu quân sự, và ông Tỉnh trưởng tỉnh Ille-et-Vilaine. Cả ba đều đã làm hết sức mình trong những lĩnh vực riêng của họ. Tôi cố gắng tổ chức phối hợp những nỗ lực và phương tiện của họ để bảo vệ địa thế. Sau đó tôi tới Brest bằng cách vượt qua những đoàn xe tới đây để lại lên tàu. Tại tòa tỉnh ven bờ biển này, tôi nghiên cứu với Đô đốc Traub và “Đô đốc miền Tây” de Laborde về khả năng và nhu cầu của hải quân trong việc đưa các đội quân lên tàu tại các cảng ở Bretagne. Buổi chiều, tôi lên tàu khu trục Milan để đi tới Plymouth, trên tàu còn có một phái đoàn các nhà hóa học do Tướng Lemoine hướng dẫn và được ông Raoul Dautry, Bộ trưởng Bộ Vũ trang giao nhiệm vụ cất giữ “nước nặng” [59] tại Anh. Khi rời vũng tàu ở Brest, tàu Richelieu, khi đó đang sẵn sàng bẻ lái tới Dakar [60], kéo cờ chào tôi. Từ Plymouth, tôi tới London ngày 16 vào lúc rạng sáng.

Vài phút sau, trong phòng khách sạn Hyde Park tôi đang rửa ráy thì các ông Corbin và Monnet bước vào. Trước tiên ông Đại sứ báo với tôi là những cuộc hẹn của tôi với người Anh để giải quyết vấn đề vận chuyển đã được dàn xếp vào buổi sáng. Ngoài ra, họ cũng thông báo rằng Pháp không xin đình chiến với Đức thì ông Churchill sẽ gặp ông Paul Reynaud tại

Concarneau vào sáng ngày hôm sau để cùng ấn định việc vận chuyển bằng tàu. Sau đó hai người chuyển sang đề tài khác. Họ nói:

Chúng tôi được biết là ở Bordeaux tinh thần đầu hàng đang lan nhanh. Thực ra, trong khi ông đang trên đường tới đây, chính phủ Pháp đã xác nhận bằng điện thư lời ông Paul Reynaud yêu cầu ông Churchill ngày 13 rằng để nước Pháp sẽ rút ra khỏi thỏa hiệp ký ngày 28 tháng Ba. Chúng tôi vẫn chưa biết người Anh sẽ trả lời như thế nào – họ phải phản hồi vào sáng hôm nay. Nhưng chúng tôi nghĩ họ sẽ chấp nhận và dàn xếp những đảm bảo liên quan tới hải quân. Vậy là chúng ta đang đến gần những giây phút cuối cùng, điều này càng đúng hơn bởi Hội đồng Bộ trưởng sẽ nhóm họp tại Bordeaux trong ngày hôm nay, và rất có thể phiên họp này sẽ có tính cách quyết định.

Corbin và Monnet bổ sung thêm:

Theo chỗ chúng tôi thấy, nếu có một nhân tố mới lúc này thì sẽ tạo ra một tác động về mặt tinh thần, và tác động này là điều cần thiết để làm thay đổi lối suy nghĩ hiện nay, đồng thời củng cố thêm ở ông Paul Reynaud ý định lên đường tới Alger. Do đó, chúng tôi đã cùng với ngài Robert Vansittart, Thư ký Thường trực Bộ Ngoại giao Anh, vạch ra một kế hoạch có vẻ khá ấn tượng. Kế hoạch này là lời đề xuất thành lập liên minh giữa Pháp và Anh do chính phủ London trân trọng gửi tới chính phủ Bordeaux. Hai nước sẽ quyết định hợp nhất chính quyền, cùng chia sẻ những nguồn lực và tổn thất – tóm lại là một sự gắn kết toàn diện giữa hai định mệnh riêng biệt. Trước một lời đề xuất như thế, trong một hoàn cảnh như hiện nay, biết đâu các ông bộ trưởng của chúng ta sẽ suy nghĩ lại hay chí ít là trì hoãn việc đầu hàng. Nhưng chúng ta vẫn còn phải thuyết phục chính phủ Anh thuận theo đề nghị này. Một mình ông có thể tranh thủ sự đồng tình của ông Churchill. Dự kiến lát nữa đây ông sẽ ăn trưa với ông ấy. Đây sẽ là cơ hội tuyệt vời – dĩ nhiên là trong trường hợp ông tán thành ý tưởng trên.

Tôi xem xét văn bản mà hai người mang đến và thấy ngay rằng một việc lớn như thế này không thể làm trong một sớm một chiều được. Cứ cho rằng đây là việc đáng làm, thì cũng không thể qua một vài cuộc trao đổi giấy tờ mà hợp nhất được Anh và Pháp, dù chỉ trên nguyên tắc, bởi trong

đó còn có những cơ chế, những lợi ích, những thuộc địa của mỗi nước. Ngay cả những điểm khả thi trong bản đề xuất, chẳng hạn như cùng chia sẻ những tổn thất chiến tranh, cũng cần đến những cuộc đàm phán phức tạp. Nhưng đề nghị giúp đỡ mà chính phủ Anh gửi tới chính phủ của chúng tôi quả thực đã thể hiện trong nó một tình đoàn kết có ý nghĩa quan trọng. Nhưng trên hết, cũng giống như các ông Corbin và Monnet, tôi nghĩ rằng với ông Paul Reynaud lúc này đang lún sâu vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng và các vị bộ trưởng của ông, bản đề xuất này tự thân nó sẽ mang đến một niềm an ủi và một lý do để họ thêm quyết tâm. Vì thế tôi đồng ý làm hết sức để khiến ông Churchill chấp thuận ý tưởng này.

Buổi sáng bận rộn. Công việc đầu tiên của tôi là thu xếp nơi đến cho chiếc tàu Pasteur đang chở khoảng 1.000 khẩu đại bác 75, vài nghìn khẩu súng máy và nhiều lô quân nhu từ Hoa Kỳ. Theo lời tư vấn của phái đoàn quân sự, tôi ra lệnh cho chiếc tàu bẻ hướng từ Bordeaux sang một hải cảng của nước Anh. Do tình hình thay đổi nên phải làm sao để ngăn không cho chuyển tàu vô giá này rơi vào tay quân thù. Trên thực tế, những khẩu đại bác và súng máy mà chiếc Pasteur mang đến đã giúp quân đội Anh tái vũ trang sau khi để mất gần hết vũ khí khí tài trong trận thua ở Dunkerque.

Về vấn đề vận chuyển, tôi nhận thấy người Anh cũng thực lòng lo lắng tìm cách hỗ trợ tăng cường phương tiện giúp chúng tôi di chuyển quân đội và bảo vệ các tàu; máy móc thực hiện do Bộ Hải quân Anh thu xếp cùng với phái đoàn hải quân của chúng tôi do Đô đốc Odend'hal điều khiển. Nhưng có thể thấy rõ London không mấy tin rằng chính phủ Pháp sẽ khôi phục lại. Qua những cuộc tiếp xúc, tôi thấy rằng những biện pháp mà các bạn đồng minh của chúng tôi đang áp dụng thực hiện trên nhiều chiến trường khác nhau đều xuất phát từ cái giả định rằng chúng tôi sắp từ bỏ cuộc chiến đấu. Số phận của hải quân chúng tôi là điều ám ảnh họ trên hết. Trong những giờ phút nguy kịch này, mỗi người Pháp đều cảm thấy bị đè nặng bởi một câu hỏi – hỏi thầm trong đầu hoặc hỏi thẳng thành tiếng – trước mỗi người Anh họ gặp:

Hải quân của các anh rồi sẽ ra sao?

Ông Thủ tướng Anh cũng có ý nghĩ đó khi tôi và các ông Corbin và Monnet đến ăn trưa cùng ông tại Câu lạc bộ Carlton. Tôi nói:

Dù chuyện gì xảy ra, Hải quân Pháp sẽ không bị giao nộp một cách tự nguyện đâu. Bản thân ông Pétain sẽ không chấp thuận chuyện đó. Và chẳng, Hải quân là “đất phong” của Darlan. Mà một lãnh chúa thì có đời nào đi giao nộp vùng đất phong của mình đâu. Nhưng để có thể tin chắc được rằng kẻ thù sẽ không bao giờ đụng tới những chiếc tàu của chúng tôi, chúng tôi bắt buộc phải tiếp tục cuộc chiến. Vậy mà tôi phải thú thực rằng thái độ của ngài ở Tours đã khiến tôi sửng sốt. Dường như ngài đã coi nhẹ liên minh của chúng ta. Thái độ từ bỏ của ngài đã làm lợi cho những kẻ ủng hộ đầu hàng trong nước tôi. Họ nói: “Các vị thấy hai năm rồi rồi đấy, chúng ta không có sự lựa chọn nào đâu. Người Anh cũng đồng tình như thế đấy.” Không! Ngài cần phải làm điều gì khác hẳn để động viên chúng tôi trong cuộc khủng hoảng kinh khiếp này.

Ông Churchill có vẻ sửng sốt. Ông hội ý nhanh với viên thư ký riêng là Thiếu tá Morton. Tôi đề rằng ông đang nhọc nhằn tìm cách đưa ra những thu xếp cần thiết để thay đổi một quyết định đã rồi. Có thể vì vậy mà nửa tiếng đồng hồ sau đó, tại Bordeaux, đại sứ Anh đến gặp ông Paul Reynaud để xin rút lại bức công hàm đã trao từ trước, trong đó nói rằng chính phủ Anh đồng tình trên nguyên tắc việc Pháp hỏi Đức về những điều kiện đình chiến.

Sau đó tôi nêu vấn đề hợp nhất hai dân tộc với ông Churchill. Ông nói:

Huân tước Halifax đã nói với tôi chuyện này rồi. Nhưng đây là một miếng bánh lớn đấy.

Tôi đáp:

Đúng vậy. Như thế có nghĩa là việc thực hiện sẽ mất nhiều thời gian. Nhưng có thể thể hiện ý định này ngay tức khắc mà. Trong tình thế bây giờ, xin ông đừng bỏ qua những gì có thể giúp đỡ cho Pháp và duy trì liên minh của chúng ta.

Sau một hồi thảo luận, ông Thủ tướng nhất trí với ý kiến của tôi. Ông triệu tập ngay nội các và tới dinh Thủ tướng ở đường Downing để chủ tọa cuộc họp. Tôi theo ông tới đó, và trong lúc các ông bộ trưởng thảo luận, tôi

và ông đại sứ Pháp ngồi trong một văn phòng sát bên Phòng Nội các. Trong khoảng thời gian đó, tôi gọi điện cho ông Paul Reynaud để báo rằng tôi hy vọng nội trong buổi chiều nay và với sự nhất trí của chính phủ Anh, tôi sẽ gửi tới ông một tin thật quan trọng. Ông nói sẽ hoãn phiên họp Hội đồng Bộ trưởng tới 17 giờ, và dặn thêm:

Nhưng tôi không thể hoãn lâu hơn thế được đâu.

Phiên họp của nội các Anh kéo dài hai tiếng và trong khoảng thời gian đó, thì thoảng một ông bộ trưởng lại bước ra để làm rõ một điểm nào đó với chúng tôi. Bỗng nhiên, tất cả đều bước ra, đi đầu là ông Churchill. Họ nói:

Chúng tôi đồng ý.

Quả nhiên, ngoại trừ phần chi tiết, văn bản họ đưa ra đúng là văn bản mà chúng tôi đã đề nghị. Tôi gọi điện ngay cho ông Paul Reynaud và đọc nội dung cho ông nghe. Thủ tướng nói:

Văn kiện này thật quan trọng. Tôi sẽ dùng nó trong phiên họp sắp diễn ra bây giờ.

Tôi gói gọn mọi điều tôi có thể nghĩ ra để khích lệ ông trong vài câu ngắn ngủi. Sau đó, ông Churchill cầm máy điện thoại nói:

Alô! Chào Reynaud! De Gaulle nói đúng đấy! Đề nghị của chúng tôi có thể mang lại những hiệu quả lớn. Các ông phải chiến đấu tới cùng đấy!

Sau khi nghe câu trả lời ở đầu dây bên kia, ông Churchill nói tiếp:

Được rồi, gặp các ông ngày mai! Tại Concarneau.

Tôi chào từ biệt ông Thủ tướng. Ông cấp cho tôi một chiếc máy bay để trở về Bordeaux ngay. Chúng tôi thống nhất rằng tôi có toàn quyền sử dụng chiếc máy bay này phòng khi biến cố xảy ra có thể khiến tôi phải quay trở lại. Bản thân ông Churchill phải đáp xe lửa để lên một tàu khu trục để tới Concarneau. Vào lúc 21 giờ 30 phút, tôi đáp xuống Bordeaux. Đại tá Humbert và Auburtin thuộc văn phòng tôi đang đợi sẵn tại sân bay. Họ báo tin Thủ tướng đã từ chức và Tổng thống Lebrun đã chỉ định Thống chế Pétain thành lập chính phủ mới. Vậy là đầu hàng chắc rồi. Tôi quyết định ngay là sẽ lập tức lên đường khi trời sáng.

Tôi đi gặp ông Paul Reynaud. Một mặt, tôi thấy ông hết sức thực tế về những hậu quả có thể xảy đến khi Thống chế lên nắm quyền; mặt khác, tôi

thấy ông như người vừa trút được một gánh nặng không chịu nổi. Ở ông, tôi thấy một con người đã chạm tới giới hạn của hi vọng. Phải chứng kiến tận mắt người ta mới có thể nhận thấu cái gian nan của người lãnh đạo trong giai đoạn kinh khủng này. Qua bao ngày không nghỉ và bao đêm không ngủ, ông Thủ tướng cảm thấy toàn bộ trách nhiệm về số phận nước Pháp đè nặng lên đôi vai mình. Bởi người lãnh đạo luôn phải một mình đối diện với nghịch cảnh. Chính ông là người phải hứng chịu đầy đủ những tác động của các biến cố đánh dấu từng giai đoạn sự sụp đổ của chúng tôi: việc Đức đột kích xuyên qua Sedan, thảm họa Dunkerque, sự tháo chạy khỏi Paris, sự sụp đổ của Bordeaux. Vậy mà ông chỉ lãnh đạo chính phủ ngay vào hôm trước khi những nỗi bất hạnh của chúng tôi xảy đến nên không kịp có thời gian để đương đầu với chúng, trong khi từ lâu ông đã lên tiếng đề nghị thực hiện một đường lối quân sự có thể giúp tránh được tai ương. Ông đối diện với bão táp bằng sự kiên định chưa từng bị lay chuyển. Trong những ngày nguy kịch này, Paul Reynaud không phút nào đánh mất sự tự chủ. Người ta không bao giờ thấy ông nổi nóng, phẫn nộ hay than phiền. Thật bi đát khi chứng kiến cảnh giá trị vĩ đại của con người ấy bị nghiền nát một cách bất công dưới sức nặng của những biến cố.

Thực ra, phẩm chất của ông Paul Reynaud phù hợp với những điều kiện trong đó người ta vẫn còn có thể lèo lái cuộc chiến tranh trong một chính phủ còn vận hành hiệu quả và dựa trên nền tảng của những dữ kiện đã được truyền thống thiết lập. Nhưng tất cả đều đã bị quét sạch! Người đứng đầu chính phủ trông thấy xung quanh mình sự sụp đổ của cả một hệ thống: nhân dân chạy trốn, đồng minh rút lui, và những nhà lãnh đạo lầy lùng vấp ngã. Từ ngày chánh phủ rời bỏ thủ đô, ngay cả hoạt động của chính quyền cũng chỉ còn là một sự hấp hối bày ra dọc các con đường, trong sự tan rã của những cơ quan, những kỷ luật và những ý thức. Trong những điều kiện như thế, trí thông minh, sự dũng cảm, thẩm quyền chức trách của ông Paul Reynaud đều vô hiệu. Ông không còn có thể phát huy quyền năng của mình trên dòng chảy hung bạo của các biến cố.

Để nắm lại dây cương, ông sẽ phải đưa mình ra khỏi dòng xoáy đó mà tới châu Phi và làm lại mọi thứ từ đó. Ông Paul Reynaud nhận ra điều này.

Nhưng việc thực thi lại đòi hỏi những biện pháp cực đoan: thay đổi Bộ Chỉ huy Tối cao, loại bỏ ông Thống chế cùng phân nửa các ông bộ trưởng, cắt đứt một số ảnh hưởng, chấp nhận để chính quốc bị chiếm đóng hoàn toàn – tóm lại, bằng mọi giá phải đập nát những khuôn khổ và quy trình thông thường trong một tình huống vô tiền khoáng hậu.

Ông Paul Reynaud không nghĩ rằng bản thân ông có thể thực hiện được những quyết định vượt quá xa đến vậy khỏi cái quỹ đạo thông thường và đã được trù tính. Ông cố đạt mục tiêu trên bằng mưu chước. Điều này lý giải tại sao ông lại nghĩ đến chuyện, nếu được sự đồng tình của Anh, thăm dò điều kiện đình chiến của kẻ thù. Cố nhiên ông phán đoán rằng những kẻ chủ trương đình chiến sẽ chùn bước khi biết những điều kiện đình chiến, và bấy giờ những người con ưu tú của đất nước sẽ tập trung lại để khởi lên cuộc chiến tranh cứu nước. Nhưng bi kịch này quá nghiệt ngã nên khó lòng mà giải quyết được. Hoặc chiến đấu tới cùng hoặc đầu hàng ngay tức khắc – chỉ có hai sự lựa chọn cực đoan này chứ không có giải pháp lửng lơ ở giữa. Và ông Paul Reynaud vì không hoàn toàn đi theo phương án thứ nhất nên đành nhường chỗ cho Pétain, người hoàn toàn thuận theo phương án thứ hai.

Phải nói rằng vào giờ phút hệ trọng nhất, chế độ không mang lại cho người đứng đầu nội các cuối cùng của Đệ tam Cộng hòa một chỗ dựa nào. Chắc hẳn nhiều vị trong chính quyền đã rùng mình khi nghĩ tới chuyện đầu hàng. Nhưng các cấp chính quyền lại không hề phản ứng bởi vẫn còn choáng váng trước cái tai họa mà họ cảm thấy mình có trách nhiệm. Khi phải đối mặt với vấn đề chi phối tất cả hiện tại và tương lai của nước Pháp, Quốc hội lại không nhóm họp, chính phủ lại tỏ ra không có khả năng đi tới một quyết định dứt khoát, vị Tổng thống nền Cộng hòa thì cố tránh lên tiếng, thậm chí chỉ là lên tiếng giữa hội đồng bộ trưởng, để bày tỏ những lợi ích tối cao của dân tộc. Trên thực tế, sự tiêu vong này của nhà nước chính là điểm tận cùng trong cái bi kịch của đất nước. Trong cơn bão tố, chế độ hiện nguyên hình sự què quặt kinh khiếp của nó, và nó thể hiện rằng nó không tương xứng cũng như không có can hệ gì đến nền quốc phòng, đến danh dự và đến nền độc lập của nước Pháp.

Vào lúc khuya, tôi tới khách sạn nơi ngài Ronald Campbel, Đại sứ Anh, đang ở, để thông báo ý định lên đường đi London của mình. Tướng Spears đến tham gia câu chuyện và tuyên bố sẽ cùng đi với tôi. Tôi cũng cho người báo tin cho ông Paul Reynaud. Ông cử người mang đến cho tôi 100.000 frăng trích từ quỹ bí mật. Tôi khẩn khoản nhờ ông de Margerie gửi ngay cho vợ con tôi, khi đó đang ở Carantec, hộ chiếu để tới Anh, và họ đã kịp đáp chuyển tàu cuối cùng rời Brest. 9 giờ sáng ngày 17 tháng Sáu, cùng với tướng Spears và trung úy Courcel, tôi bay trên chiếc máy bay Anh đã đưa tôi đi hôm trước. Cuộc lên đường diễn ra không lãng mạn và cũng chẳng khó khăn.

Chúng tôi bay trên các cảng La Rochelle và Rochefort. Những chiếc tàu bị máy bay Đức khai hỏa đang bốc cháy. Chúng tôi bay qua Paimpont, nơi có mẹ tôi đang bệnh nặng. Khu rừng ngùn ngụt khói bốc lên từ những kho đạn dược bị phá hủy. Sau một lần dừng tại Jersey, chúng tôi tới London vào đầu giờ buổi chiều. Trong lúc tôi nhận phòng còn Courcel gọi điện tới tòa đại sứ và các phái đoàn nhưng chỉ gặp được sự ngập ngừng từ họ, tôi – trong sự đơn độc và bị tước hết mọi thứ – cảm thấy mình như người đang đứng trên bờ một đại dương mà muốn bơi qua bờ bên kia vậy.

CHƯƠNG 3

NƯỚC PHÁP TỰ DO

Tiếp tục cuộc chiến chẳng? Đúng, hẳn rồi! Nhưng với mục đích gì và trong những giới hạn nào đây? Nhiều người, ngay khi tán thành chuyện đó, lại không muốn đó là điều gì khác hơn một cuộc hợp tác bởi một nhóm người Pháp với đế quốc Anh vẫn đứng vững trong trận tuyến. Không một phút nào tôi trù định mưu toan trên kế hoạch đó. Với tôi, những gì cần phục vụ và cứu vãn là dân tộc và nhà nước.

Quả thật tôi nghĩ sẽ không còn danh dự, thống nhất, độc lập nếu phải chấp nhận rằng trong cuộc thế chiến này, chỉ có nước Pháp đầu hàng và vẫn còn trong tình trạng đó. Bởi trong trường hợp này, dù cuộc xung đột đưa tới lối thoát nào – đất nước tôi sau cuộc đại bại hoặc là một ngày nào đó sẽ được các lực lượng nước ngoài đến giải phóng khỏi quân xâm lược hoặc là vẫn bị thống trị – thì sự chán chường cảm nhận tự bản thân hoặc gây cho các nước khác sẽ đầu độc linh hồn và sự sống của đất nước trong nhiều thế hệ dài. Trong khi trước mắt, nhân danh cái gì để đưa một số những người con của đất nước vào một cuộc chiến không còn là của bản thân đất nước? Có ích gì khi cung ứng các lực lượng phụ trợ từ một cường quốc khác? Không! Để cho nỗ lực không bỏ công, cần phải đặt lại vào cuộc chiến, không chỉ người Pháp, mà nước Pháp nữa.

Điều đó cần phải bao gồm: các quân đoàn chúng tôi phải trở về trên các chiến trường, các lãnh thổ của chúng tôi phải trở lại tham chiến, cả nước cùng tham gia vào nỗ lực chung của những người đứng ở đầu mũi tên hòn đạn, và các cường quốc nước ngoài phải nhận ra rằng như vậy là Pháp đã tiếp tục chiến đấu – nói tóm lại là phải cứu vãn chủ quyền dân tộc và

thoát ra khỏi chính sách ôm cây đợi thỏ để đi về phía cuộc chiến và một ngày nào đó là tiến tới thắng lợi.

Với những gì tôi hiểu về con người và sự việc, tôi nhận thấy rõ những trở ngại phải vượt qua. Đó là sức mạnh của quân thù mà chỉ có trường kỳ kháng chiến mới đánh tan được, nhưng nó lại tìm được sự hậu thuẫn của bộ máy chính quyền Pháp để chống lại sự phục hưng tinh thần chiến đấu của nước Pháp. Đó là những khó khăn không tránh khỏi về tinh thần và vật chất của một cuộc chiến đấu lâu dài và quyết liệt khi người ta phải chiến đấu như người cùng khổ và thiếu phương tiện. Đó là hàng núi những ý kiến bác bỏ, những lời kết tội, những điều vu khống chống lại những chiến binh của bọn người hoài nghi và hèn nhát để che đậy thái độ thụ động của chúng. Đó là những hoạt động “song hành,” nhưng thật ra là cạnh tranh và đối nghịch, khơi gợi từ đam mê tranh cãi của người Pháp, và theo thông lệ, chính sách và các tổ chức của các nước đồng minh sẽ không ngần ngại tranh thủ để sử dụng chúng. Với những người muốn lật đổ chính quyền, họ sẽ có ý muốn làm cho cuộc kháng chiến dân tộc đi sai đường về phía sự hỗn mang cách mạng từ đó chế độ độc tài ra đời. Cuối cùng sẽ có xu hướng của những nhà nước lớn lợi dụng sự suy yếu của chúng tôi để đẩy những lợi ích của họ lên, gây thiệt hại cho nước Pháp.

Còn tôi, đứng trước một cái dốc cao như vậy, tôi chinh phục bằng hai bàn tay trắng. Bên tôi không có bóng dáng của một sức mạnh lẫn một tổ chức nào cả. Tại Pháp, không một người bảo lãnh, không một tiếng tăm. Ở nước ngoài, không uy tín lẫn sự chứng thực nào. Nhưng chính sự cùng quẫn này đã vạch cho tôi cách cư xử. Tôi có thể tìm lấy sức mạnh cho mình chỉ bằng cách kiên quyết đi theo sự nghiệp cứu nước. Bằng hành động như người bảo vệ, đấu tranh không lay chuyển cho dân và cho nước, tôi có thể tập hợp những sự đồng tâm nhất trí và nhiệt tình của người Pháp, và nhận được sự trân trọng và kính trọng của người nước ngoài. Trong suốt thời gian dài của bi kịch này, tức tối với tính không khoan nhượng này, những người không muốn thấy rằng, với tôi khi phải đẩy lùi vô số áp lực trái ngược, một sự suy yếu nhẹ cũng đủ kéo theo sự sụp đổ. Tóm lại đầu đơn

độc và bị giới hạn tới đâu, và thật sự đó là tình trạng của tôi, tôi vẫn phải đạt tới những đỉnh cao và không bao giờ bước xuống nữa.

Điều đầu tiên phải làm là kéo lên ngọn cờ. Đài phát thanh nhận làm chuyện này. Ngay buổi chiều ngày 17 tháng Sáu, tôi trình bày những mục tiêu của tôi với ông Winston Churchill. Bị đắm từ cơn tàn phá và trôi giạt tới bến bờ nước Anh, liệu tôi có thể làm gì được nếu không có sự hợp tác của ông? Ông đã hợp tác với tôi ngay tức khắc và, để bắt đầu, đặt đài BBC dưới quyền sử dụng của tôi. Chúng tôi yêu cầu được sử dụng nó khi nào chính phủ Pétain đề nghị đình chiến. Và ngay trong buổi tối mọi người đều biết ông ta đã làm chuyện đó. Ngày hôm sau, vào lúc 18 giờ, tôi đọc trước micrô lời kêu gọi nhân dân Pháp. Trong lúc bay đi những từ không quay lại được, tôi cảm thấy trong tôi kết thúc một cuộc đời, một cuộc đời mà tôi đã trải qua trong khuôn khổ một nước Pháp vững chắc và một quân đội bất khả phân. Năm 49 tuổi, tôi bước vào một cuộc phiêu lưu, như một con người mà định mệnh ném ra ngoài mọi thứ hạng.

Tuy nhiên trong khi thực hiện những bước đầu tiên trong sự nghiệp chưa từng có này, tôi có bốn phận phải xác minh rằng ngoài tôi ra không còn ai sẵn sàng đứng lên để đưa Pháp và Đế quốc Pháp quay trở lại cuộc đấu tranh. Khi nào cuộc đình chiến chưa có hiệu lực, bất chấp mọi điều có thể xảy ra, người ta vẫn có thể nghĩ rằng chính phủ Bordeaux cuối cùng sẽ chọn chiến tranh. Dầu đó chỉ là cơ may nhỏ nhất, chúng tôi vẫn phải chuẩn bị. Chính vì vậy mà ngay khi tới London chiều ngày 17, tôi đánh điện về Bordeaux, nhận tiếp tục tại thủ đô nước Anh những cuộc thương lượng mà tôi đã bắt đầu hôm trước về công cụ xuất phát từ Hoa Kỳ, về tù binh Đức, về các cuộc vận chuyển tới châu Phi.

Một bức điện trả lời yêu cầu tôi trở về ngay. Ngày 20 tháng Sáu, tôi viết cho Weygand – trong cuộc đầu hàng ông này đã nhận được chức vụ đáng kinh ngạc, Bộ trưởng Quốc phòng – để van nài ông lãnh đạo cuộc kháng chiến và bảo đảm với ông rằng nếu ông ta làm thế tôi sẽ hoàn toàn tuân thủ mọi mệnh lệnh của ông. Nhưng thư được trả về tôi vài tuần sau bởi người nhận với một lời ghi mà ít ra người ta cũng có thể nói nó đánh dấu ác ý của ông ta. Ngày 10 tháng Sáu, “sứ quán Pháp” thông báo cho tôi lệnh

nộp mình tại nhà tù Saint-Michel tại Toulouse để hội đồng chiến tranh xét xử. Trước tiên hội đồng này kêu án tôi bốn năm tù. Sau đó theo sự chống án tối thiểu do ông “Bộ trưởng” Weygand yêu cầu, họ kết án tử hình tôi.

Vì những lý do đã quá rõ ràng, tôi đã lường trước thái độ này của Bordeaux nên đã kêu gọi những người có thẩm quyền ở hải ngoại. Ngay ngày 19 tháng Sáu, tôi đã điện cho Tướng Noguès, Tổng Tư lệnh tại Bắc Phi và tổng công sứ tại Maroc, để theo lệnh ông trong trường hợp ông bác bỏ cuộc đình chiến. Trong buổi chiều, qua đài phát thanh, tôi khẩn thiết kêu gọi “châu Phi của Cpauzel, của Bugeaud, của Lyantey, của Noguès, bác bỏ những điều kiện của quân thù.” Ngày 24 tháng sáu, qua điện tín, tôi lặp lại lời kêu gọi với Noguès, đồng thời nói với Tướng Mittelhausser và ông Puaux, Tổng Tư lệnh và Cao ủy vùng Levant, cũng như với Tướng Catroux, toàn quyền Đông Dương. Với các thẩm quyền cao cấp này, tôi gợi ý thành lập một tổ chức phòng thủ Đế quốc mà tôi có thể bảo đảm ngay tức khắc các mối liên lạc với London. Ngày 27 tháng Sáu, biết được một bài diễn văn có phần hiểu chiến của ông Peyrouton, Tổng Công sứ tại Tunisie, tôi van nài đến lượt ông tham gia hội đồng phòng thủ, đồng thời lặp lại những đề nghị của tôi với Tướng Mittelhausser và ông Puaux. Cùng ngày, để phòng xa, tôi cho giữ trước chỗ cho tôi và các sĩ quan của tôi trên một chiếc tàu chở hàng của Pháp sẵn sàng đi Maroc.

Về chuyện phúc đáp, tôi chỉ nhận được một lời truyền đạt của Đô đốc de Carpentier, Tư lệnh hải quân tại vùng Levant, báo cho tôi biết rằng ông Puaux và Tướng Mittelhausser đã đánh điện cho Tướng Noguès trong cùng ý nghĩa với tôi. Ngoài ra một trong những người con trai của Tướng Catroux, bấy giờ đang có mặt tại London, mang đến cho tôi một bức điện báo của cha cậu gửi đến, khuyến khích cậu chiến đấu và giao cậu nhiệm vụ bộc lộ với tôi sự đồng tình đầy thiện cảm của ông. Nhưng cùng lúc người Anh đã gửi tới Bắc Phi ông Duff Cooper, thành viên chính phủ, với Tướng Gort, để đề nghị với Noguès sự hợp tác của các lực lượng của họ, và phái đoàn này đã trở về London mà không được tiếp. Cuối cùng Tướng Dillon, trưởng đoàn liên lạc quân sự của Anh tại Bắc Phi được gửi trả về từ Alger.

Tuy nhiên, động tác đầu tiên của Noguès là đã kéo cao ngọn cờ. Chúng tôi biết rằng khi đã xem xét các điều kiện của Đức, ngày 25 tháng Sáu, ông đã đánh điện về Bordeaux, cho biết ông sẵn sàng tiếp tục cuộc chiến. Sử dụng một cách biểu hiện mà chính tôi đã sử dụng trên radio sáu hôm trước, ông gọi ra “sự hốt hoảng của Bordeaux” đã không cho phép chính phủ “đánh giá một cách khách quan những khả năng kháng chiến của Bắc Phi.” Ông mời Weygand “xem lại lệnh ông đưa ra liên quan tới việc thực hiện cuộc đình chiến” và cam đoan rằng nếu những lệnh này được duy trì thì “ông chỉ có thể thực hiện chúng bằng lửa đạn ngoài mặt trận.” Rõ ràng nếu Noguès chọn con đường kháng chiến thì trọn Đế quốc hẳn đã theo ông. Nhưng mọi người nhanh chóng biết rằng bản thân ông, cũng như các ông tổng công sứ toàn quyền, các ông tư lệnh cấp cao, đều tuân theo lệnh dừng lại của Pétain và Weygand và chấp nhận cuộc đình chiến. Chỉ có tướng Catroux, Toàn quyền Đông Dương, và Tướng Legentilhomme, Tư lệnh các lực lượng của bờ biển Somalis, vẫn tiếp tục lên án chuyện đình chiến. Cả hai đều bị thay thế và những người dưới quyền không làm được điều gì đáng kể để ủng hộ họ.

Và chẳng sự suy sụp của hầu hết các “thái thú” trùng hợp với một sự sụp đổ hoàn toàn về chính trị tại chính quốc. Những tờ báo ngày đến với chúng tôi từ Bordeaux, rồi từ Vichy, đăng đầy tin tức về sự chấp nhận của họ, cũng như sự chấp nhận của tất cả những đảng phái, những tập đoàn, những thẩm quyền, những cơ quan. Quốc hội nhóm họp ngày 9 và 10 tháng Bảy và trao cho Pétain tất cả những quyền hạn, gần như không qua thảo luận. Sự thật là 80 thành viên có mặt đã can đảm bỏ phiếu chống lại sự đầu hàng này. Mặt khác những người trong đám các nghị sĩ lên tàu Massilia để tới Bắc Phi đã cho thấy, từ đó, rằng với họ Đế quốc không nên ngừng chiến đấu. Nhưng chuyện có thật là không một nhà chính trị nào lên tiếng kết án cuộc đình chiến.

Và chẳng nếu sự sụp đổ của nước Pháp đã ném thế giới vào nỗi kinh hoàng, nếu những đám đông, qua khắp thế giới, lo lắng nhìn vùng ánh sáng vĩ đại này chìm đắm, nếu bài thơ nào của Charles Morgan hoặc bài viết nào của François Mauriac làm rơi nước mắt nhiều người, thì các nhà nước, họ

không chậm trễ chấp nhận những sự đã rồi. Cố nhiên chính phủ các nước tham chiến chống phe Trục đều gọi đại diện của họ ở Pháp về, có thể họ làm điều đó một cách bộc phát, như trường hợp ngài Ronald Campbell hoặc Tướng Vanier⁶¹, có thể người Đức đòi hỏi những cuộc ra đi này. Nhưng tại Anh dầu sao vẫn còn một lãnh sự đến ở trong tòa nhà của sứ quán Pháp, giữ liên lạc với chính quốc, trong khi ông Dupuis, Tổng Lãnh sự Canada, vẫn ở lại bên ông Thống chế và liên bang Nam Phi vẫn để lại đây người đại diện của mình. Nhất là người ta có thể trông thấy một đoàn ngoại giao quan trọng tập hợp tại Vichy, quanh Đức ông Valerio Valeri, sứ thần của Giáo hoàng, ông Bogomolov, Đại sứ Liên bang Xô viết, Đô đốc Leahy, Đại sứ Hoa Kỳ. Ở đó có cái gì làm nguội lạnh đi nhiệt tình của những nhân vật mà động tác đầu tiên của họ đã hướng về chữ Thập Lorraine.

Vậy là trong số người Pháp cũng như tại các quốc gia khác, cuộc tập hợp rộng rãi của sự sợ hãi, của lợi ích, của sự tuyệt vọng đã khích động quanh nước Pháp một sự bỏ mặc phổ biến. Nếu nhiều tình cảm vẫn còn trung thành với quá khứ của đất nước tôi, nếu nhiều sự tính toán vẫn muốn lợi dụng những mụn rách mà hiện tại còn để lại cho đất nước tôi, không người nào có đủ tư cách trên đời này lại hành động như thể mình còn tin vào nền độc lập, nổi tự hào và sự vĩ đại của đất nước tôi. Từ đây dầu đất nước tôi phải chịu số phận tôi đòi, nhục nhã, bị nhạo báng, thì tất cả những gì đáng kể trên đời này cũng coi đó là điều đã được thừa nhận. Trước sự trống rỗng kinh hoàng của sự đầu hàng đang lan rộng, càng lúc tôi càng thấy rõ ràng hơn sứ mệnh mình phải mang. Vào lúc này đây, lúc tệ hại nhất của lịch sử nước Pháp, chính tôi là người có bốn phận cáng đáng nó.

Nhưng không có nước Pháp thiếu thanh gươm. Tạo lập một sức mạnh chiến đấu, điều này quan trọng hơn cả. Tôi bắt tay vào việc này ngay. Một số đơn vị quân đội đang có mặt tại nước Anh. Trước tiên đó là những đơn vị thuộc sư đoàn khinh binh của vùng núi Alpes, sau những chiến dịch xuất sắc tại Na Uy theo lệnh tướng Béthouart, đã được đưa về Bretagne cùng lúc với những đơn vị cuối cùng của Anh. Mặt khác đó là những chiếc tàu chiến của hải quân – tổng cộng gần 100.000 tấn – bị nạn tại Cherbourg, Brest,

Lorient; trên tàu, ngoài thủy thủ đoàn còn có bộ đội đi lẻ và nhân viên không chính ngạch, tất cả tạo thành một quân số tối thiểu 10.000 lính thủy. Ngoài ra còn nhiều ngàn lính bị thương mới đây tại Bỉ và được vào bệnh viện tại Anh. Những phái đoàn quân sự Pháp đã tổ chức việc chỉ huy và quản lý tất cả các đơn vị này, cách nào để duy trì sự tuân thủ Vichy và chuẩn bị một cuộc hồi hương toàn bộ.

Chỉ có việc tiếp xúc với các bộ phận phức tạp và phân tán này cũng đủ tạo cho tôi nhiều khó khăn lớn. Trước tiên tôi chỉ có một số ít sĩ quan, hầu như tất cả thuộc hàng thứ yếu, nhiều thiện chí, nhưng bất lực trong việc phá vỡ bộ máy tôn ti thứ bậc. Những gì họ có thể làm, những gì họ đã làm, là tuyên truyền với những người có cấp bậc và những người mà họ gặp được. Kết quả hẳn nhiên phải nghèo nàn. Tám ngày sau lời kêu gọi của tôi hôm 18 tháng Sáu, số người tình nguyện tạm trú trong phòng khách sạn Olympia mà người Anh đã cung cấp cho chúng tôi, chỉ vèo vèo vài trăm.

Cần phải nói rằng giới thẩm quyền của Anh không tạo điều kiện cho chúng tôi được bao nhiêu. Cố nhiên họ đã giúp chúng tôi phân phát một tờ truyền đơn báo cho các quân nhân Pháp rằng họ có thể chọn hoặc hồi hương, hoặc về với Tướng de Gaulle, hoặc phục vụ trong các lực lượng của Nữ hoàng. Cố nhiên những chỉ thị của Churchill, những sự can thiệp của Spears, được ông Thủ tướng giao trách nhiệm liên lạc giữa Nước Pháp Tự do và các cơ quan của Anh, thỉnh thoảng cũng thẳng được sự ù lì hoặc chống đối. Cố nhiên, báo chí, đài phát thanh, nhiều hiệp hội, vô số tư nhân, đã nhiệt tình quảng cáo cho việc làm của chúng tôi. Nhưng Bộ Chỉ huy Anh đang chờ đợi ngày một ngày hai cuộc tấn công của quân Đức, có thể cuộc xâm lược, họ quá miệt mài với công việc chuẩn bị của chính họ nên không thể bận tâm tới một công việc quá thứ yếu dưới con mắt của họ. Hơn nữa, vì sự phù hợp và thói quen nghề nghiệp, họ thiên về sự kính trọng trật tự thông thường, tức là Vichy và những phái đoàn của họ. Cuối cùng họ không khỏi dè chừng khi thấy các bạn đồng minh hôm qua, nhục nhã trong nỗi bất hạnh, bất mãn với chính họ và với người khác, và lúc nào cũng phàn nàn. Họ sẽ làm gì nếu kẻ thù ập tới? Khôn ngoan nhất chẳng phải là cho họ lên tàu nhanh nhất hay sao? Và dứt khoát có quan trọng gì vài tiểu đoàn

không có cán bộ và đoàn thủy thủ không có bộ tham mưu mà Tướng de Gaulle cho rằng có thể tập hợp?

Ngày 29 tháng Sáu tôi tới Trentham Park nơi sư đoàn khinh binh vùng núi đang đóng quân. Chính tướng tư lệnh sư đoàn cũng muốn trở về Pháp đầu với ý đồ kiên quyết là ngày nào đó lại ra tiền tuyến – kể ra đó là điều ông đã thực hiện một cách vẻ vang sau này. Nhưng ông đã đưa ra những quyết định để tôi có thể trông thấy từng binh đoàn được tập trung. Nhờ vậy tôi có thể tập hợp hai tiểu đoàn của Lữ đoàn Hỗn hợp 13 của đội quân lê dương, với chỉ huy của họ, Trung tá Magrin-Verneret tức Monclar, và đại úy Koenig, phụ tá của ông, khoảng 200 máy bay tiêm kích thuộc vùng núi Alpes, hai phần ba của đại đội xe tăng, vài đơn vị pháo binh, công binh, truyền tin, nhiều sĩ quan của bộ tham mưu và ban ngành, trong số có Thiếu tá de Conchard, các Đại úy Dewavrin và Tissier. Bất chấp tất cả điều đó, sau khi tôi rời doanh trại, các ông đại tá Anh de Chair và William được Bộ Chiến tranh cử tới, lại tập hợp các đội quân để nói với họ nguyên văn như sau:

Các anh có toàn quyền để phục vụ theo lệnh của Tướng de Gaulle. Nhưng chúng tôi cần lưu ý các anh, trong tư cách đàn ông nói với đàn ông, rằng nếu các anh quyết định như thế, các anh sẽ là những kẻ phản nghịch đối với chính phủ của các anh...

Ngày hôm sau, tôi muốn thăm các doanh trại Aintree và Haydock nơi tập trung nhiều ngàn lính thủy Pháp. Ngay khi tôi tới, Đô đốc Anh, Tư lệnh tại Liverpool, tuyên bố ông chống lại thái độ của tôi khi tiếp xúc với mọi người bởi điều này có thể làm hại trật tự tốt đẹp. Tôi phải lên đường mà không đạt được kết quả. Tôi hạnh phúc hơn tại Harrow Park vài ngày sau. Bất chấp tất cả, một loạt những cam kết được thực hiện trong số những lính thủy của chúng tôi. Một số sĩ quan đầy kiên quyết đã sớm gặp tôi, như các thiếu tá hải quân d'Argenlieu, Wietzel, Moulec, Jourden, tìm mọi cách tỏ rõ quyết tâm với tất cả tấm lòng thành. Các sĩ quan và thủy thủ đoàn của ba chiếc tàu chiến nhỏ đã tỏ ngay ý kiến: tàu ngầm Rubis (Thuyền trưởng Cabanier), đang tuần tra trên các bờ biển Na Uy; tàu ngầm Naval (Thuyền trưởng Drogou), ngay khi có lời kêu gọi của tôi, đã rời Sfax để trở về Malte

để sau đó bị chìm trong lúc thi hành nhiệm vụ tại Địa Trung Hải; tàu kéo và tuần tra Président-Honduce (Thuyền trưởng Deschatres). Phó Đô đốc Muselier cuối cùng đã tới và đã cho phép tôi đặt định một trung tâm và một người bảo lãnh về mặt kỹ thuật cho mằm mống những lực lượng hải quân của chúng tôi. Ông là người không được nhiều người ưa trong hải quân do lắm vụ rắc rối và do những nét cá tính của ông, nhưng trí thông minh và sự thành thạo của ông là những thuận lợi trong giai đoạn đầy sóng gió này. Trong thời gian này, vài mươi phi công mà tôi đi thăm tại trại Saint-Atham đang tập hợp quanh các Đại úy de Rancourt, Astier de Villatte và Bécourt Foch, trong khi chờ đợi Thiếu tá Pijaud nhận lệnh chỉ huy họ.

Trong khi đó những người tình nguyện riêng lẻ vẫn đến Anh mỗi ngày. Họ thường đến từ Pháp, trên những chiếc tàu cuối cùng lên đường một cách hợp pháp, hoặc trên những chiếc tàu con mà họ chiếm được để đào thoát, hoặc phải khó khăn lắm mới băng qua nước Tây Ban Nha, thoát khỏi công an nước này vốn vẫn nhốt những người họ bắt lại được trong trại Miranda. Nhiều phi công lấy cắp máy bay với quân lệnh của Vichy, tìm cách rời Bắc Phi để đáp xuống Gibraltar. Những ngẫu nhiên của nghề biển và, đôi khi sự đào thoát của một chiếc tàu – như chiếc Capo Olmo, Thuyền trưởng Vuillemin – đã đưa nhiều thủy thủ tàu hàng ra khỏi các cảng Pháp, và đòi được chiến đấu. Nhiều người Pháp sống ở nước ngoài tới mong được cơ hội phục vụ. Tập hợp tại White City hai ngàn người bị thương tại Dunkerque, đang dưỡng bệnh tại các nhà thương Anh, tôi nhận 200 trường hợp tự nguyện. Một tiểu đoàn thuộc địa đang có mặt tại Chypre, tách khỏi đạo quân vùng Levant, đã tự ý gia nhập cùng với người chỉ huy, Thiếu tá Lorotte. Trong những ngày cuối tháng Sáu, một đội tàu đánh cá nhỏ cập bến ở Cornouaille, đưa tới Tướng de Gaulle tất cả những người đàn ông tráng kiện của đảo Sein. Ngày lại ngày, sự gia nhập của những chàng trai rạng rỡ nhiệt tình kia, trong số nhiều người đã làm nên những chiến công để đến với chúng tôi, càng củng cố quyết định của chúng tôi. Trên bàn tôi chất đống những thư tín từ khắp nơi trên thế giới, mang đến tôi, từ phía cá nhân hoặc những nhóm nhỏ, những yêu cầu được tình nguyện tòng quân

đầy cảm động. Các sĩ quan của tôi và người của phái đoàn Spears đã thu xếp việc vận chuyển họ với sự kiên trì và khéo léo đáng khâm phục.

Bỗng đâu một biến cố thảm hại xảy đến, làm ngưng công việc đang trôi chảy. Ngày 4 tháng Bảy, đài phát thanh và các tờ báo hàng ngày loan tin hạm đội Anh hôm trước đã tấn công đội tàu của Pháp đang thả neo tại Mersel-Kébir. Cùng lúc chúng tôi được biết người Anh đã bất ngờ chiếm các tàu chiến của Pháp lánh nạn tại các hải cảng của Anh, cho các bộ tham mưu và thủy thủ đoàn lên bờ bằng sức mạnh và giam giữ họ, việc này không tránh khỏi những rắc rối đẫm máu. Cuối cùng, ngày 10, có tin máy bay Anh tấn công tàu bọc sắt Richelieu đang buông neo tại vũng tàu ở Dakar bằng ngư lôi. Các thông báo chính thức và báo chí ở London có khuynh hướng biểu thị loạt tấn công này như một chiến thắng của hải quân. Điều dễ hiểu là đối với chính phủ và Bộ Tư lệnh Hải quân Anh, nỗi lo lắng về hiểm họa, những hơi hướng của một sự đua tranh cũ kỹ về hải quân, những lời phàn nàn tích tụ từ đầu trận đánh nước Pháp và đạt tới cực điểm với cuộc đình chiến được Vichy ký kết, đã bùng nổ trong một sự thôi thúc đen tối qua đó bản năng bị dồn nén của dân tộc này đôi lúc phá vỡ tất cả mọi rào cản.

Tuy nhiên điều không thể tin được là hạm đội Pháp lại tự nó gây hiểm khích với người Anh. Từ lúc tới London tôi đã luôn khẳng định với chính phủ Anh cũng như với bộ Hải quân điều đó. Ngoài ra có điều chắc chắn là, không kể tới mọi động lực hiển nhiên thuộc lợi ích dân tộc, Darlan sẽ không tự mình giao nộp cho người Đức tài sản của mình, lực lượng hải quân, ngày nào ông ta còn nắm giữ. Thật ra nếu Darlan và các phụ tá của ông từ chối đóng vai trò tuyệt vời mà biến cố đã cung hiến cho họ và trở thành phương sách cuối cùng của nước Pháp trong khi, trái ngược với quân đội, hạm đội vẫn còn nguyên vẹn, đó là bởi vì họ tin chắc có thể giữ được tàu bè của họ. Ông Alexander, Huân tước thứ nhất bộ Hải quân, Huân tước Lloyd, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và ngài Đô đốc Dudley Pound, Huân tước thứ nhất về biển, đã tới Bordeaux ngày 18 tháng Sáu và được Darlan long trọng hứa sẽ không giao nộp những chiếc tàu của chúng tôi. Về phần họ, Pétain và Baudouin cũng dứt khoát cam kết điều đó. Cuối cùng, trái với các

thông tin của các hãng đưa tin Anh và Mỹ vẫn, văn bản đình chiến không hề nói về chuyện người Đức chiếm giữ hạm đội của Pháp.

Trái lại, phải thừa nhận rằng trước sự đầu hàng của nhà cầm quyền Bordeaux và viễn cảnh những sự bất lực sau đó của họ, nước Anh có thể lo sợ một ngày nào đó kẻ thù có thể nắm được hạm đội của chúng tôi. Trong tình huống có thể xảy ra này, nước Anh có thể bị đe dọa nghiêm trọng. Bất chấp đau thương và giận dữ trong đó bản thân tôi và các bạn tôi bị chìm sâu bởi bi kịch Mersel-Kébir, bởi cách xử sự của người Anh, bởi cách họ tự hào với những chuyện đó, tôi nhận định rằng cứu nước Pháp là điều trên hết, cả số phận những chiếc tàu của đất nước tôi, và bốn phận của tôi là tiếp tục cuộc chiến đấu.

Tôi thẳng thắn trình bày điều đó trên đài phát thanh ngày 8 tháng Bảy. Căn cứ theo báo cáo của ông Duff Cooper, chính phủ Anh vẫn lịch sự để tôi sử dụng đài BBC để làm việc này đầu những lời tuyên bố của tôi có vẻ khó chịu tới đâu đối với người Anh.

Nhưng trong những hy vọng của chúng tôi, đó là một nhát búa khủng khiếp. Việc tuyển mộ những người tình nguyện bị ảnh hưởng ngay tức khắc. Nhiều người, quân nhân hay dân sự, sẵn sàng đến với chúng tôi, bấy giờ đã quay gót. Ngoài ra thái độ của các nhà cầm quyền trên Đế quốc Pháp, cũng như của các đơn vị hải quân và quân đội giữ gìn nó, thường khi chuyển từ ngập ngừng tới bài xích. Dĩ nhiên Vichy không bỏ qua cơ hội khai thác biến cố tới cùng. Hậu quả càng trở nên trầm trọng khi phải tập hợp các lãnh thổ châu Phi.

Dầu sao chúng tôi vẫn phải tiếp tục công việc. Ngày 13 tháng Bảy, tôi đánh liều thông báo: “Hỡi Nhân dân Pháp! Hãy biết điều này! Chúng ta vẫn còn một đội quân chiến đấu.” Ngày 14 tháng Bảy, tôi tới Whitehall giữa một đám đông đầy xúc động, kiểm tra những đơn vị đầu tiên của chúng tôi, để sau đó đến trước họ đặt một bó hoa tại pho tượng Thống chế Foch. Ngày 21 tháng Bảy, tôi vận động được nhiều phi công của chúng tôi tham gia một cuộc ném bom xuống vùng Ruhr và cho loan báo rằng Người Pháp Tự do đã tiếp tục cuộc chiến đấu. Giữa lúc đó, theo gợi ý của d’Argenlieu, các đơn vị của chúng tôi chấp nhận huy hiệu chữ Thập Lorraine. Ngày 24 tháng

Tám, vua George VI tới thăm đội quân bé nhỏ của chúng tôi. Trông thấy họ, người ta có thể nhận ra rằng “Khúc còn lại của thanh gươm” sẽ được tôi luyện một mực. Nhưng mà, Chúa ơi! Nó ngắn làm sao!

Cuối tháng Bảy, tổng quân số của chúng tôi lên tới gần 7.000 người. Đó là tất cả những gì chúng tôi có thể tuyển mộ ngay tại Anh, còn những đơn vị quân đội Pháp không gia nhập thì giờ đây đã hồi hương. Phải khó khăn lắm chúng tôi mới thu hồi được vũ khí và phương tiện họ bỏ lại tại chỗ mà thường khi hoặc người Anh hoặc các bạn đồng minh khác chiếm lấy. Còn tàu bè thì chúng tôi chỉ có thể trang bị được vài chiếc, và thật náo lòng khi thấy những chiếc khác chạy dưới những lá cờ nước ngoài. Dần dần và bất chấp tất cả, những đơn vị đầu tiên của chúng tôi trở nên vững vàng, với những phương tiện rời rạc, nhưng được hình thành từ những con người kiên quyết.

Những con người này thuộc hàng hùng mạnh trong số những chiến binh trong cuộc kháng chiến, đầu xuất hiện ở đâu đi nữa. Sở thích mạo hiểm và phiêu lưu được đẩy tới tình yêu nghệ thuật, miệt khinh thói nhu nhược và lãnh đạm, xu hướng phiến muộn và tranh cãi trong những thời kỳ vắng bóng hiểm nguy, tất cả trong hành động nhường chỗ cho một sự kết hợp chặt chẽ đầy nhiệt tình, niềm tự hào dân tộc được mài sắc tới tột cùng bởi nỗi đau của tổ quốc và sự tiếp xúc với các bạn đồng minh sẵn có mọi điều, trên tất cả là lòng tin tốt cùng nơi sức mạnh và sự khôn khéo trong chính sự thông mưu của họ. Đó là những nét tâm lý lớp người tinh hoa kia, khởi đi từ chỗ không có gì, dần dần lớn mạnh tới mức kéo theo sau họ toàn thể dân tộc và toàn thể Đế quốc.

Chúng tôi cố rèn luyện vài lực lượng đồng thời nhận ra sự cần thiết phải giải quyết các mối quan hệ của chúng tôi với chính phủ Anh. Chính phủ Anh cũng sẵn sàng với chuyện này không phải vì thích những sự chính xác về mặt pháp lý mà trong ước muốn trông thấy việc qui định thực tế trên lãnh thổ của Nữ hoàng quyền và nghĩa vụ của những con người đầy thiện cảm nhưng cũng gây nhiều trở ngại tức là những người Pháp chiến đấu này.

Ngay từ lúc đầu, tôi đã nói chuyện với ông Churchill về ý định thành lập một “Ủy ban quốc gia” để điều khiển nỗ lực chiến tranh của chúng tôi.

Để giúp đỡ việc này, ngày 23 tháng Sáu, chính phủ Anh đưa ra hai lời tuyên bố. Lời tuyên bố thứ nhất phủ nhận tính cách độc lập của chính phủ Bordeaux. Lời tuyên bố thứ nhì tôn trọng dự định thành lập một Ủy ban quốc gia Pháp và bộc lộ trước ý đồ nhìn nhận họ và bàn bạc với họ về mọi vấn đề liên quan tới việc tiếp tục cuộc chiến. Ngày 25 tháng Sáu, chính phủ Anh đưa ra một thông báo ghi nhận ý chí kháng chiến được biểu hiện bởi nhiều thẩm quyền cao cấp của Đế quốc Pháp và sẵn sàng hợp tác với họ. Sau đó, bởi từ khắp nơi không động tĩnh gì, chính phủ Anh chỉ tiếp xúc với một mình Tướng de Gaulle và, ngày 28 tháng Sáu, quyết định công khai thừa nhận tôi là “Lãnh tụ của Người Pháp Tự do.”

Vậy là trong tư cách đó tôi bắt đầu những cuộc trao đổi cần thiết với ông thủ tướng và Bộ Ngoại giao. Khởi điểm là một bức giác thư mà bản thân tôi cho gửi tới ông Churchill và Huân tước Halifax. Kết quả là thỏa thuận ngày 7 tháng Tám năm 1940. Nhiều điều khoản làm nảy sinh những cuộc mặc cả tể nhị giữa các phía thương thảo: ông Strang phía đồng minh, giáo sư René Cassin phía chúng tôi.

Một mặt dự kiến giả thuyết trường hợp những diễn tiến của chiến tranh có thể đưa nước Anh tới một thỏa hiệp hòa bình, mặt khác, cân nhắc việc người Anh có thể bất ngờ bị cám dỗ bởi những thuộc địa của chúng tôi ở hải ngoại, tôi khẩn khoản để nước Anh bảo đảm việc tái lập những đường biên giới của chính quốc và của đế quốc Pháp. Cuối cùng người Anh chấp nhận hứa hẹn “sự khôi phục đầy đủ nền độc lập và uy thế của nước Pháp,” nhưng không một cam kết tương đối nào về sự trọn vẹn của các lãnh thổ chúng tôi.

Tuy phải nhận rằng các cuộc hành quân chung trên đất liền, trên biển và trên không thông thường cần được điều khiển bởi các chỉ huy người Anh, do tương quan của các phương tiện, tôi vẫn giành trong mọi trường hợp “quyền chỉ huy tối cao” các lực lượng Pháp và chỉ chấp nhận “những chỉ thị của bộ chỉ huy cao cấp của Anh đưa ra cho họ.” Nhờ vậy tính cách thuần túy dân tộc của họ được thể hiện. Tôi còn nêu rõ điều này, và phía người Anh không khỏi bác bỏ, là trong mọi trường hợp, quân tình nguyện “không thể cầm vũ khí chống lại nước Pháp.” Điều này có nghĩa là không

bao giờ họ được đánh người Pháp. Than ôi, phải dự kiến điều ngược lại, khi Vichy là cái họ vốn có chứ không phải là nước Pháp chút nào. Nhưng điều khoản nhằm bảo đảm rằng hành động quân sự của đồng minh, với sự kết hợp của chúng tôi, ngay khi va chạm với các lực lượng của nước Pháp chính thức sẽ không được dùng vào việc chống lại nước Pháp, làm hại di sản cũng như lợi ích của đất nước tôi .

Nếu theo thỏa thuận, chính phủ Anh tạm thời gánh vác những phí tổn của các lực lượng Nước Pháp Tự do, bởi ngay từ đầu chúng tôi đã không có gì trong tay; thực ra đó chỉ là những khoản ứng trước, bảo đảm sẽ được hoàn trả bằng những đồ cung ứng của chúng tôi để đền bù. Sự hoàn trả được thật sự thực hiện ngay trong thời gian xung đột, làm thế nào để nỗ lực chiến tranh của chúng tôi không còn là gánh nặng của nước Anh trong mọi mức độ.

Cuối cùng, mặc dầu người Anh luôn bị dày vò trong cơn khát về trọng tải đường biển, chúng tôi vẫn thuyết phục được họ, tuy không kém phần vất vả, về “một mối liên lạc thường trực” giữa hai bên trong việc sử dụng tàu buôn của Pháp và thủy thủ đoàn của chúng tôi.

Chequers là nơi Churchill và tôi cùng ký văn kiện.

Thỏa hiệp ngày 7 tháng Tám có một tầm quan trọng đáng kể cho Nước Pháp Tự Do không chỉ vì trước mắt nó giải quyết những khó khăn về mặt vật chất mà còn nhờ đó các cấp chính quyền Anh giờ đây đã có một căn bản chính thức cho các mối quan hệ với chúng tôi và không còn ngần ngại trong việc tạo mọi điều kiện dễ dàng cho chúng tôi. Nhất là toàn thể giới biết rằng bất chấp tất cả, sự đoàn kết Pháp – Anh bước đầu đã được tái lập. Hậu quả của chuyện này đã sớm được nhận ra trên vài lãnh thổ của Đế quốc và trong cộng đồng người Pháp sống ở nước ngoài. Và nhiều quốc gia khác, trông thấy vương quốc Anh bước đầu thừa nhận, cũng đã tiếp bước trên con đường này. Trước hết đó là trường hợp các chính phủ lưu vong tại Anh tuy lực lượng yếu kém, nhưng quyền đại diện và ảnh hưởng quốc tế hầy còn.

Bởi với từng nước trong các nước châu Âu bị tràn ngập bởi quân đội của Hitler, nhà nước đã mang độc lập và chủ quyền tới những bến bờ tự do.

Tại các nước mà Đức hoặc Ý đang chiếm đóng lãnh thổ, tình hình nhất định cũng phải như thế. Không một chính phủ nào cam chịu ách xâm lược, không, không một chính phủ nào cả, ngoại trừ, than ôi! chính phủ mệnh danh là chính phủ của nước Pháp và lại được quyền sử dụng một Đế quốc rộng lớn được gìn giữ bởi những lực lượng to lớn và một trong những hạm đội hàng đầu trên thế giới.

Khi những thảm họa tháng Sáu xảy đến, nước Anh đã đón nhận Quốc vương và bộ trưởng của Na Uy, của Hà Lan, của Luxembourg, rồi Tổng thống nước cộng hòa và các bộ trưởng Ba Lan, và, chậm trễ sau đó, nội các Bỉ. Người Tiệp Khắc lo tự tổ chức thành một khối. Nhà vua Albanie thực hiện vài cuộc tiếp xúc. Theo một cảm hứng vừa hào hiệp vừa tính toán, nước Anh ân cần đón tiếp các nhà Nước lưu vong này. Dầu bị tước đoạt tới đâu, họ vẫn luôn luôn còn lại một cái gì. Nhiều người trong bọn họ mang tới vàng và ngoại hối. Người Hà Lan có Nam Dương và một hạm đội đáng kể, người Bỉ có Congo, người Ba Lan có một đội quân nho nhỏ, người Na Uy có nhiều tàu buôn, người Tiệp Khắc - hay đúng hơn là Bénès - có nhiều mạng lưới thông tin tại Trung và Đông Âu và những quan hệ tích cực với Mỹ. Hơn thế nữa ông không dừng dừng với uy tín của nước Anh xuất hiện như thành lũy cuối cùng của cựu thế giới đang trong cơn nguy ngập.

Với những con người lưu vong đó, Nước Pháp Tự do, vốn không có gì, lại là một kinh nghiệm có lợi. Nhưng đất nước tôi lôi cuốn trước hết những con người lo âu và bất hạnh nhất, như người Ba Lan và người Tiệp Khắc. Dưới con mắt của họ, chúng tôi vẫn trung thành với truyền thống của nước Pháp và chính từ đó, chúng tôi biểu thị cho một hy vọng và một cực hấp dẫn. Đặc biệt, Sikorski và Benès tuy rất đối ngờ vực giữa những mưu mẹo và những tính nhạy cảm, theo họ, càng làm cho nỗi bất hạnh thêm rắc rối, nhưng họ vẫn thiết lập với tôi những mối quan hệ ổn định và liên tục. Có lẽ từ đáy sâu vực thẳm này tôi càng thấy rõ nét hơn bao giờ đâu là thiên hướng của nước Pháp đối với thế giới.

Trong lúc chúng tôi cố gắng bảo đảm cho Nước Pháp Tự Do một sự khởi đầu được quốc tế chú ý, tôi tìm cách tổ chức mằm mống một chính quyền và một bộ máy hành chính. Gần như không được ai biết tới, hoàn

toàn thiếu thốn, thật đáng cười cho tôi khi dám tôn xưng cái tổ chức cơ bản mà tôi thành lập quanh tôi là “chính phủ”. Ngoài ra, mặc dầu tôi tin rằng Vichy sẽ đi từ thất bại này tới thất bại khác, cho tới sự sụp đổ hoàn toàn, mặc dầu tôi đã nói lên tính bất hợp pháp của một chế độ mà kẻ thù tùy nghi thao túng, tôi muốn hoạch định khả năng dựng lại một bộ máy chính quyền trong chiến tranh khi có điều kiện. Do đó mà tôi hết sức tránh làm điều gì, dầu chỉ trong từ ngữ, có thể gây vướng víu cho việc tập hợp lại nhà nước. Với những người đang nắm giữ quyền hành trên Đế quốc, tôi chỉ khơi gợi sự đoàn kết để bảo vệ thực thể này. Sau đó, khi nhận ra sự bất lực của họ, tôi quyết định đích thân thành lập, ngay khi có thể, một Ủy ban quốc gia.

Nhưng tôi cũng cần tới những nhân vật tiêu biểu sẵn sàng hợp tác với tôi. Trong những ngày đầu, một vài người lạc quan nghĩ lúc nào người ta cũng có thể tìm ra những con người đó. Cứ cách một tiếng lại có người giới thiệu một chính khách quen biết, một ông tướng nổi tiếng, một viện sĩ hàn lâm được thừa nhận, đang ghé qua Lisbonne hoặc lên bờ tại Liverpool. Nhưng khi liên lạc với họ thì họ nhanh chóng thoái thác. Ngay tại London, trừ vài trường hợp ngoại lệ, những người Pháp đến đây hoặc vì công vụ hoặc ngẫu nhiên, đã không tìm tới Nước Pháp Tự do. Nhiều người tự nguyện hồi hương. Một số vẫn ở lại tại chỗ nhưng tuyên bố tuân thủ Vichy. Còn những người chống lại sự đầu hàng thì một số chọn cho họ cuộc sống lưu vong tại Anh hoặc Hoa Kỳ, số khác phục vụ cho chính phủ Anh hoặc Mỹ, rất ít người có khả năng chịu về dưới ngọn cờ của tôi.

Chẳng hạn, ông Corbin, Đại sứ Pháp, nói với tôi: “Ông có lý! Tôi đã dành phần lớn sự nghiệp tôi cho lý tưởng của liên minh Pháp – Anh, tôi đã thẳng thừng quyết định từ chức ngay hôm sau ngày ông đưa ra lời kêu gọi. Nhưng tôi chỉ là một viên chức già. Từ 40 năm nay, tôi sống và tôi hành động trong một khuôn khổ bình thường. Sự ly khai là điều thái quá đối với tôi.”

Ông Jean Monnet viết cho tôi: “Ông đã lầm khi thành lập một tổ chức có thể hoạt động tại Pháp nhưng lại ra đời dưới sự che chở của nước Anh... tôi chia sẻ hoàn toàn ý chí của ông muốn ngăn cản nước Pháp từ bỏ cuộc

chiến đấu... Nhưng nỗ lực phục hưng đất nước không xuất phát từ London được...”

Ông René Mayer ^[62] thì gửi lời nhắn: “Tôi phải trở về Pháp để khỏi tách biệt số phận mình với số phận những người đồng đạo của mình sẽ bị truy hại tại đây.”

Ông Bret khẳng định với tôi: “Tôi đồng tình với ông. Về phần tôi, tại chính quốc cũng như trên Đế quốc, tôi sẽ góp hết sức mình cho sự phục hưng nước Pháp.”

Các ông André Maurois , Henri Bonnet, de Kérillis tuyên bố: “Chúng tôi sẽ đi Mỹ. Từ đó chúng tôi sẽ giúp đỡ ông được nhiều hơn.”

Ông Roland de Margerie thông báo: “Tôi được bổ nhiệm làm Tổng Lãnh sự tại Thượng Hải. Tôi ghé qua London không phải để gia nhập với các ông mà chỉ là trên đường tới Trung Hoa thôi. Tại đó tôi sẽ phục vụ lợi ích của nước Pháp như ông đang làm tại đây.”

Trái lại, ông Pierre Cot, chán ngán với những biến cố, đã khẩn khoản yêu cầu tôi cho ông làm bất kỳ chuyện gì, “thậm chí quét dọn cầu thang.” Nhưng ông là người quá hiểu biết để có thể làm cái công việc nhỏ mọn đó.

Tóm lại, dầu với lý do gì, sự tránh né gần như đều khắp này của các nhân vật người Pháp ưu tú chắc hẳn không nâng cao uy tín công việc của tôi chút nào. Tôi đành phải hoãn lại việc thành lập Ủy ban. Càng ít người uy tín gia nhập, càng ít người muốn gia nhập hơn.

Vậy mà vẫn có một số người có mặt ngay lập tức bên cạnh tôi và đưa vào nhiệm vụ mà họ bất ngờ cáng đáng một cách nhiệt tình và một hoạt động nhờ đó mà bất chấp tất cả, con tàu ra được biển khơi. Giáo sư Cassin là người cộng tác của tôi, quý báu làm sao, trong tất cả những văn kiện và tư liệu trên đó cơ cấu bên trong và bên ngoài của chúng tôi được lập nên từ chỗ không có gì. Antoine có nhiệm vụ quản lý những công tác dân sự đầu tiên, công việc cực kỳ bạc bẽo trong giai đoạn ứng biến này. Lapie, Escara, rồi Hackin, phụ trách liên lạc với các văn phòng của Bộ Ngoại giao Anh và của các chính phủ châu Âu lưu vong; ngoài ra họ còn tiếp xúc với những người Pháp sống ở nước ngoài mà tôi cần đến; Hackin đã sớm lâm nạn và

qua đời ngoài biển cùng vợ trong khi đang thực thi nhiệm vụ. Pleven và Denis phụ trách phần tài chính nhỏ nhoi của chúng tôi và chuẩn bị những điều kiện giúp những cộng đồng đến với chúng tôi có thể sống được. Schumann đưa tiếng nói của Nước Pháp Tự Dolên đài phát thanh, Massif theo dõi kỹ báo chí và thông báo cho báo chí về chúng tôi. Bingen giải quyết với các nước đồng minh việc sử dụng tàu buôn và thủy thủ của Pháp.

Về mặt quân sự thuần túy, Muselier với sự phụ tá của d'Argenlieu, Magrin-Verneret của Koenig, Bijeaud của Rancourt, lo tổ chức những đơn vị hải quân, lục quân, không quân đầu tiên. Morin lo về vũ trang. Tissier, Dewavrin, Hettier de Boislambert, hợp thành bộ tham mưu của tôi. Geoffroy de Courcel ở bên tôi với chức vụ chánh văn phòng, sĩ quan tùy tùng, người phiên dịch và thường kiêm thêm cả vai trò cố vấn. Đó là những thành viên trong bộ đầu não của tôi mà bộ máy tuyên truyền của đối phương tố cáo là một lũ người phản bội, thích phiêu lưu, lính đánh thuê. Nhưng họ, trong nhiệm vụ cao cả, luôn sát cánh bên tôi, vui buồn có nhau.

Tướng Spears giới thiệu chúng tôi với các cơ quan của Anh mà sự cộng tác rất cần thiết cho chúng tôi lúc bấy giờ. Ông làm công việc này với một sự bền bỉ và khôn khéo, và tôi phải nói rằng trong những bước đầu gian khổ này các phẩm chất đó đã mang lại một lợi ích thiết yếu. Tuy nhiên bản thân ông không tìm thấy phía người Anh một sự dễ dàng nào. Chủ nghĩa theo thời của những tôn ti, thứ bậc luôn thách thức nhân vật này, trong tư cách thành viên quốc hội, tướng lĩnh, nhà kinh doanh, nhà ngoại giao, nhà văn, lại cùng lúc thuộc về vô số phạm trù, nhưng không riêng thuộc phạm trù nào. Nhưng để hất tung những nề nếp cũ, ông biết vận dụng trí thông minh của mình, sự sợ hãi do trí tuệ cay độc của ông gây ra, cuối cùng sự quyến rũ mà ông biết thể hiện khi có dịp. Lại nữa, ông mang tới nước Pháp, mà ông biết như một người nước ngoài biết nước chúng tôi, một thứ tình yêu đầy lo lắng và thống trị tất cả.

Trong khi bao nhiêu người khác coi mưu toan của tôi là một cuộc phiêu lưu cồng kềnh thì Spears nhận ra ngay tính chất và tầm quan trọng của nó. Ông cáng đáng sứ mệnh của mình bên Nước Pháp Tự Do và lãnh tụ của họ với một nhiệt tình nóng bỏng. Nhưng nếu một mặt ông muốn giúp

đỡ chúng tôi thì mặt khác ông càng trở nên đố kỵ. Nếu ông đồng tình với sự độc lập của chúng tôi đối với mọi người khác thì ông gần như không cảm nhận được nó khi nó được dựng lên trước ông. Chính vì vậy mà mặc dù ông đã hết mình giúp chúng tôi lúc khởi đầu nhưng về sau Tướng Spears rời bỏ sự nghiệp của chúng tôi và bắt đầu chống lại nó. Trong khi nhiệt tình chống lại nó, liệu ông có tiếc là đã không thể dẫn dắt nó và buồn bã khi rời bỏ nó?

Nhưng Nước Pháp Tự do ở giai đoạn khai sinh vẫn chưa gặp thử thách nảy sinh từ sự thành công. Họ chỉ cựa quậy trong những nỗi khổn khó là phần của những người yếu. Những người cộng tác với tôi và tôi, chúng tôi làm việc tại Saint-Stephen's House, trên đường đê sông Tamise, trong một căn hộ với vài chiếc bàn và ghế. Sau đó, chính quyền Anh dành cho chúng tôi một tòa nhà thuận lợi hơn nơi trụ sở chính của chúng tôi dời đến. Chính tại đây làn sóng thất vọng dồn dập đổ xô vào chúng tôi mỗi ngày. Nhưng cũng chính tại đây bao nguồn cổ vũ đã tới nâng chúng tôi lên cao hơn chính bản thân chúng tôi.

Bởi từ Pháp chúng có dồn dập tới. Bằng những con đường khôn khéo nhất, đôi khi với sự đồng ý của những người kiểm duyệt, nhiều người dân thường gửi đến chúng tôi thư từ và những thông điệp. Chẳng hạn, bức hình chụp ngày 14 tháng Sáu tại quảng trường Ngôi sao khi quân Đức tràn tới chụp cảnh một nhóm người dân Pháp đang chìm đắm trong đau thương quanh ngôi mộ của người chiến sĩ vô danh; bức hình này được gửi tới tôi ngày 19 tháng Sáu với lời nhắn nhủ: “De Gaulle! Chúng tôi đã nghe thấy lời ông. Giờ đây chúng tôi sẽ đợi ông!” Hay như hình ảnh một ngôi mộ phủ đầy những hoa của người qua đường ném lên – đó là ngôi mộ của mẹ tôi. Người đã qua đời ngày 16 tháng Bảy tại Paimpont, sau khi dâng lên Chúa những nỗi đau khổ mà bà đã cam chịu để cứu nguy cho Tổ quốc và sứ mệnh con trai bà.

Vậy là chúng tôi có thể biết được từ sự từ chối chấp nhận thất bại của chúng tôi, những vang âm trong những chiều sâu của dân tộc. Cùng lúc chúng tôi có chứng cứ rằng trên toàn lãnh thổ mọi người vẫn nghe đài phát thanh London và từ đó, một phương tiện chiến tranh đầy hiệu lực thuộc

quyền sử dụng của chúng tôi. Ngoài ra kiều bào Pháp cũng thể hiện sâu sắc tinh thần dân tộc. Nhiều người bắt đầu liên hệ với tôi như tôi đã yêu cầu và tập hợp lại để giúp Nước Pháp Tự do. Malglaive và Guéritte tại London, Houdry và Jacques de Sieyès tại Hoa Kỳ, Soustelle tại Mexico, Nam tước Benoist tại Le Caire, Godard tại Téhéran, Guérin tại Argentine, Rendu tại Brésil, Piraud tại Chili, Géraud Jouve tại Constantinople, Victor tại Delhi, Levay tại Calcutta, Barbé tại Tokyo, v.v... là những người đưa ra những sáng kiến đầu tiên về chuyện này. Tôi sớm tin chắc rằng bất chấp những áp lực của nhà cầm quyền Vichy, những điều vu khống từ bộ máy tuyên truyền của họ, sự mềm yếu của một số đông, nhân dân vẫn đặt vào Nước Pháp Tự Do những gì còn lại của lòng tự hào và hy vọng. Ý tưởng về những gì mà tiếng gọi tối cao kia của dân tộc áp đặt cho bản thân tôi đã không phút nào rời xa tôi trong tất cả những gì tôi phải thực hiện và chịu đựng.

Ngay tại Anh, cảm tình và sự quý mến vây lấy những Người Pháp Tự do. Trước hết, nhà vua muốn bộc lộ những tình cảm đó với họ. Mỗi thành viên trong hoàng tộc cũng làm thế. Hơn nữa, các vị bộ trưởng và các cấp chính quyền không bao giờ bỏ lỡ cơ hội chứng minh những tình cảm tốt của họ. Nhưng người ta không thể tưởng tượng lòng tử tế hào hiệp mà nhân dân Anh thể hiện khắp nơi đối với chúng tôi. Mọi thứ công trình được lập ra để giúp đỡ những người tình nguyện của chúng tôi. Người ta không thể đếm hết những người tới cống hiến công việc, thời gian, tiền bạc của họ cho chúng tôi sử dụng. Mỗi lần tôi xuất hiện trước công chúng, đó là giữa những sự biểu lộ đáng khích lệ nhất. Khi những tờ báo ngày của London loan tin chính phủ Vichy dành cho tôi bản án tử hình và tịch thu tài sản của tôi, nhiều đồ nữ trang được đặt tại Carlton Gardens bởi những người giấu tên và hàng chục bà góa phụ không quen biết đã gửi nhẫn cưới để số vàng này có thể phục vụ cho công cuộc của Tướng de Gaulle.

Cần phải nói rằng bấy giờ một bầu không khí đầy rung động bao trùm nước Anh. Người ta chờ đợi từng khoảnh khắc cuộc tấn công của quân Đức, và trong viễn cảnh đó, mọi người đều vững vàng trong kiên quyết. Thật tuyệt vời khi trông thấy mỗi người dân Anh cư xử như thể việc cứu

nước do ở chính thái độ của mình. Ý thức trách nhiệm phổ biến này càng cảm động hơn khi trong thực tế tất cả sẽ tùy thuộc vào không quân.

Việc quân thù đi tới chỗ làm chủ bầu trời, với nước Anh, đó sẽ là điều không cứu vãn được nữa. Hạm đội bị ném bom sẽ không ngăn cản được những đoàn xe Đức qua Biển Bắc. Quân đội với mười, mười hai sư đoàn bị tổn hại nhiều trong Trận chiến nước Pháp và không được vũ trang sẽ không có khả năng đẩy lùi những cuộc đổ bộ của quân thù. Sau đó, các đại đơn vị của Đức sẽ dễ dàng chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ bất chấp những cuộc chống đỡ tại địa phương do quân cảnh vệ tổ chức. Có phần chắc nhà vua và chính phủ sẽ kịp thời lên đường tới Canada. Nhưng những người thạo tin thăm thì tên các chính khách, giám mục, nhà văn, nhà kinh doanh, trong tình hình có thể xảy ra này, sẽ đồng tình với bọn Đức để đảm bảo việc quản lý đất nước trong sự lệ thuộc vào họ.

Nhưng đó là những tư biện không liên quan gì tới quần chúng. Toàn thể người Anh đang chuẩn bị cuộc chiến đấu tới cùng. Nam cũng như nữ, mọi người bước vào mạng lưới những biện pháp phòng thủ. Mọi việc – xây hầm trú ẩn, phân phát vũ khí, dụng cụ, công việc nhà máy và đồng áng, trực, cắm trại, phân phối hạn định – tất cả đều được họ tham gia nhiệt tình và có kỷ luật. Chỉ thiếu phương tiện trên đất nước lâu rồi cũng đã xao lãng việc cảnh giác đề phòng này. Nhưng dường như người Anh tin rằng bằng sự tận tụy người ta có thể bổ khuyết cho những gì không có. Ngoài ra óc hài hước không thiếu ở đây. Một bức biếm họa trên báo ngày biểu thị quân đội khủng khiếp của Đức đã tới được nước Anh, nhưng dừng lại trên đường, với xe tăng, đại bác, các trung đoàn, các tướng lĩnh, trước một hàng rào bằng gỗ. Một cái bảng chỉ rõ muốn vượt qua phải trả một xu. Vì không nhận được của quân Đức tất cả những đồng xu theo yêu cầu nên nhân viên thu thuế người Anh, ông lão nhả nhặn nhưng cương quyết, từ chối nhắc hàng rào lên, bất chấp sự giận dữ của cả đạo quân xâm lược.

Trong khi đó, được báo động trên những phần đất của mình, không lực Hoàng gia đã sẵn sàng. Trong nhân dân, nhiều người mong sớm ra khỏi một tình trạng căng thẳng gần như không chịu được, đã đi tới chỗ cầu mong kẻ thù liều mạng tấn công. Hơn ai hết, ông Churchill rất đổi nôn

nóng trong sự chờ đợi. Tôi còn gặp ông tại Chequers một ngày tháng Tám, khi đó ông đang giơ nắm tay lên trời và kêu lên:

Vậy là chúng không chịu tới!

Tôi hỏi:

Chẳng lẽ ông nóng lòng muốn trông thấy các thành phố của mình vỡ tan lăm hay sao?

Ông trả lời:

Ông nên biết rằng việc ném bom vào Oxford, Coventry, Canterbury sẽ tạo một luồng cảm phần tại Hoa Kỳ và Hoa Kỳ sẽ vào cuộc.

Tôi tỏ vẻ nghi ngờ về chuyện đó và nhắc lại rằng hai tháng trước, sự nguy khốn của nước Pháp đã không làm cho Mỹ ra khỏi sự trung lập. Ông Thủ tướng khẳng định:

Đó là vì nước Pháp đã sụp đổ. Sớm muộn gì người Mỹ cũng sẽ tới, nhưng với điều kiện tại đây chúng tôi vẫn không lay chuyển. Chính vì vậy mà tôi chỉ nghĩ tới máy bay tiêm kích. Ông thấy đấy, tôi có lý khi từ chối gửi chúng đến giúp ngài vào lúc kết thúc trận đánh nước Pháp. Nếu hôm nay chúng bị hủy hoại thì tất cả đều hỏng đối với các ngài cũng như đối với chúng tôi.

Tôi nói:

Nhưng nếu trái lại sự can thiệp của máy bay tiêm kích xảy ra thì nó có thể đã làm cho liên minh sống lại và kéo theo việc nước Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh tại Địa Trung Hải. Bấy giờ người Anh sẽ ít bị đe dọa hơn, người Mỹ bị cám dỗ hơn để nhảy vào châu Âu và châu Phi.

Ông Churchill và tôi đồng ý với nhau trong cái kết luận rút ra từ những biến cố đã làm tan nát phương Tây: cuối cùng nước Anh là một hòn đảo; nước Pháp, mũi của một lục địa; nước Mỹ, một thế giới khác.

CHƯƠNG 4

CHÂU PHI

Vào tháng Tám, Nước Pháp Tự Do đã có một vài phương tiện, một bước đầu tổ chức, một uy tín nào đó. Tôi phải tận dụng ngay.

Trên nhiều phương diện khác tôi vẫn thường lúng túng nhưng tôi không hề có chút hoài nghi nào về những hành động phải thực hiện ngay lập tức. Tại châu Âu, Hitler đã có thể thắng được ván đầu. Nhưng ván thứ hai sắp sửa bắt đầu và ván này ở tầm cỡ thế giới. Cơ hội có thể đến vào một ngày nào đó để quyết định nơi nó có thể xảy ra, tức là trên mặt đất của lục địa cũ. Trong khi chờ đợi, chúng tôi, nhân dân Pháp, phải tiếp tục cuộc chiến đấu tại châu Phi. Con đường mà mấy tuần lễ trước tôi đã thất bại khi cố lôi kéo chính phủ và Bộ Chỉ huy vào, tôi quyết theo nó ngay khi sáp nhập, từ phía này và phía kia, những gì còn lại trong cuộc chiến.

Trên những khoảng không mênh mông của châu Phi, nước Pháp có thể xây dựng lại quân đội và chủ quyền trong khi chờ đợi sự vào cuộc của những nước đồng minh mới, bên cạnh những nước đồng minh cũ, để đảo ngược thế cân bằng lực lượng. Khi điều đó xảy ra, châu Phi vì nằm ngang tầm với các bán đảo Ý, Balkans và Tây Ban Nha nên sẽ trở thành căn cứ tuyệt vời để chuẩn bị cho cuộc trở về châu Âu, và căn cứ này sẽ là của Pháp. Và lại, nếu một ngày nào đó công cuộc giải phóng đất nước được hoàn tất nhờ những lực lượng của Đế quốc thì điều điều này sẽ kiến tạo nên những sợi dây thắm tình đoàn kết giữa chính quốc và các lãnh thổ hải ngoại của Pháp. Trái lại, nếu chiến tranh kết thúc mà không có nỗ lực nào từ phía Đế quốc để cứu mẫu quốc, cố nhiên đó sẽ là dấu chấm hết cho phận sự của Pháp ở châu Phi.

Ngoài ra cần phải dự kiến quân Đức đưa cuộc chiến đấu tới bên kia Địa Trung Hải, hoặc để bảo vệ châu Âu tại đây, hoặc để chinh phục một lãnh thổ nào đó, hoặc để giúp đỡ các đồng minh Ý – và có thể là cả Tây Ban Nha – mở rộng lãnh thổ. Thậm chí người ta đã đánh nhau tại đây rồi. Phe Trục nhắm tới Suez. Nếu chúng tôi vẫn thụ động tại châu Phi thì sớm muộn gì kẻ thù cũng sẽ chiếm lấy vài thuộc địa của chúng tôi, trong lúc các nước đồng minh sẽ nhân các cuộc hành quân mà chiếm giữ những vùng lãnh thổ nào của chúng tôi cần thiết cho chiến lược của họ.

Tham gia trận đánh châu Phi với các lực lượng và những vùng đất Pháp, có thể nói đó là đưa một phần nước Pháp vào cuộc chiến trở lại. Đó là trực tiếp bảo vệ thuộc địa chống lại quân thù. Đó là cố hết sức làm cho nước Anh và có thể một ngày nào đó, nước Mỹ, không còn bị cám dỗ trong niềm tin chắc vào những vùng đó cho cuộc chiến đấu và cho quyền lợi của họ. Cuối cùng, đó là đưa Nước Pháp Tự Do thoát khỏi sự lưu vong và đặt tổ chức này vào lãnh thổ quốc gia trong tất cả thẩm quyền cao nhất.

Nhưng tiến vào châu Phi cách nào đây? Từ toàn bộ: Algérie, Maroc, Tunisie, trước mắt tôi không thể trông đợi một cái gì tích cực. Thật ra nhiều thư gia nhập của các hội đồng thị chính, hiệp hội, phòng ăn sĩ quan, phân đội cựu chiến binh, trước hết đã được gửi tới tôi từ các nơi đó. Nhưng sự cam chịu sớm bộc lộ cùng lúc với sự lan rộng của những sự trừng phạt và sự phê phán khi bị kích Mers-el-Kébir ^[63] bóp nghẹt những ý đồ kháng chiến cuối cùng. Và chẳng, tại chỗ, người ta nhận ra với “một sự nhẹ nhõm yếu hèn,” rằng cuộc đình chiến để Bắc Phi ở ngoài sự chiếm đóng. Tại đây, người ta thấy chính quyền Pháp được duy trì dưới một hình thức quân đội và dứt khoát để làm yên lòng người Pháp dù không làm phật lòng người Hồi giáo. Cuối cùng, nhiều phương diện của cái mà Vichy gọi là “cuộc cách mạng quốc gia” – kêu gọi tới những người có địa vị, tô vẽ chính quyền, phô trương các cựu chiến binh, khoa trương chủ nghĩa bài Do Thái – đã đáp ứng xu hướng của nhiều người. Tóm lại, không ngừng tưởng tượng rằng sẽ có ngày Bắc Phi có thể “làm được một cái gì,” người ta tìm tới chính sách đợi thời. Trong nước thì không thể tính tới một phong trào tự

phát nào đó. Còn chuyện nắm chính quyền bằng một hành động đến từ bên ngoài, cố nhiên tôi không thể nghĩ tới điều đó.

Châu Phi đen thể hiện nhiều khả năng khác hẳn. Vào những ngày đầu của Nước Pháp Tự Do, những cuộc biểu tình diễn ra tại Dakar, Saint-Louis, Ouagadougou, Abidjan, Konakry, Lomé, Douala, Brazzaville, Tananarive, và thư tín từ các nơi đó gửi về tôi, tất cả cho thấy rằng tại các vùng đất mới ấy nơi tinh thần năng động nổi trội, việc tiếp tục cuộc chiến dường như là điều chắc chắn. Cố nhiên, thái độ của Noguès cuối cùng cam chịu, hành động của Boisson, toàn quyền tại châu Phi xích đạo rồi cao ủy tại Dakar, làm cho nhiệt tình của dân chúng rơi vào chỗ đáng ngờ, tất cả làm suy giảm khí thế sôi sục của châu Phi. Dầu sao lửa vẫn âm ỉ trên hầu hết các thuộc địa của chúng tôi.

Triển vọng mở ra chủ yếu trong toàn thể các lãnh thổ vùng xích đạo của chúng tôi. Đặc biệt tại Cameroun, phong trào chống đối đình chiến lan rộng khắp mọi nơi. Dân chúng, người Pháp cũng như người bản địa, của đất nước hoạt động và sinh động này lấy làm phần nộ trước sự đầu hàng. Ở đó người ta cũng không chút nghi ngờ rằng thắng lợi của Hitler sẽ lặp lại sự thống trị của người Đức mà họ đã gánh chịu trước Thế chiến I. Giữa sự xúc động chung, người ta truyền cho nhau những tờ truyền đơn theo đó những kiều dân Đức mới đây rút lui trên hòn đảo Fernando Po' thuộc Tây Ban Nha báo sắp tới sẽ trở về với các nhiệm sở và đồn điền. Một ủy ban hành động đã được thành lập do ông Mauclère, giám đốc những công trình công cộng, đứng đầu và đã xin gia nhập. Toàn quyền Brunor thì không quyết định bởi đang rối rít với cơ hội của mình. Nhưng người ta có thể nghĩ tới một cuộc can thiệp kiên quyết từ bên ngoài để có thể đưa tới giải pháp.

Tại Tchad dường như các điều kiện còn tốt hơn nữa. Ông Thủ hiến Félix Éboué đã ngay tức khắc phản ứng theo hướng của cuộc kháng chiến. Con người thông minh và hảo tâm này, người da đen nhiệt tình với nước Pháp, nhà triết học nhân bản, đã cực lực chống lại sự đầu hàng của nước Pháp và sự thành công của chủ nghĩa chủng tộc quốc xã. Ngay từ những lời kêu gọi đầu tiên của tôi, Éboué, đồng tình với ông Tổng Thư ký Laurentie của mình, đã ra quyết định dứt khoát rồi. Các thành phần người Pháp trong

dân chúng cũng đều ngả theo họ. Suy cho cùng, đối với nhiều người, sự kêu gọi lòng can đảm cũng là sự kêu gọi lý trí. Các quân nhân trong đồn, khi tiếp xúc với nước Libye thuộc Ý, vẫn giữ tinh thần chiến đấu và mong đợi những tăng viện mà de Gaulle có thể cấp cho họ. Các công chức và thương gia Pháp, cũng như các thủ lãnh châu Phi không khỏi lo âu về đời sống kinh tế của Tchad nếu thị trường tiêu thụ thông thường của nó là nước Nigéria thuộc Anh bất ngờ đóng cửa. Được đích thân Éboué thông báo về tình hình này, tôi đã đánh điện cho ông ngày 16 tháng Bảy. Đáp lại, ông gửi cho tôi một báo cáo chi tiết, bộc lộ ý đồ gia nhập một cách công khai, trình bày những điều kiện của cuộc phòng thủ và của cuộc sống trên lãnh thổ mà nước Pháp đã giao cho ông trách nhiệm bảo vệ, cuối cùng hỏi tôi có thể làm được gì để giúp ông mang trách nhiệm của mình đặt dưới lá cờ chữ Thập Lorraine.

Tại Congo, tình hình có vẻ đen tối hơn. Toàn quyền Boisson đã ở tại Brazzaville tới giữa tháng Bảy. Sau đó đến ở Dakar nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát trên toàn vùng xích đạo, ông đã để lại đây người kế nhiệm là tướng Husson, người lính đáng trân trọng nhưng là tù nhân của một kỷ luật sai lầm. Dầu bị tai họa nhấn chìm trong sầu đau, Husson vẫn không thể không tuân thủ Vichy. Tại Oubangui, nơi nhiều đơn vị quyết định kháng chiến, lối thoát chỉ còn tùy thuộc vào thái độ của nước Congo. Trái lại, nước Gabon, cựu thuộc địa theo thời và về mặt truyền thống phân biệt với các lãnh thổ khác trong nhóm, vẫn còn tỏ ra dè dặt một cách khó hiểu.

Xem xét tình hình châu Phi thuộc Pháp, tôi quyết định trước hết thử tập hợp toàn vùng xích đạo trong một thời hạn ngắn nhất có thể được. Tôi tin rằng chiến dịch không đòi hỏi phải đưa các lực lượng thật sự vào cuộc, trừ phi thực hiện tại Gabon. Tiếp theo nếu bước đầu này thành công, tôi sẽ tìm cách hành động tại Tây Phi. Nhưng tôi nghĩ chỉ có thể tiến công vào phần đất này với một nỗ lực dài lâu và những phương tiện quan trọng.

Để bắt đầu, vấn đề là cùng lúc tiến vào Fort-Lamy, Douala và Brazzaville. Tất cả vụ việc phải thực hiện cùng lúc và không ngừng. Bởi Vichy có sẵn tàu bè, máy bay và các đội quân Dakar và có thể kêu gọi tới các lực lượng của Maroc và cả đoàn tàu của Toulon, do đó họ có tất cả mọi

phương tiện mong muốn để nhanh chóng can thiệp. Được Pétain và Darlan phái đi làm nhiệm vụ thanh tra tại Gabon và Cameroun trong tháng Bảy, Đô đốc Platon đã gây ảnh hưởng theo hướng Vichy lên một số thành phần quân đội và dân sự tại các nơi này. Vậy là tôi thúc nhanh mọi việc. Huân tước Lloyd, Bộ trưởng Thuộc địa Anh, người đã được tôi trình bày dự định của mình, biết rõ tầm quan trọng của vấn đề, nhất là những gì liên quan tới an ninh của các nước Nigeria, Gold Coast, Sierra Leone, Gambie, thuộc địa của Anh. Ông đưa ra cho các ông thủ hiến của mình những chỉ thị mà tôi mong muốn và dành cho tôi một chiếc máy bay để đưa từ London tới Lagos ê-kíp “các nhà truyền giáo của tôi.”

Đó là Pleven, Parant, Hettier de Boislambert. Họ có bốn phận giải quyết với ông Thủ hiến Éboué về các điều kiện gia nhập của Tchad và thực hiện, với sự cộng tác của Mauclère và ủy ban của ông này, “cuộc đảo chính” tại Douala. Trong lúc họ lên đường, tôi còn bổ sung một người thứ tư vào ê-kíp, mà tương lai sẽ cho thấy người này hiệu quả tới đâu. Đó là Đại úy Hauteclouque. Ông đến từ Pháp qua ngã Tây Ban Nha, đầu băng bó vì một vết thương tại Champagne, và trông khá mệt nhọc. Ông đến trình diện với tôi, và thấy mình đã gặp đúng người, tôi giao nhiệm vụ cho ông ngay tức khắc. Đó là xích đạo. Ông chỉ còn thì giờ để trang bị, và dưới cái tên thiếu tá Leclerc, với lệnh thi hành nhiệm vụ mà tôi giao cho ê-kíp, ông bay đi với những người khác.

Nhưng ngay khi kéo lá cờ chữ Thập Lorraine trên nước Tchad và Cameroun, chúng tôi phải tập hợp ba nước thuộc địa Congo hạ, Oubangui và Gabon, tức là nhất thiết phải chiếm Brazzaville, thủ đô của châu Phi xích đạo, trung tâm và biểu tượng của quyền lực. Đó là trách nhiệm tôi giao cho Đại tá Larminat. Vị sĩ quan xuất sắc và nhiệt tình này đang ở Le Caire. Cuối tháng Sáu, trên cương vị Tham mưu trưởng đội quân vùng Levant, ông đã cố thuyết phục lãnh đạo của mình là Tướng Mittelhauser tiếp tục cuộc chiến nhưng không thành công, rồi đích thân tổ chức cuộc lên đường về phía Palestine của những đơn vị không chấp nhận cuộc đình chiến. Nhưng Mittelhauser đã buộc được họ phải quay trở lại, ông được sự giúp đỡ của Tướng Wavell, Tư lệnh quân Anh tại phương Đông, vốn sợ cuộc di

tân này gây nhiều phiền toái cho ông ta. Chỉ có vài bộ phận đã kiên trì và tới được khu vực của Anh. Larminat bị trọng cấm nhưng cũng đã thoát được. Qua Djibouti, ông đã yểm trợ những nỗ lực vô vọng của Tướng Legentilhomme nhằm duy trì bờ biển thuộc Pháp của người Somalis trong cuộc chiến, và sau đó rút lui về Ai Cập.

Tại đây, ông được lệnh tới phái tới Léopoldville. Tại Congo, ông nhận được sự ủng hộ kín đáo nhưng cương quyết của toàn quyền Ryckmans, cảm tình của dư luận và sự hợp tác tích cực của những người Pháp sinh sống trên lãnh thổ đang ủng hộ Bác sĩ Staub. Theo chỉ thị của tôi, Larminat phải chuẩn bị thiết lập cơ sở tại Brazzaville từ bờ này tới bờ kia sông Congo và phối hợp hành động trên toàn vùng xích đạo.

Khi mọi việc đã sẵn sàng, Larminat, Pleven, Leclerc, Boislambert cũng như Thiếu tá d'Ornano đến từ Tchad qua nhiều đường vòng vo, tập hợp tại Lagos. Nhân dịp này, ngài Bernard Bourdillon, Toàn quyền tại Nigeria, đã dành cho Nước Pháp Tự Do sự hợp tác thông minh và tích cực như ông vẫn làm. Chúng tôi thỏa thuận là nước Tchad sẽ gia nhập trước tiên. Hôm sau vấn đề Douala sẽ được giải quyết. Hôm sau nữa tới vấn đề Brazzaville.

Ngày 26 tháng Tám, tại Fort-Lamy, Thủ hiến Éboué và Đại tá Marchand, Tư lệnh các đội quân của lãnh thổ, long trọng tuyên bố nước Tchad về với de Gaulle và Pleven đã tới đây từ hôm kia bằng máy bay để yểm trợ sự chuyển giao này. Đích thân tôi thông báo điều này trên đài phát thanh London và tuyên dương nước Tchad trước Đế quốc.

Ngày 27, Leclerc và Boislambert thành công xuất sắc trong cuộc đánh úp đã dự kiến trước tại Cameroun. Tuy nhiên họ đã khởi đầu với những phương tiện tối thiểu. Tôi đã hy vọng trước tiên cung cấp cho họ một phân đội để giúp cho công việc được dễ dàng. Bởi chúng tôi đã khám phá trong một doanh trại tại Anh khoảng một ngàn lính da đen được gửi đi từ Bờ Biển Ngà trong trận đánh nước Pháp để tăng cường cho các đơn vị thuộc địa, và vì đến quá trễ nên họ vẫn ở lại Anh trong khi chờ được hồi hương. Tôi đã thỏa thuận với người Anh để cho phân đội tới Accra nơi Thiếu tá Parant sẽ nắm quyền chỉ huy họ. Người ta có thể nghĩ rằng chuyển trở về

châu Phi của những người lính da đen này sẽ không là mối lo sợ cho Vichy. Họ đã thật sự đổ bộ tại Gold Coast. Nhưng đáng về họ trông tươm tất đến nỗi các sĩ quan Anh không thể không sáp nhập họ vào chính những đội quân Anh. Vậy là Leclerc và Boislambert chỉ có dưới quyền sử dụng của họ một nhóm lính và vài kiểu dân tị nạn từ Douala. Lại nữa, trong lúc rời Victoria, họ nhận được lệnh từ Tướng Giffard, Tổng Tư lệnh Anh, cấm thực hiện chiến dịch vì sợ hậu quả. Trước đó tôi đã gửi điện tín bảo họ phải hành động độc lập, và họ hoàn toàn đồng ý với tôi nên đã phớt lờ mệnh lệnh trên; và nhờ được sự thông cảm của người Anh tại Victoria, họ đã lên đường tới Douala bằng thuyền độc mộc.

Đội quân ít người tới đây vào ban đêm. Một số người “theo de Gaulle” chạy ào tới nhà Bác sĩ Mauze trong tín hiệu đầu tiên, đón tiếp họ như đã định trước. Thật kỳ diệu, Leclerc đã trở thành Đại tá và Thủ hiến, chiếm cứ dinh chính phủ thật giản dị. Ngày hôm sau, với sự hộ tống của hai toán lính đồn trú ở Douala, ông đáp xe lửa tới Yaoundé nơi ông gặp nhà cầm quyền. Cuộc “chuyển giao” quyền hành hoàn tất trong êm thấm.

Tại Brazzaville, công việc cũng xuôi chèo mát mái. Ngày 28 tháng Tám, Thiếu tá Delange dẫn đầu tiểu đoàn của mình tới dinh chính phủ và mời Toàn quyền Husson nhường chỗ. Ông này làm y theo lời, không chống cự nhưng vẫn phản đối. Lính đồn trú, công chức, kiều dân, dân bản xứ, mà dư luận trong đa số đã hình thành từ trước, dưới ảnh hưởng của ông Tổng y sĩ Sicé, ông Quản đốc Souques, Đại tá pháo binh Serres, Trung tá Không quân Carretier, tất cả đều vui mừng chấp nhận sự kiện trên. Tướng Larminat khi qua Congo đã nhân danh tôi nhận ngay nhiệm vụ Cao ủy châu Phi xích đạo với quyền hạn dân và quân sự. Cũng chiếc tàu đã đưa ông tới giờ đây trở về Léopoldville, với Tướng Husson trên tàu.

Với nước Oubangui, ông Thủ hiến de Saint-Mart chỉ chờ có thế, ông đánh điện gia nhập ngay khi được thông báo về sự kiện Brazzaville. Trong khi đó, tư lệnh các đội quân và vài đơn vị quân đội đóng cửa nhà họ trong doanh trại và đe dọa nã súng vào thành phố. Nhưng Larminat đã tức tốc tới Bangui bằng máy bay và đưa những con người lạc đường có thiện ý này trở

về với nhiệm vụ. Tuy nhiên vài sĩ quan đã được tách riêng và gửi đi Tây Phi theo lời yêu cầu của họ.

Như vậy là phần lớn nhất của khối châu Phi-Xích đạo-Cameroun đã gắn với Nước Pháp Tự Do mà không phải mất một giọt máu nào. Chỉ có nước Gabon vẫn còn đứng riêng rẽ. Tuy nhiên, chỉ còn chút xíu nữa để thuộc địa này rồi cũng gia nhập thôi. Ngày 29 tháng Tám, tại Libreville, Thủ hiến Masson, được Larminat thông báo về sự thay đổi chính quyền, đã gửi điện cho tôi xin gia nhập. Cùng lúc, ông công khai tuyên bố sự gia nhập của lãnh thổ và báo điều này cho tư lệnh các đội quân.

Nhưng tại Dakar, chính quyền Vichy đã phản ứng nhanh chóng. Theo lệnh của họ, Tư lệnh hải quân tại Libreville, người được quyền sử dụng một tàu hộ tống, một tàu ngầm và nhiều tàu chiến nhỏ, đã chống lại ông thủ hiến và báo giờ đến của một đội tàu. Bấy giờ ông Masson đổi thái độ, tuyên bố rằng việc nước Gabon theo Nước Pháp Tự Do phát xuất từ một ngộ nhận. Một chiếc thủy phi cơ của Hải quân, hoạt động giữa Libreville và Dakar, đưa đi đầy lại Tây Phi các thân hào nhân sĩ đã “thỏa hiệp” và đưa tới Gabon những người tận tâm với chế độ Vichy. Tình thế đã đảo ngược. Một vùng đất thù nghịch lọt ở giữa và, với chúng tôi, khó lòng thu nhỏ, bởi nó mở ra biển, và nó đã được tạo ra như thế trong toàn bộ những lãnh thổ vùng xích đạo. Để lợi dụng tình hình, Vichy gửi tới Libreville Tướng không quân Têtu, với danh hiệu toàn quyền châu Phi-Xích đạo và nhiệm vụ tái lập thẩm quyền của họ khắp nơi tại đây. Nhiều máy bay ném bom Glenn-Martin tới đáp xuống sân bay và Tướng Têtu coi chúng như đội tiền quân.

Về mặt toàn thể, kết quả dù sao vẫn thuận lợi. Do đó mà tôi hy vọng rằng phần thứ hai của kế hoạch tập hợp châu Phi đen có thể cũng sẽ thành công.

Nói đúng ra giai đoạn mới này có vẻ gay go hơn nhiều. Tại Tây Phi, chính quyền được thành lập đã thể hiện sự tập trung cao và lại gắn bó chặt chẽ với chính quyền Bắc Phi. Ở đó các phương tiện của quân đội hãy còn nhiều. Vị trí Dakar được trang bị hùng hậu, với những công sự và giàn pháo hiện đại, được yểm trợ bởi nhiều phi đội không quân, dùng làm căn cứ cho một đội tàu, đặc biệt cho tàu ngầm cũng như cho chiếc Richelieu mà

bộ tham mưu chỉ mớ chuyện phục hận từ khi ngư lôi Anh gây tổn thất cho nó. Đó là một toàn thể phòng thủ và tấn công đáng gờm. Cuối cùng, toàn quyền Boisson là một người cương quyết, nhưng với tham vọng lớn hơn sự suy xét, đã chọn theo đường lối của Vichy. Ông chứng tỏ điều đó ngay khi tới Dakar vào giữa tháng Bảy, khi bỏ tù ông Tổng Quản lý Volta thượng là Louveau, người đã tuyên bố việc sáp nhập lãnh thổ này vào Nước Pháp Tự Do.

Vậy là trong tình hình các phương tiện của chúng tôi, tôi không thể nghĩ tới việc trực tiếp tiến vào vị trí được. Mặt khác tôi thấy cần tránh một cuộc va chạm rộng lớn. Không phải tôi có ảo tưởng về khả năng thực hiện cuộc giải phóng đất nước mà không có máu người Pháp tuôn chảy. Nhưng vào một lúc như thế và trên mảnh đất đó, một trận đánh lớn chúng tôi gây ra, dầu đưa tới lối thoát nào, nhất định giảm thiểu trầm trọng các cơ may của chúng tôi. Người ta không hiểu được diễn tiến của vụ Dakar nếu không biết rằng chính sự xác tín này chế ngự tâm trí tôi.

Như vậy dự định ban đầu của tôi là gạt bỏ chuyện tấn công trực tiếp. Vấn đề là cho đổ bộ, cách xa vị trí, một đạo quân kiên quyết tiến dần về phía mục tiêu và lần lượt kết hợp những lãnh thổ họ đi qua và những đơn vị họ gặp phải. Như vậy chúng tôi có thể hi vọng rằng các lực lượng của Nước Pháp Tự Do lớn dần bằng sự lây lan và tiến vào Dakar bằng đường bộ. Konakry là nơi tôi trù định cho đổ bộ các đội quân. Từ đó chúng tôi có thể đi vào thủ đô Tây Phi và sử dụng một con đường sắt và một đường lộ tiếp nối nhau. Nhưng để ngăn cản đội tàu của Dakar triệt hạ cuộc viễn chinh, nhất thiết cuộc viễn chinh phải được bảo vệ phía biển. Tôi cần phải yêu cầu hạm đội Anh việc này.

Trong những ngày cuối tháng Bảy, tôi thổ lộ dự định này với ông Churchill. Ông không đáp lại ngay bằng một cái gì tích cực nhưng vài ngày sau, ông mời tôi tới gặp ông. Ngày 6 tháng Tám, tôi gặp ông như thường lệ trong gian phòng lớn ở phố Downing; theo truyền thống, căn nhà này vẫn được dùng vừa là văn phòng của Thủ tướng vừa là phòng họp của chính phủ hoàng gia. Trên cái bàn mênh mông choán hết gian phòng, ông cho trải những tấm bản trước đó ông đi đi lại lại và nói giọng sôi nổi:

Chúng ta phải cùng nhau bảo đảm về Dakar. Nó có tính chất cốt yếu cho các ông. Bởi nếu vụ việc thành công thì đó là những phương tiện lớn của Pháp trong phạm vi cuộc chiến. Điều này rất quan trọng cho chúng tôi. Bởi khả năng sử dụng Dakar làm căn cứ sẽ tạo nhiều điều kiện dễ dàng cho chúng tôi trong trận Đại Tây Dương gay go. Do đó sau khi họp bàn với Bộ Tư lệnh Hải quân và các tham mưu trưởng, tôi có thể nói với ông rằng chúng tôi đã quyết định hợp tác với cuộc viễn chinh của các ông. Chúng tôi trù định dành cho nó một đội tàu đáng kể. Nhưng đội tàu này, chúng tôi không thể để nó trên các bờ biển châu Phi trong thời gian lâu. Cần phải thu hồi nó để góp phần vào việc bảo vệ nước Anh cũng như những chiến dịch của chúng tôi tại Địa Trung hải, muốn thế chúng tôi phải hành động thật nhanh lẹ. Đó là lý do tại sao chúng tôi không tán thành dự định đổ bộ tại Konakry và tiến dần qua rừng rú của ông buộc chúng tôi phải duy trì những chiếc tàu của chúng tôi nhiều tháng trong các vùng này. Tôi có đề nghị khác với ông.

Bấy giờ ông Churchill điểm xuyết sự hùng biện của ông bằng những giọng điệu ý nhị nhất và bắt đầu vẽ ra cho tôi bức tranh sau đây:

Một sáng Dakar thức giấc, buồn bã và mơ hồ. VẬY mà dưới mặt trời mọc, cư dân thoáng thấy xa xa mặt biển phủ đầy tàu. Một đội tàu mệnh mông! Trăm chiếc tàu chiến đấu hoặc xung kích! Chúng chầm chậm tới gần và nói qua đài phát thanh với thành phố, với hải quân, với lính đồn trú, những lời thân thiện. Vài chiếc giương cờ tam tài. Những chiếc khác rẽ sóng dưới cờ Anh, Hà Lan, Ba Lan, Bỉ. Từ đội tàu đồng minh này tách ra một chiếc tàu con vô hại của những người thương thuyết. Nó tiến vào cảng và cho đổ bộ các sứ giả của Tướng de Gaulle. Những người này được hướng dẫn tới ông thủ hiến. Vấn đề là cho nhân vật này hiểu rằng nếu ông ta để các ông đổ bộ thì đội tàu sẽ rút lui và giữa ông ta và ông chỉ còn giải quyết những điều kiện hợp tác của ông ta mà thôi. Trái lại, nếu ông ta muốn chiến đấu thì ông ta có nguy cơ bị đè bẹp.

Và ông Churchill trong niềm tin tràn ngập đã mô tả và bày tỏ bằng điệu bộ những cảnh tượng của cuộc sống tương lai y như chúng phun ra từ ước muốn và tưởng tượng của ông:

Trong lúc ông thủ hiến và những người đại diện của ông trao đổi, máy bay của Nước Pháp Tự Do và của Anh bay trên thành phố một cách hòa bình và ném xuống những tờ truyền đơn thiện cảm. Các quân nhân và thường dân mà nhân viên của ông đã tiếp xúc và làm việc, bàn cãi say mê với nhau về những thuận lợi từ một cuộc dàn xếp với ngài, và những bất lợi của một trận đánh lớn chống lại những nước chung quy là đồng minh của nước Pháp. Ông thủ hiến cảm nhận rằng nếu ông ta chống lại thì đất sẽ hẫng dưới chân ông ta. Ngài sẽ thấy ông ta sẽ tiếp tục các cuộc thương thảo tới chỗ kết thúc tốt đẹp. Có thể trong khoảng thời gian đó, vì danh dự, ông ta muốn bắn vài phát đại bác. Nhưng ông ta sẽ không đi xa hơn. Và buổi chiều ông ta sẽ ăn tối với ông và uống mừng thắng lợi cuối cùng.

Nhìn kỹ quan niệm của Churchill về những gì mà tài hùng biện của ông thêm thắt bằng những nét hoa mỹ hấp dẫn, sau khi suy xét tôi phải nhận rằng nó dựa trên những dữ kiện chắc chắn. Bởi người Anh không thể trích ra quá lâu những phương tiện quan trọng của hải quân về phía xích đạo. Để giúp tôi làm chủ tình hình tại Dakar, ông chỉ cần trù định một hoạt động trực tiếp. Vậy mà hoạt động này, trừ phi là một cuộc tấn công đúng phép, nhất thiết bao gồm thuyết phục lẫn đe dọa. Mặt khác tôi nghĩ có thể bộ Hải quân Anh ngày một ngày hai sẽ đi tới chỗ, với sự hiện diện hay không có sự hiện của Nước Pháp Tự Do, giải quyết vấn đề Dakar nơi một hải cảng lớn tại Đại Tây Dương và sự có mặt của chiếc Richelieu không thể không khiến họ cùng lúc thêm muốn và lo lắng.

Tôi kết luận rằng nếu chúng tôi hiện diện thì sẽ có nhiều cơ may để chiến dịch cần tới một sự kết hợp với Nước Pháp Tự Do dầu gượng ép. Nếu ngược lại, chúng tôi tránh né thì sớm muộn gì người Anh cũng muốn hành động cho chính họ. Trong trường hợp này, vị trí sẽ đề kháng mạnh mẽ, với đại bác của các công sự và pháo của chiếc Richelieu, trong lúc máy bay ném bom Glenn-Martin, máy bay tiêm kích Curtiss, tàu ngầm – thật nguy hiểm cho tàu chiến bấy giờ không có một phương tiện dò tìm nào – sẽ mặc tình giữ vững tất cả đội tàu chuyển vận. Bị cày nát dưới bom đạn, Dakar cuối cùng sẽ đầu hàng người Anh với những đồng đồ nát của nó, chúng tôi không khỏi lo sợ chiến dịch buộc phải gây thiệt hại cho chủ quyền Pháp.

Sau một thời hạn ngắn, tôi trở lại gặp ông Churchill để nói rằng tôi chấp nhận gợi ý của ông. Tôi xây dựng kế hoạch hành động với Đô đốc John Cunningham, người sẽ chỉ huy hạm đội Anh; và trong vụ việc nhọc nhằn này tôi đã tìm thấy nơi ông một người bạn hợp tác đôi khi khó chịu nhưng là một chiến sĩ hải quân tuyệt vời và một con người có lòng. Cùng lúc, tôi cho chuẩn bị các phương tiện – thật nghèo nàn – mà người Pháp chúng tôi có thể đưa vào kế hoạch. Đó là ba tàu hộ tống: Savorgnan-de-Brazza, Commandant-Duboc, Commandant-Dominé, và hai tàu kéo được vũ trang: Vaillant và Viking. Đó còn là, trên hai tàu chở khách của Hà Lan: Pennland và Westerland (bấy giờ không có tàu Pháp loại này), một tiểu đoàn lính lê dương, một đại đội tân binh, một đại đội lính hải quân mang súng trường, nhân sự một đại đội xe tăng, nhân sự một đội pháo, cuối cùng mằm mống các ban ngành, tất cả hai ngàn người. Đó còn là phi công của hai phi đội. Cuối cùng, đó là bốn tàu chở hàng của Pháp: Anadyr, Casamance, Fort-Lamy, Nevada, chở công cụ nặng: xe tăng, đại bác, máy bay Lysander, Hurricane và Blenheim trong các thùng, xe đủ loại, cũng như hàng tiếp tế.

Về phía người Anh, đội tàu của họ hẳn không bao gồm tất cả những chiếc tàu mà ông Churchill đã nói. Chung quy nó bao gồm hai tàu bọc sắt kiểu cũ: Barham và Resolution, bốn tàu tuần tra, tàu sân bay Ark Royal, vài tàu khu trục và một tàu chở dầu. Ngoài ra, ba tàu vận chuyển sẽ đưa tới những mục tiêu cần thiết hai tiểu đoàn pháo binh hải quân dưới sự chỉ huy của thiếu tướng lữ đoàn trưởng Irwin, với những phương tiện đổ bộ. Trái lại không còn vấn đề một lữ đoàn Ba Lan mà trước tiên người ta đã thông báo họ sẽ tham gia vụ việc. Dường như các bộ tham mưu không tin chắc như ông thủ tướng về tầm quan trọng hoặc những cơ may của kế hoạch, đã xén bớt những phương tiện dự kiến ban đầu.

Vài ngày trước lúc xuất phát, người Anh đặt ra một vấn đề gay gắt là nếu thành công, tôi dự định sẽ làm gì với một kho vàng lớn hiện đang ở Bamako. Đó là kim loại quý do Ngân hàng Pháp đứng tên ký gửi và ký gửi cho các ngân hàng Bỉ và Ba Lan. Các khoản dự trữ và ký gửi của Ngân hàng Pháp trên thực tế đã được sơ tán một phần tại Sénégal trong lúc xảy ra

cuộc xâm lược của Đức, một phần khác được cất giấu trong hầm của Ngân hàng Liên bang Mỹ và số dư được đưa tới Martinique. Qua cuộc phong tỏa, những biên giới, những đồn canh, vàng ở Bamako đã được dòm ngó các cách chăm chú bởi các cơ quan tình báo của các nước tham chiến.

Người Bỉ và người Ba Lan vẫn mong muốn – và đó là một mong muốn chính đáng – rằng phần vàng của họ phải thuộc về họ, và tôi đã đưa ra cho ông Spaak, cũng như ông Zaleski [64] những bảo đảm thích nghi. Nhưng người Anh, đầu tiên nhiên không đòi một quyền sở hữu nào, vẫn nghĩ họ được sử dụng số vàng này như phương tiện giải quyết trực tiếp các cuộc mua bán tại Mỹ, viện cớ họ làm thế vì lợi ích của liên minh. Quả thật vào thời kỳ đó Hoa Kỳ không bán thứ gì cho ai cả nếu không được trả bằng tiền mặt. Mặc cho sự khẩn khoản của Spears, thậm chí sự đe dọa của ông về việc người Anh có thể từ bỏ cuộc viễn chinh đã thỏa thuận, tôi vẫn từ chối yêu sách đó. Cuối cùng ông đồng ý, như tôi đã đề nghị ngay từ đầu, rằng số vàng của Pháp tại Bamako sẽ chỉ dùng để bảo lãnh việc mua hàng của Anh tại Mỹ cho Nước Pháp Kháng chiến.

Trước khi chúng tôi đổ bộ, tin gia nhập của các nước Tchad, Cameroun, Congo, Oubangui tới đúng lúc, làm rục lên hy vọng của chúng tôi. Dầu chúng tôi không thành công trong việc đặt bàn tay lên Dakar, nhưng nhờ những tăng viện mà chúng tôi đưa tới, ít ra chúng tôi cũng tính được việc tổ chức tại trung tâm châu Phi một căn cứ hoạt động và một chủ quyền cho nước Pháp tham chiến.

Cuộc viễn chinh xuất phát từ Liverpool ngày 31 tháng Tám. Bản thân tôi, với một phần các đơn vị Pháp và một bộ tham mưu thu hẹp, lên tàu Westerland giương cờ Pháp bên cờ Hà Lan. Thuyền trưởng của chiếc tàu này, Đại úy Plaguay, các sĩ quan, thủy thủ đoàn, cũng như những người của chiếc Pennland, luôn tỏ ra mẫu mực trong sự tận tụy thân tình. Churchill đã cử Spears đi với tôi với tư cách sĩ quan liên lạc, nhà ngoại giao và người đưa tin. Tại Anh, tôi đặt các lực lượng đang hình thành của chúng tôi dưới quyền Muselier, một mầm mống bộ máy hành chính dưới sự điều khiển của Antoine, và cử Dewavrin làm người liên lạc và đưa tin trực tiếp. Ngoài ra,

Tướng Catroux từ Đông Dương tới và tôi đã giải thích với ông bằng một bức thư sẽ được trao cho ông lúc ông tới về toàn bộ các dự định của tôi cũng như những ý định của tôi về việc sử dụng ông. Tôi tính rằng tuy tôi vắng mặt – miễn sao sự vắng mặt này không kéo dài quá lâu – nhưng các bạn đồng hành của tôi có thể ngăn chặn những tranh cãi bên trong và những mảnh khoe bên ngoài có thể làm lung lay quá mức tòa nhà hãy còn yếu ớt này. Vậy mà trên boong tàu Westerland, vừa rời hải cảng trong cơn bão động bị dội bom với đội quân nhỏ bé và những chiếc tàu con con của mình, tôi cảm thấy như bị đè bẹp bởi tầm quan trọng của bốn phận của mình. Ngoài khơi, trong đêm tối mịt mù, trên lớp sóng lừng lừng làm trương phình đại dương, một chiếc tàu xa lạ đáng thương, không đại bác, đèn đuốc tắt ngấm, mang theo vận mệnh của nước Pháp.

Nơi đến đầu tiên của chúng tôi là Freetown. Theo kế hoạch, chúng tôi phải tập hợp tại đây và đón nhận những thông tin cuối cùng. Phải đến ngày 17 tháng Chín chúng tôi mới tới nơi do tốc độ chậm chạp của những chiếc tàu chở hàng và do phải đi một đường vòng lớn trên đại dương để tránh máy bay và tàu ngầm của Đức. Vậy mà trong lúc vượt biển, những bức điện vô tuyến nhận được từ London báo cho chúng tôi biết, về các lực lượng của Vichy, một cái tin có thể buộc phải xét lại tất cả. Ngày 11 tháng Chín ba tàu tuần tra lớn và hiện đại: Georges-Leygues, Gloire, Montcalm, và ba tàu tuần tra nhẹ: Audacieux, Fantasque, Malin, ra khỏi Toulon, đã đi qua eo biển Gibraltar mà không bị hạm đội Anh chặn lại. Tiếp theo chúng tôi tới Casablanca và đi Dakar. Nhưng chúng tôi vừa quăng neo tại Freetown thì một tin mới mẻ và trầm trọng khiến chúng tôi lúng túng tột độ. Đội tàu được tăng cường tại Dakar với tàu tuần tra Primauguet vừa ra khơi và mở hết tốc lực hướng về miền nam. Một tàu khu trục Anh, được biệt phái giám sát, vẫn tiếp xúc với nó từ xa.

Tôi không chút nghi ngờ chuyện lực lượng hải quân hùng mạnh này sẽ tiến nhanh về phía châu Phi xích đạo, nơi hải cảng Libreville mở ra với họ và là nơi họ dễ dàng chiếm lại Pointe-Noire và Douala. Nếu một biến cố sấm sét như thế không đủ để đảo ngược tình hình tại Congo và Cameroun thì những chiếc tàu tuyệt vời này có thể thừa sức bảo vệ việc chuyển vận và

cuộc đổ bộ của các lực lượng trấn áp đến từ Dakar, từ Konakry hoặc từ Abidjan. Hơn nữa, giả thuyết này gần như được xác nhận ngay khi tàu chở hàng Poitiers, đến từ Dakar và biến nhanh về phía Libreville, đã bị người Anh khám xét, bị viên thuyền trưởng chọc thủng đáy để đánh chìm. Rõ ràng Vichy đang bắt đầu một chiến dịch rộng lớn để được khôi phục quyền lực trên các lãnh thổ đã gia nhập Nước Pháp Tự Do, và việc gửi bảy chiếc tàu tuần tra về phía xích đạo chỉ có thể hiểu là họ đã được với sự tán thành mạnh mẽ, nếu không nói là theo lệnh, của người Đức. Do đó mà Đô đốc Cunningham mới nhất trí với tôi phải ngăn chặn ngay lập tức đội tàu của Vichy.

Chúng tôi thỏa thuận rằng những kẻ không mời mà đến sẽ được lệnh trở về, cố nhiên không phải Dakar, mà Casablanca. Bằng không đội tàu Anh sẽ bắt đầu những hoạt động thù địch. Chúng tôi nghĩ sự đe dọa cũng đủ làm cho những chiếc tàu lầm lạc này phải đổi hướng. Bởi nếu tốc độ tàu Anh đặc biệt yếu, không cho phép chúng ngăn chặn tàu của Vichy, thì sức mạnh của chúng lại gấp đôi, bảo đảm lợi thế của chúng trên tàu khác, ngay khi những tàu này buông neo trong bất luận một vùng tàu nào ở vùng xích đạo thì không một giàn pháo nào bảo vệ được. Bấy giờ kẻ tấn công buộc phải buông ra hoặc chấp nhận chiến đấu trong những điều kiện tệ hại. Có ít cơ may người chỉ huy cuộc viễn chinh để mình bị dồn vào một thế phải lựa chọn như vậy.

Trên thực tế các tàu tuần tra Anh tiếp xúc với đô đốc Bourragué, đang chỉ huy đội tàu không đúng lúc, dễ dàng trông thấy đội tàu này đổi hướng khi người chỉ huy kinh ngạc nhiên thấy sự hiện diện của một đội tàu Anh – Pháp trong các vùng lân cận. Nhưng những chiếc tàu của Vichy, vốn thách thức mọi cuộc săn đuổi, đã thật sự về với Dakar. Chỉ có các tàu tuần tra Gloire và Primauguet mà những tổn thất máy móc đã làm cho chậm lại, và thuyền trưởng tàu hộ tống chống tàu ngầm Thierry d'Argenlieu đã lên tàu khu trục Ingerfield và bắt đầu liên lạc trực tiếp với chúng thay tôi, chúng đã tuân thủ các điều kiện và tới Casablanca sau khi từ khước đề nghị của tôi để được sửa chữa tại Freetown.

Như vậy châu Phi thuộc Nước Pháp Tự Do đã thoát khỏi một hiểm họa thật to lớn. Chỉ sự việc này đủ biện minh trăm lần cuộc viễn chinh mà chúng tôi đã dàn dựng. Mặt khác, thái độ của đội tàu đến từ Toulon khi họ đi về phía xích đạo như thể chúng tôi không có mặt tại đây rồi từ bỏ nhiệm vụ khi thấy chính chúng tôi đang ở đây cho phép nghĩ rằng Vichy không chuyên chú vào nơi đến của chúng tôi. Nhưng sau nỗi vui mừng đã làm thất bại dự định của đối phương, chúng tôi thừa nhận rằng dự định của chúng tôi cũng bị tổn hại trầm trọng. Thật vậy, từ đây nhà cầm quyền Dakar đã trở nên cảnh giác và đã nhận được những chiếc tàu tăng viện giá trị cao. Theo tin tình báo chúng tôi gần như biết ngay rằng để phục vụ cho những giàn pháo của mặt trận trên biển, nhiều pháo thủ hải quân đã thay cho lính pháo binh thuộc địa được đánh giá là không chắc chắn bằng. Tóm lại, dường như các cơ may xâm chiếm Dakar của chúng tôi từ đây đã giảm thiểu nhiều.

Tại London, ông Churchill và Bộ Hải quân cho rằng trong những điều kiện như thế tốt hơn là không làm gì cả. Họ đã điện báo cho tôi điều đó ngay ngày 16 tháng Chín và đề nghị hạm đội chỉ bảo đảm việc hộ tống tàu chúng tôi tới Douala và sau đó tách đi nơi khác. Tôi phải nói rằng sự từ bỏ này đối với tôi là giải pháp tệ hại nhất. Thật vậy, nếu chúng tôi để mọi việc trong tình trạng ấy tại Dakar, thì để lập lại mưu toan chống lại châu Phi xích đạo, Vichy chỉ cần chờ đợi chuyển trở lại sắp tới của những chiếc tàu Anh về phía bắc. Biển đã mở rộng cho chúng, những chiếc tàu tuần tra của Bourrague lại lao về phía xích đạo. Như vậy, những chiến binh Chữ Thập Lorraine, kể cả Tướng de Gaulle, sớm hay muộn sẽ bị chặn lại trên những vùng lãnh thổ xa xôi kia, và dầu không ngã gục tại đó thì họ cũng phải miệt mài trong một cuộc chiến đấu vô bổ chống lại những người Pháp khác trong rừng trong bụi. Với họ, trong những điều kiện đó, không một triển vọng nào đánh được người Đức lẫn người Ý. Tôi tin đó là ý đồ của kẻ thù mà các vai phụ ở Vichy đương nhiên chỉ là công cụ dù có ý thức hay không. Tôi thấy đã tới thời điểm chúng tôi phải cố tiến vào Dakar, bất chấp tất cả.

Vả chăng, tôi phải nhìn nhận rằng các cuộc tập hợp đạt được tại châu Phi đã đem lại cho tôi một hy vọng ngấm ngấm được xác nhận bởi những

tin lành, từ lúc xuất phát tại London, đã từ các nơi đổ về. Ngày 2 tháng Chín, các cơ sở, tổ chức người Pháp tại Océanie dưới quyền quản lý lâm thời của các ông Ahne, Lagarde, Martin, đã gia nhập Nước Pháp Tự Do. Ngày 9 tháng Chín, ông Thủ hiến Bonvin tuyên bố rằng các cơ sở, tổ chức người Pháp tại Ấn Độ đều đứng về phía tôi. Ngày 14 tháng Chín, tại Saint-Pierre-et-Miquelon, đại hội cựu chiến binh đã báo với tôi rằng họ sẽ gia nhập chính thức, sau đó chính phủ Anh khuyến khích chính phủ Canada ủng hộ phong trào của họ. Ngày 20 tháng Chín, Thủ hiến Sautot sau khi tuyên bố việc gia nhập của Nouvelles-Hébrides ngày 18 tháng Bảy, đã thừa lệnh tôi tới Nouméa. Tại đây, “Ủy ban de Gaulle” dưới sự chủ trì của Michel Verges, đã làm chủ tình hình với sự ủng hộ nhiệt tình của dân chúng, điều này cho phép Sautot nắm chính phủ. Cuối cùng, tôi đã có thể trông thấy đội tàu Bourrague quay trở lại với mệnh lệnh đầu tiên. Ai có thể khẳng định rằng chúng tôi sẽ không tìm thấy tại Dakar bầu không khí đồng tình kia nơi thu xếp những quân lệnh dứt khoát nhất? Dầu sao vẫn phải thử.

Đô đốc Cunningham cũng phản ứng theo hướng này. Chúng tôi đánh điện tới London để khẩn thiết yêu cầu người ta để cho chúng tôi hành động. Ông Churchill, theo những gì ông nói với tôi sau này, đã lấy làm kinh ngạc và thích thú với sự khẩn khoản này. Ông chấp nhận dễ dàng và quyết định hành động.

Vậy mà trước khi lên đường, tôi đã phải đối phó với một mưu toan gay gắt của Cunningham là muốn đặt tôi cũng như các lực lượng khiêm tốn của tôi dưới sự điều khiển của ông ta và bù lại ông sẵn sàng tiếp đón tôi trên tàu bọc thép Barham của ông. Cố nhiên tôi từ chối lời yêu cầu và lời mời này. Chiều hôm ấy có vài tiếng vang như mảnh vỡ trên tàu Westerland nơi diễn ra cuộc trao đổi. Trong buổi tối, ông đô đốc đã viết cho tôi mấy chữ đầy thân tình và từ bỏ những yêu sách của mình. Chúng tôi nhổ neo ngày 21 tháng Chín. Rạng ngày 23, giữa một lớp sương mù dày đặc, chúng tôi đã có mặt trước Dakar.

Sương mù sẽ gây thiệt hại trầm trọng cho hoạt động của chúng tôi. Đặc biệt, hiệu quả tinh thần mà, theo Churchill, đáng vẻ đội tàu của chúng tôi có thể gây ra cho lính đồn trú và dân chúng, lại hoàn toàn không có tác

dụng gì bởi trông chúng tôi thật lồi thoi lệch thếch! Nhưng cố nhiên không thể hoãn lại. Vậy là kế hoạch đã dự kiến được mang ra thực hiện. Lúc 6 giờ, tôi nói qua đài phát thanh với hải quân, với các lực lượng, với dân chúng và thông báo với họ sự hiện diện của chúng tôi và những ý đồ thân thiện của chúng tôi. Ngay sau đó hai chiếc “Lucioles” nhỏ, loại máy bay du lịch Pháp không vũ trang cất cánh từ boong tàu Ark Royal, sẽ đáp xuống phi trường Ouakam và cho xuống đây ba sĩ quan: Gailliet, Scamaroni, Soufflet, với nhiệm vụ kết thân. Tôi nhanh chóng được biết hai chiếc “Loucioles” đã đáp xuống không khó khăn và dấu hiệu “Thành công!” đang rộng trên mặt đất.

Bất chợt người ta nghe tiếng súng của DCA ^[65] ở nhiều điểm khác nhau. Những khẩu đại bác từ tàu Richelieu và từ quảng trường lên án máy bay của Nước Pháp Tự Do và Anh đã bắt đầu bay trên thành phố và rải truyền đơn thân thiện. Tuy nhiên, đầu loạt đạn đại bác hung hăng đến đâu, tôi vẫn thấy có cái gì ngập ngừng. Vì vậy tôi ra leejnh cho hai chiếc thuyền máy chở những người thương thuyết vào hải cảng, trong lúc các tàu hộ tống của Nước Pháp Tự Do cũng như tàu Westerland và tàu Pennland tiến gần trong sương mù cho tới lối vào vũng tàu.

Thoạt tiên không có một phản ứng nào. Thuyền trưởng tàu hộ tống chống tàu ngầm d’Argenlieu, Chỉ huy trưởng Tiểu đoàn Gotscho, các Đại úy Bécourt-Foch và Perrin và Thiếu úy Porgès, cho buộc tàu của họ lại, bước xuống bến và hỏi chuyện người chỉ huy hải cảng. Người này tự giới thiệu, d’Argenlieu nói mình là người mang một bức thư của tướng de Gaulle gửi cho ông toàn quyền, thư mà ông phải trao tận tay. Nhưng người tiếp chuyện không giấu vẻ bối rối, tuyên bố rằng ông ta được lệnh bắt giữ họ. Cùng lúc ông bộc lộ ý định gọi đội bảo vệ. Thấy thế, các sứ giả đành trở lại các thuyền máy. Trong lúc các chiếc thuyền này đang ở xa, những khẩu súng máy nã đạn vào chúng. D’Argenlieu và Perrin bị thương nặng và được đưa lên tàu Westerland.

Thế rồi những giàn pháo của Dakar bắt đầu nã đạn vào tàu Anh và Pháp từng hồi và trong nhiều giờ không có sự đáp trả. Tàu Richelieu, mà

các tàu kéo đã di chuyển vào hải cảng để được sử dụng đại bác tốt hơn, đến lượt nó bắt đầu nã đạn. Khoảng 11 giờ, tàu tuần tra Cumberland bị trúng đạn nặng nề, Đô đốc Cunningham gửi qua radio lời truyền đạt này:

Tôi không bắn vào các anh. Tại sao các anh bắn vào tôi?

Câu trả lời là:

Hãy lui 20 dặm!

Thế là đến lượt quân Anh nổ súng. Tuy nhiên, thời gian cứ trôi qua mà người ta không thấy bên này lẫn bên nọ thể hiện một nhiệt tình chiến đấu thật sự. Cho tới trưa vẫn không một máy bay nào của Vichy cất cánh.

Từ toàn bộ các dấu hiệu này, tôi không nghĩ rằng vị trí kiên quyết trong một cuộc đối kháng ác liệt. Có thể hải quân, lính đồn trú, ông thủ hiến còn đang đợi một biến cố nào chăng? Khoảng trưa, Đô đốc Cunningham gửi cho tôi một bức điện cho thấy đó cũng là cảm nghĩ của ông. Cố nhiên chúng tôi không thể nghĩ tới việc cho đội tàu tiến vào hải cảng. Nhưng có thể cho đổ bộ những người của phong trào Nước Pháp Tự Do gần địa điểm mà sau đó họ sẽ tìm cách tới gần bằng đường bộ được chăng? Thế phải lựa chọn này đã được trù liệu từ trước. Hải cảng Rufisque nhỏ bé ngoài tầm hoạt động của hầu hết các công sự, dường như thích hợp cho chiến dịch, với điều kiện chúng tôi không gặp sự kháng cự quyết liệt. Trên thực tế, nếu tàu hộ tống của chúng tôi không thể chạm tới Rufisque, thì tàu vận chuyển cũng không, bởi độ mặn nước của chúng. Vậy các đội quân phải đổ bộ bằng sà lúp, điều này không cho phép họ mang vũ khí nặng và đòi hỏi sự yên tĩnh hoàn toàn. Thế nhưng, khi nhận được sự bảo đảm của Cunningham sẽ bảo vệ chúng tôi phía biển, tôi dồn tất cả về Rufisque.

Vào khoảng 15 giờ, vẫn trong sương mù, chúng tôi tới gần mục tiêu. Tàu Commandant-Duboc chở một phân đội lính mang súng trường tiến vào hải cảng và cho lên bờ vài thủy thủ trên một chiếc xuồng để buộc tàu. Trên bờ, một đám đông dân bản xứ đã chạy tới để đón đội tuần tra trong khi các đội quân của Vichy ở xung quanh nổ súng vào tàu hộ tống của chúng tôi, giết và làm nhiều người bị thương. Vài khoảnh khắc trước đó, hai máy bay ném bom Glenn-Martin đã bay ở độ cao thấp trên lực lượng nhỏ bé của

chúng tôi như để cho thấy chúng đang mặc tình thao túng họ, mà quả đúng như vậy. Cuối cùng Đô đốc Cunningham đánh điện cho biết các tàu tuần tra Georges-Leygues và Montcalm vừa ra khỏi vũng tàu Dakar, đang có mặt trong sương mù cách chúng tôi một dặm, và tàu Anh đang bận rộn ở nơi khác không thể bảo vệ chúng tôi được. Rõ ràng vụ việc đã hỏng! Không chỉ cuộc đổ bộ là điều bất khả, mà chỉ cần mấy phát súng đại bác từ các tàu tuần tra của Vichy là đã đủ để dứt khoát đẩy lùi tất cả cuộc viễn chinh của Nước Pháp Tự do. Tôi quyết định lại ra khơi, lần này không gặp chuyện rắc rối mới nào.

Chúng tôi qua đêm trong sự chờ đợi. Ngày hôm sau, nhận được điện tín của ông Churchill kêu gọi đẩy mạnh hành động, đội tàu Anh gửi một tối hậu thư tới nhà cầm quyền Dakar. Nhà cầm quyền Dakar trả lời sẽ không giao nộp vị trí. Ngay từ bấy giờ và cho đến hết ngày, trong lớp sương mù dày đặc hơn bao giờ hết, người Anh đã trao đổi những loạt đạn đại bác khá ác liệt với những giàn pháo trên bờ và những chiếc tàu trong vũng tàu. Đến tối thì hiển nhiên giữa hai bên vẫn chưa phân định được gì.

Buổi tối, tàu Barham về đậu sát bên tàu Westerland và Đô đốc Cunningham mời tôi tới gặp ông để bàn bạc tình hình. Trên tàu bọc thép Anh tràn ngập bầu không khí buồn bã và căng thẳng. Hẳn nhiên ai cũng lấy làm tiếc là đã không thành công. Nhưng cảm xúc bao trùm là sự kinh ngạc. Người Anh vốn thực tế không thể nào hiểu được tại sao và bằng cách nào tại Dakar, nhà cầm quyền, hải quân, bộ đội lại tỏ rõ quyết tâm chiến đấu chống lại đồng bào của họ và chống lại đồng minh của đồng bào họ trong lúc nước Pháp nằm gục dưới gót giày quân xâm lược. Còn tôi, từ đây tôi không còn phải kinh ngạc với chuyện này nữa. Sự việc xảy ra cho tôi thấy, một lần cho tất cả, rằng, nhà cầm quyền Vichy, để chống lại lợi ích của nước Pháp, luôn sẵn sàng lạm dụng lòng can đảm và tinh thần kỷ luật của những người dưới quyền họ.

Đô đốc Cunningham phân tích tình hình:

Trước thái độ tại địa điểm và của đội tàu ủng hộ nó, tôi không tin rằng việc ném bom có thể làm được gì cả.

Tướng Irwin, Tư lệnh các đơn vị đổ bộ, tiếp lời rằng ông sẵn sàng cho các đội quân của ông lên bờ để tấn công vào các công sự nhưng đây lại là một điều mạo hiểm lớn cho mỗi chiếc tàu và mỗi binh sĩ. Cả hai đều hỏi tôi chuyện gì sẽ xảy ra cho “phong trào” Nước Pháp Tự Do khi kết thúc cuộc viễn chinh. Tôi nói:

Cho tới bây giờ, chúng ta vẫn chưa mở một cuộc tấn công tận lực vào Dakar. Ý định tiến vào vị trí này một cách ổn thỏa đã thất bại. Ném bom không quyết định được gì. Cuối cùng việc đổ bộ ồ ạt và việc tấn công vào các công sự có thể đưa đến một trận đánh lớn, dàn trận hãn hoi mà phần tôi, tôi muốn tránh, và chính các ông cũng cho tôi thấy lối thoát của nó rất đáng ngờ. Vậy thì lúc này chúng ta nên từ bỏ chuyện đánh chiếm Dakar. Tôi đề nghị Đô đốc Cunningham ra thông báo sẽ ngưng ném bom theo yêu cầu của Tướng de Gaulle. Nhưng cuộc phong tỏa phải tiếp tục để họ không được mặc tình đánh phá tàu bè chúng tôi đang có mặt tại Dakar. Tiếp theo chúng tôi phải chuẩn bị một mưu toan mới và, sau cuộc đổ bộ, đi vào những địa điểm không hoặc ít được phòng thủ, chẳng hạn Saint-Louis. Dầu sao mặc lòng, Nước Pháp Tự Do phải tiếp tục chiến đấu.

Ông Đô đốc và ông Tướng nước Anh đồng ý với tôi về việc trước mắt. Lúc sụp tối tôi rời tàu Barham trên một chiếc sà lúp nhảy múa trên sóng, trong lúc bộ tham mưu và buồn đoàn thủy thủ sắp hàng dọc theo lan can bồng súng buồn bã chào tôi.

Nhưng trong đêm, hai sự kiện khiến đô đốc Cunningham trở lại với điều chúng tôi đã thỏa thuận. Trước hết một điện thư mới của ông Churchill dứt khoát yêu cầu ông tiếp tục chiến dịch. Ông Thủ tướng tỏ ra kinh ngạc và giận dữ thấy vụ việc kết thúc đột ngột như thế. Ông càng thêm phần kinh ngạc và giận dữ hơn khi giới chính trị tại London và nhất là tại Washington bị các đài tuyên truyền Vichy và Berlin kích động, đã bắt đầu cựa quậy. Mặt khác, sương mù đang dâng lên và vì vậy việc ném bom hãn sẽ tìm lại cơ may. Lần này không đợi tham khảo tôi, cuộc chiến trở lại vào buổi rạng đông bằng những phát súng đại bác trao đổi giữa vị trí và quân Anh. Nhưng đến chiều, tàu bọc thép Resolution bị trúng ngư lôi của một tàu ngầm và suýt chìm phải kéo đi. Nhiều tàu khác của Anh bị trúng đạn

ngghiêm trọng. Bốn máy bay của tàu sân bay Ark Royal bị bắn hạ. Phía bên kia, tàu Richelieu và nhiều tàu khác bị tổn hại khá nặng. Tàu khu trục Audacieux, các tàu ngầm Persée và Ajax đã bị đánh chìm, đoàn thủy thủ của chiếc sau đã được một tàu khu trục cứu vớt. Đô đốc Cunningham quyết định ngừng mọi tổn thất. Tôi chỉ có thể đồng tình thôi. Chúng tôi hướng về Freetown.

Những ngày tiếp theo đối với tôi thật nghiệt ngã. Tôi có cảm giác mình là một con người đang sống trong một cơn địa chấn lay động mạnh ngôi nhà và đang hứng trên đầu trận mưa ngói rơi từ mái nhà.

Tại London, một trận bão cuồng nộ, tại Washington, một cơn dông tố những lời cay độc nổi lên chống lại tôi. Theo báo chí Mỹ và nhiều tờ báo Anh thì dư luận đã quy ngay thất bại của mưu toan này cho de Gaulle. Những tin đồn lan đi với cùng một thông điệp: “Chính ông ta đã gây ra cuộc phiêu lưu vô lý này, đã lừa người Anh bằng những tin tình báo láo về tình hình Dakar, đã đòi hỏi, bằng tinh thần hiệp sĩ nông cuồng, phải tấn công vị trí trong lúc quân tăng viện của Darlan gửi tới khiến mọi thắng lợi đều bất khả... Vả chẳng những tàu tuần tra từ Toulon chỉ tới do những Người Pháp Tự Do đã hớ hênh báo động cho Vichy... Một lần cho tất cả, rõ ràng người ta không thể tin được những người không có khả năng giữ một điều bí mật.” Sau đó đến lượt ông Churchill được coi là thiếu khéo léo. Người ta cho rằng ông đã bị lôi kéo quá dễ dàng. Về mặt dài ra, Spears mang đến tôi những bức điện tín ông nhận được từ các thông tin viên của ông cho rằng de Gaulle trong cơn tuyệt vọng, bị bỏ rơi bởi những người theo mình, bị chối bỏ bởi người Anh, sẽ phải từ bỏ mọi hoạt động, trong lúc chính phủ Anh tiếp tục với Catroux hoặc Muselier việc tuyển mộ nhân viên không chính ngạch Pháp theo một quy mô khiêm tốn hơn nhiều.

Còn việc tuyên truyền của Vichy thì đã quá thành công. Các thông báo của Dakar cho thấy đó là một thắng lợi lớn của hải quân. Vô số những điện chúc mừng gửi tới toàn quyền Boisson và các chiến binh anh dũng của Dakar, đã được in ra và được bình luận trên các tờ báo của hai vùng và trên các làn sóng mệnh danh là “của nước Pháp!” Còn tôi, trong một cabin chật hẹp ở cuối một vũng tàu nóng bức, tôi đã hiểu thế nào là phản ứng của sự

sợ hãi, nơi đối phương trong sự phục hận vì đã cảm nhận nó, cũng như nơi các đồng minh chột kinh hoàng vì thất bại.

Tuy nhiên tôi nhanh chóng nhận ra rằng bất chấp thất vọng, những người của phong trào Nước Pháp Tự Do vẫn không lay chuyển. Trong số những đơn vị của cuộc viễn chinh mà tôi đã tới thăm đầy đủ ngay khi tàu buồm neo, không một người nào muốn rời tôi. Trái ngược hẳn, tất cả càng được củng cố bởi thái độ thù địch của Vichy. Chính vì vậy mà khi một máy bay của Dakar tới bay trên các chiếc tàu của chúng tôi một loạt tiếng nổ giận dữ chào đón nó từ khắp các mạn tàu, điều chưa từng có một tuần lễ trước đây. Ít lâu sau, những bức điện nồng nhiệt của Larminat và của Leclerc cho tôi biết với họ và quanh họ, lòng trung thành kiên quyết không gặp phải vấn đề gì cả. Từ London không có một dấu hiệu suy yếu nào bất chấp những tiếng ồn ào chua chát trút lên người của chúng tôi. Niềm tin của tất cả những con người đã gắn bó với tôi càng làm tôi thêm vững lòng. Vậy là những nền móng của Nước Pháp Tự Do vẫn vững chắc. Nào! Phải tiếp tục thôi! Bình tâm phần nào, Spears dẫn lời của Victor Hugo với tôi: “Ngày mai, Aymeri chiếm thành phố.”

Cần phải nói ngay rằng nếu tại London sự ác ý phát huy tác dụng thì trái lại, chính phủ Anh đã biết tránh điều đó. Ông Churchill đầu bị quấy rầy nhiều vẫn không từ bỏ tôi nhiều hơn tôi từ bỏ chính ông. Ngày 28 tháng Chín, ông tường trình trước Hạ nghị viện về những biến cố với tất cả sự khách quan mà người ta có thể mong đợi và tuyên bố rằng: “Tất cả những gì đã xảy ra càng củng cố thêm niềm tin của chính phủ Hoàng gia vào Tướng de Gaulle.” Đúng lúc đó, ông Thủ tướng biết, mặc dầu ông không muốn nói lên điều này, cách nào đội tàu đến từ Toulon đã có thể vượt eo biển Gibraltar. Chính ông đã kể lại với tôi chuyện này hai tháng sau, khi tôi trở lại Anh.

Từ Tanger, một sĩ quan tình báo Pháp, trước đó đã bí mật gia nhập Nước Pháp Tự Do, Đại úy Luizet, gửi một bức điện thư cho London và Gibraltar biết về hoạt động của các chiếc tàu của Vichy. Nhưng lời truyền đạt này đã tới khi một cuộc ném bom của máy bay Đức xuống Whitehall đã giữ mọi người dưới hầm trong nhiều giờ liền và kéo theo nhiều sự rối loạn

kéo dài trong công việc của bộ tham mưu. Việc đọc bức điện đã diễn ra quá trễ để ông bộ trưởng Hải quân có thể báo động cho đội tàu ở Gibraltar. Thật tệ hại! Trong lúc chính tùy viên hải quân của Vichy tại Madrid đã cảnh báo tùy viên của Anh và như thế, viên đô đốc tư lệnh tại Gibraltar được báo động từ hai nguồn tin khác nhau, tuyệt nhiên không có hành động nào để ngăn chặn những con tàu nguy hiểm.

Trong khi đó thái độ công khai của ông Thủ tướng đối với những người theo de Gaulle góp phần đặc lực vào việc làm yếu đi những náo động của quốc hội và báo chí. Dầu sao vụ Dakar vẫn để lại trong lòng người dân Anh một vết thương nhức nhối và trong tinh thần người Mỹ, ý tưởng rằng nếu một ngày họ phải đổ bộ lên lãnh thổ do Vichy chiếm giữ, hành động phải được tiến hành không có Nước Pháp Tự Do và người Anh.

Ngay trước mắt, trong mọi trường hợp, các bạn đồng minh Anh của chúng tôi đã kiên quyết không lặp lại chuyện này. Đô đốc Cunningham tuyên bố dứt khoát với tôi rằng ông buộc phải từ bỏ chuyện tiếp tục vụ việc bất luận cách nào. Bản thân ông chỉ có thể hộ tống tôi tới Cameroun mà thôi. Hướng nhắm tới là Douala. Ngày 8 tháng Mười, trong lúc các tàu Pháp tiến vào eo biển Wouri, các tàu Anh chào đón chúng tôi và đi mất.

Tuy nhiên thành phố vẫn hết sức nồng nhiệt khi tàu Commandant-Duboc, trên đó tôi quá giang, tiến vào hải cảng Douala. Leclerc đợi tôi tại đây. Sau khi duyệt qua các đội quân, tôi tới tòa nhà chính phủ trong lúc các đơn vị đến từ Anh đang đổ bộ. Công chức, kiều dân Pháp, thân hào nhân sĩ tại chỗ, mà tôi tiếp xúc, đều thấm đẫm nhiệt tình với đất nước. Tuy nhiên họ không chút nào quên những vấn đề đặc biệt của họ, mà vấn đề chính yếu là duy trì việc xuất khẩu các thổ sản và cho mang tới những thứ cần thiết cho cuộc sống mà ở đây không có. Nhưng trên tất cả mọi lo lắng và bất đồng, sự thống nhất tinh thần của những người thuộc phong trào Nước Pháp Tự Do – dù khi họ dẫn thân tại London hay tập hợp tại châu Phi – vẫn bộc lộ ngay tức khắc.

Sự đồng nhất bẩm sinh giữa tất cả những con người tập hợp dưới lá cờ Chữ thập Lorraine về sau sẽ trở thành một nhân tố thường hằng của chiến dịch. Dầu ở đâu và chuyện gì có thể xảy ra, từ đây có thể dự kiến chắc chắn

cách suy nghĩ và cách hành xử của “những người theo de Gaulle.” Chẳng hạn sự xúc động đầy nhiệt tình tôi vừa chứng kiến, mãi mãi tôi còn sẽ gặp lại nó, trong mọi tình huống, ngay khi đám đông xuất hiện. Tôi phải nói rằng chính điều đó đã làm nảy sinh trong tôi một tình cảm bó buộc không rời bỏ được. Cái thực tế rằng tôi, thay mặt cho các chiến hữu của tôi, là hiện thân của số phận đất nước tôi, là biểu tượng của hy vọng đối với vô số người Pháp, là khuôn mặt của một nước Pháp bất khuất giữa bao thử thách, sẽ là kim chỉ nam để tôi hành động, đồng thời cũng ấn định vào tôi một thái độ mà tôi không bao giờ có thể thay đổi được nữa. Mãi mãi đối với tôi đó là một sự bảo trợ mạnh mẽ bên trong đồng thời là một gánh nặng cực kỳ.

Lúc này đây, vấn đề là làm sống dậy và động viên toàn thể vùng xích đạo của Pháp để tham gia trận đánh châu Phi. Ý đồ của tôi là lập tại biên giới Tchad và Libye một địa bàn hoạt động vùng Sahara trong khi chờ đợi diễn biến tình hình cho phép một đạo quân Pháp chiếm Fezzan và từ đó đổ ra Địa Trung Hải. Nhưng sa mạc và những khó khăn về giao thông và tiếp liệu chỉ cho phép đưa vào đó một số ít quân lính. Vì vậy mà cùng lúc tôi muốn gửi tới Trung Đông một binh đoàn viễn chinh để nhập với quân Anh tại đây. Bởi mục tiêu xa đối với tất cả mọi người là Bắc Phi. Trong khi đó, trước tiên phải thanh toán Gabon, vùng đất lộn giữa đây thù địch. Tại Douala ngày 12 tháng Mười, tôi đưa ra những mệnh lệnh cần thiết.

Trong lúc chiến dịch khó khăn này được chuẩn bị, tôi rời Cameroun để thăm các lãnh thổ khác. Tôi tới Tchad sau một cuộc lưu lại ngắn tại Yaoundé. Cuộc đời của người lãnh đạo nước Pháp và những người cùng đi với ông ta suýt kết thúc trong chuyến đi này, bởi chiếc Potez 540 chở chúng tôi về phía Fort-Lamy đã bị hỏng máy. Nhưng trong một tình huống hiểm hoi lạ thường, chúng tôi đã tìm được cách hạ cánh giữa một đầm lầy mà không quá tổn hại.

Tôi bắt gặp ở Tchad một bầu không khí xúc động. Mỗi người đều có ý thức rằng tia sáng của lịch sử vừa chiếu xuống vùng đất khổ đau và xứng đáng này. Cố nhiên nơi đây, chuyện gì cũng đòi hỏi nhiều nghị lực phi thường mới thực hiện được, bởi bao sự lệ thuộc nặng nề về khoảng cách, về

sự đơn độc, về khí hậu, về sự thiếu phương tiện. Nhưng để bù lại, môi trường anh hùng nơi đây là nơi những hành động vĩ đại nảy sinh.

Éboué đón tôi tại Fort-Lamy. Tôi có cảm tưởng ông cho tôi thấy, một lần cho tất cả, lòng trung thành và niềm tin của mình. Cùng lúc tôi nhận thấy ông có đầu óc khá rộng rãi để bao quát những dự định lớn lao mà tôi muốn đưa ông vào. Ông đưa ra những ý kiến thật hàm súc và trung thực về những điều rủi ro và sự cố gắng. Tuy nhiên, với ông Thủ hiến, vấn đề là thực hiện một công trình giao thông rộng lớn để cho nước Tchad có thể đón nhận từ Brazzaville, từ Douala, từ Lagos, rồi đưa tới biên giới của nước Libye thuộc Ý, tất cả phương tiện và hàng tiếp liệu mà các lực lượng Nước Pháp Tự Do cần tới để điều hành một cuộc chiến hiệu lực. Đó là 6.000 cây số đường mòn mà lãnh thổ phải vạch ra bằng phương tiện của chính mình và giữ gìn để sẵn sàng. Ngoài ra, điều cần thiết là phải mở mang kinh tế đất nước hầu nuôi sống các chiến binh và những người lao động và xuất khẩu để đài thọ các chi phí. Nhiệm vụ này càng thêm phần khó khăn vì một số lớn kiều dân và công chức sẽ được điều động.

Cùng với Đại tá Marchand, Tư lệnh các đội quân của Tchad, tôi bay tới Faya và các đồn bốt tại sa mạc. Tại các nơi này tôi thấy các đội quân kiên cường nhưng thiếu thốn kinh khủng. Về đơn vị lưu động, chỉ có những đơn vị lính cưỡi lạc đà và vài phân đội xe hơi. Vì vậy mà khi tôi tuyên bố với các sĩ quan này rằng tôi tin rằng một ngày nào đó họ sẽ có thể đánh chiếm Fezzan và tới Địa Trung Hải, tôi thấy trên mặt họ hiện ra vẻ sững sờ. Với họ những cuộc đột kích của quân Đức và Ý, mà có thể họ khó đẩy lùi, có nhiều khả năng xảy ra hơn cuộc tấn công của quân Pháp với quy mô lớn như tôi đã vạch ra viễn cảnh. Vậy mà không một người nào trong bọn họ tỏ ra ngập ngừng trong tiếp tục cuộc chiến, và cờ Chữ Thập Lorraine đã được giương cao khắp nơi.

Trong khi đó, về phía tây, trên lãnh thổ Niger và các ốc đảo thuộc sa mạc Sahara, đồng chí của các sĩ quan này – cũng thiếu thốn như họ và đóng ở biên giới nước Libye – không có người chỉ huy nào dám phá bỏ những sự mê hoặc; họ sẵn sàng nhả súng bắn vào bất kỳ ai dám lên tiếng rằng sẽ lãnh đạo họ chiến đấu chống lại những kẻ thù của nước Pháp! Trong tất cả

những thử thách tinh thần mà những sai lầm tội lỗi của Vichy đặt ra cho tôi, không có thử thách nào làm tôi đau đớn bằng cảnh tượng vô bổ xuẩn ngốc đó.

Ngược lại, khi trở về Fort-Lamy tôi tìm được một niềm khích lệ đáng kể do tướng Catroux mang lại. Trong lúc ông tới London sau khi tôi lên đường đi châu Phi, những người hay tưởng tượng cho rằng người Anh sẽ cố tạo một quân chủ bài thay thế qua vị tướng kiêu mạn đã quen với những việc lớn này; trong khi đó, những người theo thời ti mẩn khó tính sẽ tự hỏi liệu ông ta có chấp nhận dưới quyền một ông thiếu tướng lữ đoàn trưởng quèn hay không. Ông đã gặp đi gặp lại Churchill và nhiều người kêu toáng lên về những cuộc trao đổi này qua đó dường như ông Thủ tướng đã gợi ý ông chiếm chỗ tôi, cố nhiên không phải để ông thử làm chuyện đó, mà với ý đồ cổ điển chia để trị. Vài ngày trước vụ Dakar, Churchill bất ngờ đánh điện cho tôi biết đã gửi Catroux tới Le Caire để hành động trong vùng Levant nơi mọi người hy vọng nảy sinh một cơ hội thuận lợi. Tôi đã phản ứng dứt khoát trước điều mà tôi cho không phải là một ý tưởng xấu mà là một sáng kiến cần sự đồng ý của tôi. Bấy giờ Churchill mới biện giải bằng những từ ngữ thỏa đáng và viện dẫn sự cấp bách.

Và rồi Catroux từ Le Caire tới. Trong bữa ăn tôi nâng ly chúc mừng vị chỉ huy vĩ đại mà từ bao giờ tôi vẫn coi như một người bạn kính mến. Ông đáp lời tôi giọng thật cao nhã và thật giản dị rằng ông tự đặt mình dưới quyền lãnh đạo của tôi. Éboué và tất cả những người tham dự đều không khỏi xúc động nhận ra rằng với Catroux, de Gaulle từ đây đã ra khỏi thang cấp bậc và được trao cho một nhiệm vụ không căn cứ theo thứ bậc. Không một ai hiểu lắm về sức nặng của tấm gương được nêu. Khi đã ấn định sứ mệnh của ông, tôi chia tay Tướng Catroux bên chiếc máy bay đưa ông trở lại Le Caire, ông lại lên đường và tôi có cảm giác ông vĩ đại thêm.

Tại Brazzaville nơi tôi tới ngày 24 tháng Mười, nhìn chung tôi thấy mọi người đều vững lòng tin như ở Douala và Fort-Lamy. Nhưng người ta vẫn ung dung nhìn ngấm mọi sự - đó là điều bình thường đối với “thủ đô.” Chính quyền, bộ tham mưu, các ban ngành, các hãng kinh doanh, các phái đoàn đều lường liệu những khó khăn mà các lãnh thổ vùng xích đạo, vốn

nghèo nhất trên toàn cõi Đế quốc, sẽ phải vượt qua để sống trong những năm cách biệt chính quốc và để cứu mang nỗ lực chiến tranh. Đúng ra vài sản phẩm của nó: dầu, cao su, gỗ, bông, cà phê, da, có thể được bán nhiều cho người Anh và người Mỹ; nhưng bởi ở đây không có nhà máy cũng không có sản phẩm về mỏ ngoại trừ một ít vàng, tổng sản lượng xuất khẩu không giúp cân bằng được tất cả những gì cần mua ở nước ngoài.

Để giúp Larminat trong lĩnh vực này, tôi chỉ định Plevin làm Tổng Thư ký. Sau khi cho guồng máy chạy đều, ông này sẽ đi London và Washington, để giải quyết các vấn đề nợ nần và chi trả. Các khả năng của ông, được thẩm quyền của Larminat ủng hộ, đã tỏ ra thật hiệu quả. Các quan chức hành chính, chủ đồn điền, người chuyên chở, tất cả đều thấy còn phải tốn nhiều công sức và điều này không bỏ công, và họ đã mở đầu thời kỳ hoạt động sôi nổi này, ngay trong chiến tranh, sẽ biến đổi sâu sắc cuộc sống các lãnh thổ xích đạo. Chuyển đi vào cuối tháng Mười tới Oubangui nơi ông Thủ hiến Saint-Marc đã đón tôi, rồi chuyển đi đưa tôi tới Pointe-Noire dưới quyền của Daguin, giúp tôi tạo ra tại chỗ sự thôi thúc mà mọi người vẫn mong đợi.

Cuối cùng, ngày 27 tháng Mười, tôi tới Léopoldville nơi chính quyền, quân đội, dân chúng cũng như những người Pháp cư ngụ tại Congo thuộc Bỉ, đã dành cho tôi một cuộc tiếp rước thật cảm động. Ông Toàn quyền Ryckmans, cũng bị đoạn lìa với tổ quốc, nhưng vẫn mong nước mình tham gia cuộc chiến và dành trọn cảm tình cho Nước Pháp Tự do. Và chẳng Nước Pháp Tự Do vẫn bảo vệ Congo thuộc Bỉ chống lại tinh thần đầu hàng đã suýt lung lạc được nó từ miền bắc. Ryckmans phải duy trì tới cùng những mối quan hệ chặt chẽ với người láng giềng thuộc Pháp ở bên kia bờ sông Congo. Người ta có thể ghi nhận tình hình tương tự đối với các bạn đồng sự người Anh của họ: Bourdillon ở Nigeria và Huddleston ở Soudan. Thay vì những cạnh tranh và mảnh khoe mới đây đã đặt những người láng giềng đối lập với nhau, giữa Lagos, Douala, Brazzaville, Léopoldville, Khartoum giờ đây đã có một tình đoàn kết riêng tư giữa các vị thủ hiến với sức nặng đáng kể trong nỗ lực chiến tranh và trật tự tốt đẹp của châu Phi.

Trong khi đó mọi việc đều đã sẵn sàng để kết thúc vụ Gabon. Trước khi tôi tới Douala, Larminat đã chuẩn bị những bước đầu tiên. Theo lệnh của Thiếu tá Parant, vài đơn vị được trích ra trên đất Congo đã tiến tới Lambaréné, bên bờ sông Ogooué. Nhưng họ đã bị các lực lượng của Vichy chặn lại. Cùng lúc, một đạo quân nhỏ, được gửi từ Cameroun tới và do Đại úy Dio chỉ huy, đã bao vây đồn Mitzie. Tại Lambaréné và Mitzie, những người theo de Gaulle và những người theo Vichy đã xả súng cũng như tranh cãi với nhau. Đôi khi, một máy bay Glenn-Mantis từ Libreville tới ném xuống người của chúng tôi vài trái bom và nhiều tờ truyền đơn. Những cuộc chiến dai dẳng và nhức nhối này không mang lại giải pháp.

Ngay khi tới, tôi đã quyết định cho đánh chiếm trực tiếp Libreville và đã ngưng kế hoạch hành động. Điều không may là không ai ngờ các lực lượng của chúng tôi sẽ gặp một cuộc kháng cự quyết liệt. Được chuyển tới Libreville, Tướng Têtu có trong tay bốn tiểu đoàn, nhiều pháo, bốn máy bay ném bom hiện đại, tàu hộ tống Bougainville và tàu ngầm Poncelet. Ông đã động viên một số kiều dân. Mặt khác, nhiệm vụ ông nhận được buộc ông phải chiến đấu. Để ông không nhận được tiếp viện, tôi đã phải yêu cầu ông Churchill báo cho Vichy biết rằng nếu có dịp thì đoàn tàu Anh sẽ chống lại chuyện đó. Tiếp theo bức điện của tôi, Tướng Cunningham đã tới gặp tôi tại Douala. Chúng tôi đã thỏa thuận với nhau là tàu của ông sẽ không trực tiếp tham gia chiến dịch Libreville nhưng chúng sẽ có mặt ngoài khơi để ngăn chặn người của Dakar lại gửi tới đây tàu tuần tra của họ nếu tình cờ họ có ý định đó. Về phía chúng tôi, chúng tôi trù liệu vụ việc với tâm trạng nặng nề và giữa sự đồng ý chung, tôi thông báo rằng sẽ không có cuộc tuyên dương nào trong cơ hội khốn khó này.

Ngày 27 tháng Mười, đồn Mitzie bị đánh chiếm. Ngày 5 tháng Mười một, quân đồn trú ở Lambaréné hạ vũ khí. Ngay lúc đó, những chiếc tàu chở đạo quân rời Douala hướng tới Libreville. Leclerc chỉ huy toàn bộ; Koenig đứng đầu các đội quân trên bộ, một tiểu đoàn lê dương; một tiểu đoàn thuộc địa hỗn hợp: người Sénégal và kiều dân tại Cameroun. Cuộc đổ bộ diễn ra tại mũi Mondah trong đêm 8 tháng Mười một và nhiều trận đánh khá ác liệt nổ ra ngày 9 tại các vùng phụ cận thành phố. Cùng ngày, dưới

quyền chỉ huy của Thiếu tá de Marmier, nhiều máy bay Lysander mà chúng tôi đã đưa từ Anh tới trong thùng và đã được lắp ráp vội vàng tại Douala, đã bay trên địa bàn và thả xuống vài trái bom. Đúng lúc bấy giờ, d'Argenlieu trên tàu Savorgnan de Brazza, tiếp nối có tàu Commandant Dominé, tiến vào vũng tàu nơi tàu Bougainville hiện diện. Bất chấp những thông điệp thân thiện được người của chúng tôi lặp lại nhiều lần, tàu Bougainville bắt đầu nổ súng. Sự đáp trả của tàu Brazza làm cho con tàu chống đối này bốc cháy. Trong lúc đó, đội quân lê dương đánh tan ổ kháng cự của các đơn vị Vichy tại phi trường. D'Argenlieu đã cho gửi tới tướng Têtu một thông điệp yêu cầu ông này ngừng chiến đấu và cuộc đầu hàng được ký kết. Koenig chiếm đóng Libreville. Parant, người được tôi chỉ định làm Thủ hiến Gabon, bắt đầu đảm nhận nhiệm vụ. Số người chết, than ôi, lên tới 20 người.

Ngày hôm trước, tàu ngầm Poncelet khi rời Port-Gentil và gặp ngoài khơi một trong những chiếc tàu tuần tra của Cunningham, đã phóng vào nó một trái ngư lôi. Bị trúng đạn của tàu tuần tra, chiếc tàu ngầm nổi lên và trong lúc đoàn thủy thủ được quân Anh đón về, Thiếu tá thuyền trưởng Saussine đã đục thủng tàu và dùng cảm chìm theo tàu.

Còn lại việc đánh chiếm Port-Gentil. Điều này đã được thực hiện ngày 12 tháng Mười một sau những cuộc thương lượng lâu dài nhưng không có sự chống trả. Nạn nhân duy nhất của chiến dịch cuối cùng này là Thủ hiến Masson; ông này sau khi đưa Gabon gia nhập chúng tôi vào tháng Tám, đã thay đổi quyết định sau đó. Sau khi Libreville bị chiếm, con người đáng thương này vì thất vọng do những sai lầm và hậu quả của sự việc trên nên đã lên tàu Brazza tới Port-Gentil cùng với Đại tá Crochu, Tham mưu trưởng của Têtu. Mục đích của họ là yêu cầu quan chức và quân đội đồn trú nơi đây đừng dấn thân vào một cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Cuộc vận động này đã góp phần ngăn ngừa nổi bất hạnh. Nhưng, cạn kiệt vì những thử thách cân não mà ông đã trải qua, Masson đã treo cổ trong cabin của mình trong chuyến vượt biển trở về.

Tôi tới Libreville ngày 15, Port-Gentil ngày 16 tháng Mười một. Tình cảm nổi trội trong dân chúng là sự mãn nguyện vừa ra khỏi một tình huống

phi lý. Tại bệnh viện, tôi thăm những người bị thương của hai phía được chăm sóc sát bên nhau. Rồi tôi gặp các cấp chỉ huy các đơn vị của Vichy. Vài đơn vị gia nhập Nước Pháp Tự Do. Hầu hết được chỉ huy yêu cầu “vẫn trung thành với ngài Thống chế” nên mong được giam giữ. Để tiếp tục phục vụ, họ chờ đợi được trở về từ Bắc Phi trong chiến tranh và, ngay từ đó, như bao người khác, đã anh dũng chu toàn nhiệm vụ của họ. Têtu được giao cho các cha dòng Saint-Esprit cưu mang và sau đó chuyển tới bệnh viện Brazzaville. Từ đó, năm 1943 ông cũng lên đường đi Alger.

Các đài phát thanh Dakar, Vichy và Paris tuôn ra những lời chửi rủa điên cuồng sau khi đã hò hét thắng lợi một cách quá đáng vài tuần lễ trước đây. Tôi bị cáo buộc là đã ném bom, đốt cháy và cướp phá Libreville, thậm chí bắn hạ các nhân vật tai mắt mà bắt đầu là vị giám mục, Đức ông Tardy. Dường như bằng cách tạo ra những điều dối trá như thế, người của Vichy muốn che giấu điều ô nhục nào đó. Trong lúc xảy ra vụ Dakar, họ đã bắt ba phi công Pháp tự do không vũ khí được đặt trên đất Ouakam, rồi Boislambert, Bissagnet, và Kaouza – những người đã được tôi bí mật gửi vào thành phố – với bác sĩ Brunel, để loan truyền những lời tốt đẹp. Chỉ có Brunel trong số những “nhà truyền giáo” đó, sau các biến cố, có thể trở lại Gambie thuộc Anh. Những lời cáo buộc của Dakar khiến tôi nghĩ rằng có lẽ người ta muốn trả thù trên con người tù binh. Bởi đã cho đề nghị với Boisson, trong sự kín đáo cố tình, trao đổi những người này với Têtu và các sĩ quan của ông ta, các làn sóng phát thanh từ Dakar đã công bố ngay lúc ấy cuộc vận động của tôi với nhiều lời lăng nhục và dọa dẫm. Lúc đó tôi mới báo cho ông cao ủy của Vichy biết rằng tôi đang có trong tay những người bạn của họ đủ để bảo đảm cho những người bạn của Nước Pháp Tự Do mà ông ta đang nhốt trong tù. Đài phát thanh đối phương tức thì hạ giọng.

Vả chăng, nhiều dấu hiệu cho thấy các biến cố đã làm cho nhà cầm quyền Vichy bối rối ra sao. Nỗ lực khoan khoái đón hèn mang lại từ cuộc đình chiến đã tan biến nhanh chóng. Trái với điều mới đây họ đã đoán trước để biện minh cho sự đầu hàng của họ, quân thù đã không thôn tính được nước Anh. Mặt khác, sự kiện nhiều nước thuộc địa theo de Gaulle, rồi vụ việc Dakar, cuối cùng vụ việc Gabon, cho thấy nếu Nước Pháp Tự Do biết sử

dụng đài phát thanh thì họ hoàn toàn là một cái gì khác với “một nhóm lính đánh thuê tập hợp quanh một cái micro.” Chính vì thế mà người ta bắt đầu thoáng thấy tại Pháp một phương sách cứu vãn đúng nghĩa của Pháp, trong khi người Đức buộc phải tính đến những khó khăn chồng chất mà cuộc kháng chiến gây ra cho họ. Ở tận cùng châu Phi tôi nhận ra tình hình này đã tác động mạnh lên thái độ những con người ở Vichy.

Sau vụ việc Dakar, trước tiên họ đã phản ứng bằng bạo lực. Nhiều máy bay của Maroc ném bom xuống Gibraltar. Nhưng ngay sau đó người ta cố xoa dịu. Nhiều bức điện của các ông Churchill và Eden thông báo với tôi về những cuộc trao đổi khai diễn ngày 1 tháng Mười tại Madrid giữa ông Đại sứ de la Baume và người đồng sự phía Anh là ngài Samuel Hoare. Vấn đề là được người Anh thuận để các tàu hàng từ châu Phi ghé qua Pháp với sự bảo đảm quân Đức sẽ không chiếm lấy chúng. Nhưng ngoài ra ông de la Baume còn tuyên bố thay cho Baudouin, rằng: “Nếu kẻ thù chiếm các loại thực phẩm này, chính phủ sẽ chuyển tới Bắc Phi và nước Pháp sẽ tiếp tục cuộc chiến bên cạnh vương quốc Anh.”

Trong khi vẫn ghi nhận sự rối loạn thể hiện trong những lời tuyên bố như thế, tôi đã khuyên người Anh nên đề phòng. Người ta không thấy chính xác bằng cách nào những con người đã tự họ đặt đất nước dưới luật lệ của kẻ thù và lên án những ai muốn chiến đấu, lại có thể bất ngờ trở thành những người kháng chiến vô địch bởi vì quân xâm lược lấy đi mớ thực phẩm thêm vào số thực phẩm họ vẫn lấy mỗi ngày. Thật vậy, mặc dầu những cố gắng của chính phủ London để động viên Vichy trong những ý tốt thoáng qua của họ, mặc dầu những thông điệp riêng của Nhà vua Anh và của Tổng thống Hoa Kỳ gửi cho ông Thống chế, mặc dầu những cuộc tiếp xúc của người Anh với Weygand, giờ đây đã chuyển tới Alger, và với Noguès, vẫn ở Maroc, người ta sớm thấy, dưới áp lực của người Đức, mọi ảo tưởng đều tan biến. Ngày 24 tháng mười, cuộc gặp gỡ giữa Pétain và Hitler diễn ra tại Montoire. Cuộc hợp tác của Vichy với quân thù đã được chính thức công bố. Cuối cùng, trong những ngày đầu của tháng Mười một, Vichy kết thúc các cuộc đàm phán tại Madrid.

Từ đây, nhiều lý do hiển nhiên buộc tôi phải chối bỏ, một lần cho tất cả, thậm chí quyền hợp pháp của các nhà cầm quyền Vichy và tự đặt mình trong vai trò người quản lý các lợi ích của nước Pháp, sử dụng các quyền hạn của một chính phủ trên các lãnh thổ giải phóng. Với tư cách là người bảo vệ và người trong cuộc, tôi xin trao nền Cộng hòa cho chính quyền lâm thời này và tuyên bố sự tuân thủ và trách nhiệm của mình trước nhân dân, và long trọng cam kết sẽ báo cáo đầy đủ ngay khi nhân dân giành lại tự do. Trên đất Pháp, ngày 27 tháng Mười tôi xác định tư thế quốc gia và quốc tế này bằng một tuyên ngôn, hai quyết định và một tuyên bố về tổ chức mà toàn bộ sẽ tạo thành hiến chương hành động của tôi. Tôi nghĩ mình đã không xao lãng trong chuyện này cho tới năm năm sau, ngày tôi trao lại cho quyền đại diện đất nước những quyền hạn mà tôi đã cáng đáng. Mặt khác, tôi lập ra hội đồng quốc phòng của Đế quốc để giúp tôi ý kiến, và tôi đã đưa vào đó, trước tiên, Catroux, Muselier, Cassin Larminat, Sicé, Sautot, d'Argenlieu và Leclerc. Cuối cùng, tôi quyết định một lần cho tất cả, bằng một thông điệp gửi tới chính phủ Anh ngày 5 tháng Mười một, thái độ mà Nước Pháp Tự Do tỏ rõ, và mong được thấy các nước đồng minh cũng tỏ rõ thái độ này đối với chính phủ Vichy cũng như với những ông thái thú của chính phủ này như Weygand hoặc Noguès mà lắm người lạc quan ngoan cố vẫn tin có ngày họ sẽ chuyển sang hành động chống lại kẻ thù.

Tóm lại, nếu chiến dịch châu Phi của chúng tôi không đạt được mọi mục tiêu mà nó nhắm tới, thì ít ra nền tảng nỗ lực chiến tranh của chúng tôi cũng đã được thiết lập vững chắc, từ Sahara tới Congo và từ Đại Tây Dương tới lưu vực sông Nil. Trong những ngày đầu của tháng mười Một, tôi sắp đặt trụ sở bộ chỉ huy để điều khiển hoạt động tại đây. Được bổ nhiệm làm Toàn quyền tại châu Phi xích đạo thuộc Pháp, Éboué chuyển đến Brazzaville cùng Marchand trên cương vị Tư lệnh các đội quân. Lapie được gọi từ London, trở thành Thủ hiến Tchad và quan chức hành chính Cournaire, Thủ hiến Cameroun nơi ông thay cho Leclerc. Mặc dầu vẫn mong muốn tiếp tục tại Douala những gì ông đã bắt đầu, Leclerc được gửi tới Tchad để chỉ huy các hoạt động tại Sahara nơi ông biết tới vinh quang

qua những kinh nghiệm nghiệt ngã và cảm động. Cuối cùng Larminat, Cao ủy, với quyền hạn dân sự và quân sự, phải nắm toàn bộ.

Trước khi lên đường đi London, tôi quyết định với ông kế hoạch hành động cho những tháng sắp tới. Vấn đề là một mặt tổ chức những cuộc đột kích cơ giới hóa bằng không quân đầu tiên chống lại Mourzouk Koufra. Mặt khác, cần phải gửi tới E'rythre'e một lữ đoàn hỗn hợp và một nhóm máy bay ném bom để tham gia vào các trận đánh chống lại quân Ý. Cuộc viễn chinh này sẽ mở đầu cho cuộc can thiệp của Pháp trong chiến dịch Trung Đông. Nhưng cũng cần phải tuyển mộ, đưa cán bộ chỉ huy tới, vũ trang các đơn vị sẽ dần dần tăng cường các đội tiền quân này, tại Sahara cũng như trên sông Nil. Người ta không thể tưởng tượng nổi trên những vùng đất bao la của Trung Phi dưới khí hậu nhiệt đới bao khó khăn và nỗ lực trong động viên, hướng dẫn, trang bị, chuyển vận các lực lượng mà chúng tôi muốn thành lập và gửi đi chiến đấu ở những nơi xa lắc. Người ta cũng không thể lường được những hoạt động kỳ diệu mà mọi người sẽ mang tới.

Ngày 17 tháng Mười một tôi rời châu Phi thuộc Pháp để đi Anh, qua Lagos, Freetown, Bathurst và Gibraltar. Trong lúc máy bay lướt trên đại dương dưới cơn mưa mùa thu, tôi nghĩ đến những bước ngoặt khủng khiếp mà từ đây, trong cuộc chiến tranh kỳ lạ này, những người Pháp chiến đấu phải trải qua để gặp quân Đức và quân Ý. Tôi lường liệu những chướng ngại vật chặn đường họ và, than ôi! Những chướng ngại vật lớn nhất với họ lại là những chướng ngại vật do chính các đồng bào người Pháp đặt ra. Nhưng cùng lúc tôi lấy làm khích lệ khi nghĩ tới nhiệt tình mà sự nghiệp dân tộc gọi ra cho những con người tự nhận thấy họ tự do khi phục vụ nó. Tôi nghĩ tới sự phấn khích của họ trong cuộc phiêu lưu tới muôn nẻo trên trái đất. Dù thực tại có nghiệt ngã tới đâu, có thể tôi vẫn chế ngự được nó bởi tôi có thể, nói theo Chateaubriand, “đưa người Pháp tới đó qua những giấc mơ.”

CHƯƠNG 5

LONDON

Tại London, vào đầu mùa đông này, sương mù giăng kín khắp nơi. Tôi thấy người Anh căng thẳng và muộn phiền. Cố nhiên họ vẫn tự hào nghĩ rằng họ vừa thắng trận đánh trên không và hiểm họa xâm lược đã lùi xa. Nhưng trong lúc họ đang dọn dẹp những đồng đồ nát thì nhiều mối lo sợ khác trút xuống họ và những đồng minh đáng thương của họ.

Cuộc chiến trên biển đang hồi ác liệt. Với một sự lo lắng ngày một gia tăng, người dân Anh trông thấy tàu ngầm, máy bay, những cuộc không tập của quân Đức phá hủy những chiếc tàu có tầm quan trọng quyết định tới tiến trình cuộc chiến và cho tới tỉ lệ khẩu phần. Với các ông bộ trưởng và các cơ quan chỉ có vấn đề chuyển vận hàng hải. Trọng tải trở thành một ám ảnh, một bạo chúa chế ngự tất cả. Đời sống, vinh quang của nước Anh, diễn ra mỗi ngày trên mặt biển.

Tại Trung Đông đã bắt đầu những hoạt động tích cực. Vậy mà sau khi Vichy rút lui, các đoàn xe chậm chạp của Anh không thể tới được Địa Trung Hải. Các đội quân và phương tiện mà London gửi tới Ai Cập phải qua Cap theo con đường biển dài bằng một nửa trái đất. Những gì được gửi tới đó, từ Ấn Độ, Úc Châu, Tân Tây Lan, cũng chỉ tới được sau những chuyến vượt biển dài đến bất tận. Mặt khác khối lượng chất liệu, thiết bị chiến tranh, hàng tiếp liệu – 60 triệu tấn năm 1941 – mà nước Anh nhập cho công nghiệp, quân đội, dân cư, cũng chỉ có thể đến từ những phương trời xa xôi của châu Mỹ, châu Phi hoặc châu Á. Việc này đòi hỏi một trọng tải khổng lồ ngoằn ngoèo vượt biển trên những khoảng cách mênh mông,

tới những cửa khẩu của sông Mersey và sông Clyde và đòi hỏi những đoàn hộ tống hùng hậu.

Người Anh càng nặng lo vì không thấy triển vọng lạc quan mở ra từ phía nào cả. Trái với điều mà nhiều người Anh vẫn hy vọng, việc các thành phố của họ bị ném bom và chiến thắng của Không quân Hoàng gia không thuyết phục được nước Mỹ tham chiến chút nào. Quả thật là tại Hoa Kỳ, dư luận vẫn thù nghịch với Hitler và Mussolini. Ngay khi tái đắc cử ngày 5 tháng Mười một, bằng những cuộc vận động ngoại giao và những lời tuyên bố công khai, Tổng thống Roosevelt đã bộc lộ rõ cố gắng lôi kéo nước Mỹ can thiệp. Nhưng thái độ chính thức của Washington vẫn là trung lập, và chẳng đó cũng là điều áp đặt của luật pháp. Trong mùa đông u ám này, người Anh lại phải trả bằng vàng và ngoại hối các thứ mua của Mỹ. Thậm chí mọi sự cộng tác gián tiếp mà sự khôn khéo tỉ mỉ của ông Tổng thống mang đến cho họ là đối tượng bài xích tại quốc hội và trên báo chí. Tóm lại, theo nhịp những cuộc chi trả cho những nhu cầu của họ, người Anh thấy đã tới gần cái lúc mà vì không có sẵn tiền của, họ sẽ không nhận được những thứ cần thiết để chiến đấu nữa.

Về phía nước Nga không một vết nứt rạn nào xuất hiện trong quan hệ mua bán với nước Đức Quốc xã. Trái lại sau chuyến đi của Molotov tới Berlin, một thỏa hiệp thương mại Đức-Nga, ký kết vào tháng Giêng, sẽ yểm trợ mạnh mẽ việc tiếp tế của nước Đức. Mặt khác, vào tháng Mười 1940, nước Nhật đã ký hiệp ước tay ba công bố tình đoàn kết đầy đe dọa của họ với Berlin và Rome. Cùng lúc, sự thống nhất châu Âu dưới quyền bá chủ của Đức dường như đang hình thành. Hungary, Rumania và Slovakia gia nhập phe Trục vào tháng Mười một. Franco gặp Hitler tại Saint-Sébastien và Mussolini tại Bordighera. Cuối cùng, không còn khả năng thậm chí duy trì nền hòa bình tưởng tượng mà cuộc đình chiến đã dành cho, Vichy bắt đầu chuyển sang cộng tác tích cực với quân xâm lược.

Nếu bên ngoài, chân trời tăm tối thì bên trong, những tổn phí thật nặng nề làm cho người dân Anh phải khốn đốn. Hưởng ứng lời động viên, 20 triệu người đã tham gia vào quân đội, nhà máy, đồng ruộng, công sở, và cuộc phòng thủ thụ động. Hoạt động tiêu dùng của người dân bị hạn chế rất

nhiều, kết hợp với sự nghiêm khắc cực kỳ của các tòa án đã khiến người dân chuyển sang buôn bán và tiêu thụ hàng hóa tại các khu chợ đen. Mặt khác, hoạt động không quân của quân thù không còn nhằm vào những kết quả quyết định nhưng không vì thế mà giảm sút, vẫn quấy rối các hải cảng, cơ sở công nghiệp, đường sắt, bất ngờ càn quét Coventry, thành phố London, Portsmouth, Southampton, Liverpool, Glasgow, Swansea, Hull, v.v..., đặt dân chúng trong tình trạng báo động trong nhiều đêm liền, làm kiệt sức nhân sự bảo vệ và phòng thủ, buộc đông đảo người nghèo phải rời giường ngủ để rút vào hầm, vào nơi trú ẩn – tại London họ có thể còn phải trú ẩn trong các trạm xe điện ngầm. Vào cuối năm 1940 này, bị vây hãm trên hòn đảo của họ, người Anh cảm thấy đang sống trong một đường hầm đen tối nhất.

Bởi người Anh phải chịu đựng quá nhiều thử thách nên các mối quan hệ của chúng tôi với họ không dễ dàng chút nào. Tập trung vào những mối lo lắng của họ, họ thấy những vấn đề đặc biệt của chúng tôi có vẻ không hợp thời. Ngoài ra họ càng có xu hướng thu hút chúng tôi thì chúng tôi càng làm cho công việc của họ thêm rắc rối. Quả thật về mặt chính quyền cũng như về mặt chính trị, họ thấy thuận lợi hơn khi xem Nước Pháp Tự Do là thành phần sáp nhập vào các lực lượng và ban ngành của Anh hơn là những đồng minh đầy tham vọng và yêu sách. Vả chăng trong giai đoạn cuộc chiến đã ổn định và mặt khác, khi sự thiếu thốn trở nên trầm trọng, trong các giới lãnh đạo tại London, người ta không quá thiên về sự thay đổi hay quyết định dứt khoát. Giữa những vấn đề cấp bách và nan giải, các bộ tham mưu và các bộ trong chính phủ cố nhiên thi hành chế độ các vấn đề bỏ lửng và các cuộc xung đột quyền hạn, trong khi chính phủ, luôn bị quốc hội và báo chí chỉ trích, hầu như không thể nhất trí đưa ra quyết định. Một hôm, Churchill bảo tôi:

Ông biết thế nào là một liên minh rồi đấy. Nội các Anh cũng là một liên minh.

Trong khi đó, Nước Pháp Tự Do lại đang thiếu, và thiếu khẩn cấp, tất cả mọi thứ. Sau những ứng biến vào mùa hè và mùa thu, trong khi chờ đợi những chiến dịch mới mà tôi đã quyết định sẽ thực hiện vào mùa xuân, tình

thế buộc chúng tôi phải nhận những điều cần thiết từ người Anh trong khi vẫn duy trì một sự độc lập kiên quyết đối với họ. Tình trạng này dễ đưa tới những xích mích.

Điều này càng đúng hơn nữa khi tính cách di động và hỗn hợp của tổ chức chúng tôi, ở khía cạnh nào đó, đã khiến người Anh cảm thấy có lý do để thận trọng, nhưng đồng thời nó cũng tạo điều kiện dễ dàng cho những sự can thiệp của họ. Điều không tránh khỏi là Nước Pháp Tự Do vốn được tuyển mộ vội vã, từng người một, không thể tìm ra ngay sự quân bình nội tại của họ. Tại London, từng phạm trù: quân đội, hải quân, không quân, tài chính, ngoại giao, chính quyền thuộc địa, thông tin, các mối liên hệ với nước Pháp, tất cả đều hình thành và vận hành trong khát vọng hoàn thiện. Nhưng kinh nghiệm và sự kết hợp chặt chẽ lại thiếu trầm trọng. Ngoài ra tinh thần liêu lĩnh của một số người, hoặc đơn giản sự không đủ khả năng để khép mình vào những quy luật và bó buộc của một công sở gây nhiều trục trặc cho guồng máy. Chính vì vậy mà trong thời gian tôi lưu lại châu Phi, André Labarthe đã rời tổ chức của chúng tôi và Đô đốc Muselier đã va chạm với các ban ngành khác. Tại Carlton Garden, nhiều cuộc xung đột về con người và bi hài kịch bàn giấy gây căm phẫn cho những người tình nguyện và lo ngại cho các đồng minh.

Ngay khi trở về vào cuối tháng Mười một, tôi đã bắt đầu đặt định lại người và việc. Nhưng vừa mới khởi sự việc tái tổ chức này, tôi đã phải đương đầu với một sai lầm thô bạo của chính phủ Anh, bản thân họ cũng bị cục tình báo làm lạc hướng.

Thật vậy, cơn sốt bao trùm bấy giờ đang tác động nước Anh, làm nảy sinh tại đây nhiều tổ chức tình báo và an ninh. Tình báo đối với người Anh là một đam mê đồng thời là một cơ quan, cố nhiên họ không quên hướng ăng-ten về phía Nước Pháp Tự Do. Họ sử dụng cùng lúc những con người rất khôn ngoan và những người khác không được như thế. Tóm lại, theo sự xúi giục của một vài nhân viên khó ưa, chính phủ Anh bất ngờ bắt Nước Pháp Tự Do phải chịu một vết thương suýt trở thành tệ hại.

Buổi chiều ngày 1 tháng Giêng, khi tôi đang có mặt tại vùng Shropshire bên những người của tôi, ông Eden cho chuyển lời yêu cầu tôi

đến gặp ông gấp tại văn phòng Bộ Ngoại giao, nơi ông vừa thay Huân tước Halifax, người được bổ nhiệm làm Đại sứ tại Mỹ. Tôi tới thẳng nơi đây vào sáng ngày hôm sau. Eden tỏ vẻ xúc động mạnh khi đón tiếp tôi. Ông nói:

Điều thảm hại đã xảy ra. Tôi vừa có chứng cứ là Đô đốc Muselier đã bí mật quan hệ với Vichy. Ông ta đã cố chuyển tới Darlan kế hoạch cuộc viễn chinh tới Dakar trong lúc nó đang được chuẩn bị và dự trữ giao nộp tàu Surcouf cho Vichy. Ngay khi được thông tin, Thủ tướng đã ra lệnh bắt giữ ông ta. Ông đã được nội các Anh tán thành. Vậy là Muselier đang bị giam giữ. Chúng tôi biết câu chuyện khủng khiếp này sẽ gây cho các ngài và cho chúng tôi ấn tượng gì. Nhưng chúng tôi không thể không hành động cấp bách.

Bấy giờ ông Eden đưa ra cho tôi xem những tài liệu làm cơ sở cho lời cáo buộc trên. Đó là những ghi nhận được đánh máy với tiêu đề và dấu của tòa lãnh sự Pháp tại London – luôn luôn vẫn được chiếm giữ bởi một viên chức của Vichy – dường như mang chữ ký của Tướng Rozoy, mới đây là trưởng phái đoàn không quân và vừa hồi hương. Những ghi nhận này bao gồm những tin tức gọi là được cung cấp bởi Đô đốc Muselier tại Rosny. Ông này coi như đã chuyển chúng tới một đoàn đại diện Nam Mỹ tại London, từ đây hẳn chúng đã tới Vichy. Nhưng theo ông Eden, trên đường đi các nhân viên thành thạo của cục Tình báo đã chặn những tài liệu này. Ông nói thêm:

Sau một cuộc điều tra tỉ mỉ, than ôi, chính quyền Anh phải nhìn nhận tính xác thực của chúng!

Dù bàng hoàng, tôi vẫn có cảm giác ngay tức khắc rằng “cà phê thật sự quá mạnh” và đây chỉ có thể là một sai lầm trầm trọng phát xuất từ một âm mưu. Tôi thẳng thừng tuyên bố điều này với ông Eden và nói với ông rằng tôi sẽ đích thân xem xét vụ việc, và trong khi chờ đợi, tôi tỏ ra dè dặt về câu chuyện lạ thường này.

Tuy nhiên, vì trước tiên không tưởng tượng nổi vụ việc có thể được dàn dựng dưới sự che chở của một cơ quan Anh, tôi quy trách nhiệm cho Vichy. Biết đâu những kẻ trung thành với họ đã chế tạo và để lại trên nước

Anh trái bom nổ chậm này! Sau 48 tiếng đồng hồ thẩm tra và suy nghĩ, tôi tới gặp ông Bộ trưởng Anh và tuyên bố với ông ta như thế này:

Các tài liệu đều cực kỳ khả nghi, xét về bối cảnh cũng như về nguồn gốc giả định của chúng. Dầu sao, đây không phải là chứng cứ! Không gì biện minh việc bắt giữ có tính lãng nhục một Phó Đô đốc Pháp. Hơn nữa, ông ấy đã không có cơ hội giải trình. Chính tôi cũng không gặp được ông ấy. Tất cả điều này không thể biện bạch được. Bây giờ điều tối thiểu là Đô đốc Muselier phải ra khỏi nhà tù và được đối xử xứng đáng cho tới khi câu chuyện mờ ám này được sáng tỏ.

Ông Eden tỏ ra lúng túng nhưng vẫn không đáp lại yêu cầu của tôi và nại ra rằng đây là một cuộc điều tra nghiêm túc của các cơ quan Anh. Bằng một bức thư rồi một đơn trình bày, tôi xác nhận sự phản đối của mình. Tôi đến thăm ngài Đô đốc Dudeley Pound, Bộ trưởng Hải quân. Tôi đề cập tới các quy tắc hành xử quốc tế của các đô đốc và mời gọi ông can thiệp vào cuộc tranh cãi làm ô danh một trong những người đồng nhiệm của ông. Tiếp theo những cuộc vận động của tôi, thái độ của các nhà cầm quyền Anh phần nào chuyển động. Nhờ vậy mà đúng theo sự đòi hỏi của mình, tôi được đi thăm Muselier tại Scotland Yard, không phải trong một xà lim mà trong một văn phòng, không lính gác và không nhân chứng, để cho mọi người thấy và để nói với chính ông rằng tôi bác bỏ sự quy tội mà ông là nạn nhân. Cuối cùng, nhiều dấu hiệu cho tôi thấy chính hai kẻ được đưa vào ban an ninh của chúng tôi trong lúc tôi đang ở châu Phi, dưới lớp quân phục Pháp nhưng theo sự khẩn khoản của người Anh, đã làm ăn bất chính trong vụ việc. Tôi cho gọi họ tới và trước sự hốt hoảng của họ, tôi tin rằng đây đúng là một “chuyện tình báo.”

Với tướng Spears mà tôi triệu tới ngày 8 tháng Giêng, tôi chính thức xác nhận sự tin chắc của tôi. Tôi tuyên bố với ông rằng tôi cho chính phủ Anh 24 tiếng đồng hồ để thả ông Đô đốc và phục hồi danh dự cho ông, nếu không mọi quan hệ sẽ cắt đứt giữa Nước Pháp Tự Do và Vương quốc Anh dù hậu quả thế nào. Ngay trong ngày, Spears ngượng ngùng tới nói tôi rằng sai lầm đã được thừa nhận, rằng “tài liệu” chỉ là tài liệu giả mạo, rằng những kẻ có tội đã thú nhận, và Muselier đã ra khỏi nhà tù. Ngày hôm sau,

ông Bộ trưởng Tư pháp tới thăm tôi, cho tôi biết các cuộc truy tố đã mở ra chống lại các tác giả của âm mưu, đặc biệt nhiều sĩ quan Anh, và yêu cầu tôi chỉ định một người để nhân danh Nước Pháp Tự Do theo dõi cuộc điều tra và vụ án; và tôi đã thực hiện như vậy. Buổi chiều, tại phố Downing, các ông Churchill và Eden cố nhiên khá phật ý, bộc lộ với tôi những lời xin lỗi của chính phủ Anh và hứa sẽ sửa chữa sai lầm vì đã xúc phạm ông Muselier. Tôi cần phải nói rằng lời hứa này đã được giữ. Thậm chí sự thay đổi thái độ tương trợ của người Anh và Đô đốc Muselier tỏ ra trọn vẹn đến độ quá đáng như chúng ta sẽ thấy sau đó.

Tôi không giấu vạ rắc rối thảm hại kia đã làm nổi rõ những gì luôn luôn bấp bênh trong hoàn cảnh của chúng tôi đối với các đồng minh, đồng thời không khỏi ảnh hưởng tới triết lý của tôi về các mối liên hệ đích thực của chúng tôi với nước Anh. Tuy nhiên, trước mắt, hậu quả của cái xấu không hoàn toàn tệ hại. Bởi người Anh đương nhiên muốn đền bù cho sai lầm của họ và đã tỏ ra sẵn sàng hơn trong việc giải quyết với chúng tôi những vấn đề còn bỏ lửng.

Do đó mà ngày 15 tháng Giêng tôi ký với ông Eden một hiệp định về “quyền xét xử” liên quan tới Nước Pháp Tự Do trên lãnh thổ Anh và đặc biệt những quyền hạn của tòa án chúng tôi “đúng theo quân pháp quốc gia.” Mặt khác, chúng tôi có thể tiến hành với Sở Ngân khố Anh những cuộc thương lượng liên quan tới một hiệp định về tài chánh, kinh tế và tiền tệ. Cassin, Pleven và Denis được giao trách nhiệm thay mặt chúng tôi trong các cuộc thương lượng đạt kết quả ngày 19 tháng Ba.

Những vấn đề chúng tôi cần giải quyết về phương diện này nói chung là chúng tôi phải làm sao ra khỏi chế độ xoay xở. Làm sao nuôi sống được toàn thể các lãnh thổ gia nhập Nước Pháp Tự Do tại châu Phi và tại châu Đại dương trong khi chúng tôi vẫn chưa có ngân hàng lẫn tiền tệ, phương tiện vận tải, thông tin liên lạc, đại diện thương mại được công nhận ở nước ngoài? Làm sao nuôi dưỡng các lực lượng của Nước Pháp Tự Do được phân bố trên thế giới? Làm sao khấu trừ giá trị của dụng cụ và những trợ giúp mà đồng minh cung ứng cho chúng tôi và chúng tôi cung ứng cho họ? Theo hiệp định mọi cuộc thanh toán dù liên quan tới nội dung gì, đều được

thực hiện tại London giữa chính phủ Anh và Tướng de Gaulle, và hoàn toàn không được dàn xếp với các thẩm quyền địa phương của Pháp khi tình huống xảy ra. Tỷ suất hối đoái được áp dụng là 176 frăng cho một đồng bảng Anh, tức là tỷ suất có hiệu lực trước cuộc đình chiến ký kết bởi Vichy.

Theo đường lối đó, ít lâu sau chúng tôi đã đi tới việc lập ra “Quỹ trung ương của Nước Pháp Tự Do”. Quỹ này phải thanh toán mọi việc chi trả: số chênh lệch, lương bổng, đồ mua, v.v... và nhận về tất cả các khoản nộp: những khoản đóng góp của các thuộc địa, những khoản ứng trước của Ngân khố Anh, những khoản hiến tặng của người Pháp ở nước ngoài, v.v... Mặt khác, nó trở thành ngân hàng phát hành duy nhất của Nước Pháp Tự Do, ở bất luận nơi nào trên thế giới. Nhờ vậy, trong khi việc tập hợp theo de Gaulle gắn bó tất cả những đơn vị với nhau về mặt tinh thần, việc quản lý chúng cũng rất tập trung. Từ sự kiện chúng tôi hoàn toàn không có vùng ảnh hưởng riêng về ngân sách và kinh tế, cũng như chính trị và quân sự, và cùng lúc người Anh tránh mọi can dự tại địa phương bằng phương tiện tài chánh, sự thống nhất được thiết lập trên một tổng thể tuy vậy vẫn có tính ứng biến và phân tán cực kỳ.

Trong khi củng cố nền móng của chúng tôi tại hải ngoại, chính quốc vẫn là nơi chúng tôi quan tâm tới nhất. Làm gì tại đó? Cách nào? Với cái gì? Không có sẵn một phương tiện nào và thậm chí không biết tiếp cận vấn đề từ đâu, chúng tôi vẫn nuôi những ý đồ rộng lớn nhất và hy vọng đất nước sẽ kết hợp mạnh mẽ với chúng. Chúng tôi chỉ mơ tới một tổ chức cùng lúc giúp chúng tôi yểm trợ các cuộc hành quân của đồng minh nhờ những tin tình báo của chúng tôi về kẻ thù, phát động trên lãnh thổ cuộc kháng chiến trong mọi lãnh vực, trang bị các lực lượng chờ lúc tham gia, tại các vùng hậu cứ của Đức, trận đánh giải phóng, cuối cùng chuẩn bị cuộc tập hợp lại dân tộc, sau chiến thắng, sẽ lại đưa đất nước tiến lên. Chúng tôi còn mong muốn rằng sự đóng góp đa dạng mà người Pháp mang lại cho nỗ lực chiến tranh là để giúp cho nước Pháp, chứ không bị chia cắt thành những cơ quan trực tiếp phục vụ các đồng minh.

Nhưng lĩnh vực hoạt động bí mật này hoàn toàn mới mẻ đối với chúng tôi. Đất nước bị ném vào tình huống mà chưa từng có sự chuẩn bị. Chúng

tôi biết rằng tại Vichy, sở tình báo vẫn tiếp tục hoạt động, không phải chúng tôi không biết rằng bộ tham mưu quân đội đang cố gắng lấy đi khỏi ủy ban đình chiến một số phương tiện dự trữ. Chúng tôi ngờ rằng nhiều đơn vị quân đội đang có những chuẩn bị trong giả thuyết chiến sự lại tiếp tục. Nhưng những nỗ lực manh mún này được thực hiện ngoài chúng tôi, thay cho một chế độ mà lý do tồn tại là không sử dụng chúng, và cấp lãnh đạo không hề tìm cách hoặc chấp nhận tiếp xúc với Nước Pháp Tự Do. Tóm lại không có gì để chúng tôi bám lấy trên chính quốc. Chúng tôi phải rút ra từ hư vô sự giúp đỡ có hiệu lực trên chiến trường hàng đầu này.

Quả nhiên không thiếu những cuộc dự tuyển xung quanh tôi. Bằng một dự kiến âm thầm của tự nhiên, năm 1940, có một phần thể hệ người lớn hướng ngay từ trước về hành động bí mật. Giữa hai cuộc chiến tranh, tuổi trẻ đã tỏ ra thích thú với những câu chuyện phòng nhì, mật vụ, công an, cả đến những trận đánh úp và những âm mưu. Sách, báo, sân khấu, điện ảnh đều tập trung vào những cuộc phiêu lưu của các bậc anh hùng ít nhiều tưởng tượng làm nên vô số kỳ tích phục vụ đất nước trong bóng tối. Tâm lý này tạo điều kiện dễ dàng cho việc tuyển mộ trong các sứ mạng đặc biệt. Nhưng nó cũng có nguy cơ đưa vào đó chủ nghĩa lãng mạn, sự nhẹ dạ, đôi khi sự lừa đảo, là những điều trở ngại tệ hại nhất. Không có lĩnh vực nào nhiều đơn xin việc hơn, nhưng những người được giao công việc phải chứng tỏ cùng lúc nhiều nghiêm túc và táo bạo.

May sao vẫn có nhiều người tốt trong số đó. Thiếu tá Dewavrin, tức Passy, là người chỉ huy họ. Không gì chuẩn bị cho Passy trong sứ mệnh chưa từng có này. Nhưng dưới mắt tôi, điều này vẫn tốt hơn. Ngay khi được chỉ định, ông miệt mài trong công việc với một đam mê lạnh lùng sẽ nâng đỡ ông trên một con đường tăm tối nơi lẫn lộn những gì tốt nhất và những gì tệ hại nhất. Trong hoạt động đầy bi kịch tại Pháp, với sự phụ tá của Manuel, và sau đó Vallon, Wybot, Pierre Bloch, v.v... Passy vẫn giữ con thuyền trên sóng trước bao lo âu, mảnh khé, thất vọng từng chập xô tới. Bản thân ông biết chống lại sự chán chường và tránh thói huênh hoang, là những con quỷ quen thuộc của loại hoạt động này. Chính vì vậy mà qua

bao thay đổi của Cơ quan trung ương tình báo và hành động, căn cứ vào kinh nghiệm tôi vẫn duy trì Passy trong chức vụ này bất chấp mọi trở ngại.

Điều cấp bách nhất là đưa vào lãnh thổ quốc gia một mầm mống tổ chức. Về phía Anh, người ta muốn chúng tôi gửi về đây những nhân viên có nhiệm vụ thu thập rời rạc tin tình báo của quân thù liên quan tới những đối tượng xác định. Đó là phương pháp sử dụng cho hoạt động gián điệp. Nhưng chúng tôi muốn làm hơn thế nữa. Bởi hoạt động tại Pháp sẽ được phô diễn giữa một dân số, theo chúng tôi nghĩ, gồm nhiều thiện chí, đó là những mạng lưới mà chúng tôi muốn tiếp tục. Những mạng lưới này kết nối những nhân tố chọn lọc, liên lạc với chúng tôi bằng những phương tiện tập trung, hẳn sẽ đạt được năng suất tốt nhất. D'Estienne d'Orves, Duclos, đổ bộ tại bờ biển Manche; Fourcault, đi ngang qua Tây Ban Nha; Robert, Mounier, từ Tunisie tới Malte và được gửi tiếp tới Bắc Phi, đó là những người đã thu thập những kinh nghiệm đầu tiên. Ít lâu sau, đến lượt Rémy bắt đầu sự nghiệp tình báo và đã chứng tỏ một tài năng phi thường.

Bấy giờ đã mở màn cuộc chiến đấu trên trận địa hầy còn xa lạ này. Hết tháng này tới tháng khác, đúng ra hết tuần trăng này tới tuần trăng khác, bởi nhiều chiến dịch tùy thuộc vào tuần trăng, tổ chức BCRA [\[66\]](#) bắt đầu công việc của họ: tuyển mộ chiến binh cho cuộc chiến bí mật; lệnh đưa ra cho các sứ mạng; những báo cáo phải xem xét; những cuộc vận chuyển bằng tàu kéo, tàu ngầm, máy bay; những chuyến đi qua Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha; những cuộc nhảy dù; những cuộc tiếp xúc với những người tình nguyện hoạt động tại Pháp; những chuyến đi, về, thị sát và liên lạc; những thư tín và ký hiệu đã thỏa thuận được truyền bằng radio; làm việc với các cơ quan đồng minh cho biết yêu cầu các bộ tham mưu của họ, cung cấp phương tiện và tùy trường hợp, tạo điều kiện dễ dàng hoặc làm rắc rối thêm công việc. Tiếp đến, khi mở rộng, hoạt động cần phải gồm thêm các nhóm vũ trang của lãnh thổ và các phong trào kháng chiến với những hoạt động phong phú. Nhưng trong mùa đông đen tối này, chúng tôi vẫn chưa đạt tới đó.

Trong khi chờ đợi, phải thi hành với người Anh một tạm ước cho phép BCRA hoạt động trong khi vẫn thuộc phạm vi quốc gia. Đây đúng là điều kỳ dị khó tin. Quả thật người Anh biết rõ những thuận lợi mà sự hợp tác của người Pháp có thể mang lại về phương diện tình báo, điều duy nhất họ quan tâm trước tiên. Nhưng điều các cơ quan Anh tìm kiếm trên hết là những cuộc hợp tác trực tiếp. Một sự cạnh tranh đích thực mở ra ngay sau đó: bản thân chúng tôi thì viện dẫn, với người Pháp, sự bó buộc đạo đức và pháp lý không cho phép sáp nhập vào một cơ quan nước ngoài; người Anh thì sử dụng phương tiện của họ để cố thu thập các nhân viên và mạng lưới về họ.

Ngay khi một người Pháp tới Anh, miễn sao người này không được biết tới nhiều, anh ta sẽ được cục tình báo tách riêng ra để thuyết phục và được mời vào làm trong các sở mật vụ của Anh. Chỉ sau một loạt áp lực và xin xỏ, người ta mới để anh trở về với chúng tôi. Nếu anh nhượng bộ thì người ta cô lập anh với chúng tôi ngay và chúng tôi sẽ không bao giờ gặp anh. Ngay tại Pháp, người Anh cũng chơi trò lập lờ để tuyển mộ nhân viên. Họ cho người rêu rao rằng: “De Gaulle hay Vương quốc Anh thì cũng giống nhau cả!” Còn về phương tiện vật chất mà chúng tôi gần như hoàn toàn tùy thuộc vào các đồng minh để có, chúng tôi chỉ đôi khi nhận được sau những cuộc mặc cả dai dẳng. Người ta biết cách làm này đưa tới những xích mích thế nào. Đúng ra là nếu người Anh thường lướt qua giới hạn thì họ lại không vượt qua nó bao giờ. Vào lúc mong muốn, họ chịu thua và nhượng bộ, ít ra là một phần, khi chúng tôi hối thúc, kêu đòi. Bấy giờ sẽ mở ra một thời kỳ hợp tác có ích cho tới ngày bất chợt những bão táp mới lại gầm gào.

Nhưng những gì chúng tôi cố làm chỉ có giá trị, về mặt này cũng như các mặt khác, khi dư luận Pháp theo chúng tôi. Ngày 18 tháng Sáu, nói trên đài phát thanh lần đầu tiên trong đời và không khỏi choáng váng khi tưởng tượng mọi người đang nghe, tôi khám phá công tác tuyên truyền qua làn sóng sẽ đóng vai trò nào trong sự nghiệp của chúng tôi.

Không kể những khả năng nổi trội khác, người Anh có tài phân định ngay tức khắc và sử dụng triệt để hiệu quả mà một đài phát thanh tự do có

khả năng gây ra cho các dân tộc bị cầm tù. Họ đã tức khắc bắt đầu tổ chức bộ máy tuyên truyền hướng về người Pháp. Nhưng trong việc này cũng như trong tất cả, nếu họ thành thật ưu đãi cho de Gaulle và Nước Pháp Tự Do được gây tiếng vang khắp nước thì họ cũng có tham vọng lợi dụng điều này trong khi vẫn là người dẫn dắt cuộc chơi. Về phần chúng tôi, chúng tôi chỉ muốn nói nhân danh chính chúng tôi. Với bản thân tôi, cố nhiên tôi không bao giờ chấp nhận một sự giám sát nào và ngay cả một ý kiến xa lạ nào, về những gì tôi cần nói với nước Pháp.

Những quan điểm khác biệt này được sắp xếp trong một thỏa hiệp trên thực tế theo đó Nước Pháp Tự Do được sử dụng các làn sóng phát thanh mỗi ngày hai lần trong năm phút. Mặt khác và độc lập với chúng ta, ê-kíp nổi tiếng “người Pháp nói với người Pháp” vẫn hoạt động dưới sự điều khiển của ông Jacques Duchesne, nhà báo được đài BBC sử dụng. Nhiều người của phong trào Nước Pháp Tự Do như Jean Marin và Jean Oberlé đã tham gia ê-kíp này với sự đồng tình của tôi. Và chẳng, ai cũng biết ê-kíp này quan hệ chặt chẽ với chúng tôi trong suốt thời gian dài. Tôi cần phải nói rằng tài năng và sự hữu hiệu của nhóm này đã khiến chúng tôi quyết định dành cho họ tất cả sự cộng tác có thể được của chúng tôi. Chúng tôi cũng làm điều đó với tạp chí Pháp Tự do ra đời nhờ sáng kiến của các ông Labarthe và Raymond Aron. Chúng tôi cũng đối xử cách đó với hãng Thông tin Pháp độc lập và tờ báo ngày France, cái thì do Mailhaut tức Bourdan điều khiển, cái thì do ông Comert, với sự ủng hộ trực tiếp của Bộ Thông tin Anh nhưng không dính dáng gì tới chúng tôi.

Mọi việc cứ tiến triển như thế với một vài vụn vặt, khi các lợi ích và đường lối của nước Anh và Nước Pháp Tự Do vẫn song song với nhau. Về sau, những cuộc khủng hoảng phải xảy ra, và những người tuyên truyền của “người Pháp nói với người Pháp,” của hãng Thông tin Pháp độc lập, của tờ báo ngày France, không nhiệt tình theo cuộc tranh luận của chúng tôi. Sự thật là nhờ những ăng-ten của Brazzaville mà chúng tôi luôn có phương tiện công bố những gì lợi ích cho chúng tôi. Ngay từ đầu, đài phát thanh châu Phi khiêm tốn của chúng tôi đã hoạt động tích cực và chính tôi cũng thường dùng nó. Nhưng chúng tôi muốn nó lớn mạnh và trải rộng ra.

Phương tiện cần thiết đã được đặt mua bên Mỹ. Để nhận chúng, chúng tôi cần, không chỉ kiên nhẫn dài dài và chi trả bằng nhiều đô-la, mà còn phải làm thất bại nhiều mưu mô và sự tăng cao giá không ngừng tại Mỹ. Cuối cùng vào mùa xuân 1943, trụ sở nhỏ nhỏ của những ngày đầu anh hùng đã được dựng lại tại Congo bởi đài lớn của Nước Pháp Chiến Đấu.

Mọi người sẽ thấy chúng tôi coi trọng những buổi phát thanh ngăn ngui từ London đến đâu. Mỗi ngày, người có bốn phận nói nhân danh chúng tôi bước vào phòng thu thanh với ý thức trách nhiệm cao. Ai cũng biết Maurice Schumann thường làm công việc này nhất. Và người ta cũng biết với tài năng cỡ nào. Cứ khoảng tám ngày một lần, đích thân tôi nói trong sự ấn tượng đầy xúc động khi được làm tròn một thiên chức đối với hàng triệu người đang lắng nghe tôi trong lo lắng qua những cơn nhiễu sóng dữ dội. Tôi xây dựng những bài phát biểu của mình trên những yếu tố thật giản dị: diễn biến của cuộc chiến tranh chứng tỏ sự sai lầm của sự đầu hàng; niềm tự hào dân tộc, khi giáp mặt với kẻ thù, đã lay động mọi tâm hồn một cách sâu sắc; cuối cùng hi vọng của chiến thắng và của một uy thế mới cho “nước mẹ Pháp của chúng tôi.”

Tuy nhiên, đầu hiệu quả có thuận lợi tới đâu, chúng tôi phải nhận ra rằng trong cả hai vùng, dư luận vẫn thụ động. Cố nhiên khắp nơi người ta nghe “đài phát thanh London” một cách toại nguyện, thậm chí thường khi với tất cả nhiệt tình. Cuộc hội kiến ở Montoire đã bị phê phán nghiêm khắc. Cuộc biểu tình của sinh viên Paris biến thành đoàn người đi sau “hai cái sào,” ngày 11 tháng Mười một, tại Khải Hoàn Môn, và bị giải tán bởi quân Đức bằng những phát súng trường và súng máy, đã mang lại một thông điệp cảm động và làm vững lòng. Sự thái hời Laval trong nhất thời có vẻ là một ý định uốn nắn sửa đổi mới chớm. Ngày 1 tháng Giêng, theo lời kêu gọi của tôi, một phần lớn dân chúng, nhất là trong vùng chiếm đóng, đã ở lại nhà, làm cho đường phố và quảng trường vắng tanh, trong một tiếng đồng hồ: “giờ hy vọng.” Nhưng không một dấu hiệu nào cho thấy người Pháp, bằng con số đáng kể, đã quyết định hành động. Ở bất luận nơi nào họ hiện diện, quân thù không gặp một nguy cơ nào trên đất nước chúng tôi. Còn Vichy thì hiếm có ai chống lại uy quyền của họ. Chính ông Thống chế

vẫn rất được lòng dân. Một bộ phim về những cuộc viếng thăm của ông tại các thành phố chính của vùng Trung bộ và miền Nam, mà chúng tôi nhận được, cho thấy những bằng cứ hiển nhiên đó. Thật ra đại đa số vẫn muốn tin rằng Pétain đang dùng mưu mẹo và chỉ đợi ngày lại giơ cao vũ khí. Vậy là dư luận chung cho rằng ông và tôi, chúng tôi bí mật đồng tình với nhau. Như thường lệ, rốt cuộc tuyên truyền tự nó chỉ có giá trị hạn chế. Tất cả tùy thuộc vào các biến cố.

Vấn đề trước mắt là trận đánh châu Phi. Nước Pháp Tự Do đã bắt đầu phác họa nó. Ngay ngày 14 tháng Bảy, tôi đã trực tiếp liên lạc với Tướng Wavell, Tổng Tư lệnh quân Anh tại Trung Đông, để ông tập hợp thành đơn vị các đơn vị Pháp có mặt trong vùng hoạt động của ông và gửi họ tăng viện cho Tướng Legentilhomme tại Djibouti. Và khi tin bờ biển Somalie thuộc Pháp phục tùng cuộc đình chiến được xác nhận, tôi được Wavell chấp thuận cho tiểu đoàn bộ binh hải quân, gia nhập tại Chypre vào tháng Sáu và được bổ sung bởi những người Pháp tại Ai Cập, được tham gia đợt tấn công đầu tiên của quân Anh tại Cyrénaïque về phía Tobrouk và Derna. Tại Pháp và ở bên ngoài, nhiều người yêu nước đã rùng mình khi biết ngày 11 tháng Chạp, tiểu đoàn dũng cảm của Thiếu tá Folliot đã nổi bật trong trận Sidi-Barrani. Nhưng việc trọng đại giờ đây là đưa một sư đoàn khinh binh – than ôi! – từ châu Phi xích đạo tới biển Đỏ và yêu cầu cho họ được tham gia các chiến dịch.

Vậy mà chính tại Erythrée và Éthiopie Bộ Tư lệnh Anh muốn thanh toán đạo quân của quận công d'Aoste trước khi bắt đầu chiến dịch khác trên các bờ biển Địa Trung Hải. Dầu cách xa, tôi vẫn nghe có một tuyến quân thứ nhất của Pháp dự vào hoạt động. Ngày 11 và 18 tháng Chạp, tôi đã đưa ra những chỉ thị cần thiết cho Larminat và Catroux. Vấn đề là nửa lữ đoàn lê dương, một tiểu đoàn Sénégal từ Tchad, một đại đội lính thủy mang súng trường, một đại đội xe tăng, một đội pháo và các đơn vị phục vụ, tất cả được đặt dưới quyền của Đại tá Monclar. Đã có một đại đội kỵ binh do Thiếu tá Jourdier đưa từ Syrie tới vào tháng Sáu năm 1940, và một số phi công, lớp này tới từ Tunis với Đại úy Dodelier, lớp khác từ Rayak với các Trung úy Cornez và Maismont, chiến đấu bên cạnh quân Anh. Tôi cho đội

lính lê dương lên tàu đi Port-Doudan với sự thỏa thuận của Wavell. Còn tiểu đoàn của Tchad thì đã lên đường đi Khartoum bằng đường mòn và sử dụng xe tải nhỏ trong vùng. Họ đã an toàn tới nơi mặc dầu những lời báo trước đầy bất lợi của những người Phi từng trải, và ngay ngày 20 tháng Hai, dưới quyền của thiếu tá Garbay, đã tham chiến và mang về một thắng lợi quan trọng. Tiếp đến, bốn tiểu đoàn khác người Sénégal tới nhập vào các nhân tố hàng đầu này và cùng họ tạo thành một đơn vị chiến đấu đáng gờm. Mặt khác, một nhóm máy bay ném bom của Pháp, với những máy bay “Blenheim” mà chúng tôi đã đưa từ Anh về, sẽ được gửi tới Khartoum. Cuối cùng, các tàu hộ tống dũng cảm Savorgnan de Brazza và Commandant Duboc lên đường về phía biển Đỏ.

Phần đóng góp của nước Pháp trong trận Abyssinie quan trọng hơn biết bao nếu bờ biển Somalie thuộc Pháp lại tham chiến với quân đội đồn trú 10.000 người vũ trang đầy đủ và hải cảng Djibouti, ga cuối cùng của tuyến đường sắt Addis-Abeba! Hơn nữa, trong khi thúc giục việc gửi các đội quân của chúng tôi tới Éthiopie, tôi muốn mang nước thuộc địa Pháp này về với chúng tôi. Vậy mà tại Djibouti, sau vài ý định từ chối cuộc đình chiến vừa mới chớm, người ta đã phục tùng lệnh của Vichy. Nhưng có thể sự kiện ngay trong khu vực nổ ra một trận đánh chống lại quân thù và người Pháp kéo tới để dự phần sẽ kéo theo một sự thay đổi thái độ chăng? Trong trường hợp này các đội quân của Nước Pháp Tự Do cần phải đổ bộ tại Djibouti để gặp quân đội đồn trú tại đây. Ngay từ lúc đó, một lực lượng Pháp thật sự quan trọng sẽ mở cuộc tấn công bắt đầu từ đây và kết hợp với những nỗ lực của quân Anh. Nếu trái lại bờ biển Somalie không chịu gia nhập, quân viễn chinh Pháp tự do sẽ chiến đấu đơn độc bên cạnh quân Anh.

Tại London, các nước đồng minh của chúng tôi đều tán thành chương trình này. Tôi giao cho Tướng Legentilhomme trách nhiệm đưa các đội quân cũ của ông ở Djibouti vào cuộc chiến đấu và dầu thế nào cũng phải chỉ huy các đạo quân từ châu Phi xích đạo đã hay sẽ được gửi tới biển Đỏ. Ông lên đường đi Khartoum ngay. Tôi ấn định với Tướng Catroux và Tướng Wavell những điều kiện hành động của Legentilhomme và các lực

lượng dưới quyền ông. Cùng lúc, tôi yêu cầu ông Churchill chấp nhận sáng kiến của phía Pháp mà trước tiên ông đã tỏ ra ái ngại.

Trong lúc cố tăng cường tại Trung Đông hoạt động của các lực lượng Anh, chúng tôi mở ra tại biên giới Tchad và Libye một mặt trận hoàn toàn của Pháp. Đúng ra đó là với những phương tiện nghèo nàn và trên những vùng đất rộng mênh mông. Nhưng ở đó, chúng tôi có thể chỉ tùy thuộc vào chính chúng tôi và tôi hết mực giữ vững điều này.

Từ khi tới Tchad, dưới quyền ông, Cao ủy Larminat dành cho ông tất cả những gì có thể, Leclerc đã chuẩn bị sôi nổi cho những chiến dịch đầu tiên được quy định trên sa mạc. Vào tháng Giêng, với Trung tá d'Ornano, người sau này sẽ hy sinh trong công tác này, ông đẩy một đội trinh sát xuất sắc tới tận đồn quân Ý ở Mourzouk, hợp với một đội tuần tra Anh đến từ sông Nil. Cuối tháng Giêng, chỉ huy một đội quân được thành lập chu đáo, với sự yểm trợ của không quân chúng tôi, Leclerc tiến về phía các ốc đảo vùng Koufra, cách căn cứ một nghìn cây số. Trong nhiều tuần xoay sở và chiến đấu, ông tấn công quân Ý trong những đồn bốt của họ, đẩy lùi các đội quân cơ động và buộc kẻ thù phải đầu hàng vào ngày 1 tháng Ba.

Ngay trong lúc đó, cuộc tiến quân nhanh chóng của quân Anh tại Libye dường như mang đến cho chúng tôi những triển vọng lớn lao hơn. Chính vì vậy mà ngày 17 tháng Hai, tôi ấn định cho Tướng Larminat chuẩn bị đánh chiếm Fezzan. Tình hình tiếp nối các biến cố tại Libye không cho phép chúng tôi bước qua giai đoạn thực hiện. Nhưng từ đây, Leclerc và những đội quân Sahara của ông luôn hướng về mục tiêu chính yếu này. Trong khoảng thời gian đó, tôi tìm cách xác định tư thế của nước Pháp đối với nước Anh về các vấn đề liên quan tới vận mệnh của Koufra và Fezzan. Chúng tôi vẫn ở lại Koufra mặc dù các ốc đảo mới đây đã gắn vào nước Soudan thuộc Anh và Ai Cập. Một ngày nào đó, khi Fezzan bị chúng tôi chinh phục và miễn sao nước Anh thừa nhận quyền của chúng tôi được ở lại đó, chúng tôi có thể rút khỏi Koufra.

Tuy nhiên, dù người Anh có thể làm được gì đi nữa, và với người của phong trào Nước Pháp Tự Do bên cạnh họ, sáng kiến chiến lược vẫn luôn luôn thuộc về quân thù. Định hướng chiến tranh tùy thuộc vào họ. Bởi

không thể xâm chiếm nước Anh, họ sẽ ồ ạt đổ vào Bắc Phi qua Suez và Gibraltar chẳng? Hay là họ muốn trừng phạt người Xô Viết? Dầu sao, nhiều dấu hiệu báo trước họ sẽ phát động một trong hai chiến dịch này. Trong bất luận tình huống nào chúng tôi nghĩ những quyết định đã đạt được cho phép Nước Pháp Tự Do đưa toàn lực vào trận một cách có ích. Và mặc dù chúng tôi đang giằng giụa trong sự yếu kém thảm hại, trước mỗi vấn đề mà cuộc tấn công mới của nước Đức đặt ra cho thế giới, tôi vẫn quyết định lên tiếng nhân danh nước Pháp và làm điều đó khi cần.

Vào tháng Mười một năm 1940, Ý tấn công Hy Lạp. Ngày 1 tháng Ba, Đế quốc Đức buộc Bungari gia nhập phe Trục. Trong những ngày đầu của tháng Tư, các đội quân Đức tiến vào Hi Lạp và Nam Tư. Bằng cách chiếm lấy bán đảo Balkans, quân thù nhằm đổ ra phương Đông cũng như ngăn cấm mọi đầu cầu của quân Anh phía sau quân đội Đức nếu họ xâm nhập nước Nga. Ngay từ đầu cuộc tấn công của quân Ý vào Hi Lạp, tôi đã đánh điện cho Tướng Metaxas và Thủ tướng Hi Lạp để mọi người biết một cách công khai nguyện vọng và lòng trung thành của nước Pháp ở về phía nào. Câu trả lời của Metaxas cho thấy ông đã hiểu điều đó. Tuy nhiên, tôi vẫn không được sự chấp thuận của người Anh cho vận chuyển một biệt đội mà tôi muốn gửi tới đó với danh nghĩa tượng trưng. Cần phải nói rằng vì mãi lo cho các chiến dịch tại Libye và Érythrée mà bấy giờ Wavell không gửi tới Hy Lạp một lực lượng nào của nước ông.

Vào đầu tháng Hai, chúng tôi được biết phái đoàn Đức von Hintig và Roser đã tới Syrie. Sự náo động mà phái đoàn này hẳn đã tạo ra tại các nước Ả Rập có thể giúp cho các lực lượng phe Trục chuẩn bị tràn vào đây, hoặc để đánh lạc hướng trong trường hợp các lực lượng này mở cuộc tấn công về phía Kiev và Odessa.

Cùng lúc, sự đe dọa của nước Nhật lộ rõ tại Viễn Đông. Cố nhiên người ta không thể phân biệt rằng với người Nhật, liệu đây có phải là một quyết tâm bước vào vòng chiến hay không, hay chỉ đơn giản là một áp lực nhằm giữ chân các lực lượng Anh và trì hoãn các cuộc chuẩn bị của người Mỹ tại Đông Nam Á, trong khi Đức và Ý tỏ rõ nỗ lực vươn về phía Moscou hoặc bên kia Địa Trung Hải. Nhưng bằng mọi cách, Nhật muốn ngay tức

khắc bảo đảm cho họ việc kiểm soát Đông Dương. Ngoài ra nếu họ vào cuộc thì Nouvelle-Calédonie, các quần đảo của chúng tôi tại Thái Bình Dương, các cơ sở Pháp tại Ấn Độ và thậm chí Madagascar sẽ bị đe dọa.

Tại Đông Dương, cuộc can thiệp của Nhật đã bắt đầu ngay khi nước Pháp rõ ràng thua trận tại châu Âu. Tháng Sáu năm 1940, Tướng Catroux, Toàn quyền Đông Dương, buộc phải thỏa mãn những yêu cầu đầu tiên của người Nhật. Trước khi quyết định, ông đã thăm dò người Anh và người Mỹ, và kết luận không có một sự cộng tác nào được hoạch định từ bên ngoài. Ngay lúc đó, Vichy đã thay Catroux bằng Decoux. Về phần tôi vốn không thể làm dấy lên tại Đông Dương một phong trào có khả năng thu tóm mọi việc trong tay, đập tan sự can thiệp của người Nhật tại đây – điều mà một phong trào như thế có thể gây ra – hoặc thuyết phục các nước đồng minh chống lại những sự lấn chiếm của người Nhật, tôi buộc phải chờ cho tới khi có lệnh mới. Chính với những tình cảm mà người ta đoán ra được mà tại Douala ngày 8 tháng Mười, tôi đã đánh điện cho ông Cazaux, Tổng Thanh tra các nước thuộc địa, Giám đốc Tài chính tại Sài Gòn, đáp lại một bức thư cảm động báo cáo về mối cảm tình của một phần lớn trong dân chúng đối với Nước Pháp Tự Do, và cả sự bất khả của Đông Dương trong hành động như mong muốn. Với bản thân tôi là người đang lèo lái một chiếc thuyền cón con trên đại dương cuộc chiến tranh, Đông Dương bấy giờ xuất hiện như một chiếc tàu lớn đã hỏng mà tôi không thể giúp đỡ được gì trước khi tập hợp lâu dài các phương tiện cứu nạn. Nhìn thấy nó xa dần trong sương mù, tôi thề với chính mình một ngày nào đưa nó trở về.

Đầu năm 1941, người Nhật thúc đẩy nước Xiêm xâm chiếm hai bờ sông Mékong, thậm chí nước Cao Miên và nước Lào. Cùng lúc họ nhấn mạnh những yêu sách của chính họ, đòi trước tiên nắm lấy kinh tế Đông Dương, tiếp đến chiếm đóng những điểm trọng yếu. Tôi được thông báo về những sự triển khai của vụ việc trầm trọng này, không những từ người Anh và người Hà Lan tại London, mà còn từ những người đại diện của Nước Pháp Tự Do tại các ngã tư chính của thế giới: Schompré, rồi Baron và Langlade, tại Singapour; Garreau-Dombasle tại Washington; Egal tại Thượng Hải; Vignes tại Tokyo; Brénac tại Sydney; André Guibout, rồi

Béchamp, tại Trùng Khánh; Victor tại New-Delhi. Tôi thấy trong trường hợp này, các chính sách đều gò bó và phức tạp, nhưng dù thế nào đi nữa, không ai làm gì để giúp Đông Dương thuộc Pháp chống lại người Nhật. Cố nhiên Nước Pháp Tự Do không có phương tiện làm chuyện đó. Vichy thì có đấy nhưng họ đã nộp mình cho bọn Đức và bị chúng từ chối khả năng sử dụng chúng. Người Anh dù cảm thấy giông tố ngày nào sẽ tới Singapour lại chỉ muốn tranh thủ thời gian, và người đại diện của họ tại Bangkok tỏ ra trước hết muốn giữ những mối quan hệ thân thiện với nước Xiêm dầu số phận các lãnh thổ sông Mékong ra thế nào. Còn người Mỹ thì không sẵn sàng về mặt vật chất lẫn tinh thần, họ không muốn can thiệp.

Trong các điều kiện đó, những gì chúng tôi có thể làm, và những gì đã làm, là trước hết thông báo khắp nơi, rằng Nước Pháp Tự Do coi mọi cuộc bỏ mặc của chính phủ Vichy tại Đông Dương như không có. Là không muốn gây phiền phức, bằng những vận động bên trong, cho cuộc đề kháng mà các chính quyền địa phương tùy theo tình hình muốn dùng để chống lại người Nhật và người Xiêm khi bạn bè chúng tôi không kết hợp điều trên với chính sách và học thuyết của Vichy. Là hợp nhất hành động của chúng tôi trên Thái Bình Dương với các lực lượng khác đang bị đe dọa, và cố – nhưng vô ích – nhận được một sự trung gian liên kết của Anh, Hợp chúng quốc và Hà Lan để giúp cho Đông Dương. Cuối cùng, là cùng với Úc Châu và Tân Tây Lan tổ chức phòng thủ đảo Nouvelle-Calédonie và Tahiti chung với Úc châu và Tân, Tây Lan.

Về phương diện cuối cùng này, vào tháng Ba, tôi đã gặp Thủ tướng Úc, ông Menzies, lúc ông ghé qua London, và đã giải quyết vấn đề cốt yếu với con người cao quý này. Sau đó, ông Thủ hiến Sautot thương thảo và nhân danh tôi ký kết một thỏa hiệp với người Úc với tất cả sự đề phòng để họ không lấn sang chủ quyền của Pháp.

Ít lâu sau chúng tôi được biết người Thái Lan tấn công trên sông Mékong, và sau những thất bại nghiêm trọng trên đất liền và trên biển, ít ra họ cũng được những phần lãnh thổ thêm muốn, nhờ áp lực thô bạo của người Nhật đối với Sài Gòn và Vichy có tên gọi là “trung gian hòa giải.” Sau đó chính Nhật áp đặt sự kiểm soát của mình lên Đông Dương. Không

có sự chống đối nào, cũng không có sự phản đối nào bất luận từ phía một cường quốc nào có liên quan trong vùng Thái Bình Dương. Ngay lúc đó, rõ ràng chuyện người Nhật bước vào cuộc Thế chiến chỉ còn là vấn đề thời gian.

Những lý do của hành động chung càng được xác định, các mối quan hệ giữa người Pháp và người Anh càng thêm thắt chặt. Và chẳng thời gian càng giúp người ta hiểu nhau hơn. Tôi có bốn phận phải nói rằng nếu tôi đã dành trọn lòng quý mến cho những người Anh đang lãnh đạo đất nước thì dường như chính họ cũng dành riêng cho tôi một tình cảm như vậy. Nhà vua trước tiên, mẫu mực và luôn hiểu rõ tình hình, hoàng hậu, từng thành viên trong gia đình họ, đều tìm cơ hội để chứng tỏ điều đó. Trong số các ông bộ trưởng, điều đương nhiên là tôi quan hệ với ông Churchill nhiều nhất, về mặt công khai cũng như riêng tư. Nhưng vào thời kỳ này, hoặc trong công việc hoặc trong những buổi họp thân mật, tôi cũng chủ yếu gặp ông Eden, ông John Anderson, ông Amery, ông Edwards Grigg, ông Alexander, ông Archibald Sinclair, Huân tước Lloyd, Huân tước Cranborne, Huân tước Hankey, ông Stafford Cripps, các ông Attlee, Duff Cooper, Dalton, Bevin, Morrison, Bevan, Butler và Brendan-Bracken. Trong số những “công bộc” dân sự và quân sự, ông Robert Vansittart, ông Alexander Codogan, ông Strang, ông Morton, các tướng lĩnh John Dill và Ismay, Đô đốc Dudley Pound, Thống chế Không quân Portal, là những người mà tôi cần phải gặp. Nhưng dù là các nhà cầm quyền, các chỉ huy trưởng tài ba, các công chức cao cấp hay các nhân vật của quốc hội, của báo chí, của kinh tế, v.v... tất cả đều chứng tỏ một lòng trung thành, một sự vững tin nơi lợi ích nước Anh khiến chúng tôi phải kinh ngạc và kính nể.

Không phải những con người này hoàn toàn không có đầu óc phê bình, thậm chí sự phóng túng. Đã bao nhiêu lần tôi thích thú với óc hài hước của họ, bất chấp sự lao碌, khi họ phê phán con người và biến cố giữa lòng tấn bi kịch đang lấn mọi người chúng tôi như biển lấn những hòn đá cuội! Nhưng nơi từng người trong bọn họ đều có một lòng tận tụy với công việc chung, giữa họ luôn có một sự đồng nhất ý đồ luôn gắn bó họ với

nhau. Toàn bộ gây cho tôi cảm giác, nơi nhân sự lãnh đạo, một sự kết hợp chặt chẽ mà tôi thường khi mong muốn và ngưỡng mộ.

Nhưng tôi cũng thấy ngột ngạt với nó. Bởi cường lại guồng máy Anh khi nó bắt đầu vận động để áp đặt một điều gì đó quả là một thử thách nghiệt ngã. Trừ phi bản thân đã qua kinh nghiệm, người ta không thể tưởng tượng được sự tập trung của những nỗ lực, sự đa dạng của những phương pháp, sự nhấn mạnh, khi ân cần, khi giục giã, khi đe dọa, mà người Anh có thể tỏ rõ để đạt được sự mãn nguyện.

Trước tiên là những ám chỉ về đủ mọi điều, nhưng gây ấn tượng bởi sự ăn khớp, khiến chúng tôi cảnh giác và chuẩn bị một cách có phương pháp. Bất chợt trong một cuộc trao đổi theo nghi thức, nhân vật có thẩm quyền đưa ra yêu cầu hoặc yêu sách của Anh. Nếu chúng tôi không chấp nhận bước vào những con đường đã đề nghị – và tôi phải nói rằng điều này thường xảy ra – thì “áp lực” bắt đầu. Quanh chúng tôi, tất cả mọi người đều vào cuộc, bằng mọi cách, ở mọi tầng lớp. Có những cuộc trao đổi chính thức hoặc bán chính thức trong đó nhiều cấp bậc khác nhau vẫn viện dẫn, tùy theo cơ hội, tới tình bạn, lợi ích, sự sợ sệt. Có hành động của báo chí, khôn khéo dành riêng cho đối tượng tranh chấp, nhưng lại tạo ra, với những gì liên quan tới chúng tôi, một bầu không khí trách cứ và buồn bã. Có thái độ của những người trong quan hệ riêng tư với chúng tôi và được thừa nhận theo bản năng, vẫn cố gắng thuyết phục chúng tôi. Nơi nào cũng có, toàn bộ và cùng lúc, những lời cảnh cáo, những lời phàn nàn, những hứa hẹn và những sự giận dữ.

Những người bạn Anh của chúng tôi đã được tiếp tay trong việc đó bởi xu hướng tự nhiên của người Pháp là nhượng bộ người nước ngoài và chia rẽ với nhau. Ở phía chúng tôi trong số những người xa gần có bốn phận phải lo chuyện đối ngoại, thông thường nhất chuyện nhượng bộ là một thói quen, nếu không nói là nguyên tắc. Với nhiều người, vì mãi sống trong một chế độ không có gì vững chắc, điều gần như cố nhiên là nước Pháp không bao giờ nói: “Không!” Do đó mà trong những lúc chống lại những yêu sách của người Anh, tôi thấy ngay cả quanh mình ai cũng bộc lộ sự kinh ngạc, sự khó chịu, sự lo lắng. Tôi nghe tiếng thì thầm trong hậu

trường và tôi đọc ra trong những con mắt câu hỏi này: “Vậy là ông ta muốn đi đâu?” Như thế không ai quan niệm được chuyện người ta không đi tới chỗ chấp nhận. Còn những người Pháp không về với chúng tôi, họ chọn thái độ chống chúng tôi một cách gần như tự động, phần lớn theo khuynh hướng trường phái chính trị của họ cho rằng nước Pháp luôn sai lầm khi nước Pháp tự khẳng định; tất cả đều phản đối de Gaulle mà sự kiên quyết, mà họ cho là độc tài, có vẻ đáng ngờ so với tinh thần bỏ mặc mà họ cho là trùng hợp với tinh thần của nước Cộng hòa!

Khi những ảnh hưởng đa dạng này có thể hoạt động tới cùng, bất ngờ im lặng trải rộng. Một sự trống rỗng được tạo ra quanh chúng tôi bởi người Anh. Không còn những câu chuyện trao đổi, lẫn thư từ qua lại, không còn những cuộc thăm viếng lẫn những bữa ăn sáng. Những vấn đề vẫn còn bỏ lửng. Những máy điện thoại không còn reo nữa. Những người Anh mà chúng tôi tình cờ gặp thì ủ rũ và khó hiểu. Chúng tôi không được biết tới, như thể đối với chúng tôi, trang liên minh, và thậm chí trang đời, từ đây đã được lật qua. Giữa lòng nước Anh tập trung và kiên quyết, một cái lạnh băng giá bao trùm chúng tôi.

Bấy giờ xảy ra một cuộc tấn công quyết định. Một cuộc họp Pháp-Anh long trọng bất ngờ diễn ra. Tất cả mọi phương tiện đã được vận dụng; tất cả mọi luận cứ đã được đưa ra; tất cả những lời phàn nàn đã được nói ra; tất cả mọi giai điệu đã được hát lên. Mặc dù trong số những người Anh có trách nhiệm, nghệ thuật bi kịch luôn có mức độ, mỗi người trong bọn họ đều đóng vai trò của mình như một nghệ sĩ tầm cỡ. Trong nhiều giờ liền, những cảnh tượng thống thiết và hãi hùng nối tiếp nhau. Người ta từ biệt nhau trên những đòi hỏi, lỗi lầm mà chúng tôi cam chịu.

Thêm một khoảng thời gian nữa thì tới đoạn kết. Nhiều nguồn tin Anh phát ra những tín hiệu hòa hoãn. Nhiều người trung gian tới nói rằng dĩ nhiên có sự hiểu lầm. Nhiều người có thẩm quyền hỏi thăm tin tức tôi. Những bài viết nho nhỏ đầy khoan dung xuất hiện trên các tờ báo ngày. Ngay lúc đó xuất hiện dự án dàn xếp của người Anh, liên quan tới vấn đề đã được thảo luận và rất giống với những gì mà chính chúng tôi đã đề nghị. Khi các điều kiện trở nên chấp nhận được thì vụ việc được giải quyết nhanh

chóng ít ra là theo bề ngoài. Kỳ hạn đã được đặt ra trong một buổi họp thân mật và những người bạn của chúng tôi, trong cơn sáng khoái của sự đồng tình tìm lại được, cũng đã không quên tìm cách nhận về chút lợi thế bất ngờ. Rồi những mối quan hệ được nối lại như trước; tuy nhiên bản chất mọi vấn đề vẫn còn vô định. Bởi với nước Anh không hề có một việc gì được quyết định dứt khoát cả.

Đầu tháng Ba năm 1941, tôi không thể ngờ chiến tranh sắp sửa đặt ra cho chúng tôi, tại phương Đông và tại châu Phi, những thử thách lớn đối diện với quân thù, sự chống đối khăng khăng của Vichy và những mối bất hòa nghiêm trọng với các đồng minh của chúng tôi. Tôi cần đưa ra những quyết định cần thiết tại chỗ. Tôi quyết định tới đó.

Trước khi lên đường, qua kỳ nghỉ cuối tuần tại nhà ông Thủ tướng ở Chequers, ông này báo cho tôi hai điều cùng lúc nói lời tạm biệt với tôi. Ngày 9 tháng Ba, lúc rạng đông, ông Churchill đánh thức tôi dậy để vừa nói với tôi vừa nhảy lên vui mừng, rằng quốc hội Mỹ đã biểu quyết ủng hộ chương trình Lend-Lease ^[67] vốn được thảo luận từ nhiều tuần nay. Sự kiện này mang lại cho chúng tôi một niềm vui tràn ngập, không chỉ vì các nước tham chiến từ đây được bảo đảm nhận được từ Hoa Kỳ những phương tiện cần thiết cho cuộc chiến đấu, mà hơn nữa khi trở thành “nhà kho của các nền dân chủ,” theo cách nói của Roosevelt, nước Mỹ tiến một bước lớn về phía cuộc chiến. Bấy giờ, lợi dụng lúc tôi vui, ông Churchill đưa ra thông báo thứ nhì:

Tôi biết rằng ông có nhiều điều phàn nàn về Spears trong tư cách trưởng ban liên lạc của chúng tôi bên cạnh ông. Tuy nhiên, tôi vẫn khẩn khoản yêu cầu ông tiếp tục giữ ông ấy lại và đưa ông ấy tới phương Đông. Đó là một sự giúp đỡ riêng tư mà ông dành cho tôi đấy.

Tôi không thể từ chối và sau đó chúng tôi chia tay nhau.

Khi bay về phía xích đạo ngày 14 tháng Ba, lần này tôi có cảm giác rằng Nước Pháp Tự Do đã có một nền tảng có giá trị. Dù các thành viên hãy còn phân tán, Hội đồng phòng thủ Đế quốc của chúng tôi vẫn tạo nên một toàn thể có giá trị và chặt chẽ, được chính phủ Anh thừa nhận ngay

ngày 24 tháng Chạp. Tại London, chính quyền trung ương của chúng tôi đã được củng cố với những con người ưu tú , như Cassin, Pleven, Palewski, Antoine, Tissier, Dejean, Alphand, Dennery, Boris, Antier, v.v... tạo nên bộ khung của nó. Mặt khác, về mặt quân sự, nhiều sĩ quan sáng giá, như các Đại tá Petit, Angenot, Dassonville và Brosset tới từ Nam Mỹ; Bureau được chuyển từ Cameroun, Đại tá không quân Valin từ Ba Tây đến với chúng tôi, tất cả tạo thêm sự vững chắc cho các bộ tham mưu của chúng tôi. Tại phương Đông, Catroux, tại châu Phi, Larminat, đã nắm mọi việc trong tay. Dưới sự thúc đẩy của Garreau-Dombasle tại Mỹ, của Ledoux tại Nam Mỹ, của Soustelle tại Trung Mỹ, của d'Argenlieu và Martin-Prevel tại Canada, các phái đoàn của chúng tôi xâm nhập khắp nơi trên thế giới. Các ủy ban ở nước ngoài của chúng tôi không ngừng phát triển, bất chấp hành động tại chỗ của các đại diện của Vichy, sự ác ý của hầu hết những người Pháp có địa vị và những cuộc cãi vã quen thuộc của đồng bào chúng tôi. Huân chương Giải phóng tôi lập ra ngày 16 tháng mười Một 1940, và tổ chức lễ khen thưởng tại London ngày 29 tháng Giêng năm 1941 đã khích lệ tinh thần thi đua sôi nổi trong những con người của phong trào Nước Pháp Tự Do. Cuối cùng chúng tôi cảm thấy, qua mặt biển, nước Pháp đang nhìn về phía chúng tôi.

Những tiến bộ của Nước Pháp Tự Do, về phương tiện và về sự vững vàng, đã xuất hiện với tôi, dọc theo con đường của tôi, trong thái độ các vị thủ hiến Anh mà tôi gặp khi ghé lại Gibraltar, Bathurst, Freetown, Lagos. Mới ngày nào, tôi thấy họ đầy thân tình; giờ đây tôi thấy họ đầy lòng quý trọng. Tiếp đến, khi đi suốt khối xích đạo thuộc Pháp tôi không cảm thấy, ở bất luận đâu, sự lo âu lẫn sự bấp bênh. Mỗi người giờ đây vững tâm trong niềm tin và trong hy vọng của mình, hướng cái nhìn ra phía ngoài, muốn thấy lực lượng của chúng tôi ra khỏi cái nôi xa xôi, lớn lên với những cuộc tập hợp khác, đánh phá kẻ thù, tới gần với nước Pháp.

CHƯƠNG 6

TRUNG ĐÔNG

Tôi bay về Trung Đông phức tạp với những ý tưởng giản dị. Tôi biết rằng giữa những nhân tố chằng chịt, một phần thiết yếu đang hoạt động ở đó. Vậy phải phát xuất từ đó. Tôi biết rằng với các nước đồng minh, chìa khóa của hành động là kinh Suez mà nếu mất đi thì Tiểu Á Tể Á và Ai Cập sẽ rơi vào phe Trục, nhưng ngược lại nếu chiếm hữu được họ thì chúng tôi có thể hành động từ phía đông sang phía tây, trên Tunisie, Ý, miền Nam nước Pháp. Điều này có nghĩa là tất cả buộc chúng tôi phải hiện diện trong những trận đánh mà con kênh là cái được, thua. Tôi biết rằng giữa Tripoli và Bagdad, qua Le Caire, Jérusalem, Damas, cũng như giữa Alexandrie và Nairobi, qua Djeddah, Khartoum, Djibouti, đam mê và tham vọng chính trị, chủng tộc, tôn giáo luôn mài sắc và căng thẳng dưới sự kích động của chiến tranh, rằng ở các nơi đó tư thế của nước Pháp luôn bị phá ngầm và thêm muốn, rằng trong mọi giả thuyết đất nước tôi không còn cơ may giữ lại được gì nếu lần đầu tiên trong lịch sử đất nước tôi vẫn thụ động trong khi tất cả đều có liên can. Vậy bốn phận của tôi là phải hành động, ở đó cũng như nơi khác, thay cho những người không làm chuyện đó.

Còn về các nguồn lực của Pháp tại vùng này thì trước tiên đó là những cái tôi đã sẵn có: những đội quân chiến đấu, những quân dự bị đang đào tạo, nhưng cả lãnh thổ nước Tchad giúp chúng tôi có thể hoạt động tại Libye từ miền nam và, ngoài ra, còn tạo điều kiện cho không quân đồng minh đưa trang thiết bị trực tiếp từ Đại Tây Dương tới sông Nil thay vì vận chuyển chúng bằng đường biển theo đường vòng Cap. Mặt khác, có những yếu tố để thành công mà Vichy đang mất đi: sự hiện diện của nước Pháp tại

các quốc gia vùng Levant nơi đất nước tôi có một đội quân và nơi dầu hỏa đổ ra; nước thuộc địa Djibouti; đội tàu Alexandrie. Nếu vì chiến thuật hay vì cần thiết, tôi có thể dự kiến trong chốc lát để một nhân tố nào trong số đó ở ngoài cuộc chiến, nếu tôi liệu chừng, trong số những người thực hiện, những gì thường có thể dung thứ được trong chính sách đợi thời và có thể biện giải được trong sự tuân thủ của họ, tôi đã không ít kiên quyết hơn trong việc bắt họ theo sớm nhất. Trong lúc rời London, tôi đã lấy ý kiến của Hội đồng Phòng thủ về những gì cần làm nếu muốn được bảo đảm về các lãnh thổ Syrie và Liban trước sự đe dọa trực tiếp của người Đức, Anh và Thổ Nhĩ Kỳ. Tóm lại, tôi tới Trung Đông, quyết định không giữ gìn gì cả, một mặt để trải rộng hoạt động, mặt khác để bảo vệ những gì có thể bảo vệ được của tình hình nước Pháp.

Trước tiên tôi đáp xuống Khartoum, căn cứ của trận Érythrée và của Soudan. Căn cứ này được đặt dưới sự điều khiển khá tốt của Tướng Platt, người chỉ huy nhanh nhẹn và năng động vừa hủy diệt trên những vùng cao Keren tuyến phòng thủ chính yếu của quân Ý. Lữ đoàn của đại tá Monclar và nhóm không quân của thiếu tá Astier de Villatte đã tham gia xuất sắc trận này. Còn các đội quân của Djibouti, mặc dù Tướng Legentilhomme đã mấy lần tiếp xúc, họ vẫn không quyết định và ông Thủ hiến Noailhetas đã trấn áp bằng mọi cách – thậm chí bằng cả hình phạt tử hình – các phong trào đòi gia nhập Nước Pháp Tự Do.

Để Djibouti trở lại với cuộc chiến, vậy là không nên tin cậy vào một sự gia nhập tự phát. Mặt khác tôi không có ý định xâm nhập đất nước này bằng vũ trang. Còn lại sự phong tỏa chắc chắn đem lại sự hiểu biết cho một thuộc địa mà lương thực đến bằng đường biển, từ Aden, Arabie, Madagascar. Nhưng chúng tôi không bao giờ được người Anh đồng ý làm tất cả điều cần thiết.

Cố nhiên bộ chỉ huy quân đội của họ trên nguyên tắc vẫn ủng hộ rằng việc gia nhập sẽ mang lại nhiều tăng viện. Nhưng nhiều cấp khác của người Anh lại ít gấp gáp hơn. Có thể họ nghĩ: “Nếu sự cạnh tranh từ 60 năm nay đặt đối diện phía nguồn sông Nil các nước Anh, Ý và Pháp kết thúc bằng một thắng lợi đúng nghĩa của Anh, nếu người Ý cuối cùng bị đè bẹp, có lẽ

người Pháp vẫn thụ động và bất lực, từ đó địa vị của nước Anh trong toàn bộ: Abyssinie, Érythrée, Somalie, Soudan mới thật là độc nhất! Với vài tiểu đoàn mà Djibouti có thể tung vào một trận đánh đã tiềm tàng thắng lợi, liệu có nên từ chối một kết quả như thế không?” Theo tôi, trạng thái tinh thần này, ít nhiều phổ biến trong số những người Anh, giải thích tại sao chính quyền Vichy đã thành công, trong suốt hai năm, trong việc trang bị cho nước thuộc địa và từ đó duy trì nước này trong sự tuân thủ tệ hại.

Sự thiếu trách nhiệm của họ chỉ làm tăng thêm giá trị của các đội quân Pháp đang chiến đấu tại Érythrée. Tôi đã đến với các đội quân này các ngày 29 và 30 tháng Ba. Một máy bay Pháp đưa tôi tới Agorda, tôi tới vùng phía đông Keren, nơi lữ đoàn của chúng tôi hợp với một sư đoàn Hindu, tạo thành cánh trái cuộc bố trí lực lượng của Đồng minh. Các đội quân của chúng tôi thật tuyệt vời. Sau Kub-Kub họ đã góp phần đáng kể vào chiến thắng Keren đồng thời thọc sâu và tràn ngập cánh phải quân Ý. Người nổi bật trong trận này, trung tá Génin, đã được giới thiệu với tôi. Từ Alger, để tới gặp chúng tôi, ông vừa băng qua châu Phi và tuy hầy còn chân ướt chân ráo, ông đã xông vào cuộc chiến đấu.

Ông đã tận mắt chứng kiến rồi đấy, Génin. Ông nghĩ sao nào?

A! nếu mọi người ở phía bên kia, thấy được, thì sẽ không có vấn đề gì nữa!

Ngày hôm sau cuộc thăm viếng của tôi, khi Tướng Platt phát động việc khai thác, người chỉ huy lữ đoàn Pháp kéo quân của ông về phía Massaouah, thủ đô và nơi cố thủ của Érythrée. Montecullo và đồn Umberto khi đã bị quân chúng tôi đánh chiếm; ngày 7 tháng Tư, đội quân lê dương nhanh chóng và bất thần tiến vào Massaouah trong tình trạng hỗn độn với một đám quân Ý tháo chạy tán loạn về phía hải cảng, chiếm bộ tư lệnh hải quân và dành cho Đại tá Monclar cái danh dự được đón nhận sự đầu hàng của viên tư lệnh hải quân địch tại biển Đỏ. Tổng cộng, trong chiến đấu, phân đội Pháp đã bắt hơn 4.000 tù binh và đón nhận sự đầu hàng của 10.000 người khác tại Massaouah.

Từ đây những phần vụn vỡ của các lực lượng Ý bị ném sang Abyssinie và chỉ còn tổ chức thành những hoạt động rời rạc. Nhưng việc

nước Somalie thuộc Pháp vẫn ở ngoài cuộc chiến đấu đã lấy đi của Pháp vai trò quyết định mà các lực lượng của đất nước tôi có thể đảm nhận khi đi thẳng theo đường xe lửa từ Djibouti tới Addis-Abéba nơi Négus, Quốc vương Éthiopie sẽ trở về. Tôi chỉ có thể rút ra từ đó những hậu quả thảm hại. Giờ đây phải đưa các đội quân Pháp tự do tới chỗ khác, những đội quân vừa được tung vào cũng như những đội quân đang kéo tới, Palewski có thể ở lại tại chỗ trong tư cách đại biểu chánh trị và quân sự, được quyền sử dụng một tiểu đoàn và vài chiếc máy bay.

Tại Le Caire, nơi tôi đáp xuống ngày 1 tháng Tư, trái tim chiến tranh đang đập, nhưng đó là một trái tim nao núng. Quả thật tình cảnh của người Anh và đồng minh của họ có vẻ chông chênh tại đây, không chỉ vì những biến cố quân sự mà còn vì họ hiện diện trên một vùng đất bị xói mòn bởi những trào lưu chánh trị, giữa những đám dân cư chứng kiến, nhưng không dự phần, trận đánh giữa những người phương Tây với nhau, lại sẵn sàng thu lợi từ di hài những người thua trận.

Các điều kiện trên tạo cho việc chỉ đạo chiến tranh tại phương Đông một tính cách thật phức tạp. Tướng Wavell, Tổng Tư lệnh quân đội Anh, may sao sẵn óc bén nhạy trong phê phán và sự trầm tĩnh, lại hoạt động giữa vô số những việc đột xuất phần đông chỉ liên quan tới chiến lược một cách gián tiếp. Chiến lược này lại đầy bất ổn. Vào đầu tháng Tư, Wavell chỉ huy trên ba mặt trận một trận đánh mà các đường giao thông vô tận phải tiếp tế một cách khó khăn.

Tại Libye, sau những thắng lợi tốt đẹp đưa quân Anh tới ngưỡng cửa thành phố Tripolitaine, Wavel đã phải lùi bước. Vùng Cyrénaïque đã sắp mất, ngoại trừ Tobrouk. Bộ chỉ huy dù giá trị, các đội quân dù can đảm vẫn chưa có bước đầu tập quen với cuộc chiến đấu trên sa mạc, rất đổi cơ động và tốc độ trên những khoảng mênh mông trần trụi, rất đổi mệt mỏi với cái khát và căn bệnh sốt kinh niên, dưới mặt trời đổ lửa, trong cát và giữa đám muối mòng. Rommel thay đổi số phận ngay vào lúc chính phủ London buộc Wavell phải rút binh đoàn của mình đi và gửi tới Hi Lạp một phần lực lượng quan trọng. Vậy mà trên mặt trận Hi Lạp mọi việc cũng không xuôi chèo mát mái. Sự thật là những thắng lợi tại Érythrée và Abyssinie, mang

lại vài an ủi. Nhưng những dấu hiệu nguy ngập đã xuất hiện tại các nước Ả Rập. Irak sôi động. Ai Cập vẫn bí ẩn. Về vấn đề Syrie, người Đức bắt đầu với Vichy những cuộc mặc cả đáng ngại. Tại Palestine, cuộc xung đột tiềm tàng giữa người Ả Rập và người Do Thái buộc mọi người phải đề phòng.

Thêm vào bao khó khăn tích tụ quanh Wavell là những sự chông chéo nhau. Có những bức điện từ London. Bởi ông Churchill, vốn luôn nóng và tinh thông, luôn yêu cầu giải thích và đưa ra chỉ thị. Ngoài những cuộc viếng thăm của ông Eden, trước tiên là bộ trưởng Chiến tranh, rồi vào tháng Tư năm 1941 – khi tôi gặp ông tại Le Caire – là Bộ trưởng Ngoại giao, có những cuộc vận động của ông đại sứ, Sir Miles Lampson, do giá trị và kinh nghiệm, đã được giao cho một thứ sứ mệnh phối hợp thường trực. Có sự kiện quân đội phương Đông phần lớn bao gồm các lứa quân dịch của các nước tự trị: châu Úc, Tân Tây Lan, Nam Phi, mà các chính phủ vẫn theo dõi một cách đồ kị việc sử dụng các lực lượng của họ, cũng như các đội quân Ấn Độ phải sử dụng cách nào để không tỏ ra lạm dụng. Tóm lại Wavell chỉ sử dụng quyền chỉ huy quân sự của mình qua tất cả mọi thứ cản trở về mặt chính trị.

Tôi cần phải nói rằng ông đã chịu đựng chúng với một sự thanh thản cao quý. Cho tới lúc ông còn duy trì tổng hành dinh của mình tại Le Caire nơi chúng siết chặt lấy ông từ mọi phía. Giữa lòng thành phố đông lúc nhúc, trong sự náo động và bụi bặm, giữa những bức tường của một phòng làm việc bé nhỏ nóng bức, ông bị tấn công liên tục bởi những sự can thiệp từ bên ngoài vào lãnh vực người lính bình thường của ông. Và thế là tôi tới, khó chịu và thúc bách, với quyết tâm giải quyết, thay cho nước Pháp, những vấn đề có tính cách cáo buộc đối với người Anh, và trước tiên với vị tổng tư lệnh của họ.

Với Tướng Catroux, tôi vạch ra những triển vọng của chúng tôi. Những gì xảy ra tại Syrie và Liban là điều cốt yếu đối với chúng tôi. Sớm muộn gì chúng tôi cũng phải tới các nơi đó. Ngày chúng tôi có mặt tại các nơi đó, nước Pháp hẳn sẽ có cơ may mang đến cho nỗ lực chung một phần đóng góp quan trọng. Cách khác, nếu cơ may này mất đi thì tư thế của nước Pháp sẽ cùng chung số phận. Bởi nếu giả định rằng phe Trục là người chiến

thắng, họ sẽ thống trị các nơi đó cũng như những nơi khác. Trong trường hợp ngược lại, người Anh sẽ chiếm chỗ của chúng tôi. Vậy thì thẩm quyền của Nước Pháp Tự Do phải trải rộng tới Damas và Beyrouth, ngay khi các biến cố tạo cơ hội cho điều đó.

Nhưng khi tôi tới Le Caire thì cơ hội chưa ở trong tầm tay. Chúng tôi chỉ có thể hy vọng nhà cầm quyền và quân đội vùng Levant tự họ đánh tan ảo tưởng tai hại vẫn trói buộc họ. Cuộc vận động, vào cuối tháng sáu 1940 thúc đẩy nhiều đạo quân về hướng Palestine, đã biến thành chính sách chờ thời. Ngoài ra việc giải ngũ nhiều sĩ quan và lính do Vichy quyết định sau các cuộc đình chiến đã đưa họ về Pháp. Hơn nữa, trong số những quân nhân và công chức đang tại ngũ hay tại chức, Vichy đã cho hồi hương, thậm chí bắt giữ, nhiều “người theo de Gaulle.” Tóm lại cuộc vận động được mong đợi lúc Tướng Catroux tới Le Caire đã không xảy ra và những người cung cấp tin tức của chúng tôi tại Beyrouth và Damas cũng không thấy nó sẽ xảy ra sớm.

Cũng chính quyết định từ bỏ đã làm sa lầy đội tàu Pháp ở Alexandrie. Từ khi Đô đốc Godfroy ký kết với Andrew Cunningham thỏa hiệp trung lập hóa những chiếc tàu của ông, tàu bọc sắt Lorraine, các tàu tuần tra Duguay-Trouin, Duquesne, Suffren, Tourville, các tàu khu trục: Basque, Forbin, Fortuné, tàu ngầm Protée, vẫn thả neo trong hải cảng. Vài thành phần của các bộ tham mưu và các đoàn thủy thủ từng lúc đã đến với chúng tôi. Nhưng những người khác tuân thủ quân lệnh của Vichy và dùng thời gian chiến tranh này để chứng tỏ với nhau rằng cách tốt nhất để phục vụ nước Pháp bị chiếm đóng là không đánh đấm gì cả. Một ngày của tháng tư, khi qua vũng tàu ở Alexandrie để đi thăm đô đốc Cunningham trên tàu của ông, tôi có thể trông thấy, trái tim se thắt, những con tàu Pháp xinh đẹp trong trạng thái ngủ gà ngủ gật và vô dụng giữa đội tàu Anh sẵn sàng chiến đấu.

Tuy nhiên, bởi không thể chấp nhận rằng diễn tiến của trận đánh tại Địa Trung Hải không gây một tác dụng nào lên tinh thần các vị chỉ huy tại châu Phi và phương Đông, chúng tôi đã cố mở những cuộc tiếp xúc với họ. Vào tháng mười một, Catroux cho người đưa tới Weygand một bức thư

thân cận. Dù ảo tưởng của mình rất đổi mong manh, tôi vẫn tán thành cuộc vận động này. Chính tôi cũng đã đưa ra nhiều lời kêu gọi trên đài phát thanh, nhất là tuyên bố ngày 28 tháng Chạp 1940: “Nếu tất cả những người chỉ huy của nước Pháp, dầu lỗi lầm tới đâu, quyết định rút gươm ra khỏi bao thì sẽ gặp chúng tôi bên cạnh, không cấm cản và không tham vọng. Nếu châu Phi thuộc Pháp cuối cùng đứng lên để chiến đấu, chúng tôi sẽ gắn liền với họ bằng mảnh Đất quốc của chúng tôi.”

Tháng Giêng, khi đã tham khảo các thành viên của Hội đồng Phòng thủ về thái độ của chúng tôi trong giả thuyết Vichy bất đồ trở lại với cuộc chiến đấu, tôi thấy họ, cũng như bản thân tôi, đều sẵn sàng cho sự đoàn kết. Ngày 24 tháng Giêng, cũng trong hướng đó, tôi đã viết cho Tướng Weygand bất chấp cảnh ngộ đáng buồn mà ông đã dành cho tôi và sự tiếp đón thiếu nhã nhặn của ông đối với bức thư trước của tôi. Tôi khẩn khoản yêu cầu Weygand nắm lấy cơ hội cuối cùng dành cho ông để tiếp tục cuộc chiến đấu. Tôi đề nghị chúng tôi sẽ hợp tác với nhau và cho ông hiểu rằng nếu ông đồng tình, ông có thể tin vào sự kính trọng và sự hợp tác của tôi. Mặt khác, Catroux không bỏ sót cơ hội nào để gửi tới đô đốc Godfroy những tín hiệu cởi mở. Cuối cùng, tháng mười một, ông đã viết cho ông Puaux, toàn quyền tại vùng Levant, Tướng Fougère, Tư lệnh cao cấp các đội quân, và tướng Arlabosse, phụ tá của ông, chỉ để phác thảo với họ vài mối liên lạc.

Nhưng những mưu toan liên tiếp đó không tạo được một kết quả nào. Với những phái viên của chúng tôi, Weygand trả lời khi thì: “Lẽ ra de Gaulle phải bị xử bắn”, khi thì: “Bản thân ông đã quá già để làm một kẻ phản nghịch,” khi thì: “Hai phần ba nước Pháp bị chiếm đóng bởi quân thù, một phần ba còn lại bởi hải quân – điều này còn tệ hơn – và bởi Darlan liên tục cho người theo dõi ông nên ông không thể làm gì được, ngay cả khi ông muốn làm.” Còn Tướng Godfroy, ông đón nhận các bức thư của Tướng Catroux một cách lịch sự nhưng không đọc nghiêm túc. Từ Beyrouth, cuối cùng Arlabosse gửi tới Catroux một thư phúc đáp đúng đắn nhưng lạnh lùng. Ngoài ra, vào cuối tháng Chạp, tiếp theo tai nạn máy bay tại Chiappe, ông Đại sứ Puaux đã được thay thế bởi Dentz, ông tướng thật theo thời và

sẵn sàng áp dụng nguyên xi những quân lệnh của Darlan. Ít lâu sau, đến lượt Fougère bị cách chức và Tướng Verdilhac nắm quyền chỉ huy các đội quân.

Trong những điều kiện đó, chúng tôi chỉ có thể nghĩ tới việc tiến vào Syrie khi chính quân thù bắt đầu vững chân ở đó. Trong khi chờ đợi chỉ cần tập hợp các đội quân của Legentilhomme và đặt họ dưới quyền sử dụng của Wavell để ông tung chúng vào Libye. Đó là điều tôi đã thỏa thuận với ông Tổng Tư lệnh người Anh. Cùng lúc, tôi thu xếp với Thống chế không quân Longmore về việc tổ chức và sử dụng lực lượng không quân khiêm tốn của tôi.

Tôi phải nói rằng những người lính của chúng tôi luôn gây những ấn tượng tốt nhất. Tại Trung Đông không yên ổn này, nơi từ lâu tiếng tăm của nước Pháp vẫn được biết tới, họ tự cảm thấy họ là những nhà vô địch. Và lại người Ai Cập vẫn đón tiếp họ đặc biệt nồng hậu, có thể không phải không có ý đồ cho thấy thái độ lịch sự của họ đối với người Pháp đối chọi với sự lạnh nhạt họ dành cho người Anh. Bản thân tôi vẫn có những cuộc tiếp xúc dễ chịu với hoàng thân Mohamed Ali, em họ và người thừa kế của nhà vua, cũng như với Sikry Pacha, thủ tướng chính phủ, và nhiều vị bộ trưởng của ông. Còn người Pháp cư ngụ tại Ai Cập: các nhà bác học, nhà giáo dục, chuyên gia đồ cổ, thầy tu, nhà kinh doanh, thương gia, kỹ sư và viên chức tại kinh đào, hầu hết đều phô bày một hoạt động đầy nhiệt tình để giúp các đội quân của chúng tôi. Ngay ngày 18 tháng Sáu, dưới sự thúc đẩy của Nam tước de Benoist, Giáo sư Jouguet, các ông Minost và Boniteau, họ đã thành lập một tổ chức tức thì trở thành một trong những trụ cột của Nước Pháp Tự Do. Tuy nhiên một số đồng bào của chúng tôi vẫn giữ khoảng cách với phong trào. Thỉnh thoảng, vào buổi chiều, khi dạo bước trong vườn bách thú tại Le Caire và đi qua trước tòa công sứ Pháp đối diện với nó, tôi thấy xuất hiện nơi các cửa sổ những khuôn mặt căng thẳng của những người không đến với chúng tôi nhưng cái nhìn vẫn theo dõi Tướng de Gaulle.

Trong hai tuần lễ có mặt tại Soudan, Ai Cập và Palestine, vậy là nhiều điều đã trở nên sáng tỏ, và bây giờ tôi không thể làm được gì. Sau đó tôi

quay về Brazzaville. Bằng mọi cách cần phải thúc đẩy việc tổ chức khối xích đạo của chúng tôi. Nếu để mất Trung Đông phải mất đi, chắc hẳn đó sẽ là lá chắn cuộc đề kháng của đồng minh; nếu không chúng tôi sẽ có ở đó một căn cứ cho một cuộc tấn công trong tương lai.

Một lần nữa việc thị sát đưa tôi tới Douala, Yaoundé, Maroua, Libreville, Port-Gentil, Fort-Lamy, Moussoro, Faya, Fada, Abéché, Fort- - Archambaut, Bangui, Pointe-Noire. Vẫn còn thiếu nhiều điều ở các nơi này, nhưng trật tự lẫn thiện chí thì tuyệt nhiên không thiếu. Các vị Thủ hiến: Cournaire tại Cameroun, Lapie tại Tchad, Saint-Mart tại Oubangui, Fortuné tại Trung bộ Congo, Valentin-Smith tại Gabon – nơi ông vừa tới thay cho Parant qua đời khi đang tại chức vì tai nạn máy bay – tất cả đều lãnh đạo và quản lý trong bầu không khí không chút ngờ vực bao trùm lên người Pháp khi bắt đầu họ nhất trí với nhau để phục vụ một sự nghiệp cao cả. Trong lĩnh vực quân sự, việc tổ chức đạo quân Sahara của Leclerc là điều cấp bách hàng đầu. Tôi cho gửi tới ông từ nước Anh tất cả những cán bộ, sĩ quan còn lại cũng như tất cả những phương tiện thích hợp mà người Anh đồng ý cung cấp. Nhưng ngay cuối tháng Tư, tôi tin chắc ngày một ngày hai, chúng tôi sẽ phải hành động tại Levant.

Thật sự quân Đức đã đổ ra Địa Trung Hải. Ngày 24 tháng Tư, cuộc kháng chiến Anh-Hy Lạp sụp đổ, trong lúc người Nam Tư cũng vừa ngã gục. Cố nhiên người Anh sẽ cố bám vào đảo Crète. Nhưng liệu họ có thể đứng vững ở đó không? Tôi thấy điều hiển nhiên là từ các bờ biển Hy Lạp, đối phương sắp sửa đưa tới Syrie ít ra là nhiều phi đội. Sự hiện diện của các phi đội này giữa các nước Ả Rập có thể khơi dậy một sự khuấy động tạo cơ hội cho quân đội Đức tràn vào. Mặt khác, từ địa hình của Damas, Rayak, Beyrouth, năm trăm cây số cách Suez và Port-Said, máy bay Đức sẽ thả hồ ném bom xuống con kinh và các lối vào.

Về phương diện này, Darlan không thể gạt đi các yêu sách của Hitler. Nhưng trong giả thuyết những người chỉ huy và binh sĩ Pháp vùng Levant trông thấy máy bay của không quân Đức đáp xuống các căn cứ của họ, tôi tự an ủi với hy vọng nhiều người trong bọn họ sẽ từ chối chịu đựng sự hiện diện này và bảo vệ nó bằng khí giới của họ. Trong trường hợp này chúng

tôi phải ra tay giúp họ. Vậy là tôi đưa ra những chỉ thị liên quan tới hành động sắp thực hiện. Vấn đề là đưa thắng tới Damas sư đoàn nhỏ của tướng Legentilhomme, ngay khi sự xuất hiện của quân Đức có thể khơi dậy phong trào nơi đồng bào chúng tôi là điều có thể xảy ra. Phần mình, trong giả thuyết này, Catroux chuẩn bị mở tất cả những cuộc tiếp xúc có thể được với chính Dentz nếu cần, để thành lập mặt trận chung của người Pháp chống quân xâm lược nước Pháp và Syrie.

Nhưng những dự định này không được người Anh nhất trí. Dồn công sức vào ba mặt trận chiến đấu, Tướng Wavell dù gì cũng không muốn một mặt trận mới mở ra. Không muốn tin vào điều tệ hại nhất, dựa trên các báo cáo của viên Tổng Lãnh sự Anh tại Beyrouth, ông tin chắc rằng Dentz sẽ chống lại quân Đức nếu có dịp. Cùng lúc, chính phủ Anh ra sức tán tỉnh Vichy. Vì vậy mà vào tháng hai, bất chấp sự cảnh báo của tôi, bộ tư lệnh hải quân Anh đã chấp thuận cho tàu khách Providence chở những người theo de Gaulle bị buộc phải hồi hương từ Beyrouth về Marseille được tự do đi qua. Vì vậy mà vào cuối tháng tư, một hiệp định thương mại với Dentz đã được ký kết, bảo đảm cho việc tiếp tế vùng Levant. Vì vậy mà ông Thủ hiến Noailhetas tiếp tục mở những cuộc thương thảo tại Aden trong cùng mục đích, cho Djibouti.

Qua những thông tin từ Pháp đưa tới, tôi nghĩ rằng ảnh hưởng của Mỹ phần nào thể hiện trong những cố gắng làm dịu đi tình hình. Người ta kể với tôi rằng đối với Đô đốc Leahy, Đại sứ tại Vichy, Pétain và Darlan không tiếc công mua chuộc, vào đúng lúc họ chấp nhận những yêu sách của Hitler một cách kín đáo. Roosevelt cũng bị ảnh hưởng bởi những bức điện của Leahy, ông thúc giục người Anh hãy tỏ ra chiều cố. Tôi càng thấy cần thiết phải chuẩn bị hành động tại vùng Levant thì các nước đồng minh của chúng tôi càng tỏ ra ít sẵn sàng cho chuyện này. Ngày 9 tháng Năm, từ Le Caire, Spears thông báo với tôi rằng hiện ở đây không một chiến dịch nào được dự kiến cho Nước Pháp Tự Do, rằng việc tôi đến Ai Cập chỉ gây thiệt hại cho tôi, và tốt hơn hết tôi nên trở lại London.

Tin rằng việc chờ đợi có thể trả giá đắt, tôi nghĩ khi trở về, phải gây xúc động cho người Anh. Ngày 10 tháng Năm, tôi gọi điện tới Le Caire, tới

sứ quán Anh và ông Tổng Tư lệnh để phản đối, một mặt, “những quyết định đơn phương họ đưa ra về vấn đề tiếp tế cho vùng Levant và cho Djibouti,” và mặt khác, “những chậm trễ trong việc tập trung sư đoàn Legentilhomme trong tầm Syrie trong khi quân Đức ngày càng có khả năng tràn tới.” Tôi nói rằng trong những điều kiện này, sắp tới tôi không có ý định tới Le Caire, rằng tôi để cho mọi việc ở đây tiến triển bình thường và từ đây tôi muốn đưa nỗ lực của người Pháp Tự Do tới Tchad. Tiếp đến, tôi cho London biết tôi gọi Tướng Catroux từ Le Caire về, sự có mặt của ông ta ở đó đã trở nên vô ích. Cuối cùng khi ông Parr, Tổng Lãnh sự Anh tại Brazzaville mang thư của ông Eden gửi cho tôi để biện giải chính sách trấn an đối với Vichy, tôi cho viết một thư trả lời gay gắt lên án chính sách này nhất là khi tôi biết được cuộc hội kiến giữa Darlan và Hitler tại Berchtesgaden, việc ký kết một hiệp ước giữa hai người, cuối cùng sự hạ cánh của máy bay Đức tại Damas và Alep.

Bởi quân thù cũng đang chơi trò chơi lớn. Theo sự xúi giục của họ, Rachid Ali Kilani, người đứng đầu chính phủ Iraq đã phát động những hoạt động thù địch vào những ngày đầu tháng Năm. Người Anh bị giam hãm tại những căn cứ không quân của họ. Ngày 12 tháng Năm, máy bay Đức tới Syrie và từ đó, tới Bagdad. Hôm trước đó, nhà cầm quyền Vichy đã gửi tới Tel-Kotchek, trên biên giới Iraq, những công cụ chiến tranh mà ủy ban đình chiến Ý mới đây đã cho gửi tạm vào kho dưới sự kiểm soát của họ. Cổ nhiên mớ vũ khí này đã được gửi tới Rachid Ali. Khi người Anh yêu cầu giải thích, Dentz trả lời nước đôi nhưng không chối bỏ những sự kiện xảy ra. Ông còn nói thêm là nếu nhận được lệnh của Vichy để các đội quân Đức đổ bộ, ông cũng sẽ tuân thủ, có thể điều này cũng có nghĩa là lệnh đã đưa ra. Chúng tôi đã biết, thật sự, những bãi biển, nơi quân thù sẽ tiến vào bờ, đều đã được chỉ định trước.

Nội các London phán đoán rằng trong những điều kiện này, tốt hơn hết là theo cách nhìn của tôi. Sự lật ngược bất ngờ và toàn diện. Ngay ngày 14 tháng Năm, Eden, một phía, và Spears, vẫn ở Ai Cập, phía khác, đều thông báo với tôi điều này, không cần úp mở. Cuối cùng một thông điệp của ông Churchill yêu cầu tôi tới Le Caire và dừng rút Catroux về, bởi hành động

đang gần kề. Thật mãn nguyện với thái độ của ông thủ tướng, tôi nồng nhiệt đáp lời ông, và lần này bằng tiếng Anh. Tuy nhiên về thái độ của các nước đồng minh trong chuyện này, tôi không khỏi rút ra những kết luận tất yếu. Còn tướng Wavell thì chính phủ của ông đã chỉ thị cho ông hành động tại Syrie như chúng tôi đã dự kiến. Tôi thấy ông đành phải tuân thủ khi tôi tới Le Caire ngày 25 tháng Năm. Quả thật lúc này việc mất đảo Crète và mặt trận Hi Lạp biến đi đã làm nhẹ đi, lúc này, những nỗi gò bó của ông Tổng Tư lệnh này.

Trong khi đó ngay tại Syrie mọi việc không xoay chuyển như chúng tôi đã hi vọng. Có lúc Catroux tưởng đâu có thể thực hiện kế hoạch của chúng tôi và tiến vào Damas chỉ với những lực lượng Nước Pháp Tự Do. Nhưng ông phải sớm nhận ra rằng sự thông đồng giữa Vichy và quân thù không làm nổi dậy một sự biến động nào trong số những đội quân vùng Levant. Trái lại những đội quân này đóng tại biên giới, để chống lại Nước Pháp Tự Do và quân đồng minh, trong khi phía sau họ quân Đức có thể mặc tình đi, lại. Bởi Dentz có hơn ba chục ngàn người với đầy đủ súng lớn, không quân và xe tăng, không kể tới các đội quân Syrie và Liban, dự định ban đầu của chúng tôi là tiến thẳng vào Damas với 6.000 bộ binh, tám khẩu đại bác và mười chiếc xe tăng, được yểm trợ bởi hơn hai mươi máy bay, và lợi dụng sự cộng tác mà chúng tôi mong tìm thấy tại chỗ, nhưng không thể áp dụng y như thế được. Quân Anh đã phải can thiệp và người ta đi tới một trận trực chiến.

Nhưng ít ra chúng tôi cũng mong muốn trận đánh này càng ít ác liệt và kéo dài càng tốt. Đó là vấn đề phương tiện. Bọn bè chúng tôi tại Beyrouth và Damas là cái cớ để chúng tôi nói: “Nếu quân đồng minh tiến vào Syrie từ mọi phía và với số lượng lớn, sẽ chỉ có một trận đánh danh dự. Nếu trái lại, các đội quân vùng Levant phải đương đầu với những lực lượng xoàng xĩnh về số lượng cũng như về phương tiện, bản năng quật cường của họ sẽ tác động và những trận đánh sẽ ác liệt.” Về vấn đề này, với sự tháp tùng của tướng Catroux, tôi đã mở nhiều cuộc trao đổi với Wavell. Chúng tôi thúc giục ông xâm nhập vùng Levant, không những qua phía nam, bắt đầu từ Palestine, mà còn qua phía đông, xuất phát từ Iraq nơi quân Anh đang đánh

phá Rachid Ali. Chúng tôi yêu cầu ông tổng tư lệnh hành quân với bốn sư đoàn, trong đó một sư đoàn xe tăng, và tung ra trên bầu trời Syrie một phần lớn không lực Hoàng gia. Chúng tôi khẩn khoản để ông cung cấp cho các đội quân của Legentilhomme những gì họ còn thiếu, nhất là: các phương tiện chuyển vận và pháo yểm trợ.

Quả thật Tướng Wavell không thiếu sự thông minh chiến lược. Ngoài ra ông còn muốn làm vừa lòng chúng tôi. Bị thu hút bởi những chiến dịch ở Libye và cố nhiên bị phiền toái với những bức điện dọa dẫm của ông Churchill trong đó ông thấy chính sự nhấn mạnh của chúng tôi có tác dụng, ông đáp lại yêu cầu của chúng tôi bằng một thái độ lịch sự tiêu cực. Không gì thuyết phục được ông dành cho vụ việc Syrie hơn một tối thiểu lực lượng. Ông chỉ đưa ra tiền tuyến, theo lệnh của Tướng Wilson, một sư đoàn Úc và một lữ đoàn kỵ binh theo đường bờ biển: Tyr-Saida, một lữ đoàn bộ binh tiến vào Kuneira và Merdjayoun, một lữ đoàn Ấn Độ cấp cho Legentilhomme, ông này sẽ tiến vào Damas qua Deraa. Về sau, Wavell thêm vào đó hai tiểu đoàn Úc. Cuối cùng, một phân đội Ấn Độ cũng phải hành động bắt đầu từ Iraq. Toàn bộ được sự yểm trợ của khoảng sáu mươi máy bay; nhiều tàu chiến tiếp nối các cuộc hành quân trên bộ, dọc theo bờ biển. Tóm lại, quân đồng minh tung ra ít lực lượng hơn đối phương. Vậy mà trên những căn cứ tồi tàn đó, chúng tôi phải hành động và kết thúc. Quyết định cuối cùng đã được đưa ra. Bị kịch bắt đầu.

Ngày 26 tháng Năm, tôi đã thị sát các đội quân Pháp tự do tại Kistina, giờ đây đã được tập trung, nhưng luôn luôn vẫn thiếu hụt. Legentilhomme giới thiệu với tôi bảy tiểu đoàn, một đại đội xe tăng, một đội pháo, một đại đội kỵ binh, một đại đội trinh sát, nhiều đơn vị phục vụ. Vào dịp này tôi đã trao những huân chương Giải phóng đầu tiên, đạt được tại Libye và Érythrée. Khi tiếp xúc với các sĩ quan và chiến sĩ, tôi nhận ra họ hoàn toàn cùng chung một trạng thái tinh thần với tôi: buồn phiền và chán ngán phải chống lại người Pháp, phẫn nộ với Vichy đã gây tổn hại cho kỷ luật các đội quân, cho sự xác tín phải tiến tới, phải chắc vào vùng Levant, phải làm nó chuyển hướng chống lại quân thù. Ngày 21 tháng Năm, Đại tá Collet, chỉ huy trưởng các đại đội kỵ binh, người Tcherkesses, người sĩ quan ưu tú với

một sự dũng cảm đã thành truyền thuyết, đã vượt biên giới và đến với chúng tôi cùng một phần các đơn vị của ông. Ngày 8 tháng Sáu, quân Pháp tự do và quân Anh tiến về phía trước và phát những lá cờ đồng minh với lệnh chung của Wavell và Catroux, chỉ dùng vũ khí chống lại những người bắn vào họ. Một đài phát thanh đặt tại Palestine từ hai tuần nay đã phát đi, qua giọng các đại úy Schmittlein, Coulet và Repiton, những lời kêu gọi thân mật gửi tới đồng bào chúng tôi, trong số này chúng tôi hy vọng, từ trong thâm tâm chúng tôi, không gặp phải những kẻ đối địch. Tuy nhiên chúng tôi vẫn phải vượt qua. Bằng một lời tuyên bố công khai, tôi không tỏ chút ngờ vực nào về điểm này.

Tôi càng quyết tâm thúc đẩy mọi việc tới cùng và nhanh chóng khi nhiều chỉ dấu cho thấy khả năng một cuộc tấn công của Vichy, và có thể của phe Trục chống lại châu Phi - Pháp tự do. Theo tin tình báo của chúng tôi, trong những cuộc trao đổi tại Berchtesgaden ngày 11 và 12 tháng năm, Hitler đã đòi hỏi với Darlan việc đặt dưới quyền sử dụng của Đức các phi trường và hải cảng của Syrie, khả năng của các đội quân, máy bay và tàu chiến Đức sử dụng Tunis, Sfax và Gabès, việc tái chiếm các lãnh thổ vùng xích đạo bởi những lực lượng của Vichy. Cố nhiên người của chúng tôi còn nói thêm rằng Weygand đã từ chối mở cho quân Đức lối vào Tunisie và từ chối phát động cuộc tấn công vào các lãnh thổ Pháp tự do, viện cớ rằng các cấp dưới quyền không tuân lệnh ông. Nhưng nếu Hitler kiên quyết trong ý đồ của mình thì sự chống đối của Weygand có nghĩa lý gì, cuối cùng và bởi thiếu ý chí chiến đấu, liệu ông còn cách nào để phản đối trong các hội đồng của ông Thống chế ngoài việc từ nhiệm?

Vì lẽ đó chúng tôi sẵn sàng trong tư thế đáp trả một cuộc tấn công. Lợi dụng ấn tượng gây ra bởi tin máy bay Đức tới Syrie trên vài đơn vị của bờ biển Ngà, Dahomey, Togo, Niger, Larminat chuẩn bị xâm nhập đất nước này trên ngay cơ hội đầu tiên. Bản thân tôi đã đưa ra cho ông những chỉ thị cần thiết. Mặt khác, trước yêu cầu can thiệp trong trường hợp Vichy, đơn phương hay với sự hợp tác tức thì của quân Đức, ra sức hành động, chẳng hạn chống lại Tchad, chính phủ Anh, qua thông điệp của ông Eden, đã trả lời với tôi rằng họ sẽ giúp tôi chống lại bằng tất cả mọi phương tiện sẵn có.

Cuối cùng chúng tôi đã làm điều cần thiết để người Mỹ quan tâm tới an ninh của châu Phi thuộc Nước Pháp Tự Do. Ngày 5 tháng sáu, tôi trao cho ông bộ trưởng Hoa Kỳ tại Le Caire một giác thư xác định rằng một ngày nào đó châu Phi phải là một căn cứ xuất phát của Mỹ để giải phóng châu Âu, và đề nghị Washington sớm chuyển các lực lượng không quân tới Cameroun, Tchad và Congo. Bốn ngày sau, ông lãnh sự Hoa Kỳ tại Léopoldville tới thăm Larminat và, nhân danh chính phủ của mình, hỏi ông này liệu châu Phi xích đạo thuộc Pháp đã bị đe dọa chưa, và khi được câu trả lời xác nhận, ông muốn biết chúng tôi mong được giúp đỡ trực tiếp những gì, nhất là về vấn đề vũ trang. Bất chấp mọi điều và một vài sự dè dặt cần thiết cho sự phòng thủ pháo đài vùng xích đạo, đứng trước viễn cảnh một nỗ lực lớn lao của phe Trục và những người cộng tác với họ tại châu Phi, tôi nóng lòng muốn thấy vùng Levant đóng cửa trước quân Đức và tách khỏi Vichy.

Trong lúc người Anh và người của phong trào Nước Pháp Tự Do sẵn sàng hành động chung với nhau trong lãnh vực quân sự, sự cạnh tranh chính trị của họ lại nổi rõ phía sau mặt ngoài. Thân cận với các bộ tham mưu đồng minh, xung quanh sứ quán tại Le Caire, bên cạnh phủ cao ủy Anh tại Jérusalem, trong các thông báo của bộ Ngoại giao Anh gửi tới Cassin, Pleven, Dejeau, và được những người này chuyển tới tôi, qua những cột báo ngày, đặc biệt tờ Palestine Post, tôi đã nhận ra những lay động của một nhân sự chuyên môn hóa đang thấy mở ra một triển vọng áp dụng tại Syrie những kế hoạch hành động đã được chuẩn bị từ lâu. Tại đây các biến cố sẽ bảo đảm cho nước Anh ba quân chủ bài, chính trị, quân sự và kinh tế, mà chắc chắn họ không thể không sử dụng.

Bản thân chúng tôi, khi chuyển tới Damas và Beyrouth, càng không thể giữ nguyên trạng tại các nơi này. Những chấn động do thảm họa năm 1940 gây ra, sự đầu hàng của Vichy, hành động của phe Trục, đòi hỏi Nước Pháp Tự Do phải khoác một tư thế mới đối với các quốc gia vùng Levant, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự tiến triển và của tình hình. Và chẳng khi chiến tranh kết thúc, có thể nước Pháp không còn nắm giữ sự ủy trị. Nếu giả định rằng đất nước tôi vẫn còn mong muốn điều đó thì rõ ràng phong

trào các nước Ả Rập và những bó buộc về mặt quốc tế có thể không cho phép. Vậy mà một chế độ duy nhất có thể, về mặt quyền hạn lẫn thực tế, thay thế cho sự ủy trị, và đó là nền độc lập, ngôi thứ lịch sử và những lợi ích của nước Pháp khi chúng được bảo vệ vẹn toàn. Đó cũng là điều được nhằm tới bởi các hiệp ước Paris ký kết năm 1936 với Liban và Syrie. Mặc dù việc phê chuẩn đã được hoãn lại, các hiệp ước này vẫn tạo nên những sự kiện mà lương tri và hoàn cảnh không cho phép chúng tôi không biết tới.

Do đó chúng tôi quyết định bằng cách xâm nhập lãnh thổ Syrie và Liban thuộc Nước Pháp Tự do công bố quyết tâm kết thúc chế độ ủy trị và ký kết hiệp ước với các quốc gia có chủ quyền. Khi nào chiến tranh còn tiếp diễn ở phương Đông, đương nhiên chúng tôi sẽ giữ tại vùng Levant thẩm quyền tối cao của nước được ủy quyền, đồng thời những bó buộc của họ . Cuối cùng, bởi lãnh thổ Syrie và Liban là bộ phận không tách rời khỏi môi trường hoạt động của Trung Đông nơi người Anh hơn hẳn chúng tôi về phương tiện, chúng tôi sẽ chấp nhận để bộ chỉ huy quân sự Anh nắm quyền lãnh đạo chiến lược trên toàn bộ chống lại kẻ thù chung.

Nhưng chúng tôi thấy ngay người Anh không bằng lòng với điều đó. Hoạt động của họ được điều tiết tại London bởi những cấp đầy tự tin, được điều khiển tại chỗ bởi một ê kíp thiếu dẫn đo nhưng lại không thiếu phương tiện, được chấp thuận bởi bộ Ngoại giao thỉnh thoảng vẫn than phiền nhưng không chối bỏ họ bao giờ, được ủng hộ bởi ông thủ tướng mà những lời hứa hàm hồ và những xúc động có tính toán luôn đánh lừa về những ý đồ của mình, hoạt động đó nhằm thiết lập trên toàn phương Đông quyền lãnh đạo của nước Anh. Vậy là chính sách của Anh sẽ cố gắng, khi ngấm ngấm và khi thô bạo, thay thế nước Pháp tại Damas và Beyrouth.

Xét về phương cách, chính sự gia tăng hứa hẹn và đòi hỏi mà chính sách này có thể dùng tới cho thấy mọi sự nhượng bộ của chúng tôi tại Syrie và Liban là nhờ sự can thiệp của họ, khuyến khích các nhà cầm quyền địa phương đưa ra những yêu sách tăng dần, cuối cùng ủng hộ những hành động khiêu khích mà sự gia tăng hứa hẹn và đòi hỏi nhất định đưa họ tới. Cùng lúc ấy, người ta cố biến người Pháp thành những kẻ tệ hại, tạo những dư luận địa phương và quốc tế chống lại họ, và như thế, làm đổi hướng sự

bài xích của dân chúng đối với những lấn lướt của người Anh tại các nước Ả Rập khác.

Quyết định tiến vào Syrie vừa được nhất trí thì người Anh đã cho thấy ý đồ của họ lộ ra. Khi Catroux chuẩn bị đưa ra lời tuyên bố độc lập, ngài Miles Lampson yêu cầu lời tuyên bố phải cùng lúc nhân danh nước Anh và Nước Pháp Tự Do. Cố nhiên tôi phản đối điều này. Bấy giờ ông đại sứ cố nài để văn bản này nhấn mạnh đến sự bảo đảm của nước Anh dành cho lời hứa của chúng tôi. Tôi bác bỏ yêu cầu này, viện cớ lời lẽ của nước Pháp không cần một sự bảo đảm bên ngoài. Ông Churchill điện cho tôi ngày 6 tháng Sáu, hôm trước cuộc tiến quân, để bày tỏ những lời chúc tụng thân thiện với tôi, ông nhấn mạnh tầm quan trọng của sự bảo đảm. Tôi đáp lại những lời chúc chứ không phải ý đồ đó. Thật dễ dàng trông thấy rằng những người cùng bên với chúng tôi muốn gây ấn tượng rằng, nếu người Syrie và người Liban được độc lập, họ nợ nước Anh điều này, và tiếp theo đó, họ muốn tự đặt họ trong tư thế trọng tài giữa chúng tôi và các nước vùng Levant. Cuối cùng, bản tuyên bố của Catroux đã được đưa ra như nó vốn phải có. Nhưng ngay sau đó, chính phủ London đưa ra một bản tuyên bố khác, riêng rẽ, và nhân danh chính họ.

Đó là những kỷ niệm tàn nhẫn khơi gợi từ chiến dịch mà chúng tôi đã phải tung ra. Tôi nhớ lại lúc đi, lại giữa Jérusalem nơi tôi đặt nhiệm sở của mình và các đội quân dũng cảm của chúng tôi đang tiến về phía Damas, hoặc đi thăm những người bị thương tại trạm quân y lưu động Pháp-Anh của bà Spears và bác sĩ Fruchaut. Khi dần dần được biết rằng nhiều người của chúng tôi, và những người giỏi nhất vẫn còn đang chiến đấu đang gặp nạn: chẳng hạn, Tướng Legentilhomme đã bị trọng thương, Đại tá Guérin và thuyền trưởng tàu hộ tống Tướng Détrouyat đã hy sinh, các Thiếu tá de Chevigné, de Boissoudy, de Villoutreys đều bị thương nặng; và ở phía bên kia chiến tuyến, nhiều sĩ quan và binh lính thiện chiến dũng cảm hy sinh dưới hỏa lực của chúng tôi, và trên sông Litani ngày 9 và 10 tháng Sáu, trước Kiswa ngày 12, quanh Kuneira và Ezraa ngày 15 và 16, nhiều trận đánh ác liệt trộn lẫn người chết của hai phía nước Pháp và của các đồng minh Anh, tôi cảm nhận - đối với những người chống chúng tôi vì thể diện

– những tình cảm lẫn lộn quý mến và thương xót. Trong khi quân thù kìm Paris dưới gót giày của họ, mở các cuộc tấn công tại châu Phi, xâm nhập vùng Levant, lòng dũng cảm tỏ rõ đều khắp, và bao mất mát hy sinh kia trong cuộc chiến huynh đệ tương tàn mà Hitler áp đặt cho những người chỉ huy ngã gục dưới ách thống trị của ông ta, đã gây cho tôi cảm giác về một sự phí phạm khủng khiếp.

Nhưng, càng se thắt trong nỗi buồn phiền, tôi càng củng cố quyết tâm kết thúc chuyện này. Và chẳng đó cũng là tâm trạng những người lính của Nước Pháp Tự do, có thể nói không một người nào rơi vào sự hèn yếu. Đó cũng là tâm trạng của tất cả đồng bào chúng tôi ở Ai Cập đã tập hợp tại Le Caire nhân kỷ niệm lần thứ nhất ngày 18 tháng sáu và đã đáp lại bài phát biểu của tôi bằng những tiếng hoan hô nhất loạt.

Ngày hôm đó, người ta có thể tin rằng Dentz sắp sửa kết thúc một cuộc chiến bi ối. Cuộc chiến này và chẳng cũng không còn mang lại cho ông hy vọng. Quả nhiên Benoist-Méchin được Vichy gửi tới Ankara để xin những cuộc tăng viện xuất phát từ vùng Levant qua Thổ Nhĩ Kỳ, đã bị từ chối. Mặt khác sự tháo chạy của Rachid Ali tại Iraq và sự lẫn trốn của ông ta tại Đức ngày 31 tháng năm đã mở cho quân đồng minh những cánh cửa của Syrie qua sa mạc và sông Euphrate. Vì vậy mà quân Đức dường như không vội gì đưa các lực lượng mới sang các nước Ả Rập nữa. Trái lại những máy bay họ gửi tới đó đã được đưa trở lại Hy Lạp. Chỉ có những tăng viện tới được vùng Levant kể từ đầu cuộc chiến là hai phi đội không quân Pháp tới từ Bắc Phi qua Athènes nơi quân Đức đã đón nhận và tiếp tế chúng. Bấy giờ chúng tôi nhận được từ Washington tin cho biết ông Conty, giám đốc chính trị phủ cao ủy vùng Levant, ngày 18 tháng Sáu đã yêu cầu ông tổng lãnh sự Mỹ tại Beyrouth khẩn cấp hỏi người Anh trong những điều kiện nào bản thân họ và “những người theo de Gaulle” bắt đầu chấm dứt những hoạt động thù địch.

Ngay ngày 13 tháng Sáu, dự kiến hậu quả và để đề phòng, tôi đã cho ông Churchill biết trên những căn bản nào, theo tôi, cuộc đình chiến sắp tới được ký kết. Trong buổi họp ngày 19 tháng Sáu tại nhà ngài Miles Lampson với sự tham dự của Wavell và Catroux tôi soạn thảo theo hướng

đó vẫn bản những điều kiện mà tôi thấy có thể chấp nhận được đối với bản thân chúng tôi và thích hợp cho những người chống lại chúng tôi. “Sự dàn xếp, tôi viết, phải dựa trên những căn bản sau: một cách đối xử xứng đáng với mọi quân nhân và công chức; sự bảo đảm của nước Anh về quyền và lợi ích của nước Pháp tại vùng Levant sẽ được duy trì trên thực tế; việc đại diện cho nước Pháp do các thẩm quyền Pháp tự do đảm trách.” Tôi nêu rõ rằng “mọi quân nhân và công chức cũng như gia đình họ có thể ở lại nếu muốn, trong khi những người khác được hồi hương sau đó.” Nhưng tôi lại nói thêm rằng “mọi quyết định sẽ do quân đồng minh đưa ra để cho sự chọn lựa này thật sự tự do.” Cuối cùng, để trả lời cho những tiếng đồn do Vichy tung ra, tôi tuyên bố rằng trước đây đã “không bao giờ đưa ra xét xử những người bạn đồng ngũ đã chiến đấu chống lại tôi bằng cách thi hành những mạng lệnh nhận được, tôi hoàn toàn không có ý định làm chuyện đó trong trường hợp hiện tại.” Chủ yếu đó là những quyết định được người Anh thông qua tại chỗ và đã được đánh điện ngay tới London để được chuyển tới Washington và từ đó, tới Beyrouth.

Do đó mà hôm sau tôi cảm thấy khó chịu khi biết văn bản chính xác mà chính phủ Anh cuối cùng đã gửi đi và không giống với văn bản mà tôi đã đồng ý. Thậm chí cũng không có vấn đề Nước Pháp Tự Do ở đây, như thể người ta đã đề nghị Dentz giao trả Syrie cho nước Anh! Ngoài ra người ta cũng bỏ qua những dè dặt mà tôi muốn đưa ra để ngăn cản việc quân nhân và công chức bị hồi hương hàng loạt một cách độc đoán, bởi tôi cần giữ họ lại cho bằng được. Tôi gửi tới ông Eden một lời phản đối dứt khoát và báo cho ông biết rằng về phần mình, tôi chỉ biết tới những điều kiện được chấp thuận ngày 19 tháng Sáu, và không thừa nhận những điều kiện khác. Sự dè dặt này có tầm quan trọng của nó vì như chúng ta sẽ thấy ở phần sau.

Vì những lý do gì nhà cầm quyền Vichy phải đợi hơn ba tuần mới xét tới dự định thương thảo việc kết thúc cuộc chiến? Tại sao, từ sự kiện này, phải tiếp tục lâu đến thế những trận đánh không giải quyết được gì ngoài tổng số những tổn thất? Tôi chỉ tìm thấy câu trả lời trong sự phát động cuộc tấn công của quân Đức tại Nga. Ngày 22 tháng Sáu, hôm sau ngày ông lãnh

sự Hoa Kỳ tại Beyrouth trao cho ông cao ủy thư phúc đáp của vương quốc Anh, Hitler xua quân về phía Moscou. Ông ta có một lợi ích hiển nhiên khi đại bộ phận các lực lượng đối địch bị gắn chặt vào châu Phi và Syrie. Một phía do Rommel đảm trách. Các lực lượng khốn khổ của Pháp ở vùng Levant buộc phải làm thế phía khác.

Trong khi đó, ngày 21 tháng Sáu, sau một trận đánh ác liệt, các lực lượng của chúng tôi tiến vào Damas. Catroux tới đó ngay. Tôi tới đó ngày 23. Trong đêm tiếp theo, máy bay Đức tới ném bom thành phố, giết hàng trăm người trong khu người Cơ đốc và bằng cách này chứng tỏ sự hợp tác của họ với Vichy. Nhưng chúng tôi vừa đến đây thì từ khắp nơi, nhất là từ Hauran, từ vùng núi Druz, từ Palmyre, từ Djézireh, những tin tức đáng ngại đến với chúng tôi về thái độ của người Anh. Không có thì giờ để mất, phải chứng tỏ rằng sự tan rã của Vichy không phải là sự thụt lùi của nước Pháp và khẳng định thẩm quyền của chúng tôi.

Ngày 24 tháng Sáu, tôi chỉ định Tướng Catroux làm Tổng Đại diện, Toàn quyền tại vùng Levant và xác định bằng thư mục tiêu sứ mệnh của ông: “Điều khiển việc tái lập một tình hình nội chính và kinh tế gần tới mức bình thường trong điều kiện chiến tranh; thương lượng với các đại biểu có thẩm quyền trong dân chúng về các hiệp ước thiết lập nền độc lập và chủ quyền các quốc gia, cũng như sự liên minh của các quốc gia này với nước Pháp; bảo đảm việc phòng thủ lãnh thổ chống lại quân thù; hợp tác với quân đồng minh trong các hoạt động quân sự tại phương Đông.” Trong khi chờ đợi việc áp dụng các hiệp ước tương lai, tướng Catroux đảm trách “mọi quyền hạn và trách nhiệm của cao ủy Pháp tại vùng Levant.” Các cuộc thương thảo sắp tới cũng phải diễn ra trong tinh thần đó, “với những chính phủ được sự tán thành của các quốc hội thật sự đại diện cho toàn dân và được triệu tập ngay khi có thể; khởi điểm của các cuộc thương thảo là các hiệp ước năm 1936.” Như vậy, “sự ủy trị phó thác cho nước Pháp tại vùng Levant sẽ kéo dài tới hết hạn và sự nghiệp của nước Pháp vẫn tiếp tục.”

Những ngày lưu lại Damas, tôi tiếp nhiều nhân vật trong giới chính trị, tôn giáo, hành chính tại đây. Qua sự dè dặt thường lệ của người phương Đông, người ta có thể thấy rằng thẩm quyền của nước Pháp, nơi con người

chúng tôi, được thừa nhận một cách không tranh cãi, rằng sự thất bại của kế hoạch Đức tìm cách vững chân tại Syrie đã khắc sâu một phần lớn uy tín của chúng tôi, rằng mỗi người chỉ chờ đợi chúng tôi để cho các cơ quan nhà nước hoạt động lại và để thành lập một chính phủ mới. Là người hiểu biết sâu rộng về con người và công việc đất nước, tướng Catroux bảo đảm trật tự, việc tiếp tế, công tác bệnh viện, nhưng cũng dành thì giờ chỉ định các bộ trưởng.

Bi kịch rồi cũng kết thúc. Ngày 26 tháng Sáu, mặc dù vết thương trầm trọng, Tướng Legentilhomme vẫn không ngừng chỉ huy các đội quân, đánh chiếm Nebeck, và ngày 30 đã đẩy lùi một cuộc phản công ác liệt tại đây. Một đạo quân Hindu từ Iraq vượt qua sông Euphrate ngày 3 tháng Bảy, trên cầu Deir-ez-Zor, vẫn được toàn vẹn nhờ một sự tình cờ mà tôi có thể nói rằng vụ việc đã được tính toán kỹ, và tiến về phía Alep và Homs. Trên đường bờ biển, ngày 9, quân Anh tiến tới Damour và sâu về phía đông, Tezzin. Ngày 10 tháng Bảy, Dentz cho tàu chiến và máy bay tới Turquie nơi chúng được giữ lại. Tiếp theo ông yêu cầu một cuộc đình chiến, và được chấp thuận. Các đại diện toàn quyền thỏa thuận nhóm họp ba ngày sau tại Saint-Jean d'Acre.

Nhiều dấu hiệu cho phép tôi nghĩ rằng kết quả cuộc gặp gỡ này có thể sẽ không phù hợp với lợi ích của nước Pháp. Ngày 28 tháng Sáu, tôi đã cho ông Churchill biết về “tầm quan trọng cực kỳ mà cách xử sự của nước Anh đối với chúng tôi tại phương Đông sẽ thể hiện, xét trên quan điểm đồng minh.” Cố nhiên điều tôi đạt được là Tướng Catroux có mặt trong cuộc thương thảo. Cố nhiên, các đại biểu của chúng tôi tại London đã nhận những chỉ thị rành mạch của tôi về cách thức thành lập chính quyền của chúng tôi tại vùng Levant để họ sử dụng trong các cuộc vận động của họ. Nhưng những điều kiện do ông Eden đưa ra mới đây cho cuộc đình chiến với Dentz, bầu không khí bao trùm trong các cơ quan của Anh, việc con người trung thành Wavel, được chỉ định làm Phó vương Ấn Độ, vừa rời Le Caire và người kế nhiệm ông, Auchinleck, vẫn chưa tới đây, điều này giúp cho đam mê của “các nhà Ả Rập học” tha hồ hoạt động, tất cả khiến tôi tin chắc rằng sự dàn xếp còn nhiều điều để mong ước. Rốt lại, cuộc đình chiến

sẽ được Wilson ký kết với Verdilhac. Tôi chỉ còn cách giới hạn những thiệt thòi là lùi lại lấy đà và tiến tới, họa chăng để được chút gì và từ đó chấp nhận một thỏa ước không có tính bó buộc đối với tôi mà tôi sẽ xé bỏ nếu cần.

Đám mây mù là Brazzaville. Tôi vẫn ở đây, trong lúc tại Saint-Jean-d'Acre định ước đã được soạn thảo, mà nội dung và hình thức vượt qua, trong nghĩa xấu, tất cả những gì tôi có thể ngờ.

Quả nhiên văn bản thỏa thuận tương đương với một sự chuyển giao đơn giản và đơn thuần nước Syrie và nước Liban cho người Anh. Không một từ nào nói về quyền hạn của nước Pháp trong hiện tại cũng như trong tương lai. Không một ghi nhận nào về các quốc gia vùng Levant. Vichy bỏ mặc tất cả để cho một thế lực bên ngoài mặc tình định đoạt và chỉ mong đạt được một điều: sự ra đi của tất cả mọi đội quân, cũng như tối đa công chức và những người có quốc tịch Pháp. Bằng cách này de Gaulle sẽ bị ngăn chặn càng nhiều càng hay trong việc tăng cường các lực lượng của mình và giữ tư thế nước Pháp tại vùng Levant.

Bằng cách ký kết hiệp ước đầu hàng này, Vichy tỏ ra trung thành với xu hướng đáng buồn của họ. Nhưng người Anh dường như lờ mờ vào đó tất cả những ẩn ý của họ. Tỏ ra không biết gì, cả trong từ ngữ, tới những đồng minh của Nước Pháp Tự Do của họ, mà sáng kiến và sự hợp tác đã tích cực giúp họ đạt được mục tiêu chiến lược, họ lợi dụng thái độ bỏ mặc của Vichy để gom về dưới sự chỉ huy của họ thẩm quyền mà Dentz chuyển giao cho họ tại Beyrouth và Damas. Ngoài ra họ cũng đồng tình để cho các đội quân của vùng Levant sớm lên đường. Theo điều khoản thỏa thuận, các đội quân này sẽ được tập trung theo lệnh của những người chỉ huy họ và lên những chiếc tàu do Darlan gửi tới. Hơn nữa Nước Pháp Tự Do không được tiếp xúc với họ và kéo họ về. Phương tiện họ để lại sẽ chỉ giao lại cho người Anh. Cuối cùng, các đội quân gọi là “đặc biệt”, tức là các đội quân người Syrie và người Liban, luôn luôn tỏ ra trung thành với nước Pháp, đến độ Vichy không dám sử dụng họ chống lại chúng tôi trong những trận đánh gần đây, họ sẽ được đặt, đúng như cũ, dưới sự chỉ huy của người Anh.

Ngay trước khi biết qua chi tiết và căn cứ trên những điều chỉ dẫn, phần nào đã dự đi, do đài phát thanh London đã đưa tin, tôi lên tiếng bác bỏ thỏa ước Saint-Jean d'Acre. Sau đó, tôi lên đường đi Le Caire, tại mỗi chặng đường tôi đều nói rõ với các ông thủ hiến và người chỉ huy quân sự của Anh là vụ việc nghiêm trọng tới đâu, như tại Khartoum với ngài tướng lĩnh Arthur Huddleston, vị toàn quyền xuất sắc và thân thiện của Soudan, tại Kampala với ông thủ hiến, tại Ouadi-Halta với người quản lý của tỉnh, và cho những bức điện báo động tới trước tôi. Ngày 21 tháng Bảy tôi tiếp xúc với ông Oliver Lyttelton, quốc vụ khanh trong chính phủ Anh vừa được gửi tới Le Caire để tập trung tất cả những vụ việc của nước Anh tại Trung Đông dưới quyền ông.

Ông “thủ lĩnh” Lyttelton, con người đáng yêu và trầm tĩnh, với tinh thần nhanh nhạy và cởi mở, không muốn bắt đầu sứ mệnh của mình bằng một tai họa. Ông tiếp tôi với vẻ ngượng ngịu. Tôi cố tránh sự bùng nổ to tiếng, và nói với ông, giọng lạnh lùng, đại ý như sau:

Nhờ chiến dịch cùng chung thực hiện, chúng ta có thể bảo đảm cho chúng ta một lợi thế chiến lược đáng kể. Giờ đây tại vùng Levant đã kết thúc sự cầm cố mà Vichy đè nặng lên sân khấu các hoạt động ở phương Đông bằng sự lệ thuộc của họ vào phe Trục. Nhưng thỏa ước mà các ông vừa ký kết với Dentz là điều tôi buộc lòng phải nói là không thể chấp nhận được. Tại Syrie và tại Liban, thẩm quyền không thể chuyển từ nước Pháp sang nước Anh được. Quyền hành xử thẩm quyền đó thuộc về Nước Pháp Tự Do, và chỉ thuộc về Nước Pháp Tự Do mà thôi. Nó bắt buộc phải thuộc về nước Pháp. Mặt khác, tôi thấy cần tập hợp tối đa các đội quân vừa chống lại chúng tôi. Với việc cho họ hồi hương nhanh chóng và ồ ạt cũng như việc giữ họ tập trung và cách biệt, tôi không có cách nào tác động lên họ. Tóm lại, người Pháp Tự không thể chấp nhận bị gạt ra khỏi một nguồn tăng viện của Pháp và nhất là họ không chấp nhận nỗ lực chung của chúng ta lại đưa tới việc thiết lập thẩm quyền của các ông tại Damas và tại Beyrouth.

Ông Lyttelton nói:

Chúng tôi không có ý định đó. Tại Syrie và Liban, nước Anh không theo đuổi mục đích nào ngoài chiến thắng. Nhưng điều này đòi hỏi tình

hình các nơi đó không được rồi ren. Do đó chúng tôi thấy các nước vùng Levant cần phải được độc lập như nước Anh đã hứa với họ. Mặt khác, khi nào chiến tranh còn kéo dài, bộ chỉ huy quân sự luôn có những thẩm quyền cao cấp về những gì liên quan tới trật tự công cộng. Cuối cùng những quyết định tại chỗ phải thuộc về họ. Còn những điều kiện kỹ thuật mà các Tướng Wilson và de Verdilhac áp dụng cho cuộc rút lui và lên tàu của các đội quân Pháp, chúng cũng đáp ứng mỗi lo phải làm thế nào để mọi việc được êm xuôi. Cuối cùng chúng tôi không biết rằng ông không tin nơi chúng tôi. Dù sao chúng ta vẫn có chung một sự nghiệp.

Tôi tiếp lời:

Đúng, sự nghiệp của chúng ta chung. Nhưng tư thế của chúng ta không chung và hành động của chúng ta có thể sẽ không còn chung nữa. Tại vùng Levant chính nước Pháp là nước được ủy quyền, không phải nước Anh. Ông nói về nền độc lập của các quốc gia vùng này. Nhưng chỉ có chúng tôi mới có tư cách để trao nền độc lập cho họ, và trên thực tế đã trao, vì những lý do và trong những điều kiện mà chỉ có chúng tôi là những người phân xử và chịu trách nhiệm. Các ông có thể đồng ý với chúng tôi về chuyện này từ bên ngoài. Các ông không có bốn phận xen vào bên trong. Còn trật tự công cộng tại Syrie và Liban, đó là chuyện của chúng tôi, không phải của các ông.

Ông Lyttelton nói:

Tuy nhiên, với thỏa ước của chúng ta ngày 7 tháng Tám 1940, các ông đã thừa nhận thẩm quyền của Bộ Chỉ huy Anh.

Tôi đáp:

Trên thực tế, tôi thừa nhận tư cách của Bộ Chỉ huy này trong việc đưa ra những chỉ thị cho các lực lượng Pháp Tự do, nhưng chỉ trong vấn đề chiến lược và chống lại kẻ thù chung. Tôi không hề nghe quyền hạn này lan rộng tới chủ quyền, tới chính sách, tới chính quyền trong các lãnh thổ thuộc phần trách nhiệm của nước Pháp. Một ngày nào khi chúng tôi thật sự đổ bộ lên đất Pháp, liệu các ông có đòi quyền chỉ huy ngỗ hầu cai trị nước Pháp không? Mặt khác, tôi cần phải lập lại với ông rằng tôi nhất quyết cho người tiếp xúc với các đơn vị đã tuân thủ Vichy. Điều này và chẳng cũng có lợi

cho các ông. Bởi điều thật sự vô lý là gửi trả về nguyên xi những đội quân sắc mùi chiến trận và một ngày nào chúng tôi sẽ gặp lại tại châu Phi hay nơi nào khác. Cuối cùng, đồ dùng của Pháp và quyền chỉ huy các đội quân đặc biệt phải thuộc về Nước Pháp Tự Do.

Ông Lyttelton nói:

Ông đã cho tôi biết quan điểm của ông. Về những gì liên quan tới các quan hệ hỗ tương của chúng ta tại Syrie và Liban, chúng ta có thể bàn cãi. Nhưng về những gì thuộc thỏa ước đình chiến thì nó đã được ký kết. Chúng ta phải áp dụng thôi.

Tôi cương quyết:

Thỏa ước này không có tính bó buộc đối với Nước Pháp Tự Do. Tôi không phê chuẩn nó.

Ông Lyttelton hỏi:

Vậy thì ông định làm gì?

Tôi trả lời:

Đây: để phòng ngừa mọi sự nhập nhằng liên quan tới những quyền hạn mà chừng như bộ chỉ huy Anh muốn thực thi tại Syrie và Liban, tôi hân hạnh báo cho ông biết rằng các lực lượng Nước Pháp Tự Do sẽ không còn tùy thuộc vào bộ chỉ huy này bắt đầu từ ngày 24 tháng Bảy, tức là trong ba ngày nữa. Ngoài ra tôi ra lệnh cho Tướng Catroux tức khắc nắm mọi quyền hành trên toàn lãnh thổ Syrie và Liban, bất chấp sự chống đối mà ông ấy có thể gặp bất luận từ đâu. Tôi ra lệnh cho các lực lượng Nước Pháp Tự Do tiếp xúc với tất cả các đơn vị Pháp khác và nhận về đồ dùng của họ. Cuối cùng, việc tổ chức lại các đội quân Syrie và Liban, mà chúng tôi đã khởi đầu, sẽ được tiếp diễn một cách tích cực.

Tôi trao cho ông Lyttelton một bản ghi chép được chuẩn bị trước và nói rõ những kết luận này. Khi chào từ biệt, tôi nói với ông:

Ông biết những gì bản thân tôi và những người đi theo tôi đã và đang làm cho liên minh chúng ta. Vì vậy mà ông có thể lường được sự hối tiếc của chúng tôi nếu chúng tôi phải trông thấy nó hỏng đi. Nhưng cả chúng tôi lẫn những người trên đất nước chúng tôi vẫn đặt hy vọng vào chúng tôi đều không thể nào chấp nhận liên minh vận hành trong sự thiệt hại của nước

Pháp. Nếu chẳng may mà trường hợp đó xảy ra, chúng tôi thà đình chỉ những cam kết của chúng tôi với nước Anh. Và chẳng bằng mọi cách chúng tôi vẫn sẽ tiếp tục cuộc chiến đấu chống lại kẻ thù với những phương tiện thuộc khả năng chúng tôi. Tôi có ý định tới Beyrouth trong ba ngày nữa. Từ đây tới đó, tôi sẵn sàng cho mọi cuộc thương thảo mà chúng tôi thấy cần thiết.

Tôi chia tay Lyttelton, dưới vẻ ngoài trầm tĩnh, tôi thấy ông có vẻ cảm động và lo lắng. Bản thân tôi cũng khá xúc động. Buổi chiều, tôi xác nhận với ông bằng thư, rằng sự phụ thuộc của các lực lượng Pháp vào bộ chỉ huy Anh kết thúc vào trưa ngày 24, nhưng tôi sẵn sàng giải quyết với ông về những thể thức mới của cuộc hợp tác quân sự. Cuối cùng tôi điện cho ông Churchill: “Chúng tôi coi như hiệp ước Saint-Jean-d’Acre, về nội dung, chống lại những lợi ích quân sự và chính trị của Nước Pháp Tự do, tức là của nước Pháp, và về hình thức, tôi thấy cực kỳ đau buồn cho phẩm cách của chúng tôi... Tôi mong sao ngài cũng tự cảm thấy rằng một thái độ của phía Anh như thế, trong một vụ việc cốt tử đối với chúng tôi, chỉ tăng thêm gấp bội những khó khăn của chúng tôi và sẽ gây ra những hậu quả mà tôi cho là thảm hại, trên bình diện nhiệm vụ mà tôi đang cáng đáng.”

Lời nói thuộc về nước Anh. Họ nói trong chiều hướng nhượng bộ. Ngay buổi chiều, ông Lyttelton đã yêu cầu gặp lại tôi và nói với tôi:

Tôi nhìn nhận là một vài hiện tượng bề ngoài có thể gây cho ông ý nghĩ rằng chúng tôi muốn chiếm chỗ của nước Pháp tại vùng Levant. Tôi bảo đảm với ông rằng điều đó sai. Để đánh tan sự ngộ nhận này, tôi sẵn sàng viết cho ông một bức thư bảo đảm sự vô tư hoàn toàn của chúng tôi trong lĩnh vực chính trị và hành chính.

Tôi nói:

Có thể đây là một khẳng định thích đáng về nguyên tắc. Nhưng vẫn còn đó bản thỏa ước Saint-Jean-d’Acre trái ngược với nó một cách đáng tiếc và, hơn nữa, có thể đưa tới những vụ rắc rối giữa người của các ông áp dụng nó và người của chúng tôi không chấp nhận nó. Và cũng còn đó tham vọng mở rộng các quyền hạn của bộ chỉ huy quân sự các ông tại vùng Levant và điều này không phù hợp với tư thế của chúng tôi.

Ông Lyttelton hỏi:

Về hai vấn đề này, ông có gì đề xuất không?

Tôi trả lời:

Về vấn đề thứ nhất, tôi thấy không có lối thoát nào ngoài một thỏa thuận ngay tức khắc giữa chúng ta về việc “áp dụng” thỏa ước đình chiến và sửa đổi trong cách thực hiện những điều phi lý trong văn bản. Còn về vấn đề thứ nhì, điều cần thiết và cấp bách là các ông cam kết giới hạn, trong các hoạt động quân sự chống lại kẻ thù chung, những quyền hạn của bộ chỉ huy các ông trên lãnh thổ Syrie và Liban.

Ông Lyttelton chốt lại:

Ông hãy cho phép tôi suy nghĩ thêm về chuyện này.

Bầu không khí đã trở nên dễ chịu hơn. Sau nhiều giai đoạn, chúng tôi đi tới, trước tiên ngày 24 tháng Bảy, một thỏa thuận “để giải thích” hiệp ước Saint-Jean d’Acre, thỏa thuận mà Tướng Larminat và Đại tá Valin đã thương thảo thay cho tôi. Người Anh tuyên bố sẵn sàng để chúng tôi tiếp xúc với các đội quân vùng Levant để tìm kiếm những cuộc gia nhập tại đây, nhìn nhận đồ dùng thuộc về các lực lượng Nước Pháp Tự Do và từ bỏ việc đặt các đội quân Syrie và Liban dưới sự lệ thuộc của họ. Ngoài ra điều được nhất trí là “nếu một sự vi phạm trầm trọng hiệp ước đình chiến từ phía các nhà cầm quyền Vichy được ghi nhận, các lực lượng Anh và các lực lượng Pháp Tự do sẽ dùng tất cả những biện pháp cần thiết để đưa các đội quân của Vichy về với Nước Pháp Tự Do.” Bởi nhiều “vụ vi phạm trầm trọng” đã được nêu lên, mọi người có thể tin – chính ông Lyttelton đoán chắc với tôi điều này – rằng dứt khoát tất cả vấn đề nơi đến của các đội quân sẽ được xem xét lại.

Tôi không nghi ngờ thiện chí của ông bộ trưởng Anh. Nhưng Tướng Wilson và ê-kíp các nhà Ả Rập học của ông sẽ làm gì đây, bất chấp các thỏa thuận đã ký kết? Để thúc họ xử sự đúng mức, một lần nữa tôi điện cho ông Churchill để yêu cầu ông “đừng để trộn một đạo quân với những đơn vị đã được tổ chức được đặt dưới quyền sử dụng của Vichy.” Tôi nói thêm: “Tôi cần lặp lại với ngài rằng tôi thấy điều phù hợp với nền an ninh cơ bản là đình chỉ việc cho hồi hương đạo quân của Dentz và để cho người Pháp

Tự do hành động theo yêu cầu của họ để đưa các đội quân đáng thương bị lầm lạc vì sự tuyên truyền của kẻ thù trở về với bốn phận.”

Hôm sau, ngày 25, ông Oliver Lyttelton, Quốc vụ khanh trong chính phủ Anh, viết cho tôi nhân danh đất nước ông rằng: “Chúng tôi nhìn nhận những lợi ích lịch sử của nước Pháp tại vùng Levant. Vương quốc Anh không có lợi ích nào tại Syrie và Liban, ngoài chiến thắng. Chúng tôi không có ý đồ lấn sang tư thế của nước Pháp bằng bất luận cách nào. Nước Pháp Tự Do và Vương quốc Anh đều đã hứa hẹn nền độc lập tại Syrie và Liban. Chúng tôi sẵn lòng chấp nhận, một khi giai đoạn này đã vượt qua và không phải lên án nó, nước Pháp phải có tại vùng Levant một tư thế nổi trội và ưu việt trong số tất cả các quốc gia châu Âu... Ông có thể tìm hiểu những lời đoan chắc mới đây của ông thủ tướng trong hướng này. Tôi rất lấy làm hạnh phúc được xác nhận với ông những điều đó hôm nay.”

Cũng bằng bức thư đó, ông Lyttelton tuyên bố chấp nhận văn bản của một thỏa thuận tôi đã trao cho ông, liên quan tới sự hợp tác giữa các thẩm quyền quân sự của Anh và Pháp tại vùng Levant. Nhờ đó người Anh sẽ không cần tìm tới những hoạt động chông chéo trong các lĩnh vực chính trị và hành chính tại vùng Levant, và đổi lại, chúng tôi chấp nhận cho bộ chỉ huy của họ nắm quyền lãnh đạo chiến lược trong những điều kiện được xác định rõ ràng.

Ngay trong ngày, tôi lên đường đi Damas và Beyruth.

Với sự xuất hiện long trọng của người lãnh đạo Nước Pháp Tự Do tại thủ đô Syrie, người ta có thể thấy sự phấn khởi rộn lên trong cái thành phố rộng lớn cho tới lúc đó vẫn tỏ ra lạnh nhạt với thẩm quyền Pháp. Vài ngày sau trong trường đại học, ngỏ lời với những nhân vật trong nước tập hợp quanh chính phủ Syrie và xác định mục tiêu mà nước Pháp kiên trì từ đây tại vùng Levant, tôi đón nhận một sự tán thành rõ rệt.

Ngày 27 tháng Bảy, tôi tới Beyruth. Tại đây các đội quân Pháp và Liban, dàn thành hàng rào trong lúc dân chúng tụ tập trên con đường, không ngớt vỗ tay. Qua quảng trường Canons vang dậy trong sự cuồng nhiệt tôi tới Cung điện nhỏ nơi tôi trang trọng trao đổi với người đứng đầu chính phủ, ông Alfred Naccache nhiều câu chuyện đầy lạc quan. Sau đó tôi

đến Cung Điện lớn, nơi tập hợp những nhân vật người Pháp. Hầu hết đã dành cho chế độ do Vichy thiết lập sự cộng tác, và thường khi, sự tin tưởng của họ. Nhưng khi tiếp xúc với họ, một lần nữa, tôi xác nhận những việc đã rồi, trong sự chính đáng của chúng, vẫn đè nặng lên thái độ và thậm chí những xác tín của họ như thế nào. Công chức, người có địa vị, tu sĩ, tất cả đều bảo đảm với tôi lòng trung thành của họ và hứa hẹn phục vụ đất nước dưới thẩm quyền mới bằng một sự tận tụy hoàn toàn. Tôi phải nói rằng, trừ rất ít trường hợp, sự cam kết này đã được giữ. Gần như tất cả những người Pháp còn ở lại Liban và Syrie đều không ngừng, trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, chứng tỏ sự tập nhiệt tình trong Nước Pháp Tự Do đang chiến đấu để giải phóng đất nước trong khi vẫn căng đáng tại chỗ quyền và bốn phận của nước Pháp.

Đích thật điều cấp bách là phải làm tăng giá trị các quyền và bốn phận này. Vừa đặt chân tới Beyrouth, tôi nhận ra, không chút kinh ngạc, tướng Wilson và những viên chức phụ tá cho ông dưới lớp quân phục ít biết gì tới những thỏa thuận do chính tôi ký kết với Lyttelton. Về việc thực thi hiệp ước đình chiến cũng như về thái độ của người Anh tại Syrie và Liban, tất cả diễn ra như thể không ai nợ chúng tôi điều gì cả.

Với sự đồng ý của người Anh, Dentz đã tập trung các đội quân của mình trong vùng Tripoli. Ông tiếp tục chỉ huy họ. Các đơn vị, với người chỉ huy, vũ khí, cò, được cầm găng bên nhau với những huân chương và sự tuyên dương của Vichy, chỉ đón nhận thông tin qua thứ tự cấp bậc và thẩm đắm trong tâm lý của cuộc hồi hương gần kề. Ngoài ra các tàu chiến đã được thông báo từ Marseille, sẽ đưa họ đi toàn bộ; Dentz không chậm trễ ngày nào trong việc cho họ lên đường. Trong khi chờ đợi, theo các quân lệnh của Dentz, mà ủy ban đình chiến Anh và các đồn cảnh sát Anh bắt phải coi trọng, sĩ quan và binh sĩ không được quan hệ với các bạn Pháp tự do, những người này cũng không có quyền tới gần họ. Trong những điều kiện tương tự, những cuộc tập hợp rất hiếm. Thay vì hành động trung thành mà chúng tôi có tham vọng tác động lên ý thức những con người về mặt cá nhân có thể nghe chúng tôi và chọn lựa, chỉ còn việc đưa lên tàu cả một đạo quân có tổ chức mà người ta đã duy trì trong một bầu không khí hằn thù và

nhục nhã, chỉ còn mong rời bỏ, sớm nhất có thể được, sân khấu của những hy sinh vô ích và những nỗ lực cay đắng.

Trong khi những cam kết của người Anh với chúng tôi về việc diễn đạt hiệp ước đình chiến Saint-Jean d'Acre vẫn là điều vô hiệu, tình trạng cũng y như thế với những gì liên quan tới sự vô tư chính trị của vương quốc Anh tại Syrie và những giới hạn của thẩm quyền bộ chỉ huy quân sự của họ. Nếu ngay tại Damas và Beyrouth, những cuộc lấn chiếm còn giữ được vẻ kín đáo, thì trái lại chúng phô bày ra trong các vùng nhạy cảm nhất mà tham vọng của nước Anh hoặc của người bạn thuộc triều đại Hussein [68] của họ đã luôn luôn nhắm tới.

Tại Djézireh, Thiếu tá Reynier, người được ủy nhiệm của tướng Catroux, bị các lực lượng Anh tại chỗ coi là kẻ khả nghi và bị ngăn cản không cho tổ chức lại các tiểu đoàn người Assyrie-Chaldée và các đại đội người Syrie tạm thời phân tán. Palmyre và sa mạc là nơi hoành hành của ông Glubb, tức “Glubb-Pacha,” viên thiếu tá người Anh trong lực lượng Transjordanie, ông ta cố kéo các bộ lạc người Bédouins về với thủ lĩnh hồi giáo Abdullah. Trong vùng Hauran, các viên chức Anh gây áp lực lên các thủ lĩnh địa phương để họ cũng phải nhìn nhận thẩm quyền của Abdullah và đóng thuế cho ông này. Từ Alep cũng như từ Alaouites, các báo cáo gửi đi đều đáng hãi hùng.

Nhưng chủ yếu chính tại vùng núi Druze mà người Anh công khai bộc lộ ý đồ. Tuy nhiên, không một trận đánh nào diễn ra và điều nhất trí giữa Catroux và Wilson là các đội quân đồng minh không tiến vào đây cho tới khi quyết định chung được đưa ra. Người ta có thể tưởng tượng trạng thái tinh thần của chúng tôi khi chúng tôi biết rằng một lữ đoàn Anh tới đó, rằng các đại đội người Druze mặc nhiên được đặt dưới trách nhiệm của người Anh, rằng vài thủ lĩnh được gọi đến và được bồi thường bởi ông Bass, tức là “Thiếu tướng Bass,” đã tuyên bố bác bỏ thẩm quyền của Pháp, rằng tại Soueida, “Ngôi nhà Pháp,” nơi đại biểu của chúng tôi cư ngụ, đã được, bằng bạo lực, biến thành trụ sở của bộ chỉ huy Anh, rằng cuối cùng trước

các đội quân và dân chúng, bộ chỉ huy này đã cho hạ lá cờ tam tài xuống và kéo cờ vương quốc Anh lên.

Cần phải phản ứng ngay tức khắc. Đồng ý với tôi, ngày 29 tháng Bảy, tướng Catroux ra lệnh cho đại tá Monclar tới Soueida ngay với một đạo quân vững mạnh để chiếm lại Ngôi nhà Pháp và nhận về các đội quân người Druze. Được thông báo, Wilson gửi tới tôi một thông điệp có phần đe dọa để yêu cầu tôi cho đạo quân dừng lại. Tôi đáp lại ông: “rằng đạo quân này đã đến nơi..., rằng bản thân ông, Wilson, tùy ý giải quyết với Catroux, như ông này đã đề nghị, vấn đề đồn trú của các đội quân Anh và Pháp tại xứ Druze..., rằng tôi cho những lời ám chỉ đầy đe dọa của ông là đáng tiếc... nhưng nếu tôi vẫn sẵn sàng cho một sự hợp tác quân sự thẳng thắn thì những quyền tối cao của nước Pháp tại Syrie và Liban, và phẩm cách của quân đội Pháp phải được an toàn.”

Cùng lúc, Monclar tới Soueida, nghe ông thiếu tá của lữ đoàn Anh tuyên bố rằng: “Nếu phải đánh nhau, chúng tôi sẽ đánh” và đáp lại bằng lời khẳng định. Mọi việc không đi xa đến thế. Ngày 31 tháng bảy, Monclar đã có thể đến Ngôi nhà Pháp, long trọng kéo cờ tam tài lên như trước, cho các đội quân đóng trại trong thành phố và tổ chức lại nhóm các đại đội người Druze theo lệnh một viên sĩ quan Pháp. Ít lâu sau, các lực lượng Anh rời khỏi vùng này.

Nhưng một chuyện rắc rối vừa giải quyết xong thì nhiều chuyện rắc rối khác nổi lên khắp nơi. Ngoài ra, Wilson thông báo ông sẽ thiết lập cái ông gọi là “quân luật” và nắm mọi quyền hành trong tay. Chúng tôi báo với ông rằng trong trường hợp này chúng tôi sẽ chống lại thẩm quyền của ông và đó là sự đoạn tuyệt. Lyttelton đầu biết rõ cơ sự vẫn tránh can thiệp. Thậm chí, nghe tin đồn Catroux sắp sửa mở những cuộc thương lượng tại Damas và Beyrouth nhằm đạt tới những hiệp ước tương lai, ông Quốc Vụ khanh Anh trực tiếp viết thư để yêu cầu Spears có mặt trong những cuộc thương lượng này như một điều hiển nhiên. Tham vọng dai dẳng can dự vào những vụ việc của chúng tôi, cũng như những sự lấn chiếm không ngừng gia tăng, giờ đây đã đạt tới giới hạn của những gì chúng tôi có thể chịu được. Ngày 1 tháng Tám, tôi điện cho Cassin đi gặp ông Eden và, thay

mặt tôi, nói với ông rằng “những can dự của nước Anh đưa chúng tôi tới rắc rối trầm trọng nhất, và những lợi ích đáng ngờ mà chính sách của Anh rút ra tại vùng Levant từ sự bỏ quên các quyền hạn của nước Pháp kia, sẽ rất đổi tầm thường sánh với những bất lợi to lớn sinh ra từ một mối bất hòa giữa Nước Pháp Tự Do và nước Anh.”

Một mối bất hòa chẳng? London không muốn điều đó. Ngày 7 tháng Tám, ông Lyttelton tới thăm tôi tại Beyrouth và ở lại suốt ngày với tôi. Đó là cơ hội của một hội nghị có thể nói là quyết định nếu tại phương Đông chưa có điều gì buộc người Anh phải làm thế. Ông bộ trưởng thẳng thắn nhìn nhận rằng giới quân sự Anh đã không thi hành những hiệp ước của chúng tôi ngày 24 và 25 tháng Bảy. Ông quả quyết:

Đây chỉ là một sự chậm trễ có thể quy cho những khuyết điểm về truyền đạt và, có thể, về lĩnh hội, tôi rất tiếc và mong kết thúc chuyện này.

Ông có vẻ kinh ngạc và không hài lòng về những vụ rắc rối do các viên chức Anh gây ra và như Catroux đã kể lại. Ông tuyên bố rằng Vichy đã vi phạm hiệp ước đình chiến, rằng, chẳng hạn, năm mươi hai sĩ quan Anh bị bắt làm tù binh trong những trận đánh gần đây và phải được giao trả không gia hạn, đến nay vẫn không thấy và thậm chí người ta cũng không biết họ bị giam giữ ở đâu; rằng, điều thích đáng là Tướng Dentz sẽ được chuyển tới Palestine, và từ đây chúng tôi sẽ có mọi sự dễ dàng để tiến hành những cuộc tập hợp.

Tôi không giấu với Lyttelton rằng chúng tôi rất bức bối với cách đồng minh của chúng tôi thực thi sự hợp tác. Tôi nói với ông:

Thay vì tiếp tục như thế, chúng tôi thích thà đi theo con đường của chúng tôi và các ông đi theo con đường của các ông hơn.

Tới lượt mình, ông than phiền và gọi lại những chương ngại mà chúng tôi dùng để chống lại Bộ Chỉ huy Anh. Tôi đáp lại ông, theo những gì mà đích thân Foch đã dạy tôi, rằng không thể có bộ chỉ huy giữa các đồng minh có giá trị nào lại không vô tư, và cho dù chính ông, Lyttelton, có thể thực tâm nói hoặc viết cho tôi, đây không phải là trường hợp của người Anh. Còn việc viện dẫn, như Wilson đã làm, tới sự cần thiết phải bảo vệ vùng Levant để chiếm đoạt chính quyền tại Djézireh, tại Palmyre, tại

Druze, đó chỉ là một cái cớ tồi. Kẻ thù giờ đây còn cách xa Druze, Palmyre, Djézireh. Nếu điều khôn ngoan là dự kiến tình huống có thể xảy ra trong đó sự đe dọa của phe Trục lại đè nặng lên Syrie và Liban, điều phải làm, để chuẩn bị, đó là một kế hoạch phòng thủ chung giữa người Pháp và người Anh, chứ hoàn toàn không phải một chính sách của người Anh lấn sang lĩnh vực của chúng tôi.

Muốn kết thúc cuộc thăm viếng với một chút hài hòa, ông Lyttelton chộp lấy thời cơ của “kế hoạch phòng thủ.” Để bàn về vấn đề này, ông đề nghị đưa Tướng Wilson vào, đó là người mà tôi không muốn đến cuộc họp của chúng tôi. Tôi từ chối nhưng chấp nhận việc Wilson gặp Catroux bên ngoài Beyrouth để thiết lập một dự án. Cuộc gặp gỡ giữa họ diễn ra vào ngày hôm sau. Trên thực tế, cuộc gặp gỡ không đưa tới kết quả nào; bằng cớ là từ phía Anh, về những gì liên quan tới vùng Levant, người ta nghĩ tới những điều gì khác hơn là cuộc tấn công của quân Đức. Tuy nhiên, để tỏ thiện chí, ông quốc vụ khanh đã trao lại tôi, trong lúc từ giã, một bức thư lặp lại những bảo đảm đã đưa ra về sự vô tư về mặt chính trị của vương quốc Anh. Ngoài ra, ông Lyttelton hứa chắc bằng miệng với tôi rằng tôi sẽ được mãn nguyện với những hậu quả thực tiễn của cuộc trao đổi vừa qua.

Bởi bao nhiêu chấn động không lay chuyển được Nước Pháp Tự Do, tôi chấp nhận rằng chúng tôi thật sự có thể tin vào một sự ngưng nghỉ trong những khó khăn của chúng tôi. Tuy nhiên, tôi đã thấy tình hình khá đủ để tin chắc rằng sớm hay muộn cuộc khủng hoảng lại bắt đầu. Nhưng sự khó khăn của mỗi ngày cũng quá đủ. Để đưa ra câu kết luận cho thử thách tạm thời đã được vượt qua, tôi gửi tới phái đoàn tại London, vốn kinh sợ thái độ của tôi, những thông điệp tóm lược các giai đoạn và tuyên bố về mặt “giá trị đạo đức”: “Sự cao cả và sức mạnh của chúng ta chỉ bao gồm trong sự không khoan nhượng vì những gì liên quan tới quyền của nước Pháp. Chúng ta sẽ còn cần tới sự không khoan nhượng này cho tới sông Rhin, kể cả chuyện này.”

Dù sao, bắt đầu từ đó, mọi việc đã khoác một dáng vẻ khác. Cùng với những người phụ tá, Larminat có thể tới các đơn vị chưa lên tàu và hồi hã kêu gọi các sĩ quan và binh lính vào phút chót. Catroux có quyền gặp vài

viên chức mà đích thân ông muốn giữ lại. Chính tôi cũng tiếp nhiều người tới viếng thăm. Cuối cùng các cuộc tập hợp lên tới 127 sĩ quan và khoảng 6.000 hạ sĩ quan và binh sĩ, tức là một phần năm quân số các đội quân vùng Levant. Ngoài ra các đơn vị người Syrie và Liban, tổng cộng 290 sĩ quan và 14.000 người đã được tổ chức lại. Nhưng 25.000 sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ của quân đội, và không quân Pháp đã dứt khoát bị lấy đi khỏi chúng tôi trong lúc đại đa số lẽ ra đã về với chúng tôi, nếu chúng tôi có thời gian và phương tiện giúp họ thông suốt. Bởi những người Pháp phải trở về Pháp với sự cho phép của quân thù và từ bỏ khả năng trở về để chiến đấu, đều chìm đắm, tôi biết, trong hoài nghi và sầu não. Còn tôi, tôi luôn nhìn với cõi lòng se thắt, tại vũng tàu, những chiếc tàu chuyển vận mà Vichy đã gửi tới, và trông thấy chúng, khi đã đầy ắp, biến mất trên biển, mang theo một trong những cơ may của tổ quốc.

Ít ra những gì còn lại tại chỗ giờ đây vẫn có thể vận dụng. Tướng Catroux chuyên chú trong công việc này một cách tích cực. Với ý thức về sự vĩ đại của nước Pháp và sở thích về quyền lực, quen sử dụng con người, nhất là người phương Đông mà ông hiểu rõ những hoạt động tế vi và say mê, vững tin nơi chính giá trị của mình cũng như tận tụy với sự nghiệp vĩ đại của chúng tôi và với người chỉ huy, ông sẽ lèo lái tại vùng Levant một phần nước Pháp với phẩm cách và tài năng nổi trội. Nếu có lúc tôi nghĩ rằng ước muốn quyến rũ và xu hướng hòa giải không phải lúc nào cũng đáp ứng được loại kiểm thuật áp đặt cho ông, nếu ông chậm trễ, đặc biệt trong việc nhận thức ý đồ đầy ác ý của người Anh trong chiều sâu của nó, tôi vẫn phải nhìn nhận những công trạng to lớn và những phẩm chất cao vời của ông. Trong một tình huống mà những điều kiện ban đầu khủng khiếp, sự thiếu thốn phương tiện, những chướng ngại dựng lên khắp nơi đã biến thành bac bèo cực kỳ, Tướng Catroux đã phục vụ nước Pháp thật tốt đẹp.

Để bắt đầu, ông phải tổ chức, từ trên xuống dưới, cơ quan đại diện của Pháp mà sự ra đi của hầu hết những viên chức “có thẩm quyền” và phần lớn các sĩ quan tình báo đã, bất ngờ và đều khắp, gần như biến thành số không. Ông cử Paul Lepissié làm tổng thư ký bên cạnh ông, ông này đến từ Bangkok nơi ông là bộ trưởng nước Pháp. Ông cử tướng Collet và ông

Pierre Bart, riêng cho mỗi người, bên cạnh các chính phủ Syrie và Liban. Cùng lúc, các ông David, rồi Fauquenot, tại Alep, de Montjou tại Tripoli, Dumarçay tại Saida, ông Thủ hiến Schoeffler, rồi tướng Montclar, tại Alaouites, các Đại tá Brosset tại Djézireh, de Essars tại Homs, Oliva-Roget tại Druze, sẽ bảo đảm trong từng vùng sự hiện diện và ảnh hưởng của chúng tôi.

Tôi phải nói rằng dân chúng đã bộc lộ một sự tán thành nồng nhiệt đối với chúng tôi. Họ thấy ở Nước Pháp Tự Do một cái gì can đảm, cừ khôi, hào hiệp, dường như đáp ứng được điều dưới con mắt họ là hiện thân lý tưởng của nước Pháp. Ngoài ra họ cảm thấy sự hiện diện của chúng tôi đã đưa ra xa khỏi lãnh thổ của họ hiểm họa xâm lược của Đức, bảo đảm tương lai trong lãnh vực kinh tế và áp đặt một giới hạn cho những sự lạm dụng của các chúa phong kiến của họ. Cuối cùng, thông báo hào hiệp mà chúng tôi đưa ra về nền độc lập của họ vẫn làm họ xúc động. Cũng những cuộc biểu tình đó đã diễn ra trong lúc tôi vào Damas và Beyrouth được lặp lại vài ngày sau tại Alep, tại Lattaquié, tại Tripoli, cũng như nhiều thành phố và thị trấn của vùng đất tuyệt vời này, nơi từng phong cảnh và từng địa phương, trong chất thơ đầy xúc động của chúng, có thể nói là những chứng nhân của lịch sử.

Nhưng nếu tình cảm của nhân dân tỏ ra thuận lợi rõ rệt thì các nhà chính trị lại bày tỏ ít thẳng thắn hơn. Về phương diện này, điều cấp bách nhất, tại mỗi quốc gia trong hai quốc gia này, là trao quyền cho một chính phủ có khả năng cáng đáng những nhiệm vụ mới về mặt tài chính, kinh tế, trật tự công cộng. Chúng tôi muốn chỉ dành cho thẩm quyền ủy trị trách nhiệm phòng thủ, các quan hệ với nước ngoài và các “lợi ích chung” cho hai quốc gia: tiền tệ, thuế quan, tiếp tế, mọi lãnh vực trong đó người ta không thể cho tay vào cũng như bất ngờ tách biệt Syrie và Liban. Về sau, khi sự tiến triển của chiến tranh cho phép, chúng tôi sẽ tiến hành những cuộc bầu cử từ đó xuất hiện những chính quyền quốc gia đầy đủ. Trong khi chờ đợi kết quả này, sự khởi động của các chính phủ với quyền hạn mở rộng đã đưa những nhiệt tình của các phe cánh và sự cạnh tranh của các cá nhân tới chỗ sôi sục.

Với Syrie, về phương diện này, tình hình đặc biệt phức tạp. Tháng Bảy năm 1939, bởi Paris cuối cùng từ chối phê chuẩn hiệp ước 1936, ông Cao ủy Pháp đã buộc phải loại ông Tổng thống của nước Cộng hòa, Hachem Bey-el Atassi, và giải tán quốc hội. Chúng tôi tìm cách ổn định tại Damas, dưới sự lãnh đạo của Khaled Bey Azem, nhân vật sáng giá và được kính trọng, một nội các giới hạn trong việc giải quyết nhanh các vụ việc, không khoắc tể cách một chính phủ quốc gia. Trước tiên tôi hy vọng có thể tái lập tại Syrie tình trạng đã có trước đây. Tổng thống Hachem Bey và với ông, Djemil Mardam Bey, người đứng đầu nội các cuối cùng của ông, cũng như ông Fares El Koury, chủ tịch nghị viện bị giải tán, trên nguyên tắc đã tỏ ra sẵn sàng trong những cuộc trao đổi của tôi với từng người trong bọn họ với sự hiện diện của Tướng Catroux. Nhưng mặc dầu cả ba người đều là những chính khách dày dặn kinh nghiệm, những người yêu nước tận tụy với đất nước và là những con người muốn giữ gìn tình hữu nghị với nước Pháp, dường như họ vẫn không nhận ra tất cả tầm quan trọng của cơ hội lịch sử bày ra cho họ để đưa nước Syrie vào con đường độc lập, hoàn toàn hòa thuận với nước Pháp và nhanh chóng vượt qua những thành kiến và những lời phàn nàn. Tôi thấy họ quá bận tâm với những thủ tục pháp lý và quá nhạy cảm với những gợi ý của một chủ nghĩa quốc gia tỉ mẩn. Tuy nhiên tôi vẫn giục Tướng Catroux tiếp tục những cuộc trao đổi với họ và chỉ nên hướng về một giải pháp khi rõ ràng thái độ dè dặt của họ cản trở việc đạt tới kết quả.

Tại Liban, chúng tôi có thể đi nhanh hơn nhưng vẫn không đạt được mục tiêu mong muốn. Tổng thống nước Cộng hòa, Émile Eddé, người bạn không lay chuyển của nước Pháp và chính khách được tin cậy, đã tự ý từ chức ba tháng trước chiến dịch đưa chúng tôi tới Beyrouth. Ông không được thay thế. Mặt khác nhiệm kỳ của quốc hội đã hết hạn từ lâu. Về phương diện nguyên tắc và hiến pháp, cái cũ coi như hết sạch. Nhưng những cuộc đấu tranh của các phe cánh chính trị thì không thế. Một sự cạnh tranh quyết liệt đặt một nhân vật theo giáo phái Maron khác là ông Béchara El Koury đối đầu với Émile Eddé. Koury đoạn tuyệt với những đường lối quanh co trong các vấn đề Liban, tập hợp quanh ông nhiều người theo và

những lợi ích phức tạp. “Eddé đã từng có chức vị, ông Koury tuyên bố với tôi, đến lượt tôi là tổng thống!” Cuối cùng, Riad Solh, thủ lĩnh say mê của những người hồi giáo Sunni, phất quanh những đèn thờ Hồi giáo ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc Ả Rập, gây lo sợ cho hai đối thủ, nhưng họ vẫn không nhất trí với nhau.

Trong những điều kiện đó chúng tôi nghĩ tốt hơn hết là đưa lên bậc thang cao nhất một con người mà chúng tôi thấy xứng đáng để lãnh đạo chính phủ, ông Alfred Naccache không sánh bằng ba người kia, nhưng có khả năng, được yêu thích, và việc ông đứng đầu Nhà nước trong tình hình chuyển tiếp có thể không gây sự chống đối quyết liệt. Điều này và chẳng chỉ đúng một phần. Bởi nếu Emile Eddé vui lòng một cách độ lượng với sự chọn lựa của chúng tôi lúc này, nếu Riad Solh gây phiền phức cho người nhận trách nhiệm, thì ông Béchara El Koury là người nổi lên chống lại ông ta với những mánh khỏe và âm mưu.

Trong khi chờ đợi sự tham khảo rộng rãi với dân, tình hình chính trị này tại Damas và Beyrouth tự nó không có gì đáng ngại. Trật tự công cộng không có gì bất trắc. Chánh quyền làm tròn nhiệm vụ của mình. Dư luận chấp nhận ngay sự chậm trễ của các cuộc bầu cử vì áp lực lớn lao của chiến tranh. Tóm lại, giai đoạn chuyển tiếp ngắn ngủi giữa chế độ ủy trị và chế độ độc lập hẳn nhiên có thể và phải hoàn thành khá êm thấm, nếu sự can thiệp của người Anh không cố tìm kiếm duyên cớ và cơ hội trong chuyện này.

Trong lúc ông Lyttelton mãi bận rộn tại Le Caire với những vấn đề do việc tiếp tế phương Đông đặt ra, trong lúc tướng Wilson mờ nhạt đi với quân luật và những sự lấn chiếm trực tiếp của ông, Spears chuyển tới Beyrouth trong tư cách trưởng ban liên lạc, để trở thành, vào tháng giêng, bộ trưởng đại diện toàn quyền của Anh bên cạnh các chính phủ Syrie và Liban. Ông có những thế mạnh không sánh được: sự hiện diện của quân đội Anh, hoạt động đa dạng của cơ quan tình báo, sự làm chủ các mối quan hệ kinh tế của hai nước sống bằng những cuộc trao đổi, sự ủng hộ của nền ngoại giao số một thế giới tại tất cả các thủ đô, những phương tiện tuyên truyền lớn mạnh, sự hợp tác chính thức của các quốc gia Ả Rập láng giềng Irak và Transjordanie nơi ngự trị những ông hoàng thuộc triều đại Hussein,

Palestine mà viên cao ủy Anh luôn báo động về những hậu quả, nơi người Ả Rập trên lãnh thổ của ông, từ sự áp bức mà những người anh em Syrie và Liban của họ đã gánh chịu, và, cuối cùng, Ai Cập nơi sự ổn định của các ông bộ trưởng trong chính quyền cũng như tham vọng của những người muốn đạt tới đó chỉ thật sự có cơ may với sự đồng tình của người Anh.

Trong môi trường thăm thấu đầy mánh khéo và lợi lộc mà vùng Levant mở ra cho những dự định của nước Anh, ván bài với những lá bài như thế quả dễ dàng và hấp dẫn. Chỉ có viễn cảnh một sự đoạn tuyệt với chúng tôi và sự cần thiết thu xếp tình cảm của nước Pháp có thể áp đặt cho London một sự điều độ nào đó. Nhưng viễn cảnh đó và sự cần thiết đó cũng hạn chế những cuộc phô diễn và đáp trả của chúng tôi. Sự bất lợi về mặt tinh thần và vật chất mà sự tách biệt với vương quốc Anh đặt ra cho chúng tôi cố nhiên có cái gì để cầm giữ chúng tôi. Ngoài ra, Nước Pháp Tự Do dần dần mở rộng sẽ không mất đi phần nào sự kiên quyết tập trung kia đã giúp chúng tôi thắng lần này bằng trò được ăn cả ngã về không đó sao? Làm sao tiết lộ cho nhân dân Pháp những phương pháp của các nước đồng minh khi, trong hố thăm họ bị chìm xuống, không gì quan trọng hơn việc khơi gợi lòng tin và hy vọng nơi họ để lôi kéo họ vào cuộc chiến đấu chống lại quân thù?

Bất chấp tất cả, việc thăm quyền của chúng tôi được thiết lập tại Syrie và Liban đã mang tới phe tự do một sự củng cố đáng kể. Từ đây hậu phương của các nước đồng minh tại phương Đông đã được đảm bảo vững chắc. Quân Đức không còn phương tiện để được vững chân tại các nước Ả Rập, trừ phi phát động một cuộc viễn chinh rộng lớn và nguy hiểm. Nước Thổ Nhĩ Kỳ mà Hitler hy vọng quấy rối đủ để đưa nó gia nhập phe Trục và dùng làm đầu cầu cho nó giữa châu Âu và châu Á, không có nguy cơ bị vây hãm và nhờ đó sẽ được vững chắc thêm. Cuối cùng, Nước Pháp Tự Do có thể đưa ra tiền tuyến nhiều lực lượng được tăng cường.

Về phương diện này chúng tôi quyết định giữ các lãnh thổ vùng Levant bằng những đội quân Syrie và Liban, một cuộc phòng thủ bờ biển cố định giao cho hải quân chúng tôi, một lực lượng dự bị thành lập bởi một lữ đoàn Pháp, tất cả đặt dưới quyền của tướng Humblot. Cùng lúc, để chiến

đấu ở nơi khác, chúng tôi tổ chức hai lữ đoàn hỗn hợp mạnh và một tập đoàn xe tăng với những ban bộ tương ứng. Được thay thế bởi ông tướng y sĩ Sicé, trong chức vụ cao ủy tại Brazzaville, Tướng Larminat được giao nhiệm vụ chỉ huy toàn bộ cơ động, giới hạn, than ôi! Về mặt quân số này, nhưng được trang bị bằng một hỏa lực mạnh nhờ phương tiện chúng tôi vừa thu giữ tại vùng Levant. Khi ghé qua lần nữa Le Caire, tôi gặp Tướng Auchinleck, vị Tổng Tư lệnh mới. Tôi nói với ông:

Ngay khi các lực lượng của chúng tôi sẵn sàng, chúng tôi sẽ đặt họ dưới quyền ông, miễn sao để được chiến đấu.

Ông đáp lời:

Rommel chắc chắn sẽ làm điều phải làm để từ đó tôi tìm ra cơ hội.

Nhưng trong lúc tại Địa Trung Hải, trong những điều kiện tốt nhất cho bản thân chúng tôi và cho đồng minh của chúng tôi, chiến tranh sẽ tập trung tại biên giới Ai Cập và Libye, nó kích động những không gian mênh mông của châu Âu, từ biển Baltique tới biển Đen. Cuộc tấn công của quân Đức tại Nga tiến triển nhanh chóng. Tuy nhiên, bất chấp những thắng lợi ban đầu của các quân đoàn Hitler, sức chống cự của quân Nga vẫn tăng cường mỗi ngày. Về mặt chính trị cũng như chiến lược, đó là những biến cố có một tầm quan trọng không ước lượng nổi.

Từ thực tế đó, nước Mỹ thấy cơ hội của những hành động quyết định đã đến với họ. Cố nhiên, chúng tôi phải dự kiến nước Nhật sẽ sớm phát động trên Thái Bình Dương một kế nghi binh với quy mô lớn sẽ giảm thiểu và làm chậm trễ sự can thiệp của Hoa Kỳ. Nhưng sự can thiệp này, vào châu Âu và châu Phi từ đây đã trở nên chắc chắn, bởi một cuộc phiêu lưu vĩ đại đang thu hút phần chủ yếu của lực lượng nước Đức trong những vùng xa xôi của nước Nga, mặt khác, người Anh với sự hợp tác của Nước Pháp Tự Do ở Trung Đông đã có thể vững tin vào những vị trí chắc chắn của họ, cuối cùng diễn tiến hiện nay của chiến tranh hẳn phải thối bùng hy vọng và tính chiến đấu của các dân tộc bị áp bức.

Những gì tôi phải làm giờ đây là, trong mức độ có thể được, tác động lên Washington và Moscou, thúc đẩy cuộc kháng chiến Pháp phát triển, khơi dậy và dẫn dắt nỗ lực bằng những phương tiện của chúng tôi trên khắp

thế giới. Muốn thế, tôi phải trở lại London, trung tâm liên lạc và thủ đô của chiến tranh. Tôi tới đây ngày 1 tháng Chín, sau những kinh nghiệm mới đây, tôi cảm nhận thế nào là những thử thách của sự nghiệp đấu tranh cho tới ngày cuối cùng, nhưng từ đây tôi tin rằng chiến thắng đang ở cuối đường.

CHƯƠNG 7

ĐỒNG MINH

Dưới con mắt của mọi người, gần tới mùa đông thứ hai của mình, Nước Pháp Tự Do không còn là một cuộc đánh liều kỳ quặc đã được đón nhận trước tiên bằng sự mỉa mai, lòng thương hại hoặc nước mắt. Giờ đây người ta bắt gặp ở khắp mọi nơi thực tại chính trị, chiến đấu và lãnh thổ của Nước Pháp Tự Do. Bắt đầu từ đó, chúng tôi phải mở ra bình diện ngoại giao, tạo chỗ đứng giữa các nước đồng minh, xuất hiện như một nước tham chiến và có chủ quyền, và người ta phải tôn trọng các quyền hạn của chúng tôi và thu xếp cho chúng tôi phần thắng lợi. Về phương diện này tôi sẵn sàng chấp nhận những sự chuyển tiếp. Nhưng thật ra tôi không muốn, cũng không thể nhượng bộ điều gì cả. Ngoài ra tôi đã vội vàng đạt được kết quả và tư thế trước khi cú sốc quyết định giải quyết số phận của cuộc chiến tranh. Vậy là chúng tôi không có thì giờ để mất, nhất là bên những nước lớn: Washington, Moscou, London.

Hoa Kỳ luôn đưa những tình cảm sơ đẳng và một chánh sách phức tạp vào những vụ việc lớn. Thái độ của họ đối với nước Pháp năm 1941 đúng là như thế. Khi mà, trong những chiều sâu của dư luận Mỹ, hoạt động của Tướng de Gaulle khơi dậy những phản ứng say mê, tất cả những gì bán chính thức chỉ nhắc tới một cách lạnh nhạt và dừng dừng. Còn các quan chức thì họ vẫn duy trì những quan hệ của họ với Vichy như cũ, với tham vọng tranh giành nước Pháp khỏi ảnh hưởng của Đức, ngăn cản hạm đội khỏi bị giao nộp, giữ liên lạc với Weygand, Noguès, Boisson: Roosevelt chờ đợi một ngày họ mở những cánh cửa châu Phi cho ông. Nhưng bằng một sự mâu thuẫn đáng kinh ngạc, chính sách của Hoa Kỳ, được đại diện

bên cạnh Pétain, lại tách khỏi Nước Pháp Tự Do, viện cớ rằng người ta không thể đoán trước chính phủ mà nước Pháp có thể lập cho mình khi đã được giải phóng. Thật ra, điều mà các nhà lãnh đạo Mỹ coi như được thừa nhận, đó là sự xóa nhòa của nước Pháp. Vậy là họ bằng lòng với Vichy. Tuy nhiên, ở một vài điểm trên thế giới, vì những nhu cầu chiến đấu, nếu họ dự định hợp tác với những thẩm quyền nào đó của Pháp, họ nghĩ rằng điều đó chỉ thực hiện qua những cuộc dàn xếp có tính giai đoạn và địa phương.

Các điều kiện đó gây khó khăn cho chúng tôi trong tìm kiếm sự đồng tình với Washington. Phương trình riêng của ông tổng thống tác động tới vấn đề bằng một hệ số không thuận lợi chút nào. Mặc dầu Franklin Roosevelt và tôi chưa có thể gặp nhau, nhiều dấu hiệu khiến tôi nghĩ tới sự dè dặt của ông đối với tôi. Tôi muốn, ít ra, làm tất cả những gì có thể để ngăn cản Hoa Kỳ, đang sắp sửa bước vào cuộc chiến, và nước Pháp, mà tôi khẳng định chưa bao giờ ra khỏi cuộc chiến, không phải đi theo những con đường khác biệt nhau.

Về hình thức, các mối quan hệ cần thiết lập mà các chính khách, các nhà ngoại giao và các nhà báo sẽ thi nhau bàn cãi, tôi phải nói rằng tôi gần như dừng dừng với nó. Với tôi, thực tại và nội dung các mối quan hệ quan trọng hơn những công thức liên tiếp mà các luật gia ở Washington nói tới quanh chuyện “nhìn nhận”. Tuy nhiên, trước những tài nguyên kịch sù của Mỹ và tham vọng của Roosevelt muốn làm ra luật và khẳng định về quyền trên thế giới, tôi cảm thấy nền độc lập thật sự có liên can. Tóm lại, nếu tôi mong muốn tìm sự đồng tình với Washington, đó là trên những căn bản thực tiễn nhưng trong tư thế đứng thẳng.

Trong giai đoạn những tháng đầu tiên hào hùng của Nước Pháp Tự Do, Garreau-Dombasle và Jacques de Sèyès đã giúp đỡ tôi thật hữu hiệu trong tư cách người phát ngôn. Vấn đề bây giờ là điều đình. Tôi giao cho Pleven nhiệm vụ mở đầu những cuộc tiếp cận. Ông này biết rõ nước Mỹ. Ông lại khôn khéo. Ông rành rọt không sót vấn đề gì của chúng tôi. Ngay tháng năm năm 1941, từ Brazzaville tôi đã ấn định sứ mệnh của ông như sau: “Thu xếp việc thiết lập các mối liên lạc thường xuyên và trực tiếp của

chúng ta với bộ Ngoại giao Mỹ, các mối quan hệ kinh tế của châu Phi và châu Đại dương với châu Mỹ và việc chúng ta mua trực tiếp các phương tiện có ích cho chiến tranh; đưa thông tin và tuyên truyền của chúng ta tới Hoa Kỳ, tạo nơi đây các ủy ban của chúng ta và tổ chức sự hợp tác của những người Mỹ có thiện chí.” Lên đường vào đầu tháng Sáu, Plevin không tới với hai bàn tay không. Thật vậy, chúng tôi sẽ bày ra ngay tức khắc cho Hợp chúng quốc khả năng chuyển các lực lượng không quân của họ tới Cameroun, Tchad và Congo trong khi châu Phi đã được chỉ định trước để làm căn cứ cho họ hướng về châu Âu ngày nào họ phải hành động bằng vũ khí. Ngoài ra trước sự đe dọa của người Nhật, sự hợp tác của các đảo ở Thái Bình Dương nơi pháp phối ngọn cờ Chữ Thập Lorraine của chúng tôi sẽ có một tầm quan trọng đáng kể cho họ.

Trên thực tế, chính phủ Mỹ không chậm trễ trong việc yêu cầu cho máy bay của họ được quyền sử dụng vài căn cứ của chúng tôi ở châu Phi, rồi những căn cứ của Nouvelle Hébrides và Nouvelle Calédonie. Vẫn chưa là nước tham chiến, họ làm điều đó nhân danh hãng hàng không Pan American nhưng không ai nghi ngờ tầm quan trọng của bước tiến hành này.

Khi Hợp chúng quốc thấy chiến tranh tới gần với họ, Washington tỏ ra chú ý hơn tới chúng tôi. Tháng Tám, một phái đoàn liên lạc do Đại tá Cunningham cầm đầu đã được gửi tới Tchad. Tháng Chín, ông Cordell Hunt tuyên bố công khai rằng chính phủ Mỹ và Nước Pháp Tự Do có chung những lợi ích. Ông nói thêm: “Các mối quan hệ của chúng tôi với nhóm này rất tốt trên mọi phương diện.” Ngày 1 tháng Mười, Plevin được chính thức đón tiếp tại Bộ Ngoại giao bởi ông Thứ trưởng Ngoại giao Summer Welles. Ngày 11 tháng Mười một, Tổng thống Roosevelt, qua thư gửi cho ông Stettinius, đã nói rộng tới Nước Pháp Tự Do lợi ích của chương trình Lend-Lease bởi “sự phòng thủ các lãnh thổ gia nhập Nước Pháp Tự Do rất hệ trọng cho sự phòng thủ Hoa Kỳ.” Cuối tháng, Weygand được gọi về từ Alger mang theo một ảo tưởng Mỹ mà Washington vẫn chưa biết thay thế bằng ảo tưởng nào khác. Giữa lúc đó, trong khi Plevin trở về London để tham gia Ủy ban quốc gia mà tôi vừa thành lập, Adrien Tixier, Giám đốc văn phòng lao động quốc tế, trở thành trưởng phái đoàn của

chúng tôi với sự đồng ý của bộ Ngoại giao Mỹ. Cuối cùng, ngay tại London, các mối quan hệ bình thường được thiết lập giữa chúng tôi và ông Drexel Biddle, đại sứ Hoa Kỳ bên cạnh các chính phủ lưu vong tại Vương quốc Anh.

Trong lúc các mối quan hệ chính thức đầu tiên được thắt chặt, người ta ghi nhận nhiều sự thay đổi trên báo chí và đài phát thanh cho tới lúc bấy giờ vẫn đầy ác ý với chúng tôi, nếu chúng không câm nín. Mặt khác, giữa những người Pháp lưu vong, trong đó có một số người tai mắt, đã xuất hiện mong muốn gắn bó với những người đang giữ ngọn cờ. Chính vì vậy mà khi thành lập tại New York Viện Pháp quốc tập hợp nhiều tay cự phách của khoa học, của sử học, của triết học, giáo sư Focillon nhận được sự nhất trí của các bạn đồng nghiệp để yêu cầu Tướng de Gaulle nhìn nhận cơ quan bằng sắc lệnh.

Ngày 7 tháng Chạp, cuộc tấn công vào Trân Châu Cảng đã ném nước Mỹ vào cuộc chiến tranh. Người ta có thể tin rằng, ngay lúc đó, chính sách của họ có thể xem những người của phong trào Nước Pháp Tự Do đang chiến đấu chống lại chính những kẻ thù của họ là đồng minh. Nhưng chẳng có gì cả. Trước khi Washington cuối cùng cũng đi tới quyết định đó, chúng tôi phải chịu đựng nhiều nỗi bất hạnh. Chính vì vậy mà ngày 13 tháng Chạp, chính phủ Mỹ trưng dụng trong hải cảng của họ tàu chở khách Normandie và 13 tàu khác của Pháp, mà không bàn bạc với chúng tôi, thậm chí không buồn nói với chúng tôi về việc sử dụng lẫn việc vũ trang chúng. Vài tuần sau, tàu Normandie bốc cháy trong những điều kiện thảm hại. Trong tháng Chạp, công ước các Quốc gia Liên hiệp được bàn thảo và ký kết bởi hai mươi bảy chính phủ trong đó không có chúng tôi. Điều kỳ lạ nếu không nói là thiếu minh bạch trong thái độ của Hoa Kỳ đối với chúng tôi sẽ được bộc lộ bằng một vụ rắc rối tự nó rất nhỏ nhưng phản ứng chính thức của Washington lại gán cho nó một tầm quan trọng quá đáng. Có thể về phần tôi, tôi đã khơi ra chuyện này để lay động sự vật từ bề sâu của nó, như người ta ném một hòn đá xuống ao. Đó là vấn đề gia nhập của quần đảo Saint-Pierre-et-Miquelon.

Tôi đã nghĩ tới chuyện này ngay từ đầu. Quả thật điều đáng cảm phần là, sát kề bên Terre-Neuve, một quần đảo nhỏ của Pháp mà dân chúng đòi về với chúng tôi lại bị đặt dưới sự tuân thủ Vichy. Người Anh bị ám ảnh bởi ý tưởng theo đó trên đường đi của những đoàn tàu, một ngày nào đó tàu ngầm Đức có thể tìm ra sự yểm trợ đặc biệt nhờ trạm phát thanh tại Saint-Pierre, nên họ mong sự tập hợp. Nhưng theo họ, trước tiên phải có sự đồng tình của Washington. Phần tôi, tôi thấy sự đồng tình này đáng mong, nhưng không cần thiết, bởi ở đây chỉ có vấn đề nội bộ của Pháp. Thậm chí, tôi càng kiên quyết tin chắc vào quần đảo hơn khi thấy Đô đốc Robert, Cao ủy của Vichy tại Antilles, Guyane và Saint-Pierre điều đình với người Mỹ, điều này chỉ có thể đưa tới việc trung lập hóa các lãnh thổ này của Pháp dưới sự bảo đảm của Washington. Được biết vào tháng Chạp, đô đốc Horne đã được Roosevelt gửi tới Fort-de-France để thương lượng với Robert về điều kiện trung lập hóa các thuộc địa của chúng tôi ở châu Mỹ và tàu bè của chúng tôi ở đây, tôi quyết hành động ngay trong cơ hội đầu tiên.

Cơ hội này xuất hiện dưới những nét sắc sảo của Đô đốc Muselier. Bởi ông phải tới Canada để thanh tra tàu ngầm tuần tra Surcouf bấy giờ đặt căn cứ tại Halifax cũng như các tàu hộ tống Pháp đang hộ tống các đoàn tàu, tôi thỏa thuận trên nguyên tắc ông sẽ thực hiện công việc này. Trên thực tế, ngày 12 tháng Chạp khi đã tập hợp quanh tàu Surcouf các tàu hộ tống Mimosa, Aconit và Alysse, ông sẵn sàng ghé lại Saint-Pierre-et-Miquelon. Nhưng ông nghĩ chính ông phải yêu cầu trước, tại Ottawa, sự đồng ý của người Canada và người Mỹ. Bí mật đã bị phá vỡ. Tôi tự thấy mình buộc lòng phải báo cho người Anh biết để tránh mọi điều giấu giếm. Với Muselier, Washington trả lời: “Không!” qua ông bộ trưởng của họ tại Ottawa; ông đô đốc đã tuyên bố với ông này là, ngay lúc bấy giờ, ông đã từ bỏ chuyện tới các đảo. Chính phủ London viết thư cho tôi, cho biết phần họ, họ không gây trở ngại nào, nhưng vì có sự chống đối của Mỹ, họ yêu cầu phải đình hoãn công việc. Trong những điều kiện đó, và trừ phi có sự kiện nào mới, chúng tôi sẽ phải từ bỏ chuyện này.

Nhưng sự kiện mới lại xảy ra. Vài giờ sau khi trả lời cho tôi, Bộ Ngoại giao Mỹ báo cho chúng tôi biết – phải chăng với chủ định – rằng chính phủ

Canada, nhất trí với Hoa Kỳ nếu không nói là theo sự xúi giục của nước này, đã quyết định, dù muốn dù không, cho đổ bộ tại Saint-Pierre nhân sự cần thiết để bảo đảm trạm vô tuyến. Chúng tôi phản đối ngay với London và Washington. Nhưng ngay khi xảy ra một vụ can thiệp của nước ngoài vào lãnh thổ Pháp, tôi không được phép chần chờ gì nữa. Tôi ra lệnh cho Muselier tập hợp ngay tức khắc Saint-Pierre-et-Miquelon. Ông thực hiện điều này vào hôm trước Noël trong sự cuồng nhiệt cực kỳ của dân chúng, mà không cần phải nói bằng thuốc súng. Một sự bỏ phiếu toàn dân cho Nước Pháp Tự Do với một đa số áp đảo. Những người trẻ đăng ký nhập ngũ ngay. Những người đứng tuổi hợp thành một phân đội để bảo đảm việc phòng thủ các đảo. Savary được bổ nhiệm làm người đứng đầu bộ máy hành chính thay cho Thủ hiến.

Người ta có thể tin rằng hoạt động nho nhỏ đó, được thực hiện rất đổi thành công, sẽ được công nhận dễ dàng bởi chính phủ Mỹ. Nhiều lắm người ta phải mong đợi một thái độ cáu gắt nào đó trong các văn phòng của bộ Ngoại giao. Vậy mà một trận bão thật sự đã nổ ra tại Hoa Kỳ. Chính ông Cordell Hull đã phát động nó bằng một thông báo cho biết ông bỏ dở kỳ nghỉ Noël và khẩn cấp trở về Washington. Ông Bộ trưởng nói thêm: “Hành động của các con tàu mệnh danh là của Pháp tại Saint-Pierre-et-Miquelon đã xảy ra mà Hoa Kỳ không được biết trước và cũng không có sự đồng tình nào.” Ông kết thúc và tuyên bố rằng chính phủ của ông “đã yêu cầu chính phủ Canada cho biết đã dự kiến những biện pháp nào để khôi phục nguyên trạng trên các đảo.”

Tại Hoa Kỳ, trong ba tuần lễ, sự náo động của báo chí và sự xúc động của dư luận đã vượt qua những giới hạn có thể tưởng tượng được. Vụ rắc rối bất ngờ đem lại cho công chúng Mỹ cơ hội để họ cho thấy họ ưa thích cái nào hơn giữa một chính sách chính thức vẫn còn tin vào Pétain và tình cảm của nhiều người thiên về de Gaulle. Còn chúng tôi, mục tiêu đã đạt được, chúng tôi muốn giờ đây đưa Washington tới một sự am hiểu đúng đắn các vấn đề. Bởi Churchill đang ở Québec họp bàn với Roosevelt, tôi điện cho ông Thủ tướng để báo cho ông biết về hậu quả xấu do thái độ của bộ Ngoại giao Mỹ gây ra trên dư luận Pháp. Churchill đáp lại rằng ông sẽ

làm tất cả để vụ việc được dàn xếp đồng thời ám chỉ những phát triển thuận lợi đã bị cản trở từ đó. Cùng lúc, Tixier thay mặt tôi trao cho ông Cordell Hull những thông báo trấn an trong khi Russy de Sales, cũng trong hướng đó, sử dụng uy tín của mình trên báo chí Mỹ, và chúng tôi cố vận dụng ông W.Bullitt, vị Đại sứ cuối cùng của Hoa Kỳ tại nước cộng hòa, bấy giờ ông này đang lưu lại Le Caire.

Bị chỉ trích nhiều trong nước và bị phản đối ngầm bởi nước Anh và nước Canada, chính phủ Washington dứt khoát chỉ có thể chấp nhận sự đã rồi. Tuy nhiên trước khi chấp nhận, họ vẫn cố đe dọa qua trung gian của chính phủ Anh, nhưng họ cũng không dễ dàng thuyết phục được chính trung gian này. Ông Eden gặp tôi rồi lại gặp tôi ngày 14 và tỏ ra khẩn khoản để chúng tôi chấp nhận việc trung lập hóa các hòn đảo, sự độc lập của chính quyền đối với Ủy ban quốc gia và một sự kiểm soát tại chỗ bởi các viên chức đồng minh. Bởi tôi từ chối một giải pháp như vậy, ông Eden cho biết Hoa Kỳ đang nghĩ tới việc gửi tới Saint-Pierre một tàu tuần tra và hai tàu khu trục. Ông hỏi tôi:

Các ngài sẽ làm gì trong trường hợp này?

Tàu đồng minh sẽ dừng lại tại mức nước giới hạn thuộc lãnh thổ Pháp và ông đô đốc Mỹ sẽ tới ăn sáng với Musclier, ông này chắc chắn sẽ lấy làm hân hạnh.

Nhưng nếu tàu tuần tra vượt giới hạn thì sao?

Người của chúng tôi sẽ ra lệnh dừng lại, như thường lệ.

Nếu nó bất chấp lệnh của các ông thì sao?

Ông Eden đưa tay lên trời và nói:

Đó sẽ là một sự bất hạnh lớn, bởi bấy giờ người của chúng tôi sẽ nổ súng.

Tôi cười và kết luận:

Tôi hiểu những mối lo ngại của ông, nhưng tôi tin vào những nền dân chủ.

Chỉ còn cách sang trang. Ngày 9 tháng Giêng, ông Cordell Hull tiếp ông Tixier và giải thích với ông này giọng ôn tồn về những lý do của chính sách mà ông theo đuổi cho tới bây giờ. Ít lâu sau, ông tuyên bố nhìn nhận

thái độ của tôi. Ngày 22, trở về Anh, ông Churchill yêu cầu tôi đến gặp ông. Tôi cùng Plevin đi gặp ông. Với sự hiện diện của ông Eden bên cạnh, ông thủ tướng, thay mặt cho Washington, London và Ottawa, đề nghị với chúng tôi về một cuộc dàn xếp theo đó mọi việc tại Saint-Pierre-et-Miquelon sẽ giữ nguyên tình trạng mà chúng tôi đã đặt để. Bù lại, chúng tôi sẽ để cho ba chính phủ công bố một thông báo sẽ cứu vớt thể diện phần nào cho bộ Ngoại giao Mỹ. Bộ trưởng Anh nói với chúng tôi:

Sau đó, sẽ không có ai can thiệp vào vụ việc này nữa.

Chúng tôi chấp nhận cuộc dàn xếp. Chúng tôi giữ Saint-Pierre-et-Miquelon và phía đồng minh không quan tâm tới nó nữa.

Vả chăng, dù tư thế pháp lý và tình cảm của Washington đối với chúng tôi ra sao, sự tham chiến của Hoa Kỳ buộc họ phải hợp tác với Nước Pháp Tự Do. Điều này đúng cho Thái Bình Dương nơi, vì cuộc tấn công sấm sét của quân Nhật, các thuộc địa của chúng tôi: La Nouvelle – Calédonie, Marquises, Touamotou, Société, và cả Tahiti, sớm muộn gì cũng có thể trở thành thiết yếu đối với chiến lược của đồng minh. Một vài trong số đó đã được sử dụng làm trạm hàng không – hàng hải. Ngoài ra chất kền của Calédonie rất cần cho việc chế tạo vũ khí. Người Mỹ sẽ sớm thấy lợi ích của sự đồng tình với chúng tôi. Điều ngược lại cũng đúng, bởi nếu có dịp, trong đơn độc chúng tôi khó lòng bảo vệ các hòn đảo của chúng tôi. Vậy là sau khi đã cân nhắc kỹ, Ủy ban quốc gia của chúng tôi đã quyết định thỏa mãn những gì người Mỹ yêu cầu về những thuộc địa của chúng tôi trên Thái Bình Dương, với điều kiện duy nhất là bản thân họ phải tôn trọng chủ quyền của Pháp và thẩm quyền của chính chúng tôi tại đây.

Ngoài ra thẩm quyền này phải thực thi tại chỗ một cách tốt đẹp. Điều này không phải dễ bởi sự xa xôi cực kỳ và sự phân tán của các hòn đảo chúng tôi, sự thiếu thốn phương tiện, đặc tính của quần chúng thật sự rất gắn bó với nước Pháp và đã chứng tỏ điều đó bằng sự gia nhập nhưng mặt khác luôn hiếu động và dễ rơi vào những mưu mô do các lợi ích địa phương và nước ngoài gây ra. Vả chăng trong số những thành phần được động viên, nhiều người ưu tú nhất đã, theo lệnh tôi, rời châu Đại Dương để đi chiến đấu tại châu Phi trong những lực lượng Nước Pháp Tự Do. Cũng

vậy, tiểu đoàn Thái Bình Dương dũng cảm cũng như nhiều phân đội khác đã được gửi tới phương Đông theo lệnh của Trung tá Broche. Sự đóng góp này của châu Đại Dương vào cuộc giải phóng nước Pháp đã khoác một ý nghĩa cao cả. Nhưng sự phòng thủ trực tiếp của các cơ sở chúng tôi lại tỏ ra khó khăn hơn. Cuối cùng tình trạng chiến tranh đã làm tan rã đời sống kinh tế của các thuộc địa xa xôi này. Tóm lại sự cần thiết của một chính quyền vững mạnh và tập trung tới mức có thể được là điều bó buộc tại châu Đại Dương.

Ngay mùa xuân năm 1941, tôi đã thấy cần phải gửi Cao ủy Brunot tới đó thị sát, ông này đã trở nên sẵn sàng từ khi Leclerc đưa Cemeroun gia nhập Nước Pháp Tự Do. Nhưng Brunot đã đụng chạm, thường khi dữ dội, với các viên chức vốn quy cho ông, không phải là không có vẻ hợp lý, có ý đồ nhảy vào chỗ của họ cùng với bạn bè của ông. Papeete đã từng là nơi xảy ra nhiều vụ rắc rối đầy tính cách bi hài. Người ta chứng kiến ông Thủ hiến, ông Tổng thư ký, ông Lãnh sự Anh, trong tình trạng bị bắt giữ theo lệnh của ông Brunot, trong lúc tại Nouméa, ông Thủ hiến Sautot công khai bộc lộ sự ngờ vực đối với ông thanh tra. Nhiều biện pháp đặc biệt buộc phải đưa ra. Vào tháng Bảy năm 1941, tôi chỉ định thuyền trưởng – rồi Đô đốc – Thierry d’Argenlieu làm Cao ủy tại Thái Bình Dương với tất cả những quyền hạn dân sự và quân sự và nhiệm vụ “tái lập, thật sự và không có biện pháp nửa vời, uy quyền của Nước Pháp Tự Do, vận dụng tất cả mọi tài nguyên cho chiến tranh, bảo đảm việc phòng thủ các lãnh thổ Pháp trong sự đoàn kết với các nước đồng minh chống lại mọi hiểm nguy khả hữu và có thể gần kề.”

Tôi tin tưởng nơi d’Argenlieu. Tâm hồn cao nhã và tính cương quyết của ông có thể giúp ông chế ngự các mảnh khé. Các khả năng lãnh đạo của ông bảo đảm với tôi rằng phương tiện của chúng tôi sẽ được sử dụng triệt để nhưng có ý thức. Các khả năng ngoại giao của ông sẽ được sử dụng. Bởi nếu bằng tính cách và, tôi dám nói, bằng thiên hướng, ông quan niệm hành động của Nước Pháp Tự Do như một cuộc thập tự chinh, ông nghĩ một cách chính đáng rằng cuộc thập tự chinh này có thể khôn khéo. Tàu tuần tra nhẹ Triomphant và tàu hộ tống Chevreuil được đặt dưới quyền sử

dụng của ông cao ủy tại Thái Bình Dương. Ông này bắt đầu ổn định mọi việc tại Tahiti. Orselli được bổ nhiệm làm thủ hiến tại đây, trong khi Brunot và các “nạn nhân” của ông ta đi London để giải thích. Mặt khác, do tình hình trong toàn vùng Viễn Đông không ngừng nặng nề thêm, d’Argenlieu phải kiêm nhiệm việc phối hợp hành động của những người đại diện chúng tôi tại châu Úc. Nouvelle-Zélande, Trung Hoa, cũng như tại Hồng Kông, Tân Gia Ba, Manille, Batavia. Cùng lúc, Escarra mà người Trung Hoa ai cũng biết trong tư cách một luật gia quốc tế, tới Trùng Khánh để gặp Tưởng Giới Thạch và thiết lập các mối quan hệ chính thức.

Bất ngờ, vào đầu tháng Chạp, Thái Bình Dương trở nên sôi động. Sau trận tấn công bất ngờ khủng khiếp tại Trân Châu Cảng, quân Nhật đổ bộ tại Mã Lai thuộc Anh, tại Ấn Độ thuộc Hà Lan, tại Phi Luật Tân và chiếm Guam, Wake, Hồng Kông. Vào đầu tháng giêng, họ phong tỏa một đạo quân Anh tại Tân Gia Ba, sau đó đạo quân này phải đầu hàng. Cùng lúc họ chiếm Manille. Trên bán đảo Bataan, thì Mc Arthur bị vây hãm. Những gì tôi biết được về vị tướng này luôn gợi cho tôi sự quý trọng. Một hôm tôi đã gặp John Winant, đại sứ Hoa Kỳ tại London và tuyên bố với ông ta: “Trong tư cách người lính và đồng minh, tôi phải nói rằng sự vắng bóng của Mac Arthur sẽ là một bất hạnh lớn. Trong phe chúng ta, chỉ có ít người chỉ huy quân đội hàng đầu. Ông ấy là một trong số đó. Không được để mất ông. Vậy mà ông đang tuyệt vọng trừ phi chính phủ của ông ra lệnh cho chính ông phải rời Bataan bằng cách phối hợp tàu tuần tra và thủy phi cơ. Tôi tin rằng lệnh này phải được đưa ra cho ông ấy và tôi yêu cầu ông cho tổng thống Roosevelt biết ý kiến của tướng de Gaulle về vấn đề này.” Tôi không biết đề nghị của tôi có góp phần vào quyết định đã được đưa ra hay không. Dù sao tôi rất lấy làm mãn nguyện khi được biết vài ngày sau đó tướng Mac Arthur đã có thể tới Melbourne.

Ngay vào cuối tháng Chạp, Nouvelle-Calédonie đã bị đe dọa và nhất là khi nó kèm bên châu Úc là mục tiêu chính của quân thù. Và chẳng, ngày 22 tháng Chạp, dự kiến việc quân Nhật chiếm đóng các hòn đảo châu Đại Dương của chúng tôi và cố nhiên muốn lấy lại thẩm quyền tại đây dưới sự che chở của quân thù, Vichy bổ nhiệm đô đốc Decoux làm cao ủy Thái

Bình Dương. Ông này, qua đài phát thanh Saigon đã kích động dân Nouvelle-Calédonie nổi lên chống lại Nước Pháp Tự Do. Trong khi đó d'Argenlieu phải cựa quậy trong lo lắng và khó khăn, ông gửi cho tôi những báo cáo đầy cương quyết, nhưng không có ảo tưởng. Còn tôi, trong khi vẫn xác nhận lòng tin chắc rằng ông sẽ cứu vãn danh dự, tôi cho gửi tới Nouméa một số tăng viện sẵn có: cán bộ, súng đại bác, hải quân, tàu tuần tra phụ trợ Cap-des-Palmes, cuối cùng chiếc Surcouf mà tôi nghĩ các khả năng dưới biển và tầm hoạt động rộng lớn của nó sẽ rất đặc dụng tại Thái Bình Dương. Than ôi! Trong đêm 19 tháng Hai, gần lối vào kinh Panama, chiếc tàu ngầm này, chiếc lớn nhất trên thế giới, đã đụng phải một tàu chở hàng và chìm với thuyền trưởng vốn là thuyền trưởng tàu hộ tống Blaison và 130 người trong đoàn thủy thủ.

Trong khi đó, dưới áp lực của các biến cố, cuộc hợp tác với các nước đồng minh của chúng tôi bắt đầu được tổ chức. Ngày 15 tháng Giêng, bộ Ngoại giao Mỹ gửi tới phái đoàn của chúng tôi tại Washington một bức giắc thư xác định những cam kết của Hoa Kỳ về những gì liên quan tới “sự tôn trọng chủ quyền trên các hòn đảo thuộc Pháp tại Thái Bình Dương, việc các căn cứ và thiết bị họ được phép đặt tại đây sẽ thuộc về nước Pháp, quyền hạn hỗ tương sẽ được thừa nhận cho nước Pháp trên lãnh thổ Mỹ nếu các căn cứ Mỹ được duy trì sau chiến tranh.” Ngày 23 tháng Giêng, ông Cordell Hull điện cho tôi rằng “các tham mưu trưởng Mỹ và Anh đánh giá cao tầm quan trọng của đảo Nouvelle-Calédonie và đưa ra nhiều biện pháp để bảo đảm công cuộc phòng thủ phù hợp với những điều kiện dự kiến trong bức giắc thư ngày 15 tháng Giêng.” Ông bộ trưởng nhã nhặn bộc lộ “hy vọng của ông nơi sự giúp đỡ và sự hợp tác trong quá khứ của ông cao ủy Pháp sẽ được tiếp tục trong tương lai.”

Nhiều biện pháp thực tiễn tiếp nối những cách thức tốt đẹp này. Ngày 23 tháng Giêng, tôi có thể báo cho d'Argenlieu rằng Tướng Patch, được bổ nhiệm tư lệnh các lực lượng trên bộ của Mỹ tại Thái Bình Dương, đã nhận được chỉ thị của chính phủ tới Nouméa và trực tiếp tìm kiếm sự nhất trí với ông tại đây “trong tinh thần thân thiện nhất” hầu tổ chức bộ chỉ huy. Ngày 6 tháng Ba, Ủy ban quốc gia Pháp được mời tham gia Ủy ban chiến tranh của

Thái Bình Dương thành lập tại London là nơi đóng trụ sở, để trao đổi thông tin và gợi ý, của các đại biểu Anh, Tân Tây Lan, châu Úc và Hoa Kỳ. Ngày 7 tháng Ba, chính phủ Mỹ yêu cầu chúng tôi và được phép thiết lập căn cứ trên quần đảo Touamotou và các đảo Société. Cuối cùng ngày 9 tháng Ba, tướng Patch tới Nouméa kéo theo những lực lượng quan trọng.

Các thuộc địa Pháp vùng Thái Bình Dương từ đây có nhiều cơ may thoát khỏi họa xâm lược. Nhưng trước khi sự hợp tác giữa các nước đồng minh và chúng tôi tiến hành tại chỗ đúng theo yêu cầu, một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng cần phải vượt qua tại đây. Cố nhiên trước tiên đã có sự hài hòa giữa Patch và d'Argenlieu. Nhưng sau đó sự hiện diện của các lực lượng, của đồng đô-la và mặt vụ Mỹ, giữa một cộng đồng dân cư bị khuấy động bởi cơn sốt bị vây hãm, càng làm cho trầm trọng thêm những nguyên cơ rối loạn tiềm tàng. Một phần lực lượng dân quân bị tác động bởi những tham vọng địa phương, lẫn tránh thẩm quyền của ông cao ủy và tuân thủ thẩm quyền của Patch đã sai lầm khi bao che sự bất phục tùng này. Mặt khác, ông Thủ hiến Sautot không cam chịu phụ thuộc vào d'Argenlieu, đã tìm cách bảo đảm cho mình một uy tín riêng mà ông có thể sử dụng tới. Sau một thời gian kiên nhẫn, tôi gọi Sautot về London để giao cho ông một nhiệm vụ khác phù hợp với ông, ông quyết định trước tiên tuân lệnh, nhưng sau đó viện dẫn “sự bất mãn trong dân chúng do lệnh ông nhận được gây ra,” ông trì hoãn việc lên đường.

Trong những hình thức phù hợp và với sự kiên quyết cố ý, ông Thủ hiến Sautot ít ra cũng đã lên tàu theo lệnh triệu tập của tôi, trong khi Montchamp được gửi từ Tchad tới thay thế ông và Đại tá deConchard, từ London, để chỉ huy các đội quân. Nhưng kết quả là, tại Nouméa và trong khói bụi, những cuộc biểu tình dữ dội được công khai khuyến khích bởi thái độ của người Mỹ. Cảm nhận một biến cố đáng tiếc có thể xảy ra, tôi báo động Washington và cho Patch biết “chúng tôi không chấp nhận ông xen vào một vụ việc của nước Pháp” nhưng cùng lúc, tôi yêu cầu d'Argenlieu “thực hiện những nỗ lực lớn hơn để lập lại những quan hệ riêng tư đầy tin cậy với Patch và, nếu được, tỏ ra hiền từ với dân chúng đang bị khuấy động.” Sau ba ngày rắc rối, lương tri lấy lại tất cả những

quyền hạn của nó và d'Argenlieu, tất cả những đòn bẩy chỉ huy. Và chẳng đó là điều cấp bách, bởi ngày 6 tháng năm tại Corregidor và ngày 10 tại Mindanao những lực lượng sau cùng của Mỹ tại Phi Luật Tân đã đầu hàng trong lúc trên biển San Hô phía đông bắc châu Úc, mở đầu giữa các đội tàu của Nhật và quân Mỹ một trận đánh mà tất cả đều phụ thuộc vào. Sắp tới đây, Nouméa có thể bị tấn công.

Trước tai họa xảy ra đến nơi, dân chúng đã kinh qua những cơn xáo trộn mới đây, sẽ siết chặt quanh chính quyền Pháp. Nhiều nhân vật hiệu kỳ đã được gửi đi phục vụ tại Syrie. Về phần mình, Patch đi gặp d'Argenlieu để xin lỗi về những điều “ngộ nhận mà ông đã xen vào.” Tôi điện cho tướng Mỹ biết rằng ông được lòng tin của tôi và của Nước Pháp Tự Do miễn sao ông bước đi tay trong tay với ông cao ủy Pháp. Sau đó người Mỹ và người Pháp cùng chung và kiên quyết chiếm lĩnh các vị trí chiến đấu. Nhưng họ không phải bảo vệ chúng. Bởi cùng lúc quân Nhật bị đánh bại trên biển San Hô, đã phải từ bỏ chuyện tấn công châu Úc và đảo Nouvelle-Calédonie.

Vậy là chiến tranh đã thúc đẩy Hoa Kỳ nuôi dưỡng với chúng tôi những mối quan hệ ngày một chặt chẽ. Cần phải nói rằng ở Mỹ, bầu không khí trong nước phù hợp với điều này. Trong khi thế cuộc thập tự chinh của nhân dân Mỹ khơi gợi từ chủ nghĩa duy tâm thuộc bản năng và với nỗ lực võ trang và động viên không giới hạn mà họ tự đặt cho họ, các chiến binh của Nước Pháp Tự Do vẫn được lòng trong quảng đại quần chúng. Chính trị hẳn phải cảm nhận điều đó. Vào tháng Sáu năm 1942, chúng tôi có thể bổ sung cho phái đoàn của chúng tôi tại Washington bằng một phái bộ quân sự tôi giao cho đại tá de Chevigné. Ngày 1 tháng Ba, trong một tuyên bố công khai, nước Mỹ nhìn nhận rằng “các hòn đảo thuộc Pháp tại Thái Bình Dương được đặt dưới sự kiểm soát thật sự của Ủy ban quốc gia Pháp và chính phủ Mỹ đã điều đình và sẽ tiếp tục điều đình với các nhà cầm quyền đảm nhận sự kiểm soát này.” Về châu Phi xích đạo, Bộ Ngoại giao Mỹ tuyên bố, trong một thông báo ngày 4 tháng Tư, rằng họ cũng nhìn nhận thẩm quyền của Nước Pháp Tự Do tại đây, trong lúc một tổng lãnh sự Hoa Kỳ được chỉ định tại Brazzaville với sự chấp thuận của chúng tôi. Khi

người Mỹ yêu cầu chúng tôi cho họ quyền sử dụng phi trường Pointe-Noire cho máy bay ném bom hạng nặng, chúng tôi đồng ý với điều kiện họ cung cấp cho chúng tôi trước tiên tám máy bay Lockheed cần thiết cho công tác giao thông liên lạc của chúng tôi. Sau một cuộc thương lượng sít sao, những chiếc máy bay Lockheed đã được giao cho chúng tôi, điều này cho phép đại tá Marmier thiết lập một đường bay Pháp giữa Brazzaville và Damas, và máy bay Mỹ được quá cảnh tại Pointe-Noire. Giữa nước Mỹ và chúng tôi bầu không khí đã sáng tỏ, nhưng không vì thế mà chúng tôi ngừng, trái lại là khác, khẳng định nước Pháp.

Trong lúc chúng tôi thu ngắn, từng bước và không phải không vất vả, khoảng cách ngoại giao giữa Washington và Nước Pháp Tự Do, bằng một bước nhảy chúng tôi đã thắt nối với Moscou những quan hệ đồng minh. Cũng cần phải nói rằng cuộc tấn công phát động bởi Hitler, bằng cách đặt nước Nga vào mối tai họa chết người, đã đơn giản hóa thủ tục. Mặt khác người Xô Viết cũng thấy sự phi lý của chính sách theo đó, từ 1917 tới 1939, họ thương lượng với nước Đức và không hợp tác với nước Pháp và Anh. Người ta thấy trong sự rối loạn cực kỳ do cuộc xâm lược gây ra, các nhà lãnh đạo của điện Kremlin đã đảo ngược thái độ ngay tức khắc và hoàn toàn. Trong khi đài phát thanh Moscou không ngừng phê phán “Đế quốc Anh” và “lính đánh thuê theo de Gaulle” cho tới tận lúc xe tăng Đức vượt qua biên giới Nga, người ta nghe các làn sóng Moscou không tiếc lời ca ngợi Churchill và de Gaulle đứng một tiếng đồng hồ sau đó.

Trong mọi trường hợp, với nước Pháp bị dè bẹp, sự kiện nước Nga bị ném vào cuộc chiến đã mở ra những hi vọng lớn lao nhất. Trừ phi đế quốc Đức thành công nhanh chóng trong việc thanh toán quân đội Xô Viết, quân đội này sẽ làm cho đối phương chắc chắn phải tiêu hao khủng khiếp. Cố nhiên tôi không chút nghi ngờ rằng một chiến thắng mà người Xô Viết góp một phần chủ yếu có thể, do đó tạo nên sau đó những tai họa khác trước thế giới. Chúng tôi phải thấy điều đó trong khi vẫn chiến đấu bên cạnh họ. Nhưng tôi lại nghĩ trước khi triết lý, người ta phải sống, tức là chiến thắng. Nước Nga mang lại khả năng đó. Mặt khác, sự hiện diện của nước Nga bên

phía đồng minh mang lại cho Nước Pháp Chiến Đấu một nhân tố quân bình đối với người Ănglô-Săcxông mà tôi có thể sử dụng tới.

Chính tại Damas, nơi tôi tới sau khi các đội quân của chúng tôi vào thành phố, ngày 23 tháng Sáu năm 1941, đã mở màn cho những hành động thù địch giữa quân Nga và quân Đức. Tôi đã quyết định ngay. Ngay ngày 24, tôi đã điện cho phái đoàn tại London những chỉ thị sau đây: “Không chấp nhận những tranh cãi hiện nay về những cái xấu và cả những cái tội của chế độ Xô Viết, chúng ta phải tuyên bố – như Churchill – rằng chúng ta không ngại đi với người Nga bởi họ chống quân Đức... Không phải người Nga đê bẹp nước Pháp, chiếm đóng Paris, Reims, Bordeaux, Strasbourg... Máy bay, xe tăng, lính Đức mà quân Nga đang và sẽ tiêu diệt sẽ không còn đó nữa để ngăn cản chúng ta giải phóng nước Pháp.” Đó là giọng điệu tôi đòi hỏi ở công tác tuyên truyền của chúng tôi. Cùng lúc tôi giục phái đoàn của chúng tôi, hãy nhân danh tôi, tới nói với ông Maisky, đại sứ Liên Xô tại London: “Nhân dân Pháp đang cùng với người Nga chống lại Đức. Chúng tôi mong đợi tổ chức với Moscou những quan hệ quân sự.”

Cassin và Dejean gặp ông Maisky, ông này đã tỏ ngay những tâm thái tốt đẹp nhất. Về những hậu quả thực tiễn, việc cắt đứt các mối quan hệ giữa Vichy và Moscou, điều Hitler đòi hỏi, sẽ sớm tạo điều kiện dễ dàng cho mọi việc. Chính vì vậy mà, từ Beyrouth, ngày 2 tháng Tám tôi bảo Cassin và Dejean hỏi ông Maisky xem liệu “nước Nga có sẵn sàng nuôi dưỡng các mối quan hệ trực tiếp với chúng ta hay không... và họ có dự kiến đưa ra với chúng ta một lời tuyên bố về dự định của họ nhằm khôi phục nền độc lập và uy thế của nước Pháp, và thêm vào đó, nếu có thể, sự toàn vẹn, hay không?”

Các cuộc nói chuyện đã đưa tới, ngày 26 tháng Chín, một cuộc trao đổi thư từ giữa ông Maisky và chính tôi. Ông Đại sứ Liên bang Xô Viết nhân danh chính phủ, tuyên bố rằng chính phủ của ông “thừa nhận tôi là người lãnh đạo của tất cả những người của phong trào Nước Pháp Tự Do... rằng họ sẵn sàng quan hệ với Ủy ban phòng thủ Đế quốc Pháp trong mọi vấn đề liên quan tới việc hợp tác với các lãnh thổ hải ngoại đặt dưới thẩm quyền của tôi... rằng họ sẵn sàng giúp đỡ và yểm trợ người của Nước Pháp

Tự Do trong cuộc chiến đấu chung... rằng họ quyết định bảo đảm sự phục hồi trọn vẹn nền độc lập và uy thế của nước Pháp...” Tuy nhiên cũng như nước Anh đã không làm trong hiệp ước ngày 7 tháng Tám năm 1940, người Xô Viết không nói gì tới sự toàn vẹn của chúng tôi.

Ít lâu sau, chính phủ Xô Viết ủy nhiệm ông Bogomolov làm người đại diện bên cạnh Ủy ban quốc gia. Ông Bogomolov tới Vichy, nơi từ một năm nay ông là đại sứ bên cạnh Pétain. Ông thích nghi, không lúng túng, với những điều kiện ít ra cũng mới mẻ trong đó ông phải phục vụ. Vậy mà không bao giờ tôi nghe từ miệng ông một ý kiến đầy ác ý đối với cá nhân ông thống chế hoặc các ông bộ trưởng, mà bên cạnh đó ông vừa đại diện cho chính phủ của ông. Trong một cuộc nói chuyện của chúng tôi, ông còn kể cho tôi nghe điều này:

Tại Vichy, tôi có nhiều lúc rỗi rảnh để giấu tên đi dạo qua đồng ruộng và chuyện trò với những con người tốt bụng. Một người nông dân kéo cày ngày nọ nói với tôi: Thật đáng buồn khi người Pháp đã bị đánh bại trước tiên. Nhưng ông hãy nhìn đám ruộng này! Tôi có thể cày nó bởi người ta biết dàn xếp để người Đức để tôi làm chuyện này. Ông sẽ thấy chẳng bao lâu, người ta sẽ dàn xếp để họ đi khỏi nước Pháp.

Tôi giả định qua bài ngụ ngôn minh họa cho lý thuyết “cái khiên” và “thanh kiếm” này, ông Bogomolov muốn cho tôi thấy rằng ông biết rõ hoàn cảnh nước Pháp và cùng lúc, giải thích với tôi về lý do những thái độ liên tiếp của nước Nga Xô Viết.

Ngay thời kỳ này, tôi thường gặp ông Bogomolov. Trong tất cả giới hạn mà chủ nghĩa theo thời đề nặng lên ông cho phép ông tỏ ra nhân đạo, ông thể hiện điều này trong những bước tiến hành và những ý kiến của ông. Cứng nhắc, luôn cảnh giác, như một khối chắc nịch, khi ông gửi đi hay đón nhận một thông báo chính thức, con người thật sự có văn hóa này, trong những tình huống khác, vẫn tỏ ra mềm dẻo và thoải mái. Để phê phán con người và sự việc ông biết sử dụng óc hài hước, thậm chí đến mức mỉm cười. Tôi cần phải nói rằng khi tiếp xúc với ông, tôi tin rằng nếu kỷ luật Xô Viết khoác lên nhân cách những người phục vụ nó một sự gò bó kín bưng, nó không thể ngăn cản ông vẫn là một con người ở bên dưới lớp vỏ đó.

Về phía mình, chúng tôi đã gửi tới Moscou Tướng Petit trong vai trò liên lạc quân sự. Người Xô Viết đã biểu lộ với ông ngay tức khắc một thái độ niềm nở và trân trọng: những hội nghị bộ tham mưu, thăm viếng mặt trận, tiếp tân dưới sự chủ trì của chính Staline. Tôi đã tự hỏi phải chăng mục tiêu những cử chỉ cầu thân của họ đối với Petit chỉ có tính cách nghề nghiệp? Dầu sao những báo cáo tới từ nhiều nguồn khác nhau vẫn gây ấn tượng rằng các đạo quân Nga trước tiên bị đánh tan bởi cuộc tấn công của quân Đức, đã dần dần trấn tĩnh lại, rằng nhân dân, trong những phần sâu thẳm của họ, vẫn đứng lên vì cuộc kháng chiến, rằng trong thảm họa của đất nước, Staline tự phong mình là thống chế và không rời bộ quân phục nữa, đã cố xuất hiện như người lãnh đạo của nước Nga thường ngày hơn là người được sự ủy nhiệm của chế độ.

Bản đồ trận đánh mênh mông được căng ra trên tường các phòng làm việc của chúng tôi. Ở đó người ta thấy triển khai nỗ lực vượt bậc của người Đức. Ba nhóm đạo quân của họ: von Loeb, von Bock, von Rundstedt, trong bốn tháng, đã xâm nhập sâu các vùng đất Nga, bắt giữ nhiều trăm ngàn tù binh, lấy đi một số chiến lợi phẩm khổng lồ. Nhưng vào tháng Chạp, xung quanh Moscou, hành động mãnh liệt của Joukov, được sự hỗ trợ hiệu quả của một mùa đông nghiệt ngã tới sớm, đã chặn đứng và đẩy lùi quân xâm lược. Leningrad không ngã gục. Sébastopol vẫn đứng vững. Dường như Hitler không thể áp đặt cho Bộ Chỉ huy Đức chiến lược duy nhất có thể có tính quyết định, tập hợp tất cả các lực lượng cơ giới theo hướng duy nhất là thủ đô Xô Viết để đánh thẳng vào trái tim kẻ thù. Mặc dầu đã đạt được những thắng lợi mẫu mực của các chiến dịch Ba Lan, Pháp, các nước Balkans, lần này lãnh tụ Đức quốc xã đã phải theo những lễ thói quen thuộc cũ, phân bổ các phương tiện tấn công cho ba ông thống chế của mình, dàn ra một mặt trận chứ không tung ra một mũi tấn công đột phá. Sự bất ngờ qua rồi, trên những bề rộng mênh mông, quân Nga đã làm cho ông ta phải trả giá đắt.

Trong khi chờ đợi, chúng tôi cố gắng cung cấp cho mặt trận phía đông một sự đóng góp trực tiếp, dù khiêm tốn. Các tàu hộ tống và tàu chở hàng của chúng tôi tham gia những đoàn tàu của đồng minh, qua biển Arctique

và trong những điều kiện nghiệt ngã hơn, đã mang phương tiện tới Mourmansk. Bởi trước tiên tôi không được người Anh thuận cho hai sư đoàn khinh binh, được thành lập tại vùng Levant bởi Larminat, tung vào Libye, tháng hai tôi ra lệnh cho tướng Catroux chuyển một trong hai sư đoàn này về phía Iran và vùng Caucase, điều này khiến người Nga vui long và người Anh bận lòng. Tiếp theo, các đội quân của Larminat cuối cùng cũng được sử dụng trong trận đánh chống Rommel, tôi gửi tới Nga nhóm máy bay tiêm kích Normandie, sau đó trung đoàn Normandie-Niémen đã phục vụ rất cừ khôi tại đây và là lực lượng duy nhất của phương Tây chiến đấu tại mặt trận phía Đông. Theo chiều ngược lại, chúng tôi đã thấy một phân đội gồm mười lăm sĩ quan và hai trăm lính dưới sự điều khiển của đại úy Billote lên tàu tại London, những người này đã trốn khỏi nhà tù của Đức và đã có thể tới Nga để lại bị giam giữ tại đây. Được giải phóng ít lâu sau khi cuộc chiến tranh Đức-Nga mở màn, họ tới với chúng tôi qua đảo Spitzberg trên một đoàn xe trở về từ Arkhangelsk.

Ngày 20 tháng Giêng năm 1942, nói trên đài phát thanh, tôi chào đón sự khôi phục quân đội của nước Nga và khẳng định liên minh mà chúng tôi đã nối lại với họ cho hiện tại và cho tương lai. Tháng Giêng, Roger Garreau, cho tới lúc đó là công sứ toàn quyền tại Bangkok và đã về với Nước Pháp Tự Do, đã được gửi tới Moscou trong tư cách đại biểu của Ủy ban quốc gia. Trong ba năm Garreau đã đại diện cho nước Pháp tại Nga, một cách có ích và thông minh, mở mọi cuộc tiếp xúc mà chế độ cho phép và cho chúng tôi biết tình hình. Ngay khi nắm chức vụ, ông đã gặp các ông Molotov và Vichynsky, là ủy viên và phó ủy viên Ngoại giao, cũng như ông Lozovsky, phó bộ trưởng. Cả ba người đều tỏ rõ với ông ý đồ của chính phủ họ muốn thắt nối với Nước Pháp Chiến đấu các mối quan hệ càng chặt chẽ càng tốt.

Vào tháng Năm, ông Molotov tới London. Ngày 24, tôi có với ông một cuộc trao đổi thấu đáo. Kèm theo ông có Bogomolov, tôi có de Dejean. Ngày hôm ấy, cũng như về sau, tôi thấy ở ông Molotov một con người, về mặt tinh thần lẫn vật chất, dường như hoàn toàn sinh ra để làm tròn nhiệm vụ được giao. Giọng nói nghiêm túc, cử chỉ hiếm hoi, với một vẻ đúng đắn

ân cần nhưng nghiêm ngặt, nhìn sâu bên trong chính mình, ông bộ trưởng Ngoại giao Xô Viết ung dung nói những gì cần phải nói và nghe với sự chú ý. Nhưng ông không để lộ điều gì tự phát cả. Không cách nào để làm ông xúc động, để làm ông cười, để làm ông giận dữ. Dù đề cập tới vấn đề gì, người ta có cảm giác ông nắm vững hồ sơ vấn đề đó, ông ghi nhận không sai sót những yếu tố mới do câu chuyện mang lại, ông trình bày chính xác quan điểm chính thức của mình, nhưng ông không bao giờ ra khỏi những gì đã được chuẩn bị và quyết định ở chỗ khác. Chắc chắn mới đây ông đã ký kết với Ribbentrop hiệp ước Đức-Xô với cùng sự tự tin mà giờ đây ông thể hiện trong việc đàm phán về các thỏa hiệp với Tây phương. Nơi Molotov vốn chỉ là và chỉ muốn mình là một chiếc bánh xe được sắp xếp hoàn hảo trong một bộ máy khắc nghiệt, tôi nghĩ mình đã nhận ra một thành quả trọn vẹn của chế độ này. Tôi chào đón uy thế lớn lao của họ. Nhưng cho dù người ta có thể che giấu tôi những gì trong tận cùng của sự vật, tôi vẫn cảm nhận mỗi ưu tư của họ.

Trong cuộc nói chuyện tại London, ông Bộ trưởng Ngoại giao đã nhất trí với tôi về những gì ngay trước mắt chính phủ của ông và Ủy ban quốc gia cần làm cho nhau. Nước Pháp Tự Do sẽ thúc đẩy các nước đồng minh Mỹ và Anh sớm nhất mở một mặt trận thứ nhì tại châu Âu. Mặt khác bằng thái độ ngoại giao và công khai, chúng tôi sẽ góp phần làm ngưng tình trạng cô lập từ lâu nước Nga Xô Viết bị dồn vào. Về phần mình, nước Nga sẽ ủng hộ chúng tôi tại Washington và London trong nỗ lực vừa chiến đấu vừa tái lập sự thống nhất của Đế quốc và của quốc gia. Điều này áp dụng cho bộ máy chính quyền tại các lãnh thổ của chúng tôi – chẳng hạn Madagascar – cho những hoạt động song song nhưng thật ra có tính cách ly tâm, mà người Ănglô-Săcxông vẫn tạo thuận lợi bên ngoài chúng tôi, cuối cùng cho những phong trào kháng chiến tại Pháp mà Moscou nhìn nhận không một chính phủ nước ngoài nào, ngay đến chính phủ Xô Viết, có quyền tách bất luận một phong trào nào khỏi sự lãnh đạo của Tướng de Gaulle. Còn trong tương lai thì điều đã hẳn là Pháp và Nga sẽ đồng tình với nhau để đem lại hòa bình. Ông Molotov nói với tôi: “Chính phủ của tôi là đồng minh của các chính phủ London và Washington. Điều cần thiết cho

cuộc chiến tranh là chúng ta phải cộng tác chặt chẽ với họ. Nhưng với nước Pháp, nước Nga mong muốn một liên minh độc lập.”

Nỗ lực của Nước Pháp Tự Do để mở rộng các mối quan hệ về phía Washington và Moscou không ngăn cản việc trung tâm của chúng tôi vẫn hoạt động tại London và chính các vụ việc của chúng tôi : hành động quân sự, quan hệ với chánh quốc, tuyên truyền, thông tin, tài chánh, kinh tế của các lãnh thổ hải ngoại, không tránh được sự chông chéo với các vụ việc của nước Anh. Kết quả là chúng tôi buộc phải duy trì với họ những mối quan hệ chặt chẽ hơn bao giờ. Nhưng việc họ lấn át chúng tôi càng trở nên khó chịu hơn khi chúng tôi lớn mạnh. Tuy nhiên sự lâm chiến của Nga và Mỹ đã khiến cho nước Anh, đến lượt họ , phải chịu những lệ thuộc nặng nề vào một liên minh với những nước khổng lồ, và có thể phải kéo chính sách của họ lại gần chính sách của chúng tôi và thể hiện một tình đoàn kết thật sự với chúng tôi trong những hoạt động tại châu Âu, châu Phi, phương Đông, Thái Bình Dương. Chúng tôi sẵn lòng đón nhận một sự thay đổi như thế và đôi khi chúng tôi cũng có cảm tưởng rằng một vài nhà lãnh đạo của Anh cũng đã sẵn sàng với nó.

Như Anthony Eden. Vị Bộ trưởng nước Anh này, mặc dù rất mực Ăng-lê và rất mực bộ trưởng, vẫn chứng tỏ một tinh thần cởi mở và một sự nhạy cảm nặng phần châu Âu hơn hải đảo, nặng phần con người hơn hành chính. Người con yêu của những truyền thống Anh: Eton, Oxford, đảng bảo thủ, Hạ nghị viện, bộ Ngoại giao, không vì thế mà ít gần gũi với những gì có vẻ tự phát và đổi mới. Nhà ngoại giao này, hoàn toàn tận tụy với những lợi ích của đất nước mình, không coi thường những lợi ích của các nước khác và vẫn ưu tư với nền đạo đức quốc tế giữa những điều tàn nhẫn đầy vô sỉ của thời đại mình. Tôi thường có việc cần giải quyết với ông Eden. Nhiều vấn đề chúng tôi cần giải quyết với nhau phải nói là hoàn toàn khó chịu. Trong hầu hết những cơ hội này, tôi khâm phục nơi ông trí thông minh sáng chói, sự am hiểu mọi vụ việc, cung cách lịch sự, và cả nghệ thuật gây và nuôi dưỡng xung quanh cuộc thương lượng một bầu không khí thiện cảm giúp cho thỏa thuận được dễ dàng khi người ta muốn đạt tới và tránh những thương tổn khi người ta không thể. Trên tất cả, tôi tin rằng

Anthony Eden dành cho nước Pháp một lòng yêu thương đặc biệt. Chính từ nước Pháp chúng tôi mà ông đã rút ra một phần lớn văn hóa của mình. Với lý tính chính trị của ông, chúng tôi cần thiết cho sự quân bình của một thế giới bị tấn công bởi tất cả những trò tàn bạo. Cuối cùng, con người hảo tâm này luôn nhạy cảm với nỗi bất hạnh của một đất nước vĩ đại.

Tuy nhiên, những ý đồ tốt đẹp của ông Eden không thể biến liên minh thành một bông hồng không gai. Tôi nhìn nhận ông thường phật lòng trong những nỗ lực của ông bởi ông bắt gặp ở chúng tôi những gì sần sùi và đáng ngờ vực. Nhưng những khó khăn nổi lên nhất là từ phía Anh: sự đa nghi của bộ ngoại giao, tham vọng thực dân, thành kiến quân đội, mưu mô của “tình báo”. Mặt khác giới chính trị tại London nói chung thuận lợi cho Nước Pháp Tự Do nhưng vẫn phải chịu những ảnh hưởng không phải lúc nào cũng thuận lợi. Một vài giới bảo thủ vẫn ngăm nhìn với một con mắt ngạo nghễ những người Pháp với lá cờ Chữ Thập Lorraine kia đang nói về cách mạng. Nhiều đảng viên Công đảng trái lại tự hỏi liệu de Gaulle và các chiến hữu của ông ta có sa vào chủ nghĩa phát xít không đây. Tôi còn thấy ông Atlee bước nhẹ vào phòng làm việc của tôi, khơi gợi những sự bảo đảm để trấn an ý thức dân chủ của ông rồi, sau khi nghe tôi nói, vừa lui bước vừa mỉm cười.

Cuối cùng, tất cả đều tùy thuộc vào ông Thủ tướng. Vậy mà trong thâm tâm của mình, ông này vẫn không thể quyết định chấp nhận sự độc lập của Nước Pháp Tự Do. Ngoài ra mỗi lần chúng tôi va chạm nhau vì những lợi ích mà chúng tôi chịu trách nhiệm một cách riêng biệt, ông Churchill biến sự bất đồng của chúng tôi thành một chuyện riêng tư. Ông bị tổn thương và buồn phiền vì chuyện đó tỉ lệ với tình bạn gắn bó chúng tôi vào nhau. Các quyết định của lý trí và tình cảm, kết nối với những thu thập từ chiến lược chính trị của ông, đã ném ông vào những cơn giận dữ lay động gay gắt các mối quan hệ của chúng tôi.

Nhiều lý do khác và chẳng cũng đã góp phần làm cho con người vĩ đại này trở nên nóng tính. Người Anh, nếu trong giai đoạn này họ không tiếc những nỗ lực đáng khen và đầy tự hào, nhất là trong cuộc chiến dưới biển, thì đôi khi họ phải chịu những thất bại chua cay đặc biệt khi quân thù đã

gây ra cơ sự lại không luôn luôn nắm thế thượng phong về phương tiện. Ngày 10 tháng Chạp 1941, trong vùng biển Mã Lai, chiếc tàu bọc sắt tuyệt vời Prince of Wales và chiếc tàu tuần tra lớn Repulse đã bị máy bay Nhật đánh chìm trước khi có thể bắn một phát súng đại bác. Ngày 15 tháng Giêng năm 1942, 73.000 lính Anh đầu hàng tại Singapour sau một cuộc chống cự ngắn ngủi. Vào tháng Sáu, mặc dù nhiều phương tiện to lớn tích lũy bởi người Anh tại phương đông, Rommel vẫn phá vỡ tiền tuyến của Quân đoàn 8 và đẩy lùi họ đến tận cửa ngõ của Alexandrie, trong lúc 33.000 quân có nhiệm vụ giữ Tobrouk đã đầu hàng quân Đức với một sự vội vàng khó biện minh. Hơn ai hết, ông Churchill đo lường được hậu quả của những sự thất bại này về mặt lãnh đạo chiến tranh. Nhưng trên hết, ông chịu đựng chúng như một người Anh và như một chiến binh.

Cần nói thêm là trong các giới lãnh đạo, một số người không từ nan việc ngấm ngầm quy cho ông một phần trách nhiệm về những nỗi thất vọng của người Anh. Mặc dù trọn nước Anh vẫn tha thiết với Winston Churchill như với con người mắt mình, các tờ báo hàng ngày vẫn đăng lại, quốc hội vẫn nghe, các ủy ban vẫn thì thầm, các câu lạc bộ vẫn loan truyền những nhận xét đôi khi đầy ác ý về ông. Từ tất cả điều đó, kết quả là ông Churchill trong những tháng đầu của năm 1942 thường không tỏ ra mềm dịu và thoải mái, đặc biệt với tôi.

Cuối cùng, và nhất là có thể ông thủ tướng đã tự ấn định cho mình như quy tắc là không làm điều gì quan trọng hơn là nhất trí với Roosevelt. Nếu ông cảm thấy, hơn bất luận người Anh nào, sự khó chịu trong cách đối xử của Washington, nếu ông phải chịu đựng một cách khổ sở tình trạng lệ thuộc mà sự giúp đỡ của Hoa Kỳ đã đặt Đế quốc Anh vào, nếu ông cay đắng cảm nhận giọng điệu ưu thế của ông tổng thống đối với ông, ông Churchill vẫn, một lần cho tất cả, quyết định tuân thủ đòi hỏi cấp bách của liên minh với Mỹ. Do đó ông không muốn ứng xử với Nước Pháp Tự Do bằng một thái độ trái ngược với thái độ của Nhà Trắng. Khi Roosevelt tỏ ra ngờ vực tướng de Gaulle, Churchill có thể sẽ dè chừng.

Khi tôi tới London vào tháng Chín năm 1941, tâm trạng bức bối của ông đã trở nên nặng nề. Ông thủ tướng không bằng lòng với những gì xảy

ra tại Syrie và Liban giữa chúng tôi và nước Anh, ngày 2 tháng Chín, ông đi tới chỗ viết cho tôi rằng với thái độ của tôi, ông hiện không thấy chuyện gặp tôi là điều bổ ích. Tại Hạ nghị viện, ngày 9 tháng Chín, ông đưa ra một lời tuyên bố đáng lo ngại. Cố nhiên ông nhìn nhận rằng: “Giữa tất cả các cường quốc châu Âu, tư thế của nước Pháp tại vùng Levant được đặc biệt ưu đãi.” Nhưng ông lại nói rằng: “Không có vấn đề nước Pháp giữ nguyên tại Syrie cùng tư thế họ chiếm hữu trước chiến tranh và vấn đề, ngay trong thời chiến, không phải đơn thuần là lấy các lợi ích của Nước Pháp Tự Do thay cho những lợi ích của Vichy.” Như thông lệ, sự bất mãn của ông Churchill kéo theo một sự căng thẳng cực kỳ của các mối quan hệ Pháp – Anh. Trong nhiều ngày, chính phủ London ra vẻ như không có vấn đề gì để bàn luận với chúng tôi và đóng mọi cánh cửa với chúng tôi; điều này khiến tôi phải đình chỉ mọi sự tham gia đài phát thanh London của Nước Pháp Tự Do. Tuy nhiên, theo nhịp điệu thông thường của con lắc, sự phục hồi các mối quan hệ sớm tiếp nối những sự tan rã đó. Ngày 15 tháng Chín, tôi và ông Churchill có một cuộc trao đổi kết thúc tốt đẹp sau khi đã bắt đầu trong tệ hại. Để kết luận ông đoan chắc với tôi rằng chính sách của chính phủ ông liên quan tới vùng Levant vẫn giữ nguyên trạng như đã được xác định trong các thỏa thuận của chúng tôi tại Le Caire.

Mong muốn sự rõ ràng tách bạch trong chuyện này, tôi gặp ông Eden nhiều lần trong tháng Mười một và tháng Chạp. Chúng tôi đi tới một sự dàn xếp xác định được điều cốt yếu. Nước Anh thừa nhận rằng sự ủy trị của nước Pháp vẫn tồn tại và Tướng de Gaulle thực thi sự ủy trị này cho tới khi nó được thay thế bằng những hiệp ước được phê chuẩn hợp lệ theo pháp chế của nước cộng hòa Pháp, nghĩa là, trên thực tế, sau chiến tranh. Họ chấp nhận rằng việc Nước Pháp Tự Do công bố nền độc lập của Syrie và Liban sẽ không thay đổi tình huống tất nhiên này. Ngoài ra điều được nhất trí là các thỏa thuận Lyttelton-de Gaulle vẫn là hiến chương của các mối quan hệ Pháp-Anh tại phương Đông.

Quả nhiên, như tướng Catroux đã ấn định, ngày 27 tháng Chín, nền độc lập và chủ quyền của nước cộng hòa Syrie dưới quyền lãnh đạo của tù trưởng Tageddine, và ngày 26 tháng Mười một, nền độc lập và chủ quyền

của nước cộng hòa Liban dưới quyền lãnh đạo của ông Afred Naccache, mặc dù trước đã tranh cãi về các quyết định này, nước Anh đã nhất trí ngay khi chúng được đưa ra và nhìn nhận hai nước cộng hòa cũng như hai nhà lãnh đạo xuất phát từ đó. Mặt khác, tôi thông báo, ngày 28 tháng Mười một, với ông tổng thư ký Hội Quốc Liên, ngày 29 với chính phủ Mỹ, với tất cả các nước đồng minh, cũng như với nước Thổ Nhĩ Kỳ, các quyết định vừa ban hành nhân danh tôi tại Syrie và Liban. “Các quyết định này, các thông báo ghi rõ, không ảnh hưởng tới tình hình pháp lý nảy sinh từ định ước ủy trị và buộc phải tồn tại cho tới khi có kết luận của các định ước quốc tế mới.” Chính phủ Anh không đặt ra vấn nạn nào về các thông báo này. Hơn nữa, bản thân họ đã gọi chúng.

Vậy là người ta có thể tin rằng vấn đề đã giải quyết xong, ít lắm là tới ngày hòa bình. Vốn thận trọng, chính tôi phải viết cho phái đoàn của chúng tôi tại vùng Levant rằng theo tôi, “trước những khó khăn đã gặp phải tại các nước Ả Rập, nước Anh, cũng như chúng tôi, mong được thấy, sau những cạnh tranh tầm thường, tình cảm đoàn kết của hai cường quốc Hồi giáo lớn nhất.” Tôi chỉ thị cho phái đoàn cần “tránh những gì có thể gây thêm khó khăn cho các nước đồng minh và tạo điều kiện dễ dàng cho công việc của họ bằng một sự hợp tác chân thành, trong khi vẫn giữ tư thế và các thứ quyền của nước Pháp được toàn vẹn.” Rủi thay, đó là tính chuyện không có. Trên thực tế, chính sách của Anh dù về mặt lý thuyết không tranh chấp về quyền nhưng vẫn tiếp tục coi thường nó.

Nhiều vụ rắc rối dồn dập tiếp tục nuôi dưỡng cuộc tranh cãi Pháp – Anh tại Trung Đông. Đó là việc người Anh tuyển mộ bất hợp pháp một đội kỵ binh người Druze. Đó là ý đồ, cố nhiên bị gạt đi, công bố tình trạng giới nghiêm, tức là nắm chính quyền, tại Djézireh nơi nhiều sự xáo trộn diễn ra tiếp theo cuộc nổi loạn của Irak. Đó là sự can thiệp quá đáng của họ vào những hoạt động của Văn phòng lúa mì do chúng tôi thiết lập tại vùng Levant và họ đòi dự phần với mục đích can dự vào bộ máy chính quyền địa phương. Đó là việc Tướng Wilson đe dọa trục xuất một vài sĩ quan Pháp khó chịu đối với ông, nhưng vô ích. Đó là thái độ của Spears với những ý

kiến đầy ác ý và dọa dẫm, luôn can thiệp vào những mối quan hệ của phái đoàn chúng tôi với các chính phủ Damas và Beyrouth.

Tướng Catroux lèo lái con thuyền qua những bãi đá ngầm. Mặc dầu thiên về thỏa hiệp và nhượng bộ người Anh nhiều hơn điều tôi mong muốn, ông vẫn từng lúc đứng trước những sự xâm nhập mới. Từ đó, tại vùng Levant luôn có sự bất ổn, và tại London, những cuộc thương thảo luôn gay gắt.

Vào tháng Năm năm 1942, người Anh gây áp lực để cho các cuộc bầu cử diễn ra không trì hoãn tại Syrie và Liban. Ủy ban quốc gia của chúng tôi cố nhiên không chống lại sự tham khảo quần chúng từ đó ra đời những chính phủ hoàn toàn có tính cách đại diện. Những người chúng tôi đặt định chỉ có tính cách chuyển tiếp. Tình hình đã diễn ra như vậy, đặc biệt tại Damas, phần tôi, tôi tiếc Tổng thống Hachem Bey đã không trở lại với chức vụ của mình. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng để cho người Syrie và Liban bỏ phiếu, tốt hơn nên đợi tới hết chiến tranh, nghĩa là khi hai quốc gia trở lại với những điều kiện thông thường trong đó trách nhiệm ủy trị và bảo vệ của chúng tôi trở nên nhẹ đi, và người Anh không còn đó để tạo ảnh hưởng lên cuộc bầu cử. Trong khi đó, bị thúc giục ráo riết bởi ông Casey vừa thay thế ông Lyttelton Le Caire trong vai trò Quốc vụ khanh của Anh, Tướng Catroux hứa hẹn những cuộc bầu cử sắp tới với ông và điều này được loan báo ngay sau đó. Tôi buộc phải đồng tình với sự dàn xếp này, trong khi vẫn hoãn lại kỳ hạn. Nhưng người ta dễ dàng dự kiến từ đây đã lộ ra những xích mích Pháp – Anh.

Những xích mích cũng không thiếu ở những nơi khác. Xung quanh Djibouti, các nước đồng minh chơi trò hai mặt. Trong khi vẫn để cho lực lượng mỏng mảnh của chúng tôi, tiểu đoàn của thiếu tá Bouillon, người cười lạc đà, tiếp tục phong tỏa trên đất liền, bản thân họ đã ngừng phong tỏa trên biển. Từ Aden bằng thuyền bút của người Ả Rập, từ Madagascar bằng tàu ngầm hoặc bằng tàu hộ tống Iberville, hàng tiếp tế tới nước thuộc địa để nuôi dưỡng chính sách đợi thời ở đây. Nhưng trong lúc đó, người Anh thương thảo với vua Éthiopie về một hiệp định thiết lập chế độ bảo trợ của họ trên Éthiopie. Hành động của họ tại Addis-Abeba giải thích sự thụ

động của họ đối với Djibouti. Bởi nếu nhờ sự hợp tác của họ, Nước Pháp Tự Do đã có thể nhanh chóng đưa nước Somalie thuộc Pháp trở về và từ đó được sử dụng hải cảng, đường sắt và một lực lượng quan trọng, từ đó có thể giúp cho Abyssinie một lối ra và một sự an toàn mà nước này cần đến. Ngược lại, khi nào Vichy còn chiếm lĩnh vị trí, người Anh vẫn giữ trong tay họ số phận của vị hoàng đế và các bang của ông này.

Chính vì vậy mà Gaston Palewski không đạt được kế hoạch phong tỏa nước thuộc địa: ông cũng không đưa được người Anh và người Abyssinie ký kết một hiệp ước tay ba thay vì tay đôi. Trong khi đó, hoạt động của ông và những người phụ tá của ông: trung tá Appert, chỉ huy biệt đội, Chancel, nhà ngoại giao trẻ tuổi tại Nairobi, tích cực chuẩn bị phần tiếp theo. Các mối quan hệ họ lập ra với nhiều đơn vị Pháp tại Djibouti và với người bản địa, công tác tuyên truyền họ thực hiện bằng truyền đơn và đài phát thanh, các mối quan hệ của họ với Tướng Platt, tất cả đưa tới hậu quả là một ngày nào đó, sự gia nhập của Somalie sẽ chỉ là một thủ tục. Mặt khác, tại Addis-Abebe, họ làm xuất hiện lại một cơ quan đại diện của nước Pháp. Các thứ quyền của chúng tôi về đường sắt đã được tái lập, các công trình tôn giáo và thể tục của chúng tôi, mới đây bị đóng cửa vì sự chiếm đóng của quân Ý, có thể hoạt động trở lại, Tòa công sứ Pháp lại mở cửa. Tuy lấy làm tiếc vì những sự chậm trễ, tôi thấy trái đang chín trên bờ biển Đỏ.

Nhưng bất ngờ sự can thiệp của người Anh vào một phần khác của Đế quốc đã làm tôi lo lắng và căm giận tột cùng. Ngày 5 tháng Năm 1942, một cú điện thoại của một văn phòng báo chí cho tôi hay, vào 3 giờ sáng, một đội tàu của Anh đã cho đổ bộ các đội quân tại Diégo-Suarez. Đồng minh của chúng tôi đã dùng vũ lực chiếm cứ một thuộc địa Pháp mà thậm chí không cần hỏi ý kiến chúng tôi!

Vậy mà từ vụ Pearl Harbor, tôi đã nỗ lực, bằng nhiều cuộc vận động, thảo luận về việc Madagascar kết hợp với chính phủ London: hội nghị ngày 10 tháng Chạp với tướng Brooke, Tham mưu trưởng quân đội hoàng gia; thư ngày 16 gửi cho ông Churchill; dự án hoạt động trao ngày 11 tháng Hai cho ông Thủ tướng, cho Tướng Brooke và cho ông Cao ủy Liên bang Nam Phi; thư mới ngày 19 tháng Hai gửi cho ông Churchill; cuối cùng, ngày 9

tháng Tư, thông điệp thúc giục ông Eden. Trong tất cả những tài liệu này tôi đề nghị hành động nhanh chóng của một lực đoàn Pháp tự do sẽ được đổ bộ tại Majunga và tiến vào Tananarive với sự yểm trợ, khi cần, của không quân Anh, trong khi đồng minh của chúng tôi đánh lạc mục tiêu bằng cách phong tỏa Diego bằng đường biển. Mặt khác tôi đòi chính quyền trên đảo phải thuộc về Ủy ban quốc gia.

Giữa lúc đó, bởi Liên bang Nam Phi có vẻ liên hệ trực tiếp tới vụ việc này, tôi cho điều tra về những dự án khả hữu của Pretoria, ngay cuối năm 1941, tôi đã gửi Đại tá Pechkoff tới đây trong tư cách đại biểu của Nước Pháp Tự Do. Nhân cách của Pechkoff đã chinh phục được cảm tình của tướng Smuts và tôi tin rằng nếu Liên bang vào cuộc thì ông thủ tướng của họ hẳn sẽ không giấu điều này với người đại diện khôn khéo và trung thành của chúng tôi. Cuối cùng, vào tháng ba ông tổng y sĩ Sicé, cao ủy tại Brazzaville, viếng Nam Phi. Từ những câu chuyện trao đổi với Smuts và các ông bộ trưởng, ông rút ra cảm tưởng rằng Liên bang tự họ sẽ không tác động lên Madagascar. Vậy là không có gì phải đắn đo, London là nơi tôi phải tỏ rõ những nỗ lực của mình.

Quả việc nước Nhật tham chiến đã đe dọa Madagascar. Cần phải dự kiến rằng Vichy sớm muộn gì cũng bị quân Đức buộc ít ra phải để tàu chiến và tàu ngầm của Nhật sử dụng các căn cứ của Madagascar và làm tê liệt đường hàng hải của đồng minh ngoài khơi Nam Phi.

Chúng tôi được thông tin khá tường tận về tâm trạng trên đảo từ những người tình nguyện thỉnh thoảng đào thoát được và từ các đoàn thủy thủ của những chiếc tàu ghé lại đây. Cuộc đình chiến năm 1940 trước tiên không được đón nhận niềm nở tại đây. Bấy giờ ông toàn quyền de Copper chắc hẳn có thể gia nhập Nước Pháp Tự Do không mấy khó khăn nếu ông tiếp tục hành động phù hợp với chính những lời tuyên bố của ông. Nhưng ông đã không quyết định như thế. Vichy đã gần như thay ông ngay bằng Cayla, ông này, với sự phụ tá của tướng không quân Jeunaud, đã cố gắng ru ngủ tinh thần kháng chiến trước khi chính ông phải nhường chỗ cho ông toàn quyền Annet. Pétain hẳn đã được tuân thủ nếu ông đòi hỏi để người Nhật tùy nghi tại Madagascar và nếu ông ra lệnh chống lại một cuộc đổ bộ

của đồng minh. Vậy mà ngày một ngày hai, người Ănglô-Săcxông muốn được bảo đảm cho họ về tình hình đảo quốc. Nhưng bấy giờ với những thôi thúc có tính truyền thống của chính sách người Anh, tất cả đều buộc Nước Pháp Tự Do phải có mặt trong hành động.

Do đó người ta có thể hiểu được hành động và cách thức của người Anh đã chìm tôi trong lo âu như thế nào. Nhất là khi ngay vào ngày tấn công vào Diégo-Suarez, Washington công bố một thông báo nói rằng “Hiệp chúng quốc và vương quốc Anh đồng ý để cho Madagascar được trao trả lại cho nước Pháp ngay khi việc chiếm đóng đảo quốc này không còn thiết yếu cho sự nghiệp chung của các Quốc gia liên hiệp.” Nhưng như vậy là, trong khi chờ đợi, Madagascar sẽ bị búng khỏi nước Pháp? Nó sẽ được sáp nhập vào cường quốc nào nếu không phải của người Ănglô-Săcxông? Đây là sự tham chiến của Pháp ở đây? Thậm chí quyền Pháp sẽ còn lại gì trong tương lai?

Chúng tôi cần phải hành động chặt chẽ. Tôi cố đợi đến sáu ngày để được gặp ông Eden như ông yêu cầu. Trong cuộc trao đổi với tôi ngày 11 tháng Năm, ông Bộ trưởng Anh tỏ ra bối rối:

Tôi xin bảo đảm với ngài rằng chúng tôi không có mưu đồ nào với Madagascar cả. Chúng tôi mong chính quyền Pháp tiếp tục hoạt động tại đây.

Tôi hỏi:

Chính quyền Pháp nào?

Theo lời ông Eden, tôi biết rằng người Anh dự định thương lượng với ông toàn quyền Annet để thiết lập một tạm ước để yên mọi việc tại Madagascar, theo đó quân đồng minh vẫn ở lại Diégo-Suarez và trông coi phần còn lại của đảo quốc.

Tôi tuyên bố với ông Eden rằng chúng tôi chống lại kế hoạch này. Tôi nói:

Hoặc nó sẽ thành công, và kết quả là sự trung lập hóa một lãnh thổ của Pháp dưới sự bảo đảm của đồng minh, điều chúng tôi sẽ không bao giờ chấp nhận. Hoặc nó sẽ không thành công và trong vài tuần lễ các ngài sẽ phát động riêng rẽ bên trong đảo quốc một cuộc viễn chinh mang vốc đáng

một cuộc xâm lược. Tôi thấy rất có thể giả thuyết thứ nhì này sẽ được thực hiện, bởi người Đức biết thúc ép Vichy chống lại các ông.

Ông Eden nói:

Chúng tôi đã dẫn thân vào một hoạt động thật sự có thể trở nên phức tạp. Nhưng tôi có thể khẳng định với ngài rằng chính phủ tôi mong muốn và tin rằng dứt khoát, chính ngài là người sẽ thiết lập chính quyền của các ngài tại Madagascar. Chúng tôi sẵn sàng công khai tuyên bố điều này.

Điều được thông qua là văn phòng chính phủ London sẽ ra một thông báo theo hướng này, và đó là điều họ đã làm ngày 14 tháng Năm khi tuyên bố: “Về vấn đề Madagascar, chính phủ hoàng gia Anh mong được thấy Ủy ban quốc gia Pháp, trong tư cách người đại diện của Nước Pháp Chiến Đấu, và vì lẽ Ủy ban hợp tác với các Quốc gia liên hiệp nên họ đóng vai trò thuộc về họ trong chính quyền của lãnh thổ giải phóng.”

Từ phía Anh, đó là một cam kết quan trọng. Ngày hôm sau tôi xác nhận điều này khi nói trên đài phát thanh. Trong bài phát biểu của mình, tôi tin nơi sự trung thực của các nước đồng minh. Nhưng tôi công khai bác bỏ mọi thỏa hiệp về Madagascar và tuyên bố rằng chính ý chí của nước Pháp muốn rằng Đế quốc của mình không bị chia cắt lẫn trung lập hóa. Tôi nói tiếp: “Điều nước Pháp mong muốn là Nước Pháp Chiến Đấu lãnh đạo và tổ chức nỗ lực của đất nước trong chiến tranh dưới mọi hình thức và trong mọi lãnh vực, bảo đảm quyền đại diện các thứ quyền của chúng tôi trước các nước đồng minh cũng như bảo đảm việc bảo vệ chúng chống lại quân thù, giữ vững và quản lý chủ quyền đất nước tại các lãnh thổ đã hoặc sẽ được giải phóng.”

Cùng ngày tôi chỉ thị cho các đội quân tại châu Phi xích đạo chuẩn bị thành lập một lực lượng hỗn hợp gửi tới Madagascar.

Nhưng những lời hứa của chính phủ Anh và chính những khẳng định của tôi về vai trò tương lai của Ủy ban quốc gia chỉ giả định đã giải quyết một vấn đề thật ra vẫn còn đó. Trên thực tế, Vichy vẫn làm chủ gần như toàn thể đảo quốc. Chúng tôi được biết người Anh giới hạn nỗ lực của họ trong việc chiếm cứ Diégo, đã mở đầu các cuộc thương lượng với toàn quyền Annet. Cùng lúc cục Tình báo của Tây Phi gửi tới một nhóm nhân

viên do ông Lush cầm đầu. Những biện pháp này đi ngược với những gì Nước Pháp Tự Do mong muốn. Do đó mà sự tham chiến của Madagascar trở nên chậm trễ, thẩm quyền của Annet được củng cố, sự chia cắt Đế quốc kéo dài. Ngoài ra, tôi rất lo ngại hành động khả hữu của ê kíp chính trị của người Anh mà chúng tôi đã có thể thấy tại phương Đông, tại Djibouti, tại Abyssinie. Chúng tôi đã trông thấy ngay một dấu hiệu đáng buồn. Tôi muốn gửi Pechkoff tới Diégo-Suarez để báo cho tôi biết chuyện xảy ra ở đây, nhưng ông đã bị cản trở.

Vậy là vào khoảng đầu tháng Sáu năm 1942, nhiều áng mây đen giăng phủ trên các mối quan hệ Pháp-Anh. Thêm vào những hành vi đáng lo ngại và gây méch lòng của người Anh cứ dồn dập tại Syrie, Somalie, Madagascar, là những biện pháp khác xác nhận những lời phàn nàn của chúng tôi. Tại Gold Coast, một phái đoàn Anh do ông Frank cầm đầu đã mở những cuộc tiếp xúc bí mật với dân cư trên lãnh thổ Pháp ở chỗ vòng của sông Niger. Cùng lúc, tướng Giffard, tổng tư lệnh tại Tây Phi, báo cho các phái đoàn Pháp tự do tại Bathurst và Freetown phải rời các nơi này. Giữa lúc chính tôi đang sẵn sàng tới Libye để thị sát các đội quân của chúng tôi, tôi nhận được từ chính phủ Anh lời yêu cầu cấp bách phải hoãn lại chuyến đi. Tại London, các nhà cầm quyền, các nha sở, các bộ Tham mưu Anh, đều được phủ kín trong một bầu không khí bí mật dày đặc nếu không nói là ngột ngạt.

Điều hiển nhiên là người Ănglô-Săcxông đang xây dựng kế hoạch của một chiến dịch rộng lớn tại châu Âu. Tướng Marshall, Tham mưu trưởng quân đội Mỹ, và Đô đốc King, Tổng Tư lệnh Hạm đội Đại Tây Dương, đã lưu lại London vào tháng Năm và tránh gặp tôi. Tuy nhiên, những gì các nước đồng minh dự định thực hiện đều bao gồm nước Pháp trước tiên với thuộc địa, dân cư và lực lượng của chúng tôi. Nhưng người ta đã có ý tách càng xa càng tốt nhân tố tích cực của chúng tôi là Nước Pháp Tự Do, sử dụng từng mảnh đất đai và thực thể của chúng tôi, thậm chí lợi dụng sự phân tán này để nhận về họ, đây đó, những phần sở hữu của chúng tôi. Đã tới lúc phải phản ứng. Phải tỏ rõ cho các nước đồng minh biết rằng Nước Pháp Tự Do đứng về phe họ để đưa nước Pháp vào đây, chứ không phải để

che chở những lạm dụng và lấn át mà họ đã phạm phải và gây thiệt hại cho đất nước tôi. Ủy ban quốc gia sau một thảo luận cảm động và thấu đáo đã nhất loạt nghĩ tới điều này.

Ngày 6 tháng Sáu, tôi ủy thác cho ông Charles Peake, nhà ngoại giao ưu tú mà Bộ Ngoại giao Anh biệt phái bên cạnh chúng tôi, cho các ông Churchill và Eden biết quan điểm của chúng tôi. Tôi nói với ông này:

Nếu một ngày nào đó, tại Madagascar, Syrie hay nơi nào khác, vì đồng minh của mình, nước Pháp phải mất đi bất luận cái gì thuộc về mình, thì sự hợp tác trực tiếp của chúng tôi với nước Anh, và tùy tình hình, với Hoa Kỳ, không biện minh được nữa. Chúng ta phải cho nó kết thúc. Điều này có nghĩa là chúng tôi sẽ tập trung trên các lãnh thổ đã hoặc sẽ tập hợp và tiếp tục cuộc chiến đấu chống lại kẻ thù bằng tất cả sức mạnh của chúng tôi, nhưng chỉ có chúng tôi và cho chúng tôi.

Cùng ngày, tôi điện một mặt cho Éboué và Leclerc, mặt khác cho Catroux và Larminat, để cho họ biết quyết định này và yêu cầu họ chuẩn bị. Tôi cũng ra lệnh cho họ báo cho những người đại diện phía đồng minh bên cạnh họ biết đó là quyết định của chúng tôi.

Hiệu quả không phải chờ lâu. Ngày 10 tháng Sáu, ông Churchill yêu cầu tôi đến gặp ông. Chúng tôi qua một tiếng đồng hồ đầy ắp với nhau. Sau lời khen ngợi nồng nhiệt về các đội quân của chúng tôi tại Bir Hakeim, ông thủ tướng đề cập tới vấn đề Madagascar. Ông thẳng thắn nhìn nhận Nước Pháp Chiến đấu có lý do để phiền hà về những điều kiện tiến hành của chiến dịch. Ông quả quyết:

Nhưng chúng tôi không có ẩn ý nào về vấn đề Madagascar. Còn sắp tới chúng tôi sẽ làm gì tại đây, chúng tôi chưa biết được. Đảo quốc quá lớn! Chúng tôi muốn tìm cách thu xếp để khỏi lạc lõng nơi đây.

Tôi nói:

Chúng tôi thì muốn Madagascar kết hợp với Nước Pháp Tự Do và tham chiến. Vì vậy mà hôm nay chúng tôi đã sẵn sàng, như tôi đã đề nghị với ông hôm qua, đưa các đội quân của chúng tôi tới đó.

Ông Thủ tướng đáp lời:

Ông không phải là đồng minh duy nhất của tôi.

Như vậy là ông cho tôi hiểu rằng Washington chống lại sự tham gia của chúng tôi. Thật ra tôi không nghi ngờ chuyện này.

Tôi khẩn khoản lưu ý ông Churchill về mối nguy hiểm trong cách làm của đồng minh chúng tôi đối với Đế quốc Pháp, và có thể ngày mai, với bản thân nước Pháp. Ông cam đoan về những ý đồ tốt của mình. Rồi bất ngờ ông giật nảy người:

Tôi là người bạn của nước Pháp! Tôi đã luôn mong muốn, tôi đang mong muốn, một nước Pháp vĩ đại với một quân đội vĩ đại. Đó là điều bắt buộc vì hòa bình, trật tự và an ninh của châu Âu. Tôi không hề có chính sách nào khác!

Tôi đáp:

Đúng thế! Ông thậm chí, sau cuộc đình chiến của Vichy, có công tiếp tục chơi lá bài nước Pháp. Lá bài đó là de Gaulle, giờ đây, ông đừng đánh mất nó. Điều này càng vô lý khi ông đang ở vào cái lúc mà chính sách của ông đang thành công và Nước Pháp Tự Do đã trở thành linh hồn và khuôn khổ của kháng chiến Pháp.

Chúng tôi nói về Roosevelt và về thái độ của ông ta đối với tôi. Ông Churchill nói:

Ông đừng thúc nhanh điều gì cả! Ông thấy tôi lần lượt phục tùng và đứng dậy thế nào.

Tôi đáp:

Ông có thể làm như thế, bởi ông được đặt vào một nhà nước vững chắc, một quốc gia tập trung, một đế quốc thống nhất, với những đạo quân vĩ đại. Còn tôi! Đây là những phương tiện của tôi? Vậy mà, ông biết đó, tôi có trách nhiệm về lợi ích và định mệnh của nước Pháp. Thật quá nặng nề và tôi quá nghèo để có thể chịu khuất phục.

Ông Churchill kết thúc cuộc trao đổi bằng một biểu lộ xúc động và thân thiện:

Chúng ta còn phải vượt qua nhiều trở ngại nghiệt ngã. Nhưng một ngày nào đó chúng ta sẽ có mặt tại Pháp, có thể năm tới. Dù thế nào, chúng ta sẽ cùng có mặt tại đó!

Ông tiễn tôi tới tận ngoài đường và lặp lại:

Tôi sẽ không bỏ rơi ông đâu. Ông có thể tin tôi.”

Ba ngày sau đến lượt ông Eden lặp lại với tôi những lời bảo đảm tốt đẹp về sự vô tư của người Anh trên Đế quốc Pháp nói chung và Madagascar nói riêng. Ông cho tôi biết thiếu tướng lữ đoàn trưởng đã được triệu hồi và Pechkoff sắp sửa lên đường. Ông nói đầy nhiệt tình:

Ông hãy tin tôi đi. Chúng tôi mong cùng ngài tay nắm tay chuẩn bị mặt trận phía Tây.

Tạm thời, mọi việc vẫn bỏ lửng. Tuy nhiên thông báo chúng tôi đưa ra đã tới tai mọi người. Từ đây ít có khả năng sự tùy tiện của người Anh đối với Đế quốc chúng tôi vượt qua một giới hạn nào đó. Nhiều cơ may vấn đề Syrie tạm ngơi để Somalie buộc phải gia nhập, để một ngày nào đó lá cờ chữ Thập Lorraine phấp phới trên Madagascar. Ngoài ra tôi cảm nhận, rõ hơn bao giờ hết, cuối cùng nước Anh sẽ không từ bỏ sự liên minh với chúng tôi.

Theo dõi vở kịch ngoại giao với cả trăm màn khác nhau nơi người ta thấy Nước Pháp Tự Do lấy lại vị trí của nước Pháp, trong số khán giả nhiệt tình theo dõi nhất, có thể kể các chính phủ lưu vong tại Anh. Năm 1941, cái vòng của họ càng mở rộng khi nhà vua và các bộ trưởng Hy Lạp, rồi nhà vua và các bộ trưởng Nam Tư đến. Với mọi người, những gì xảy ra với nước Pháp là một đề tài quan tâm hàng đầu. Bị phản bội và khinh miệt bởi những chính quyền hợp tác với kẻ thù đã chiếm chỗ của họ, tự bản chất họ căm ghét chế độ Vichy mà thái độ được dùng làm luận cứ cho bọn hợp tác tại đất nước họ. Mặt khác và dù chủ quyền của họ không bị các cường quốc đồng minh đặt thành vấn đề, họ vẫn phải cam chịu số phận đau buồn của kẻ yếu tùy thuộc vào sự định đoạt của kẻ mạnh. Cuối cùng họ tin rằng sự phục hưng của nước Pháp là điều kiện của sự quân bình tại châu Âu và của chính tương lai họ. Do đó mà với sự khoái trá ngấm ngầm họ tham dự vào hoạt động của Nước Pháp Tự Do để xây dựng nền độc lập của mình. Chúng tôi tìm thấy ở họ một cử tọa hoàn hảo.

Ngược lại chúng tôi không quên nuôi dưỡng những mối quan hệ với các chính phủ này, họ không có lãnh thổ nhưng có đại diện chính thức khắp nơi trong thế giới tự do và một ảnh hưởng đáng kể. Dejean và những người

đồng sự của ông trong Ủy ban quốc gia luôn giữ liên lạc với các vị bộ trưởng và viên chức của họ. Các bộ tham mưu và các ban ngành của chúng tôi cũng đảm bảo các mối liên lạc của họ. Bản thân tôi vẫn gặp gỡ với các nguyên thủ và các nhà lãnh đạo chính yếu.

Vinh dự và sự bổ ích là những điều rút ra từ những cuộc thăm viếng và trao đổi này, bởi chúng tôi có việc phải giải quyết với những con người có phẩm giá. Nhưng dưới những lớp bên ngoài của nghi thức, chúng tôi nhận ra những bi kịch trong tâm hồn họ gây ra bởi thất bại và lưu đày. Cố nhiên khi phô trương bộ máy chính quyền, các chính phủ này cố tỏ ra thanh thản. Nhưng ở tận cùng những lo âu, những phiền muộn trong đó họ bị chìm sâu, mỗi người vẫn sống trong bóng tối bi kịch của mình.

Đúng ra, nhà cầm quyền các nước phương Tây không còn nghi ngờ, kể từ lúc Nga và Mỹ tham chiến, chuyện đất nước của họ sẽ được giải phóng. Nhưng trong tình trạng nào? Đó là điều vẫn ám ảnh những người nói chuyện với tôi, những người Hà Lan, Bỉ, Luxembourg, Na-Uy. Bà Hoàng hậu cao quý Wilhelmine, Thủ tướng của bà, Giáo sư Geerbrandy, Bộ trưởng Ngoại giao, ông van Kleffens con người năng động, Hoàng thân Bernard xứ Hà Lan, ai nấy đều nhìn với con mắt tuyệt vọng để quốc các nước Ấn Độ tan biến bất chấp những nỗ lực vượt bậc của đoàn tàu dưới quyền đô đốc Helfrich và cuộc kháng chiến liên tục trong rừng dưới quyền của Tướng Ter Porten. Các ông Pierlot, Gutt, Spaak cùng nhau hình thành một ê kíp khôn ngoan, nhiệt tình và khôn khéo để phục vụ cho nước Bỉ, đã chìm đắm trong nỗi buồn khi khơi gợi vấn đề hoàng gia. Còn bà Thái công Charlotte, chồng bà Hoàng thân Félix de Bourbon-Parme, ông Bech Bộ trưởng, suốt đời may sao họ không ngừng chịu đựng những hậu quả vật chất và tinh thần mà sự thống trị của Đức quốc xã có thể gây ra cho Luxembourg. Cuối cùng, Nhà vua Haakon VII với lòng tin và sự kiên quyết mẫu mực, cũng như ông Trygve hoạt động không mệt mỏi trong mọi lĩnh vực, đều đau buồn khi thấy những chiếc tàu hàng của họ biến mất. Người Na Uy nói: “Đó là vốn liếng đất nước chúng tôi đang tiêu tan.”

Tình hình của Hy Lạp, Nam Tư, Tiệp Khắc, Ba Lan còn bi thảm hơn nhiều. Bởi nếu sự tham chiến của Moscou bảo đảm sự thất bại của nước

Đức, điều đó còn bao gồm nhiều mối đe dọa khác đối với họ. Các nhà lãnh đạo quốc gia và các vị bộ trưởng của họ đã công khai nói lên điều đó. Nhà vua Georges II của Hy Lạp và ông Tsouderos, người đứng đầu chính phủ, đã mô tả với tôi nỗi khổ của người dân Hy Lạp dưới ách xâm lược, cuộc kháng chiến của họ chống lại quân thù, và chống lại cả sự cài những con người khát vọng và những chiến binh vào để lũng đoạn của đảng cộng sản. Cùng lúc, tôi nhận thấy xung quanh nhà vua trẻ tuổi Pierre II của Nam Tư và ngay bên trong nội các do Tướng Simovitch, ông Yovanovitch, ông Trifunovitch lần lượt lãnh đạo, những rung chuyển bắt đầu từ các biến cố làm tan rã đất nước họ: việc biến Croatie thành vương quốc tách biệt, với quận công Spolète được tôn xưng nhà vua; việc nước Ý thôn tính tỉnh Ljubljana của Slovénie cũng như vùng Dalmatie; sự cạnh tranh, và sau đó sự thù nghịch của Tito với Tướng Mikhaïlovitch đang lãnh đạo cuộc chiến đấu chống lại quân xâm lược tại Serbie.

Điều không sai là Tổng thống Benès và các vị bộ trưởng của ông, Đức ông Shramek, các ông Masaryk, Ripka, Tướng Ingr, trái lại cho thấy họ tin tưởng nơi thái độ của người Xô Viết trong tương lai. Qua trung gian của ông Bogomolov, họ tạo được các mối quan hệ tốt đẹp với Moscou. Ông Fierlinger, người đại diện của họ tại Moscou, có vẻ được ưu đãi ở đây. Một đạo quân Tiệp Khắc, được tuyển mộ trong số những người Tiệp Khắc, bị quân Nga bắt làm tù binh trong hàng ngũ quân Đức, đã được thành lập bởi bộ tư lệnh Xô Viết. Người ta có thể thấy rằng để khôi phục chính mình tại Prague và phục hưng nhà nước Tiệp Khắc, Benès phải trông cậy vào nước Nga trước tiên dù ông vẫn căm ghét chế độ Xô Viết.

Những cuộc nói chuyện với Benès bao gồm nhiều bài học lịch sử và chính trị mà ông giảng giải dài dòng vẫn không gây chán nản cho người nghe lẫn ông thầy. Tôi vẫn còn nghe ông khơi gợi trong những cuộc trao đổi về số phận của nhà Nước với những định mệnh mà ông đã chủ trì trong 20 năm: “Nhà Nước này không thể tồn tại nếu không có sự ủng hộ trực tiếp của Moscou, bởi họ phải sáp nhập vùng Sudètes với những người Đức, xứ Slovaquie mà nước Hungary vẫn không khuây khỏa đã mất nó, xứ Teschen mà người Ba Lan luôn thèm muốn. Nước Pháp thì quá mơ hồ để chúng tôi

có thể phó thác vào thiện chí của họ... Trong tương lai, chúng tôi có thể tránh được những điều bất ngờ của một liên minh độc quyền với điện Kremlin nhưng với điều kiện nước Pháp tìm lại tại châu Âu cương vị và vai trò thật sự của mình. Trong khi chờ đợi, đâu là sự chọn lựa của tôi?” Benès đã lập luận như thế, và tôi không khỏi nhận ra sự bối rối nơi đáy sâu tâm hồn ông.

Người Ba Lan thì không phải nghi ngờ. Dưới mắt họ, người Nga là một đối thủ, cả khi người Nga buộc phải chống lại kẻ thù chung. Với Tổng thống Rackiewicz của nước cộng hòa, với Tướng Sikorski người lãnh đạo chính phủ và quân đội, với các ông bộ trưởng, các ông Zaleski, Raczynski, tướng Kukiel, sự ồ ạt của quân Xô Viết chắc chắn sẽ nối tiếp sự thất bại của quân Đức. Còn việc ngăn chặn những tham vọng của Moscou cách nào khi Berlin đã bị khuất phục, hai xu hướng chia rẽ người Ba Lan. Khi thì họ chấp nhận học thuyết của điều tệ hại nhất nơi sự tuyệt vọng của họ rút ra những ảo tưởng say sưa, như âm nhạc của Chopin rút ra hy vọng từ nỗi khổ đau. Khi thì họ ấp ủ hi vọng về một giải pháp mở rộng nước Ba Lan về phía Tây, nhượng cho Nga một phần đất vùng Galicie và Lithuanie, để họ khôi phục Varsovie và áp đặt lên đó một chính phủ cộng sản. Nhưng khi dự kiến một thỏa hiệp thì họ rơi vào một tâm lý say mê đến độ nó tạo nên sự leo thang đòi hỏi và hứa hẹn giữa những người trong cuộc với nhau, sự lưỡng lự không nhất quyết của đồng minh, sự cáu giận của người Xô Viết.

Trong khi đó Tướng Sikorski quyết thử hòa giải dù thấy bất bênh. Con người đầy cá tính này là hiện thân của tinh thần trách nhiệm trước vận mệnh đất nước. Mới đây ông đã chống lại chính sách của thống chế Pilsudski rồi sự tự mãn của Beck và Rydz-Smigly, sau thảm họa, ông mặc nhiên được trao tất cả thẩm quyền mà một nhà nước lưu vong có thể có.

Ngay khi quân đội Quốc xã tiến vào nước Nga, Sikorski đã không ngần ngại tái lập với người Xô Viết những quan hệ ngoại giao, bất chấp sự giận dữ tích tụ trong lòng người dân Ba Lan. Tháng Bảy năm 1941, ông ký với người Xô Viết một hiệp ước coi như vô hiệu việc phân chia nước Ba Lan do Nga và Đức thực hiện năm 1939. Tháng Chạp, đích thân ông đã tới Moscou để thương lượng về việc thả tù binh và chuyển họ tới Caucase, tại

đây, theo lệnh của tướng Anders, họ có thể tới Địa Trung Hải. Sikorski đã nói chuyện khá lâu với Staline. Khi trở về và kể lại những câu chuyện trao đổi của họ, ông mô tả với tôi ông chủ điện Kremlin đang chìm đắm trong lo lắng, nhưng không gì tổn hại tới sự sáng suốt, sự nghiêm ngặt, sự quý quyết của ông ta cả. Sikorski nói với tôi: “Staline đã khẳng định sự tán thành nguyên tắc của một sự đồng thuận. Nhưng những gì ông sẽ đưa vào và đòi hỏi chúng tôi cũng đưa vào sẽ chỉ tùy thuộc vào các lực lượng hiện diện, tức là vào sự ủng hộ mà chúng tôi tìm được hay không nơi phương Tây. Tới lúc cần thì ai sẽ giúp Ba Lan đây? Đó là nước Pháp hoặc chẳng ai cả.”

Vậy là bản đồng ca lo âu của các chính phủ lưu vong âm thầm đi theo những tiến bộ của Nước Pháp Tự Do. Cũng như người Anh, tất cả đều công nhận Ủy ban quốc gia bằng những từ ngữ dè dặt. Nhưng mọi người đều coi tướng de Gaulle là người Pháp đủ thẩm quyền để nói nhân danh nước Pháp. Họ tỏ rõ điều đó, chẳng hạn khi ký với tôi một bản tuyên bố chung liên quan tới tội ác chiến tranh, ngày 12 tháng Giêng năm 1942, trong một hội nghị của các nhà lãnh đạo chính phủ. Tóm lại, các mối quan hệ của chúng tôi với các nhà nước lưu vong và thanh danh họ góp phần tạo cho chúng tôi đã giúp chúng tôi trên bình diện ngoại giao và mang lại cho chúng tôi, trong dư luận, sự hỗ trợ mạnh mẽ của một số đông không lường được.

Trong bi kịch của thế giới, nếu những con người vĩ đại lôi kéo dư luận Ănglô-Sắcxông thì ngược lại, chính dư luận này lại định hướng cho các chính phủ, bất chấp những sự kiểm duyệt của thời chiến. Do đó chúng tôi cố đặt nó vào hoạt động của chúng tôi. Bản thân tôi nỗ lực trong công việc này bằng cách lợi dụng những cảm tình và những sự hiếu kỳ do hoạt động của chúng tôi gây nên. Tôi thường xuyên ngỏ lời với công chúng Anh và Mỹ. Theo phương thức cổ điển, tôi chọn, trong số những hiệp hội vẫn mời tôi nói chuyện, một cử tọa phù hợp với từng lúc và từng đề tài. Là khách danh dự của bữa ăn sáng hoặc bữa ăn tối được tổ chức nhân dịp này, tôi thấy, sau bữa ăn, nhiều nhân vật trong giới truyền thông và nhiều người có đặc quyền nhập vào đám thực khách và lặng lẽ choán đầy phòng, họ đến vì bài diễn văn. Bảy giờ sau khi đón nhận lời chúc mừng của ông chủ tịch theo tập quán của người Anh, tôi nói những gì cần nói.

Than ôi! Vì không khá tiếng Anh, tôi thường ngỏ lời bằng tiếng Pháp. Nhưng tiếp theo, Soustelle vào cuộc. Bài diễn văn của tôi, được dịch trước, đã được phân phát ngay khi tôi đọc nó. Báo và đài phát thanh Anh và Mỹ đảm nhận việc loan truyền phần cốt yếu của nó. Về tính khách quan, tôi chỉ thấy nó có tính tương đối trên những tờ báo ngày của Mỹ vẫn làm nổi bật những câu đã được ngoại suy. Những câu đó dù sao cũng tới với công chúng. Các cơ quan của Anh thì thường không nể nang trong sự phê phán cũng không bóp méo các văn bản. Cần phải nói thêm là báo chí châu Mỹ La Tinh vì tình hữu nghị với nước Pháp, vẫn coi trọng chủ nghĩa de Gaulle, và có thể vì muốn bù trừ cho thái độ của Hoa Kỳ, đã không ngại đặt những lời tuyên bố của tôi vào chỗ tốt. Tóm lại, và trừ những lúc khủng hoảng, để bóp nghẹt tiếng nói của tôi, người ta phải viện dẫn tới “những điều cần thiết về mặt quân sự”, tôi luôn luôn thấy các nước dân chủ đồng minh vẫn tôn trọng tự do phát biểu.

Trước khi tới vùng Levant vào mùa xuân 1941, tôi đã nói chuyện trước những cử tọa người Anh, đặc biệt tại câu lạc bộ Foyles Literay Luncheon và tại nhóm Pháp-Anh của quốc hội. Sau lần trở về London vào tháng Chín, và cho tới tháng Sáu tiếp theo, hội “Báo chí quốc tế”, công nhân, quan chức và cán bộ nhà máy xe tăng English Electric, tại Stafford, hội Hoàng gia châu Phi, các hiệp hội báo chí nước ngoài, câu lạc bộ Pháp tại viện đại học Oxford, hội nói tiếng Anh, câu lạc bộ City Livery, Ủy ban Lợi ích chung thuộc bộ Quốc phòng, hội đồng thị chính và thân hào nhân sĩ Edimbourg, một buổi họp của các thành viên Hạ nghị viện tổ chức tại quốc hội, đã lần lượt nghe tôi nói chuyện. Tháng Năm năm 1942, lần đầu tiên tôi tổ chức một cuộc họp báo. Ngày 14 tháng Bảy năm 1941, khi tôi có mặt tại Brazzaville, Hiệp hội Truyền thanh quốc gia Mỹ, qua tất cả các đài của họ, đã tiếp phát một lời kêu gọi của tôi tới Hợp chúng quốc trên đài phát thanh. Ngày 8 tháng Bảy năm 1942, hãng Columbia đã truyền đi tại Mỹ, đặc biệt tới công viên trung tâm của New York nơi ông Thị trưởng La Guardia đã long trọng tập họp đám đông, một bài nói chuyện bằng tiếng Anh của “người bạn và đồng minh de Gaulle của chúng ta.” Ngày 14, nhân ngày quốc khánh Pháp, thông điệp mới gửi tới người Mỹ. Hết dịp này tới dịp

khác, với những buổi nói chuyện không sửa soạn trước, tôi vẫn thấy có nhiều tiếng vang bổ ích. Nhiều cuộc tiếp tân đã được dành cho tôi tại các thành phố Birmingham, Leeds, Liverpool, Glasgow, Hull, Oxford, viện đại học Edimbourg, bộ tư lệnh hải quân tại Portsmouth, các xưởng đóng tàu Brigham và Cowan, các nhà máy Talbot, các nhà máy Harmelin, tờ báo ngày The Times, cuối cùng rất nhiều câu lạc bộ luôn lịch sự và đầy thiện ý.

Nhưng nếu tôi đổi giọng thì luôn luôn đó vẫn là những ý tưởng và tình cảm tôi ném vào dư luận nước ngoài. Về sự thất bại mà nước Pháp phải chịu đựng trước tiên, tôi giải thích rằng chế độ quân sự lạc hậu mà tất cả các nền dân chủ phương Tây đã áp dụng vào đầu thế kỷ, và đất nước tôi đã trở thành nạn nhân vì không có các đại dương để che chở và vì người ta đã để đất nước tôi một mình nơi tiền phương. Tôi khẳng định rằng dưới áp lực, nước Pháp vẫn tiếp tục sống một cuộc sống sâu đậm và mãnh liệt, và sẽ lại xuất hiện với quyết tâm nỗ lực và đổi mới. Tôi trưng bằng cứ: cuộc kháng chiến ngày càng lớn mạnh ở trong nước cũng như ở bên ngoài. Nhưng tôi cho thấy nhân dân Pháp càng nhạy cảm với cách các nước đồng minh cư xử với họ vì họ bị dồn vào nỗi bất hạnh và nhục nhã, vì bộ máy tuyên truyền của Đức cho họ thấy viễn cảnh phục hưng miễn họ vào phe cực quyền, và vì Vichy chỉ sai lầm khi các nước dân chủ tôn trọng các thứ quyền của nước Pháp.

Chính vì thế mà ngày 1 tháng Tư năm 1942, tôi đọc một bài diễn văn và gây nhiều tranh cãi sôi nổi. Tôi tuyên bố: “Dù mọi người không tin rằng thứ phép lạ mà Nước Pháp Chiến Đấu tạo nên chỉ xảy ra một lần cho tất cả... Tất cả vụ việc dựa trên điều này: Nước Pháp Chiến Đấu muốn đi với đồng minh với điều kiện đồng minh cũng đi với họ...” Nhằm trực tiếp các mối quan hệ mà Hợp chủng quốc tiếp tục nuôi dưỡng với Vichy và những cuộc mặc cả mờ ám của họ với các thái thú của Vichy, tôi tiếp lời: “Với các nước dân chủ, nghiêng về phía những người đã phá hủy những quyền tự do của người Pháp và cố khuôn chế độ của họ theo chủ nghĩa phát xít hoặc theo bức biếm họa của nó, đó là đưa vào chính trị những nguyên tắc của anh khờ đáng thương đã nhảy xuống biển vì sợ phải bị ướt...” Tôi nói thêm và tìm cách làm cho sấm sét vang lên: “Ở đó có sự không biết trầm trọng về

một sự kiện chi phối trọn vấn đề Pháp và có tên gọi là cách mạng. Bởi đó là một cuộc cách mạng, cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử mà nước Pháp, bị phản bội bởi thành phần ưu tú lãnh đạo và những kẻ có đặc quyền, đã bắt đầu hoàn thành.” Tôi viết: “Điều khó tha thứ là cái gọi là chủ nghĩa hiện thực, từ Munich tới Munich, đã đưa tự do tới bờ vực thẳm, vẫn tiếp tục đánh lừa những khát vọng và phản bội những sự hy sinh...”

Lập trường đã tỏ rõ. Nước Pháp Tự Do đã thành công khi tạo cho mình một tư thế được nhìn nhận bởi tình cảm của công chúng và sự đồng tình của các chính phủ, không chỉ như cái quai đeo gươm của nước Pháp mà còn như người quản lý không lay chuyển những lợi ích của đất nước. Kết quả này đã đạt được đúng lúc. Bởi vào đầu mùa hè 1942, mọi điều kiện đều tập trung cho giai đoạn quyết định của cuộc chiến. Nước Nga vẫn đứng vững giờ đây chuyển sang thế tấn công. Nước Anh trong khi vẫn gửi sang phương Đông nhiều tiếp viện, vẫn còn trên lãnh thổ của họ nhiều lực lượng đáng kể. Hoa Kỳ sẵn sàng đưa tới phương Tây những đơn vị mới nguyên và phương tiện khổng lồ của họ. Cuối cùng, nước Pháp đầu bị đè bẹp và bị nô dịch tại chính quốc và thụ động trong phần lớn các lãnh thổ hải ngoại, vẫn có khả năng tung vào cuộc chiến đấu cuối cùng những lực lượng quân sự quan trọng, Đế quốc của chúng tôi và cuộc kháng chiến của chúng tôi. Như chúng tôi đã phô cờ hiệu nơi các vùng phụ cận của chiến trường, vào mùa xuân 1942, tôi đổi Nước Pháp Chiến đấu, là tên vẫn gọi cho tới bấy giờ, thành Nước Pháp Tự Do và lưu ý các nước đồng minh về cách gọi mới này.

Bởi định mệnh của nước Pháp sẽ được định đoạt trong cuộc xung đột sắp tới. Chính lãnh thổ của nước Pháp – Bắc Phi hoặc chính quốc – sẽ là nơi diễn ra các chiến dịch. Chính những gì đất nước tôi sẽ làm, hoặc không, đối diện với kẻ thù, mới biểu thị phần của đất nước tôi trong chiến thắng. Nhưng sự thống nhất dân tộc, sự toàn vẹn đế quốc và cương vị của nước Pháp, còn phải tùy thuộc vào thái độ của các nước đồng minh. Tôi không thể không tin rằng một số người, không phải là ít nhất, vẫn nghĩ phải làm thế nào, trong cơ hội cuối cùng này, để cơ cấu lãnh đạo của Pháp càng tùy thuộc và càng không chắc chắn có thể được và Nước Pháp Chiến Đấu bị

tiêu tan, nếu không bị gạt sang bên. Nhưng tư thế đất nước tôi đạt được trong thế giới giờ đây đủ vững chắc và không thể nào bị đập tan bởi những thế lực bên ngoài.

Với điều kiện bản thân đất nước tôi đứng vững và được sự ủng hộ của dân tộc khi dân tộc xuất hiện trong thực tại của mình. Trong cuộc thử thách sắp tới, liệu Nước Pháp Chiến đấu có đủ khát vọng, giá trị, sức mạnh để không bị gây đổ từ bên trong? Trong cạn kiệt, đọa đầy, tan nát, liệu nhân dân Pháp có muốn nghe tôi và theo tôi? Liệu tôi có thể tập hợp được nước Pháp?

CHƯƠNG 8

NƯỚC PHÁP CHIẾN ĐẤU

Trong lúc giữa mùa hè năm 1941 và mùa hè năm 1942, Nước Pháp Chiến Đấu mở rộng chiến dịch ngoại giao, bản thân Nước Pháp Chiến Đấu không ngừng lớn mạnh. Nếu câu chuyện thuật lại này lần lượt trình bày sự phát triển của hai nỗ lực đó thì không vì thế mà chúng không thể hiện đậm tính đồng thời và kết hợp. Nhưng, ngay khi phạm vi hoạt động mở rộng, tôi phải đặt lên đầu tổ chức một cơ chế thích đáng. De Gaulle không đủ để lãnh đạo tất cả nữa. Số lượng và kích thước của những vấn đề đòi hỏi trước khi quyết định cần phải đối chiếu các quan điểm và thẩm quyền. Những biện pháp thi hành cần được phân cấp quản lý. Cuối cùng hình thức tập đoàn của chính quyền, phổ biến tại mọi quốc gia, giúp chúng tôi làm cho thiên hạ nhìn nhận chúng tôi bằng cách chấp nhận theo hình thức đó vì bản thân chúng tôi. Bằng quyết định ngày 24 tháng Chín năm 1941, tôi lập ra Ủy ban Quốc gia.

Nói đúng ra, từ lúc đầu, tôi không ngừng nghĩ tới chuyện đó. Nhưng vì trong một năm tôi phải qua tám tháng tại châu Phi và Trung Đông, nhất là vì thiếu những con người gọi là “tiêu biểu”, nên tôi buộc lòng phải trì hoãn. Khi tới London, sau các vụ việc tại Syrie, tôi có thể dự kiến, trái lại, một giai đoạn tổ chức lâu dài. Vả chăng, nếu hầu hết các nhân vật đã đến với tôi, lúc đầu không phải ai cũng biết họ, giờ đây vài người đã trở nên nổi tiếng. Vì vậy tôi có thể tạo cho Ủy ban một cơ cấu có giá trị. Với Nước Pháp Chiến Đấu, Ủy ban Quốc gia sẽ là cơ quan lãnh đạo tập hợp quanh tôi. Trong Ủy ban, các “ủy viên” sẽ thảo luận trong tinh thần tập thể. Mỗi người trong số đó có nhiệm vụ điều khiển một “bộ” liên quan tới từng lãnh

vực hoạt động của chúng tôi. Mọi người đều liên đới với những quyết định đưa ra. Tóm lại, Ủy ban có thể là chính phủ. Họ sẽ có những quyền hạn và cấu trúc của một chính phủ. Tuy nhiên, họ không mang danh nghĩa chính phủ mà tôi dành cho cái ngày, đầu hầy còn xa, chúng tôi có thể hình thành một chính quyền với những tầm vóc của sự thống nhất Pháp. Cũng trong viễn cảnh đó mà quyết định của tôi dự kiến việc lập ra một hội đồng tư vấn sau này, “có nhiệm vụ cung cấp cho Ủy ban một biểu hiện rộng rãi nhất có thể được của dư luận toàn quốc.” Tuy nhiên còn phải mất nhiều thời gian nữa trước khi hội đồng này ra đời.

Bởi còn phải đợi ngày đó, quyết định của tôi đã tạo nên nhiều rối ren trong lòng những nhóm nhỏ người Pháp, viện lý do chính trị, đã cựa quậy ít nhiều tại vương quốc Anh và Hợp chúng quốc. Những con người đó dung thứ cho de Gaulle hành động như một người lính và mang đến cho đồng minh sự tăng viện của một đội ngũ. Nhưng họ không chấp nhận người lãnh đạo của phòng trào Nước Pháp Tự Do đảm nhận những trách nhiệm quốc gia. Vốn không kết hợp với tôi, họ bác bỏ thẩm quyền của tôi và thích phó thác tương lai của nước Pháp cho người nước ngoài hơn, tức là: Roosevelt, Churchill, Staline.

Tôi nhìn nhận rằng giữa những quan điểm của các giới đó và những quan điểm của tôi có một sự tương phản thực sự. Với tôi, trong bi kịch của dân tộc, chính trị phải là hành động phục vụ cho một ý tưởng mạnh mẽ và giản dị. Nhưng họ thì vẫn theo đuổi những ảo tưởng ấp ủ từ lâu, họ không chấp nhận nó là cái gì khác hơn một thuật biên đạo múa với những thái độ và mưu mẹo điều khiển bởi những diễn viên phụ chuyên nghiệp, từ đó bao giờ cũng chỉ nảy sinh những bài viết, những bài diễn văn, những sự phô trương các nhà hùng biện và phân chia địa vị. Mặc dù cái chế độ đó đã bị quét sạch bởi những biến cố, mặc dù nó đã gây cho nước Pháp một thảm họa để không biết bao giờ hồi phục được, mặc dù những kẻ bị đầu độc kia giờ đây không có những phương tiện khuấy động thông thường: quốc hội, nghị viện, văn phòng, tòa soạn, họ vẫn tiếp tục cuộc chơi của họ tại New York hoặc tại London, và nếu thiếu những người khác, họ cố lôi kéo những nhà cầm quyền, những dân biểu, những nhà báo, những người Anglo-

Sắcxông. Khởi thủy những điều phiền nhiễu do chính các nước đồng minh gây ra cho Nước Pháp Tự Do và những chiến dịch chống lại chúng tôi bằng báo chí và đài phát thanh của họ, thường có ảnh hưởng của một số người Pháp lưu vong. Những người này không thể không phản đối sự thắng tiến chính trị của Nước Pháp Chiến Đấu với sự thành lập Ủy ban Quốc gia, và sẽ ra sức ngăn trở.

Chính Đô đốc Muselier là người đóng vai công cụ của họ. Ông Đô đốc hầu như có một nhân cách kép. Trong tư cách lính thủy, ông chứng tỏ một giá trị rất đáng trân trọng và nhờ đó mà các lực lượng hải quân cỡ nhỏ của chúng tôi được tổ chức. Nhưng ông thỉnh thoảng vẫn bị tính hay lo thúc đẩy ông vào những mưu mô. Ngay khi biết ý đồ tôi muốn thành lập Ủy ban, ông viết thư cho tôi để tự cho mình là người bình vực cho thái độ đồng tình với các nước đồng minh và cho nền dân chủ mà, theo ông, chính sách của tôi có thể đưa tới hiểm họa. Từ nay để bảo vệ cho chính sách của tôi lẫn nền dân chủ, ông đề nghị tôi nên tự đặt mình trong một cương vị danh dự và thực quyền thì để cho ông. Còn phương tiện ông dùng để buộc tôi phải đồng tình thì đó chỉ là lời đe dọa đưa tới sự ly khai của Hải quân đã, theo lời ông trong điện thoại, “trở thành độc lập và tiếp tục chiến đấu.”

Phản ứng của tôi thì rõ ràng và cuộc bàn cãi diễn ra ngắn ngủi. Ông đô đốc chịu khuất phục, viện cớ một sự hiểu lầm. Vì những lý do tình cảm và đúng lúc, tôi như để mình bị thuyết phục, xác nhận những lời cam kết của ông và bổ nhiệm ông làm Ủy viên Hải quân và Hàng hải thương mại trong Ủy ban Quốc gia.

Được bổ nhiệm trong đó: bộ Kinh tế, Tài chánh, Thuộc địa, Pleven; bộ Tư pháp và Công dân giáo dục, Cassin; bộ Chiến tranh, Legentilhomme; bộ Không quân, Valin; bộ Hành động tại Chính quốc, Thông tin, Lao động, Diethelm, vừa từ Pháp tới. Catroux và d'Argenlieu, đang đi công tác, trở thành ủy viên không bộ. Tôi giao cho Pleven trách nhiệm bảo đảm việc phối hợp hành chánh của các bộ thuộc dân sự, “quy chế, lương bổng, phân bổ nhân sự, sử dụng trụ sở, v.v...” Tôi đã mong và nhiều lần cố mở rộng thành phần của Ủy ban bằng cách đưa vào đó vài nhân sĩ Pháp có mặt tại

Mỹ. Vì vậy mà tôi kêu gọi sự cộng tác của các ông Maritain và Alexis Léger. Các câu trả lời đều lịch sự, nhưng tiêu cực.

Ủy ban Quốc gia đang hoạt động tốt đẹp thì Muselier mở ra một cuộc khủng hoảng mới. Trở về London sau cuộc viễn chinh tại Saint-Pierre, nhờ đó mà ông đã nhận được những lời chúc mừng đồng loạt của chúng tôi, ông tuyên bố, ngày 3 tháng Ba trong phiên họp của Ủy ban, rằng mọi việc không diễn ra như ý ông trong tổ chức Nước Pháp Tự Do, ông xin từ chức ủy viên quốc gia và viết thư cho tôi để xác nhận điều đó. Tôi chấp thuận sự từ chức này, tạm ngưng quyền chỉ huy của ông Đô đốc và thay bằng Auboyneau được gọi về từ Thái Bình Dương. Nhưng bấy giờ, Muselier tuyên bố rằng trong khi không còn là thành viên của Ủy ban quốc gia, ông vẫn giữ cho chính ông chức Tổng Tư lệnh các Lực lượng Hải quân như đây là một vùng đất phong mà ông là người sở hữu. Điều này không thể chấp nhận được và vụ việc đã được giải quyết trước khi bất ngờ xảy ra sự can thiệp của chính phủ Anh.

Sự can thiệp đã được chuẩn bị từ lâu, những người xúi giục bao gồm vài kẻ khuấy động trong những người lưu vong và vài phần tử trong Hạ nghị viện và Hải quân Anh. Những kẻ mưu phản đã tìm được sự cộng tác của ông Alexander, bộ trưởng Hải quân Anh. Họ vạch cho ông, trong tư cách bộ trưởng, thấy rằng nếu Muselier ra đi, hải quân Pháp tự do sẽ giải tán vì không có sự yểm trợ đáng kể của Hải quân Hoàng gia. Họ làm cho ông, là đảng viên Công đảng, tin rằng de Gaulle và Ủy ban của ông ta thiên về chủ nghĩa phát xít và phải làm cho các lực lượng hải quân Pháp thoát khỏi chính sách của họ. Vì những lý do liên quan tới sự quân bình bên trong của họ, và hầu như với ý đồ làm cho de Gaulle trở nên tiện lợi hơn bằng cách làm cho ông trở nên suy yếu, nội các Anh nhiệt tình theo luận đề của Alexander. Họ quyết định đòi hỏi tôi phải duy trì Muselier trong chức vụ tổng tư lệnh các lực lượng hải quân Nước Pháp Tự Do.

Ngày 5 và 6 tháng Ba, dưới ảnh hưởng của ông Alexander, ông Eden báo cho tôi biết về yêu sách đó. Với tôi, ngay lúc đó, vụ việc đã dứt khoát được quyết định. Bằng mọi giá, quyết định của Ủy ban Quốc gia phải được thi hành và nước Anh phải từ bỏ việc can thiệp vào vấn đề này của nước

Pháp. Ngày 8 tháng Ba, tôi viết cho ông Eden rằng bản thân tôi và Ủy ban Quốc gia đã quyết định rằng Muselier không còn là Tổng Tư lệnh của Hải quân nữa, và về vấn đề này chúng tôi không chấp nhận sự can thiệp của nước Anh. Tôi nói thêm: “Người Pháp Tự Do nghĩ rằng những gì họ làm bên cạnh người Anh và vì một sự nghiệp chung bao hàm việc họ phải được đối xử như đồng minh, và sự ủng hộ của người Anh không thể đặt dưới những điều kiện xung khắc với chính lý do tồn tại của chúng tôi... Nếu khác đi, Tướng de Gaulle và Ủy ban Quốc gia sẽ ngừng bám riết vào một nhiệm vụ có thể trở nên bất khả. Về những gì liên quan tới tương lai cũng như hiện tại của nước Pháp, thật sự chúng tôi thấy điều thiết yếu là phải trung thành với mục tiêu mà chúng tôi đã xác định. Mục tiêu này bao gồm việc phục hưng nước Pháp và tái lập sự thống nhất dân tộc trong chiến tranh bên cạnh các nước đồng minh, nhưng hoàn toàn không hy sinh nền độc lập, chủ quyền và các thể chế của nước Pháp.”

Lúc đó tôi không nhận được thư phúc đáp. Cố nhiên trước khi đi xa hơn, người Anh muốn thấy những gì sẽ diễn ra trong nội bộ hải quân của chúng tôi. Vậy mà trên bất luận chiếc tàu nào, trong bất luận đoàn thủy thủ nào, tại bất luận cơ sở nào, không hề có sự ly khai. Trái lại hẳn, tất cả những đơn vị thuộc lực lượng hải quân Pháp tự do đều siết chặt hàng ngũ quanh de Gaulle với một nhiệt tình tỉ lệ với những khó khăn ập tới họ. Chỉ có vài sĩ quan tập hợp quanh ông đô đốc, tổ chức một cuộc biểu tình không phải phép tại trụ sở bộ tham mưu của ông, nơi đích thân tôi đến để nói chuyện với họ. Bấy giờ tôi ra lệnh quản thúc ông tại một nơi tách ông khỏi mọi cuộc tiếp xúc với hải quân trong thời gian một tháng. Tôi kêu gọi chính phủ Anh, phù hợp với thỏa hiệp về quyền xét xử ngày 15 tháng Giêng năm 1941, bảo đảm việc thực thi biện pháp này, bởi nó được quyết định trên lãnh thổ Anh quốc. Rồi, bởi những lời bảo đảm không thấy tới với tôi, tôi quyết đi tới cùng, sẵn sàng làm tất cả, chấp nhận tất cả và đặt vào tay Pleven, Diethelm và Coulet một thứ chúc thư bí mật giao cho họ nhiệm vụ thông báo với nhân dân Pháp trong trường hợp tôi buộc phải thôi không theo đuổi những gì tôi đã bắt đầu thực hiện và tôi không thể tự mình biện giải được. Trong khi đó, tôi cho các nước đồng minh biết rằng, trong sự hồi

tiếc sâu sắc, tôi không thể tiếp tục các mối quan hệ với họ cho tới khi nào họ áp dụng những hiệp ước ràng buộc họ.

Đó là ngày 23 tháng Ba. Ông Peake đến thăm tôi. Ông trao cho tôi một công hàm báo cho tôi biết rằng chính phủ ông cố nài để Muselier tiếp tục làm tổng tư lệnh và đang chú ý theo dõi việc ông đô đốc không được tiếp xúc với bất luận ai trong các lực lượng hải quân Pháp. Tuy nhiên, chính phủ Anh cũng mong tôi thể hiện lòng khoan dung, bổ nhiệm ông vào một chức vụ phù hợp. Trong lúc đó, Auboyneau từ Thái Bình Dương tới, đã nắm bộ chỉ huy Hải quân. Vào tháng Năm, muốn tạo cơ may để đô đốc Muselier tiếp tục phục vụ, tôi mời ông đến gặp tôi để giải quyết với ông những điều kiện của một sứ mạng thanh tra mà tôi tính giao cho ông. Ông không tới. Vài ngày sau, vị tướng lĩnh này, vốn đã làm nhiều điều cho hải quân chúng tôi, đã thông báo với tôi rằng việc hợp tác của ông với Nước Pháp Tự Do đã chấm dứt. Tôi cảm thấy tiếc cho ông.

Sau vụ việc đau lòng đó, không còn gì ngăn trở hoạt động bình thường của “Ủy ban thành phố London” này nữa, ủy ban mà các bộ máy tuyên truyền đối địch – không riêng thuộc kẻ thù và chế độ Vichy – biểu thị khi thì như một bọn đầu cơ chính trị đầy ham hố, khi thì như một bọn người phiêu lưu phát xít, khi thì như một bọn người điên loạn có cảm tình với đảng cộng sản; nhưng với họ, tôi xác minh điều này, không gì đáng kể sánh với sự giải phóng đất nước và Nhà nước. Ủy ban quốc gia nhóm họp ít nhất mỗi tuần một lần trong một gian phòng lớn ở Carton Gardens gọi là “phòng đồng hồ”. Đúng theo lịch trình, họ nghe báo cáo của từng ủy viên về những vụ việc của bộ mình hoặc về tất cả những vấn đề mà người này hay người khác thấy cần nêu lên. Chúng tôi nắm bắt các tài liệu và thông tin, chúng tôi tha hồ bàn cãi và chúng tôi kết luận trên những quyết định được soạn thảo trong buổi họp dưới hình thức một biên bản và sau đó chúng được thông báo tới các lực lượng và cơ quan. Không hề có một biện pháp nào được đưa ra mà không có sự bàn bạc để đi tới quyết định của Ủy ban.

Tôi luôn tìm thấy trong Ủy ban Quốc gia trong tư cách cơ quan tập thể, cũng như nơi mỗi thành viên, một sự giúp đỡ quý báu và một sự cộng tác trung thực. Nhưng trách nhiệm của tôi cũng đỡ nặng nề hơn nhờ có

những con người sáng giá phụ giúp và vây quanh tôi. Cố nhiên, các ông bộ trưởng này vốn chưa người nào bước vào lãnh vực công cộng, trong chừng mực nào đó có thể thiếu thẩm quyền và tiếng tăm. Tuy nhiên, họ biết cách đạt được những điều đó. Và chẳng mọi người đều có kinh nghiệm và nhân cách. Tập hợp mà họ hình thành mở ra cho Nước Pháp Chiến Đấu những con đường đưa tới ảnh hưởng mà nếu khác đi thì những con đường này vẫn khép kín với chúng tôi. Tôi có thể thường bắt gặp nơi các cộng tác viên này, không phải những sự chống đối, mà những ý kiến bác bỏ, có thể những mâu thuẫn, đối với những ý đồ và hành vi của tôi. Trong những lúc khó khăn, khi tôi thiên về những giải pháp nghiệt ngã thì nhiều thành viên của Ủy ban lại thiên về sự hòa giải. Nhưng xét về mặt đại thể, như vậy vẫn tốt. Cuối cùng, khi mọi việc sáng tỏ, không một ủy viên quốc gia nào đặt vấn đề về sự trọng tài của tôi.

Quả thật nếu các quan điểm có thể chia sẻ, trách nhiệm tôi không vì thế mà kém phần trọn vẹn. Trong cuộc đấu tranh giải phóng, luôn luôn và dứt khoát, cái tôi đáng thương phải chịu trách nhiệm về tất cả. Đặc biệt tại Pháp, nhiều người đang nhìn về de Gaulle với lực lượng ngày một đông đảo đã bắt đầu hướng tới cuộc kháng chiến tích cực. Ở đó có một lời đáp ngày càng rõ ràng trước những lời kêu gọi của tôi. Ở đó cũng có một sự hội tụ tình cảm tôi thấy cần thiết và không kém phần cảm động. Bởi nhận ra xu hướng chia rẽ của người Pháp và sự phân tán do sự áp bức áp đặt cho họ dễ tạo cho cuộc nổi dậy của họ một tính đa dạng cực kỳ, tôi tập trung lo thực hiện sự thống nhất của cuộc kháng chiến. Quả thật đó là điều kiện của hiệu quả chiến đấu, giá trị quốc gia và uy lực của nó trước thế giới.

Ngay mùa hè 1941, chúng tôi dần dần biết được những gì xảy ra trên chính quốc. Không kể đến những gì người ta có thể đọc giữa các dòng chữ trên báo ngày hoặc nghe đằng sau những từ của đài phát thanh hai vùng, chúng tôi luôn nắm được tình hình khá đầy đủ nhờ những bản tường trình từ các mạng lưới của chúng tôi, những báo cáo của một số người tại chỗ đã đặt những cột mốc, những ý kiến của người tình nguyện từ Pháp đến với chúng tôi mỗi ngày, những chỉ dẫn cung cấp bởi các nhiệm sở ngoại giao, những lời tuyên bố của những người lưu vong khi ghé qua Madrid,

Lisbonne, Tanger, New York, những thư từ của gia đình và bạn bè những người Pháp tự do tới tay họ bằng đủ thứ mưu mẹo. Từ sự kiện này, tôi có trong đầu một bảng cập nhật. Nhiều lần, khi nói chuyện với đồng bào vừa rời khỏi đất nước nhưng vẫn còn ít nhiều gần gũi trong nghề nghiệp hoặc địa phương của họ, tôi nhận thấy rằng nhờ vô số những nỗ lực thông tin, truyền đạt, tổng hợp, được cung cấp bởi một đạo quân những con người tận tụy, tôi cũng như bất luận một ai đều biết rõ những vụ việc của nước Pháp.

Và điều được biết tới là sự suy thoái của Vichy. Những ảo tưởng của chế độ đã tan biến. Trước hết, chiến thắng của nước Đức mà người ta hô hào đã đạt được để biện minh cho sự đầu hàng, đã trở thành khó tin khi Nga bước vào vòng chiến, khi đến lượt mình Hoa Kỳ cũng tham chiến, khi Anh và Nước Pháp Tự Do vẫn đứng vững. Tham vọng gờ gạc từ mỗi thảm họa với cái giá của sự nô dịch đã tỏ ra vô nghĩa, bởi 1.500.000 tù binh của chúng tôi không thấy trở về, bởi bọn Đức trên thực tế đã sáp nhập vùng Alsace và vùng Lorraine và đặt miền bắc của đất nước tách rời khỏi phần lãnh thổ còn lại về mặt hành chính, bởi những phần lấy ra của quân chiếm đóng từ tiền bạc, nguyên liệu, sản phẩm nông nghiệp và kỹ nghệ đã làm cạn kiệt nền kinh tế của chúng tôi, bởi đế quốc Đức đã buộc một số ngày càng đông người Pháp phải làm việc cho họ. Lời khẳng định rằng người ta bảo vệ Đế quốc “chống lại bất cứ ai” không thể đánh lừa ai được nữa khi người ta buộc quân đội và hải quân phải chống lại quân đồng minh và “những người theo de Gaulle,” tại Dakar, Gabon, Syrie, Madagascar, trong lúc người Đức và người Ý trong các ủy ban đình chiến mặc tình hành động theo ý đồ của họ tại Alger, Tunis, Casablanca, Beyrouth, máy bay đế quốc Đức hạ cánh tại Alep và Damas, quân Nhật chiếm Bắc bộ và Nam bộ Việt Nam. Dưới con mắt của mọi người, từ đây cơ may một ngày nào đó giành lại được các lãnh thổ hải ngoại, chính Nước Pháp Chiến Đấu là người thể hiện bằng cách dần dần bảo đảm cho chúng tôi về châu Phi xích đạo, các đảo châu Đại dương, Pondichéry, vùng Levant, Saint-Pierre, Madagascar, Somalie thuộc Pháp, và trải rộng cái bóng không khoan nhượng của chúng tôi trên Bắc Phi, Tây Phi, các đảo Antilles và Đông Dương.

Còn “Cuộc cách mạng dân tộc” mà chế độ Vichy dùng để bù trừ cho chính sự đầu hàng của họ, người ta có cảm tưởng nó bỏ phí nhiều cuộc cải cách tự chúng có giá trị nhưng bị tổn hại và mất giá trị bởi người ta kết hợp chúng với thảm họa và sự nô dịch. Tham vọng của Vichy nhằm đổi mới đạo đức và phục hồi quyền lực, ngay cả nỗ lực tổ chức kinh tế và xã hội không thể chối cãi của họ cũng chỉ đưa tới, về hình thức, những cuộc điều hành của các đội quân lê dương, tiểu sử tô hồng của ông thống chế, sự trưởng thành của các ủy ban, và, về nội dung, những cuộc truy hại hèn hạ, sự chế ngự của cảnh sát và kiểm duyệt, những đặc quyền và chợ đen.

Do đó người ta thấy bộc lộ, ngay bên trong chế độ, những dấu hiệu của sự rối loạn. Từ cuối năm 1940 tới mùa hè năm 1942, lần lượt xảy ra những sự việc sau: sự bãi chức Laval, việc thành lập phong trào “Tập hợp nhân dân toàn quốc” với sự ủng hộ trực tiếp của người Đức, do Déat, Delonde, Luchaire, Marquet, Suarez v.v... phát động, chống lại nhà cầm quyền và cổ vũ ồn ào sự hợp tác; sự thay đổi không ngừng các quyền hạn của Darlan; những cuộc từ chức của các thành viên chính phủ; Ybarnegaray, Baudouin, Alibert, Flandin, Peyrouton, Chevalier, Achard, v.v... đã lần lượt thừa nhận tính bất khả của nhiệm vụ; sự đình chỉ bất ngờ và khó hiểu vụ án Riom; việc cho Tướng Weygand về hưu; cuộc mưu sát Laval của Colette; việc bổ nhiệm Laval lãnh đạo chính phủ. Bản thân ông Thống chế công bố tình trạng nguy khốn của chính mình trên đài phát thanh vào tháng Tám năm 1941 như sau: “Từ nhiều vùng của nước Pháp, dường như có một ngọn gió độc thổi tới. Ai nấy đều lo lắng và nghi ngờ. Thẩm quyền của chính phủ bị tranh cãi. Lệnh ban ra không được thi hành. Một nỗi bất ổn thật sự đã đến với nhân dân Pháp.” Vào tháng Sáu năm sau, kỷ niệm lần thứ hai yêu cầu đình chiến của ông, ông tuyên bố qua làn sóng: “Tôi nhìn nhận những lời kêu gọi của mình chỉ nhận được những tiếng vang yếu ớt.”

Khi vẻ long trọng và những công trình của Vichy tàn lụi đi thì đây đó trên chính quốc hình thành những ổ kháng chiến. Cố nhiên đây là những hoạt động đa dạng, thường không phân định ranh giới rõ ràng, nhưng phát xuất từ cùng những ý đồ. Ở chỗ này người ta soạn, in và phân phát những

tờ truyền đơn. Ở chỗ kia người ta rình rập kẻ thù để thông báo tình hình cho một mạng lưới. Vài con người quả cảm tạo thành những nhóm hành động vì những mục tiêu khác nhau: đánh úp, phá hoại, đón nhận và phân phát các phương tiện được thả dù xuống hoặc chuyên chở tới, đón tiếp hoặc đưa người xuống tàu, chuyển từ vùng này sang vùng khác, vượt biên giới, v.v... Vài người tạo thành mầm mống của những hoạt động mà các thành viên gắn bó với nhau bằng mạng lưới hoặc đơn giản bằng một trạng thái tinh thần cùng chia sẻ với nhau. Tóm lại dưới vẻ ngoài suy giảm và thụ động của cuộc sống tại chính quốc, cuộc kháng chiến bắt đầu cuộc sống mãnh liệt và bí mật. Trong nước các chiến binh giờ đây nghĩ tới việc đánh phá quân thù qua những mạng lưới công an và người tố giác.

Vào tháng Tám năm 1941 đã mở màn loạt tấn công riêng lẻ chống lại quân đội Đức. Một viên đại úy bước ra khỏi xe điện ngầm, một tên sĩ quan tại Bordeaux, hai tên lính tại Paris đường Championnet, là những người đầu tiên bị giết. Nhiều cuộc hành hình khác tiếp theo. Để trả thù, quân thù bắn hàng trăm con tin, bỏ tù hàng ngàn người yêu nước để sau đó đưa tới các trại tập trung, đê bẹp bằng tiền phạt và sự nô dịch những thành phố có người của họ ngã xuống. Với một niềm tự hào buồn bã chúng tôi biết được những hành vi chiến tranh được thực hiện một cách riêng rẽ chống lại quân thù phải qua những hiểm nguy cực kỳ. Mặt khác, cái chết của những người Pháp, nạn nhân sự trả thù của quân Đức, khiến chúng tôi buồn đau không tả xiết, nhưng tuyệt nhiên không tuyệt vọng, bởi nó tương đương với sự hy sinh của người chiến sĩ nơi chiến trường. Nhưng vì những lý do cơ bản về mặt chiến thuật, chúng tôi lượng định rằng cuộc chiến đấu cần phải được lãnh đạo và ngoài ra đây chưa phải lúc phát động cuộc chiến công khai tại chính quốc. Quấy rối quân thù, rồi đưa các lực lượng trong nước tới những điểm đã chọn, cuối cùng phát động cuộc nổi dậy của toàn dân, mà chúng tôi mong đạt được vào một ngày nào đó, sẽ có được một hiệu quả mãnh liệt với điều kiện hình thành một toàn thể và kết hợp với hoạt động của các đạo quân giải phóng. Vậy mà năm 1941, kháng chiến chỉ mới bắt đầu và mặt khác, chúng tôi biết rằng phải qua nhiều năm trước khi các nước đồng minh của chúng tôi sẵn sàng cho cuộc đổ bộ.

Do đó, ngày 23 tháng Mười, tôi tuyên bố trên đài phát thanh: “Người Đức bị người Pháp giết là điều tuyệt đối bình thường và tuyệt đối hợp lý. Nếu người Đức không muốn nhận cái chết từ tay chúng tôi, họ chỉ cần ở lại nhà họ... Trong lúc họ không khuất phục được thế giới, họ chắc chắn trở thành mỗi người một xác chết hoặc một tù binh... Nhưng phải có một chiến thuật cho cuộc chiến tranh. Chiến tranh cần phải được lãnh đạo bởi những người có trách nhiệm... Hiện nay lệnh tôi đưa ra cho lãnh thổ bị chiếm đóng, là không được thả tay giết quân Đức tại đây. Đó là vì một lý do duy nhất: vào lúc này, quân thù dễ dàng đáp trả bằng cách tàn sát các chiến binh của chúng ta đang tạm thời bị tước vũ khí. Trái lại, ngay khi chúng ta có thể chuyển sang thể tấn công các lệnh mong muốn sẽ được đưa ra.”

Trong khi cố hạn chế những thiệt hại của chúng tôi trong những điều kiện này đã trở nên quá mức so với những thắng lợi còn con, để tăng cường sức mạnh và sự đoàn kết dân tộc, chúng tôi vẫn phải dùng tới sự xúc động do sự trấn áp của quân Đức gây ra. Ngày 25 tháng Mười, khi quân xâm lược, hôm trước, vừa tàn sát 50 con tin tại Nantes và Châteaubriand, và 50 con tin khác tại Bordeaux, tôi tuyên bố trên đài phát thanh như sau: “Bằng cách bắn những người yêu nước của chúng ta, quân thù tưởng sẽ làm cho nước Pháp run sợ. Nước Pháp sẽ cho chúng thấy nước Pháp không sợ chúng... Tôi kêu gọi tất cả những người Pháp, nam cũng như nữ, hãy ngưng tất cả mọi hoạt động và hãy cứ bất động, mỗi người ở đâu cứ ở đó, ngày thứ Sáu 13 tháng Mười, từ 4 giờ tới 4 giờ 5... tư thế đứng nghiêm hùng vĩ này, cuộc đình công mệnh mông này của toàn dân cho quân thù thấy sự đe dọa bao trùm lấy chúng và tình nghĩa anh em ruột thịt của người Pháp.” Hôm trước ngày được ấn định, tôi lặp lại lời kêu gọi. Trên thực tế, cuộc biểu dương tại nhiều nơi, nhất là tại các nhà máy, đã gây xúc động. Từ đó tôi thấy mình càng được củng cố trong quyết định của mình, không để cho cuộc kháng chiến rơi vào tình trạng vô chính phủ, trái lại biến kháng chiến thành một toàn thể có tổ chức nhưng vẫn không loại bỏ sáng kiến lẫn sự phân vạch, chia thành ô mà nếu không có thì kháng chiến có thể biến mất hoàn toàn trong khoảnh khắc.

Dù sao, các đơn vị hợp thành, các phong trào, giờ đây hiện hữu, thật kiên quyết trong nhiều mặt, nhưng vẫn thiếu trầm trọng cán bộ quân đội. Nơi nào chúng tôi có thể và cần tìm ra họ, tức là trong số những người còn lại từ quân đội, thì Vichy cản đường họ. Tuy nhiên những hành vi kháng chiến đầu tiên vẫn phát xuất từ các quân nhân. Nhiều sĩ quan thuộc các bộ tham mưu của quân đội và các vùng, đã đánh cắp phương tiện của các ban đình chiến. Cơ quan tình báo tiếp tục áp dụng trong bóng tối những biện pháp phản gián và từng lúc chuyển các thông tin cho người Anh. Dưới ảnh hưởng của các tướng: Frère, Delestraint, Verneau, Bloch-Dassault, Durrmeyer, và bằng cách sử dụng đặc biệt các hội ái hữu của các binh đoàn, những biện pháp động viên đã được chuẩn bị. Tướng Cocher mở đầu chiến dịch tuyên truyền tích cực chống lại tinh thần đầu hàng. Trong số những người hướng dẫn các công trường tuổi trẻ, gồm đông đảo cựu quân nhân, nhiều người vẫn tập dượt và tập dượt cho người khác hầu cầm vũ khí chiến đấu. Trong những gì còn lại từ các đơn vị đã được thành lập, hầu như tất cả các sĩ quan, những người có cấp bậc, binh lính, đều không giấu hi vọng trở lại với cuộc chiến đấu.

Công chúng cũng thấy điều đó là tốt. Một cuốn phim thời sự đến từ Pháp mà tôi đã xem tại London, đã cho tôi một thí dụ cảm động về chuyện này. Người ta thấy trong phim, trong một chuyến thăm Marseille, Pétain xuất hiện tại bao lơn tòa thị chính trước những đội quân và đám đông sôi sục nhiệt tình yêu nước. Người ta nghe thấy ông không cưỡng được trước khí thế sôi nổi của quần chúng, bất ngờ thét lên: “Đồng bào đừng quên rằng tất cả đồng bào luôn bị động viên đấy!” Người ta chứng kiến sự bùng vỡ nhiệt tình mà những lời nói đó gây ra trong đám đông thuộc dân thường và quân đội đang cười và khóc vì xúc động.

Bất chấp tình trạng tù đày và chết chóc của hầu hết và thường khi của những người ưu tú nhất, quân đội vẫn sẵn sàng một cách tự phát ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc. Nhưng đó không phải là điều mong muốn của “chính phủ” mà họ buộc phải tuân thủ. Thực hiện trước tiên viễn tưởng của sự trung lập, tiếp đến của sự cộng tác, Vichy ngăn cản họ đáp ứng xu hướng của chính họ và giam giữ họ về mặt tinh thần trong một sự bế tắc mà

muốn ra khỏi người ta chỉ còn cách từ bỏ kỷ luật chính thức. Mặc dù nhiều thành phần quân đội đã vượt qua rào chắn, đặc biệt những người trong số thuộc các mạng lưới, rồi những người sắp gia nhập quân đội bí mật, cuối cùng những người sau này hợp thành “Tổ chức kháng chiến của quân đội,” sự thật là ở khởi điểm, các phong trào phải tự họ tổ chức một cách ứng biến các cán bộ của họ.

Trong vùng gọi là tự do, các tờ báo Combat mà đại úy Frenay đã nắm quyền điều khiển, Libération nơi Emmanuel d’Astier giữ vai trò nòng cốt, Franc-Tireur dưới quyền lãnh đạo của Jean-Pierre Lévy, triển khai một hoạt động tuyên truyền đáng kể và tuyển mộ những đội bán quân sự. Cùng lúc, những gì còn lại từ phong trào nghiệp đoàn trước đây: Tổng Liên đoàn Lao động, Liên đoàn Lao động Công giáo Pháp, vẫn loan truyền một xu hướng thuận lợi cho kháng chiến. Đó cũng là trường hợp của một vài cuộc tập hợp phát xuất từ các đảng phái cũ, nhất là đảng xã hội, đảng dân chủ nhân dân, liên đoàn cộng hòa. Bởi quân Đức không chiếm đóng vùng này, cố nhiên người ta phải chống đối Vichy, gây chuyện xích mích với cảnh sát và tòa án của họ. Và chẳng khi chuẩn bị các lực lượng, nếu gặp dịp, có thể được sử dụng chống lại quân thù, những người chỉ huy vẫn nghĩ tới chuyện chiếm chính quyền và nhìn thấy trong kháng chiến không chỉ một công cụ chiến tranh, mà còn là phương tiện thay thế chế độ.

Đặc tính chính trị của các phong trào thuộc vùng phía Nam đã góp phần làm cho họ trở nên sống động và năng động, thu hút về phía hàng ngũ của họ các thành phần có ảnh hưởng, tạo cho bộ máy tuyên truyền của họ một tính đam mê và thời sự khiến công chúng phải chú ý theo dõi. Nhưng mặt khác, sự đồng tình tốt đẹp và tiếp đến, hành động chung của các ủy ban chỉ đạo không vì thế mà tránh được mọi lo ngại. Cần phải nói ngay rằng khối người gia nhập và người cảm tình không mấy quan tâm tới chương trình mà kháng chiến sẽ phải áp dụng sau này, tới những điều kiện trong đó ngày nào kháng chiến sẽ nắm chính quyền, lẫn sự lựa chọn của những người có trách nhiệm cầm quyền lúc đó. Theo tình cảm chung, chỉ có vấn đề là chiến đấu, và ít ra là chuẩn bị chiến đấu. Thu thập vũ khí, tìm chỗ trốn, nghiên cứu, và đôi khi thực hiện các cuộc đánh úp, đó là vấn đề!

Muốn thế, cần phải tự tổ chức lấy tại chỗ giữa những người quen biết, tìm phương tiện và giữ lấy những công việc cho mình. Tóm lại, nếu bên trong các phong trào, nguồn cảm hứng tương đối tập trung, trái lại, hành động được phân bổ thành những nhóm tách biệt, trong đó mỗi nhóm có riêng người chỉ huy và hoạt động cho chính họ, các nhóm này giành nhau những phương tiện cực kỳ giới hạn về vũ khí và tiền bạc.

Trong vùng tạm chiếm, sự cạnh tranh này biến mất trước sự nguy hiểm trực tiếp, nhưng sự phân tán thực sự của con người và những nỗ lực càng cần thiết hơn nữa. Ở đó, người ta tiếp xúc một cách trực tiếp và nặng nề với kẻ thù. Người ta phải giải quyết với mặt vụ Đức. Không có cách nào di chuyển, trao đổi thư từ, tìm chỗ ở mà không phải đi qua những trạm kiểm soát nghiêm ngặt. Mọi người tình nghi đều vào tù trong khi chờ đợi được đưa tới trại tập trung. Còn cuộc kháng chiến tích cực thì không ngừng đưa các chiến binh tới phòng tra tấn và cột xử bắn. Trong những điều kiện đó hoạt động trở nên phân tán cực kỳ. Trái lại, sự hiện diện của quân Đức nuôi dưỡng một bầu không khí thúc đẩy người ta tới cuộc chiến đấu và khuyến khích những người đi theo. Do đó, các phong trào trong vùng này luôn căng thẳng bởi chiến tranh và âm mưu. Các phong trào “Tổ chức dân quân” do đại tá Touny thành lập, “Người giải phóng” do Ripoche lãnh đạo, “Người kháng chiến” do Lecompte-Boinet tuyển mộ, “Giải phóng-Bắc” do Cavaillès thành lập; cuối cùng, trong vùng Hainaut, thuộc Flandres, tại xứ mỏ, “Tiếng nói miền Bắc” do Houcke lãnh đạo, tất cả đều dứt khoát bác bỏ mọi xu hướng chính trị, chỉ lo chiến đấu và chia thành những nhóm nhỏ hoạt động bí mật, biệt lập với nhau.

Vào cuối năm 1941, đến lượt người cộng sản vào cuộc. Cho tới bấy giờ, những người lãnh đạo của họ vẫn chọn một thái độ hòa giải đối với quân chiếm đóng đồng thời thóa mạ chủ nghĩa tư bản của người Anglo-Sắcxông và chủ nghĩa de Gaulle, đầy tớ của nó. Nhưng thái độ của họ thay đổi bất ngờ khi Hitler xâm lược nước Nga và chính họ đã có thì giờ tìm chỗ ẩn náu và đưa các mối liên hệ cần thiết vào cuộc chiến đấu bí mật. Và chẳng họ đã chuẩn bị điều đó bằng cách tổ chức thành chi bộ, bằng sự che giấu thứ bậc của họ, bằng sự tận tụy của các cán bộ. Trong cuộc chiến

tranh của dân tộc, vậy là họ sẽ tham gia với sự dũng cảm và khôn khéo, nhạy cảm, cố nhiên, nhất là giữa những người thật thà, với tiếng gọi của tổ quốc, nhưng không bao giờ quên, trong tư cách quân đội cách mạng, mục tiêu thiết lập nền chuyên chính của họ nhờ có bi kịch của nước Pháp. Do đó, họ sẽ không ngừng cố gắng giữ quyền tự do hành động của họ. Nhưng họ còn sử dụng các xu hướng của các chiến binh, kể cả các chiến binh của họ, chỉ mong muốn một cuộc chiến đấu duy nhất, họ cố cài người vào toàn bộ cuộc kháng chiến để biến nó thành công cụ tham vọng của họ, nếu có thể được.

Do đó mà tại vùng tạm chiếm, họ đã thành lập “Mặt trận dân tộc”, tập hợp thuần túy mang tính cách yêu nước, và “Quân du kích”, lực lượng tập trung chống quân Đức. Chính nhờ thế mà họ thu hút được nhiều thành phần không cộng sản nhưng có thể dùng làm lớp vỏ bọc cho những ý đồ của họ. Chính nhờ thế mà họ đưa một số người của họ, được ngụy trang khéo léo, vào các cơ quan đầu não của mọi phong trào khác. Chính nhờ thế mà họ sớm phải đề nghị cộng tác với tôi trong khi vẫn không ngớt ngấm ngầm đả kích “huyền thoại de Gaulle”.

Còn tôi, tôi muốn họ có ích. Để đánh thắng kẻ thù, không có lực lượng nào không được sử dụng tới và tôi nghĩ lực lượng của họ sẽ có sức nặng trong loại chiến tranh áp đặt bởi sự chiếm đóng. Nhưng họ phải làm điều đó như một phần trong một toàn thể và, nói thẳng ra, phụ thuộc vào tôi. Vững tin vào sức mạnh của tình cảm dân tộc và lòng tin nhân dân đặt vào tôi, ngay lập tức tôi quyết định bảo đảm vị trí của họ trong kháng chiến Pháp, thậm chí, ngày nào đó, trong thành phần lãnh đạo. Nhưng tôi cũng quyết không bao giờ để họ thao túng, qua mặt tôi và nắm quyền lãnh đạo. Với những người Pháp bị gạt ra ngoài lề bởi sự bất công đã nâng họ lên và sự sai lầm đã làm cho họ lạc lối, bi kịch của đất nước là cơ hội lịch sử giúp họ trở về với tình đoàn kết dân tộc, đầu chỉ trong thời gian cuộc chiến đấu. Tôi muốn làm thế nào để cơ hội này không bao giờ bị bỏ lỡ. “Nước Pháp muôn năm!” Lần này nữa, đó là tiếng hét trước lúc chết của tất cả những ai đã dâng hiến đời mình cho Tổ quốc, bất luận cách nào, bất luận ở đâu. Trong sự vận động không ngừng của thế giới, tất cả những chủ nghĩa, tất cả những

trường phái, tất cả những cuộc nổi dậy, đều chỉ có một thời. Tôi tin chắc rằng trong định mệnh của nước Pháp, điều đáng kể đối với nhiều người là bất chấp tất cả, lúc giải phóng, khoảnh khắc thoáng qua những quyết định của lịch sử nước Pháp, nước Pháp chỉ là một dân tộc duy nhất được tập hợp.

Vào tháng Mười năm 1941, tôi được biết sự hiện diện tại Lisbonne của Jean Moulin, từ Pháp tới và đang tìm cách đi London. Tôi biết ông là ai. Tôi đặc biệt biết, là tỉnh trưởng Eure-et-Loir lúc quân Đức tiến vào Chartres, ông đã chứng tỏ một sự kiên quyết và một phẩm cách mẫu mực, mà quân thù sau khi làm ông thất bại, bị thương, rồi bỏ tù ông, cuối cùng đã thả ông với những lời xin lỗi và thăm hỏi, còn chế độ Vichy thì đã thay thế ông trong chức vụ và từ đó gạt ông ra ngoài. Tôi biết ông muốn phục vụ. Vậy là tôi yêu cầu nhà cầm quyền Anh để con người ưu tú này được tới Anh. Tôi phải đợi tới hai tháng để được miễn nguyện. Cục tình báo Anh cố níu kéo Moulin. Nhưng ông thì ngược lại yêu cầu được gửi tới tôi. Nhờ một bức thư khẩn thiết gửi cho ông Eden, cuối cùng người hành khách trung thực cũng tới được nơi mong muốn. Sau đó tôi cũng nhọc nhằn không kém để bảo đảm chuyện ông trở về Pháp.

Trong tháng Chạp tôi có nhiều cuộc trao đổi lâu dài với ông. Trước khi tới London, Jean Moulin đã nhiều lần tiếp xúc với các phong trào kháng chiến và mặt khác, đã thăm dò nhiều giới chính trị, kinh tế, hành chính. Ông biết rõ lĩnh vực mà thoát đầu tôi muốn đưa ông vào. Ông đưa ra những đề nghị rõ ràng và những yêu cầu chính xác.

Con người hãy còn trẻ này, mà cuộc sống đã hun đúc nên kinh nghiệm, có thể nói cùng một lò với những người bạn chiến đấu ưu tú nhất của tôi. Tâm hồn đầy ắp đam mê nước Pháp, tin tưởng rằng chủ nghĩa de Gaulle không những là công cụ chiến đấu mà còn là động lực của cả một sự đổi mới và nhà nước rồi sẽ sáp nhập vào Nước Pháp Tự Do, ông khao khát những công trình vĩ đại. Nhưng ông cũng là một con người biết phê phán và ngắm nhìn sự vật và con người như sự vật và con người vốn có. Vở ông lần bước trên con đường đầy dẫy những chạm bẩy do đối phương giăng ra và những chướng ngại vật do bạn bè dựng lên. Là con người của lòng tin và sự

tính toán, không ngăn ngại bất luận điều gì và thách thức tất cả, là tông đồ đồng thời là bộ trưởng, trong 18 tháng Moulin phải hoàn thành một nhiệm vụ cốt yếu. Cuộc kháng chiến trên chính quốc tới giờ chỉ mới thể hiện một sự thống nhất tượng trưng, ông sẽ đưa nó tới một sự thống nhất thực tiễn. Sau đó, bị phản bội, bị bắt làm tù binh, bị tra tấn khủng khiếp bởi một kẻ thù không danh dự, Jean Moulin sẽ chết cho nước Pháp, như bao chiến sĩ ưu tú, ngoài ánh sáng hay trong bóng tối, đã hy sinh một buổi chiều dai dẳng và trống rỗng để “lấp đầy buổi bình minh của họ”.

Chúng tôi đã thỏa thuận để ông tác động trước tiên đến các phong trào của miền Nam để thúc đẩy họ thành lập dưới sự chủ trì của ông một tổ chức chung trực tiếp gắn vào Ủy ban Quốc gia, sẽ khẳng định sự đoàn kết, sẽ đưa ra những khẩu hiệu và giải quyết các vụ tranh chấp. Xong điều đó, ông sẽ tới miền Bắc và cố lập ra cho toàn lãnh thổ một hội đồng giải phóng gắn với Nước Pháp Chiến Đấu. Nhưng ngay khi đặt một tổ chức ở trên tất cả những người tham gia cuộc chiến đấu tại chính quốc, hai vấn đề đặt ra: vấn đề các đảng phái chính trị và vấn đề các lực lượng quân sự trong nước.

Vì muốn hội đồng tương lai này khoác tính cách đại diện chứ hoàn toàn không phải lãnh đạo, đó là điều tôi mong muốn và đích thực cơ sự sẽ diễn ra như thế, và tôi không định loại các đảng phái ra khỏi hội đồng. Phải có họ, đó là điều không thể tránh khỏi. Vả chăng, theo tôi, những nỗi bất hạnh của chúng tôi đã ập tới, không phải từ sự tồn tại của họ, mà từ việc, nhờ những cơ chế suy tàn, họ chiếm quá nhiều thẩm quyền công cộng. Do đó, trong khi vẫn dành chỗ cho họ, giờ đây tôi không muốn họ chiếm lĩnh cuộc kháng chiến. Tóm lại kháng chiến không hề bắt nguồn từ tinh thần lẫn hành động của đảng phái, bởi tất cả các đảng phái, không trừ đảng nào, đều đã không làm đã không làm đầy đủ bốn phận trong khoảnh khắc quyết định. Nhưng bị choáng vì thảm họa hôm qua, giờ đây họ bắt đầu trấn tĩnh lại. Trong khi vẫn gia nhập các phong trào kháng chiến, một số trong các phần tử của họ đã tập hợp trở lại trong các khuôn khổ trước đây.

Điều chính xác là khi không còn người để tôn vinh, mưu mô để thực hiện, chức bộ trưởng để mặc cả, họ tin và cho mọi người tin rằng họ trở về với những cội nguồn cao quý nơi họ xuất phát: mong muốn công bằng xã

hội, tôn thờ những truyền thống dân tộc, tinh thần thể tục, nhiệt tình cơ đốc giáo. Các tổ chức riêng biệt của họ, đã được thanh lọc kỹ, dường như chỉ muốn mang tới cuộc chiến đấu một sự đóng góp ngay tức khắc đồng thời động viên một xu hướng nào đó của dư luận. Và chẳng dư luận phần nào lại nhạy cảm với sự khôn khéo của các phe nhóm quen thuộc này, càng hơn thế khi họ chối bỏ những sai lầm của họ. Cuối cùng, các nước đồng minh vẫn chú ý tới thái độ của những người thuộc đảng phái. Để xây dựng sự đoàn kết dân tộc, đó là những sự kiện mà tôi không thể không biết tới. Vậy là tôi ra lệnh cho Moulin đưa vào hội đồng sắp thành lập những đại biểu của các đảng phái bên cạnh đại biểu của các phong trào.

Nếu tôi tính đến chuyện đem lại sự thống nhất trong hành động chính trị thì đó cũng là điều tôi mong muốn trong hành động quân sự. Về phương diện này, khó khăn đầu tiên đến từ bản thân các phong trào đã tuyển mộ các nhóm chiến đấu và muốn giữ riêng các nhóm này cho họ. Và chẳng, không kể vài vùng núi non hoặc có cây cối rậm rạp, các nhóm này chỉ tồn tại bằng những nhúm người lẻ tẻ. Tình hình là như thế, đặc biệt tại các vùng du kích hình thành chủ yếu từ những người trốn lính, luôn luôn phải bám sát chiến dịch. Hình thái chiến tranh duy nhất trông đợi từ đó là du kích. Nhưng loại chiến tranh này có thể mang lại hiệu quả to lớn khi những hành động chi tiết của nó thuộc một toàn thể chặt chẽ. Để các bộ phận khác nhau của nó hoạt động một cách tự chủ, vấn đề là kết nối họ với nhau bằng một cái nền uyển chuyển và hiệu quả trực tiếp gắn vào tôi. Như vậy, dưới hình thức những kế hoạch lập ra với sự nhất trí của bộ chỉ huy đồng minh, có thể ấn định cho họ những mục tiêu theo đó họ có thể hành động tùy tình hình và đặc biệt khi cuối cùng diễn ra cuộc đổ bộ của các đạo quân. Tôi giao cho Moulin trách nhiệm đưa các phong trào tới sự kết hợp cơ bản các đơn vị quân đội của họ. Tuy nhiên, tôi còn phải đợi nhiều tháng mới có thể lập ra một bộ chỉ huy quân đội bí mật với Tướng Delestraint.

Jean Moulin đã được thả dù xuống miền Nam trong đêm 1 tháng Giêng. Ông mang theo lệnh của tôi đặt định ông làm người được tôi ủy quyền tại vùng không bị chiếm đóng của chính quốc và giao ông trách nhiệm bảo đảm sự thống nhất hành động của các đơn vị kháng chiến. Từ sự

kiện này, trên nguyên tắc quyền hạn của ông sẽ không bị tranh cãi. Nhưng ông phải hành xử nó, còn tôi thì ủng hộ nó. Do đó như đã quyết định, tại Pháp, ông sẽ là trung tâm các mối liên lạc của chúng tôi, trước tiên với miền Nam, và ngay khi có thể, với miền Bắc; ông sẽ có trong tay những phương tiện thông tin liên lạc; những người được giao đi công tác sẽ gần với ông; ông sẽ được báo cáo về những hoạt động thuộc nhân sự, phương tiện, thư tín, được thực hiện thay cho chúng tôi từ Anh tới Pháp và ngược lại; cuối cùng ông sẽ nhận và phân phối những món tiền chúng tôi gửi cho các tổ chức hoạt động tại chính quốc. Vậy là với đầy đủ quyền hạn, Moulin đã bắt tay vào việc.

Dưới sự thúc giục của ông và với sự đồng tình của cơ sở, những người lãnh đạo các phong trào tại miền Nam sớm hình thành một thứ hội đồng mà người đại diện của Ủy ban quốc gia có trách nhiệm chủ trì. Tháng Ba, họ công bố dưới nhan đề: Một cuộc chiến đấu duy nhất, một lãnh tụ duy nhất, một tuyên ngôn chung cam kết sự thống nhất hành động dưới quyền Tướng de Gaulle. Lệnh bắt đầu chi phối nhiều hoạt động khác nhau. Về phương diện bán quân sự, chúng tôi chuẩn bị sự hợp nhất. Cùng lúc, với sự giúp đỡ của chúng tôi, Moulin tổ chức những phòng, ban tập trung dưới quyền của mình.

Chính nhờ thế mà ban “hoạt động hàng không và đường biển” đã nhận trực tiếp từ đại tá Dewavrin những hướng dẫn liên quan tới việc đi đi, lại lại của máy bay và tàu biển. Hàng tháng, vào những đêm trăng, những chiếc Lysanders hoặc máy bay ném bom do các phi công như Laurent và Livry-Levey với nhiều thành tích táo bạo, vẫn đáp xuống những vùng đất đã chọn. Nhiều người đã liều mạng để bảo đảm việc phát tín hiệu, việc đón nhận hoặc đưa lên tàu những hành khách và phương tiện, việc bảo vệ tất cả mọi thứ và tất cả mọi người. Thường khi đó là những thùng hàng được thả dù xuống những điểm xác định, vấn đề là đón nhận, che giấu và phân phối chúng. “Ban phát nhanh” mà Julitte đã bước đầu tổ chức tại chỗ, cũng đã hoạt động dưới quyền của người được ủy nhiệm, chuyển tới London và nhận mỗi tháng hàng trăm và sau đó hàng ngàn bức điện, di chuyển không ngừng các trạm thu thanh bị kẻ thù phát hiện bằng máy thăm dò và dần dần

lấp đầy những mất mát to lớn. Moulin cũng đã lập ra “Phòng thông tin và báo chí” do Georges Bidault điều khiển, cho chúng tôi biết về trạng thái tinh thần, đặc biệt trong các giới trí thức, về hoạt động xã hội và về chính trị. “Ủy ban nghiên cứu” trực thuộc người được ủy nhiệm với Bastid, Lacoste, de Menthon, Parodi, Teitgen, Courtin, Debré, có nhiệm vụ xây dựng những dự án tương lai. Thay mặt cho người được ủy nhiệm, Bloch-Lainé điều khiển các hoạt động tài chánh và thu các món tiền nhận được từ London. Vậy là Moulin đã nắm trong tay những cơ quan cốt yếu và thật sự cho thấy hành động của chính phủ chúng tôi. Ngay những tháng đầu năm 1942, nhiều người chứng kiến đến từ Pháp đã cung cấp cho chúng tôi những bằng cớ về điều này.

Như Rémy, ông từ Paris trở lại trong một đêm tháng Hai và mang về cho các cơ quan của chúng tôi nhiều tập tài liệu và cho vợ tôi một cây lê quyen trong chậu mua tại đường Royale. Mạng lưới “Hội Đức bà” của ông hoạt động mạnh. Chẳng hạn, không một chiếc tàu Đức nào ghé qua hoặc rời Brest, Lorient, Nantes, Rochefort, La Rochelle, Bordeaux mà London không được báo trước bằng điện tín. Không một công trình xây dựng nào của quân thù trên bờ biển Manche hoặc Đại Tây Dương, đặc biệt tại những căn cứ tàu ngầm, mà chúng tôi không biết địa điểm và kế hoạch. Ngoài ra Rémy đã tổ chức một cách có phương pháp những cuộc tiếp xúc, hoặc với các mạng lưới khác, hoặc với các phong trào của vùng tạm chiếm, hoặc với những người cộng sản. Gặp ông trước lúc lên đường, những người cộng sản đã yêu cầu ông nói với tôi rằng họ đã sẵn sàng theo lệnh tôi và gửi một người được ủy nhiệm tới London để tôi sử dụng.

Tháng Ba, Pineau, một trong những nhà lãnh đạo của phong trào “Giải phóng – miền Bắc” và là người được tin nhiệm của các nhà hoạt động nghiệp đoàn, đã tới làm việc thật bổ ích với chúng tôi trong ba tháng. Vào tháng Tư, Emmanuel d’Astier tới với đầy đủ những dự án và cả những tính toán, và tôi nghĩ trước khi trở về Pháp ông cần mang tới Hoa Kỳ những lời giải thích rõ ràng trực tiếp về vấn đề kháng chiến. Tiếp đến, Brossolette đến với chúng tôi, ông đưa ra nhiều ý tưởng phong phú và vươn tới những bình diện cao nhất của tư tưởng chính trị, ông đo lường vực thẳm của nước Pháp

trong tận những chiều sâu của nó và chỉ chờ đợi sự phục hưng từ “chủ nghĩa de Gaulle” mà ông xây dựng thành học thuyết. Ông sẽ gây cảm hứng rộng rãi cho hoạt động trong nước của chúng tôi. Rồi một ngày nọ, trong một nhiệm vụ, rơi vào tay kẻ thù, ông đã tự kết liễu đời mình để tránh rơi vào chỗ yếu đuối. Roques cũng đã tới, mang theo thông điệp của một số nghị sĩ. Sau đó, ông đã bị bắt và bị bắn. Tới lượt Paul Simon lên bờ, từ vùng tạm chiếm, ông được “Tổ chức dân quân” gửi tới để tạo mối liên lạc. Bằng lý trí nóng rực và sự kiên quyết lạnh lùng, Simon làm cho công việc trở nên rạch ròi. Ông sẽ bị kẻ thù giết vào hôm trước ngày giải phóng. Cuối cùng, Philip, Charles Vallin, Viénot, Daniel Mayer, và nhiều người khác nữa, đã yêu cầu được lên đường đi London.

Những cuộc trao đổi với những con người hầu hết còn trẻ tuổi sôi sục nhiệt tình và căng thẳng trong chiến đấu và khát vọng đó đã góp phần cho tôi thấy trong tinh thần của nhân dân Pháp, cái chế độ họ phải chịu đựng trong lúc thảm họa đã lung lay tới đâu. Cuộc kháng chiến không chỉ là sự bột phát của công cuộc phòng thủ thu hẹp tới mức cuối cùng của chúng tôi. Nó còn khơi dậy niềm hy vọng đổi mới. Miễn là sau chiến thắng nó không bị phân tán, chúng tôi có thể hy vọng nó trở thành đòn bẩy cho một cuộc thay đổi chế độ sâu sắc và một nỗ lực lớn lao của dân tộc. Gặp các thủ lĩnh của nó đến theo lời kêu gọi của tôi, tôi nghĩ có thể những người sống sót trong bọn họ sẽ hình thành quanh tôi ê kíp lãnh đạo một sự nghiệp vĩ đại của con người và của nước Pháp. Nhưng điều này chỉ có thể thực hiện với điều kiện là một khi thảm họa kết thúc, họ vẫn chấp nhận thứ kỷ luật của tinh thần và tham vọng kia mà nếu không có thì không gì đáng kể nữa, thứ kỷ luật một lần đã tập hợp họ bên nhau.

Dù sao đã tới lúc, trong sự nhất trí của toàn bộ cuộc kháng chiến và nhân danh nó, tôi phải công bố mục tiêu mà chúng tôi muốn đạt tới. Mục tiêu này là giải phóng trong ý nghĩa đầy đủ nhất của từ ngữ, tức là giải phóng con người cũng như tổ quốc. Tôi làm điều đó dưới hình thức một bản tuyên ngôn được chấp nhận tại Ủy ban quốc gia sau khi đã thu thập, tại Pháp, ý kiến của các phong trào và người được ủy nhiệm. Trong bản tuyên ngôn đó, tôi tuyên bố rằng tự do, phẩm cách, an ninh, mà chúng tôi quyết

bảo đảm cho nước Pháp trên thế giới bằng cách đè bẹp quân thù, chúng tôi muốn làm thế nào để mỗi người, nam cũng như nữ trên đất nước chúng tôi có thể giành được chúng trong cuộc sống của mình bằng cách thay đổi chế độ xấu xa đã từ chối chúng với nhiều người. “Chế độ đạo đức, xã hội, chính trị, kinh tế này đã bước xuống trong sự bại trận,” tôi lên án nó cùng lúc với “chế độ bước ra từ một sự đầu hàng đầy tội lỗi.” Và tôi khẳng định: “Trong lúc nhân dân Pháp đoàn kết để đi tới chiến thắng, họ tập hợp cho một cuộc cách mạng.” Bản tuyên ngôn đã được công bố ngày 23 tháng Sáu năm 1942, trên tất cả tờ báo bí mật tại hai miền, cũng như trên đài phát thanh Brazzaville, Beyrouth và London.

Chính những điều kiện hành động đó tại chính quốc đã buộc tôi, trong giai đoạn này, phải duy trì tại London trụ sở của Ủy ban quốc gia. Tuy nhiên, tôi vẫn thường có ý nghĩ đặt nó trên lãnh thổ Pháp, chẳng hạn tại Brazzaville. Đó là tình hình, đặc biệt mỗi khi một cuộc khủng hoảng chợt xảy ra trong các mối quan hệ của chúng tôi với nước Anh. Nhưng bấy giờ tôi phải trả lời cho chính mình: “Làm sao từ tận cùng châu Phi liên lạc với tổ quốc, nói cho mọi người nghe tôi từ tổ quốc, tác động lên cuộc kháng chiến? Trái lại tại Anh sẵn có những phương tiện thông tin và liên lạc mong muốn. Mặt khác, nỗ lực ngoại giao bên cạnh các chính phủ đồng minh bao hàm các mối quan hệ, một bầu không khí, mà thủ đô nước Anh mang lại chúng tôi và là điều cố nhiên chúng tôi thiếu bên bờ sông Congo. Cuối cùng, tôi phải duy trì việc tiếp xúc với các lực lượng của chúng tôi vốn chỉ có để đặt căn cứ trên các hòn đảo Anh.”

Do đó mà sau chuyến trở về từ Trung Đông, tôi quyết định nơi ở của mình tại London. Tôi sẽ ở lại đây trong mười tháng.

Lúc này, tôi nhìn lại cuộc đời mình. Có thể nói là nó đầy đặn. Để thêm phần đơn giản, tôi ở tại khách sạn Connaught. Ngoài ra tôi đã thuê, ban đầu tại Ellesmere trong vùng Shropshire, sau đó tại Berkhamsted gần thủ đô, một ngôi nhà miền quê nơi tôi qua những kỳ nghỉ cuối tuần với vợ tôi và Anne, con gái của chúng tôi. Tiếp đến, chúng tôi sẽ dọn tới London trong khu phố Hampstead. Sau khi tốt nghiệp trường hải quân, Philippe lái tàu và chiến đấu tại Đại Tây Dương, trên tàu hộ tống Roselys, sau đó tại biển

Manche với tư cách phó thuyền trưởng tàu phóng ngư lôi 96. Elisabeth đang trọ học tại Dames de Sion, sẵn sàng theo các giáo trình tại Oxford. Quanh chúng tôi, dân chúng vẫn giữ một vẻ kín đáo nhiều thiện cảm. Những biểu lộ càng sôi nổi bao nhiêu khi tôi công khai xuất hiện trước công chúng, thái độ của người Anh càng dè dặt và tử tế bấy nhiêu khi họ trông thấy tôi cùng với gia đình đi trên một con đường, dạo quanh một công viên, bước vào một rạp chiếu phim. Do đó mà tôi có thể kiểm nghiệm rằng trong dân tộc vĩ đại này, mỗi người đều tôn trọng tự do của kẻ khác.

Một ngày của tôi thường trôi qua tại Carlton Gardens. Chính tại đây mà Francois Coulet, đã trở thành chánh văn phòng từ khi Courcel lên đường đi Libye chỉ huy một đại đội xe tăng có trang bị súng máy, và Billote, tham mưu trưởng của tôi, thay cho Petit giờ đây đang công tác tại Moscou, và cho Ortoli đang chỉ huy tàu tuần tra Triomphant, những người này có bốn phận trình cho tôi những bản tường thuật, thư từ và điện thư. Chính tại đây Soustelle lập cho tôi bản tin trong ngày, Passy-Dewavrin mang đến tôi những báo cáo từ Pháp, Schumann lãnh chỉ thị về những điều ông sẽ nói trên đài phát thanh. Chính tại đây tôi giải quyết các vụ việc với các ủy viên quốc gia và các trưởng cơ quan, tiếp khách hoặc những người được triệu tập, đưa ra mệnh lệnh và chỉ thị, ký các sắc lệnh. Thường khi bữa ăn sáng, và đôi khi bữa ăn tối, là cơ hội tôi gặp gỡ các nhân vật đồng minh hoặc những người Pháp mà tôi cần trao đổi. Còn việc soạn thảo các bài phát biểu, tôi làm tại nhà, buổi tối hoặc ngày Chủ nhật. Dù sao tôi cố gắng để không ngăn trở hoạt động của các cơ quan bằng một thời khóa biểu không được sắp xếp tốt. Trên nguyên tắc tại Carlton Gardens người ta không làm việc ban đêm, trừ phi tại phòng mật mã.

Ngoài ra tôi còn phải nhiều lần đi thăm viếng bên ngoài. Ngoài những cuộc trao đổi với các vị bộ trưởng Anh, những hội nghị bộ tham mưu, những buổi lễ mà chính phủ Anh hoặc chính phủ một nước đồng minh mời tôi tới dự, nếu gặp dịp tôi vẫn tới một trong những trung tâm sinh hoạt của Pháp tại London. Học viện Pháp thật sự kết hợp ngay từ buổi đầu với con người của vị giám đốc, giáo sư Seurat, đã cung cấp cho đồng bào chúng tôi những phương tiện giảng dạy quý báu và một môi trường trí thức sinh

động. Hội đồng minh Pháp vẫn tiếp tục công trình của họ dưới sự thúc đẩy của Thémoin và của cô Salmon. Ngôi nhà của Học viện Pháp mãi cho tới buổi chiều nó bị đè bẹp dưới bom đạn cùng với Robert Cru, người quản lý của Học viện, vẫn cung cấp cho chúng tôi những tư liệu cần thiết. Hội Bạn của những người tình nguyện Pháp, sự tập hợp dưới quyền điều khiển của Huân tước Tyrell, Huân tước de la Warr, Huân tước Ivor Churchill, gồm hầu hết người Anh, và tại Écosse, Ủy ban phối hợp của Nước Pháp Chiến Đấu, dưới sự chủ trì của Huân tước Inverclyde, luôn dành cho các chiến binh của chúng tôi một sự giúp đỡ thông minh và hào phóng. Phòng thương mại Pháp đóng vai trò của mình trong những cuộc trao đổi với vương quốc Anh và các lãnh thổ đồng minh. Trung tâm tiếp nhận của Nước Pháp Tự Do vẫn đón người từ Pháp tới. “Bệnh viện Pháp” săn sóc nhiều người bị thương của chúng tôi. Bằng cách kết hợp với các cơ quan trên, tôi nhằm siết chặt, tại Anh như đã làm ở nơi khác, tình đoàn kết dân tộc.

Hội người Pháp tại vương quốc Anh tích cực giúp tôi trong việc này. Đặc biệt qua nó chúng tôi đã tổ chức những cuộc họp quan trọng với nhiều thành phần dân sự và quân sự cho phép bản thân tôi gặp quần chúng Pháp, cho phép những người tham dự bộc lộ và nâng cao xác tín của họ, giúp chính quốc được nghe chúng tôi nhờ đài phát thanh tiếp phát những bài diễn văn và những hoạt động trong buổi họp. Ngày 1 tháng Ba năm 1941 tại Kingsway Hall, trước nhiều nghìn người nghe, tôi đã xác định sứ mệnh của chúng tôi và khẳng định những hy vọng của chúng tôi. Ngày 15 tháng Mười một, giữa cử tọa lấp đầy cả Albert Hall, tôi long trọng trình bày ba điều khoản của chính sách chúng tôi:

Điều khoản 1, là tham chiến, tức là tạo cho nỗ lực Pháp trong cuộc xung đột sự phát triển tối đa và sức mạnh tối đa... Nhưng nỗ lực này, chúng ta chỉ có thể thực hiện được với lời kêu gọi tới nước Pháp và để phục vụ nước Pháp.

Rồi, lên án cùng lúc chế độ trước chiến tranh và chế độ Vichy, tôi tuyên bố:

Chúng ta thấy cần phải có một làn sóng giận dữ và trong lành từ tận cùng đất nước dâng lên và quét sạch những căn cơ của thảm họa lẫn lộn với

mớ hỗn tạp xây dựng trên sự đầu hàng. Chính vì thế mà điều khoản 2 của chính sách chúng ta là trả lại tiếng nói cho nhân dân ngay khi các biến cố sẽ cho phép họ bộc lộ tự do những gì họ mong muốn và những gì họ không mong muốn.

Cuối cùng, bằng điều khoản 3, tôi vạch ra những nền tảng mà chúng tôi muốn tạo cho các thể chế được đổi mới của nước Pháp:

Các nền tảng này, được xác định bằng ba khẩu hiệu của Nước Pháp Tự Do. Chúng ta nói: “Danh dự và Tổ quốc”, điều này có nghĩa là đất nước chỉ có thể hồi sinh bằng chiến thắng và tồn tại trong sự tôn thờ chính uy thể của mình. Chúng ta nói: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” bởi ý chí của chúng ta vẫn muốn trung thành với những nguyên tắc dân chủ. Chúng ta nói: “Giải phóng” bởi nếu nỗ lực của chúng ta không thể kết thúc trước sự thất bại của quân thù, nó phải mang lại cho mỗi người Pháp, như đây là thành quả, một điều kiện để sống và làm việc trong phẩm giá và an toàn.

Bằng cảnh tượng của sự cảm động và những tiếng gào thét như bão táp, cử tọa đã đưa ra một sự chứng minh vang xa tới bên kia những bức tường vây quanh Albert Hall.

Những buổi họp như thế rất hiếm. Trái lại tôi thường đi thăm những người tình nguyện của chúng tôi nhân một cuộc thị sát quân đội. Các lực lượng, bộ binh, hải quân, không quân của chúng tôi, dù thu nhỏ và phân tán và được thành lập từ manh mún, giờ đây họ đã làm nên một toàn thể chặt chẽ không ngừng củng cố. Kế hoạch tổ chức mà tôi đã xác định năm 1942 với các ủy viên Chiến tranh, Hải quân và Không quân, đang được thực hiện như đã dự kiến. Tôi tin chắc vào nó khi thăm các đơn vị của chúng tôi đặt căn cứ tại vương quốc Anh. Bấy giờ mọi người trông thấy sát sao người họ gọi là “anh Charles” và bằng cái nhìn, thái độ, sự nhiệt tình trong thao diễn, bày tỏ lòng tôn trọng một sự gắn bó sẽ không bao giờ thỏa hiệp.

Với quân đội khiêm tốn của chúng tôi đang chiến đấu tại châu Phi và phương Đông, chỉ có những trung tâm huấn luyện trên đất Anh. Nhưng những trung tâm này vẫn đào tạo một phần lớn cán bộ. Tại trại Camberly, Đại tá Renouard đã trình diện với tôi tiểu đoàn kỵ binh, nhóm pháo binh, đại đội thiết giáp, phân đội công binh, đơn vị truyền tin, từ nơi này cứ mỗi

sáu tháng lại cho ra nhiều người có cấp bậc và nhiều người chuyên môn. Tôi tới bãi của pháo binh đã đưa vào sử dụng, theo lệnh của thiếu tá Boutet những công cụ và phương tiện của Pháp mới đây đã được đưa tới Anh bởi ban bộ cơ sở của cuộc viễn chinh Na Uy hoặc các tàu chiến từ Pháp tới trong lúc xảy ra cuộc xâm lược. Vũ khí, quân nhu, xe cộ, đã được gửi đi để trang bị cho những đợt huấn luyện mới, kết hợp với phương tiện được cung cấp bởi người Anh theo hiệp ước ngày 7 tháng Tám năm 1940, hoặc bởi người Mỹ theo đạo luật Lend-Lease. Các cuộc thương thảo và các biện pháp thực hiện, mà nhiệm vụ cốt cán này đòi hỏi, thuộc phần vụ của Ban vũ trang. Ban này đã làm tròn mọi việc dưới sự chỉ huy của Đại tá Morin cho tới ngày vị sĩ quan xuất sắc này hy sinh trên máy bay trong một sứ mạng nơi xa xôi. Thiếu tá Hirsch sẽ là người kế tục ông. Tại London đôi khi tôi chào hỏi Đại đội những người tình nguyện Pháp với người đại đội trưởng là cô Terré, sau bà Mathieu, đã huấn luyện các cô gái giỏi giang trong các việc làm người lái xe, y tá, thư ký. Thỉnh thoảng tôi cũng đến thăm đoàn “Học sinh sĩ quan Pháp tự do” tại Malvern, rồi tại Ribbersford. Năm 1940, tôi đã lập ra trường học của các cháu dành cho sinh viên và học sinh đến nước Anh. Sau đó chúng tôi đã biến trường này thành một trung tâm huấn luyện cấp chuẩn úy. Thiếu tá Baudoin điều hành trường học sinh sĩ quan. Năm khóa đã tốt nghiệp trường này tức là tổng cộng hai trăm mười một phân đội trưởng hoặc trung đội trưởng; năm mươi hai người sẽ hy sinh dưới tay quân thù. Không gì gây phẫn chấn cho người lãnh đạo những người của phong trào Nước Pháp Tự Do bằng việc tiếp xúc với lớp người trẻ này, niềm hy vọng thêm vào vinh quang bị che mờ của nước Pháp.

Trong lúc những đơn vị thuộc các lực lượng bộ binh đồn trú tại Vương quốc Anh lo huấn luyện các thành phần để đi chiến đấu ở chỗ khác, chính từ các hải cảng Anh mà các lực lượng hải quân của chúng tôi dự phần vào trận địa giao thông liên lạc trên Đại Tây Dương, biển Manche, biển Bắc, biển Arctique. Muốn làm công việc đó, chúng tôi phải lợi dụng các căn cứ của đồng minh. Quả thật không ở nơi nào chúng tôi có được phương tiện riêng để sửa chữa, bảo dưỡng, tiếp tế cho tàu bè của chúng tôi. Huống hồ chúng tôi không thể trang bị những phương tiện mới cho chúng: phòng thủ

chống máy bay, máy dò, ra đa, v.v... theo đòi hỏi của cuộc chiến đấu ngày càng tiến triển. Cuối cùng trên phạm vi hoạt động hải quân rộng lớn mà nước Anh là trung tâm, cần phải có sự thống nhất các nỗ lực về mặt kỹ thuật và chiến thuật.

Chính vì thế mà nếu những tàu chiến chúng tôi trang bị hoàn toàn thuộc về chúng tôi, bất chấp nguồn gốc của chúng, nếu chúng chỉ giương cờ tam tài, nếu các bộ tham mưu và đoàn thủy thủ không áp dụng một kỷ luật nào khác ngoài kỷ luật Pháp, nếu chúng chỉ thi hành nhiệm vụ theo lệnh những người chỉ huy, tóm lại nếu hải quân của chúng tôi có tính cách thuần túy quốc gia, chúng tôi vẫn chấp nhận, trong việc sử dụng, họ thuộc toàn thể hoạt động hải quân dưới sự lãnh đạo của người Anh, ngoại trừ những giai đoạn chúng tôi buộc phải trực tiếp điều động họ. Tóm lại, ở đây, hải quân chúng tôi thuộc một hệ thống tuyệt vời về mặt khả năng, kỷ luật, hoạt động, tác động lên chính giá trị của họ. Về phần họ, người Anh cũng đánh giá cao sự hợp tác này và dành cho các lực lượng hải quân Pháp tự do một sự giúp đỡ rộng rãi về vật chất. Các xưởng cơ giới của họ, các tổ chức của họ, luôn tìm cách tạo điều kiện hoạt động và chi cấp cho tàu bè của chúng tôi, bất chấp những dị biệt về kiểu mẫu và trang bị. Những dụng cụ mới mà hải quân Anh sử dụng đều được cung cấp không chậm trễ cho hải quân của chúng tôi. Nhiều tàu mới, tàu hộ tống và tàu tuần tra, sau này tàu hộ tống chống tàu ngầm, tàu khu trục, tàu ngầm, đã được trao tặng cho chúng tôi ngay khi được đóng xong. Nếu đoàn tàu khiếm tốn của chúng tôi thành công trong vai trò của nó và bảo vệ danh dự nghề binh của Pháp trên mặt biển, đó là nhờ sự giúp đỡ của đồng minh cũng như công lao của lính thủy chúng tôi.

Tôi nhận ra điều đó trong mỗi lần đi thăm một trong những bộ phận của nó tại Greenock, Portsmouth, Cowes, Dartmouth. Do đặc tính của cuộc chiến đấu, và do quân số hạn hẹp, chúng tôi chỉ trang bị những chiếc tàu nhỏ. Nhưng bao giờ cũng vậy, trên những chiếc tàu của Nước Pháp Tự Do, chúng tôi luôn đẩy nỗ lực tới giới hạn của cái khả hữu.

Cố nhiên chúng tôi đã trang bị trước tiên những chiếc tàu đến từ Pháp. Vào mùa xuân 1942, trong số năm chiếc tàu ngầm của chúng tôi, còn lại

các chiếc Rubis, Minerve và Tunon đã tấn công các tàu chiến, đặt mìn, đổ bộ lính đặc công, trên các vùng biển Na Uy, Đan Mạch, Pháp; chiếc Narval đã biến mất gần Malte vào tháng chạp năm 1940; chiếc Surcouf mất cả tàu lẫn hàng vào tháng hai năm 1942. Các tàu khu trục Triomphal và Léopard, các tàu phóng ngư lôi Melpomène và Bouclier, trong nhiều tháng rông, đã hộ tống các đoàn tàu trên đại dương và trên biển Manche. Rồi tàu Triomphant lên đường đi Thái Bình Dương, tàu Léopard tới Nam Phi; sau đó nó sẽ bảo đảm sự gia nhập của đảo Réunion; cuối cùng nó bị chìm trước Tobrouk. Tàu Melpomène đã tới biển Bắc. Tàu Bouclier đã trở thành một trong những chiếc tàu huấn luyện của chúng tôi. Trong số năm chiếc tàu hộ tống thì ba chiếc: Savorgnan-de-Brazza, Commandant Duboc, Commandant Dominé đi lại tuần tra tại các bờ biển châu Phi; tàu Moqueuse giúp bảo vệ các tàu chở hàng trên biển Ai-len; tàu Chevreuil tuần tra ngoài khơi Nouméa tại châu Đại Dương, và ngày 27 tháng năm 1942 đã đưa các đảo Wallis-et-Futuna gia nhập Nước Pháp Tự Do. Hai tàu vớt mìn Congre và Lucienne-Jeanne làm công việc vất vả của chúng nơi lối vào các hải cảng của Anh. Mười máy bay tiêm kích tàu ngầm góp phần bảo vệ các tàu chở hàng của đồng minh giữa Carnouaille và Pas-de-Calais. Chúng chỉ còn lại tám chiếc, bởi hai chiếc giờ đây đã nằm dưới đáy biển. Sáu tàu tuần tra kéo lưới được đưa vào hoạt động: chiếc Poulmic bị đánh chìm trước Plymouth vào tháng mười một 1940; chiếc Viking bị đánh chìm ngoài khơi Tripolitaine vào tháng tư năm 1942; các chiếc Vaillant, Président Honduce, Reine des Flots, vẫn tiếp tục “cọ sạch” các biển; chiếc Léonille được dùng làm nhà kho cho hàng hải thương mại. Tàu tuần tra hỗ trợ Cap des Palmes làm con thoi giữa Sydney và Nouméa. Bốn tàu cơ sở: Ouragan, Amiens, Arras, Diligente bổ sung cho “đơn vị hải quân” ở Greenock và nhà kho các đoàn thủy thủ Bir-Hakeim tại Plymouth nơi các thủy thủ của chúng tôi được huấn luyện. Tàu bọc sắt Courbet cũ kỹ là một trung tâm chuyển tiếp các tân binh, một nhóm xưởng, một nhà kho chứa đạn dược và đồ tiếp tế; buồm neo tại vũng tàu Portsmouth, nó yểm trợ bằng pháo việc phòng thủ hải cảng lớn.

Nhiều chiếc tàu khác, do người Anh cung cấp, thuộc đoàn tàu khiếm tốn của chúng tôi. Đó trước tiên là những chiếc tàu hộ tống đóng từ thời kỳ đầu cuộc chiến tranh để bảo vệ các đoàn tàu và không ngừng giữ gìn mặt biển giữa Anh, Islande, Terre-Neuve và Canada. Chín chiếc được trao cho chúng tôi: chiếc Alysse bị đánh chìm trong lúc chiến đấu vào tháng Ba 1942, chiếc Mimosa bị đánh chìm ba tháng sau với thuyền trưởng tàu hộ tống Birot trên tàu đang chỉ huy đơn vị thân yêu; các chiếc Aconit, Lobelia, Roselys, Renoncule, Commandant d'Estienne d'Orves, Commandant Drogou, Commandant Détroyat. Tiếp đến là tám chiếc tàu tuần tra phóng ngư lôi của đội tàu 28 chạy ngang dọc trên biển Manche để tấn công các tàu chở hàng của quân thù men theo bờ biển Pháp và các tàu chiến hộ tống chúng. Và sau cùng là tám xuồng máy lớn hình thành đội tàu 20 và yểm trợ các máy bay tiêm kích của chúng tôi trên biển Manche. Ngoài ra chúng tôi chuẩn bị bảo đảm việc trang bị cho những chiếc tàu hoàn toàn mới. Trong số các tàu hộ tống chống tàu ngầm bắt đầu ra khỏi các xưởng tàu của Anh, nhiều chiếc vừa hạ thủy đã được các nước đồng minh trao tặng cho chúng tôi. Chúng tôi giữ lại bốn chiếc: tàu Découverte, tàu Aventure, tàu Surprise, tàu Croix de Lorraine. Chúng tôi cũng được dành cho tàu phóng ngư lôi Combattante, các tàu ngầm Curie và Doris vừa đóng xong. Chúng tôi còn mong muốn được nhiều chiếc khác nữa sẽ làm tăng tổng số những tàu ngầm, những tàu chở hàng, những tàu hộ tống thù địch mà các tàu chiến của chúng tôi đánh chìm được, những máy bay mà chúng bắn hạ được. Nhưng chính vì thiếu nhân sự, không vì thiếu tàu bè mà khối lượng và vai trò của chúng tôi bị hạn chế.

Tháng Sáu năm 1942, 700 lính thủy của Nước Pháp Tự Do đã hy sinh cho nước Pháp. Các lực lượng hải quân của chúng tôi gồm 36.000 lính thủy trên tàu. Thêm vào đó các tiểu đoàn lính mang súng trường do Amyot chỉ huy từ khi Détroyat hy sinh trên chiến trường. Thêm vào đó còn các thành phần biệt lập của hàng không hải quân vì không thể lập thành một đơn vị nên phục vụ trong không quân. Thêm vào đó, cuối cùng còn có đội đặc công được huấn luyện tại Anh dưới quyền của đại úy hải quân Kieffer. Vào tháng Năm, tôi đã thu xếp, với Huân tước Đô đốc Mountbatten chịu trách

nhệm phía người Anh về “những hoạt động phối hợp”, các điều kiện về việc sử dụng đội quân rất kiên quyết này. Vậy là họ sẽ sớm tham gia những trận đánh úp trên bờ biển Pháp.

Một nửa các quân số này đã được tuyển mộ từ các đơn vị hải quân hiện diện tại Anh năm 1940. Tại Gabon, tại vùng Levant, một số về với chúng tôi sau khi đã chiến đấu chống lại chúng tôi. Đó cũng là trường hợp đoàn thủy thủ của tàu ngầm Ajax bị đánh chìm trước Dakar, của tàu ngầm Poncelet bị đục thủng đáy để đánh chìm trước Port-Gentil, của tàu hộ tống Bougainville mà chúng tôi buộc phải đình chỉ hoạt động tại vùng tàu Libreville. Vài đơn vị tại ngũ thỉnh thoảng vẫn đến với chúng tôi từ chính quốc, từ Bắc Phi, từ Alexandrie, từ quần đảo Antilles, từ Viễn Đông. Hải quân tuyển mộ tất cả những gì có thể từ giới trẻ Pháp tại Anh, tại Mỹ, tại vùng Levant, tại Ai Cập, tại Saint-Pierre. Cuối cùng các tàu hàng cung cấp cho các lực lượng hải quân một phần nhân sự rộng rãi của chúng.

Với ông ủy viên Hải quân vấn đề khó khăn nhất là lập ra các bộ tham mưu của những chiếc tàu. Chúng tôi buộc phải cấu tạo họ từ những thành phần thật linh tinh, nếu không nói là tạp nham, và đẩy lùi mọi quy luật chuyên môn. Chúng tôi chỉ có ít sĩ quan tại ngũ. Do đó chúng tôi phải đào tạo những người trẻ từ đó. Dưới quyền điều khiển của các thuyền trưởng tàu hộ tống chống tàu ngầm Wietzel và Gayral, chỉ huy trưởng liên tiếp của “đơn vị nhà trường”, Trường hải quân của Nước Pháp Tự Do tích cực hoạt động trên tàu Président Théodore Tissier và các tàu buồm Étoile và Belle Poule. Từ đó tám mươi chuẩn úy tốt nghiệp trong bốn khóa sẽ cống hiến cho hải quân Pháp thiên hướng của họ, được tôi luyện ngay từ buổi đầu trong buồn phiền, chiến đấu, hy vọng. Mặt khác, các sĩ quan trừ bị, mà chúng tôi gặp trên những chiếc tàu buôn hoặc trong số nhân sự của kinh Suez, hình thành một phần lớn những cán bộ của các lực lượng hải quân chúng tôi. Hai trăm chuẩn úy được tuyển lựa theo cách này đã làm nhiệm vụ trực ban trên các tàu hộ tống chống tàu ngầm, tàu hộ tống, tàu khu trục, tàu tuần tra, tàu kéo lưới, tổng cộng trong hơn một triệu giờ.

Mặc dầu những phần trích đó, đội tàu buôn Pháp phục vụ phía đồng minh đã góp phần đáng kể cho các đoàn tàu của họ. Trên 2.700.000 tấn –

tức là sáu trăm sáu mươi tàu chở khách và tàu chở hàng – mà nước Pháp sở hữu vào đầu cuộc xung đột, 700.000 tấn, với một trăm bảy mươi tàu, vẫn tiếp tục nỗ lực chiến tranh sau các cuộc đình chiến. Công tác phục vụ của ngành hàng hải thương mại chúng tôi, được điều khiển bởi Malglaive và Bingen, sau đó bởi Smeyers và Andus-Farize, bảo đảm việc trang bị do các đoàn thủy thủ Pháp, một số tàu bè lớn nhất có thể. Ngoài ra họ còn can thiệp vào việc sử dụng những chiếc tàu khác thuộc phần trách nhiệm của người Anh, bấy giờ lá cờ Anh phấp phới bên cờ tam tài nơi đuôi tàu hoặc trên cột buồm cao của những chiếc tàu lưu vong đó. Trong khi đó sáu mươi bảy tàu buôn, tổng cộng 200.000 tấn đã được chúng tôi trang bị. Hai mươi chiếc đã hoặc sẽ bị tổn thất; 580 sĩ quan và 4.300 thủy thủ vẫn bảo đảm công tác. Vào mùa xuân 1942, hơn một phần tư đã hy sinh trên biển.

Các tàu chở khách vẫn chuyển vận các đội quân. Cứ thế mà tàu Ile de France, tàu Félix Roussel, tàu Président Paul Doumer đưa tới phương Đông quân tăng viện Anh từ châu Úc và Ấn Độ. Các tàu hàng vẫn thường theo các đoàn tàu và chở nguyên liệu, vũ khí, quân nhu tới bất luận nơi nào cần. Thịnh thoảng một trong số đó vẫn phải đơn độc vượt đại dương. Trong ngành hàng hải thương mại, tàu chỉ tới hải cảng để lại lên đường. Nó còn bị ném bom trong những lần đỗ lại. Ngoài khơi công việc trên tàu lại nhọc nhằn và nguy hiểm. Cần phải chăm chú theo dõi ngày đêm, tuân thủ các quân lệnh nghiêm ngặt, không ngừng chạy tới các trạm báo động. Thường khi chúng tôi phải chiến đấu, bắn đại bác, xoay sở trong thảm họa để tránh ngư lôi hoặc bom. Có khi tàu chìm và chúng tôi phải lội bì bõm trong làn nước đầy dầu và lạnh giá với những bạn đồng ngũ đang chết đuối khắp nơi xung quanh. Cũng có khi chúng tôi biết tới niềm vui khủng khiếp được chứng kiến cảnh máy bay ném bom bị bắn rơi hoặc ngấm lớp dầu mazut dưới đó tàu ngầm quân thù đang chìm. Thậm chí có khi chúng tôi cũng đánh chìm được tàu ngầm địch, dầu chỉ là một tàu chở hàng, như tàu Fort-Binger vào tháng Năm năm 1942 ở ngoài khơi Terre-Neuve đã đưa một tàu ngầm Đức xuống đáy biển.

Một hôm nọ, tại Liverpool, Huân tước Đô đốc Percy Noble, người chỉ huy hoạt động hàng hải và cuộc chiến đấu trên toàn vùng Đại Tây Dương,

đã đưa tôi, từ nhiệm sở này, tới phòng tác chiến dưới mặt đất trong bê tông. Trên các bức tường, những tấm bản đồ hải quân to tướng chỉ dẫn tình hình được cập nhật từng giờ của tất cả các đoàn tàu đồng minh, tất cả các tàu chiến, tất cả các máy bay đang thi hành nhiệm vụ, cũng như vị trí được phát hiện hoặc giả định của tàu ngầm và máy bay Đức. Một tổng đài điện thoại nối với những đường dây bên ngoài, với những đài phát thanh, với những phòng mật mã, và được phục vụ bởi những ê kíp phụ nữ lạnh lẽo: những người coi tổng đài, những người ghi tốc ký, những tùy phái. Tổng đài này truyền đi trong tiếng rì rào những mạng lệnh, lời truyền đạt, tin tình báo do bộ chỉ huy ném ra về phía những vùng xa xôi trên biển hoặc từ những vùng đó đến với họ. Tất cả lần lượt hiện ra trên những tấm bảng sáng choang. Cuộc chiến truyền thông mênh mông là vậy, từng phút được vạch ra và trình bày trong tất cả diễn biến của nó.

Sau khi xem xét toàn bộ, tôi nhìn lên những tấm bản đồ nơi người của chúng tôi hiện diện. Tôi thấy họ ở những vùng tốt đẹp, tức là những vùng thích đáng nhất. Lời chào của người lãnh đạo Nước Pháp Tự Do sẽ qua các làn sóng tới với họ. Nhưng sau đó khi thấy cái phần họ biểu thị nhỏ bé làm sao về mặt con số và từ đó bị hút vào một hệ thống xa lạ, tưởng tượng ở các nơi xa xôi kia, ở Toulon, Casablanca, Alexandrie, Fort-de-France, Dakar, các tàu chiến đang nằm bất động, gọi lại cơ hội lịch sử mà cuộc chiến tranh này mang lại cho thiên hướng về đường biển của nước Pháp, tôi cảm thấy buồn vô hạn. Bằng những bước chân nặng nề tôi bước trở lên cầu thang nơi trú ẩn dưới mặt đất.

Một tình cảm tương tự xen lẫn với niềm tự hào của tôi khi tôi tiếp xúc với các phi công của chúng tôi tại các căn cứ Anh. Khi thấy giá trị của họ, và mặt khác, khi nghĩ tới tất cả những gì không quân Pháp có thể làm được, bắt đầu từ Bắc Phi của chúng tôi, từ vùng Levant hoặc từ Anh quốc, với điều kiện người ta để họ chiến đấu, tôi có cảm tưởng một cơ may lớn lao của đất nước đã bị phí phạm. Nhưng từ đó tôi chỉ chuyên chú làm thế nào để nỗ lực của những người có thể đến với tôi phải tới với lợi ích nước Pháp. Cổ nhiên nếu tôi đã chấp nhận rằng trong các lực lượng của chúng tôi, những phi công bay từ các căn cứ của nước Anh trên những chiếc máy bay

do người Anh cung cấp đều thuộc về hệ thống không quân của Anh, tôi vẫn mong muốn rằng các chiến sĩ không quân của chúng tôi cũng phải tạo thành một nhân tố quốc gia.

Đó là điều không đơn giản. Lúc đầu các nước đồng minh không mấy quan tâm tới một lực lượng không quân của Nước Pháp Tự Do. Bằng cách thực tiễn nhất và gấp gáp nhất, họ tiếp nhận một số phi công của chúng tôi trong các đơn vị của họ. Nhưng họ chỉ chấp nhận sáp nhập những người tình nguyện của không quân chúng tôi vào không lực hoàng gia Anh. Do đó, việc sử dụng người của chúng tôi trong gần một năm vẫn không xác định. Một số tập hợp thành các phi đội tạm bợ của Pháp, đã có thể tham gia các cuộc không chiến tại Érythrée và Libye. Nhiều người khác được các phi đội Anh thu nhận tạm thời đã tham gia trận đánh nước Anh. Nhưng vì thiếu phương tiện, tổ chức và tập luyện, hầu hết phải chờ đợi mỗi mòn bên lề các căn cứ tại Anh hoặc Ai Cập.

Tuy nhiên vấn đề rồi cũng phải có giải pháp. Vào mùa xuân 1941, tôi có thể giải quyết các vấn đề về nguyên tắc với hân tước Archibal Sinclair, bộ trưởng không quân Anh. Hiểu biết và hào phóng, ông này thừa nhận rằng sự hiện diện của một lực lượng không quân Pháp không phải là không có lợi. Theo yêu cầu của tôi, ông chấp nhận cho chúng tôi được thành lập những đơn vị, theo từng nhóm, dựa trên mô hình những phi đội của Anh; người Anh cung ứng cho chúng tôi những gì chúng tôi còn thiếu về mặt nhân sự trên mặt đất và huấn luyện người tình nguyện của chúng tôi trong các nhà trường của họ. Các phi công dư ra của chúng tôi sẽ phục vụ trong các đơn vị của Anh. Nhưng tại đây có thể nói họ là sĩ quan Pháp biệt phái phục tùng kỷ luật Pháp, khoác quân phục Pháp. Từ Le Caire, ngày 8 tháng Sáu 1941, tôi viết thư cho Huân tước Archibald để công nhận thỏa thuận mà Đại tá Valin đã thương thảo trên các cơ sở này. Ngay từ đó, trong sự thực hiện, ông này đã tìm được sự ủng hộ kiên trì của các nguyên soái không quân: Portal tại London Longmore, rồi Tedder, tại Trung Đông.

Nhờ thế mà vào cuối năm 1941, chúng tôi thành lập tại Anh nhóm máy bay tiêm kích Ile-de-France do Scitiaux chỉ huy. Bị bắn rơi trên không phận nước Pháp nơi ông trở lại, ông được Dupérier thay thế. Hôm

sau ngày mở đầu chiến dịch Syrie, chúng tôi đã thành lập nhóm máy bay tiêm kích Alsace chiến đấu trước tiên tại Libye dưới quyền chỉ huy của Pouliguen và sau đó chuyển tới vương quốc Anh nơi Mouchotte nắm quyền chỉ huy để năm sau phải hy sinh. Nhóm máy bay ném bom ra đời tại phương Đông do Pijaud chỉ huy. Người này bị bắn hạ vài tuần lễ sau đó bên trong phòng tuyến địch, vẫn tìm về phòng tuyến của chúng tôi để chết tại đây và được Corniglion-Molinier thay thế. Nhóm hỗn hợp Bretagne được thành lập tại Tchad với người chỉ huy là Saint-Péreuse, để yểm trợ các hoạt động của chúng tôi tại sa mạc Sahara. Vào mùa xuân 1942, chúng tôi tập hợp một mặt tại London, và mặt khác tại Rayak, các thành phần sẽ thành lập tại Nga lúc đầu là nhóm - sau đó là trung đoàn - Normandie, do Tulasne và Littolf lần lượt chỉ huy. Sau cái chết của họ, Pouyade sẽ là người thay thế. Cuối cùng, theo lệnh tôi một vài phi công của chúng tôi được đặt dưới quyền sử dụng của Không lực hoàng gia. Tại đây, Morlaix, Fayolle, Guedj, chỉ huy các phi đội Anh. Hai người sau sẽ hi sinh trong công tác. Vinh quang phải trả giá đắt trong các trận không chiến. Tổng cộng, không quân Pháp tự do đã mất đi một số người chết gấp đôi quân số dự trù cho bay.

Trong khi đó, nếu tính cách toàn cầu của cuộc chiến tranh giúp tôi quyết định phải làm thế nào để cho các lực lượng Pháp được tung ra khắp các môi trường hoạt động, chính môi trường liên quan trực tiếp tới nước Pháp tức là Bắc Phi, là nơi tôi cố tập trung nỗ lực chính yếu. Một khi quân đội Ý ở Ethiopie bị tiêu diệt, ngõ vào Syrie bị cấm đối với quân Đức, những ý đồ hành động chống lại Bắc Phi tự do thuộc Pháp bị bóp nghẹt trong trứng nước tại Vichy, chính Libye là nơi chúng tôi phải hành động.

Vào tháng Mười một năm 1941, người Anh một lần nữa tấn công tại đó. Nếu họ tới được biên giới Tunisie, chúng tôi cần có mặt ở đây với họ khi trước đó chúng tôi đã giúp họ chống quân thù. Nếu trái lại quân thù đẩy lùi được họ, chúng tôi phải làm tất cả để góp phần ngăn chặn họ trước khi họ tràn ngập Ai Cập. Dù sao đây là lúc chúng tôi phải tỏ rõ mọi nỗ lực trong khả năng của chúng tôi, nhưng đồng thời vẫn đóng vai trò của chính chúng tôi hầu mang về một thắng lợi thật sự của nước Pháp.

Chúng tôi có hai cách hành động: từ Tchad, thúc về phía Fezzan đạo quân sa mạc Sahara đã được Leclerc chuẩn bị lâu dài, hoặc tung vào Libye, bên cạnh quân Anh, những lực lượng cơ động đã được Larminat tổ chức tại vùng Levant. Tôi quyết định làm cả hai việc nhưng trong điều kiện hành động các chiến sĩ của chúng tôi phải mang lại lợi ích trực tiếp cho nước Pháp.

Việc chinh phục Fezzan và tiếp đó tiến vào Tripoli tạo thành một trận tác chiến phải đánh liều một lần cho tất cả. Nếu vụ việc không thành, quả thật chúng tôi không thể làm lại trong lâu dài bởi những khó khăn đặt ra từ việc tổ chức, trang bị, tiếp vận của đạo quân Tchad. Vì thế chỉ trong trường hợp quân Anh, sau khi đã tái chiếm Cyrénaïque tiến vào Tripolitaine thì đạo quân này mới phải hành động đến cùng. Nếu khác đi, họ phải tự hạn chế trong việc quấy phá quân Ý bằng những cuộc đột kích chớp nhoáng và dữ dội.

Mặt khác, tôi muốn rằng “mặt trận Tchad” – nếu như chúng tôi có thể gọi toàn thể những hoạt động gián đoạn bằng cái tên này – vẫn là một mặt trận Pháp. Cố nhiên, việc phát động chiến dịch sa mạc Sahara phải được kết hợp với bước tiến của đạo quân VIII của Anh. Đó là một vấn đề liên hệ với Le Caire. Nhưng Leclerc tiếp tục chỉ tùy thuộc vào tôi cho tới ngày ông gặp quân đồng minh trong vùng phụ cận Địa Trung Hải, điều hợp lý là đặt ông dưới quyền chỉ huy của họ. Tôi càng kiên trì sự tự chủ này khi việc chinh phục Fezzan đặt vào tay chúng tôi một bảo đảm cho việc giải quyết sau này về số phận của Libye.

Trong tháng Mười một và tháng Chạp, quân Anh đã chiến đấu gay go và dũng mãnh, và đã tiến vào Cyrénaïque. Dự kiến quân Anh sẽ tràn vào Tripolitanie, với sự yểm trợ của tướng Serres, bây giờ là chỉ huy cao cấp các lực lượng tại châu Phi tự do thuộc Pháp, Leclerc chuẩn bị tiến về Fezzan. Về chuyện này tôi chỉ lạc quan một cách dè dặt. Bởi Rommel đã có thể thoát khỏi gọng kềm của Anh và Weygand đã được gọi về từ Bắc Phi, việc áp dụng thỏa hiệp Hitler-Darlan giờ đây cho phép đối phương được tiếp tế từ Tunisie, tôi không tính đến sự tiến quân nhanh chóng của đồng minh về phía Tripoli. Trái lại tôi thấy sự phản công của quân thù là điều có

thể. Chính vì thế mà trong khi để mọi người chuẩn bị cuộc tấn công, tôi vẫn đợi lúc thuận tiện để phát động. Bởi mặt khác phái đoàn liên lạc do Leclerc gửi tới Le Caire buộc phải chấp nhận tùy thuộc vào bộ chỉ huy Anh, tôi xác định với tướng Ismay là ông không hề hấn gì trong chuyện này và đánh chính trong tinh thần người Tchad điều cần đánh chính về chuyện này.

Đồng minh của chúng tôi không tiến vào Tripoli. Những tháng đầu của năm 1942 là một thời kỳ ổn định cho cả hai phía đối địch. Ngay từ đó điều thích hợp cho các đội quân của chúng tôi là chỉ nên thực hiện những cuộc đột kích qua lại. Leclerc luôn nóng lòng với chuyện này. Ngày 4 tháng Hai, tôi cho phép ông hành động. Ông hành động bằng cách đi khắp Fezzan trong tháng Ba với những đội tuần tra chiến đấu được sự yểm trợ của máy bay, tiêu diệt nhiều đồn của địch, bắt đi nhiều tù binh, cướp được nhiều phương tiện. Sau đó, ông trở về căn cứ chỉ với những tổn thất tối thiểu. Để mở rộng vùng và phương tiện hoạt động cho người chỉ huy kiệt xuất này, vào tháng Tư, tôi trao cho ông quyền chỉ huy tất cả các lực lượng châu Phi tự do thuộc Pháp. Lần này nữa, tôi phải vượt qua tiếng nói của lòng khiêm tốn đầy thận trọng nơi ông. Từ đây, bản thân ông và các đội quân của ông tin chắc có thể đánh chiếm các ốc đảo ngay khi các biển cổ tại Libye xoay chuyển tốt đẹp. Tuy nhiên, họ còn phải đợi suốt mười tháng nữa, dưới cái nóng như thiêu như đốt, trong cát và sỏi đá, trước khi đạt được thắng lợi và đi rửa sạch những lớp bụi của họ trong Địa Trung Hải.

Nhưng, trong lúc tại Tchad chúng tôi phải hoãn lại đòn quyết định thì trái lại, chúng tôi sẽ tìm thấy ở Cyrénaïque cơ hội biết bao mong đợi của một chiến công vang dội. Tuy nhiên, chúng tôi đã phải vượt qua nhiều trở ngại trước khi được sự ưng thuận của các nước đồng minh cho các đại đơn vị của chúng tôi được tung vào vùng đất này.

Quả nhiên hai sư đoàn khinh binh và trung đoàn thiết giáp được thành lập tại Syrie dưới quyền chỉ huy của Larminat không được bộ chỉ huy Anh dự kiến tham gia cuộc tấn công phát động vào cuối tháng Tám. Vậy mà hai đại đơn vị lại rất vững chắc và trang bị đầy đủ. Mỗi đơn vị đều được cơ giới hóa, gồm năm tiểu đoàn bộ binh, một trung đoàn pháo binh, một đội phòng thủ chống xe tăng, một đội phòng không, một nhóm trinh sát, một

đại đội và một đoàn xe công binh, một đội truyền tin, một đội vận chuyển, một đại đội thuộc tổng hành dinh, các cơ quan. Bao gồm mọi binh chủng, và do đó có thể đóng một vai trò đặc biệt về mặt chiến thuật, các đơn vị này đúng là các sư đoàn. Dù hiển nhiên là họ “gọn nhẹ”, tôi vẫn muốn gán cho họ cái danh hiệu vốn thuộc về họ. Larminat dùng những vũ khí do Dentz để lại, hoặc được lấy lại trong các cửa hàng nơi các ủy ban đình chiến Ý giữ chúng, trang bị tất cả các bộ phận bằng những vũ khí đáng gờm mà quân tình nguyện sôi sục nhiệt tình của chúng tôi biết sử dụng thành thạo nhất trên đời này. Nhờ thế mà không kể pháo của sư đoàn, mỗi tiểu đoàn đều có riêng sáu khẩu đại bác 75 li. Họ cũng được bảo đảm một sự trang bị thật hùng hậu về súng cối và súng máy. Nếu có dịp, để tấn công, chúng tôi cần làm cho các đội quân trở nên gọn nhẹ. Nhưng nếu phải giữ vững trận địa thì họ sẵn có một hỏa lực cực kỳ mạnh mẽ.

Sau khi đã chấp thuận việc thành lập hai sư đoàn khinh binh, vào ngày 20 tháng chín, ngày 7 tháng Mười, tôi viết cho ông Churchill để cho ông biết rõ ý đồ và phương tiện của chúng tôi. Cùng lúc, tôi viết cho Tướng Auchinleck, Tổng Tư lệnh tại Trung Đông để nhắc nhở ông rằng chúng tôi nóng lòng cho các đội quân của chúng tôi chiến đấu tại Libye tới đâu. Tôi xác nhận với ông Churchill và tướng Auchinleck rằng trong các chiến dịch này tôi sẵn sàng đặt toàn bộ tập đoàn Larminat dưới quyền bộ chỉ huy của người Anh, và mặt khác, dù hành động một cách tự chủ, Leclerc vẫn có thể tiến về phía Fezzan đúng vào ngày được yêu cầu. Ngày 9 tháng Mười, tôi tới gặp ông Margeson, Bộ trưởng Chiến tranh của Anh và yêu cầu ông can thiệp. Cuối cùng ngày 30 tháng Mười, tôi chỉ rõ cho Tướng Catroux những điều kiện trong đó chúng tôi cần tung ra các lực lượng của chúng tôi, tức là bằng những đại đơn vị.

Tôi chỉ nhận được thư trả lời của phía Anh vào ngày 27 tháng Mười một, do Tướng Ismay, Tham mưu trưởng của nội các chiến tranh và của ông Churchill, gửi tới tôi. Thư của ông tương đương với một sự từ chối, vừa lịch sự vừa cương quyết. Để giải thích, đồng minh của chúng tôi viện dẫn tới “sự phân tán của các đơn vị Pháp tại nhiều điểm trên nước Syrie”, tới việc “chúng không được huấn luyện để hành động với tư cách sư đoàn

hoặc lữ đoàn”, cuối cùng tới “trang bị kém cỏi”. Tuy nhiên họ vẫn mong có dịp xét lại vấn đề trong tương lai.

Cố nhiên Bộ Chỉ huy Anh tính tới việc hoàn tất công cuộc chinh phục Libye và tiêu diệt Rommel mà không có sự hợp tác của quân Pháp. Sự thật là họ có sẵn tại chỗ những lực lượng trên bộ và trên không rất hùng hậu và họ tin đồ đốc Andrew Cunningham – người chỉ huy và chiến sĩ hải quân tuyệt vời – có thể làm hơn cả một phép lạ và cấm chỉ các đường giao thông liên lạc của đối phương giữa Ý và Tripolitaine.

Ai cũng biết thư trả lời của người Anh đã làm tôi thất vọng tới đâu. Tôi không thể chấp nhận việc các đội quân của chúng tôi phải để vũ khí dưới chân trong một thời gian vô định trong khi số phận của thế giới được định đoạt trong các trận đánh. Tôi thấy cần phải bất ngờ thay đổi phương hướng hơn là bằng lòng với điều đó. Tôi cho mời ông Bogomolov và yêu cầu ông cho chính phủ của ông biết rằng Ủy ban Quốc gia mong các lực lượng Pháp trực tiếp tham gia các chiến dịch của quân đồng minh tại mặt trận phía Đông trong trường hợp môi trường hoạt động của Bắc Phi khép lại với chúng tôi. Hiển nhiên là tại London tôi không cần che giấu đường đi nước bước của mình. Nhưng ngay trước khi câu trả lời của Moscou đến với tôi, những ý đồ của người Anh đã thay đổi. Ngày 7 tháng Chạp, ông Churchill viết cho tôi một bức thư lời lẽ nồng nhiệt để nói với tôi rằng ông “vừa biết được tướng Auchinleck đang rất nóng lòng đưa một lữ đoàn Pháp tự do vào các chiến dịch tại Cyrénaïque.” Ông thủ tướng viết tiếp: “Tôi biết ý đồ này phù hợp với ý muốn của ngài. Tôi cũng biết quân của ngài đang hồi hả muốn tới nơi đánh nhau với quân Đức.”

Tôi đáp lại ông Churchill rằng tôi đồng tình với dự định và tôi đã đưa ra cho Tướng Catroux những mệnh lệnh cần thiết. Trên thực tế, không kể sự phiền nhiễu mà cuộc chuyển dời có thể xảy ra của các lực lượng Pháp tại Nga gây ra cho họ, người Anh bắt đầu cân nhắc lợi ích quân sự từ sự hợp tác của chúng tôi tại trận đánh Cyrénaïque. Quả nhiên họ nhận ra rằng tại đây, đối phương chỉ nhường trận địa từng bước một, rằng chính các lực lượng của họ phải chịu nhiều tổn thất nặng nề, rằng họ phải tổ chức lại tại chỗ một bộ chỉ huy đã không thích ứng với những hoạt động cơ giới. Từ bỏ

việc đẩy mạnh cuộc tấn công tại Tripolitaine, giờ đây họ lại trông chờ Rommel khởi xướng. Viễn cảnh này khiến họ mong muốn chúng tôi đưa bàn tay ra cho họ.

Tại Le Caire, vậy là Catroux giải quyết với Auchinleck việc tiến quân về phía Libye của sư đoàn I khinh binh và Koenig lo thương lượng các chi tiết, đã nhận được từ đồng minh một phần bổ sung có ích về vũ khí chống xe tăng, súng phòng không và các phương tiện chuyển vận. Vào tháng Giêng, sư đoàn này có vài trận đánh xuất sắc với các đơn vị của Rommel bị bao vây tại Sollum và Bardia và đã sớm đầu hàng. Khi trông thấy các toán tù binh Đức mà họ đã góp phần bắt giữ, các đội quân của chúng tôi bị lay động bởi một cơn chấn động như điện giật. Thật nhanh nhẹn, họ tiến về hướng tây. Trong khoảng tháng Hai, bởi quân Anh chuyển các lực lượng trọng yếu của họ tới trung tâm Cyrénaïque, tại vị trí gọi là Gazala gồm nhiều vùng kháng chiến. Các đội quân của chúng tôi được giao trách nhiệm vùng Bir Hakeim ở tận cùng phía nam. Trong khi vẫn tổ chức lại đội ngũ, họ bắt đầu cuộc chiến đấu thật sự với những cuộc chạm súng và những cuộc tuần tra trong khu giáp chiến tuyến löt trong sâu ngấn cách họ với phần lớn quân địch.

Nhưng nếu Sư đoàn Khinh binh 1 được dành cho cơ may thì Sư đoàn Khinh binh 2 lại phải nóng lòng chờ đợi tại vùng Levant. Vậy mà tôi vẫn nghĩ họ cũng dự phần vào các trận đánh. Vừa đúng lúc, ngày 10 tháng Chạp, ông Bogomolov tới cho tôi biết rằng dự định gửi các đội quân Pháp tới Nga của tôi đã được chính phủ ông nồng nhiệt đồng tình và đã quyết định cung ứng tại chỗ cho các lực lượng của chúng tôi mọi phương tiện cần thiết. Do đó, tôi dự trù gửi tới phía đông nhóm không quân Normandie và cả Sư đoàn khinh binh 2. Sư đoàn này sẽ lên đường từ Syrie, qua Bagdad, rồi qua Ba Tư bằng xe tải, rồi từ Tabriz sẽ được chuyển vận bằng xe lửa tới Caucase. Từ các hải cảng của Ba Tư, đó là con đường của các đoàn xe dụng cụ mà quân đồng minh gửi tới Nga. Ngày 29 tháng Chạp, tôi viết cho Tướng Ismay để thông báo với ông về những ý định của tôi và chỉ thị cho Tướng Catroux những điều cần thiết. Sư đoàn 2 lên đường ngày 25 tháng Ba để tới Caucase nếu trước đó họ không được chấp nhận tại Lybie.

Vị chỉ huy người Anh chống lại dự định di chuyển đơn vị này tới Nga bằng mọi lý do bác bỏ có thể được. Nhưng tại Moscou, người Xô Viết, trái lại, rất coi trọng chuyện này. Molotov nói với Garreau, tướng Panfilov nói với Petit, cả hai đều thúc giục chúng tôi tiếp tục cứu xét vấn đề, ông Eden biết chuyện, cũng vào cuộc và viết cho tôi để ủng hộ quan điểm của giới quân sự Anh. Tôi chỉ có thể giữ vững quan điểm của mình, và vào cuối tháng giêng bộ chỉ huy đồng minh mới đồng tình với nó, Ismay cho tôi biết điều này. Auchinleck yêu cầu Catroux tùy nghi sử dụng Sư đoàn Khinh binh 2. Rồi Syrie, sư đoàn này tới Libye trong những ngày cuối tháng Ba.

Từ đây, Larminat đã có tập đoàn của mình ở gần nơi sử dụng: Koenig tại phòng tuyến ở Bir Hakeim với Sư Đoàn 1, Cazaud dự bị với Sư Đoàn 1. Lữ đoàn thiết giáp dưới quyền chỉ huy của Rémy, nhận được nhiều đồ dùng mới cho hậu phương. Một đại đội quân nhảy dù mà tôi đã cho tới Anh, giờ đây đang được huấn luyện tại Ismaila, sẵn sàng thực hiện những cuộc đánh úp theo yêu cầu. Tổng cộng, mười hai ngàn chiến binh, tức là khoảng một phần năm quân số đồng minh cùng lúc tung ra trong các chiến dịch. Nhóm máy bay tiêm kích Alsace và nhóm máy bay ném bom Lorraine vẫn chiến đấu từ tháng Mười trên bầu trời Cyrénaïque. Dọc theo bờ biển, nhiều tàu hộ tống và tàu kéo lưới của chúng tôi giúp cho việc hộ tống các đoàn tàu. Như vậy là một lực lượng Pháp quan trọng được tập hợp đúng lúc trên địa bàn hoạt động chính yếu. Theo công lý của mình, vị thần của các trận đánh sẽ mang lại cho các chiến sĩ của Nước Pháp Tự Do một trận đánh lớn và một vinh quang vĩ đại. Ngày 27 tháng Năm, Rommel mở cuộc tấn công. Bir Hakeim đã bị tấn công.

Trong những hoạt động đòi hỏi người ta phải liều tất cả, thông thường sẽ có lúc người lãnh đạo cảm thấy định mệnh được xác định. Bằng một sự ngẫu hợp kỳ lạ, hàng ngàn thử thách trong đó ông ta cựa quậy như bất chợt mở ra một thời kỳ quyết định với mọi điều tốt đẹp đảm bảo sự thành công. Nhưng nếu nó đưa tới sự mơ hồ của người lãnh đạo thì toàn bộ vụ việc phải tiêu ma. Trong lúc quanh vùng đa giác mười sáu cây số vuông do Koenig và quân của ông trấn giữ đang diễn ra bi kịch của Bir Hakeim, bản thân tôi tại London, khi đọc các bức điện tín, nghe những lời bình luận, trông thấy

trong những cái nhìn khi thì bóng tối và khi thì ánh sáng, tôi đo lường những hậu quả nào tùy thuộc vào những gì đang xảy ra chốn kia. 5.500 chiến binh kia vốn cứu mang mỗi người nỗi đau và hy vọng, đã tình nguyện đến từ Pháp, từ châu Phi, từ vùng Levant, từ Thái Bình Dương và đã được tập hợp qua bao nhiêu khó khăn, nếu họ phải chịu một sự thất bại đau đớn thì sự nghiệp của chúng tôi sẽ bị tổn hại nặng nề. Trái lại nếu vào lúc này, trên trận địa này, họ lập được chiến công vang dội. Bấy giờ tương lai thuộc về chúng tôi!

Với những cuộc đụng độ đầu tiên, chúng tôi không thể mong ước gì hơn. Tôi được biết ngày 27 tháng Năm, trong lúc đạo quân chính yếu của quân thù đi qua miền nam Bir Hakeim để tránh vị trí của quân đồng minh, sư đoàn cơ giới “Ariete” của Ý đã tấn công quân Pháp với một trăm xe tăng và đã mất đi bốn mươi chiếc mà phần sót lại vẫn còn trên bờ dốc. Ngày 28 và 29, các phân đội của chúng tôi tỏa ra khắp hướng, tiêu diệt thêm khoảng mười lăm xe tăng và bắt giữ hai trăm tù binh. Ngày 30, ngay lúc đầu đã không thể thanh toán được đội cơ giới của Anh, Tướng Rommel đành phải rút lui để bày một thủ đoạn mới. Hai ngày sau, một đạo quân Pháp, do trung tá Broche chỉ huy, tiến thẳng vào Rotonda Signali ở 50 cây số phía tây và chiếm được vị trí này. Ngày 1 tháng Sáu, Larminat thị sát các đội quân tại chỗ của chúng tôi. Bản báo cáo của ông đầy tinh thần lạc quan. Trên thế giới, một hoàn cảnh đã được tạo ra. Quả nhiên, nhiều người cảm thấy vụ việc này có thể vượt qua khuôn khổ của chiến thuật quân sự. Các đài phát thanh, dè dặt với những lời lẽ đầy ẩn ý, các tờ báo ngày, không kém phần thận trọng, bắt đầu ca ngợi các lực lượng Pháp và những người chỉ huy.

Ngày hôm sau, Rommel nắm lấy sáng kiến. Lần này, ông ta đánh thẳng vào trung tâm vị trí của Tướng Ritchie, người được Auchinleck giao trách nhiệm chỉ huy trận tuyến. Quân Đức đánh tan một lữ đoàn của quân Anh tại Got el-Skarak, băng qua tại điểm này bãi mìn to của quân đồng minh từ Gazola tới Bir Hakeim, và để mở rộng lỗ hổng, họ tung một sư đoàn của Africa Korps đánh thẳng vào các đội quân của chúng tôi. Lần đầu tiên từ tháng Sáu năm 1940, đã xảy ra cuộc chạm trán rộng rãi giữa quân

Pháp và quân Đức. Trước tiên, chỉ trong những cuộc chạm súng chúng tôi đã bắt giữ một trăm năm mươi tù binh. Nhưng mặt trận hình thành thật sớm, hướng tới một trận đánh. Với hai người đàm phán thù địch đòi hỏi sự đầu hàng, Koenig cho biết ông không tới để đầu hàng.

Trong khi đó đối phương càng siết chặt gọng kìm vào những ngày tiếp theo. Những giàn pháo cỡ lớn, kể cả loại 155 và 220, nã về phía quân chúng tôi một hỏa lực càng lúc càng mãnh liệt hơn. Mỗi ngày, máy bay Stukas và Junkers của Đức, với những phi đội hàng trăm chiếc, dội bom xuống họ đến ba, bốn, năm lần. Hàng tiếp vận chỉ còn đến với số lượng yếu ớt. Tại Bir Harkeim, người ta chứng kiến kho dự trữ quân nhu, đạn dược xuống thấp, khẩu phần lương thực giảm sút, việc phân phối nước bớt lại. Dưới ánh nắng thiêu đốt, giữa những cơn lốc cát, những người lính phòng thủ luôn trong tình trạng báo động, sống với những người bị thương, chôn người chết ngay bên cạnh họ. Ngày 3 tháng sáu, Tướng Rommel tự tay viết thư buộc họ phải buông vũ khí, “nếu không thì sẽ bị tiêu diệt như các lữ đoàn của Anh tại Got el-Skarab”. Ngày 5 tháng Sáu, một viên sĩ quan của ông ta tới lập lại đòi hỏi trên. Chính pháo binh của chúng tôi đã trả lời. Nhưng cùng lúc tại nhiều nước, dư luận đã bắt đầu chú ý. Báo nói và báo in càng lúc càng quan tâm tới quân Pháp tại Bir Hakeim. Dư luận sẵn sàng phê phán. Vấn đề là biết vinh quang còn có thể đứng về phía các chiến sĩ của chúng tôi hay không.

Ngày 7 tháng Sáu, Bir Hakeim đã hoàn toàn bị vây hãm. Sư đoàn XC của Đức và sư đoàn Trieste của Ý, được khoảng hai mươi giàn pháo và hàng trăm xe tăng yểm trợ, sẵn sàng mở cuộc tấn công. Bộ Chỉ huy đồng minh chỉ thị cho Koenig vào chiều ngày 1 tháng Sáu: “Hãy cố giữ thêm sáu ngày nữa!” Sáu ngày đã trôi qua. Tướng Ritchie yêu cầu: “Hãy giữ thêm 48 tiếng nữa!” Cần phải nói ngay rằng những đòn điếng người của quân thù gây cho đạo quân VIII những thiệt hại và sự rối loạn đến nỗi mọi hoạt động đổi phiên và cứu viện đã trở nên bất khả. Còn Rommel thì đang hối hả tiến nhanh về phía Ai Cập bằng cách lợi dụng sự rối loạn của quân Anh mà ông ta đã nhận ra, ông sốt ruột với cuộc kháng cự đang kéo dài tại vùng hậu cứ của ông và gây khó khăn cho hệ thống giao thông liên lạc. Bir Hakeim đã

trở thành mối lo âu lớn nhất và mục tiêu chính yếu của ông. Nhiều lần ông đã tới thăm trận địa. Ông sẽ còn tới đây để thúc giục quân tấn công.

Ngày 8, những cuộc tấn công mãnh liệt mở màn. Nhiều lần, bộ binh địch, với nhiều pháo binh và xe tăng, cố nhưng không tài nào chiếm được một khu vực nào thuộc phòng tuyến chúng tôi. Ngày thật nghiệt ngã cho các đội quân của chúng tôi. Đêm cũng thế, phải khôi phục các vị trí bị đảo lộn. Ngày 9, các cuộc tấn công lại tiếp tục. Pháo của địch còn được tăng cường với những cỡ nặng mà loại 75 của Đại tá Laurent-Champrosay không thể phản pháo được. Người của chúng tôi chỉ còn nhận chưa tới hai lít nước trong 24 tiếng, đó là điều thiếu thốn đến tàn nhẫn dưới một khí hậu tương tự. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn phải giữ vững, bởi sự rối loạn đang dần lan tới nhiều đơn vị của quân đội Anh, sự kháng cự của Koenig giờ đây có một tầm quan trọng cốt yếu. “Cuộc phòng thủ anh dũng của quân Pháp!” – “Cuộc chiến đấu tuyệt vời!” – “Quân Đức thảm bại trước Bir Hakeim!” các phương tiện truyền thông đưa tin vang dội tại London, tại New York, tại Montreal, tại Le Caire, tại Rio, tại Buenos-Aires. Chúng tôi đang tới gần mục tiêu nhằm tới khi bảo đảm với các đội quân Pháp tự do – dù quân số rất đổi giảm thiểu – một vai trò vĩ đại trong một cơ hội vĩ đại. Với toàn thế giới, tiếng pháo của Bir Hakeim báo hiệu bước đầu sự phục hưng của nước Pháp.

Nhưng từ đây điều ám ảnh tôi là sự giải cứu những người phòng thủ. Tôi biết họ không thể tiếp tục, lâu hơn nữa, phá vỡ những cuộc tấn công được yểm trợ bằng những phương tiện hùng hậu. Cố nhiên tôi tin chắc rằng dù sao sư đoàn cũng sẽ không đầu hàng, rằng đối phương sẽ không được thỏa thuê trông thấy một hàng dài tù binh Pháp diễu hành trước Rommel, và nếu các đội quân của chúng tôi vẫn còn ở tại chỗ, để đi tới cùng, ông ta phải lần lượt đánh gục từng nhóm một. Nhưng vấn đề là thu hồi họ về, không cam chịu sự hủy diệt đầy vinh quang của họ. Tiếp theo, tôi rất cần tới hàng trăm sĩ quan và hạ sĩ quan xuất sắc đó, hàng ngàn chiến sĩ ưu tú đó. Chiến công của họ đã đạt được, giờ đây họ phải hoàn thành một chiến công khác, vạch con đường qua những kẻ tấn công và những bãi mìn, tìm tới đại bộ phận các lực lượng đồng minh.

Tuy vẫn tránh can thiệp trực tiếp vào việc chỉ đạo trận đánh, ngày 8 và 9 tháng Sáu, tôi vẫn cho bộ tham mưu hoàng gia Anh biết một cách thúc bách nhất điều quan trọng là Koenig phải nhận được lệnh rút quân trước khi quá trễ. Ngày 10 tháng sáu, tôi lặp lại điều này với ông Churchill khi cùng ông bàn về vấn đề Madagascar. Dù sao giờ chung cuộc cũng đang tới gần và tôi đánh điện cho bộ chỉ huy Sư đoàn Khinh binh 1: “Tướng Koenig, ông nên biết và hãy nói với các đội quân của ông rằng toàn thể nước Pháp đang nhìn vào các bạn và các bạn là niềm tự hào của nước Pháp!” Vậy mà vào cuối ngày hôm đó, Đại tướng Alan Brooke, Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu Hoàng gia, cho tôi biết rằng từ rạng đông, quân thù không ngừng tấn công Bir Hakeim, nhưng Ritchie đã chỉ thị cho Koenig tới một vị trí mới nếu thấy được. Hoạt động được dự kiến vào ban đêm.

Sáng hôm sau, 11 tháng Sáu, những lời bình luận trên đài phát thanh và báo chí đều đơm vẽ tán tụng và ảo não. Bởi không biết rằng quân Pháp đang tìm cách thoát ra, cố nhiên mọi người tin chắc sự đề kháng của chúng tôi sớm muộn gì cũng bị nhấn chìm. Nhưng rồi vào buổi tối Brooke cho người nói với tôi: “Tướng Koenig và một phần lớn các đội quân của ông đã tới El Gobi an toàn.” Tôi cảm ơn người đưa tin và đóng cửa lại. Còn lại một mình tôi. Ôi! nhịp tim xúc động, tiếng nức nở tự hào, những giọt lệ mừng vui!

Từ khoảng 5.500 người mà Sư đoàn Khinh binh 1 đếm được trước vụ Bir Harkeim, sau 14 ngày chiến đấu, Koenig đưa về gần 4.000 người khỏe mạnh. Một số người bị thương đã được vận chuyển phía sau cùng lúc với các đơn vị. Các đội quân của chúng tôi để lại trên trận địa 1.109 sĩ quan và binh sĩ, chết, bị thương hoặc mất tích. Trong số người chết có ba sĩ quan cao cấp: trung tá Brooke, các thiếu tá Savey và Bricogne. Trong số những người bị thương nặng: các Thiếu tá Puchois và Babonneau. Các phương tiện được cẩn thận phá hủy trước đó đã phải bỏ lại. Nhưng chúng tôi đã bắt quân thù phải chịu những tổn thất ba lần hơn chúng tôi.

Ngày 12 tháng Sáu, quân Đức thông báo rằng hôm trước họ đã xung phong đánh chiếm Bir Hakeim. Rồi đài phát thanh Berlin ra một thông báo nói rằng: “Quân Pháp da trắng và da màu, bị bắt làm tù binh tại Bir

Hakeim, không thuộc một quân đội chính quy, sẽ chịu luật chiến tranh và sẽ bị hành hình.” Một giờ sau, tôi cho phát đi bằng tất cả mọi ngôn ngữ lời tuyên bố sau đây qua làn sóng đài BBC: “Nếu quân đội Đức chịu ô nhục tới độ phải giết các chiến sĩ Pháp bị bắt làm tù binh trong khi chiến đấu cho tổ quốc của họ, Tướng de Gaulle cho biết rằng ông lấy làm tiếc phải buộc lòng bắt các tù binh Đức rơi vào tay các đội quân của ông cũng sẽ chịu số phận đó.” Ngày chưa qua hết, đài phát thanh Berlin đã tuyên bố: “Về các quân nhân Pháp vừa bị bắt trong các trận đánh ở Bir Hakeim, không thể có một sự ngộ nhận nào cả. Các quân nhân của Tướng de Gaulle sẽ được đối xử như những quân nhân.” Trên thực tế, họ đúng là quân nhân.

Trong lúc Sư đoàn Khinh binh 1 tập hợp lại tại Sidi-Barrani và Catroux lo tái tổ chức cho họ, nhóm không quân Alsace của chúng tôi tiếp tục tham gia hoạt động dồn dập của các phi đội tiêm kích Anh và nhóm Lorraine của chúng tôi hợp cùng không lực hoàng gia gia tăng các cuộc tấn công vào các hệ thống giao thông liên lạc của đối phương. Cùng lúc quân nhảy dù của chúng tôi thực hiện nhiều cuộc đột kích xuất sắc. Cứ thế mà trong đêm 12 rạng 13 tháng Sáu các ê-kíp của họ đã phá hủy 12 chiếc máy bay tại các sân bay của địch tại Libya và Đại úy Berge được ném xuống Crète cùng vài người đã thiêu hủy, trước khi bị bắt, 21 máy bay ném bom, mười lăm xe tải và một trạm xăng trên đất Candie.

Trong khi đó, Quân đoàn 8, dưới ảnh hưởng của sự mệt mỏi tinh thần bất chợt, đã từ bỏ Cyrénaique, để lại tại chỗ nhiều phương tiện đáng kể. Ít ra tướng Aucheleck cũng còn hy vọng giữ Tobrouk, vị trí được tổ chức chắc chắn và được tiếp tế bằng đường biển. Nhưng ngày 24 tháng Sáu, quân đội đồn trú, lên tới 33.000 người, đầu hàng quân Đức. Phải khó khăn lắm quân Anh mới khôi phục được ngang tầm với El-Alamein. Một khu vực thuộc vị trí của chúng tôi do Tướng Cazaud và sư đoàn II khinh binh trấn giữ cuối cùng đến lượt họ cũng được đặt vào phòng tuyến. Trong số các lực lượng dự bị có tập đoàn xe tăng của Đại tá Rémy được hồi hả trang bị. Tình thế thật nghiêm trọng. Trọn Trung Đông bị lay động trong lo âu đang chờ trông thấy quân Đức và Ý tiến vào Le Caire và Alexandrie.

Sự suy sút của các nước bạn đồng minh chúng tôi nhất định chỉ là nhất thời thôi. Một ngày sẽ tới, nhờ sự làm chủ mặt biển, những tăng viện mới, ưu thế nổi trội về không quân, cuối cùng với những năng lực của tướng Montgomery, họ sẽ thắng. Và chẳng, Rommel vì cạn nguồn tiếp tế nên phải đình chỉ cuộc tiến quân về phía trước. Dù sao toàn bộ các biến cố đã làm nổi bật tầm quan trọng của hành động chúng tôi. Tướng Auchinleck cao thượng nhận ra điều này. Ngày 12 tháng sáu, để chào mừng Sư đoàn Khinh binh 1, ông ra một thông báo rất đẹp: “Các quốc gia liên hiệp, ông tuyên bố, thấy có bốn phận bày tỏ lòng ngưỡng mộ và biết ơn sâu xa đối với các đội quân Pháp và vị tướng lĩnh kiên cường của họ.”

Tại London, sáu ngày sau, 10.000 người Pháp, quân đội và thường dân, tập hợp lại để cử hành lễ kỷ niệm lần thứ hai lời kêu gọi ngày 18 tháng Sáu. Bốn tầng của Albert Hall đều đầy ắp trong chừng mực quân lệnh về an ninh cho phép. Một bức màn to ba màu nổi bật hình chữ Thập Lorraine được căng phía sau diễn đàn và thu hút mọi cái nhìn. Bài La Marseillaise và Hành khúc Lorraine vang lên, tất cả mọi trái tim đáp lại. Giữa những thành viên của Ủy ban Quốc gia và những người tình nguyện vừa mới tới từ Pháp, tôi nghe tất cả những cái miệng hô to lòng tin của đám đông cuồng nhiệt này. Nhưng ngày hôm đó, cùng lúc với hy vọng, tôi cảm thấy lâng lâng niềm vui sướng. Tôi nói. Tôi cần phải nói. Hành động vận dụng nhiệt tình. Nhưng chính lời nói khơi gợi nhiệt tình.

Dẫn câu nói của Chamfort: “Những người biết theo lẽ phải thì sống lâu. Những người đam mê thì từng trải.” Tôi gợi lại hai năm Nước Pháp Tự Do vừa trải qua: “Chúng ta từng trải nhiều bởi chúng ta là những con người đam mê. Nhưng chúng ta cũng đã sống lâu, bởi chúng ta biết theo lẽ phải xiết bao!...” Đó là điều chúng tôi đã nói từ ngày đầu: “Nước Pháp vẫn chưa ra khỏi chiến tranh, chính quyền được thiết lập nhờ sự thoái vị không phải là một chính quyền chính đáng, các liên minh của chúng ta vẫn tiếp tục, chúng ta đang chứng tỏ điều này bằng hành động, đó là những cuộc chiến đấu... Thật vậy, chúng ta phải tin rằng Vương quốc Anh sẽ đứng vững, rằng Nga và Mỹ sẽ bị đẩy vào cuộc chiến, rằng nhân dân Pháp sẽ không chấp nhận sự thất trận. Và chúng ta đã không lầm...” Tiếp đến, tôi chào

mừng các chiến binh của chúng tôi trên khắp thế giới và các phong trào kháng chiến của chúng tôi tại Pháp. Tôi cũng chào mừng Đế quốc, Đế quốc trung thành, căn cứ xuất phát cuộc phục hưng của đất nước. Quả nhiên sau chiến tranh cơ cấu của Đế quốc chúng tôi phải thay đổi. Nhưng nước Pháp nhất trí muốn duy trì sự thống nhất và sự toàn vẹn. “Ngay cả lòng dũng cảm nhứt nhối góp phần bảo vệ một phần gì đó chống lại Nước Pháp Chiến đấu và đồng minh từ phía các đội quân mà những sự dối trá của chế độ Vichy vẫn lừa phỉnh, đó cũng là bằng chứng lệch lạc nhưng hiển nhiên của ý chí người Pháp...” Tôi nhận ra rằng bất chấp tất cả, Nước Pháp Chiến Đấu vẫn trỗi lên từ đại dương: “Tại Bir Hakeim, khi một tia sáng của sự vinh quang đã hồi sinh ve vuốt vàng trán đầm máu của các chiến sĩ chúng tôi, thế giới nhận ra nước Pháp...”

Những tiếng hoan hô vang dậy, rồi bài Quốc ca được hát lên với một nhiệt tình khó tả, là câu trả lời của cử tọa. Những con người trên đất nước chúng tôi, họ cũng đang nghe, những con người, trên đất nước chúng tôi, đằng sau những cánh cửa, những cánh cửa sổ, những bức màn, đang lắng nghe các làn sóng sẽ mang câu trả lời đó đến với họ.

Những tiếng hoan hô đã im. Buổi họp đã kết thúc. Mỗi người quay về với bốn phận của mình. Còn lại tôi một mình, đối diện với chính mình. Trong sự giáp mặt này, không có thái độ để bộc lộ, lẫn ảo tưởng để bày vẽ. Tôi làm cuộc tổng kết quá khứ. Nó tích cực, nhưng xót xa. “Từng người một, từng việc một,” chắc chắn nước Pháp chiến đấu đã trở nên vững chắc và chặt chẽ hơn. Nhưng để trả giá cho thành quả này, chúng tôi phải chịu bao tổn thất, buồn phiền và đau đớn! Chúng tôi tiếp cận giai đoạn mới với những phương tiện đáng kể: 70.000 người trong quân ngũ, nhiều người chỉ huy tài năng, nhiều lãnh thổ đang nỗ lực, một phong trào kháng chiến trong nước phát triển không ngừng, một chính phủ được tuân thủ, một chính quyền được biết tới, nếu không nói được thừa nhận, trên thế giới. Cố nhiên phần tiếp theo của các biến cố sẽ tạo điều kiện cho nhiều sức mạnh mới vươn lên. Tuy nhiên, tôi không mắc lừa về những vật chướng ngại trên đường: sức mạnh của quân thù; ác ý của các nước đồng minh; giữa những người Pháp, sự thù địch của các quan chức và những kẻ có đặc quyền,

mánh khỏe của một số người, sự trơ ì của một số đông và cuối cùng, mối nguy của sự lật đổ toàn bộ. Và tôi, con người đáng thương! Liệu tôi có đủ sáng suốt, cương quyết, khôn khéo, để chế ngự tới cùng những thử thách? Và chẳng, cho dù tôi sẽ thành công trong việc đưa một dân tộc, cuối cùng được tập hợp, tới thắng lợi, thì đâu là tương lai của đất nước sau đó? Trong khoảng thời gian đó, bao nhiêu đổ nát sẽ thêm vào những đổ nát và bao nhiêu phân hóa sẽ thêm vào những phân hóa của quê hương? Rồi đây khi hiểm họa qua đi, những ngọn đèn xếp tắt đi, những lớp bùn nào sẽ ập tới nước Pháp?

Tạm ngưng những hoài nghi! Cúi xuống vực thăm nơi tổ quốc đã lặn xuống, tôi là đứa con của người, đang gọi người, đang cầm lên cây đuốc của người, đang chỉ cho người con đường giải phóng. Nhiều người đã đến với tôi. Nhiều người khác sẽ đến, tôi tin chắc điều này! Giờ đây, tôi đang nghe nước Pháp đáp lời tôi. Từ đáy vực thăm, nước Pháp đang đứng dậy, đang bước đi, đang leo lên triền dốc. Ôi! Mẹ kính yêu, chúng con vẫn là con của Mẹ, chúng con sẵn sàng phục vụ Mẹ.

- còn nữa -

CHÚ THÍCH

[1]. Sự kiện Fashoda (còn gọi là Cuộc khủng hoảng Fashoda): sự kiện đỉnh điểm sau một loạt những tranh cãi về lãnh thổ ở châu Phi kéo dài nhiều năm giữa hai đế quốc Anh và Pháp. Thực ra, các đế quốc châu Âu đã quan tâm tới châu Phi từ những năm 1670 và cùng chia nhau chiếm các quốc gia ở châu lục này làm thuộc địa. Vì lý do này mà cuộc đụng độ giữa Anh và Pháp năm 1898 tại thị trấn Fashoda (nay là Kodok), Sudan, liên quan tới danh dự dân tộc nhiều hơn, bởi nó thể hiện sức ảnh hưởng của mỗi đế quốc tại châu Phi. Việc Pháp rút quân khỏi Fashoda do lo ngại khả năng chiến tranh bị coi là một nỗi nhục lớn.

[2]. Sự kiện Dreyfus (1894-1906): vụ bê bối chính trị đã làm chia rẽ sâu sắc xã hội Pháp và mang đến nhiều hệ lụy cho nước Pháp về sau. Sự kiện này bắt đầu từ tháng Mười hai năm 1894, khi viên đại úy trẻ Alfred Dreyfus, một người Pháp gốc Do thái, bị kết tội phản quốc và kết án tù chung thân vì bị cho là đã tiết lộ những bí mật quân sự của Pháp cho Đại sứ quán Đức ở Paris. Bản án này là một sai lầm tư pháp, có nguồn gốc từ nỗi sợ gián điệp trong bối cảnh niềm căm thù của người Pháp với người Đức sau cuộc chiến tranh Pháp-Phổ năm 1871 và từ chủ nghĩa bài Do thái – hai nét nổi bật trong tâm lý xã hội Pháp đương thời. Năm 1898, nhà văn nổi tiếng Émile Zola đã viết bài báo phan phui vụ bê bối này, từ đó xuất hiện một chuỗi những cuộc khủng hoảng chính trị và xã hội có một không hai ở Pháp và chỉ chấm dứt vào năm 1906 khi Dreyfus được minh oan và phục hồi danh dự hoàn toàn.

[3]. Le Bourget và Stains: hai thị trấn ở ngoại ô Paris.

[4]. François Achille Bazaine (1811-1888): Thống chế Pháp, người đã giao nộp đội quân Pháp cuối cùng cho Phổ trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ (1870-1871).

[5]. Tên đầy đủ là Trường Quân sự Đặc biệt Saint-Cyr, là học viện quân sự quan trọng nhất của Pháp, do Napoléon Bonaparte thành lập năm 1802.

[6]. Arras: là thủ phủ của tỉnh Pas-de-Calais thuộc miền bắc nước Pháp, bên bờ sông Scarpe.

[7]. Joseph Jacques Césaire Joffre (1852-1931): Thống chế Pháp, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Pháp từ năm 1914-1916 trong cuộc

Thế chiến I. Tháng Chín năm 1914, ông đã lập nên một chiến công vang dội trong trận đánh Trận sông Marne lần thứ nhất có ý nghĩa quyết định về mặt chiến lược của Liên quân Anh-Pháp. Qua đó, ông trở thành một vị anh hùng dân tộc, là vị tướng Pháp đầu tiên đánh thắng được người Đức trong thế kỉ XX. Thậm chí nhân dân Pháp còn tôn vinh ông là Papa Joffre (Cha Joffre) sau thắng lợi vẻ vang này.

[8]. Biệt danh của Georges Benjamin Clemenceau (1841-1929), chính trị gia người Pháp, từng giữ vị trí Thủ tướng Pháp trong khoảng thời gian 1906-1909 và 1917-1920. Ông là người đã đưa nước Pháp đến thắng lợi trong Thế chiến I. Trong suốt cuộc chiến tranh, ông giữ tinh thần kiên định và luôn tin tưởng rằng Pháp có thể đạt được thắng lợi tuyệt đối. Ông thường xuyên tới tận mặt trận để thăm hỏi, động viên binh lính, ông còn nhân cơ hội đó để đích thân đứng lên chửi bới và nhục mạ quân địch, dù mặt trận quân địch chỉ cách đó vài mét. Những chuyến thị sát của ông đã gây ấn tượng mạnh và truyền nhuệ khí cho binh lính, qua đó ông được gọi bằng biệt danh Le Tigre (Con Hổ), hay Le Père-la-Victoire (Người cha chiến thắng).

[9]. Raymond Poincaré (1860-1934): chính trị gia người Pháp, từng ba lần giữ chức Thủ tướng Pháp và làm Tổng thống Pháp giai đoạn 1913-1920. Ông là người theo trường phái bảo thủ và nổi tiếng vì thái độ chống Đức mạnh mẽ.

[10]. Aristide Briand (1862-1932): chính trị gia người Pháp, từng có 11 nhiệm kì giữ chức Thủ tướng Pháp trong Đệ tam Cộng hòa. Briand phản đối cách cư xử hà khắc dành cho Đức sau Thế chiến I, đồng thời lên án việc Pháp đóng chiếm một số vùng của Đức. Năm 1925, ông ký một thỏa thuận hòa giải với Đức. Năm 1926, ông được nhận giải Nobel Hòa bình chung

với Bộ trưởng Ngoại giao Đức Gustav Stresemann vì đã hòa giải mối quan hệ Pháp-Đức sau Thế chiến I.

[11]. André Pierre Gabriel Amédée Tardieu (1876-1945): chính trị gia người Pháp, ba lần giữ chức Thủ tướng Pháp, là nhân vật nổi bật trên chính trường Pháp giai đoạn 1929-1932.

[12]. Augustin Alfred Joseph Paul-Boncour (1873-1972): chính trị gia người Pháp, từng đảm nhận nhiều vị trí khác nhau trong nội các như Bộ trưởng Chiến tranh (1932), Thủ tướng (1932-1933), Bộ trưởng Ngoại giao (1932-1938).

[13]. Pierre-Paul-Henri-Gaston Doumergue (1863-1937): chính trị gia người Pháp, từng làm Thủ tướng và Tổng thống Pháp (1924-1931). Ông được đánh giá là một trong những Tổng thống Pháp được yêu thích nhất.

[14]. Tiếng Đức là Führer, chỉ Adolf Hitler.

[15]. Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, vợ Odysseus, vua xứ Ithaca. Trong suốt 20 năm chồng vắng nhà, nàng Penelope vẫn một dạ chờ chồng trở về, dù có rất nhiều người tới cầu hôn. Song trước áp lực của những người tới cầu hôn, nàng buộc lòng phải hứa sẽ chọn một trong số họ làm chồng, nhưng nàng tìm mọi cách để trì hoãn việc này. Một trong những cách đó là nàng yêu cầu họ chờ cho tới khi nàng dệt xong tấm vải liệm để dùng trong đám tang của bố chồng, lúc đó đã già yếu. Nhưng ban ngày nàng dệt được bao nhiêu thì ban đêm nàng lại lén tháo tung ra để hôm sau làm lại từ đầu. Từ đó, thành ngữ “tấm vải nàng Penelope” dùng để chỉ một việc được tiến hành kiên trì, liên tục nhưng không bao giờ hoàn tất.

[16]. Phòng tuyến Maginot, được đặt theo tên của Bộ trưởng Chiến tranh Pháp André Maginot, là một công trình xây dựng quân sự dọc biên giới Pháp-Đức và Pháp-Ý với mục đích bảo vệ lãnh thổ Pháp sau kinh nghiệm thành công của đường lối chiến tranh phòng thủ trong Thế chiến I. Tuyến phòng thủ gồm các tường thành bê tông với nhiều ụ chống tăng, lô cốt đại bác, ổ súng máy và đồn quân sự. Người Pháp xây dựng phòng tuyến này với mục đích kéo dài thời gian để huy động quân đội khi bị tấn công, giúp quân Pháp có thể di chuyển vào Bỉ để thực hiện trận đánh quyết định

với Đức. Các chuyên gia quân sự Pháp ca ngợi Phòng tuyến Maginot là một công trình thiên tài, có khả năng ngăn chặn bất kỳ cuộc tấn công nào từ phía đông. Tuy nhiên, trong khi hệ thống công sự này có thể ngăn chặn được những cuộc tấn công trực tiếp, thì nó lại không hiệu quả về mặt chiến lược, bởi Đức xâm nhập vào Pháp qua Bỉ, đi vòng qua Phòng tuyến Maginot.

[17]. Ambroise-Paul-Toussaint-Jules Valéry (1871-1945): nhà thơ, triết gia nổi tiếng của Pháp.

[18]. François Michel Le Tellier, Hầu tước xứ Louvois (1641-1691), thường được gọi là Louvois. Ông là Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách chiến tranh trong triều đại của vua Louis XIV. Louvois là một trong những bộ trưởng chiến tranh vĩ đại hiếm hoi và lịch sử Pháp chỉ có thể so sánh ông với Carnot.

[19]. Lazare Carnot (1753-1823): chính trị gia, kỹ sư, và nhà toán học người Pháp, được mệnh danh là Nhà tổ chức chiến thắng trong cuộc cách mạng Pháp diễn ra trong giai đoạn 1792-1802. Cả Louvois và Carnot đều phải tổ chức quân đội theo hệ thống mới trên nền tảng là các nguyên liệu cũ. Cả hai đều là những nhà tổ chức chiến dịch quân sự tài ba và quan tâm tới đời sống vật chất của binh lính.

[20]. Hans von Seeckt (1866-1936): là một vị tướng của Đức, nhân vật trung tâm mang lại những chiến thắng cho Đức ở mặt trận phía đông trong Thế chiến I.

[21]. Augustin Alfred Joseph Paul-Boncour (1873-1972): chính trị gia người Pháp thời Đệ Tam Cộng Hòa.

[22]. Lebensraum: tiếng Đức nghĩa là “Không gian sinh tồn cho dân tộc Đức siêu việt”. Đây là chủ trương mở rộng lãnh thổ cho người Đức được phát triển từ thời Đế quốc Đức (1871-1918), sau đó trở thành một trong những mục tiêu của Đức trong Thế chiến I và là một phần quan trọng trong hệ tư tưởng của Đảng Quốc xã. Đảng Quốc xã ủng hộ chủ nghĩa bành trướng lãnh thổ để chiếm Lebensraum cho những chủng người ưu việt.

[23]. Mùa hè năm 1935, Adolf Hitler thành lập tổ chức Nghĩa vụ Lao động (Reichsarbeitsdienst – RAD) nhằm giảm thiểu tác động của tình trạng thất nghiệp đối với nền kinh tế Đức, quân sự hóa lực lượng lao động và truyền bá tư tưởng của Quốc xã vào lực lượng này. Theo chính sách này, tất cả nam thanh niên Đức trong độ tuổi 19-25 đều phải tham gia lao động công ích cho chính phủ trong sáu tháng trước khi thực hiện nghĩa vụ quân sự. Về sau, phụ nữ cũng được huy động để làm những công việc như dạy học và phục dịch trong các gia đình quan chức cấp cao của Đảng Quốc xã.

[24]. Nút thắt Gordian: đây là một thành ngữ liên quan đến Alexander Đại Đế (356-323 TCN). Theo truyền thuyết, nhà vua Gordias xứ Phrygia đã để lại một cái nút thắt được buộc rất phức tạp (nút thắt Gordian) với lời nguyện rằng ai cởi được nó sẽ làm bá chủ cả châu Âu và châu Á. Rất nhiều người đã thử nhưng không ai cởi được nút thắt này. Khi vua Alexander xứ Macedoin trên đường chinh phạt dừng chân tại Phrygia, ông cũng tìm cách cởi nút thắt này. Sau một hồi loay hoay không thành công, ông nảy ra một ý tưởng là lấy gươm cắt nó làm đôi. Lời giải bất ngờ của vua Alexander làm thần Zeus rất thích thú và đưa Alexander trở thành Đại Đế, làm chủ cả hai châu lục. Về sau, hình ảnh nút thắt Gordian dùng để chỉ những vấn đề hết sức phức tạp và nan giải.

[25]. Hermann Wilhelm Göring (hoặc Goering) (1893-1946): là chính trị gia, lãnh đạo quân sự, và thành viên chủ chốt trong Đảng Quốc xã. Trong Thế chiến I, Goering là một phi công chiến đấu xuất sắc.

[26]. Paul Reynaud (1878-1966): chính trị gia người Pháp, nổi tiếng vì các quan điểm bảo vệ tự do kinh tế và chống đối Đức.

[27]. André Léon Blum (1872-1950): chính trị gia người Pháp, ba lần làm Thủ tướng Pháp.

[28]. Pierre Laval (1883-1945): chính trị gia người Pháp, từng đứng đầu chính quyền Pháp giai đoạn 1935-1936.

[29]. Stanley Baldwin (1867-1947): chính trị gia người Anh, từng ba lần giữ chức Thủ tướng Anh.

[30]. Falange: chỉ các học thuyết và hành động của đảng phát xít Falange của Tây Ban Nha.

[31]. Léopold III (1901-1983): Vua Bỉ giai đoạn 1934-1951.

[32]. Édouard Daladier (1884-1970): chính trị gia người Pháp, giữ chức Thủ tướng Pháp giai đoạn đầu của Thế chiến II.

[33]. Hiệp ước Munich: một thỏa thuận giữa Đức, Pháp, Anh, và Italy, cho phép Đức Quốc xã sáp nhập vào lãnh thổ Đức những phần đất ở Tiệp Khắc, nơi có đa số người Đức ở. Hiệp ước này được coi là một hành động nhân nhượng bất thành trước Đức nhằm ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, bởi sau đó Hitler lấn tới thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc.

[34]. “Cuộc chiến tranh kỳ quặc”: chỉ giai đoạn tương đối yên bình trong khoảng đầu của Thế chiến II. Ngày 3 tháng Chín năm 1939, sau khi Đức Quốc xã tấn công nước đồng minh Ba Lan, Anh-Pháp tuyên chiến với Đức. Tuy nhiên, sau khi tuyên chiến, Anh-Pháp lại không có hành động quân sự đáng kể nào nhằm vào Đức và Đức đánh bại Ba Lan chỉ trong khoảng năm tuần. Ngày 10 tháng Năm năm 1940, tám tháng sau khi liên minh Anh-Pháp tuyên chiến với Đức, quân Đức tiến công vào Bỉ, Hà Lan, và Luxembourg, đặt dấu chấm hết cho giai đoạn “cuộc chiến tranh kỳ quặc”.

[35]. Cung điện Palais-Bourbon: trụ sở của quốc hội Pháp.

[36]. Duce: Thủ lĩnh, biệt danh của Mussolini.

[37]. Djibouti, Tchad: tên hai quốc gia ở châu Phi, thuộc địa của Pháp thời đó.

[38]. Nhắc đến Hiệp ước không xâm lược lẫn nhau giữa Đức và Liên bang Xô viết (còn gọi là Hiệp ước Xô-Đức, Hiệp ước Molotov-Ribbentrop, hay Hiệp ước Hitler-Stalin), được ký ngày 23 tháng Tám năm 1939 giữa Ngoại trưởng Vyacheslav Mikhailovich Molotov đại diện cho Liên Xô và Ngoại trưởng Joachim von Ribbentrop đại diện cho Đức Quốc xã. Hiệp ước này có hiệu lực cho tới khi Đức đơn phương phá vỡ khi tiến quân xâm lược Liên Xô vào ngày 22 tháng Sáu năm 1941.

[39]. Đường Saint-Dominique: nơi đặt trụ sở Bộ Quốc phòng của Pháp.

[40]. Maurice Gustave Gamelin (1872-1958): tướng Pháp, được nhớ đến vì sự kiên định bảo vệ các giá trị cộng hòa và thất bại trong việc chỉ huy quân đội Pháp trong cuộc xâm lược của Đức Quốc xã năm 1940. Ông là một vị tướng tài, được nể trọng cả ở Đức, và từng rất thành công trong Thế chiến I. Có ý kiến cho rằng thất bại của ông trong Thế chiến II là do ông vẫn vận dụng những phương pháp đã sử dụng trong Thế chiến I.

[41]. Alphonse Joseph Georges (1875-1951): tướng Pháp, là Tư lệnh mặt trận Đông Bắc giai đoạn 1939-1940. Ông là phó tướng của Gamelin song mối quan hệ giữa hai người thường xuyên căng thẳng. Khi Thế chiến II nổ ra, Gamelin và Georges cam đoan với Daladier rằng Pháp có quân đội mạnh nhất thế giới, song rốt cuộc họ lại sững sờ khi thấy mặt trận đồng minh tại Sedan bị quân Đức phá vỡ.

[42]. Hermann “Papa” Hoth (1885-1971): tướng Đức, tham chiến tại Pháp trong Thế chiến II.

[43]. Paul Ludwig Ewald von Kleist (1881-1954): Thống chế Đức trong Thế chiến II.

[44]. Một con sông lớn ở châu Âu, bắt đầu từ Pháp, chảy qua Bỉ và Hà Lan rồi đổ ra Biển Bắc.

[45]. Vùng các quốc gia thấp: chỉ vùng duyên hải phía Tây châu Âu, bao gồm chủ yếu là Hà Lan và Bỉ và vùng châu thổ thấp của các sông Rhin, Meuse, Scheldt và Ems, nơi phần lớn đất nằm dưới mực nước biển.

[46]. D2: Char D2, một loại xe tăng của Pháp được sử dụng trong giai đoạn giữa hai Thế chiến.

[47]. Renault 35, hay R35: loại xe tăng bộ binh của Pháp, được sử dụng trong Thế chiến II.

[48]. Stuka (từ tiếng Đức Sturzkampfflugzeug, nghĩa là máy bay ném bom bổ nhào): loại máy bay ném bom bổ nhào gồm hai người (một phi công và một xạ thủ phía sau) của lực lượng không quân Đức Quốc xã thời Thế chiến II.

[49]. Somua: Xe tăng kỵ binh của Pháp dùng trong Thế chiến II.

[50]. John Standish Surtees Prendergast Vereker, Viscount Gort VI (1886-1946): Thống chế Anh, nổi tiếng với lệnh yêu cầu gửi Lực lượng Viễn chinh Anh tới Pháp trong năm đầu tiên của Thế chiến II, nhưng đội quân này sau đó đã rút khỏi Dunkirk.

[51]. Maxime Weygand (1867-1965): Tư lệnh Pháp, phục vụ trong Thế chiến I và Thế chiến II. Trong cuộc xâm lược Pháp năm 1940, ban đầu Weygand chiến đấu chống lại quân Đức, nhưng sau đó đầu hàng và phần nào hợp tác với quân Đức khi phục vụ trong Chính phủ Vichy (chính phủ Pháp hợp tác với phe Trục từ tháng Bảy năm 1940 đến tháng Tám năm 1944 do Thống chế Philippe Pétain đứng đầu). Về sau, Weygand bị Đức bắt giam vì không chịu hợp tác hoàn toàn.

[52]. Túc Charles de Gaulle. Ông được phong tướng vào ngày 24 tháng Năm năm 1940, và ông giữ vị trí này suốt đời.

[53]. Victor Fortune (1883-1949): tướng lĩnh của quân đội Anh, chỉ huy Sư đoàn Bộ binh Cao nguyên Scotland trong Trận chiến nước Pháp năm 1940, sau đó bị rơi vào bẫy và buộc phải đầu hàng quân Đức vào ngày 12 tháng Sáu năm 1940.

[54]. Charles de Gaulle phản đối chuyện đầu hàng và đề xuất rằng chính phủ Pháp nên chuyển tới Bắc Phi để tiếp tục tiến hành chiến tranh từ các quốc gia thuộc địa của Pháp ở châu Phi.

[55]. Như chú thích trước.

[56]. Ferdinand Foch (1851-1929): Thống chế Pháp, hoạt động trong Thế chiến I.

[57]. Cuộc chiến Pháp – Phổ diễn ra trong giai đoạn 1870-1871, trong đó quân Phổ giành chiến thắng.

[58]. Năm 1870, Hoàng đế Napoléon III thất trận ở chiến trường Sedan và phải đầu hàng nước Phổ. Adolphe Thiers lên làm thủ tướng của Chính phủ Pháp đã ký các điều khoản hòa ước với Phổ. Không chấp nhận hòa ước, nhân dân Paris đã đứng lên phản đối và thành lập Công xã. Tuy nhiên, Công xã chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn rồi bị quân đội của chính phủ Thiers đàn áp.

[59]. Nước nặng: là thành phần hóa học có thể dùng để sản xuất vũ khí hạt nhân. Trong Thế chiến II, Đức Quốc xã có dự án lấy nước nặng để sản xuất vũ khí hạt nhân.

[60]. Dakar: thủ đô Senegal, Tây Phi.

[61]. Georges Vanier (1888-1967): Đại sứ Anh và Canada.

[62]. René Mayer (1895-1972): chính trị gia cấp tiến người Pháp, sau này trở thành một bộ trưởng của Tướng de Gaulle tại Alger. Về sau, ông trở thành Thủ tướng của Đệ tứ Cộng hòa Pháp.

[63]. Sau khi Pháp đầu hàng Đức, số phận hải quân Pháp chưa được định đoạt. Phần lớn các thiết giáp hạm của Pháp lúc này đang neo đậu ở căn cứ Mers-el-Kébir, Algérie. Trước tình hình đó, Hải quân Hoàng gia Anh quyết định can thiệp và nổ súng vào căn cứ này, gây nên những thiệt hại nặng nề về người và của cho Pháp.

[64]. Spaak, Zaleski: Bộ trưởng Ngoại giao của Bỉ và Ba Lan khi đó.

[65]. Défense contre avions: Lực lượng phòng thủ chống máy bay

[66]. BCRA là viết tắt của Cơ quan tình báo và hành động trung ương.

[67]. Chương trình Lend-Lease (Vay-Mượn): một chương trình được Mỹ thực hiện từ năm 1941 đến 1945. Chương trình này cung cấp các nhu yếu phẩm, đạn dược, phương tiện vận tải và tiền mặt cho các quốc gia Đồng minh tham chiến trong Thế chiến II.

[68]. Chỉ những nhà vua Iraq và Transjordanie thuộc triều đại Hussein mà Lawrence d'Arabie đã ủng hộ.

Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1

CÁI DỐC

CHƯƠNG 2

SỤP ĐỔ

CHƯƠNG 3

NƯỚC PHÁP TỰ DO

CHƯƠNG 4

CHÂU PHI

CHƯƠNG 5

LONDON

CHƯƠNG 6

TRUNG ĐÔNG

CHƯƠNG 7

ĐỒNG MINH

CHƯƠNG 8

NƯỚC PHÁP CHIẾN ĐẤU